LỜI DẪN

Thiền tông Việt Nam luôn là mạch sống tuôn chảy trong lòng Phật giáo và dân tộc suốt từ thế kỷ thứ VI đến nay. Có lúc mạnh mẽ tuôn tràn giữa ngàn hoa đô hội, có lúc len lỏi âm thầm trong núi sâu rừng thẳm, ung dung thoát tục, khuất tịch tiêu sái. Tuy nhiên, mạch sống thiền xưa nay vẫn như vậy, không đến không đi, là dòng sinh mệnh muôn thuở của những bậc thức tâm đạt bổn.

Hòa thượng tôn sư thượng Thanh hạ Từ khi mới vào đạo cho đến hôm nay đã lấy thiền làm mạng sống, nuôi dưỡng công phu qua những giai đoạn hành thiền nghiêm cẩn. Cuối cùng ngài thấu tỏ được lời Phật ý Tổ bằng chính sự nỗ lực không ngừng. Dòng thiền Việt Nam sau gần bảy trăm năm đi vào quên lãng, đã được Hòa thượng thắp sáng trở lại. Ngài nói:

"Thiền tông là cốt tủy của Phật giáo. Bởi vì muốn chỉ chân lý hiện hữu nơi con người, song ngại người ta khinh thường và dễ quên, nên kinh điển Đại thừa nói bằng cách diễn giảng những hình ảnh thâm sâu khó hiểu, còn thiền sư dùng thuật xuất quỷ nhập thần khiến người ta mờ mịt không có lối vào. Nếu ai tháo gỡ được cây chốt bí mật ấy, tự nhiên thấy nó chân thật bình dị vô cùng. Chừng đó mới thấy Kinh và Thiền không có hai lối. Tuy nhiên Thiền tông luôn luôn tuyên bố Giáo ngoại biệt truyền, cốt dẫn hành giả thấy đến nơi sống chân thật, không mắc kẹt trên văn tự ngữ ngôn, không chết chìm trong suy tư lý luận. Nếu Thiền tông khác với kinh Phật tức không phải đạo Phật rồi. Chính vì lẽ đó, Thiền và Kinh luôn song hành để đưa hành giả đến nơi rốt ráo chân thật."

Những năm theo học tại Phật học đường Nam Việt chùa Ấn Quang, Hòa thượng là người siêng năng cần mẫn toàn tâm duyệt tạng. Tuy nhiên chỉ thú kinh điển Đại thừa đối với ngài lúc bấy giờ thật xa xôi diệu vợi. Về sau, nhân duyên được một Phật tử cúng dường Đại tạng, Hòa thượng xem đây là linh hồn của ngài trên khắp mọi nẻo đường tu học cũng như hành đạo. Khi về Phương Bối am, đây là thời gian tốt nhất để ngài vừa tu thiền vừa nghiên cứu kinh điển và dịch thuật. Giáo nghĩa Đại thừa và Thiền tông dần dần sáng tỏ. Các tác phẩm, dịch phẩm của Hòa thượng ra đời như: Tham Thiền Yếu Chỉ, Tọa Thiền Dụng Tâm Ký, Tọa Thiền Tam-muội v.v... đã mở đầu cho sự nghiệp văn học thiền của ngài.

Rời Phương Bối về Huệ Nghiêm, Hòa thượng tiếp tục con đường hoằng pháp lợi sanh và luôn giữ hoài bão tu thiền mãnh liệt. Đến năm 1966, Hòa thượng về Núi Lớn - Vũng Tàu, dựng Pháp Lạc thất chuyên tâm tu thiền. Đại duyên đại chí khởi phát, cánh cửa Không mở toang, con đường thiền rực sáng, toàn bộ giáo nghĩa Thiền tông hoát nhiên thông thống. Hòa thượng thống khoái chống gậy xuống núi, dựng pháp tràng lập tông chỉ, tiếp tăng độ chúng.

Thiền viện Chơn Không ra đời. Con đường thiền giáo đồng hành được Hòa thượng mở ra hướng dẫn cho tăng ni Phật tử hữu duyên. Vừa hành thiền, vừa dịch thuật, vừa giảng dạy, ngài đã thật sự làm sống dậy dòng thiền Việt Nam vào cuối thế kỷ XX. Nhiều tác phẩm, dịch phẩm thiền tiếp tục xuất hiện như: Xuân Trong Cửa Thiền, Bát-nhã Tâm Kinh, Nguồn Thiền, Luận Tối Thượng Thừa, Thiền Căn Bản, Thiền Đốn Ngộ, Sử 33 Vị Tổ Ấn Hoa, Thiền Sư Trung Hoa, Bích Nham Lục v.v... lần lượt ra đời, đáp ứng nhu cầu tu thiền của tăng ni Phật tử ngày càng đông.

Năm 1974, thiền viện Thường Chiếu ra đời, Thiền tông Việt Nam bước sang một bước ngoặt mới. Tu học và lao động trở thành phương châm sống của thiền sinh. Tuy khó khăn kham khổ mà thầy trò vẫn tươi vui, tin tưởng. Cuộc sống được khai hoang từ những mảnh đất khô cằn vụn vỡ. Đó chính là sức sống thiền, tuôn chảy từ trong nguồn tâm sâu thẳm của sự tỉnh thức an nhiên. Pháp hóa của Hòa thượng cứ thế lan tỏa vào đời,

Thường Chiếu trở thành tổ đình truyền bá Thiền tông Việt Nam. Cuối đông 1991 Hòa thượng cho ra đời tác phẩm Thiền Tông Việt Nam Cuối Thế Kỷ XX, nói lên con đường tu tập của dòng thiền Chơn Không - Thường Chiếu. Kinh sách của Hòa thượng đã trở thành cẩm nang cho hành giả tu thiền Việt Nam: Nguồn An Lạc, Hoa Vô Ưu, Quy Sơn Cảnh Sách, Bát Đại Nhân Giác, Thập Nhị Môn Luận, Kim Cang, Viên Giác, Pháp Hoa, Pháp Bảo Đàn, Lăng-già, Trung Quán, Thiền Sư Việt Nam v.v... đã được tăng ni Phật tử đọc tụng hành trì dưới sự giảng giải cặn kẽ của Hòa thượng.

Năm 1993, thiền viện Trúc Lâm ra đời, đây là đỉnh cao của hành trình khôi phục dòng thiền nước Việt. Thiền tông Việt Nam phát triển rực rỡ. Lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam, tất cả các nghi thức tụng niệm và hành lễ đều được Việt hóa hoàn toàn tại thiền viện Trúc Lâm, cũng như các thiền viện trực thuộc dòng thiền của Hòa thượng. Những tác phẩm ra đời tại thiền viện Trúc Lâm như: Phụng Hoàng Cảnh Sách, Tiến Thẳng Vào Thiền Tông, Khóa Hư Lục, Tham Đồ Hiển Quyết và Thi Tụng Các Thiền Sư Đời Lý, Mười Bức Tranh Chăn Trâu, Thiền Tông Bản Hạnh, Kiến Tánh Thành Phật, Thánh Đăng Lục, Tam Tổ Trúc Lâm v.v... Có thể nói sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh và sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã cống hiến cho Phật giáo Việt Nam một kho tàng trí tuệ quý báu vô lượng.

Năm 1997, Ban Văn Hóa Thường Chiếu ra đời dưới sự chủ trì của ngài. Tăng ni hàng môn hạ vâng theo sự

chỉ giáo của Hòa thượng ân sư, cùng nhau biên tập lại toàn bộ tác phẩm, dịch phẩm của ngài trong suốt những chặng đường hoằng truyền chánh pháp mà Hòa thượng đã tâm tâm niệm niệm vì đạo pháp vì chúng sanh. Sự nghiệp văn học của ngài được gầy dựng từ khi còn là tăng sĩ trẻ cho đến những năm gần cuối đời thật không gì có thể sánh nổi. Bởi vì ở đó là kho tàng vô giá của trí tuệ và công phu, những kinh nghiệm tu tập quý báu của một bậc thầy lớn, một thiền sư, một chân tăng thật tu thật ngộ.

Không kể đến những công trình dịch thuật, sáng tác, thi kệ về thiền tông, không kể đến những tác phẩm giảng giải thâm thúy bình dị, không kể đến những năm tháng miệt mài bên những trang giáo án dành cho tăng ni tứ chúng... Sáng giá nhất là toàn bộ cuộc đời tu tập và hành đạo của ngài. Đây mới chính là tác phẩm vô giá trong sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng. Văn là người. Mượn đầu bút xoay chuyển dòng nghiệp thức muôn đời, giúp chúng sanh chuyển mê khai ngộ, mang hạnh nguyện tự lợi lợi tha đi vào đời, cho nên toàn bộ tác phẩm của Hòa thượng cũng chính là con người của ngài. Một ngôi sao sáng trong văn học thiền Việt Nam cuối thế kỷ XX, đầu thế kỷ XXI. Ở đó ánh lên những chất vị cao đẹp tinh khiết mà đậm đà dễ gần dễ đến của một thiền sư Việt Nam: chân chất, bình dị, trí tuệ và tròn đầy bi mẫn.

Có thể nói sự nghiệp văn học thiền của Hòa thượng đã đóng góp cho nền văn học Phật giáo Việt Nam nói chung và nền văn học Thiền tông Việt Nam nói riêng

một kho báu trí tuệ và kinh nghiệm tu tập vô cùng quý giá. Tăng ni Phật tử Việt Nam không thể nào nói hết lòng cảm kích tri ân đối với ngài. Thông qua kinh sách và băng giảng của Hòa thượng, người sau có thể lần mò theo dấu vết người trước, nhận được nguồn sống tâm linh của một bậc chân tăng, một thiền sư Việt Nam vào thế kỷ XXI. Từ đó noi theo tu tập ngõ hầu thành tựu sự nghiệp giác ngộ giải thoát cho chính mình.

Bên cạnh con đường thực chứng tâm linh, hoằng pháp và văn hóa là sự nghiệp độ sanh sáng chói nhất của Hòa thượng. Đây là niềm vinh hạnh và là tấm gương sáng cho tăng ni Phật tử Việt Nam. Muốn giữ gìn và rộng truyền công đức của ngài, quả là một việc làm quá sức đối với hàng đệ tử thô tâm thiển trí. Song không thể để cho pháp bảo vô giá và một đời giáo hóa của thầy tổ bị mai một, chúng tôi đã chẳng ngại tài hèn sức mọn, công phu kém cỏi, cùng nhau tận tâm tận lực biên tập và hệ thống lại toàn bộ kinh sách của Hòa thượng ân sư. Hy vọng bộ Thanh Từ Toàn Tập tái bản lần này sẽ đầy đủ và hoàn chỉnh hơn bộ Thanh Từ Toàn Tập đầu tiên đã ra mắt độc giả vào năm 2002.

Việc làm này nếu không có sự gia trì của Tam bảo, sự chỉ đạo của Hòa thượng ân sư, sự nhất tâm hòa hợp của chư huynh đệ, sự phát tâm hỷ cúng tài lực của mười phương tín thí, có lẽ Phật sự này khó có thể thành tựu. Tất cả đều vì xiển dương chánh pháp, xiển dương Thiền tông Việt Nam, vì hết lòng tưởng nhớ công ơn giáo dưỡng của thầy tổ, mà hướng tâm về pháp bảo, mong phần nào

đền đáp thâm ân rộng sâu của Ân sư, thực hiện hoài bão của thầy tổ, tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.

Công đức có được chúng tôi xin dâng lên cúng dường Hòa thượng ân sư, nguyện ngài sống lâu nơi đời, là nơi nương tựa tâm linh cho tăng ni tứ chúng trên con đường tu học cho tới ngày viên mãn. Đồng nguyện hồi hướng về pháp giới chúng sanh chuyển mê khai ngộ, tịnh hóa thân tâm, mỗi mỗi đều được hàm triêm lợi lạc.

Chúng con xin thành tâm đê đầu đảnh lễ sám hối Thầy, vì những lỗi lầm sai sót trong khi chấp bút biên tập lại kinh sách và băng giảng của Thầy, vì sự hạn chế về trí tuệ cũng như công phu tu tập của chúng đệ tử. Chúng con cùng nguyện theo chân Thầy học đạo cho tới ngày thành tựu giác ngộ viên mãn mới thôi.

Xin được cảm kích tri ân các pháp hữu hoan hỷ chỉ bảo cho những sai sót khó tránh khỏi của bộ sách. Sau cùng xin cảm niệm công đức tất cả quý Phật tử gần xa đã tùy tâm ủng hộ cho Phật sự in ấn bộ Thanh Từ Toàn Tập được thành tựu viên mãn.

Thiền viện Thường Chiếu, ngày 12-12-2012

TM. BAN VĂN HÓA THƯỜNG CHIẾU

THÍCH NHẬT QUANG

KINH DUY-MA-CẬT

GIẢNG GIẢI

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ KINH

Trước khi giảng bộ kinh này, tôi nói sơ qua một vài đặc điểm.

I- PHIÊN DỊCH

Lược khảo bản kinh này chia ra ba phần: Phần dịch Phạn-Hán, phần sớ giải và phần dịch Hán-Việt.

1. Dịch Phạn - Hán

Theo lời giải thích của ngài Trí Giả đại sư, quyển kinh này có năm nhà dịch, nhưng hiện nay trong Hán tạng chúng ta chỉ thấy có ba bản dịch, còn hai bản khác đã thất truyền. Ba nhà dịch đó là:

- Ngài Chi Khiêm đời Ngô, dịch là Phật Thuyết Duy-ma-cật Kinh, hai quyển.

- Ngài Cưu-ma-la-thập đời Diêu Tần, dịch là Duy-ma-cật Sở Thuyết Kinh, còn gọi là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh, ba quyển.

- Ngài Huyền Trang đời Đường, dịch là Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh, sáu quyển.

2. Phần sớ giải

Ở Trung Hoa có tám nhà sớ giải:

- Ngài Trí Khải để tên là Duy-ma Kinh Huyền Sớ, sáu quyển.

- Ngài Trạm Nhiên để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ, mười quyển.

- Ngài Trí Viên để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ Thùy Dụ Ký, mười quyển.

- Ngài Cát Tạng để tên là Tịnh Danh Huyền Luận, tám quyển; và Duy-ma Kinh Nghĩa Sớ, sáu quyển.

- Ngài Khuy Cơ để tên là Thuyết Vô Cấu Xưng Kinh Sớ, sáu quyển.

- Ngài Tăng Triệu chú để tên là Chú Duy-ma-cật Kinh, mười quyển.

- Ngài Huệ Viễn để tên là Duy-ma Nghĩa Sớ, bốn quyển.

- Gần đây nhất là ngài Thế Viên, để tên là Duy-ma Kinh Lược Sớ hay Lược Giải.

3. Dịch Hán - Việt

Có ba vị:

- Hòa thượng Huệ Hưng, dịch in vào năm 1951.

- Ông Đoàn Trung Còn.

- Sư bà Diệu Không.

Bộ kinh chúng ta học ở đây là bản do ngài Cưu-ma-la-thập dịch, gồm ba quyển, mười bốn phẩm. Mục đích kinh này giải thích về cõi Tịnh độ của Bồ-tát hay tịnh Phật quốc độ. Nghĩa là làm sao thanh tịnh tự tâm và giáo hóa chúng sanh được thanh tịnh thì cõi nước mới thanh tịnh. Đó là trang nghiêm tịnh độ, chứ không phải bỏ cõi Ta-bà để cầu sanh nơi khác. Vậy tịnh độ của kinh Duy-ma-cật là tịnh độ của tự tâm, tịnh độ của Kinh A-di-đà là tịnh độ căn cứ trên quả của Phật đã chứng, đã nguyện.

II- XUẤT XỨ

Vì lòng từ bi bình đẳng của Phật cho nên bộ kinh này ra đời. Ban đầu, chỉ có những người xuất gia tu học theo giáo pháp của đức Phật mới được giải thoát sanh tử chứng A-la-hán, còn hàng cư sĩ tối đa chỉ chứng quả A-na-hàm. Như vậy muốn giải thoát sanh tử phải xuất gia, nếu tại gia tu chỉ là nhân tốt để đời sau tiếp tục tu. Cho nên đã bao thế kỷ qua, từ lúc đức Phật còn tại thế đến nay, người phát tâm tu muốn được giải thoát đều tìm cầu xuất gia. Tuy vậy, người xuất gia dù có nhiều chăng nữa cũng chỉ là số ít, nếu chỉ có một ít phần được giải thoát sanh tử còn đa số không được, tức là số người tu đạt đạo ngày càng bị hạn chế. Thế nên kinh Duy-ma-cật ra đời để nâng cao tinh thần của người cư sĩ tại gia. Nếu cư sĩ tại gia cũng có khả năng tu đạt đạo siêu việt, điều này cho thấy chánh pháp hay giáo lý Phật dạy đem lợi ích khắp mọi tầng lớp, chứ không chỉ dành riêng cho giới xuất gia.

Có một số nhà khảo cứu về lịch sử, thấy từ trước đến nay chỉ có hàng xuất gia đạt đạo chứng quả mà chưa ai nói đến cư sĩ chứng quả cao, bằng và hơn những người xuất gia. Nhưng đến khi kinh Duy-ma-cật ra đời, lại thấy một vị cư sĩ siêu xuất hơn cả người xuất gia nữa. Như vậy đó là một cuộc cách mạng để nâng cao giới cư sĩ, chứ không theo nếp cũ chỉ có người xuất gia mới đạt đạo, giải thoát tự tại v.v...

III- GIẢI THÍCH TÊN KINH

Quyển kinh chúng ta học là do ngài Cưu-ma-la-thập dịch. Tuy ba nhà dịch đều nổi tiếng, nhất là ngài Huyền Trang, nhưng đối chiếu lại từ trước đến nay, hầu hết những nhà học Phật đều lấy bản dịch của ngài Cưu-ma-la-thập làm định bản, tức là bản quyết định. Bản của ngài Cưu-ma-la-thập có hai tên, là Duy-ma-cật Sở Thuyết Kinh hay Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh.

Duy-ma-cật Sở Thuyết Kinh

Duy-ma-cật (Vimalakīrti) là chữ Phạn. Trung Hoa dịch là Tịnh Danh, cũng dịch là Vô Cấu, là tên một vị cư sĩ. Tịnh Danh, Tịnh là trong sạch, Danh là tên, tên trong sạch thì vô nghĩa, nhưng ở đây danh không có nghĩa là tên, mà là danh trong danh sắc của mười hai nhân duyên. Danh là tinh thần, là tâm; sắc là vật chất. Tịnh Danh nghĩa là tâm thanh tịnh hay tâm trong sạch. Cư sĩ Duy-ma-cật là trưởng giả giàu có, thê thiếp, tiền bạc, tôi tớ đầy đủ mà không dính mắc trong danh lợi tài sắc, đó là tâm ông trong sạch, vì vậy gọi

là Tịnh Danh. Vô Cấu là không nhơ tức trong sạch, cho nên hai chữ Tịnh Danh và Vô Cấu nghĩa không khác nhau. Kinh này do cư sĩ Duy-ma-cật nói ra nên có tên là Duy-ma-cật Sở Thuyết.

Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Kinh

Bất khả tư nghì giải thoát, nghĩa là sự giải thoát không thể nghĩ bàn. Như có người muốn dứt hết những nhiễm ô trần tục, nên khi đang giàu có sang trọng, họ bỏ hết tất cả sự nghiệp tài sản, vợ đẹp con yêu để xuất gia. Vào chùa một bề tu hành thanh tịnh, không còn nghĩ tưởng, dính mắc những dục lạc thế gian nữa, những vị đó được giải thoát thì dễ hiểu. Ngược lại, cư sĩ Duy-ma-cật là trưởng giả, vợ con tiền của đầy đủ, mà nói giải thoát thì thật khó tin. Chính vì ở trong cảnh đầy dẫy những nhiễm ô, lại không dính mắc mà còn làm tất cả Phật sự không chướng ngại, thì sự giải thoát đó không thể nghĩ bàn, thế nên gọi là *giải thoát bất khả tư nghì*. Đây chỉ nói đơn giản nhưng là phần chính yếu của ý nghĩa bộ kinh.

Ngoài ra, kinh Duy-ma-cật là bộ kinh liên hệ rất nhiều đến Thiền tông, thiền sư Huyền Giác do nghiên cứu kinh Duy-ma-cật mà giác ngộ. Một hôm ngài gặp và nói chuyện với thiền sư Huyền Sách, nhận thấy chỗ hiểu của ngài đúng với chư tổ, Huyền Sách mới khuyên ngài đến chỗ Lục Tổ để cầu ấn chứng. Qua lời đối đáp, ngài được Lục Tổ ấn chứng. Như vậy chúng ta thấy ngài ngộ từ kinh Duy-ma-cật, nên kinh này có ảnh hưởng rất lớn trong giới tu thiền.

IV- NỘI DUNG KINH

Trong những bộ kinh, phẩm đầu là phẩm Tự tức là lời tựa. Nhưng ở đây phẩm đầu là phẩm Phật Quốc. Bởi vì trong toàn bộ kinh Duy-ma-cật, chủ đích là *thanh tịnh cõi Phật*. Muốn thanh tịnh cõi Phật thì phải y cứ nơi tâm chúng sanh. Cõi Phật thanh tịnh là quả, tâm chúng sanh là nhân. Có tâm thanh tịnh mới có cõi Phật thanh tịnh. Như vậy phẩm Phật Quốc là phần tổng quát cho toàn bộ kinh, nên không có phẩm Tựa.

KINH DUY-MA-CẬT
GIẢNG GIẢI

I- PHẨM PHẬT QUỐC

Chánh văn:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở thành Tỳ-da-ly, vườn cây am-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn người chung hội, Bồ-tát có ba muôn hai ngàn vị là những bậc có tiếng tăm, đại trí bản hạnh thảy đều thành tựu. Do oai thần của chư Phật mà dựng lập nên, là thành để hộ pháp và thọ trì chánh pháp. Các vị Bồ-tát đó hay rống tiếng rống sư tử, danh tiếng đồn đãi khắp mười phương. Các ngài làm bạn không đợi chúng thỉnh, đến để an ủi họ. Và nối tiếp Tam bảo, hay khiến không đoạn dứt. Hàng phục các ma quái và chế ngự chúng ngoại đạo.

Các ngài đều đã thanh tịnh, hằng lìa triền cái. Tâm thường an trụ trong vô ngại giải thoát. Nào là niệm, định, tổng trì, biện tài không dứt. Nào là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện thảy đều đầy đủ, đều không sở đắc, không khởi pháp nhẫn.

Đã hay tùy thuận chuyển bánh xe bất thối. Khéo hiểu pháp tướng, biết được căn cơ của chúng sanh. Che chở các đại chúng được vô sở úy, dùng công đức trí tuệ để tu tâm, lấy tướng hảo để trang nghiêm sắc thân làm đệ nhất, xả bỏ hết các đồ trang sức ở thế gian.

Danh tiếng của các ngài cao xa, vượt cả núi Tu-di. Lòng tin vững chắc như kim cương. Pháp bảo này soi khắp như mưa nước cam lồ. Ở trong chúng nói pháp vi diệu đệ nhất. Các ngài thâm nhập được lý duyên khởi và đoạn các tà kiến, không dính mắc hai bên có không và không còn những tập khí thừa. Diễn pháp không sợ, như sư tử rống, những lời của các ngài giảng nói ra như tiếng sấm vang, không có lượng và đã quá hạn lượng.

Nhóm họp các pháp bảo, như hải đạo sư, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp. Khéo biết chỗ qua lại và tâm sở hành của chúng sanh. Gần bậc Phật vô đẳng đẳng, tự tại tuệ, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng. Các vị Bồ-tát này đã đóng cửa tất cả các đường ác mà sanh trong ngũ thú để hiện thân kia.

Các ngài là vua thầy thuốc, khéo trị lành bệnh cho chúng sanh, hợp với bệnh cho thuốc, khiến đều được lành bệnh. Các ngài vô lượng công đức thảy đều thành tựu, vô lượng cõi Phật thảy đều trang nghiêm thanh tịnh. Ai thấy hay nghe được các ngài đều có lợi ích. Những việc làm của các ngài đều không luống uổng. Như thế tất cả công đức thảy đều đầy đủ.

Tên của các ngài là Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Huệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Quỷ, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sanh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế,

Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử... Như thế ba muôn hai ngàn vị.

Lại có muôn vị Phạm thiên, Phạm thiên vương, Thi Khí... từ ở tứ thiên hạ khác đến chỗ Phật để nghe pháp. Lại có một muôn hai ngàn thiên đế cũng từ ở tứ thiên hạ khác đến, ngồi ở trong hội. Cùng những vị chư thiên đại oai lực, long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già... thảy đến ngồi trong hội. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến ngồi ở trong hội.

Bấy giờ Phật cùng vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh mà vì họ nói pháp, ví như núi chúa Tu-di hiển hiện trong biển cả, ngài ngồi yên trên tòa báu sư tử che trùm khắp cả đại chúng.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly có ông trưởng giả tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả đều mang lọng bảy báu đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, mỗi vị lấy lọng của mình dâng lên cúng dường Phật. Phật dùng oai lực khiến cho các lọng báu hợp lại thành một cái, che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, mà những tướng của thế giới rộng lớn này thảy đều hiện ở trong đó. Lại có các núi Tu-di, núi Vân, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Bảo, núi Kim, núi Hắc, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, biển cả sông ngòi, các dòng suối và mặt trời mặt trăng,

tinh tú, thiên cung, long cung, cung của các vị tôn thần ở tam thiên đại thiên thế giới này, thảy đều hiện trong cái lọng báu ấy. Lại chư Phật ở mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng đều hiện ở trong lọng báu ấy.

Khi ấy tất cả đại chúng xem thấy thần lực của Phật liền tán thán là điều chưa từng có, đều chắp tay lễ Phật, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề rời. Bấy giờ trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Phật làm bài tụng để tán thán:

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh,
Tâm tịnh vượt qua các thiền định;
Tịnh nghiệp lâu đời chẳng kể xiết,
Dùng tịch dẫn chúng nên cúi lạy.

Đã thấy Đại thánh dùng thần biến,
Khắp hiện mười phương vô lượng cõi;
Trong đấy chư Phật diễn nói pháp,
Nơi đây tất cả đều thấy nghe.

Pháp lực của Phật vượt quần sanh,
Thường dùng pháp tài thí tất cả;
Hay khéo phân biệt tướng các pháp,
Nơi nghĩa đệ nhất mà không động;
Đối với các pháp được tự tại,
Nên con cúi đầu lễ Pháp vương.

Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,
Do nhân duyên nên các pháp sanh;
Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,
Mà nghiệp thiện ác cũng không mất.

Trước sức hàng ma nơi Phật thọ,
Được cam lồ diệt, thành đạo giác;
Đã không tâm ý không thọ hành,
Mà đều hàng phục các ngoại đạo.

Ba phen chuyển pháp cõi đại thiên,
Pháp ấy xưa nay thường thanh tịnh;
Trời người đắc đạo đó là chứng,
Tam bảo bấy giờ hiện thế gian.

Dùng pháp mầu này độ chúng sanh,
Thọ rồi không lui, thường vắng lặng;
Khỏi già bệnh chết đấng Y vương,
Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.

Khen chê chẳng động như Tu-di,
Lòng từ chan rải kẻ lành dữ;
Tâm hạnh bình đẳng như hư không,
Nghe đấng Nhân bảo, ai chẳng kính.

Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này,
Cõi tam thiên con hiện trong đó;
Thiên cung, long, thần... đều nương ở,

Càn-thát-bà cùng với dạ-xoa;
Mọi vật trong đời đều thấy rõ,
Phật thương hiện ra biến hóa này;
Thấy việc hy hữu chúng khen Phật,
Con nay lễ đấng Tam giới tôn.

Đại thánh Pháp vương chúng quy ngưỡng,
Tâm tịnh quán Phật thảy vui vẻ;
Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh tùy loại, thảy được hiểu;
Đều bảo Thế Tôn đồng tiếng mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng;
Khắp được thọ hành đều lợi ích,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng;
Hoặc sanh nhàm lìa hoặc dứt nghi,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Kính lễ thập lực đại tinh tấn,
Kính lễ bậc được vô sở úy;

Kính lễ bậc trụ Pháp bất cộng,
Kính lễ tất cả Đại đạo sư;
Kính lễ hay đoạn các kiết phược,
Kính lễ bậc đã đến bờ kia;
Kính lễ hay độ các thế gian,
Kính lễ hằng lìa đường sanh tử.

Thảy biết chúng sanh tướng qua lại,
Khéo nơi các pháp được giải thoát;
Không chấp thế gian như hoa sen,
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch;
Đạt các pháp tướng không quái ngại,
Lễ đấng không nương tợ hư không.

Khi ấy ông trưởng giả Bảo Tích nói kệ này rồi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm ông trưởng giả này đều đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mong được nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn nói hạnh của các vị Bồ-tát ở cõi Phật thanh tịnh.

Phật bảo:

- Lành thay! Bảo Tích, mới hay vì chư Bồ-tát mà hỏi hạnh của Như Lai ở cõi tịnh. Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bảo Tích và năm trăm ông trưởng giả vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật bảo:

- Bảo Tích, những loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát. Vì cớ sao? Bồ-tát tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chỗ điều phục chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào vào được trí tuệ Phật mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ-tát mà nhận lấy cõi Phật. Vì cớ sao? Bồ-tát nhận lấy cõi tịnh độ, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Ví như có người muốn nơi chỗ đất trống xây dựng nhà cửa lâu đài, tùy ý không trở ngại. Nếu ở trong hư không thì trọn không thể xây dựng được. Bồ-tát cũng như thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện nhận lấy cõi Phật, nguyện nhận lấy cõi Phật chẳng phải là nguyện suông.

Bảo Tích nên biết! Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh không dua nịnh được sanh về cõi nước kia.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào đầy đủ công đức mới được sanh về cõi nước kia.

Bồ-đề tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào phát tâm Đại thừa sẽ được sanh vào cõi nước đó.

Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh hay xả bỏ tất cả được sanh về cõi nước kia.

Trì giới là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào thực hành mười điều thiện, hạnh nguyện đầy đủ, sẽ được sanh về cõi nước kia.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt sẽ sanh về cõi nước kia.

Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh siêng năng tinh tấn đầy đủ công đức thì sanh về cõi nước kia.

Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nhiếp tâm không loạn thì được sanh về cõi nước kia.

Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh chánh định thì được sanh về cõi nước kia.

Tứ vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sẽ được sanh về cõi nước kia.

Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi nước kia.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh đối tất cả pháp khéo phương tiện không ngăn ngại thì được sanh về cõi nước kia.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh được niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác chi, bát chánh đạo, được sanh về cõi kia.

Hồi hướng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật.

Nói trừ tám nạn ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và tám nạn.

Tự giữ giới hạnh chẳng có chê bai khuyết điểm của người khác, ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì cõi nước không có danh từ phạm giới.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì những chúng sanh mạng không bị chết yểu, giàu có, Phạm hạnh, nói ra những lời chân thật, thường nói lời nhỏ nhẹ, quyến thuộc không chia lìa, khéo điều hòa các sự thưa kiện, nói ra đều lợi ích cho người, không tật đố, không nóng giận, được chánh kiến sẽ được sanh về cõi nước kia.

Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng kia thì hay phát hạnh. Tùy phát hạnh đó liền được thâm tâm. Tùy thâm tâm kia ắt ý được điều phục. Tùy tâm ý điều phục ắt là được việc làm như lời nói. Khi lời nói việc làm đi đôi, mới hay hồi hướng. Tùy hồi hướng đó mà tiến tới phương tiện.

Tùy phương tiện ắt thành tựu chúng sanh. Tùy thành tựu chúng sanh ắt được cõi Phật thanh tịnh. Tùy cõi Phật thanh tịnh ắt nói pháp được thanh tịnh. Tùy nói pháp thanh tịnh đó thì trí tuệ thanh tịnh. Tùy trí tuệ thanh tịnh, tâm được thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh ắt tất cả công đức được thanh tịnh.

Thế nên Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn được cõi tịnh độ phải tịnh tâm kia. Tùy tâm kia tịnh thì cõi Phật tịnh.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật, khởi nghĩ thế này: "Nếu tâm của Bồ-tát thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, đức Thế Tôn của ta ngày xưa khi làm Bồ-tát, ý đâu chẳng thanh tịnh, mà cõi Phật này bất tịnh như thế ấy?"

Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất, liền bảo ngài rằng:

- Ý ông nghĩ sao, mặt trời mặt trăng há chẳng sáng ư, mà người mù không thể thấy?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Lỗi là tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng.

Phật bảo:

- Xá-lợi-phất! Vì chúng sanh tội chướng không thấy được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của

Như Lai, chẳng phải lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất, cõi nước này của ta thanh tịnh mà ông không thấy.

Khi đó Phạm vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Chớ khởi nghĩ cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì cớ sao? Tôi thấy cõi Phật thanh tịnh của đức Thích-ca-mâu-ni ví như là cung của vua trời Tự Tại vậy.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi thấy cõi này gò nổng hầm hố, gai góc cát sỏi, đất đá núi non, nhơ nhớp dẫy đầy.

Phạm vương Loa Kế mới nói:

- Tâm nhân giả có cao thấp, không nương nơi trí tuệ Phật, cho nên thấy cõi này ô uế như vậy. Thưa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh thảy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh nương nơi trí tuệ Phật, hay thấy cõi Phật thanh tịnh.

Bấy giờ Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, liền khi đó tam thiên đại thiên thế giới, bao nhiêu trăm ngàn trân bảo trang sức, ví như là cõi nước Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng khen ngợi việc chưa từng có và đều tự thấy đang ngồi trên tòa sen báu. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy xem, cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe, nay cõi nước Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế, nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt, nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư thiên cùng một bát báu đựng thức ăn, tùy phước đức của những người kia mà sắc cơm trong bát có sai khác. Như thế Xá-lợi-phất, nếu người tâm tịnh sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Ngay khi đức Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, năm trăm trưởng giả do ngài Bảo Tích dẫn theo đều được Vô sanh pháp nhẫn, tám muôn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nhiếp thần túc, khi ấy thế giới trở lại như cũ. Ba muôn hai ngàn chư thiên và những người cầu Thanh văn thừa, đều biết pháp hữu vi thảy đều vô thường, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp, lậu tận ý giải.

Giảng:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Phật ở thành Tỳ-da-ly, vườn cây am-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo tám ngàn người chung hội, Bồ-tát có ba muôn hai ngàn vị là những bậc có tiếng tăm, đại trí bản hạnh thảy đều thành tựu. Do oai thần của chư Phật mà dựng lập nên, là thành để hộ pháp và thọ trì chánh pháp. Các vị Bồ-tát đó hay rống tiếng rống sư tử, danh tiếng đồn đãi khắp mười phương. Các ngài làm bạn không đợi chúng thỉnh, đến để an ủi họ. Và nối tiếp Tam bảo, hay khiến không đoạn dứt. Hàng phục các ma quái và chế ngự chúng ngoại đạo.

Đây là tán thán công đức của ba muôn hai ngàn vị Bồ-tát có mặt trong hội. Thường trong những thời Phật thuyết pháp có một ngàn hai trăm năm mươi vị Tỳ-kheo câu hội, ở đây có tám ngàn đại Tỳ-kheo mà không nêu tên, chỉ kể và đề cao các vị Bồ-tát. Đó là đặc điểm của bộ kinh. Những vị Bồ-tát này tất cả thiên hạ ai cũng nghe cũng biết, là những bậc trí tuệ rộng lớn và công hạnh đều đã thành tựu. Các ngài đã được chư Phật lâu đời dựng lập nên. Các vị Bồ-tát này là thành hộ pháp tức ủng hộ chánh pháp, và cũng thọ trì chánh pháp, hay giảng dạy, danh tiếng đồn khắp mười phương.

Các ngài làm bạn không đợi thỉnh mời, nói lên tâm của Bồ-tát khi cần làm lợi ích chúng sanh thì lăn xả vào làm. Còn chúng ta có ai mời mới giảng, như vậy chỉ là bạn khi nào có kẻ mời. Các ngài có khả năng

nối nắm, hưng thịnh, duy trì Tam bảo, hàng phục ma quân và ngoại đạo.

Các ngài đều đã thanh tịnh, hằng lìa triền cái. Tâm thường an trụ trong vô ngại giải thoát. Nào là niệm, định, tổng trì, biện tài không dứt. Chữ cái là ngũ cái, triền là thập triền. Các ngài hằng xa lìa được ngũ cái và thập triền. Tổng trì là gồm hết, nhớ hết. Biện tài là tài biện luận. Đó là khả năng của các ngài.

Nào là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ và sức phương tiện thảy đều đầy đủ, đều không sở đắc, không khởi pháp nhẫn. Tại sao tu mà không khởi pháp nhẫn? Như hiện giờ, chúng ta do tâm ý còn sân si nhiều, ai động đến liền nổi giận. Người muốn tu phải đè cơn giận xuống là nhẫn, nhẫn nhịn như thế gọi là tu. Nếu người nói tới mà ta không nhẫn thì dễ sân si. Nhưng tại sao ở đây các ngài lại không khởi pháp nhẫn? Đối với chúng ta, tưởng nhẫn hay là tu hay, nhưng nhẫn hay là tại sân nhiều. Còn các ngài tham sân si đã dứt, đâu cần khởi nhẫn! Vì vậy nên nói vô sở đắc.

Đã hay tùy thuận chuyển bánh xe bất thối. Khéo hiểu pháp tướng, biết được căn cơ của chúng sanh. Che chở các đại chúng được vô sở úy, dùng công đức trí tuệ để tu tâm, lấy tướng hảo để trang nghiêm sắc thân làm đệ nhất, xả bỏ hết các đồ trang sức ở thế gian.

Lấy công đức trí tuệ mà tu tâm thì dễ hiểu, còn lấy tướng tốt để trang nghiêm sắc thân làm bậc nhất, xả bỏ đồ trang sức thế gian là sao? Thường ở thế gian,

muốn trang nghiêm thân phải có đồ trang sức để làm tăng vẻ đẹp. Đó chỉ là hình thức, là phương tiện bên ngoài. Với Bồ-tát thì lấy ba mươi hai tướng tốt của Phật để trang nghiêm thân. Ba mươi hai tướng tốt đều do công phu tu hành mà được. Nghĩa là muốn trang nghiêm thân thì lấy công đức tu hành để thân có đầy đủ tướng tốt, chứ không phải mượn các món trang sức bên ngoài. Trong ba mươi hai tướng tốt của Phật, như tướng lưỡi rộng dài là do tu hạnh không nói dối, trái tai dài được sống thọ là do tu hạnh không giết hại chúng sanh. Mỗi tướng tốt đều do công hạnh tu của các ngài mà được.

Như vậy muốn được những tướng tốt đó phải tu những công hạnh nêu trên. Lấy công hạnh để trang sức thân mình, chứ không vay mượn những thứ bên ngoài. Thế nên, các ngài bỏ hết những đồ trang sức ở thế gian là vậy.

Danh tiếng của các ngài cao xa, vượt cả núi Tu-di. Lòng tin vững chắc như kim cương. Pháp bảo này soi khắp như mưa nước cam lồ. Ở trong chúng nói pháp vi diệu đệ nhất. Các ngài thâm nhập được lý duyên khởi và đoạn các tà kiến, không dính mắc hai bên có không và không còn những tập khí thừa. Diễn pháp không sợ, như sư tử rống, những lời của các ngài giảng nói ra như tiếng sấm vang, không có lượng và đã quá hạn lượng.

Tiếng tăm của các ngài lưu truyền rộng khắp. Pháp âm vang xa không ngằn mé.

Nhóm họp các pháp bảo, như hải đạo sư, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp. Khéo biết chỗ qua lại và tâm sở hành của chúng sanh. Gần bậc Phật vô đẳng đẳng, tự tại tuệ, thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng.

Hải đạo sư là vị thầy dẫn đường đi biển. Pháp của Phật nói ra đều tùy bệnh cho thuốc, chúng sanh bệnh nhiều nên pháp Phật cũng nhiều. Các vị Bồ-tát nhóm họp các pháp bảo, thấu suốt nghĩa thâm diệu của các pháp, có đủ phương tiện dìu dắt chúng sanh như bậc thầy dẫn người đi biển. Các vị Bồ-tát này thường gần gũi đức Phật là bậc Vô đẳng đẳng, được tự tại tuệ, được thập lực, được tứ vô sở úy, thập bát bất cộng.

Các vị Bồ-tát này đã đóng cửa tất cả các đường ác mà sanh trong ngũ thú để hiện thân kia.

Đóng cửa các đường ác thì nghiệp dẫn sanh trong cõi xấu ác không còn nữa, nhưng ở đây nói các ngài đã đóng cửa tất cả đường ác lại hiện sanh trong ngũ thú. Câu này nghe mâu thuẫn, bởi các ngài đã không còn nghiệp để sanh trong tam giới. Nhưng vì lòng đại bi thệ nguyện vào trong ngũ thú để giáo hóa chúng sanh.

Các ngài là vua thầy thuốc, khéo trị lành bệnh cho chúng sanh, hợp với bệnh cho thuốc, khiến đều được lành bệnh. Các ngài vô lượng công đức thảy đều thành tựu, vô lượng cõi Phật thảy đều trang nghiêm thanh tịnh. Ai thấy hay nghe được các ngài đều có lợi ích. Những việc làm của các ngài đều không luống uổng. Như thế tất cả công đức thảy đều đầy đủ.

Đoạn này tán thán công đức của những vị Bồ-tát rất đầy đủ.

Tên của các ngài là Bồ-tát Đẳng Quán, Bồ-tát Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Đẳng Bất Đẳng Quán, Bồ-tát Định Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tự Tại Vương, Bồ-tát Pháp Tướng, Bồ-tát Quang Tướng, Bồ-tát Quang Nghiêm, Bồ-tát Đại Nghiêm, Bồ-tát Bảo Tích, Bồ-tát Biện Tích, Bồ-tát Bảo Thủ, Bồ-tát Bảo Ấn Thủ, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Thường Hạ Thủ, Bồ-tát Thường Thảm, Bồ-tát Hỷ Căn, Bồ-tát Hỷ Vương, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Hư Không Tạng, Bồ-tát Chấp Bảo Cự, Bồ-tát Bảo Dũng, Bồ-tát Bảo Kiến, Bồ-tát Đế Võng, Bồ-tát Minh Võng, Bồ-tát Vô Duyên Quán, Bồ-tát Huệ Tích, Bồ-tát Bảo Thắng, Bồ-tát Thiên Vương, Bồ-tát Hoại Quỷ, Bồ-tát Điện Đức, Bồ-tát Tự Tại Vương, Bồ-tát Công Đức Tướng Nghiêm, Bồ-tát Sư Tử Hống, Bồ-tát Lôi Âm, Bồ-tát Sơn Tướng Kích Âm, Bồ-tát Hương Tượng, Bồ-tát Bạch Hương Tượng, Bồ-tát Thường Tinh Tấn, Bồ-tát Bất Hưu Tức, Bồ-tát Diệu Sanh, Bồ-tát Hoa Nghiêm, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đắc Đại Thế, Bồ-tát Phạm Võng, Bồ-tát Bảo Trượng, Bồ-tát Vô Thắng, Bồ-tát Nghiêm Độ, Bồ-tát Kim Kế, Bồ-tát Châu Kế, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử... Như thế ba muôn hai ngàn vị.

Lại có muôn vị Phạm thiên, Phạm thiên vương, Thi Khí... từ ở tứ thiên hạ khác đến chỗ Phật để nghe pháp. Lại có một muôn hai ngàn thiên đế cũng từ ở tứ thiên hạ khác đến, ngồi ở trong hội. Cùng những vị chư thiên đại oai lực, long thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la,

ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già... thảy đến ngồi trong hội. Những vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đến ngồi ở trong hội.

Bấy giờ Phật cùng vô lượng trăm ngàn chúng cung kính vây quanh mà vì họ nói pháp, ví như núi chúa Tu-di hiển hiện trong biển cả, ngài ngồi yên trên tòa báu sư tử che trùm khắp cả đại chúng.

Đoạn này là phần tựa, diễn tả cảnh pháp hội Phật sắp thuyết giảng. Trong pháp hội gồm có những ai, số người tham dự và buổi họp đó diễn ra nơi nào, đều kể ra cho chúng ta biết.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly có ông trưởng giả tên là Bảo Tích, cùng với năm trăm trưởng giả đều mang lọng bảy báu đến chỗ Phật, đầu mặt lễ chân Phật, mỗi vị lấy lọng của mình dâng lên cúng dường Phật. Phật dùng oai lực khiến cho các lọng báu hợp lại thành một cái, che khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, mà những tướng của thế giới rộng lớn này thảy đều hiện ở trong đó. Lại có các núi Tu-di, núi Vân, núi Tuyết, núi Mục-chân-lân-đà, núi Ma-ha Mục-chân-lân-đà, núi Hương, núi Bảo, núi Kim, núi Hắc, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, biển cả sông ngòi, các dòng suối và mặt trời mặt trăng, tinh tú, thiên cung, long cung, cung của các vị tôn thần ở tam thiên đại thiên thế giới này, thảy đều hiện trong cái lọng báu ấy. Lại chư Phật ở mười phương, chư Phật đang nói pháp, cũng đều hiện ở trong lọng báu ấy.

Đoạn này có hai phần: Sự và Lý.

Phần sự, trưởng giả Bảo Tích cùng năm trăm trưởng giả, mỗi người đem lọng báu của mình hiến dâng lên Phật. Do thần lực của Phật hóa hiện những lọng báu hợp lại thành một. Khi ấy tất cả núi sông đất liền... trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, cho tới hình ảnh cung trời, cùng các vị thần..., mười phương chư Phật nói pháp ở các cõi nước xa, đều hiển hiện trong đó.

Phần lý, trong bản kinh này chủ yếu là nói về tâm. Ở đây những lọng báu của các vị trưởng giả là dụ cho tâm riêng. Tâm riêng tư thì không có diệu dụng. Khi đã hợp nhất rồi, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh thì mười phương cõi Phật, cho tới sum la vạn tượng đều hiện rõ trong đó. Nên nói tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Đây là một bằng chứng cụ thể, không phải nói xa vời.

Thí dụ đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề, khi tâm hoàn toàn thanh tịnh thì mười phương cõi nước hay các hành tinh xa tít ngài đều nhìn thấy rõ, cho nên ngài mới nói có hằng hà sa số thế giới. Do tâm thanh tịnh nên đức Phật thấy được vô số thế giới bên ngoài, cũng như thấy những vi trùng nhỏ tí ti, mà lúc đó chưa có phương tiện để thấy được như thời nay. Như vậy rõ ràng tâm tịnh thì tất cả đều hiện và thấy được hết. Đó là những điều có thật, không phải do tưởng tượng. Chúng ta tu không mơ ước thần thông, chỉ tiêu diệt phiền não để tâm thanh tịnh. Tâm tịnh thì mọi cảnh bên ngoài, những gì cần biết liền thấy liền biết, không còn nghi ngờ nữa. Chủ yếu của đạo Phật là đạt đến chỗ tâm thanh tịnh thì mới thành cõi Phật thanh tịnh.

Chúng ta mơ ước cõi Phật mà không tu, không điều phục tâm thì điều mơ ước đó chỉ là viển vông.

Khi ấy tất cả đại chúng xem thấy thần lực của Phật liền tán thán là điều chưa từng có, đều chắp tay lễ Phật, chiêm ngưỡng dung nhan của Phật, mắt không hề rời. Bấy giờ trưởng giả Bảo Tích liền ở trước Phật làm bài tụng để tán thán.

Đoạn này ý nói, đại chúng thấy việc chưa từng có, nên chắp tay lễ Phật và tán dương ngài. Lúc bấy giờ trưởng giả Bảo Tích ở trước Thế Tôn làm kệ tán thán.

Mắt Phật đẹp như hoa sen xanh,
Tâm tịnh vượt qua các thiền định;
Tịnh nghiệp lâu đời chẳng kể xiết,
Dùng tịch dẫn chúng nên cúi lạy.

Câu thứ nhất tán thán sắc thân của Phật đẹp đẽ, vì Phật là bậc giác ngộ nên trí tuệ biểu hiện nơi con mắt trong sáng. Câu thứ hai tán thán tâm của Phật. Vì tâm ngài đã hoàn toàn thanh tịnh, nên vượt qua hết các tầng thiền định. Còn tâm chúng ta chưa thanh tịnh, nên phải ngồi thiền để hàng phục và an trụ tâm. Nếu tâm đã an định rồi thì đâu cần ngồi thiền chi nữa! Câu thứ ba tán thán về sự tích lũy vô lượng tịnh nghiệp của ngài. Câu thứ tư tán dương Phật là vị đại đạo sư dẫn dắt chúng sanh đến chỗ tịch tịnh Niết-bàn, cho nên đại chúng đảnh lễ ngài. Như vậy chỉ bốn câu kệ đầu, chúng ta thấy đã tán thán đầy đủ: thân, tâm, tịnh nghiệp và luôn cả sự giáo hóa chúng sanh của đức Phật.

Đã thấy Đại thánh dùng thần biến,
Khắp hiện mười phương vô lượng cõi;
Trong đấy chư Phật diễn nói pháp;
Nơi đây tất cả đều thấy nghe.

Bốn câu này tán thán thần lực của Phật. Khi ngài dùng thần lực để hợp các lọng thành một, thì mười phương vô lượng cõi nước đều hiện rõ trong đó và chư Phật đang diễn nói pháp.

Pháp lực của Phật vượt quần sanh,
Thường dùng pháp tài thí tất cả;
Hay khéo phân biệt tướng các pháp,
Nơi nghĩa đệ nhất mà không động;

Bốn câu này tán thán Phật khéo nói pháp. Ngài là đấng Pháp vương, khéo dùng pháp lực để dẫn dắt chúng sanh siêu vượt hơn tất cả. Thường dùng cả tài thí và pháp thí để làm lợi ích cho mọi người. Lại khéo phân biệt tướng các pháp, đối với nghĩa đệ nhất không động. Còn phân biệt là động, nhưng ở đây đối với nghĩa đệ nhất, ngài phân biệt pháp tướng mà tâm không động. Thí dụ cái nhà vốn không tự có, do gạch, xi-măng, cát, nước, tôn, gỗ... hợp lại thành. Phân tích như vậy để thấy cái nhà không thật có, bởi tự tánh là không, mà tánh Không tức là đệ nhất nghĩa.

Đối với các pháp được tự tại,
Nên con cúi đầu lễ Pháp vương.
Nói pháp chẳng có cũng chẳng không,
Do nhân duyên nên các pháp sanh;

Vô ngã, vô tạo, vô thọ giả,
Mà nghiệp thiện ác cũng không mất.

Hai câu đầu, ngài tán thán đức Phật đối với các pháp đã được tự tại, nên cúi đầu đảnh lễ đấng Pháp vương. Bốn câu kế là khen ngợi sự khéo léo nói pháp của Phật. Pháp Phật nói do nhân duyên nên các pháp sanh, không thuộc về có cũng không thuộc về không. Không ngã, không tạo tác, không thọ giả mà nghiệp thiện ác không mất. Thí dụ như bàn tay của tôi, khi xòe năm ngón ra rồi nắm lại thì gọi là nắm tay. Nắm tay có là do nhân duyên hợp. Trước khi năm ngón chưa co lại không có nắm tay, khi co lại tạm gọi là nắm tay, buông ra nắm tay không còn. Nắm tay trước không, sau cũng không. Nếu phân tích từng ngón, ngón cái, ngón trỏ, ngón giữa, ngón áp, ngón út, tìm nắm tay cũng không có. Như vậy thể của nắm tay là không, duyên hợp tạm có. Nên nói nắm tay là có là không đều không được. Nó có như huyễn như hóa, là hư dối không thật. Thấy được lý nhân duyên thì thấy các pháp không thật, là người trí. Cho nên pháp Phật nói rất khó hiểu, vì trái với cái thấy của phàm phu ngu mê.

Các pháp là vô ngã, là không ta, không người tạo tác, cũng không người thọ nhận mà nghiệp thiện ác không mất. Chúng ta thường nói, đời này làm lành đời sau hưởng phước, như vậy có mình đời này làm và cũng có mình đời sau để hưởng thì dễ hiểu. Ở đây Phật nói vô ngã là không có ta thật, thì làm điều lành rồi đời sau ai hưởng? Mà không có ta thật thì ai làm lành?

Không có người làm cũng không có người hưởng, tại sao nghiệp báo không mất? Nói như vậy thật khó hiểu. Như hiện tại đây, cái gì là mình? Cái gì là ta? Cái ta thật khó chỉ. Ngay thân này cái gì là ta, chỉ ra không được. Thế mà lúc nào cũng nghĩ có cái ta làm chủ thân này, mà mình làm chủ được thân này chưa?

Giả sử, có một số trẻ con phá rào chui vô quậy phá vườn chùa, thầy Tri sự thấy liền ra đuổi bọn trẻ. Đó là làm chủ đối với sự việc bên ngoài, có ai xâm phạm mình liền biết và tự giải quyết. Còn trong thân chúng ta, khi ăn là vì muốn ăn hay bao tử trống đòi ăn? Nếu muốn ăn, khi bụng đã no thì dù gặp món rất thích cũng nuốt không vô. Do đó để thấy khi bao tử trống đòi hỏi nên phải ăn. Vậy mà lúc nào cũng nói tôi muốn ăn. Khi ăn chúng ta chỉ biết đem thức ăn vào cơ thể, nó chuyển hóa thế nào, ra sao mình không hay biết. Phải chi ăn vô rồi muốn nó tạo thành chất bổ dưỡng như ý, thì mình mới là chủ. Cũng như những vi trùng ở ngoài xâm nhập vào cơ thể, mình có thể điều khiển các vi trùng bên trong tiêu diệt chúng không? Không thể được. Như vậy chủ ở chỗ nào? Có chủ không? Mà không chủ thì không có ta, không ta tức là vô ngã.

Tuy không chủ nhưng nếu người uống rượu, hút thuốc hoặc á phiện lâu ngày thành ghiền. Ghiền là thói quen khó bỏ, đã tạo thành nghiệp. Như vậy mới thấy không có ngã, không tạo tác, không thọ giả mà nghiệp không mất. Đây là điểm đặc biệt. Lâu nay chúng ta si mê cứ nghĩ mình là chủ, nhưng đó chỉ là tưởng tượng.

Cái giả mà tưởng là thật chứ không có thật. Vì ngay nơi con người, mình chỉ biết khái quát, như những nhu cầu đòi hỏi của thân, chẳng hạn cổ họng khô, uống nước vô cho đỡ khát, được mát mẻ, giúp cơ thể hoạt động... còn mọi sinh hoạt bên trong đều không biết.

Như vậy chúng ta thấy ý nghĩa của đạo Phật thật tế nhị, khó suy lường. Đó là bốn câu tán thán pháp Phật rất nhiệm mầu khó hiểu.

Trước sức hàng ma nơi Phật thọ,
Được cam lồ diệt, thành đạo giác;
Đã không tâm ý không thọ hành,
Mà đều hàng phục các ngoại đạo.

Khi đức Phật ngồi tu dưới cội bồ-đề, ngài dùng sức định để hàng phục chúng ma. Trong tứ đế, diệt đế là Niết-bàn, nên cam lồ diệt tức là vị Niết-bàn. Được diệt đế mới giác ngộ thành đạo, lúc bấy giờ tâm ý và thọ hành, tức là nghiệp đều không còn, mà hàng phục được các ngoại đạo. Như vậy chỉ với mấy chữ thôi mà nghĩa lý thật thâm sâu. Thường thường chúng ta muốn hàng phục, muốn lý luận với ai, trước tiên phải suy nghĩ, tìm đủ lý lẽ để chinh phục họ, đó là sử dụng tâm ý trước. Còn đối với đức Phật, ý nghiệp đã hết, phiền não dứt sạch, tâm hoàn toàn thanh tịnh. Khi ma quái và ngoại đạo đến đề xướng điều gì, ngài không cần suy nghĩ, thấy rõ mọi vấn đề nên khéo nhiếp phục họ. Đó là điểm đặc biệt của Phật, gọi là thời trí.

Ba phen chuyển pháp cõi đại thiên,
Pháp ấy xưa nay thường thanh tịnh;
Trời người đắc đạo đó là chứng,
Tam bảo bấy giờ hiện thế gian.

Đây là tán thán đức Phật ba lần chuyển pháp luân tại vườn Lộc Uyển, cho năm anh em Kiều-trần-như. Ngoài ra, những vị hiện có mặt là trời, người... nhờ đó mà chứng được đạo. Pháp âm của Phật vang xa khắp cõi tam thiên, chư thiên ở các cõi trời, cõi Phạm thiên, long thần, thổ địa... đều lặp lại tiếng thuyết pháp đó. Nên nói là chuyển pháp luân cả đại thiên.

Ba phen chuyển pháp luân tức là chuyển pháp tứ đế, pháp đó xưa nay thường thanh tịnh. Chư thiên và người nhờ pháp này mà chứng được đạo quả. Từ đó mới có đầy đủ Tam bảo hiện ở thế gian. Tam bảo gồm có Phật là Phật bảo, pháp tứ đế là Pháp bảo, năm anh em Kiều-trần-như là Tăng bảo.

Dùng pháp mầu này độ chúng sanh,
Thọ rồi không lui, thường vắng lặng;
Khỏi già bệnh chết đấng Y vương,
Lạy ngôi Pháp hải đức không lường.

Bốn câu này là nói kết quả của pháp Phật rất vi diệu, cứu giúp quần sanh. Người nghe được pháp này tâm không lui sụt, đạt đến chỗ thường vắng lặng thanh tịnh. Đức Phật là đấng Y vương, cho thuốc chúng sanh khỏi

già bệnh chết. Thế nên kính lễ Pháp rộng lớn như biển không ngằn mé, có đầy đủ công đức vô lượng vô biên.

Khen chê chẳng động như Tu-di,
Lòng từ chan rải kẻ lành dữ;
Tâm hạnh bình đẳng như hư không,
Nghe đấng Nhân bảo, ai chẳng kính.

Bốn câu kệ này tán dương đức Phật, đối với khen chê tâm ngài đều không động, như núi Tu-di dù có giông bão vẫn không lay động. Ngài dùng tâm từ bi, với người thiện ác đều thương xót bình đẳng không riêng khác. Ở thế gian thấy người hiền gặp khổ thì thương, không thích người dữ nên họ khổ thì cười, còn Phật thì thương tất cả. Vì vậy nói tâm hành của ngài bình đẳng như hư không, nên ai nghe đến đấng quý báu hơn cả cõi trời cõi người, thảy đều kính trọng vâng theo.

Nay dâng Thế Tôn lọng nhỏ này,
Cõi tam thiên con hiện trong đó;
Thiên cung, long, thần... đều nương ở,
Càn-thát-bà cùng với dạ-xoa;
Mọi vật trong đời đều thấy rõ,
Phật thương hiện ra biến hóa này;

Đoạn này khen ngợi thần lực của Phật. Khi ngài biến các lọng riêng thành một lọng lớn chung và các thế giới đều hiện trong ấy.

Thấy việc hy hữu chúng khen Phật,
Con nay lễ đấng Tam giới tôn.

Đại thánh Pháp vương chúng quy ngưỡng,
Tâm tịnh quán Phật thảy vui vẻ;
Đều thấy Thế Tôn ở trước mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Đại chúng thấy việc làm của Phật thật hy hữu, nên tất cả đều tán thán và cung kính đảnh lễ ngài là bậc tối tôn trong tam giới. Phật là đấng Đại thánh, là đấng Pháp vương, mọi người đều quy hướng. Tâm ai thanh tịnh nhìn thấy Phật đều hoan hỷ như ngài đang ở trước mình. Đây là do thần lực của pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh tùy loại, thảy được hiểu;
Đều bảo Thế Tôn đồng tiếng mình,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật nói pháp chỉ một thứ tiếng mà mỗi người mỗi loài đều nghe như Phật đang dùng tiếng nói của mình, nên tất cả đều kính ngưỡng, đều nhận hiểu. Đó là do thần lực của pháp bất cộng. Như chúng ta nói tiếng Việt, người Việt nghe thì hiểu, còn người Hoa, người Nhật, người Pháp... họ sẽ không hiểu. Trong pháp hội của Phật, chúng quy tụ nào là người, trời, quỷ thần, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la... và chư Bồ-tát từ các nơi đến, mà ngài nói pháp ai cũng nghe cũng hiểu. Cho nên chỉ cần tu thành Phật rồi, nói một thứ tiếng mọi người đều nghe như tiếng của họ, chứ không phải nhọc nhằn học nhiều thứ tiếng nói thiên hạ mới nghe mới hiểu.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Chúng sanh chỗ hiểu tùy mỗi hạng;
Khắp được thọ hành đều lợi ích,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật dùng một thứ tiếng nói pháp, mỗi loài đều hiểu và thực hành được lợi ích. Đó cũng là do thần lực của pháp bất cộng.

Phật dùng một tiếng diễn nói pháp,
Hoặc có sợ hãi, hoặc vui mừng;
Hoặc sanh nhàm lìa hoặc dứt nghi,
Đây là thần lực pháp bất cộng.

Phật chỉ dùng một thứ tiếng, nói một pháp, mà có người nghe thì sợ, người nghe sanh vui mừng, người sanh nhàm chán, người lại dứt nghi. Thí dụ Phật nói làm thập ác phải đọa địa ngục, tu thập thiện được sanh lên cõi trời. Người làm thập ác nghe hoảng sợ, người tu thập thiện tâm sanh vui mừng. Những người từ trước đến giờ việc lành việc ác đều có làm, khi nghe Phật dạy họ chán điều ác, cố làm điều lành, tức là chán lìa. Lại có người thấy người này làm lành, người kia làm ác, họ không biết kết quả ra sao, bây giờ nghe Phật dạy nên không còn nghi. Chỉ một câu nói mà có kẻ sợ, người mừng, kẻ chán, người hết nghi. Qua đó chúng ta thấy ý nghĩa của Phật diễn nói rất rộng rãi cũng do thần lực của pháp bất cộng.

Kính lễ thập lực đại tinh tấn,
Kính lễ bậc được vô sở úy;

Kính lễ bậc trụ Pháp bất cộng,
Kính lễ tất cả Đại đạo sư;
Kính lễ hay đoạn các kiết phược,
Kính lễ bậc đã đến bờ kia;
Kính lễ hay độ các thế gian,
Kính lễ hằng lìa đường sanh tử.

Đoạn này trưởng giả Bảo Tích kính lễ đức Phật là đấng đầy đủ thập lực, đại tinh tấn, đã chứng được tứ vô sở úy, trụ nơi pháp bất cộng, là vị Đại đạo sư của tất cả. Ngài đã đoạn dứt những trói buộc của ngũ dục trong tam giới, lìa đường sanh tử đến bờ giác ngộ, độ khắp thế gian.

Thảy biết chúng sanh tướng qua lại,
Khéo nơi các pháp được giải thoát;
Không chấp thế gian như hoa sen,
Thường khéo vào nơi hạnh không tịch;
Đạt các pháp tướng không quái ngại,
Lễ đấng không nương tợ hư không.

Sáu câu này ý nói Phật là người khéo thấy biết tướng qua lại trong ngũ đạo lục thú của chúng sanh, khéo đối các pháp được giải thoát. Ngài không dính mắc ở thế gian, như hoa sen ra khỏi bùn không hôi mùi bùn, thường khéo vào hạnh không tịch. Ngài thấu suốt tướng các pháp không còn gì chướng ngại. Câu cuối trưởng giả Bảo Tích kính lễ Phật như hư không vô sở y. Đến đây, ông không còn lễ Phật hình tướng

mà lễ Phật vô y, như trong nhà thiền thường nói *đạo nhân vô y*. Vô y tức là không chỗ nương tựa, không hình tướng, nên lễ Phật vô y là lễ Phật pháp thân. Pháp thân không tướng mạo không chỗ nương tựa, trùm khắp như hư không.

Tóm lại, toàn bài kệ này trưởng giả Bảo Tích tán thán Tam bảo, cuối cùng tán thán Phật pháp thân. Phật pháp thân sẵn có nơi mỗi người chứ không chỉ riêng đức Phật. Như vậy những đoạn trên chỉ là phần diễn tả hội của chư Bồ-tát tập hợp nghe Phật nói pháp và tán thán công đức của Phật thôi.

Khi ấy ông trưởng giả Bảo Tích nói kệ này rồi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Năm trăm ông trưởng giả này đều đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Mong được nghe cõi Phật thanh tịnh. Cúi mong Thế Tôn nói hạnh của các vị Bồ-tát ở cõi Phật thanh tịnh.

Phật bảo:

- Lành thay! Bảo Tích, mới hay vì chư Bồ-tát mà hỏi hạnh của Như Lai ở cõi tịnh. Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bảo Tích và năm trăm ông trưởng giả vâng lời Phật dạy lắng nghe. Phật bảo:

- Bảo Tích, những loài chúng sanh là cõi Phật của Bồ-tát. Vì cớ sao? Bồ-tát tùy chỗ hóa độ chúng sanh mà nhận lấy cõi Phật, tùy chỗ điều phục chúng sanh

mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào vào được trí tuệ Phật mà nhận lấy cõi Phật, tùy chúng sanh ưng theo quốc độ nào phát khởi căn tánh Bồ-tát mà nhận lấy cõi Phật. Vì cớ sao? Bồ-tát nhận lấy cõi tịnh độ, đều vì lợi ích cho chúng sanh. Ví như có người muốn nơi chỗ đất trống, xây dựng nhà cửa lâu đài, tùy ý không trở ngại. Nếu ở trong hư không thì trọn không thể xây dựng được. Bồ-tát cũng như thế, vì thành tựu chúng sanh nên nguyện nhận lấy cõi Phật, nguyện nhận lấy cõi Phật chẳng phải là nguyện suông.

Đức Phật giải thích cho ngài Bảo Tích và các vị trưởng giả biết rằng, các loài chúng sanh là cõi tịnh độ của Bồ-tát. Tùy chúng sanh được giáo hóa hoặc được điều phục, tùy chúng sanh ưng cõi nước nào để đạt đến trí tuệ Phật, thì các vị Bồ-tát sẽ nhận lấy cõi Phật tương xứng để giáo hóa, khiến họ phát căn lành, tu hành đến quả vị Bồ-tát hay quả vị Phật.

Bồ-tát nhận lấy cõi Phật thanh tịnh không phải để thụ hưởng cho riêng mình, mà vì sự giáo hóa và lợi ích chúng sanh. Như làm Phật sự, muốn cất chùa to Phật lớn, thâu chúng đông để tạo uy tín riêng mình, vì danh lợi cá nhân mà làm thì không phải hạnh nguyện Bồ-tát. Còn nếu muốn có chỗ trang nghiêm, giúp mọi người an tâm tu hành, đem lợi ích đến cho nhiều người mà trải thân ra làm. Ấy là tâm hạnh Bồ-tát, vì chúng sanh tạo cảnh tịnh độ.

Bởi tâm Bồ-tát lúc nào cũng nhắm thẳng vào chúng sanh, nên các loài chúng sanh là tịnh độ của

Bồ-tát. Câu này rất quan trọng. Nếu Bồ-tát làm ngoài ý muốn giáo hóa chúng sanh, đó không phải là Bồ-tát. Như vậy cõi Phật thanh tịnh của chư Bồ-tát là vì lợi ích chúng sanh mà lập, vì lợi ích chúng sanh mà tạo, chứ không phải để thụ hưởng.

Bảo Tích nên biết! Trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh không dua nịnh được sanh về cõi nước kia.

Người thế gian sống vì danh lợi, tiền tài... nên họ chiều uốn để được những gì mong muốn. Còn chúng ta tu sống đơn giản, không nhà cửa, không gia đình, không có những nhu cầu quan trọng thì đâu cần có tâm quanh co chiều uốn, vậy mà thỉnh thoảng cũng có chút chút. Do đó, muốn vào cửa đạo hay muốn sanh về cõi nước của Bồ-tát thì phải trực tâm, vì trực tâm là tịnh độ của Bồ-tát.

Lục Tổ cũng nói *trực tâm là đạo tràng*. Như vậy Phật và Tổ nhắc nhở chúng ta, đã vào đạo rồi tâm phải ngay thẳng, không chiều uốn để được lòng người. Bồ-tát do nhân trực tâm mà được cõi tịnh độ. Những chúng sanh muốn hưởng quả sanh về cõi nước Bồ-tát đó, cũng phải gieo nhân trực tâm, phải bỏ những dối trá mới được. Điều này không thể thiếu đối với người tu.

Thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào đầy đủ công đức mới được sanh về cõi nước kia.

Thâm tâm là tâm sâu kín, tâm đã tạo đầy đủ nhân tốt, nhân lành; do đó nói thâm tâm là tịnh độ của Bồ-tát. Người muốn sanh về cõi Tịnh độ của Bồ-tát phải có đầy đủ công đức, nên nói khi Bồ-tát thành Phật rồi, chúng sanh nào đầy đủ những công đức mới được sanh về đó.

Bồ-đề tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào phát tâm Đại thừa sẽ được sanh vào cõi nước đó.

Ba thứ tâm này rất thâm thúy. Trực tâm là cửa, thâm tâm là dụng, Bồ-đề tâm là giác. Người tu muốn thành Phật, nhân ban đầu là trực tâm, kế là thâm tâm, sau cùng là giác ngộ. Thế nên người phát tâm Đại thừa là phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mới được sanh về cõi kia. Vì cõi Phật do nhân giác ngộ mà thành, muốn về cõi Phật thanh tịnh mà thiếu giác ngộ thì không thể được.

Bố thí là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh hay xả bỏ tất cả được sanh về cõi nước kia.

Trì giới là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nào thực hành mười điều thiện, hạnh nguyện đầy đủ, sẽ được sanh về cõi nước kia.

Nhẫn nhục là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt sẽ sanh về cõi nước kia.

Tinh tấn là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh siêng năng tinh tấn đầy đủ công đức thì sanh về cõi nước kia.

Thiền định là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh nhiếp tâm không loạn thì được sanh về cõi nước kia.

Trí tuệ là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, tất cả những chúng sanh chánh định thì được sanh về cõi nước kia.

Pháp tu lục độ là nhân để Bồ-tát được quả cõi Phật thanh tịnh. Chúng sanh muốn được sanh về cõi ấy phải tu nhân lục độ.

Tứ vô lượng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh thành tựu từ bi hỷ xả sẽ được sanh về cõi nước kia.

Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi nước kia.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, chúng sanh đối tất cả pháp khéo phương tiện không ngăn ngại thì được sanh về cõi nước kia.

Tứ vô lượng tâm là bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả. Bồ-tát tu tứ vô lượng tâm, thành Phật thì cõi Phật được thanh tịnh. Những chúng sanh tu tứ vô lượng tâm, khi thành tựu viên mãn cũng được sanh về cõi của các ngài. Tứ nhiếp pháp là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát

thành Phật, những chúng sanh được nhiếp phục giải thoát sẽ sanh về cõi ấy.

Phương tiện là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, chúng sanh đối với các pháp khéo dùng phương tiện không ngại sẽ được sanh về cõi nước kia. Như vậy chúng ta thấy, muốn trang nghiêm cõi Phật thanh tịnh, Bồ-tát phải tu đủ các công hạnh như lục độ, tứ vô lượng tâm, tứ nhiếp pháp, phương tiện...

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, những chúng sanh được niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn lực, giác chi, bát chánh đạo, được sanh về cõi kia.

Hồi hướng tâm là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật.

Nói trừ tám nạn ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật, cõi nước không có ba đường ác và tám nạn.

Tự giữ giới hạnh chẳng có chê bai khuyết điểm của người khác, ấy là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì cõi nước không có danh từ phạm giới.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành Phật thì những chúng sanh mạng không bị chết yểu, giàu có, Phạm hạnh, nói ra những lời chân thật, thường nói lời nhỏ nhẹ, quyến thuộc không chia lìa, khéo điều hòa các sự thưa kiện, nói ra đều lợi ích cho người, không tật đố, không nóng giận, được chánh kiến sẽ được sanh về cõi nước kia.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo gồm tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo. Ba mươi bảy pháp này giúp người tu hành thành tựu đạo quả, nên gọi là trợ đạo.

Hồi hướng tâm là khởi lòng đại bi cứu độ chúng sanh, chuyển công đức lành hướng về quả vị Vô thượng Bồ-đề, Bồ-tát khi thành Phật, được tất cả công đức đầy đủ ở cõi Phật. Sở dĩ gọi tám nạn vì ở tám chỗ này, cảm thọ quả khổ vui có khác, nhưng đều không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp. Ở đây đã trừ hết các nạn, nên cõi Phật không có ba đường ác, cũng không có tám nạn. Trong tám nạn này, chúng ta thấy có nạn sanh ở cõi trời Trường Thọ. Tại sao ở cõi trời Trường Thọ lại nói là nạn? Trong kinh Phật nói những người ở cõi trời đó sống lâu cả tiểu kiếp, luôn thụ hưởng sung sướng, nhưng không được thấy Phật, không được nghe chánh pháp. Sống lâu để hưởng mà không có cơ hội để phát tâm làm phước lành, tỉnh giác tiến tu, thì như bị nhốt trong tháp ngà, hưởng hết phước rơi trở lại trần tục, không được lợi ích. Hiểu điều này chúng ta mới thấy, đạo Phật cốt dạy người tu không nên thụ hưởng nhiều, sống trong hoàn cảnh nào mà dễ phát tâm, dễ thức tỉnh để lo tu hành đó là tốt.

Vậy người tu có sợ tai nạn, sợ khổ, sợ bệnh hoạn không? Nhờ bệnh mới thấy thân này vô thường, nhờ tai nạn mới thấy cuộc đời không gì bảo đảm, nhờ cuộc sống chật vật nghèo khó mới thấy cuộc đời là khổ đau. Thế nên những gì thế gian sợ, Phật cho là cần; thế gian ưa muốn

Phật cho là nạn. Như người sanh trong gia đình luôn được sung sướng như ý, khó phát tâm tu. Hiểu vậy mới thấy không phải thiếu thốn khổ đau mới là nạn, mà sống trong si mê không biết tu Phật cũng gọi là nạn.

Giữ giới hạnh không chê bai khuyết điểm của người khác là tịnh độ của Bồ-tát, khi Bồ-tát thành Phật, cõi nước của các ngài không có từ phạm giới. Bổn phận người tu là tự giữ giới hạnh. Người khác không giữ không nên chê bai, biết đâu họ là Bồ-tát thị hiện, làm những điều sai phạm để cảnh tỉnh giáo hóa người. Vì vậy sự tu hành của chúng ta, nếu không có bổn phận trách nhiệm thì không nên chê trách người, cũng không ghét người phạm giới để tỏ ra mình là người trong sạch. Đó là tự làm tổn công đức.

Thập thiện là tịnh độ của Bồ-tát, Bồ-tát khi thành tựu cõi nước thanh tịnh rồi, chúng sanh có đầy đủ những điều kiện là sống lâu, giàu có, phạm hạnh, nói chân thật, thường nói nhỏ nhẹ... không nóng giận, được chánh kiến. Mười điều lợi ích này là do tu nhân thập thiện mà được quả. Giữ giới không sát sanh kết quả là không chết yểu, không trộm cướp thì được giàu có, không tà dâm thì được phạm hạnh. Không nói dối thì được mọi người tin tưởng, không nói ác khẩu thì được người yêu mến, không nói ly gián thì được quyến thuộc không chia lìa, không vu oan cho người thì hòa hợp được sự tranh tụng, không nói thêu dệt thì đem lại lợi ích cho người. Không tham thì không bị tật đố, không sân thì không bị sân nhuế, không tà kiến thì được chánh kiến.

Như thế Bảo Tích, Bồ-tát tùy tâm ngay thẳng kia thì hay phát hạnh. Tùy phát hạnh đó liền được thâm tâm. Tùy thâm tâm kia ắt ý được điều phục. Tùy tâm ý điều phục ắt là được việc làm như lời nói. Khi lời nói việc làm đi đôi, mới hay hồi hướng. Tùy hồi hướng đó mà tiến tới phương tiện. Tùy phương tiện ắt thành tựu chúng sanh. Tùy thành tựu chúng sanh ắt được cõi Phật thanh tịnh. Tùy cõi Phật thanh tịnh ắt nói pháp được thanh tịnh. Tùy nói pháp thanh tịnh đó thì trí tuệ thanh tịnh. Tùy trí tuệ thanh tịnh, tâm được thanh tịnh. Tùy tâm thanh tịnh ắt tất cả công đức được thanh tịnh.

Từ tâm ngay thẳng nên làm việc gì đều lợi ích cho chúng sanh, gọi là phát hạnh. Nhờ hay làm điều lợi ích chúng sanh, nên mới được thâm tâm. Từ thâm tâm mới được ý điều hòa chinh phục. Từ điều hòa chinh phục được ý rồi, lời nói và việc làm mới đi đôi nhau v.v... Tóm lại từ trực tâm cho đến tùy tâm thanh tịnh, thì tất cả công đức đều được thanh tịnh. Câu này chúng ta phải gắng ghi nhớ.

Thế nên Bảo Tích, nếu Bồ-tát muốn được cõi tịnh độ phải tịnh tâm kia. Tùy tâm kia tịnh thì cõi Phật tịnh.

Bồ-tát muốn trang nghiêm tịnh độ, trước tiên tâm phải thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là nhân, cõi Phật thanh tịnh là quả. Nếu tâm cong vạy, nhơ nhớp muốn được về cõi Phật tịnh thì không thể được. Như người nguyện sanh về tịnh độ mà tâm không tịnh, thì cõi Phật làm sao tịnh được? Người biết tu phải lấy tâm làm gốc, không lệ thuộc vào cảnh. Chúng ta thường nghe nói thân là chánh báo,

cảnh là y báo. Ở đây Phật nói thẳng, tâm mới là chủ, vì vậy phải sửa tâm trước thì cõi Phật mới được thanh tịnh. Đó là căn bản của sự tu.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất nương nơi oai thần của Phật, khởi nghĩ thế này: "Nếu tâm của Bồ-tát thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, đức Thế Tôn của ta ngày xưa khi làm Bồ-tát, ý đâu chẳng thanh tịnh, mà cõi Phật này bất tịnh như thế ấy?"

Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất, liền bảo ngài rằng:

- Ý ông nghĩ sao, mặt trời mặt trăng há chẳng sáng ư, mà người mù không thể thấy?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, không phải vậy. Lỗi là tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng.

Phật bảo:

- Xá-lợi-phất! Vì chúng sanh tội chướng không thấy được cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh của Như Lai, chẳng phải lỗi của Như Lai. Này Xá-lợi-phất, cõi nước này của ta thanh tịnh mà ông không thấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất khởi nghi này thật hợp lý. Vì nói tâm Bồ-tát thanh tịnh nên cõi nước được thanh tịnh. Vậy đức Phật Thích-ca thuở xưa tu hạnh Bồ-tát chẳng lẽ tâm ngài không thanh tịnh, mà bây giờ cõi Ta-bà của Phật lại ô uế thế này? Phật biết ý nghĩ của ngài Xá-lợi-phất nên nói, mặt trời mặt trăng lúc nào cũng

sáng nhưng vì người mù không thể thấy nên họ thấy tối. Tối là lỗi tại người mù, chứ không phải lỗi tại mặt trời mặt trăng. Cũng vậy, do chúng sanh tội nghiệp sâu dầy, nên không thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh, đó là lỗi của chúng sanh chứ đâu phải lỗi của đức Như Lai.

Khi đó Phạm vương Loa Kế nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Chớ khởi nghĩ cõi Phật này là không thanh tịnh. Vì cớ sao? Tôi thấy cõi Phật thanh tịnh của đức Thích-ca-mâu-ni ví như là cung của vua trời Tự Tại vậy.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi thấy cõi này gò nổng hầm hố, gai góc cát sỏi, đất đá núi non, nhơ nhớp dẫy đầy.

Phạm vương Loa Kế mới nói:

- Tâm nhân giả có cao thấp, không nương nơi trí tuệ Phật, cho nên thấy cõi này ô uế như vậy. Thưa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát đối với tất cả chúng sanh thảy đều bình đẳng, thâm tâm thanh tịnh nương nơi trí tuệ Phật, hay thấy cõi Phật thanh tịnh.

Ngay cõi Ta-bà này mà ngài Xá-lợi-phất thì thấy dẫy đầy những điều bất tịnh, còn Phạm vương Loa Kế lại thấy thanh tịnh như cõi trời Tự Tại. Ông giải thích cho ngài Xá-lợi-phất biết, tại sao ngài lại thấy cõi này gai góc, sỏi sạn... Vì tâm ngài còn phân biệt cao thấp. Nếu tâm bình đẳng thì được thâm tâm thanh tịnh, nương nơi trí tuệ Phật sẽ thấy cõi Phật thanh tịnh. Như vậy ngài Xá-lợi-phất và Phạm vương Loa Kế, một bên thấy uế một bên thấy tịnh, là do thấy theo nghiệp.

Như cảnh thiền viện Thường Chiếu ai đến cũng khen đẹp, nhưng trong chúng có người tâm đang bất an, rối loạn thì cảm thấy bực bội, còn người tâm tự tại thoải mái lại thấy vui tươi. Cùng một cảnh, tùy tâm mỗi người nhìn thấy khác nhau. Tâm đang bực bội dù cảnh thế nào cũng thấy bực bội, tâm an lành tự tại nhìn cảnh nào cũng an lành tự tại.

Thế nên các thiền sư dù ở trong núi rừng vắng vẻ vẫn thấy an vui. Còn chúng ta ở trong chùa trang nghiêm thanh tịnh lại bực bội rầu rĩ, muốn bỏ chùa đi là tại sao? Vì trong tâm đang rối loạn. Bởi tâm không an nên dù trong cảnh nào cũng bất an. Do đó mà chúng ta mới thấy rõ trọng tâm phải đặt ở chỗ nào. Ở nơi tâm.

Bấy giờ Phật dùng ngón chân ấn xuống đất, liền khi đó tam thiên đại thiên thế giới, bao nhiêu trăm ngàn trân bảo trang sức, ví như là cõi nước Vô Lượng Công Đức Bảo Trang Nghiêm của đức Phật Bảo Trang Nghiêm. Tất cả đại chúng khen ngợi việc chưa từng có và đều tự thấy đang ngồi trên tòa sen báu. Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy xem, cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, Bạch Thế Tôn! Từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe, nay cõi nước Phật đều hiện rõ trang nghiêm thanh tịnh.

Như vậy Phật chỉ cần ấn ngón chân, tôn giả Xá-lợi-phất và đại chúng liền thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh hiện ra. Ngài mới thưa với Phật, từ trước đến giờ con chưa từng thấy, chưa từng nghe. Cả đại chúng đều khen ngợi việc chưa từng có và thấy mình ngồi trên tòa sen báu.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Cõi nước của ta thường thanh tịnh như thế, nhưng vì muốn độ những kẻ căn cơ hạ liệt, nên thị hiện ra cõi đầy nhơ nhớp xấu xa bất tịnh đó thôi. Ví như chư thiên cùng một bát báu đựng thức ăn, tùy phước đức của những người kia mà sắc cơm trong bát có sai khác. Như thế Xá-lợi-phất, nếu người tâm tịnh sẽ thấy cõi này công đức trang nghiêm.

Cõi nước của Phật thường thanh tịnh, vì muốn độ chúng sanh những kẻ căn cơ hạ liệt nên ngài thị hiện ra cõi nước đầy cấu uế. Tùy theo nghiệp của mỗi người nên thấy khác nhau. Người tâm tịnh thấy cõi này trang nghiêm thanh tịnh, tâm không tịnh thì thấy cõi này nhớp nhúa. Đây là lẽ thật, không thể chối cãi.

Chúng ta ở nơi nào cảnh nào mà tâm thanh tịnh thì nơi đó thanh tịnh. Như những lúc tâm mình thanh thản nhẹ nhàng, ra ngồi dưới gốc điều lòng cảm thấy vui vui. Còn khi bị ai nói nặng nhẹ, bị làm khó dễ, ra ngồi gốc điều lòng cảm thấy buồn bực. Như vậy chúng ta thấy, tâm tịnh liền thấy cõi tịnh, tâm không tịnh dù cõi tịnh cũng biến thành không tịnh.

Tóm lại, muốn thấy cõi nước Phật thanh tịnh thì trước phải tịnh tâm. Tâm mình tịnh, cõi nước mới được thanh tịnh. Với tâm nhơ nhớp, muốn sanh lên cõi tịnh cũng không bao giờ được. Đó là trọng tâm tu hành.

Ở đây Phật dùng thí dụ, ngài nói chư thiên đều có bát báu giống nhau, tùy phước mỗi người mà thức ăn trong bát hiện ra màu sắc, ngon dở khác nhau. Thí dụ này của Phật chúng ta khó hiểu, vì mình chưa bao giờ biết. Thí dụ khác thực tế dễ hiểu hơn, như thí chủ cúng dường một bữa ăn, mâm cao cỗ đầy. Nhưng tùy phước báo mỗi người, người khỏe mạnh ăn thấy ngon, người có bệnh ăn không ngon còn sợ, ngán. Như vậy tùy nghiệp phước của mỗi người mà cảm thọ có khác, chứ không phải do thức ăn.

Ngay khi đức Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, năm trăm trưởng giả do ngài Bảo Tích dẫn theo đều được Vô sanh pháp nhẫn, tám muôn bốn ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nhiếp thần túc, khi ấy thế giới trở lại như cũ. Ba muôn hai ngàn chư thiên và những người cầu Thanh văn thừa, đều biết pháp hữu vi thảy đều vô thường, xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Tám ngàn Tỳ-kheo không thọ các pháp, lậu tận ý giải.

Ngay khi Phật hiện cõi nước trang nghiêm thanh tịnh này, thì trưởng giả Bảo Tích và năm trăm trưởng giả đều được Vô sanh pháp nhẫn, còn tám muôn bốn

ngàn vị khác đều phát tâm Bồ-đề. Như vậy khi cảnh trang nghiêm thanh tịnh đang hiện, những vị Bồ-tát liền được Vô sanh pháp nhẫn hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn hàng Thanh văn và người phải đợi đến lúc Phật thâu thần túc lại rồi, thì thấy đang là cõi tịnh bây giờ thành cõi uế, các ngài mới ngộ được lý vô thường, nên xa lìa trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Các vị Tỳ-kheo chứng được lậu tận ý giải.

Bồ-tát thấy rõ cõi này vốn thanh tịnh, vì chúng sanh mê nên thấy là bất tịnh. Khi Phật hiện cõi thanh tịnh, các ngài nhận được tịnh độ là từ tâm, nên ngay đó phát tâm vô thượng hoặc chứng đạo. Hàng Thanh văn thấy cõi tịnh biến thành cõi uế, mới thức tỉnh nhận được lý vô thường, chứng được đạo quả Thanh văn. Do đó chúng ta thấy hai trình độ sai biệt nên kết quả cũng sai biệt.

II- PHẨM PHƯƠNG TIỆN

Chánh văn:

Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật và sâu trồng cội lành, được vô sanh nhẫn. Biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì. Được vô sở úy, hàng phục ma oán. Vào sâu trong pháp môn, khéo dùng trí độ người, thông suốt phương tiện, đại nguyện thành tựu. Biết rõ chỗ thú hướng của tâm chúng sanh, lại hay phân biệt các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thục, quyết định Đại thừa. Và mỗi hành vi tạo tác hay khéo suy lường. Giữ gìn oai nghi của Phật, tâm rộng như biển cả, chư Phật khen ngợi, hàng đệ tử, Đế-thích, Phạm vương, hoặc vua thế gian thảy đều cung kính.

Vì muốn độ người, khéo dùng phương tiện, ở thành Tỳ-da-ly đem của cải vô lượng thu nhiếp những người nghèo khổ. Giữ giới thanh tịnh để

nhiếp phục những người phá hủy giới cấm. Dùng nhẫn nhục để điều phục những người nóng giận. Dùng đại tinh tấn để nhiếp phục những người lười biếng. Dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp phục những người loạn ý. Dùng trí tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí. Tuy làm cư sĩ mà vâng giữ giới luật, thực hành hạnh thanh tịnh của Sa-môn. Tuy là người tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi. Thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh. Hiện có quyến thuộc mà thường ưa sự xa lìa. Tuy mặc đồ trang sức đẹp đẽ mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân. Tuy cũng ăn uống mà dùng thiền duyệt làm vị. Hoặc đến chỗ cờ bạc hát xướng, đều vì nhiếp độ họ. Ông thọ học các đạo khác mà không hủy hoại chánh tín. Tuy thông suốt kinh sách thế gian mà thường ưa Phật pháp. Cung kính tất cả là sự cúng dường bậc nhất. Ông giữ gìn chánh pháp, nhiếp độ người lớn và trẻ nhỏ. Tất cả sự sinh sống đều hài hòa, tuy được sự lợi ích thế gian mà không lấy làm vui.

Ông dạo nơi các ngã tư đường làm lợi ích chúng sanh. Vào chỗ chính trị lấy pháp cứu hộ tất cả. Vào chỗ giảng luận hướng dẫn người về Đại thừa. Vào các trường học để dẫn dắt trẻ thơ. Vào những chỗ dâm xá để chỉ lỗi lầm của dục. Vào quán rượu để giúp họ lập chí. Nếu ở trong hàng trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng trưởng giả, vì họ nói pháp thù thắng. Nếu ở trong cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, vì họ đoạn trừ tâm tham trước. Nếu ở trong dòng Sát-đế-lợi, là bậc tôn quý trong dòng Sát-đế-lợi, dạy họ phương pháp nhẫn nhục.

Nếu ở trong dòng Bà-la-môn, là bậc tôn quý trong dòng Bà-la-môn, trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở nơi đại thần, là bậc tôn quý trong hàng đại thần, dùng chánh pháp dạy họ. Nếu trong hàng vương tử, là bậc tôn quý trong hàng vương tử, chỉ dạy họ trung hiếu. Nếu ở nội quan, là bậc tôn quý trong hàng nội quan, giáo hóa họ làm người cung nữ chân chánh. Nếu ở chỗ thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, dạy họ làm điều phước lành. Nếu ở chỗ Phạm thiên, là bậc tôn quý trong Phạm thiên, dạy bảo họ trí tuệ thù thắng. Nếu ở trong trời Đế-thích, là bậc tôn quý trong Đế-thích, thị hiện cảnh vô thường. Nếu ở trong cõi trời Hộ Thế, là bậc tôn quý trong trời Hộ Thế, bảo hộ các chúng sanh.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sanh.

Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Vì ông có bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... và hàng vương tử cùng với các quan lại quyến thuộc khác, vô số ngàn người đều đến thăm bệnh ông. Những người đến thăm, ông Duy-ma-cật nhân đó dùng thân bệnh vì họ rộng nói pháp:

- Này các nhân giả! Thân này là vô thường, không mạnh mẽ, không sức lực, không bền bỉ, là pháp chóng hư hoại, không thể tin được vậy. Nó là khổ, là não, là chỗ nhóm họp của các bệnh.

Này các nhân giả, thân này như thế, người trí sáng suốt không nên nương cậy vào nó. Thân này

như chùm bọt, không thể nắm bắt. Thân này như bong bóng nước, không được lâu bền. Thân này như sóng nắng, từ khát ái sanh. Thân này như cây chuối, ở trong không có lõi chắc. Thân này như huyễn hóa, từ điên đảo dấy khởi. Thân này như mộng, do thấy hư dối mà thành. Thân này như bóng, từ nơi nghiệp duyên hiện. Thân này như vang, thuộc về các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong chốc lát biến diệt. Thân này như làn điện chớp, niệm niệm không dừng. Thân này không chủ, như là đất. Thân này không có ngã, như là lửa. Thân này không thọ mạng, như là gió. Thân này không có nhân, như là nước. Thân này không thật, do tứ đại làm nhà. Thân này là không, lìa ngã và ngã sở. Thân này là vô tri, như cỏ cây ngói gạch. Thân này không tạo tác, do sức gió mà chuyển. Thân này nhơ nhớp, ô uế dẫy đầy. Thân này là hư dối, tuy nhờ do tắm gội ăn mặc, tất phải trở về tiêu tan. Thân này là tai họa, một trăm lẻ một bệnh làm não loạn. Thân này như gò giếng, bị cái già bức bách. Thân này không chắc chắn, rốt cuộc phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ giặc thù, như xóm rỗng, vì do ấm giới các nhập chung hợp mà thành.

Này các nhân giả, thân này là tai họa đáng chán, phải ưa thích thân Phật. Vì cớ sao? Thân Phật tức là pháp thân. Từ vô lượng công đức trí tuệ sanh; từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sanh; từ từ bi hỷ xả sanh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, siêng năng hành tinh tấn, thiền định, giải thoát tam-muội, đa văn, trí tuệ, các ba-la-mật sanh;

từ phương tiện sanh; từ lục thông sanh; từ tam minh sanh; từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh; từ chỉ quán sanh; từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh; từ đoạn tất cả pháp bất thiện, nhóm họp tất cả các pháp thiện sanh; từ chân thật sanh; từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai.

Chư nhân giả, muốn được thân Phật, đoạn tất cả bệnh của chúng sanh, phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như thế ông Duy-ma-cật vì các người đến thăm bệnh, tùy mỗi người mà nói pháp, làm cho vô số ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Phương tiện là phương pháp khéo léo dùng để hướng dẫn người tu đạt đến chỗ cứu cánh.

Khi ấy ở trong thành lớn Tỳ-da-ly có trưởng giả tên Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, và sâu trồng cội lành, được vô sanh nhẫn. Biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì. Được vô sở úy, hàng phục ma oán. Vào sâu trong pháp môn, khéo dùng trí độ người, thông suốt phương tiện, đại nguyện thành tựu. Biết rõ chỗ thú hướng của tâm chúng sanh, lại hay phân biệt các căn lợi độn, ở lâu trong Phật đạo, tâm đã thuần thục, quyết định Đại thừa. Và mỗi hành vi tạo tác hay khéo suy lường. Giữ gìn oai nghi của Phật, tâm rộng như biển cả, chư Phật khen ngợi, hàng đệ tử, Đế-thích, Phạm vương, hoặc vua thế gian thảy đều cung kính.

Đoạn này tán thán công hạnh của cư sĩ Duy-ma-cật, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo trồng căn lành nhiều đời, chứng vô sanh pháp nhẫn, được biện tài vô ngại, du hý thần thông, được các tổng trì, được vô sở úy, hàng phục các ma oán không chướng ngại, thâm nhập pháp môn, khéo dùng trí độ chúng sanh, thông suốt mọi phương tiện, đại nguyện thành tựu, tâm rộng như biển cả. Cư sĩ Duy-ma-cật được chư Phật khen ngợi, không những hàng phàm phu mà cả đệ tử Phật, trời Đế-thích, Phạm vương, vua thế gian thảy đều cung kính. Vì có những khả năng và công hạnh như thế nên ông mới khéo dùng phương tiện để hóa độ người.

Học kinh là để học theo gương hạnh của các vị Bồ-tát, chứ không nên đồng hóa mình với các ngài, vì sánh với công đức của chư vị, chúng ta không bì kịp.

Vì muốn độ người, khéo dùng phương tiện, ở thành Tỳ-da-ly đem của cải vô lượng thu nhiếp những người nghèo khổ. Giữ giới thanh tịnh để nhiếp phục những người phá hủy giới cấm. Dùng nhẫn nhục để điều phục những người nóng giận. Dùng đại tinh tấn để nhiếp phục những người lười biếng. Dùng nhất tâm thiền tịch để nhiếp phục những người loạn ý. Dùng trí tuệ quyết định để nhiếp phục những người vô trí. Tuy làm cư sĩ mà vâng giữ giới luật, thực hành hạnh thanh tịnh của Sa-môn. Tuy là người tại gia mà không đắm nhiễm ba cõi. Thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh. Hiện có quyến thuộc mà thường ưa sự xa lìa. Tuy mặc đồ trang sức đẹp đẽ mà dùng tướng hảo để trang nghiêm thân.

Vì muốn làm lợi ích cho người, ngài Duy-ma-cật phương tiện làm cư sĩ tại gia. Tuy hình thức cư sĩ mà ông

khéo độ người, thu nhiếp người nghèo khó bằng của cải vô lượng, nhiếp phục kẻ phá giới bằng sự giữ giới thanh tịnh, lấy nhẫn nhục để độ người nóng giận, dùng sức tinh tấn giáo hóa người biếng lười. Ở đây nói ông là cư sĩ tại gia mà thực hành hạnh Sa-môn, thị hiện có vợ con mà thường tu Phạm hạnh, không nhiễm trước ba cõi... là ý gì? Hiện chúng ta đang ở cõi Dục là cõi thấp nhất trong tam giới mà còn say mê chìm đắm, ông tuy là cư sĩ tại gia mà tâm được tự tại giải thoát nên đối với tam giới không nhiễm.

Tại sao nói dùng tướng hảo để trang nghiêm thân? Đức Phật sở dĩ có ba mươi hai tướng tốt là do công đức tu hành mà được. Cũng vậy, cư sĩ Duy-ma-cật tuy có những đồ trang sức, áo quần đẹp đẽ nhưng với ông không quan trọng, chỉ dùng công hạnh tu để trang nghiêm thân. Như đức Phật có tướng lưỡi rộng dài vì nhiều đời ngài tu hạnh không nói dối. Tướng nhục kế là do nhiều đời hiếu kính cha mẹ, kính thuận sư trưởng... Như vậy mỗi tướng tốt là do công đức tu hành của ngài.

Tuy cũng ăn uống mà dùng thiền duyệt làm vị. Hoặc đến chỗ cờ bạc hát xướng, đều vì nhiếp độ họ. Ông thọ học các đạo khác mà không hủy hoại chánh tín. Tuy thông suốt kinh sách thế gian mà thường ưa Phật pháp. Cung kính tất cả là sự cúng dường bậc nhất. Ông giữ gìn chánh pháp, nhiếp độ người lớn và trẻ nhỏ. Tất cả sự sinh sống đều hài hòa, tuy được sự lợi ích thế gian mà không lấy làm vui.

Tuy ăn uống mâm cao cỗ đầy, cư sĩ Duy-ma-cật không thấy quan trọng, mà chỉ vui trong thiền vị, nên nói thiền duyệt vi thực. Hằng ngày chúng ta thưởng thức

đủ mùi vị, vậy khi ngồi thiền có được hưởng vị thiền chăng? Người tu thiền khi tâm an định thân nhẹ nhàng, ngồi thiền là thảnh thơi an lành nhất, đó là nếm được vị thiền, nên nói thiền duyệt vi thực. Duyệt là vui, lấy vui trong tọa thiền làm thức ăn. Vì vậy ngày nào thiếu một giờ ngồi thiền là cảm thấy đói. Còn người không biết tu, giờ ngồi thiền được ngủ thì vui thích, là no chứ đâu có đói? Do chưa tự tại an lành trong việc tu.

Cư sĩ Duy-ma-cật đã được thần thông du hý tự tại, nên vào sòng bạc, đến hý trường... để hóa độ người chứ không phải để vui chơi. Chúng ta tâm còn nhơ nhiễm, vào chỗ đó thì nhiễm nhơ thêm. Các vị Bồ-tát có quyền làm như vậy vì các ngài đã đầy đủ khả năng, thành tựu các công đức nên đến để nhiếp độ người không bị trở ngại.

Theo học ngoại đạo mà không mất chánh tín. Thông hiểu sách vở thế gian mà vui thích Phật pháp. Đối với cư sĩ Duy-ma-cật, cúng dường Tam bảo là sự tôn trọng bậc nhất. Giữ gìn chánh pháp để hóa độ mọi người. Cuộc sống luôn được hài hòa thoải mái, không gì trở ngại. Những điều lợi lộc của thế tục, như làm ăn buôn bán... chẳng lấy đó làm vui.

Ông dạo nơi các ngã tư đường làm lợi ích chúng sanh. Vào chỗ chính trị lấy pháp cứu hộ tất cả. Vào chỗ giảng luận hướng dẫn người về Đại thừa. Vào các trường học để dẫn dắt trẻ thơ. Vào những chỗ dâm xá để chỉ lỗi lầm của dục. Vào quán rượu để giúp họ lập chí. Nếu ở trong hàng trưởng giả, là bậc tôn quý trong hàng

trưởng giả, vì họ nói pháp thù thắng. Nếu ở trong cư sĩ, là bậc tôn quý trong hàng cư sĩ, vì họ đoạn trừ tâm tham trước. Nếu ở trong dòng Sát-đế-lợi, là bậc tôn quý trong dòng Sát-đế-lợi, dạy họ phương pháp nhẫn nhục. Nếu ở trong dòng Bà-la-môn, là bậc tôn quý trong dòng Bà-la-môn, trừ ngã mạn cho họ. Nếu ở nơi đại thần, là bậc tôn quý trong hàng đại thần, dùng chánh pháp dạy họ. Nếu trong hàng vương tử, là bậc tôn quý trong hàng vương tử, chỉ dạy họ trung hiếu. Nếu ở nội quan, là bậc tôn quý trong hàng nội quan, giáo hóa họ làm người cung nữ chân chánh. Nếu ở chỗ thứ dân, là bậc tôn quý trong hàng thứ dân, dạy họ làm điều phước lành. Nếu ở chỗ Phạm thiên, là bậc tôn quý trong Phạm thiên, dạy bảo họ trí tuệ thù thắng. Nếu ở trong trời Đế-thích, là bậc tôn quý trong Đế-thích, thị hiện cảnh vô thường. Nếu ở trong cõi trời Hộ Thế, là bậc tôn quý trong trời Hộ Thế, bảo hộ các chúng sanh.

Trưởng giả Duy-ma-cật dùng vô lượng phương tiện như thế để làm lợi ích chúng sanh.

Cư sĩ Duy-ma-cật thường dạo chơi khắp phố phường để làm lợi ích chúng sanh. Tham gia việc chính trị, pháp luật để giúp đỡ quốc dân. Vào dâm xá, quán rượu để chỉ cho người biết lỗi lầm của dục, độc hại của rượu rồi lập chí bỏ rượu, xa lìa ái dục...

Dù ở giai cấp nào Cư sĩ cũng dự vào, được quý kính và có đủ phương tiện để hóa độ. Như Sát-đế-lợi là dòng võ tướng, đi chinh phục cầm binh ra trận, nên dạy họ cách nhẫn nhục. Bà-la-môn là dòng dõi cao quý nhất, tâm thường ngã mạn nên dạy họ phải diệt trừ.

Vì sao ở trong hàng Đế-thích thị hiện cảnh vô thường? Trời Đế-thích là vua cõi trời, thừa hưởng ngũ dục lạc khó biết tu, nên cư sĩ Duy-ma-cật hiện cảnh vô thường già bệnh chết để thức tỉnh chư thiên.

Tóm lại, tất cả việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật đều dùng phương tiện độ sanh, chứ không phải vì nghiệp lôi. Trường hợp nào cũng nhắm thẳng lợi ích cho người mà đến, không phải vì thụ hưởng, vì an vui riêng mình. Như vậy với người giàu sang quyền quý hoặc người lầm lỡ... thì đến để khuyên răn, cảnh tỉnh. Với người nghèo khó, thứ dân, trẻ thơ... thì giúp đỡ họ.

Ông dùng phương tiện hiện thân có bệnh. Vì ông có bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... và hàng vương tử cùng với các quan lại quyến thuộc khác, vô số ngàn người đều đến thăm bệnh ông. Những người đến thăm, ông Duy-ma-cật nhân đó dùng thân bệnh vì họ rộng nói pháp.

Nghe cư sĩ Duy-ma-cật bệnh nên quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn... vô số ngàn người đều đến thăm. Cư sĩ Duy-ma-cật thị hiện thân bệnh để làm phương tiện vì người thuyết pháp, chứ không phải vì nghiệp chướng mà bệnh. Còn chúng ta bệnh, có nói pháp cho người khác nghe hay nằm rên rỉ than thở? Tuy chúng ta không được như cư sĩ Duy-ma-cật, nhưng nếu có bệnh, ai tới thăm, nên nói thân này là vô thường, hôm qua còn đi nhanh nhẹn, nay lại nằm, dậy không nổi. Đó cũng là nhân duyên bệnh mà cảnh tỉnh người.

Này các nhân giả! Thân này là vô thường, không mạnh mẽ, không sức lực, không bền bỉ, là pháp chóng

hư hoại, không thể tin được vậy. Nó là khổ, là não, là chỗ nhóm họp của các bệnh.

Này các nhân giả, thân này như thế, người trí sáng suốt không nên nương cậy vào nó.

Thân này là vô thường, không sức mạnh, không bền chắc, là vật mau hư mục, là ổ chứa các thứ khổ não. Người trí sáng suốt không bao giờ tin cậy vào nó, còn chúng ta đối với thân này thì sao? Cứ tin mình khỏe mạnh sống lâu, không biết hôm nay đang đi mai chết cũng có, hiện tại ngồi đây ngày mai bệnh cũng có, không gì nhất định. Không biết ngày nào chết làm sao tin được thân này bền chắc. Vậy mà bất chợt bệnh đến, tâm sanh bực bội, ai bảo mình sắp chết thì lo sợ, hoảng hốt. Nếu hiểu rõ thân này không gì bảo đảm thì có gì đáng tin.

Thân này như chùm bọt, không thể nắm bắt. Thân này như bong bóng nước, không được lâu bền. Thân này như sóng nắng, từ khát ái sanh. Thân này như cây chuối, ở trong không có lõi chắc. Thân này như huyễn hóa, từ điên đảo dấy khởi. Thân này như mộng, do thấy hư dối mà thành. Thân này như bóng, từ nơi nghiệp duyên hiện. Thân này như vang, thuộc về các nhân duyên. Thân này như mây nổi, trong chốc lát biến diệt. Thân này như làn điện chớp, niệm niệm không dừng. Thân này không chủ, như là đất. Thân này không có ngã, như là lửa. Thân này không thọ mạng, như là gió. Thân này không có nhân, như là nước. Thân này không thật, do tứ đại làm nhà. Thân này là không, lìa ngã và ngã sở. Thân này là vô tri, như cỏ cây ngói gạch. Thân này không tạo tác, do sức gió mà chuyển.

Thân này nhơ nhớp, ô uế dẫy đầy. Thân này là hư dối, tuy nhờ do tắm gội ăn mặc, tất phải trở về tiêu tan. Thân này là tai họa, một trăm lẻ một bệnh làm não loạn. Thân này như gò giếng, bị cái già bức bách. Thân này không chắc chắn, rốt cuộc phải chết. Thân này như rắn độc, như kẻ giặc thù, như xóm rỗng, vì do ấm giới các nhập chung hợp mà thành.

Đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật chỉ cho chúng ta thấy sự giả tạm, mong manh... của thân. Thân này như bọt biển có thể nắm được không? Đụng đến nó liền tan. Khi hạt mưa trên mái nhà rơi xuống, bong bóng nổi lên chốc lát liền vỡ. Thân này cũng không bền chắc như vậy.

Thân này như sóng nắng từ khát ái sanh, không có thật. Khát ái là yêu thích. Con nai khi khát nước, nhìn ánh nắng chập chờn đằng xa tưởng là dòng nước, chạy nhanh tới để tìm uống. Càng chạy càng thất vọng vì không thấy nước. Chúng ta cũng vậy, yêu thích thân này, cứ bám giữ mãi mà có được đâu, rồi cũng tan hoại.

Thân này không chắc như cây chuối, cứ lột ra từng bẹ từng bẹ, tìm lõi cây cứng không có.

Hằng ngày thân này cuốc đất, gặt lúa... làm đủ thứ mà nói không tạo tác thật khó chấp nhận. Nhưng sự thật tất cả hoạt động của thân đều do gió mà ra. Khi ăn nếu nhai hoài mà không có gió đưa thức ăn vào thì không thể nuốt được. Uống cũng do gió hút nước theo vào. Như vậy ăn uống, các hoạt động của cơ thể như tim đập, máu chảy... đều nhờ gió đem vô nuôi thân này. Khi tống ra cũng phải nhờ gió. Vậy mà chúng ta

không biết, tưởng mọi hoạt động trong cơ thể do mình làm chủ, nhưng không ngờ chính là nhờ sức gió.

Thân này không cố định, không chắc chắn, rốt cuộc phải đi đến chỗ chết.

Đoạn trên phân tích về thân quá kỹ, nào là không thể tin, không đáng nương cậy, thân này là tạm bợ, là tai họa, là nhơ nhớp. Và ở đây lại nói thân này như rắn độc, như kẻ oán thù, giặc cướp cứ chực chờ để giành giật lẫn nhau. Thân này như xóm rỗng, do ấm giới nhập chung lại mà thành. Vậy mà chúng ta lại thấy nó thật! Nếu biết rõ thân không bền, không đáng trông cậy, là tạm bợ, nhớp nhúa, khổ đau, có gì đáng quý mà chấp. Không chấp là nhân để đi tới vô ngã, giải thoát.

Cư sĩ Duy-ma-cật chỉ ra tai họa của thân rất đáng chán chê, nhưng chán thân này rồi phải làm gì?

Này các nhân giả, thân này là tai họa đáng chán, phải ưa thích thân Phật. Vì cớ sao? Thân Phật tức là Pháp thân. Từ vô lượng công đức trí tuệ sanh; từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sanh; từ từ bi hỷ xả sanh; từ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, nhu hòa, siêng năng hành tinh tấn, thiền định, giải thoát tam-muội, đa văn, trí tuệ, các ba-la-mật sanh; từ phương tiện sanh; từ lục thông sanh; từ tam minh sanh; từ ba mươi bảy phẩm trợ đạo sanh; từ chỉ quán sanh; từ thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp sanh; từ đoạn tất cả pháp bất thiện, nhóm họp tất cả các pháp thiện sanh; từ chân thật sanh; từ không phóng dật sanh. Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế mà sanh thân Như Lai.

Chúng ta phải nhàm chán thân tạm bợ hôi hám nhớp nhúa để ưa thích thân Phật. Thân Phật là chỉ cho pháp thân bất sanh bất diệt, chứ không phải là thân ba mươi hai tướng tốt. Pháp thân là do sự tích tụ vô lượng công đức trí tuệ nhiều đời nhiều kiếp mà thành tựu, nên mới trang nghiêm đẹp đẽ, còn thân tứ đại ngũ uẩn này là bất tịnh, là tạm bợ... Vì vậy người trí phải thấy xa và nhàm chán để cầu pháp thân trí tuệ kia.

Chư nhân giả, muốn được thân Phật phải đoạn tất cả bệnh của chúng sanh, phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như thế ông Duy-ma-cật vì các người đến thăm bệnh, tùy mỗi người mà nói pháp, làm cho vô số ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cư sĩ Duy-ma-cật tùy theo trình độ, nghiệp duyên của người đến thăm bệnh, mà nói pháp thích hợp với sở nguyện, để họ được lợi ích và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Học qua đoạn này mới thấy tinh thần của Bồ-tát, mỗi hành động, cử chỉ phát ra là vì chúng sanh. Trường hợp cư sĩ Duy-ma-cật bệnh cũng vì chúng sanh mà bệnh chứ không phải vì nghiệp duyên.

III- PHẨM ĐỆ TỬ

XÁ-LỢI-PHẤT

Chánh văn:

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật tự nghĩ, nằm bệnh trên giường, Thế Tôn là đấng đại từ, đâu chẳng thương xót.

Phật biết ý ông Duy-ma-cật, liền bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông hãy đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, từng ở trong rừng ngồi yên dưới cội cây, khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Xá-lợi-phất, không hẳn ngồi thế ấy là ngồi yên. Phàm ngồi yên

thì ở tam giới mà không hiện thân ý, ấy là ngồi yên. Không khởi Diệt tận định mà hiện các oai nghi, ấy là ngồi yên. Không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, ấy là ngồi yên. Tâm không trụ trong cũng không ở ngoài, ấy là ngồi yên. Đối các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ấy là ngồi yên. Không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, ấy là ngồi yên. Nếu có thể ngồi như thế thì Phật sẽ ấn chứng cho."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con nghe những lời nói này, lặng thinh mà thôi, không thể nào đáp được. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Khi nằm bệnh, cư sĩ Duy-ma-cật thầm nghĩ, đức Thế Tôn đại bi thế nào cũng đến thăm. Ông vừa khởi niệm, Phật liền cảm ứng bảo tôn giả Xá-lợi-phất tới thăm bệnh. Qua đó chúng ta thấy, do tâm thanh tịnh nên dễ được cảm ứng. Nếu tâm thanh tịnh vừa nhớ Phật, Phật liền ứng; vừa nhớ pháp, pháp liền hiện; nhớ tăng, tăng liền có.

Được Phật cử đi, tôn giả Xá-lợi-phất xin từ chối vì đã từng bị cư sĩ Duy-ma-cật chất vấn.

Phàm ngồi yên thì ở tam giới mà không hiện thân ý, ấy là ngồi yên. Chúng ta thường quan niệm ngồi một mình trong rừng vắng, dưới cội cây, hoặc trên thiền đường, hoặc trong thất riêng mới là ngồi yên. Nhưng cư sĩ Duy-ma-cật nói, ngồi yên là ngay khi đang sống trong

tam giới mà không hiện thân ý. Nghĩa là ngay trong tam giới mà vẫn biết thân là huyễn hóa không thật, tâm ý hư vọng, không loạn động mới thật là ngồi yên. Còn chúng ta ngồi nghiêm chỉnh trong thiền đường mà chấp thân thật, đó là còn hiện thân. Tâm ý cứ chạy lăng xăng, nghĩ hết việc này đến việc khác là động, chứ chưa phải ngồi yên. Như vậy, khi nào thân ý không động mới gọi là ngồi yên.

Không khởi Diệt tận định mà hiện các oai nghi, ấy gọi là ngồi yên. Hàng Nhị thừa khi nhập Diệt tận định thân dường như chết, chỉ còn chút hơi ấm mà không còn hơi thở. Người bình thường không còn hơi thở gọi là chết. Cư sĩ Duy-ma-cật nói, không khởi tức không xả Diệt tận định, là hằng sống trong Diệt tận định mà hiện các oai nghi, mới là ngồi yên; còn nhập Diệt tận định ngồi yên như chết, ngưng hoạt động, không phải là yên thật. Ở đây ý muốn nói, đi đứng nằm ngồi, mọi hành động bình thường mà tâm như người nhập Diệt tận định. Lục Tổ cũng nói, nếu thấy có xuất nhập là còn động, chưa phải đại định.

Không bỏ đạo pháp mà hiện việc phàm phu, ấy là ngồi yên. Không xả đạo pháp là sống đúng với tinh thần đạo pháp mà làm các việc phàm phu. Như cuốc rẫy, làm ruộng v.v... chỉ biết việc mình đang làm không nghĩ nhớ xa xôi, không suy tính trúng thất. Làm mọi việc mà tâm không rời đạo pháp, đó mới thật ngồi yên.

Tâm không trụ trong cũng không ở ngoài, ấy là ngồi yên. Chúng ta hoặc là thấy tâm ở trong hoặc là

thấy tâm chạy ra ngoài. Khi phóng ra thì thấy tâm ở ngoài, khi không phóng nghĩ là đang yên ở trong. Tâm thật thì trùm khắp, không ở trong không ở ngoài, đó mới thật là ngồi yên.

Đối các kiến chấp không động mà tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo, ấy là ngồi yên. Muốn tu theo chánh pháp, phải diệt tà kiến mới được chánh kiến. Ở đây tà kiến không cần diệt, chỉ cần tu ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đã hành chánh kiến. Đó mới là ngồi yên.

Không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn, ấy là ngồi yên. Nếu có thể ngồi như thế thì Phật sẽ ấn chứng cho. Chúng ta thấy nên đoạn phiền não để vào Niết-bàn, cư sĩ Duy-ma-cật cho rằng không đoạn phiền não mà vào Niết-bàn mới là ngồi yên, mới được Phật ấn chứng.

Đoạn này ý cư sĩ Duy-ma-cật chỉ cho tôn giả Xá-lợi-phất cũng như chúng ta biết, muốn được yên không phải thân tướng ở chỗ vắng vẻ mới yên, mà tâm không còn thấy hai, đó mới thật là yên.

MỤC-KIỀN-LIÊN

Chánh văn:

Phật bảo ngài Đại Mục-kiền-liên:

- Ông đi đến thăm bệnh Duy-ma-cật.

Ngài Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa vào đại thành Tỳ-da-ly, ở trong đường hẻm, vì các người cư sĩ nói pháp. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con:

"Thưa ngài Đại Mục-kiền-liên, vì bạch y cư sĩ nói pháp, không phải như nhân giả đã nói. Phàm nói pháp phải như pháp mà nói. Pháp không có chúng sanh vì lìa chúng sanh cấu. Pháp không có ngã vì lìa ngã cấu. Pháp không thọ mạng vì lìa sanh tử. Pháp không có người vì mé trước mé sau dứt. Pháp thường lặng lẽ vì diệt các tướng. Pháp lìa nơi tướng vì không có sở duyên. Pháp không có danh tự vì ngôn ngữ đoạn. Pháp không có thuyết vì lìa giác quán. Pháp không hình tướng vì như hư không. Pháp không hý luận vì cứu cánh không. Pháp không ngã sở vì lìa ngã sở. Pháp không phân biệt vì lìa các thức. Pháp không so sánh vì lìa đối đãi. Pháp chẳng thuộc nhân vì không thuộc duyên. Pháp đồng pháp tánh vì vào các pháp. Pháp tùy nơi như vì không chỗ tùy. Pháp trụ thật tế vì các bên không động. Pháp không dao động vì chẳng

nương nơi sáu trần. Pháp không đến đi vì thường không trụ. Pháp thuận không, tùy vô tướng, ứng vô tác. Pháp lìa đẹp xấu, pháp không tăng giảm, pháp không sanh diệt, pháp không chỗ trở về. Pháp vượt ra ngoài mắt tai mũi lưỡi thân tâm. Pháp không cao thấp, pháp thường trụ chẳng động, pháp lìa tất cả quán hạnh. Thưa ngài Đại Mục-kiền-liên, pháp tướng như thế, há có thể nói ư?

Phàm người thuyết pháp không nói không chỉ. Người nghe pháp kia không nghe không được. Ví như thầy huyễn vì người huyễn nói pháp. Phải dựng lập ý này mà vì người nói pháp. Phải biết rõ căn cơ chúng sanh có lợi độn, khéo nơi tri kiến không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi mà tán thán Đại thừa, nhớ đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, sau đó mới nói pháp."

Khi ông Duy-ma-cật nói lời ấy, tám trăm cư sĩ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con không có biện tài này, thế nên không thể đến thăm bệnh ông được.

Giảng:

Tôn giả Xá-lợi-phất và tôn giả Mục-kiền-liên là hai vị thượng thủ trong giáo đoàn của Phật. Đầu tiên là tôn giả Xá-lợi-phất đã xin rút lui, bây giờ đến tôn giả Mục-kiền-liên. Ngài kể lại, có lần trong đường hẻm đang thuyết pháp cho cư sĩ nghe, cư sĩ Duy-ma-cật đến bảo rằng, nói pháp không phải như tôn giả nói,

phải như pháp mà nói. Thường các vị đệ tử của Phật cũng như chúng ta bây giờ, nói pháp là đứng trên tướng của các pháp mà phân biệt giảng nói, đó là nói theo pháp tướng. Còn cư sĩ Duy-ma-cật bảo như pháp mà nói, là đi thẳng vào pháp tánh chứ không theo pháp tướng.

Như chúng ta nói pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo, tứ đế, thập nhị nhân duyên... là nói trên tướng. Còn pháp tánh là pháp không có chúng sanh, vì lìa chúng sanh, vì không còn cấu nhơ của chúng sanh. Pháp tánh đó không có ngã vì lìa ngã cấu... Như vậy, đứng về mặt pháp tánh thì không có tất cả.

Pháp tùy nơi như vì không chỗ tùy. Pháp trụ thật tế vì các bên không động. Pháp là pháp tánh, như là như như. Pháp tánh không sanh không diệt, không dao động nên nó là như. Bởi như nên không có chỗ tùy, nói tùy mà không có chỗ tùy. Pháp tánh trụ mé chân thật, vì không bên này bên kia nên không động.

Pháp thuận không, tùy vô tướng, ứng vô tác. Pháp tánh không tướng nên nói thuận không, không tướng nên gọi là tùy vô tướng, bởi vô tướng nên không tạo tác gọi là ứng vô tác.

Pháp lìa đẹp xấu, pháp không tăng giảm, pháp không sanh diệt, pháp không chỗ trở về. Pháp vượt ra ngoài mắt tai mũi lưỡi thân tâm. Nếu thấy có đẹp xấu, thêm bớt, sanh diệt là còn đứng trên pháp tướng. Pháp tánh không có tất cả thứ đó nên nói vượt ra ngoài cả mắt tai mũi lưỡi thân tâm.

Phàm người thuyết pháp không nói không chỉ. Người nghe pháp kia không nghe không được. Pháp tánh không thể nói, không chỉ bày được. Vừa mở miệng nói là đối đãi, là tướng chứ không phải tánh. Pháp tánh thì lấy gì nghe? Nếu nghe ngôn ngữ thì ngôn ngữ thuộc về đối đãi, nên nói người nghe pháp không nghe, không được. Như vậy pháp tánh là tự khế hợp, nghe pháp tánh cũng tự nhận ra, còn có nói có nghe là không thật.

Ví như thầy huyễn vì người huyễn nói pháp. Phải dựng lập ý này mà vì người nói pháp. Người nói pháp phải thấy mình là huyễn, người nghe cũng huyễn, là không chấp có ngã có nhân, như vậy mới đúng tinh thần nói pháp. Nếu thấy người nói người nghe là thật, là còn đối đãi. Khi nói pháp, chúng ta thường chỉ dạy, đây là pháp thiện nên tu pháp ác nên bỏ. Nhưng phải thấy thiện ác đều không thật, vì còn trong sanh diệt, thuộc về pháp tướng.

Phải biết rõ căn cơ chúng sanh có lợi độn, khéo nơi tri kiến không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi mà tán thán Đại thừa, nhớ đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, sau đó mới nói pháp. Nói pháp phải biết căn cơ chúng sanh, khéo đối với thấy biết không bị chướng ngại, dùng tâm đại bi tán thán pháp Đại thừa để đền ơn Phật, không rời bỏ Tam bảo, mới nên nói pháp.

Chúng ta chưa có tha tâm thông làm sao biết được căn cơ chúng sanh. Như có người đến tha thiết học đạo, trước phải hỏi họ đã xem qua những kinh sách gì,

ứng dụng pháp tu nào... Nhờ trình bày mới biết sự tu học của họ tới đâu. Do đó dễ gần và hiểu được tâm ý của người. Có nhiều sư trẻ, thấy đạo lý hay quá, gặp ai cũng muốn thuyết giảng mà không cần biết họ có hiểu không, đó là chưa kinh nghiệm. Ở đây dạy, phải biết căn cơ lợi độn của chúng sanh, khéo đối với sự thấy biết không bị chướng ngại và khởi tâm đại bi, đề cao pháp Đại thừa. Như vậy nói pháp là đền ơn Phật, chứ không phải để chứng tỏ mình thông hiểu Phật pháp. Đó mới xứng đáng là người nói pháp.

Tóm lại, tôn giả Mục-kiền-liên nói pháp cho cư sĩ là đứng về mặt pháp tướng, chia chẻ phân tích cho họ hiểu. Còn cư sĩ Duy-ma-cật cho rằng nói pháp như vậy là không hợp, phải nói thẳng nơi pháp tánh. Nhưng rốt ráo của pháp tánh là không có người hay nói và cũng không có người nghe. Đó là tinh thần nói pháp cứu cánh chân thật của cư sĩ Duy-ma-cật.

ĐẠI CA-DIẾP

Chánh văn:

Phật bảo ngài Đại Ca-diếp:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ca-diếp bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, con đi khất thực trong xóm nghèo, khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa tôn giả Đại Ca-diếp, có lòng từ bi mà không rộng khắp, bỏ nhà giàu đến nhà nghèo khất thực. Ngài Ca-diếp, phải trụ nơi pháp bình đẳng, nên theo thứ lớp mà khất thực. Vì không ăn nên đi khất thực. Vì phá hoại tướng hòa hợp nên nhận thức ăn từng nắm. Vì không thọ nên nhận thức ăn kia. Vì dùng tưởng không tụ vào trong xóm làng. Thấy sắc cùng với người mù đồng, nghe tiếng cùng với âm vang đồng, ngửi mùi hương cùng với gió đồng, nếm vị không phân biệt, thọ các xúc như trí chứng, biết các pháp như tướng huyễn. Không tự tánh, không tha tánh. Vốn tự không sanh, nay cũng không diệt. Này Ca-diếp, nếu hay không xả tám tà vào tám giải thoát, dùng tướng tà vào chánh pháp. Dùng một bữa ăn thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, sau đó mới có thể ăn. Ăn như thế không phiền não không lìa phiền não. Chẳng vào định ý cũng chẳng khởi định ý. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết-bàn. Người thí không có phước lớn

không có phước nhỏ, không được lợi ích không bị tổn hại, ấy chính là vào Phật đạo, không y nơi hàng Thanh văn. Ngài Ca-diếp, nếu ăn như thế là không uổng thức ăn của thí chủ."

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe nói lời này rồi, được việc chưa từng có, liền đối với tất cả Bồ-tát sâu khởi tâm cung kính, lại khởi nghĩ thế này: "Đây là hàng danh tiếng được biện tài trí tuệ mới có thể nói được như thế! Ai nghe mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Từ đây về sau, con không dám dùng pháp Thanh văn hay Bích-chi Phật để khuyên dạy người thực hành. Thế nên con không kham đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Giảng:

Pháp khất thực của hai tôn giả Ca-diếp và Tu-bồ-đề là có tâm thiên lệch. Tôn giả Ca-diếp thì thương người nghèo nên đi khất thực trong xóm nghèo để họ gieo căn lành, sau này mới thoát khỏi cái nghèo. Nếu sợ họ nghèo không dám đến yêu cầu làm phước thì tâm ích kỷ của họ càng tăng, làm sao đời sau có phước. Vì muốn chuyển tâm của họ, từ nghèo trở thành giàu, nên ngài tìm đến nhà nghèo để khất thực, ngay cả người cùi... cũng xin của họ nữa. Qua đó chúng ta thấy, phải là người có tâm từ bi mới làm được như vậy. Ngược lại tôn giả Tu-bồ-đề thì khất thực nhà giàu. Ngài quan niệm đơn giản, họ dư mình xin một chút đâu có tổn hại gì. Như vậy việc khất thực không làm thiệt thòi cho người cúng. Đây cũng là lòng từ bi của ngài. Hai vị đại đệ tử này,

một bên thì muốn gieo duyên với người nghèo, một bên lại nghĩ xin người giàu không làm họ khó khổ và thiệt thòi. Như vậy cả hai ngài đều vì lòng từ bi, nhưng tâm còn thiên lệch.

Cư sĩ Duy-ma-cật thấy tôn giả Ca-diếp đến xóm nghèo khất thực nên nói, tôn giả đi khất thực mà bỏ người giàu xin người nghèo là lòng từ bi không bình đẳng. Ngài phải trụ nơi pháp bình đẳng, theo thứ lớp mà khất thực, theo thứ tự từng nhà, đến đâu người ta cho thì nhận, chứ không lựa chọn giàu nghèo. Đó mới gọi là bình đẳng.

Vì không ăn nên đi khất thực. Không ăn thì đi khất thực làm gì? Chữ thực ở đây không có nghĩa là ăn, mà có nghĩa là tâm duyên theo sáu trần. Khi sáu căn tiếp xúc sáu trần, tâm không dính mắc nghĩa là không ăn. Không ăn như vậy mới xứng đáng đi khất thực. Nếu là thân này thì phải có ăn để nuôi mạng sống tu hành. Tu để nhận ra pháp thân, sống với pháp thân. Mà pháp thân đâu có ăn. Nhận được lý đó mới nên đi khất thực.

Vì phá hoại tướng hòa hợp nên nhận thức ăn từng nắm. Hòa hợp tướng là chỉ thân tứ đại hay thân ngũ uẩn hòa hợp, giả dối không thật. Sở dĩ đi khất thực là vì cầu sự giải thoát, chứ không phải muốn tiếp tục nuôi dưỡng thân giả tướng này. Khất thực như thế mới đúng pháp.

Vì không thọ nên nhận thức ăn kia. Chúng ta có năm giác quan. Năm giác quan đó đối với năm trần

có cảm thọ. Còn pháp thân thì không cảm thọ. Vì vậy nói phải dùng không thọ mà đi khất thực.

Vì dùng tưởng không tụ vào trong xóm làng. Tưởng không tụ tức là tưởng thân này giống như một chỗ trống, không người, không thật, không chủ tức là vô ngã. Nếu vào trong xóm làng khất thực mà tâm vô ngã thì không bị dính mắc.

Thấy sắc cùng với người mù đồng, nghe tiếng cùng với âm vang đồng. Người mù thì không thấy sắc. Thấy sắc mà sao như mù được? Vì thấy mà không có niệm phân biệt đẹp xấu, nên nói thấy như mù. Nghe tiếng khen chê tưởng như tiếng vang trong núi dội lại thì đâu có giận đâu có mừng. Nhưng chúng ta nghe chê thì buồn, nghe khen lại vui, là tại sao? Là vì mình chưa sống với pháp bình đẳng đó.

Ngửi mùi hương cùng với gió đồng. Ngửi mùi thơm hôi cũng như gió thoảng, qua rồi mất, đừng để nó chi phối.

Nếm vị không phân biệt, thọ các xúc như trí chứng. Khi thức ăn vào lưỡi không khởi phân biệt, chứ không phải không biết ngon dở. Chỗ này có lắm người nghe nói không phân biệt ngon dở thì tưởng lầm ăn mà không biết gì hết. Nếu không biết ngon dở thì lưỡi đã mất cảm giác. Như vậy không phân biệt nghĩa là sao? Vị vào lưỡi vẫn biết ngon dở, nhưng không ưa ngon ghét dở, gọi là không phân biệt. Thế mới đúng là nếm vị mà không phân biệt.

Tóm lại, mắt thấy như mù là thấy mà không phân biệt đẹp xấu. Thấy đẹp vẫn biết đẹp, xấu vẫn biết xấu, nhưng không có niệm đuổi theo cái đẹp chán ghét cái xấu, thì gọi là như mù. Lưỡi nếm vị ngon biết ngon, dở biết dở, nhưng ngon không luyến dở không chán ghét, đó gọi là không phân biệt vị. Khi xúc chạm, trí liền nhận biết đúng như thật, chứ không phải theo cảm giác. Thường khi xúc chạm là có cảm giác, những cảm giác đó có ưa thích, vui buồn. Nhưng sự cảm thọ và xúc chạm, mình đều thấy như huyễn như hóa không thật có, do đó tâm không nhiễm trước, nên gọi là thọ các xúc như trí chứng.

Biết các pháp như tướng huyễn. Không tự tánh, không tha tánh. Vốn tự không sanh, nay cũng không diệt. Các pháp ở thế gian này đều là tướng hư huyễn. Vì không tự tánh, không tha tánh, do duyên sanh nên nó không thật có. Như muốn có cái bàn, phải đủ các duyên gỗ, đinh, thợ mộc... hợp lại mới thành. Cái bàn vốn không tự tánh, gỗ đinh thợ mộc đều không thật có nên cũng không tha tánh. Tự tánh tha tánh đã không thì cái gì sanh diệt? Không sanh diệt tức là vô sanh. Cho nên nói xưa không sanh nay cũng không diệt.

Này Ca-diếp, nếu hay không xả tám tà vào tám giải thoát, dùng tướng tà vào chánh pháp. Dùng một bữa ăn thí cho tất cả, cúng dường chư Phật và các bậc hiền thánh, sau đó mới có thể ăn. Ở đây chỉ cho pháp vượt ngoài đối đãi, bình đẳng không phân biệt tà chánh, trói buộc hay giải thoát, tức không còn kẹt

hai bên. Ngay trong tà đã có chánh, trong phiền não có giải thoát, trong sanh tử có Niết-bàn. Được như vậy mới có thể dùng một bữa ăn cúng dường chư Phật, chư hiền thánh và bố thí cho tất cả, rồi sau mới ăn. Vì đã có tâm bình đẳng, nên món ăn dù ít cũng trùm khắp không bị hạn cuộc.

Ăn như thế không phiền não không lìa phiền não. Chẳng vào định ý cũng chẳng khởi định ý. Không trụ thế gian cũng không trụ Niết-bàn. Người thí không có phước lớn không có phước nhỏ, không được lợi ích không bị tổn hại, ấy chính là vào Phật đạo, không y nơi hàng Thanh văn. Ngài Ca-diếp, nếu ăn như thế là không uổng thức ăn của thí chủ.

Đã thấy các pháp bình đẳng tức là nhất tướng bình đẳng thì đâu còn thấy hai bên, phiền não và lìa phiền não, không nhập định và xuất định, không trụ thế gian và trụ Niết-bàn. Người thí thấy các pháp bình đẳng thì không có phước lớn phước nhỏ, không tăng không giảm, không lợi ích không tổn hại. Không nương nơi hàng Thanh văn, vì Thanh văn còn nhìn trên đối đãi. Được vậy mới thẳng vào Phật đạo, mới đúng là hành Phật đạo. Người nhận thức ăn như thế mới không uổng công thí chủ cúng dường.

Tóm lại, đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật muốn nhắc ngài Ca-diếp, người khất thực phải có tâm bình đẳng không còn thấy hai mới đi thẳng vào Phật đạo.

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe nói lời này rồi, được việc chưa từng có, liền đối với tất cả Bồ-tát sâu khởi tâm

cung kính, lại khởi nghĩ thế này: "Đây là hàng danh tiếng được biện tài trí tuệ mới có thể nói được như thế! Ai nghe mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác." Từ đây về sau, con không dám dùng pháp Thanh văn hay Bích-chi Phật để khuyên dạy người thực hành. Thế nên con không kham đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Tôn giả Ca-diếp khi thuật lại câu chuyện bị cư sĩ Duy-ma-cật vấn nạn, liền tỏ ngộ điều chưa từng có, phát khởi thâm tâm cung kính đối với tất cả các vị Bồ-tát. Ngài lại thầm thán phục đây là bậc biện tài trí tuệ, ai nghe mà không phát tâm Bồ-đề. Như vậy chính ngài đã chuyển tâm niệm, không còn chấp pháp của hàng Nhị thừa. Đó là điểm đặc biệt của tôn giả Ca-diếp khác hơn những vị trước.

TU-BỒ-ĐỀ

Chánh văn:

Phật bảo ngài Tu-bồ-đề:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ lại thuở xưa, con vào nhà ông Duy-ma-cật khất thực, khi ấy ông nhận bát của con, sớt thức ăn đầy bát, bảo con rằng: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nếu đối với thức ăn bình đẳng thì các pháp cũng bình đẳng, các pháp bình đẳng thì đối với thức ăn cũng bình đẳng. Hành khất thực như thế mới nên nhận lấy thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không đoạn tham sân si cũng không chung cùng với nó. Không phá hoại thân mà tùy nhất tướng. Không diệt si ái mà khởi được giải thoát. Do tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, cũng không mở không trói. Không thấy tứ đế và không phải không thấy tứ đế. Không được quả cũng không phải không được quả. Không phàm phu, không lìa pháp phàm phu. Không thánh nhân, không chẳng thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp mà lìa tướng các pháp, mới có thể nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không thấy Phật, không nghe pháp, những lục sư ngoại đạo kia là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ

Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-xí-xá Kham-bà-la, Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đó là thầy của ông. Nhờ những lục sư ngoại đạo đó mà ông xuất gia, những ông thầy đó đọa thì ông cũng phải đọa, như vậy mới nên nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề vào trong các tà kiến không đến bờ kia. Trụ nơi tám nạn, chẳng được không nạn. Đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ông được Vô tránh tam-muội, tất cả chúng sanh cũng được định ấy. Người thí cho ông không gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông rơi vào ba đường ác. Ông và chúng ma nắm tay nhau làm bạn lữ, ông cùng với chúng ma và các trần lao đồng nhau không khác. Đối với tất cả chúng sanh có tâm oán, chê bai Phật hủy báng pháp, không vào chúng tăng, trọn không được diệt độ. Ông nếu như thế mới nên nhận thức ăn."

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe lời nói này, mờ mịt không biết phải nói gì, không biết dùng lời nào để đáp. Con liền để bát xuống, muốn chạy ra khỏi nhà ông. Ông Duy-ma-cật nói: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nhận bát chớ có sợ. Ý ông nghĩ sao? Như đức Như Lai hóa ra một người, người ấy đem việc này hỏi ông thì ông đâu có sợ phải không?" Con nói: "Không vậy." Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa, nay ông không nên sợ. Vì cớ sao? Tất cả lời nói không lìa tướng ấy. Đến với người trí, không chấp văn tự nên không sợ. Vì cớ sao?

Tánh văn tự lìa, không có văn tự, ấy là giải thoát. Tướng giải thoát ắt là các pháp vậy."

Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp nhãn trong sạch, thế nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Nếu ngài Tu-bồ-đề không đoạn tham sân si cũng không chung cùng với nó. Không phá hoại thân mà tùy nhất tướng. Không diệt si ái mà khởi được giải thoát. Do tướng ngũ nghịch mà được giải thoát, cũng không mở không trói. Không thấy tứ đế và không phải không thấy tứ đế. Không được quả cũng không phải không được quả. Không phàm phu, không lìa pháp phàm phu. Không thánh nhân, không chẳng thánh nhân. Tuy thành tựu tất cả pháp mà lìa tướng các pháp, mới có thể nhận thức ăn.

Đoạn này nói đến chỗ chân thật bình đẳng không hai. Trong tham sân si có giải thoát, giải thoát là từ tham sân si. Hai pháp đó không rời nhau, không riêng khác, nên không giải thoát cũng không trói buộc. Không thấy tứ đế cũng không chẳng thấy tứ đế... cả hai bên đều không có, được như vậy là thấy pháp bình đẳng, mới nên nhận thức ăn.

Pháp không có hai bên, còn đối đãi không phải là pháp thật. Chúng ta thường nói tu là diệt sạch tham sân si mới giải thoát. Như có người bị trói chặt vào thân cây bằng ba sợi dây, muốn thoát khỏi ba sợi dây đó

thì phải mở, vậy mở là từ trói mới có. Tất cả chúng ta, lẽ thật đâu có ai bị trói mà cần phải mở. Trói mở chỉ là tạm thời. Cũng vậy, lập giải thoát khi nào thấy có triền phược. Triền phược không thì giải thoát cũng không. Trên giả tướng có triền phược có giải thoát, còn trên tánh thì không. Mọi đối đãi đều không phải là pháp tánh. Nếu nhận được pháp tánh mới xứng đáng đi khất thực.

Nếu ngài Tu-bồ-đề không thấy Phật, không nghe pháp, những lục sư ngoại đạo kia là Phú-lan-na Ca-diếp, Mạt-già-lê Câu-xa-lê Tử, San-xà-dạ Tỳ-la-chi Tử, A-kỳ-đa-xí-xá Kham-bà-la, Ca-la-cưu-đà Ca-chiên-diên, Ni-kiền-đà Nhã-đề Tử, đó là thầy của ông. Nhờ những lục sư ngoại đạo đó mà ông xuất gia, những ông thầy đó đọa thì ông cũng phải đọa, như vậy mới nên nhận thức ăn.

Không thấy Phật là không chấp Phật, không nghe pháp là không kẹt nơi pháp. Quan niệm của chúng ta đối với Phật pháp luôn tôn sùng, còn đối với ngoại đạo thì chống đối. Đó là tâm không bình đẳng. Không chống đối tức hòa thuận, nghĩa là xem như vị thầy xuất gia của mình, nên thầy đọa trò cũng đọa theo.

Nhưng ở đây lục sư ngoại đạo theo thiền sư giảng, ngầm ý chỉ cho sáu căn. Chúng ta tu cũng căn cứ trên sáu căn mà chuyển. Sáu căn chạy theo sáu trần gọi là bị đọa, không chạy theo gọi là xuất gia, là giải thoát. Như vậy là thoát khỏi sự chấp trước nơi căn trần, đó mới kham thọ nhận thức ăn.

Nếu ngài Tu-bồ-đề vào trong các tà kiến không đến bờ kia. Trụ nơi tám nạn, chẳng được không nạn. Đồng với phiền não, lìa pháp thanh tịnh. Ông được Vô tránh tam-muội, tất cả chúng sanh cũng được định ấy. Người thí cho ông không gọi là phước điền. Người cúng dường cho ông rơi vào ba đường ác. Ông và chúng ma nắm tay nhau làm bạn lữ, ông cùng với chúng ma và các trần lao đồng nhau không khác. Đối với tất cả chúng sanh có tâm oán, chê bai Phật hủy báng pháp, không vào chúng tăng, trọn không được diệt độ. Ông nếu như thế mới nên nhận thức ăn.

Những câu này nghe thật lạ lùng. Ngài Huệ Nam mỗi khi đến thưa hỏi đạo lý với thiền sư Từ Minh, đều bị Sư mắng chửi đuổi ra. Đến khi không còn kham nhẫn nổi, Huệ Nam nói:

- Mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!

Ngài Từ Minh cười nói:

- Đó là mắng chửi sao?

Ngay câu này ngài Huệ Nam đại ngộ.

Đây cũng vậy, vì ngôn ngữ là không thật, là tánh ly. Những lời cư sĩ Duy-ma-cật nói với tôn giả Tu-bồ-đề là dùng ngôn ngữ ngược lẽ thường. Như người thí không có phước, người cúng dường rơi vào ba đường ác, ông là bạn của chúng ma và đồng các trần lao không khác, có tâm oán giận chúng sanh, chê bai Phật hủy báng pháp... Vì ngôn ngữ không thật, nếu chấp là thật tức còn mê muội.

Bạch Thế Tôn! Khi con nghe lời nói này, mờ mịt không biết phải nói gì, không biết dùng lời nào để đáp. Con liền để bát xuống, muốn chạy ra khỏi nhà ông. Ông Duy-ma-cật nói: "Thưa ngài Tu-bồ-đề, nhận bát chớ có sợ. Ý ông nghĩ sao? Như đức Như Lai hóa ra một người, người ấy đem việc này hỏi ông thì ông đâu có sợ phải không?" Con thưa: "Không vậy."

Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả các pháp như tướng huyễn hóa. Nay ông không nên sợ. Vì cớ sao? Tất cả lời nói không lìa tướng ấy. Đến với người trí, không chấp văn tự, nên không sợ. Vì cớ sao? Tánh văn tự lìa, không có văn tự, ấy là giải thoát. Tướng giải thoát ắt là các pháp vậy."

Tôn giả Tu-bồ-đề nghe những lời nói táo bạo đó liền hoảng sợ, muốn để bát xuống bỏ chạy. Cư sĩ Duy-ma-cật giải thích với tôn giả Tu-bồ-đề, những ngôn ngữ tôi nói là không thật, mà ngài thấy thật là còn mê còn chấp. Còn mê chấp thì không đáng thọ thực. Như vậy mới thấy ý của cư sĩ Duy-ma-cật.

Tóm lại, với tôn giả Tu-bồ-đề thì cư sĩ Duy-ma-cật nói từng phần. Phần trước chỉ cho khất thực phải tâm bình đẳng, thấy pháp bình đẳng. Phần kế phải chuyển được sáu căn đến chỗ giải thoát. Phần sau phải thấy ngôn ngữ văn tự là không thật. Như vậy mới xứng đáng nhận thức ăn.

PHÚ-LÂU-NA

Chánh văn:

Phật bảo ngài Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử:

- Ông hãy đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Phú-lâu-na bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đi đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa trong rừng Đại Lâm, ở dưới cội cây vì các vị tân học Tỳ-kheo nói pháp. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Phú-lâu-na, trước phải nhập định, quán tâm của những người này, sau đó mới nói pháp. Không nên đem đồ nhơ để trong bát báu, phải biết tâm niệm của các thầy Tỳ-kheo này, không nên cho lưu ly đồng với thủy tinh kia. Ông không thể biết căn nguyên của chúng sanh, không được dùng pháp Tiểu thừa phát khởi. Những người kia tự không thương tích, ông chớ làm thành thương tích. Muốn đi con đường lớn, chớ chỉ lối nhỏ. Không đem biển cả để vào dấu chân trâu. Không đem ánh sáng mặt trời sánh với ánh sáng đom đóm. Thưa ngài Phú-lâu-na, những vị Tỳ-kheo này xưa kia phát tâm Đại thừa, giữa chừng quên ý này, sao lại dùng pháp Tiểu thừa mà hướng dẫn họ? Tôi xem trí tuệ Tiểu thừa rất là cạn cợt, giống như người mù, không thể phân biệt tất cả căn cơ lợi độn của chúng sanh."

Khi ấy ông Duy-ma-cật liền nhập định, khiến cho những vị Tỳ-kheo này tự nhớ lại túc mạng, từng ở chỗ năm trăm đức Phật gieo trồng cội gốc công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền khi đó hoát nhiên nhớ được tâm trước. Lúc đó các thầy Tỳ-kheo này cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật. Khi ông Duy-ma-cật nhân vì họ nói pháp thì những vị đó đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không còn thối chuyển. Con nghĩ hàng Thanh văn không quán được căn cơ chúng sanh thì không nên nói pháp, thế nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, chữ Hán dịch là Mãn Từ Tử. Khi Phật nói những bài pháp đơn giản ngắn gọn, chư Tỳ-kheo không hiểu đến hỏi, Tôn giả giảng rộng ra cho mọi người đều hiểu. Vì vậy ngài được nổi tiếng là người nói pháp rất tài giỏi, là đại đệ tử thuyết pháp bậc nhất của Phật. Vậy mà cư sĩ Duy-ma-cật chê trách tôn giả Phú-lâu-na thậm tệ. Thuyết pháp mà không biết căn cơ chúng sanh, chẳng khác nào đem món ăn dơ để trong bát báu, đem ngọc lưu ly sánh với thủy tinh, đem pháp Tiểu thừa để giáo hóa; không nên đem nước biển cả đổ vào dấu chân trâu... Nhưng chúng ta chỉ nghe tôn giả Phú-lâu-na thuật lại, gần như mạt sát mình cho hội chúng nghe, chứ không nghe từ miệng cư sĩ Duy-ma-cật nói. Qua đó chúng ta thấy tinh thần

vô ngã của Tôn giả. Đương thời là người thuyết pháp đệ nhất, vậy mà ngài không chút phiền muộn khi nghe những lời chỉ trích thậm tệ từ một ông cư sĩ, mà còn nể phục.

Tóm lại, cư sĩ Duy-ma-cật nói, muốn thuyết pháp phải biết trình độ căn cơ của người, mới có lợi ích cho họ. Như cư sĩ Duy-ma-cật nhập định khiến người nghe nhớ được bản tâm, biết được túc mạng. Còn chúng ta không nhập định được, phải dò dẫm để biết trình độ căn cơ sở thích của họ thì khi giảng pháp người nghe mới có thể nhận hiểu được.

CA-CHIÊN-DIÊN

Chánh văn:

Phật bảo ngài Ma-ha Ca-chiên-diên:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ca-chiên-diên bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, Phật vì các thầy Tỳ-kheo lược nói pháp yếu, con liền sau đó diễn bày nghĩa kia, nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Ca-chiên-diên, không nên dùng tâm hạnh sanh diệt mà nói pháp thật tướng. Này Ca-chiên-diên, các pháp rốt ráo không sanh không diệt, ấy là nghĩa vô thường. Ngũ thọ ấm rỗng suốt không chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ. Các pháp cứu cánh không chỗ có, ấy là nghĩa không. Ngã và vô ngã không hai, ấy là nghĩa vô ngã. Pháp xưa không sanh nay ắt không diệt, ấy là nghĩa tịch diệt."

Khi ông nói pháp này, những vị Tỳ-kheo đó tâm liền được giải thoát. Cho nên con không thể đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Tôn giả Ca-chiên-diên là người nổi tiếng luận nghị đệ nhất. Khi Tôn giả đang diễn bày pháp yếu của Phật dạy về vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn

cho những vị Tỳ-kheo nghe, liền bị cư sĩ Duy-ma-cật quở: Không nên dùng tâm hạnh sanh diệt để nói thật tướng các pháp. Ngài nói về nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn tịch tĩnh là còn trên đối đãi, đứng về pháp tướng hư dối mà nói, chứ không phải thật tướng.

Các pháp rốt ráo không sanh không diệt, ấy là nghĩa vô thường. Pháp tướng có sanh diệt nên nói vô thường. Pháp cứu cánh không sanh không diệt, tại sao nói vô thường? Nói vô thường là chỉ cho cái giả tướng duyên hợp. Đứng về pháp tánh thì không sanh không diệt, nhưng duyên hợp thành tướng mới có sanh diệt. Cái không sanh không diệt đâu rời tướng sanh diệt, cho nên nói các pháp cứu cánh không sanh không diệt là nghĩa vô thường. Như cái bàn tánh nó là không, do duyên hợp tạm có, đủ duyên thì hợp hết duyên thì tan, nên có sanh có diệt là pháp vô thường. Như vậy vô thường là chỉ cho giả tướng duyên hợp, còn pháp tánh thì không sanh không diệt.

Ngũ thọ ấm rỗng suốt không chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ. Thân của chúng ta do năm ấm chung hợp tạm có, bị chi phối bởi sanh già bệnh chết. Chúng sanh vô minh chấp năm ấm là thật, khi bị sanh diệt thì khổ đau. Nói khổ là trên tướng của năm ấm, còn trên tánh thì năm ấm rỗng suốt, là không. Từ cái tánh đó duyên hợp thành tướng, cho nên nói năm ấm rỗng không không có chỗ khởi, ấy là nghĩa khổ.

Các pháp cứu cánh không chỗ có, ấy là nghĩa không. Các pháp cứu cánh không, vì các pháp vốn không thật có mà do duyên hợp. Không pháp nào tự có nên cứu cánh là không. Như vậy mới gọi là nghĩa không.

Ngã và vô ngã không hai, ấy là nghĩa vô ngã. Nếu thấy cái ngã này là thật, vô ngã cũng thật, tức là thấy hai. Mà ngã và vô ngã không rời nhau, nên thấy có hai cái riêng khác là hư dối. Như người thế gian thấy thân này là thật, là hữu ngã. Khi biết tu thấy thân này không thật, không có chủ, là vô ngã. Như vậy hữu ngã, vô ngã cũng căn cứ trên thân này. Nếu không mắc kẹt bên hữu ngã, bên vô ngã tức là một niệm bình đẳng. Đó là nghĩa vô ngã.

Pháp xưa không sanh nay ắt không diệt, ấy là nghĩa tịch diệt. Tịch diệt tức là Niết-bàn. Thường chúng ta nghĩ tịch diệt là lặng lẽ, là đang động rồi dừng. Nhưng đây nói trước không sanh sau không diệt là lặng lẽ tịch diệt. Như Lục Tổ nói: *Niệm trước không sanh tức tâm, niệm sau không diệt tức Phật*, chính là nghĩa này.

Trước không sanh, nay không diệt. Thấy không sanh không diệt chính là đạt được nghĩa tịch diệt. Ngay thân tứ đại này nếu thấy thật mới có sanh tử, còn nếu không thật thì đâu có sanh tử. Như bóng hiện rồi mất, mất rồi hiện thì sự mất hiện đó không có nghĩa sanh tử, chỉ là cái bóng, là huyễn hóa. Bởi thấy huyễn hóa nên sanh không thật sanh, tử không thật tử, vấn đề

sanh tử đã hết, ngay đó là giải thoát. Giải thoát cũng không nói giải thoát mới thật là bất nhị. Như vậy muốn đạt tới chỗ tịch diệt Niết-bàn thì thấy các pháp nguyên thể là không sanh không diệt. Đó là ý nghĩa tịch diệt.

Tóm lại, cư sĩ Duy-ma-cật nói nghĩa vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn là đứng trên pháp tánh. Còn tôn giả Ca-chiên-diên căn cứ trên pháp tướng mà nói, nên đồng với cái thấy hiểu theo nghĩa tương đối của chúng ta.

A-NA-LUẬT

Chánh văn:

Phật bảo ngài A-na-luật:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài A-na-luật bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ lại ngày xưa, ở một chỗ đi kinh hành, khi đó có Phạm vương tên là Nghiêm Tịnh cùng với muôn vị Phạm vương phóng hào quang sáng suốt, đến chỗ của con cúi đầu làm lễ, hỏi con: "A-na-luật, thiên nhãn của ngài thấy xa được bao nhiêu?" Con liền đáp rằng: "Này nhân giả! Tôi thấy cõi tam thiên đại thiên thế giới của đức Phật Thích-ca-mâu-ni này như xem trái am-ma-lặc ở trong lòng bàn tay."

Khi đó ông Duy-ma-cật đến hỏi con: "Thưa ngài A-na-luật, thiên nhãn của ngài thấy, là làm ra tướng mà thấy hay không làm ra tướng mà thấy? Giả sử làm ra tướng thì cùng với ngũ thông của ngoại đạo không khác. Nếu không làm ra tướng ấy là vô vi, vô vi thì không nên có thấy."

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con lặng thinh. Những vị Phạm vương kia nghe lời nói này rồi thì được chưa từng có. Liền làm lễ mà hỏi rằng: "Ở trên đời này ai có được chân thiên nhãn?"

Ông Duy-ma-cật đáp: "Có đức Phật Thế Tôn được chân thiên nhãn, thường ở trong chánh định, thảy đều thấy các cõi chư Phật không do hai tướng."

Khi ấy, Phạm vương Nghiêm Tịnh và quyến thuộc năm trăm vị Phạm thiên đều được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, bỗng nhiên biến mất. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Đoạn này chúng ta thấy cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật khác với tôn giả A-na-luật. Tôn giả A-na-luật được thiên nhãn, thấy thế giới đức Phật Thích-ca giáo hóa không chỉ cõi Ta-bà, mà cả tam thiên đại thiên thế giới, giống như nhìn trái ổi hay trái xoài trong lòng bàn tay rõ ràng không khác. Cái thấy đó quá sức tưởng tượng của mọi người. Nhưng bị cư sĩ Duy-ma-cật gạn hỏi, ngài thấy đó là do có tướng mà thấy hay không tướng mà thấy? Nếu có tướng mà thấy thì giống như ngoại đạo. Ngoại đạo được ngũ thông, trong đó có thiên nhãn thông cũng thấy được rộng như ngài A-na-luật. Nếu không tạo ra tướng mà thấy là vô vi, vô vi làm sao có thấy! Như vậy với cư sĩ Duy-ma-cật, thiên nhãn còn nằm trong đối đãi, chưa phải thiên nhãn chân thật.

Đến đây chư thiên hỏi thế nào là chân thiên nhãn, ai có chân thiên nhãn? Ông đáp, chỉ đức Phật mới có. Chân thiên nhãn của Phật là ngay trong chánh định thấy tất cả cõi nước của chư Phật, không rơi vào hai tướng

có không, không kẹt hai bên, hằng sống trong chánh định nên mới có chân thiên nhãn. Tôn giả A-na-luật chỉ thấy thế giới trong phạm vi giáo hóa của đức Phật Thích-ca, cái thấy của đức Phật vượt hơn hẳn ngài A-na-luật, Phật thấy rõ chư Phật ở các cõi nước, danh hiệu của các ngài, đang thuyết pháp gì...

Qua đó chúng ta thấy trên phương diện tu hành, tôn giả A-na-luật tuy tâm được thanh tịnh nhưng còn trong đối đãi, nên cái thấy cũng chưa rộng khắp. Khi nào vượt khỏi đối đãi, tâm hoàn toàn thanh tịnh, hằng sống trong chánh định thì chẳng những nhìn thấy một cõi Phật mà còn thấy hằng hà sa số cõi Phật. Đó là chỗ tu hành, không phải chuyện huyền bí, mà đây là lẽ thật. Do trí tuệ sáng suốt của ngài thấy được rõ ràng chứ không phải ức thuyết hay tưởng tượng. Đức Phật thấy trong bầu hư không này thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Sông Hằng chảy từ núi Tuyết ra tới biển, có chừng bao nhiêu cát? Như sông Đồng Nai, chúng ta còn không thể đếm được số cát của nó, huống nữa là sông Hằng. Thế mà Phật nói cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng. Vậy mới thấy giá trị của sự tu.

Chúng ta tu thiền, cốt cho tâm an định, khi tâm an thì trí sáng, tâm bất an trí rối loạn. Trí sáng đó hiển lộ qua sáu căn nên gọi là lục thông. Do tâm an định, trí tự sáng, đó là thần thông chân thật. Còn thần thông do luyện tập thì có giới hạn. Cho nên những điều Phật nói thật khó hiểu, vì cái thấy của ngài vượt quá sức tưởng tượng của chúng ta. Đức Phật nói, điều ta

dạy các ngươi giống như lá cây trong nắm tay ta, còn những điều ta biết mà không nói ra, nhiều như lá cây trong rừng.

Thế nên tu đến chỗ tâm thanh tịnh bình đẳng thì hiệu quả không thể nào lường được, không thể dùng trí phàm tục mà biết đến được.

ƯU-BA-LY

Chánh văn:

Phật bảo ngài Ưu-ba-ly:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ lại thuở xưa có hai vị Tỳ-kheo phạm luật hạnh, cho là hổ thẹn không dám hỏi Phật, đến hỏi con: "Thưa ngài Ưu-ba-ly, chúng tôi phạm giới luật, thật là xấu hổ, không dám đến hỏi Phật, cúi mong ngài giải quyết nghi ngờ cho chúng tôi, để được thoát khỏi những lỗi này!"

Con liền đúng như pháp vì họ giải nói. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Thưa ngài Ưu-ba-ly, không nên thêm tội cho hai thầy Tỳ-kheo này! Phải thẳng trừ diệt, chớ có làm nhiễu loạn tâm hai vị ấy. Vì cớ sao? Vì tánh tội không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, như lời Phật nói tâm cấu nên chúng sanh cấu, tâm tịnh nên chúng sanh tịnh. Tâm cũng không ở trong, không ở ngoài, không ở chặng giữa, tâm kia như thế, tội cấu như thế, các pháp cũng như thế, không ra ngoài chân như. Như ngài Ưu-ba-ly, khi do tâm tướng được giải thoát, há có cấu chăng?"

Con trả lời: "Không vậy." Ông Duy-ma-cật nói: "Tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu, cũng lại như thế. Thưa ngài Ưu-ba-ly, vọng tưởng là cấu,

không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh. Này ngài Ưu-ba-ly, tất cả pháp sanh diệt không trụ không dừng, như huyễn như điện, các pháp không đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều là vọng kiến, như mộng, như sóng nắng, như trăng trong nước, như bóng trong gương, do vọng tưởng sanh. Người biết được như thế mới gọi là giữ giới luật. Người biết được như thế, ấy mới gọi là khéo hiểu."

Khi ấy hai thầy Tỳ-kheo nói: "Thật là thượng trí thay! Ngài Ưu-ba-ly không thể nào bì kịp, ngài là người giữ giới hơn hết mà cũng không thể nói được."

Con liền đáp: "Ngoài đức Như Lai ra, chưa có hàng Thanh văn hay Bồ-tát nào có thể chế phục được nhạo thuyết biện tài của ông Duy-ma-cật, trí tuệ minh đạt của ông là như vậy đó."

Lúc bấy giờ hai thầy Tỳ-kheo liền dứt hết các nghi, phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và phát nguyện: "Nguyện cho tất cả chúng sanh đều được biện tài như thế." Cho nên con không thể đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Giảng:

Đoạn này chúng ta thấy tôn giả Ưu-ba-ly đứng trên phương diện giới tướng kết tội, giải nghi cho hai vị Tỳ-kheo. Như người phạm giới sát hay dâm dục, về tướng thì đã phạm giới bị kết tội, vì thấy tội đó

là thật, không thể giảm chế được. Còn cư sĩ Duy-ma-cật đứng về phương diện tánh để luận tội.

Trong bài sám hối hằng đêm của chúng ta có câu:

Tội tánh bản không do tâm tạo,
Tâm nhược diệt thời tội diệt vong;
Tội vong tâm diệt lưỡng câu không,
Thị tắc danh vi chân sám hối.

Tánh tội vốn là không, vì tội không thật, không cố định, làm sao kết tội được. Như chúng ta làm tội, trước do ý thức nhiễm. Từ ý thức khởi, thân miệng mới hành, tạo thành nghiệp thành tội. Như vậy động cơ chủ yếu tạo tội là ý thức. Nhưng ý thức khởi tạo tội ở đâu, ở trong, ở ngoài, hay ở chặng giữa, nó thật hay không thật? Tìm lại thì mất, chỉ là một mớ vọng tưởng liên tục tạm gọi là ý thức. Khi biết bản chất vọng tưởng là gốc tạo tội không thật, nghiệp do tội tạo ra cũng không thật thì tướng của tội đâu có thật.

Thí dụ có người xây nhà lầu ba tầng, tầng một không bền chắc thì tầng hai tầng ba sẽ mau hư hoại. Cũng vậy, từ tâm khởi niệm tạo tội, khẩu thân cũng theo đó tạo thành tội thành nghiệp nên kết quả phải chịu quả báo của tội. Tâm là gốc, vốn không thật thì khẩu thân cũng không thật. Nếu đứng trên tướng tội mà luận thì chưa rốt ráo, trên tánh tội thấy nó không thật thì tội đâu còn, mới là rốt ráo.

Trở lại bài sám hối: Tánh tội vốn là không, do tâm tạo, mà tâm không thật, nên khi nhìn lại nó mất

tức là tâm diệt. Tâm diệt thì tội theo đó cũng không còn. Như vậy gọi là sám hối về tánh tội.

Kế đây nói về tánh của tâm. Chúng sanh thành cấu thành tịnh là do tâm cấu tịnh, thành người xấu người tốt là do tâm nghĩ xấu nghĩ tốt. Như vậy tốt xấu là gốc từ tâm. Mà tâm vốn không thật có, không ở trong, không ở ngoài, cũng không ở chặng giữa. Tìm đến rốt ráo thì trở về lặng lẽ như như. Tâm đã như, các tội cũng như. Các tội như thì chúng sanh cũng như. Chúng ta tu nếu biết phản quan thì thấy tâm không thật, tội lỗi theo đó dứt. Thấy được như vậy là thấy tột cùng gốc tội lỗi. Trên giả tướng, tội lỗi là tướng hư dối. Vì thân và nghiệp đều là tướng biến dịch, không thật. Thế nên tu là phải tìm tận gốc tánh của tội và tánh của tâm.

Cư sĩ Duy-ma-cật dẫn chứng cho tôn giả Ưu-ba-ly, tâm tướng của ngài do tu hành thanh tịnh được giải thoát. Khi giải thoát nó còn cấu hay không? Tôn giả Ưu-ba-ly đáp không. Cư sĩ Duy-ma-cật kết luận, tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu cũng lại như thế. Nếu tâm chúng sanh cố định là cấu thì không thể bỏ cấu được tịnh. Phật tánh đã sẵn có nơi mỗi người, nhưng vì lớp vỏ phiền não cấu uế phủ che bên ngoài nên không thể thấy. Khi nào phá được lớp vỏ đó thì tâm cấu trở thành tịnh. Vì vậy ai tu cũng có thể giác ngộ giải thoát thành Phật được. Vậy trên đường tu chúng ta chỉ cần khéo gạn lọc, phiền não cấu uế nơi tâm sạch rồi, Phật tánh sẽ hiển bày chứ không tìm kiếm đâu xa.

Ví như người cha có của báu để trong hũ chôn dưới đất, dặn bảo con, cha có chôn hũ vàng ở bụi tre sau vườn, khi cha chết con đào lên lấy để xài. Cha qua đời, người con biết rõ chỗ cha chỉ, đào lên lấy được hũ vàng. Người đó có ngán đào không? Dù mệt cũng cố đào vì biết sẽ được của báu. Của báu sẵn có trong nhà dại gì không lấy ra xài. Cũng vậy, chúng ta đầy đủ phước duyên, được học Phật pháp nên biết được tâm giác ngộ giải thoát có sẵn nơi mỗi người. Chỉ cần nỗ lực tiến tu, dẹp hết những nhơ cấu trong tâm sẽ nhận được của báu, đừng chần chừ nhút nhát, uổng phí một đời.

Tất cả chúng sanh tâm tướng không cấu, cũng lại như thế. Thưa ngài Ưu-ba-ly, vọng tưởng là cấu, không vọng tưởng là tịnh. Điên đảo là cấu, không điên đảo là tịnh. Chấp ngã là cấu, không chấp ngã là tịnh.

Việc tu của chúng ta là buông bỏ vọng tưởng để tâm được tịnh. Tâm tịnh tức được giải thoát, giác ngộ. Nếu còn vọng tưởng là còn cấu nhơ. Có vọng tưởng mới có điên đảo, trong kinh Bát-nhã gom vọng tưởng và điên đảo chung thành một. Như vậy vọng tưởng điên đảo là cấu, không vọng tưởng điên đảo là tịnh.

Người xuất gia phải giữ giới luật, nếu giữ giới mà chấp ngã nặng thì không thể giải thoát. Thí dụ giới luật Tỳ-kheo không được cuốc đất, không làm tổn hại cỏ cây... Mình giữ luật nghiêm trang, người khác không giữ được thì khinh họ. Vậy là còn chấp ngã, là chưa giải thoát. Dù lăn lộn giữa quần chúng mà không chấp ngã thì vẫn thanh tịnh, còn nếu ngồi trong đạo tràng

mà chấp ngã cao cũng là cấu uế. Chủ yếu là đừng chấp ngã. Cội gốc phiền não, ngã mạn, nóng giận, kiêu căng v.v... đều do chấp ngã mà ra. Vì thấy ta là quan trọng nên ai động tới liền nổi sân. Không ngã thì không phiền não, tâm được an tịnh. Như vậy lời giảng của cư sĩ Duy-ma-cật rất chí lý, chỉ thẳng cái thật cho mình biết, không nên chấp tướng.

Trong luật Tỳ-kheo, phần y và bát gần hết một phần ba số giới luật. Người tu ra khỏi trú xứ cách đêm phải mang theo ba y và bình bát. Hiện nay vẫn còn một số vị giữ đúng luật này. Nhưng ở thiền viện hay ngôi già-lam, ra đường không quấn y mang bát đi khất thực, như vậy là có bỏ giới luật không? Theo tinh thần Đại thừa, giữ giới luật không cố chấp trên hình thức khuôn khổ. Có nhiều vị tu thiền tập quán chiếu theo trí Bát-nhã, chính khi tu như vậy là đã giữ giới luật. Giới luật của Phật ngăn cấm những tâm niệm phóng túng buông lung, không cho chạy theo sáu trần ô nhiễm. Bây giờ vọng tưởng dấy lên không theo là đã giữ giới, đây là giữ giới tận gốc rễ, không phải bằng hình tướng bên ngoài. Nếu giữ giới tướng mà còn chấp ngã là chưa đúng tinh thần giữ giới của Phật dạy. Phải biết tất cả các pháp là hư giả không theo, đó là chỗ thiết yếu. Cư sĩ Duy-ma-cật giải thích cho tôn giả Ưu-ba-ly nghe tường tận, cũng là dạy gián tiếp cho chúng ta.

Tất cả pháp sanh diệt không trụ không dừng, như huyễn như điện, các pháp không đối đãi cho đến một niệm cũng không dừng. Các pháp đều là vọng kiến, như mộng, như sóng nắng, như trăng trong nước, như bóng

trong gương, do vọng tưởng sanh. Người biết được như thế mới gọi là giữ giới luật. Người biết được như thế, ấy mới gọi là khéo hiểu.

Hằng thấy các pháp như huyễn như hóa, như trăng trong nước, như bóng trong gương và biết tất cả đều do vọng tưởng sanh, người đó đã giữ giới luật. Sở dĩ Phật cấm không cho tham nhiễm ngũ dục vì ngũ dục tạo nên tội lỗi. Thấy ngũ dục huyễn hóa thì còn gì tham nhiễm. Thấy đúng như vậy là đã giữ giới, biết được như vậy gọi là người khéo hiểu.

Tóm lại, đoạn trước ông chỉ cho chúng ta thấy tánh tội không thật, từ tâm mà ra. Tâm không thật, tội cũng không thật nên trở về như.

Đoạn giữa, chỉ tâm cấu, ngã cấu và chúng sanh cũng cấu, tâm tịnh thì chúng sanh tịnh. Vọng tưởng là nhơ, hết vọng tưởng là sạch v.v... Như vậy, tất cả tội gốc từ tâm ra. Tâm thanh tịnh, muôn tội theo đó đều hết.

Đoạn sau, thấy biết tất cả pháp như huyễn hóa thì không còn dính mắc, là người chân chánh giữ giới luật.

Khi ấy, hai thầy Tỳ-kheo liền dứt hết nghi và phát tâm vô thượng Bồ-đề.

LA-HẦU-LA

Chánh văn:

Phật bảo ngài La-hầu-la:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài La-hầu-la bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa ở thành Tỳ-da-ly, các con ông trưởng giả đến chỗ của con, cúi đầu làm lễ, hỏi con rằng: "Thưa ngài La-hầu-la, ngài là con của Phật, đã bỏ ngôi Chuyển luân thánh vương đi xuất gia hành đạo. Xuất gia đó có những lợi ích gì?" Con liền đúng như pháp vì họ nói lợi ích của công đức xuất gia. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con rằng: "Thưa ngài La-hầu-la, không nên nói cái lợi của công đức xuất gia. Vì cớ sao? Không lợi, không công đức, ấy là xuất gia. Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi, có công đức. Phàm xuất gia là pháp vô vi, mà trong pháp vô vi thì không lợi, không công đức. La-hầu-la, xuất gia đó không kia không đây, cũng không khoảng giữa. Lìa sáu mươi hai kiến chấp, ở nơi Niết-bàn. Người trí thọ nhận là chỗ sở hành của hàng thánh giả. Hàng phục chúng ma, qua được năm đạo, trong sạch ngũ nhãn, được ngũ lực, lập ngũ căn. Không não hại người khác, lìa các tạp ác. Dẹp phá các ngoại đạo, vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy, không bị trói buộc. Không ngã sở, không sở thọ. Không bị nhiễu loạn, trong tâm vui vẻ.

Bảo hộ ý kia, tùy thuận thiền định, lìa các lỗi ác. Nếu hay như thế, ấy là chân xuất gia."

Khi đó ông Duy-ma-cật bảo các con trưởng giả: "Các ông ở trong chánh pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì cớ sao? Vì Phật ra đời rất khó được gặp."

Các con trưởng giả thưa: "Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật nói cha mẹ không cho thì không được xuất gia."

Ông Duy-ma-cật nói: "Đúng vậy! Ngay khi các ông phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó chính là xuất gia, đó chính là thọ giới Cụ túc."

Khi ấy ba mươi hai người con ông trưởng giả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Tôn giả La-hầu-la nói về lợi ích của công đức xuất gia là trên hình thức. Trong kinh Phật cũng nói về việc này nhưng trên phương diện đối đãi của tướng hữu vi, chứ không nói đến nghĩa vô vi. Còn cư sĩ Duy-ma-cật nói thẳng đến chỗ vô vi không tướng. Không tướng thì nói gì có lợi, có công đức! Ở đây giống ý tổ Đạt-ma trả lời câu hỏi của vua Lương Võ Đế, ông cất chùa và nuôi tăng chúng v.v... rất nhiều, vậy có lợi ích, có công đức gì không? Tổ đáp, hoàn toàn không công đức. Nói công đức, phước đức chỉ là tướng sanh diệt, còn chỗ chân thật ra ngoài tướng đối đãi, nên nói là không.

Như vậy cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật gần với nhà thiền. Quan niệm của đa số người xuất gia cho rằng không lợi, không công đức thì tu làm gì. Nhưng đến chỗ vô vi giải thoát không còn nằm trên giả tướng thì đâu còn thấy có lợi, có công đức.

Pháp hữu vi thì có thể nói có lợi, có công đức. Phàm xuất gia là pháp vô vi, mà trong pháp vô vi thì không lợi, không công đức. Câu này cư sĩ Duy-ma-cật xác nhận, không lợi không công đức là đứng trên pháp vô vi. Như nói người xuất gia không bận việc gia đình, khỏi lo con cái, nên rảnh rang tu hành, đó là lợi về hình thức. Chủ yếu người xuất gia đâu chỉ muốn được phước tương đối, mà mục đích cứu cánh là mong cầu giải thoát, tức là đi tới chỗ vô vi.

La-hầu-la, xuất gia đó, không kia không đây, cũng không khoảng giữa. Lìa sáu mươi hai kiến chấp, ở nơi Niết-bàn. Người trí thọ nhận là chỗ sở hành của hàng thánh giả. Hàng phục chúng ma, qua được năm đạo, trong sạch ngũ nhãn, được ngũ lực, lập ngũ căn. Không não hại người khác, lìa các tạp ác. Dẹp phá các ngoại đạo, vượt khỏi các giả danh. Ra khỏi bùn lầy, không bị trói buộc. Không ngã sở, không sở thọ. Không bị nhiễu loạn, trong tâm vui vẻ. Bảo hộ ý kia, tùy thuận thiền định, lìa các lỗi ác. Nếu hay như thế, ấy là chân xuất gia.

Như vậy người xuất gia là người thoát khỏi ngã nhân chúng sanh, là chỗ thọ nhận của người trí, chỗ sở

hành của bậc thánh, hàng phục chúng ma, qua được năm đạo. Nếu nói chỉ từ bỏ nhà thế tục, nhà cha mẹ vào chùa là xuất gia, hiểu như thế thì đời tu chưa có giá trị. Theo cư sĩ Duy-ma-cật, xuất gia không phải chỉ ra khỏi nhà thế tục mà phải ra khỏi nhà phiền não và nhà tam giới. Phải rời ngã ngã sở, hằng ở nơi Niết-bàn, hằng vượt ra khỏi mọi trói buộc nhiễm ô và hằng ở trong thiền định. Đó mới là mục đích cứu cánh của người chân chánh xuất gia. Như vậy ông đã làm sáng tỏ thêm ý nghĩa xuất gia chứ không phải nói lý suông.

Khi đó ông Duy-ma-cật bảo các con trưởng giả: "Các ông ở trong chánh pháp nên cùng nhau xuất gia. Vì cớ sao? Vì Phật ra đời rất khó được gặp." Cư sĩ Duy-ma-cật khuyên các con trưởng giả nên ở trong chánh pháp phát tâm xuất gia, vì được gặp Phật ra đời là rất khó.

Các con trưởng giả thưa: "Thưa cư sĩ, chúng tôi nghe Phật nói cha mẹ không cho thì không được xuất gia."

Ông Duy-ma-cật nói: "Đúng vậy! Ngay khi các ông phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó chính là xuất gia, đó chính là thọ giới Cụ túc."

Theo luật Phật chế, muốn xuất gia thì phải được sự chấp thuận của cha mẹ, phải vào chùa cạo bỏ râu tóc. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật không nặng về hình thức, mà cho rằng ngay khi phát tâm cầu thành Phật, đó là xuất gia, là thọ giới Cụ túc. Thế nên người xuất gia phải luôn nhớ và nhắm thẳng mục đích cứu cánh là cầu thành Phật để tiến tu.

Khi ấy ba mươi hai người con ông trưởng giả đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Tóm lại, ở đây cư sĩ Duy-ma-cật muốn nói nghĩa xuất gia là pháp vô vi, là đi thẳng vào giải thoát, nên khuyên tôn giả La-hầu-la đừng lấy lợi của pháp hữu vi mà nói với các con ông trưởng giả. Đoạn kế muốn giản trạch, người xuất gia là phá được tất cả phiền não, ra khỏi nhà tam giới, ở nơi Niết-bàn. Đó là ý nghĩa xuất gia chân thật.

A-NAN

Chánh văn:

Phật bảo ngài A-nan:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Con nhớ thuở xưa, Thế Tôn thân có chút bệnh phải dùng sữa bò, con liền mang bát đến đứng trước cửa nhà đại Bà-la-môn. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến hỏi con: "Thưa ngài A-nan, vì sao sáng sớm mang bát đến đứng đây?"

Con đáp: "Này cư sĩ, thân Thế Tôn có chút bệnh phải dùng sữa bò, nên tôi đến đứng đây."

Ông Duy-ma-cật nói: "Thôi, thôi! A-nan chớ có nói lời ấy. Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt, các thiện đã đầy đủ, sao phải có bệnh, sao phải có não? Lặng lẽ mà đi, A-nan. Chớ phỉ báng Như Lai, chớ cho những người khác nghe lời thô này. Không nên để chư thiên đầy đủ oai đức và những vị Bồ-tát đến từ các cõi tịnh độ khác nghe được lời nói này. A-nan, vị Chuyển luân thánh vương chỉ có chút ít phước còn được không bệnh, huống chi Như Lai đầy đủ vô lượng phước đức thù thắng đó ư! Hãy đi A-nan! Chớ khiến chúng tôi phải chịu sự hổ thẹn. Ngoại đạo, Phạm chí nếu

nghe được lời này thì sẽ khởi nghĩ rằng: "Sao gọi là thầy? Tự mình không thể cứu bệnh mà có thể cứu bệnh cho người khác?" Ngài nên lén đi mau, chớ để cho người nghe. A-nan nên biết, thân Như Lai tức là pháp thân không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt qua cả tam giới. Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt. Thân Phật vô vi, không rơi vào các số. Thân như thế sao còn có bệnh? Sao còn có não?"

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con thật là hổ thẹn, chẳng lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư?

Liền khi ấy ở trong không trung có tiếng: "Này A-nan, đúng như cư sĩ nói. Chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trược ác thế nên thị hiện pháp này để độ thoát chúng sanh. Hãy đi A-nan, nhận lấy sữa chớ hổ thẹn."

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật trí tuệ biện tài như thế. Nên con không dám đến thăm bệnh ông.

Như thế năm trăm vị đại đệ tử mỗi vị hướng về Phật nói về bản duyên kia, thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói: "Con không kham đến thăm bệnh ông ấy!"

Giảng:

Đức Thế Tôn có chút bệnh, tôn giả A-nan mang bát đến trước cửa nhà một vị đại Bà-la-môn để xin sữa.

Khi ấy cư sĩ Duy-ma-cật đến hỏi tôn giả A-nan, vì sao sáng sớm mang bát đứng đây làm gì? A-nan nói, vì thân Thế Tôn có chút bệnh nên tôi đến đây để xin sữa. Cư sĩ Duy-ma-cật nói: Thân Như Lai là thể kim cang, các ác đã dứt, các thiện đã đầy đủ, sao lại nói có bệnh có não? Tôn giả A-nan hãy lặng lẽ đi mau. Nói như vậy là phỉ báng Như Lai, đừng để ngoại đạo, chư thiên và chư Bồ-tát đến từ các cõi tịnh độ khác nghe lời nói này, thật là xấu hổ.

A-nan, vị Chuyển luân thánh vương chỉ có chút ít phước còn được không bệnh, huống chi Như Lai đầy đủ vô lượng phước đức thù thắng đó ư! Hãy đi A-nan! Chớ khiến chúng tôi phải chịu sự hổ thẹn. Ngoại đạo, Phạm chí nếu nghe được lời này thì sẽ khởi nghĩ rằng: Sao gọi là thầy? Tự mình không thể cứu bệnh mà có thể cứu bệnh cho người khác? Vì sao tôn giả A-nan nói thân Như Lai bệnh mà cư sĩ Duy-ma-cật cho là hổ thẹn? Vì ông sợ ngoại đạo, Phạm chí nghe nói lời này sẽ đặt câu hỏi: Đã là một vị thầy, có bệnh không tự cứu, làm sao có thể cứu bệnh cho người khác được?

Bệnh có thân bệnh và tâm bệnh. Về thân, tôi thường dạy các Phật tử siêng năng ngồi thiền, thân sẽ ít bệnh. Nói về tâm, tu là để diệt phiền não hết khổ đau, chứ đâu có ai nói tu là nuôi phiền não. Mình chưa diệt phiền não làm sao dạy người diệt phiền não được. Người xuất gia dù chỉ mới tu năm tháng mười tháng, ít ra phải bớt phiền não, gương mặt luôn vui tươi. Như vậy mới tạo niềm tin cho người phát tâm đến với đạo.

Có Phật tử nói: "Hôm trước, Thầy con giận mấy chú điệu, muốn bỏ chùa đi. Tụi con phải năn nỉ, xin Thầy ở lại." Thầy dọa bỏ đi không phải là vì phiền não. Tâm nguyện vị thầy luôn muốn đệ tử trở thành người hữu dụng trong Phật pháp, nên phải răn dạy, rầy la mỗi khi họ làm những điều sai quấy. Nếu không họ cứ tưởng làm như vậy là hay là đúng. Rầy la như thế là vì lòng từ bi.

Người tu phải vượt qua những khó khăn buổi đầu, như ngồi thiền phải chịu đau chân, lúc bệnh không rên không than. Phải tập có sức chịu đựng, thắng được những cơn bệnh nhỏ, chứ đừng yếu đuối. Gốc của việc tu là giải thoát, mà không chịu nắm giữ, cứ vịn những cành lá phiền não rồi nhọc nhằn với nó. Phải gan dạ, dứt khoát buông bỏ mới có thể tiến được. Trước kia tôi bệnh phổi, bác sĩ đang điều trị, bệnh chưa dứt hẳn, nhưng nhờ tôi ngồi thiền nhiều nên hết bệnh lúc nào không hay. Người tu thiền, khi bị cảm ho chỉ cần dụng công ngồi thiền đúng phương pháp, bệnh sẽ tự khỏi.

Ngài nên lén đi mau, chớ để cho người nghe. A-nan nên biết, thân Như Lai tức là pháp thân không phải thân tư dục. Phật là bậc Thế Tôn vượt qua cả tam giới. Thân Phật vô lậu, các lậu đã dứt. Thân Phật vô vi, không rơi vào các số. Thân như thế sao còn có bệnh? Sao còn có não?

Bạch Thế Tôn! Khi ấy con thật là hổ thẹn. Chẳng lẽ con gần Phật mà nghe lầm ư?

Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật bảo tôn giả A-nan phải lén đi cho nhanh, chớ để cho người khác nghe. Vì thân Phật là pháp thân, là thân đã vượt ra khỏi tam giới, không còn lậu hoặc nên không còn bệnh không còn não.

Lúc đó tôn giả A-nan quá hổ thẹn, cứ bị đuổi đi hoài nên cảm thấy tủi thân. Thầm nghĩ, Phật bệnh mình đi xin sữa cho Phật mà bị ông ấy đuổi như vậy, chẳng lẽ gần bên Phật mà mình nghe lầm chăng?

Liền khi ấy ở trong không trung có tiếng: "Này A-nan, đúng như cư sĩ nói. Chỉ vì Phật ra đời nơi ngũ trược ác thế nên thị hiện pháp này để độ thoát chúng sanh. Hãy đi A-nan, nhận lấy sữa chớ hổ thẹn."

Tôn giả A-nan đang suy nghĩ, bỗng trên không trung có tiếng nói xác nhận thêm lời cư sĩ Duy-ma-cật là đúng. Pháp thân Như Lai đâu có bệnh, nhưng vì phương tiện Phật thị hiện sanh trong đời ác ngũ trược, nên cũng có sanh già bệnh chết như chúng sanh để giáo hóa cứu độ họ. Đó là ứng thân của Như Lai. Thế nên tôn giả A-nan phải đi xin sữa cho đức Thế Tôn, đâu có gì phải hổ thẹn.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật trí tuệ biện tài như thế. Nên con không dám đến thăm bệnh ông.

Như thế, năm trăm vị đại đệ tử mỗi vị hướng về Phật nói về bản duyên kia, thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói: "Con không kham đến thăm bệnh ông ấy!"

Trong kinh sử của Phật giáo Nguyên thủy nói rất rõ, hàng Nhị thừa quan niệm thân Phật là thân hiện hữu ở thế gian, có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, đó là báo thân hay ứng thân. Còn trong giáo lý Đại thừa thấy thân Phật là pháp thân, là thể kim cương bất sanh bất diệt. Kim cương là chất cứng rắn nhất, không gì hoại được, nên trong kinh dùng thể kim cương dụ cho pháp thân. Pháp thân không có tướng, chứ không phải thân hiện hữu khi Phật còn ở Ấn Độ. Pháp thân không tướng làm sao có bệnh mà nói đi xin sữa.

Qua đó chúng ta thấy mỗi bên có cái nhìn khác nhau, một bên nhìn về báo thân hay ứng thân, còn một bên nhìn về pháp thân. Ứng thân hay báo thân là tướng sanh diệt. Nếu tu chỉ được phước tướng, qua mấy mươi năm rồi cũng phải hoại. Mục đích cứu cánh của người tu là phải đạt được pháp thân bất sanh bất diệt. Tuy nhiên, nhờ thân sanh diệt này để tu mới đạt được pháp thân, cho nên từ tướng sanh diệt để tiến tới chỗ vô sanh, mới đúng ý nghĩa cứu cánh chân thật.

Tóm lại, ngoài mười vị đệ tử lớn kể trên còn năm trăm vị đại đệ tử nữa, mỗi vị đều hướng về Phật nói nhân duyên trước kia để khen ngợi cư sĩ Duy-ma-cật, đều nói không kham đến thăm bệnh ông ấy. Chúng ta thấy tinh thần nêu lên ở đây, dù là cư sĩ nhưng đạt đến chỗ cứu cánh thì người xuất gia vẫn khen ngợi tán thán. Muốn đến chỗ cứu cánh bình đẳng chân thật thì phải thấy thẳng pháp tánh, nhận ra pháp thân.

Thanh văn và Bồ-tát khác nhau, nhưng hỗ tương nhau để triển khai từ tướng thẳng vào tánh, chứ không phải các ngài chống đối nhau. Hàng Thanh văn thì nương trên tướng, còn Bồ-tát đi thẳng vào tánh. Muốn tu thì từ thân này mà tu, mới thấy được pháp thân. Pháp thân là thể, ứng thân hay hóa thân là dụng.

IV- PHẨM BỒ-TÁT

BỒ-TÁT DI-LẶC

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Di-lặc bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con vì Thiên vương ở cung trời Đâu-suất và quyến thuộc của người, nói về hạnh bất thối chuyển. Lúc ấy ông Duy-ma-cật đến bảo con: "Ngài Di-lặc! Đức Thế Tôn thọ ký cho nhân giả, một đời sẽ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vậy đời nào ngài được thọ ký? Đời quá khứ chăng? Đời vị lai chăng? Đời hiện tại chăng? Nếu đời quá khứ, thì quá khứ đã qua.

Nếu đời vị lai, thì vị lai chưa đến. Nếu đời hiện tại, thì hiện tại không dừng. Như lời Phật nói: "Này các Tỳ-kheo! Chính ông hiện nay, cũng sanh già chết." Nếu do vô sanh được thọ ký thì vô sanh đó là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao ngài Di-lặc một đời được thọ ký? Là từ Như sanh được thọ ký hay từ Như diệt được thọ ký? Nếu do Như sanh được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu do Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả pháp cũng Như, các vị thánh hiền cũng Như, cho đến Bồ-tát Di-lặc cũng Như. Nếu ngài Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký.

Vì cớ sao? Phàm Như thì không hai không khác, nếu Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng phải được. Vì cớ sao? Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ. Vì cớ sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh cứu cánh tịch diệt chẳng còn diệt nữa.

Thế nên, ngài Di-lặc chớ dùng pháp này mà dạy bảo các thiên tử, thật không có phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có thối chuyển. Này Di-lặc, phải khiến cho những vị thiên tử này bỏ kiến chấp phân biệt về Bồ-đề. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề không thể do thân mà được, cũng không do tâm mà được. Tịch diệt là Bồ-đề, vì diệt

các tướng. Chẳng quán là Bồ-đề, vì lìa các duyên. Chẳng hành là Bồ-đề, vì không có ức niệm. Đoạn là Bồ-đề, vì xả các kiến chấp. Lìa là Bồ-đề, vì lìa các vọng tưởng. Chướng là Bồ-đề, vì chướng các nguyện. Chẳng nhập là Bồ-đề, vì không tham trước. Thuận là Bồ-đề, vì thuận nơi Như. Trụ là Bồ-đề, vì trụ pháp tánh. Đến là Bồ-đề, vì đến được thật tế. Bất nhị là Bồ-đề, vì lìa ý pháp. Bình đẳng là Bồ-đề, vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề, vì không sanh trụ diệt. Tri là Bồ-đề, vì rõ biết tâm hành chúng sanh. Chẳng hội là Bồ-đề, vì các nhập không hội. Chẳng hiệp là Bồ-đề, vì lìa phiền não tập. Vô xứ là Bồ-đề, vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề, vì danh tự là không. Như hóa là Bồ-đề, vì không thủ xả. Không loạn là Bồ-đề, vì thường tự tĩnh. Thiện tịch là Bồ-đề, vì tánh thanh tịnh. Không thủ là Bồ-đề, vì lìa các phan duyên. Không khác là Bồ-đề, vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề, vì không thể thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề, vì các pháp khó biết."

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp Vô sanh nhẫn. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phẩm trên nói về hàng Thanh văn đệ tử hiện hữu của Phật, phẩm này nói về các vị Bồ-tát, một số vị có mặt trong hội, một số từ phương khác đến.

Trước tiên Phật cử Bồ-tát Di-lặc đến thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật nhưng ngài từ chối. Ngài kể lại

nhân duyên thuở xưa, khi đang thuyết về hạnh bất thối chuyển cho thiên vương và quyến thuộc ở trời Đâu-suất, lúc ấy cư sĩ Duy-ma-cật đi đến nói với ngài, đức Thế Tôn thọ ký cho ngài một đời sẽ thành Phật, vậy đời nào được thọ ký, là quá khứ, vị lai hay hiện tại?

Nếu đời quá khứ thì quá khứ đã qua. Nếu đời vị lai thì vị lai chưa đến. Nếu đời hiện tại thì hiện tại không dừng. Như lời Phật nói: Này các Tỳ-kheo, chính ông hiện nay cũng sanh già chết.

Cư sĩ Duy-ma-cật gạn hỏi, Phật nói Bồ-tát Di-lặc một đời nữa được thành Phật là đời nào? Đời quá khứ thì đã qua, đời vị lai chưa đến, đời hiện tại không dừng. Ngay con người hiện tại cũng có sanh già chết. Nghĩa là ngay trong khoảnh khắc có cả ba tướng sanh già chết, nên đâu thể nói hiện tại được. Vậy đời nào gọi là được Phật thọ ký?

Nếu nói ngay thân hiện tại có sanh già chết thì ít ai thấy biết, nhưng xét từng tế bào trong cơ thể luôn luôn chuyển đổi, có những tế bào mới sanh, những tế bào đã già, cũng có những tế bào bị hoại. Như vậy thân này thay đổi liên tục không dừng, làm sao có thể nói cố định thời gian được.

Nếu do vô sanh được thọ ký thì vô sanh đó là chánh vị, ở trong chánh vị cũng không thọ ký, cũng không được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì sao ngài Di-lặc một đời được thọ ký? Chánh vị nghĩa là ngôi vị chân chánh hay chân thật, còn gọi là chân như. Chân như là thể không sanh không diệt, nên không

thọ ký cũng không thành Phật. Nếu còn sanh tức là còn trong quá khứ, hiện tại, vị lai, mà cả ba thời đều không thật. Như vậy nói được thọ ký là ở trong sanh hay trong vô sanh? Sanh cũng không thể được, vô sanh thì còn gì thọ ký, còn gì thành Phật, cả hai đều không thể được. Vậy tại sao Bồ-tát Di-lặc được thọ ký một đời sẽ thành Phật?

Là từ Như sanh được thọ ký hay từ Như diệt được thọ ký? Cư sĩ Duy-ma-cật chỉ thẳng thể tánh chân như không sanh không diệt, mà đã không sanh không diệt thì lấy gì để thọ ký. Nếu Như sanh thọ ký không được thì Như diệt cũng không được thọ ký. Tại sao?

Nếu do Như sanh được thọ ký, mà Như không có sanh. Nếu do Như diệt được thọ ký, mà Như không có diệt. Tất cả chúng sanh đều Như, tất cả pháp cũng Như, các vị thánh hiền cũng Như, cho đến Bồ-tát Di-lặc cũng Như. Nếu ngài Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh cũng phải được thọ ký.

Nói về bản thể của chân như thì tất cả chúng sanh đều Như. Tất cả pháp đều Như. Nếu từ chân như được thọ ký thì tất cả chúng sanh Như, hiền thánh Như, Di-lặc Như. Vậy Bồ-tát Di-lặc được thọ ký thì tất cả chúng sanh đều được thọ ký.

Vì cớ sao? Phàm Như thì không hai không khác, nếu Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng phải được. Vì cớ sao? Tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ-đề. Nếu Di-lặc được diệt độ thì tất cả chúng sanh cũng phải diệt độ.

Vì có sao? Vì chư Phật biết tất cả chúng sanh cứu cánh tịch diệt chẳng còn diệt nữa.

Chân như thì không hai không khác, Bồ-tát Di-lặc được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tất cả chúng sanh đều cũng phải được. Bồ-tát Di-lặc có tướng Bồ-đề thì tất cả chúng sanh cũng có tướng Bồ-đề. Niết-bàn là tịch diệt, tất cả chúng sanh đều có tướng Niết-bàn, tức là tướng tịch diệt. Như vậy chẳng lẽ lại có tịch diệt lần thứ hai.

Thế nên, ngài Di-lặc chớ dùng pháp này mà dạy bảo các thiên tử, thật không có phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có thối chuyển. Này Di-lặc, phải khiến cho những vị thiên tử này bỏ kiến chấp phân biệt về Bồ-đề. Vì có sao? Vì Bồ-đề không thể do thân mà được, cũng không do tâm mà được.

Cư sĩ Duy-ma-cật bảo Bồ-tát Di-lặc chớ giảng dạy về hạnh bất thối chuyển cho chư thiên và thiên tử nghe. Vì sao? Vì thể chân như không tiến không lui, không sanh không diệt, không còn đối đãi, thì làm sao có phát tâm Bồ-đề, làm sao có thối chuyển Bồ-đề, mà ngài dạy về hạnh bất thối chuyển. Phân biệt Bồ-đề là phân biệt có thối chuyển và không thối chuyển. Dạy hạnh bất thối chuyển vì có thối chuyển, mà thể Bồ-đề thì đâu có thối chuyển, cũng không có bất thối chuyển. Nên cư sĩ Duy-ma-cật nói, chớ dùng kiến chấp này mà dạy các vị thiên tử, vì Bồ-đề không phải do thân được, không phải do tâm được.

Tịch diệt là Bồ-đề vì diệt các tướng. Chẳng quán là Bồ-đề vì lìa các duyên. Chẳng hành là Bồ-đề vì không có ức niệm. Đoạn là Bồ-đề vì xả các kiến chấp. Lìa là Bồ-đề vì lìa các vọng tưởng. Chướng là Bồ-đề vì chướng các nguyện. Chẳng nhập là Bồ-đề vì không tham trước. Thuận là Bồ-đề vì thuận nơi Như. Trụ là Bồ-đề vì trụ pháp tánh. Đến là Bồ-đề vì đến được thực tế. Bất nhị là Bồ-đề vì lìa ý pháp. Bình đẳng là Bồ-đề vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề vì không sanh, trụ và diệt. Tri là Bồ-đề vì rõ biết tâm hành chúng sanh. Chẳng hội là Bồ-đề vì các nhập không hội. Chẳng hiệp là Bồ-đề vì lìa phiền não tập. Vô xứ là Bồ-đề vì không có hình sắc. Giả danh là Bồ-đề vì danh tự là không. Như hóa là Bồ-đề vì không thủ xả. Không loạn là Bồ-đề vì thường tự tĩnh. Thiện tịch là Bồ-đề vì tánh thanh tịnh. Không thủ là Bồ-đề vì lìa các phan duyên. Không khác là Bồ-đề vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề vì không thể thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề vì các pháp khó biết.

Thường khi chúng ta quán là phân tích các duyên. Ở đây đã lìa các duyên rồi, còn gì phân tích nữa, cho nên nói chẳng quán là Bồ-đề vì lìa các tướng. Hành tức là tâm hành, khi tâm hành dứt thì không còn nghĩ tưởng, ấy là Bồ-đề. Đoạn là Bồ-đề vì xả các kiến chấp. Buông vọng tưởng không theo là lìa, ngay khi lìa vọng tưởng đó là Bồ-đề.

Thường thường nói không có chướng mới là Bồ-đề, tại sao ở đây nói *chướng là Bồ-đề, vì chướng*

các nguyện? Chướng là ngăn trở, nguyện là mong muốn. Nhưng đến chỗ chân thật tịch diệt rồi thì không còn gì mong muốn, nên nói chướng các nguyện.

Chẳng nhập là Bồ-đề vì không tham trước. Nhập là sáu nhập, vì sáu căn còn tham trước còn dính mắc với sáu trần nên mới sanh ra sáu nhập. Khi căn không tham trước không dính mắc với trần thì không có nhập, ấy chính là Bồ-đề.

Tùy thuận là Bồ-đề, vì thuận chân như. Trụ là Bồ-đề vì an trụ nơi pháp tánh. Bồ-đề là chỗ thực tế không còn tướng đối đãi sanh diệt, nên nói *đến là Bồ-đề vì đến được thực tế*.

Bất nhị là Bồ-đề vì lìa ý pháp. Tất cả những ý niệm chúng ta dấy lên đều chạy theo pháp trần, pháp trần là đối đãi, là hai. Đến chỗ bất nhị thì ý thức và pháp trần lìa nhau, ý thức không còn duyên theo pháp trần, đó là Bồ-đề.

Bình đẳng là Bồ-đề vì bình đẳng như hư không. Vô vi là Bồ-đề vì không sanh, trụ và diệt. Pháp còn nằm trong sanh trụ diệt thì gọi đó là hữu vi, Bồ-đề thì không còn sanh trụ diệt nên gọi là vô vi. Tri là Bồ-đề vì rõ biết tâm hành của chúng sanh. Bồ-đề là giác ngộ, nghĩa là khi đã giác ngộ thì biết rõ tâm niệm dấy khởi của chúng sanh.

Chẳng hội là Bồ-đề vì các nhập không hội. Hội là nhóm họp. Nếu các nhập nhóm họp thì có thân, còn sanh tử. Khi các nhập không chung họp lại thì gọi là

Bồ-đề, tức là giải thoát sanh tử. Chẳng hiệp là Bồ-đề vì lìa phiền não tập. Phiền não nhóm họp là tập đế, khi không còn nhóm họp phiền não nữa, ấy là Bồ-đề.

Vô xứ là Bồ-đề vì không có hình sắc. Chân tâm không hình sắc, không hình sắc thì đâu có chỗ nơi. Khi có người hỏi: "Chân tâm ở chỗ nào? Ở trong ở ngoài hay chặng giữa?" Nếu nói có chỗ, là có nơi chốn, có hình sắc đều không đúng.

Giả danh là Bồ-đề vì danh tự là không. Tất cả ngôn ngữ, văn tự... đều không thật. Người nhận hiểu được như thế là hằng sống với tánh Bồ-đề.

Như hóa là Bồ-đề vì không thủ xả. Ưa thì thủ, ghét thì xả. Nếu thấy các pháp như huyễn như hóa thì lúc đó không còn nhiễm trước, không có thủ xả.

Không loạn là Bồ-đề vì thường tự tĩnh, tĩnh tức là lặng lẽ. Thiện tịch là Bồ-đề vì tánh thanh tịnh, thiện là khéo, tịch là lặng lẽ, tức là khéo lặng lẽ, đó là Bồ-đề vì tánh thường trong sạch.

Không thủ là Bồ-đề vì không chạy theo duyên. Không khác là Bồ-đề vì các pháp bình đẳng. Không so sánh là Bồ-đề vì không thể lấy gì để thí dụ được. Vi diệu là Bồ-đề vì các pháp khó biết. Thể tánh của Bồ-đề mầu nhiệm, không thể suy lường được cho nên nói các pháp khó biết.

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, hai trăm thiên tử được pháp Vô sanh nhẫn. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Tóm lại, đoạn này cư sĩ Duy-ma-cật giải thích thêm về nghĩa *nhất sanh bổ xứ* của đức Phật thọ ký cho Bồ-tát Di-lặc. Đức Thế Tôn thọ ký cho Bồ-tát Di-lặc một đời nữa sẽ thành Phật. Cư sĩ Duy-ma-cật mới gạn lại, một đời là đời nào? Vì ông nhìn trên thể tánh chân như nên thấy ba thời không thật. Ba thời không thật thì làm sao nói có một đời được thọ ký, căn cứ trên cái gì để thọ ký? Nếu căn cứ trên chân như thì chân như là thể tánh không sanh không diệt. Không sanh diệt thì làm sao có thọ ký, có thành Phật! Bồ-tát Di-lặc nhìn trên tướng sanh diệt của kiếp người, mà tướng chỉ là giả danh, tạm nói tạm dùng, không thật, nên mới thấy có thọ ký một đời, hai đời...

Qua đó chúng ta thấy, trên lý tánh Bồ-tát Di-lặc cũng như chúng sanh đều sẵn có chân như Phật tánh, nên Bồ-tát Di-lặc thành Phật thì tất cả chúng sanh cũng sẽ thành Phật. Khi dứt hết tất cả phiền não tập khí sanh tử thì tánh giác hiện tiền, ngay đó là Niết-bàn, chứ không còn nói thọ ký thành Phật.

ĐỒNG TỬ QUANG NGHIÊM

Chánh văn:

Phật bảo Đồng tử Quang Nghiêm:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Quang Nghiêm liền bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, khi con ra khỏi đại thành Tỳ-da-ly, lúc đó ông Duy-ma-cật mới vào thành. Con liền chào và hỏi: "Cư sĩ từ đâu đến đây?" Ông trả lời: "Tôi từ đạo tràng đến." Con hỏi: "Đạo tràng là chỗ nào?" Ông đáp: "Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả. Phát hạnh là đạo tràng, vì hay biện sự. Thâm tâm là đạo tràng, vì tăng ích các công đức. Bồ-đề tâm là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không mong quả báo. Trì giới là đạo tràng, vì nguyện được đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sanh không tâm chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng vì không biếng nhác lui sụt. Thiền định là đạo tràng, vì tâm điều nhu. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì bình đẳng đối với chúng sanh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn chịu những sự đau khổ. Hỷ là đạo tràng, vì ưa thích pháp. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu ghét. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu lục thông. Giải thoát là đạo tràng, vì hay bội xả. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sanh. Tứ nhiếp pháp là đạo tràng, vì nhiếp phục chúng sanh. Đa văn là đạo tràng, vì như nghe mà

thực hành. Phục tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, vì bỏ các pháp hữu vi. Tứ đế là đạo tràng, vì không dối thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tột. Các phiền não là đạo tràng, vì biết như thật. Chúng sanh là đạo tràng, vì biết vô ngã. Tất cả pháp là đạo tràng, vì biết các pháp không. Hàng ma là đạo tràng, vì không bị khuynh động. Ba cõi là đạo tràng, vì không chỗ đến. Sư tử rống là đạo tràng, vì không chỗ sợ. Ngũ lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp là đạo tràng, vì không có các lỗi lầm. Tam minh là đạo tràng, vì không chướng ngại khác. Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Như thế, này thiện nam tử! Bồ-tát nếu dùng các ba-la-mật mà giáo hóa chúng sanh, những hành động tạo tác, giở chân hạ chân, phải biết đều là từ đạo tràng đến, trụ nơi Phật pháp vậy."

Khi ông nói pháp này, năm trăm vị trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Đối với Phật, công hạnh những vị Bồ-tát chưa viên mãn nên gọi là đồng tử.

Phật bảo đồng tử Quang Nghiêm đến thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật, đồng tử Quang Nghiêm xin khước từ, vì có lần đã gặp cư sĩ Duy-ma-cật trên đường vào thành Tỳ-da-ly. Đồng tử chào và hỏi cư sĩ từ đâu đến

thành này? Cư sĩ Duy-ma-cật trả lời: *Tôi từ đạo tràng đến* đã làm cho Đồng tử vô cùng ngạc nhiên. Đạo tràng là nơi quy tụ nghe pháp và tu tập. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật từ ngoài thành Tỳ-da-ly đi vào gặp đồng tử Quang Nghiêm, vậy mà nói từ đạo tràng đến. Đồng tử mới hỏi *Đạo tràng là chỗ nào? Ông đáp:*

Trực tâm là đạo tràng, vì không hư giả. Phát hạnh là đạo tràng, vì hay biện sự. Thâm tâm là đạo tràng, vì tăng ích các công đức. Bồ-đề tâm là đạo tràng, vì không lầm lẫn. Bố thí là đạo tràng, vì không mong quả báo. Trì giới là đạo tràng, vì nguyện được đầy đủ. Nhẫn nhục là đạo tràng, vì đối với chúng sanh không tâm chướng ngại. Tinh tấn là đạo tràng, vì không biếng nhác lui sụt. Thiền định là đạo tràng, vì tâm điều nhu. Trí tuệ là đạo tràng, vì hiện thấy các pháp. Từ là đạo tràng, vì bình đẳng đối với chúng sanh. Bi là đạo tràng, vì nhẫn chịu những sự đau khổ. Hỷ là đạo tràng, vì ưa thích pháp. Xả là đạo tràng, vì dứt bỏ yêu ghét. Thần thông là đạo tràng, vì thành tựu lục thông. Giải thoát là đạo tràng, vì hay bội xả. Phương tiện là đạo tràng, vì giáo hóa chúng sanh. Tứ nhiếp pháp là đạo tràng, vì nhiếp phục chúng sanh. Đa văn là đạo tràng, vì như nghe mà thực hành. Phục tâm là đạo tràng, vì chánh quán các pháp. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo tràng, vì bỏ các pháp hữu vi. Tứ đế là đạo tràng, vì không dối thế gian. Duyên khởi là đạo tràng, vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tột.

Theo cư sĩ Duy-ma-cật, đạo tràng là không hình tướng, không nơi chốn. Khi đi đứng nằm ngồi, bất cứ

nơi nào, dù ở giữa chợ ồn náo..., tâm vẫn như như bất động, thanh tịnh bình trực, ngay đó là đạo tràng chứ không cần tìm kiếm ở đâu xa.

Duyên khởi là đạo tràng vì vô minh cho đến lão tử đều không cùng tận. Trong mười hai nhân duyên, khởi đầu là vô minh đến cuối cùng là lão tử. Tại sao nói duyên khởi là đạo tràng? Vì đối với mười hai nhân duyên, người mê bị dẫn đi trong luân hồi sanh tử. Người tỉnh biết mười hai nhân duyên là do duyên hợp không thật có, không tự tánh, nên không bị chi phối trong sanh tử. Vì vậy nói duyên khởi là đạo tràng.

Các phiền não là đạo tràng, vì biết như thật. Vì sao nói phiền não là đạo tràng? Vì khi phiền não dấy lên liền biết phiền não không thật, không tự tánh, thì ngay đó là đạo tràng. Thường chúng ta muốn tìm cầu chân chánh ở ngoài tà ngụy. Nhưng khi nhận biết được tà ngụy thì đó là chân chánh rồi. Điều này nghe như khó hiểu mà là một lẽ thật.

Chúng sanh là đạo tràng, vì biết vô ngã. Chúng ta ai cũng có thân, nếu chấp thân này là thật, đó là chúng sanh mê muội. Nếu biết thân do duyên hợp hư dối, là vô ngã không có chủ thì hết mê lầm. Ngay nơi thân chúng sanh mà thấy vô ngã, chứ không có vô ngã ngoài chúng sanh. Hiểu như vậy rồi không còn chấp thân nữa vì nó là vô ngã, đó là đạo tràng.

Tất cả pháp là đạo tràng, vì biết các pháp không. Không tức là không tự tánh. *Hàng ma là đạo tràng, vì không bị khuynh động. Ba cõi là đạo tràng, vì không*

chỗ đến. Hàng ma là khi đối với trần cảnh ngũ dục, niệm khởi liền biết không theo, trở về với tâm thanh tịnh bất động như như, đó là biết hàng ma. Trong ba cõi này mà không tạo nghiệp để dẫn sanh trong tam giới thì ba cõi là đạo tràng.

Sư tử rống là đạo tràng, vì không chỗ sợ. Ngũ lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng pháp là đạo tràng, vì không có các lỗi lầm. Tam minh là đạo tràng, vì không chướng ngại khác. Một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Phật thuyết pháp như sử tử rống, vì những gì ngài nói ra là từ trí tuệ thấy biết như thật, nên ngài không sợ; giả sử có ai cần hỏi ngài sẵn sàng giải đáp tường tận, thông suốt.

Tam minh là đạo tràng vì không chướng ngại khác. Chúng ta phải lập đạo tràng như cư sĩ Duy-ma-cật để mọi hành động của mình đều từ trong đạo tràng mà đến, dù ở đâu cũng là ở trong Phật pháp. Được như vậy chúng ta sẽ không bị chướng ngại.

Nhất thiết trí là trí tuệ hiểu biết tất cả các pháp đúng như thật. Trí này duy chỉ đức Phật, bậc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mới có. Cho nên nói, một niệm biết tất cả pháp là đạo tràng, vì thành tựu Nhất thiết trí.

Như thế, này thiện nam tử! Bồ-tát nếu dùng các ba-la-mật mà giáo hóa chúng sanh, những hành động tạo tác, giở chân hạ chân, phải biết đều là từ đạo tràng đến,

trụ nơi Phật pháp vậy. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật kết luận, Bồ-tát nên dùng pháp ba-la-mật để giáo hóa chúng sanh. Mọi hành động tạo tác từ giở chân lên để chân xuống, bước tới bước lui... đều ở trong đạo tràng, đều an trụ trong Phật pháp.

Khi ông nói pháp này, năm trăm vị trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cho nên con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Chỗ này làm cho chúng ta sáng thêm về ý nghĩa đạo tràng. Đạo tràng là nơi tụ hội để học đạo, để tu. Thí dụ, người từ thành phố đi tới trước cửa thiền viện Thường Chiếu, thấy người ở trong cổng Thường Chiếu đi ra, hỏi huynh ở đâu đến? Người kia trả lời, tôi ở trong đạo tràng Thường Chiếu mới ra, tức là vừa rời khỏi chỗ tu tập. Còn ở đây một ông từ trong thành đi ra, một ông ngoài thành đi vào, không có chùa chiền, không có tịnh xá, hỏi ông từ đâu vào, lại nói từ đạo tràng vào. Như vậy quan niệm về đạo tràng của cư sĩ Duy-ma-cật khác với chúng ta. Chúng ta thấy đạo tràng trên hình tướng, nếu trong tâm ta nghĩ điều tốt điều hay, biết ứng dụng pháp tu để được tỉnh giác thì đó mới là đạo tràng. Dù đi đâu, dù ở chỗ nào mà sống được như thế thì nơi nơi đều là đạo tràng. Nếu ngồi thiền ở trên chùa nhưng trong tâm nghĩ tưởng những điều xấu thì tuy đang ở đạo tràng vẫn không phải là đạo tràng. Như vậy thì đạo tràng của chúng ta chỉ là đạo tràng hình thức, chưa đi sâu trong tâm tánh.

Cư sĩ Duy-ma-cật nói đạo tràng là đi thẳng vào tâm tánh. Cho nên ông nói trực tâm là đạo tràng, phát hạnh là đạo tràng. Trực tâm là tâm ngay thẳng. Phát hạnh là khởi tâm làm những điều thiện. Thâm tâm là đạo tràng. Bồ-đề tâm là đạo tràng. Bố thí là đạo tràng. Trì giới là đạo tràng. Cho tới lục độ, hàng ma, giảng pháp, giảng kinh... lúc nào cũng là đạo tràng.

Nói tóm lại, đạo tràng của cư sĩ Duy-ma-cật là đạo tràng của tự tâm, của hành động chân thật, từ tâm chân thật phát ra. Như vậy nghĩa của đạo tràng rất sâu rộng. Khi tâm chúng ta thanh tịnh, sống hợp với đạo lý, dù ở nơi đâu cũng đều là đạo tràng. Ở đâu mà chúng ta làm lợi ích chúng sanh, đem lợi ích đến cho mọi người mà không ngã không nhân thì nơi đó cũng là đạo tràng.

Hiểu được nghĩa đạo tràng này chúng ta mới thấy, người tu dù ở bất cứ nơi nào, trong chùa, tịnh xá để an lành tu, hoặc phải đi giáo hóa, vào chợ búa, xóm làng mà vẫn giữ tâm thanh tịnh, ý nghĩ việc làm trong sạch, thảy đều là đạo tràng. Đừng chấp phải ở chỗ vắng vẻ mới là đạo tràng, ra chợ búa vào xóm làng không phải đạo tràng. Chấp như vậy là bệnh. Chủ yếu nhắm thẳng vào tâm, nên mọi hành động của Bồ-tát có khi dường như không hợp đạo lý, mà vẫn là đạo lý, vì tâm các ngài không còn dính mắc, luôn vị tha.

BỒ-TÁT TRÌ THẾ

Chánh văn:

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa, con ở trong tịnh thất, khi đó ma Ba-tuần đem một muôn hai ngàn Thiên nữ, dáng giống như là Đế-thích, đánh nhạc ca hát, đi đến chỗ của con cùng những quyến thuộc của nó, đầu lễ dưới chân con, chắp tay cung kính đứng qua một bên. Con nghĩ đó là Đế-thích nên nói rằng: "Lành thay! Kiều-thi-ca, ông tuy có phước, không nên tự buông lung, nên quán ngũ dục là vô thường để cầu căn lành, nơi thân mạng, tài sản mà tu pháp kiên cố."

Liền khi ấy, ma vương nói với con: "Này Chánh sĩ, nên nhận một muôn hai ngàn Thiên nữ này, có thể đủ để quét dọn." Con nói rằng: "Kiều-thi-ca, không nên đem vật phi pháp mà cúng dường cho Sa-môn Thích tử. Đây không phải chỗ ta nên nhận."

Con vừa nói rồi, khi ấy ông Duy-ma-cật đi đến bảo con: "Không phải là trời Đế-thích, ấy là ma đến nhiễu loạn ông đó!"

Ngài Duy-ma-cật liền nói với ma: "Những người nữ này có thể đem cho tôi. Như tôi thì mới đáng nhận." Ma liền hoảng sợ, nghĩ rằng ông Duy-ma-cật

đâu không làm não hại ta, muốn ẩn hình đi mà không thể ẩn được. Dùng hết thần lực của nó cũng không thể đi được. Liền nghe trong hư không có tiếng nói: "Ba-tuần, hãy đem những người nữ này cho đi thì mới có thể đi được." Ma vì sợ nên mới miễn cưỡng mà cho.

Khi ấy ông Duy-ma-cật mới bảo những người nữ ấy: "Ma đã đem các chị cho tôi rồi. Nay các chị đều phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Liền tùy căn cơ thích hợp mà vì nói pháp, khiến cho các vị đó phát ý đạo. Lại nói rằng: "Các chị đã phát ý đạo, có pháp lạc có thể tự vui. Không nên lại vui theo ngũ dục nữa."

Các Thiên nữ liền hỏi: "Những gì là pháp lạc?"

Ngài đáp: "Vui thường tin Phật, vui muốn nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng, vui lìa ngũ dục, vui quán ngũ ấm như oán tặc, vui quán tứ đại như rắn độc, vui quán nội nhập như xóm rỗng. Vui tùy hộ ý đạo, vui làm lợi ích cho chúng sanh, vui cung kính bậc sư trưởng. Vui rộng làm việc bố thí, vui kiên trì giới luật, vui nhẫn nhục nhu hòa, vui siêng làm các căn lành, vui thiền định không loạn, vui lìa cấu được trí tuệ sáng suốt. Vui rộng phát tâm Bồ-đề, vui hàng phục các ma, vui đoạn các phiền não, vui thanh tịnh cõi nước Phật, vui thành tựu những tướng tốt nên tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo tràng. Vui nghe những pháp

thâm sâu không sợ. Vui ba môn giải thoát, không vui phi thời. Vui gần những người đồng học, vui với những người không phải đồng học, tâm không giận không ngại. Vui đem sự bảo hộ những người ác tri thức, vui gần gũi những thiện tri thức. Vui tâm hỷ thanh tịnh, vui tu pháp vô lượng đạo phẩm. Ấy là pháp vui của những vị Bồ-tát."

Khi ấy Ba-tuần bảo những Thiên nữ rằng: "Ta muốn cùng các ngươi trở về thiên cung."

Các vị Thiên nữ nói: "Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, có pháp vui, chúng tôi rất là vui, không trở lại vui cái vui ngũ dục nữa."

Ma nói: "Cư sĩ có thể xả những người nữ này không? Tất cả những sở hữu đem cho người, ấy mới gọi là Bồ-tát."

Ông Duy-ma-cật liền bảo: "Ta đã xả rồi. Ngươi hãy đem những người đó đi, khiến cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ."

Khi ấy những vị Thiên nữ hỏi ông Duy-ma-cật: "Chúng tôi làm sao mà ở trong cung ma được?"

Ông Duy-ma-cật nói: "Này các chị, có pháp môn tên Vô tận đăng, các chị nên học. Vô tận đăng đó, ví như một ngọn đèn mồi trăm ngàn ngọn đèn, những chỗ tối đều sáng, sáng khắp không cùng tận. Như thế, các chị! Phàm một vị Bồ-tát đã mở được đạo, khiến trăm ngàn chúng sanh đều được phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với ý

đạo kia cũng không có diệt hết, tùy chỗ nói pháp, mà tự tăng trưởng lợi ích tất cả pháp lành, ấy gọi là Vô tận đăng. Các chị tuy ở trong cung ma, dùng pháp Vô tận đăng này khiến cho vô số thiên tử Thiên nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để đền ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh vậy."

Khi ấy Thiên nữ cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, đi theo ma trở về cung, bỗng nhiên biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật có thần lực tự tại, trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Giảng:

Phật bảo Bồ-tát Trì Thế:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Bồ-tát Trì Thế bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì có sao? Nhớ thuở xưa, con ở trong tịnh thất, khi đó ma Ba-tuần đem một muôn hai ngàn Thiên nữ, dáng giống như trời Đế-thích, đánh nhạc ca hát, đi đến chỗ của con cùng những quyến thuộc của nó, đầu lễ dưới chân con, chắp tay cung kính đứng qua một bên. Con nghĩ đó là trời Đế-thích nên nói rằng: "Lành thay! Kiều-thi-ca, ông tuy có phước, không nên tự buông lung, nên quán ngũ dục là vô thường để cầu căn lành, nơi thân mạng tài sản mà tu pháp kiên cố."

Liền khi ấy, ma vương nói với con: "Này Chánh sĩ, nên nhận một muôn hai ngàn Thiên nữ này, có thể đủ để quét dọn." Con nói rằng: "Kiều-thi-ca, không nên đem vật phi pháp mà cúng dường cho Sa-môn Thích tử. Đây không phải chỗ ta nên nhận."

Con vừa nói rồi, khi ấy ông Duy-ma-cật đi đến bảo con: "Không phải là trời Đế-thích, ấy là ma đến nhiễu loạn ông đó!"

Bồ-tát Trì Thế còn đang tu hạnh thanh tịnh ở thất vắng, tuy tâm Bồ-tát nhưng chưa nhập thế nên bị ma Ba-tuần đánh lừa. Ma giả làm trời Đế-thích, ngài lầm tưởng là Đế-thích thật. Sau khi thưa hỏi qua lại xong, ma còn đem một muôn hai ngàn Thiên nữ cúng dường cho ngài. Ngài nghĩ mình là người tu phải nghiêm trì giới luật, nên không nhận và nói đây là sự cúng dường phi pháp. Lúc đó cư sĩ Duy-ma-cật đến và giản trạch cho ngài Trì Thế biết, đó không phải là trời Đế-thích mà chính là ma Ba-tuần, ngài đã lầm. Bây giờ ông bắt đầu nói chuyện với ma.

Ngài Duy-ma-cật liền nói với ma: "Những người nữ này có thể đem cho tôi. Như tôi thì mới đáng nhận." Ma liền hoảng sợ, nghĩ rằng ông Duy-ma-cật đâu không làm não hại ta, muốn ẩn hình đi mà không thể ẩn được. Dùng hết thần lực của nó cũng không thể đi được. Liền nghe trong hư không có tiếng nói: "Ba-tuần, hãy đem những người nữ này cho đi thì mới có thể đi được." Ma vì sợ nên mới miễn cưỡng mà cho.

Khi ấy ông Duy-ma-cật mới bảo những người nữ ấy: "Ma đã đem các chị cho tôi rồi. Nay các chị đều phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác."

Ma Ba-tuần muốn cúng các Thiên nữ cho Bồ-tát Trì Thế, cư sĩ Duy-ma-cật liền nói, hãy để cho tôi. Ma sợ quá miễn cưỡng cho.

Liền tùy căn cơ thích hợp mà vì nói pháp, khiến cho các vị đó phát ý đạo. Lại nói rằng: "Các chị đã phát ý đạo, có pháp lạc có thể tự vui. Không nên lại vui theo ngũ dục nữa."

Các Thiên nữ liền hỏi: "Những gì là pháp lạc?"

Ngài đáp: Vui thường tin Phật, vui muốn nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng...

Sau đó cư sĩ Duy-ma-cật tùy căn cơ thích hợp nói pháp cho chúng ma nghe, khiến họ được phát ý đạo. Như vậy ba cái vui đầu của người học đạo là vui đối với Tam bảo, vui tin Phật, vui nghe pháp, vui cúng dường chúng tăng.

Vui lìa ngũ dục. Vui quán ngũ ấm như oán tặc, vui quán tứ đại như rắn độc, vui quán nội nhập như xóm rỗng. Những cái vui này là vui nhận rõ được thật tướng của thân, vui vì đã xa lìa ngũ dục. Thân năm ấm của chúng ta luôn phiền nhiễu, khổ đau, không có gì vui thích, không có gì đáng để mến yêu; mà lại mê lầm sanh mến yêu nó. Cho nên phải vui quán thân năm ấm như là oán tặc, vui quán tứ đại như bốn con rắn độc,

luôn chực chờ hại nhau, vui quán nội nhập như xóm rỗng, không có gì là thật.

Vui tùy hộ ý đạo, vui làm lợi ích cho chúng sanh, vui cung kính bậc sư trưởng. Vui tùy hộ ý đạo tức là vui tùy hỷ. Người có tâm đạo phải bảo bọc để tâm đạo họ không mất, không lui sụt, đó cũng là cái vui của mình. Vui làm lợi ích cho chúng sanh. Vui cung kính, cúng dường các bậc sư trưởng. Đó là ba cái vui bên ngoài đối với thầy bạn.

Vui rộng làm việc bố thí, vui kiên trì giới luật, vui nhẫn nhục nhu hòa, vui siêng làm các căn lành, vui thiền định không loạn, vui lìa cấu được trí tuệ sáng suốt. Những cái vui kể trên là vui lục độ: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Mỗi pháp đều có lợi ích riêng, như thiền định thì tâm không loạn, trí tuệ thì lìa được cấu uế.

Vui rộng phát tâm Bồ-đề, vui hàng phục các ma, vui đoạn các phiền não, vui thanh tịnh cõi nước Phật, vui thành tựu những tướng tốt nên tu các công đức. Vui trang nghiêm đạo tràng. Đây là những niềm vui do công đức tu hành mà được. Vui khi phát tâm Bồ-đề rộng lớn, vui dứt trừ hết phiền não, vui hàng phục các ma, vui thanh tịnh cõi Phật và trang nghiêm đạo tràng.

Vui nghe những pháp thâm sâu không sợ. Vui ba môn giải thoát, không vui phi thời. Vui gần những người đồng học, vui với những người không phải đồng học, tâm không giận không ngại. Vui đem sự bảo hộ những người ác tri thức, vui gần gũi những thiện tri thức.

Vui gần gũi bạn đồng học thì dễ. Vui với những người không phải là bạn đồng học, không cùng tư tưởng, không cùng quan điểm tu hành, lại phải sống chung với họ mà tâm không sân giận, không chướng ngại, vui đó thật là khó. Chúng ta phải cố gắng thực hành được như vậy mới là tiến bộ.

Thiện tri thức, mình gần gũi thân cận, bảo hộ là lẽ đương nhiên, là bổn phận phải làm. Với ác tri thức, dù sống chung với họ, chẳng những không ghét không hại mà còn vui bảo hộ họ, việc này thật khó làm. Như những việc thông thường, hợp đạo lý mình vui thì dễ. Việc không hợp đạo lý vẫn vui, điều đó hết sức khó.

Tóm lại, bạn đồng học và thiện tri thức là những người thuận duyên, phải bảo hộ, người không đồng học và ác tri thức là những người nghịch duyên, cũng phải bảo hộ. Dù thuận hay nghịch mình vẫn xử sự tốt hết. Được như vậy mới thật là tâm hạnh của Bồ-tát.

Vui tâm hỷ thanh tịnh, vui tu pháp vô lượng đạo phẩm. Ấy là pháp vui của những vị Bồ-tát. Các pháp vui của Bồ-tát như tâm tùy hỷ, tu vô lượng đạo phẩm, tương đối dễ. Còn những pháp vui đã nói ở trên rất khó thực hành, muốn được nguồn vui đó phải huân tập những tánh tốt như nhẫn nhục, nhu hòa... để khi gặp những điều trái ý nghịch lòng không thấy chướng ngại.

Khi ấy Ba-tuần bảo những Thiên nữ rằng: "Ta muốn cùng các ngươi trở về thiên cung."

Các vị Thiên nữ nói: "Ông đã đem chúng tôi cho cư sĩ, có pháp vui, chúng tôi rất là vui, không trở lại vui cái vui ngũ dục nữa."

Nghe qua những lời giảng dạy của cư sĩ Duy-ma-cật, các Thiên nữ nhận hiểu được nên thấy vui. Như vậy mới biết pháp Bồ-tát tuy khó, nhưng người nghe nhận hiểu được là đã có chủng tử lành. Chúng ta thường có quan niệm ma là xấu, nhưng đôi khi ma biết chuyển tâm cũng thành tốt vậy. Còn người tu là tốt nhưng có lúc cũng khởi tâm xấu. Cho nên đừng lầm cho ma là hoàn toàn xấu hết.

Ma nói: "Cư sĩ có thể xả những người nữ này không? Tất cả những sở hữu đem cho người, ấy mới gọi là Bồ-tát." Ma Vương muốn cư sĩ Duy-ma-cật trả lại những Thiên nữ nên mới nói, nếu ông tu hạnh Bồ-tát thì tất cả những gì thuộc về ông, nên thí xả cho người mới gọi là Bồ-tát.

Ông Duy-ma-cật liền bảo: "Ta đã xả rồi. Ngươi hãy đem những người đó đi, khiến cho tất cả chúng sanh được pháp nguyện đầy đủ." Tôi đã thí xả các vị ấy rồi, vì muốn họ làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, đều được pháp nguyện đầy đủ. Ngươi hãy đem họ đi đi.

Khi ấy những vị Thiên nữ hỏi ông Duy-ma-cật: "Chúng tôi làm sao mà ở trong cung ma được?"

Ông Duy-ma-cật nói: Này các chị, có pháp môn tên Vô tận đăng, các chị phải học. Vô tận đăng đó, ví như một ngọn đèn sáng, mồi trăm ngàn ngọn đèn, những chỗ tối đều sáng, sáng khắp không cùng tận. Như thế, các chị! Phàm một vị Bồ-tát đã mở được đạo, khiến trăm ngàn chúng sanh đều được phát tâm

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với ý đạo kia cũng không có diệt hết, tùy chỗ nói pháp, mà tự tăng trưởng lợi ích tất cả pháp lành, ấy gọi là Vô tận đăng.

Những Thiên nữ này đã phát tâm Bồ-đề là đã ra khỏi cung ma, thì đâu thể theo ma vương được. Bấy giờ ông mới giảng pháp Vô tận đăng cho họ nghe. Tuy ở cung ma, nhưng một người đã sáng giống như một ngọn đèn thắp sáng, mồi trăm ngàn ngọn đèn khác thảy được sáng. Tất cả chỗ tối đều sáng. Ông dạy những Thiên nữ đã phát tâm Bồ-đề nên trở về cung ma khai đạo, hướng dẫn những quyến thuộc ma quay về Phật đạo, để cho trăm ngàn chúng sanh được phát tâm vô thượng Bồ-đề. Những vị đó đối với ý đạo không thể mất, tùy chỗ nói pháp làm tăng trưởng những điều lành. Như vậy gọi là Vô tận đăng.

Các chị tuy ở trong cung ma, dùng pháp Vô tận đăng này khiến cho vô số thiên tử Thiên nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để đền ơn Phật, cũng là làm lợi ích cho tất cả chúng sanh vậy. Như vậy ở ngay trong cung ma mà đem pháp Phật giáo hóa mọi người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là đã đền ơn Phật, làm lợi ích cho chúng sanh. Đây chính là phương tiện hành đạo rất tốt.

Khi ấy Thiên nữ cúi đầu lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, đi theo ma trở về cung, bỗng nhiên biến mất.

Bạch Thế Tôn! Ông Duy-ma-cật có thần lực tự tại, trí tuệ biện tài như thế, nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Lâu nay chúng ta cố chấp ma là đáng ghét đáng sợ. Chẳng những ma không biết tu, không bao giờ phát tâm Bồ-đề, mà còn phá hại người tu. Như ngài Trì Thế là Bồ-tát vẫn bị ma giả Đế-thích để lừa gạt. Cư sĩ Duy-ma-cật cũng là Bồ-tát, nhưng thấy ma liền biết là ma tới quấy phá nhiễu loạn Bồ-tát. Ông giáo hóa khiến ma phát tâm Bồ-đề. Như vậy ma có thật xấu hay không? Ở đây ma ngầm chỉ cho những người xấu ác. Chúng ta không nên có quan niệm người xấu ác không thể tu hành, chẳng qua vì mình chưa đủ năng lực, phương tiện để chuyển hóa họ. Như vậy mình có một phần lỗi, họ cũng một phần, chứ đừng hoàn toàn đổ hết lỗi cho họ.

Tóm lại, ở đây hai vị Bồ-tát, Bồ-tát xuất gia bị ma gạt, Bồ-tát cư sĩ lại giáo hóa được ma. Như vậy đâu phải ma chỉ hại người, nếu khéo chuyển thì ma cũng phát tâm Bồ-đề được. Vậy nên, dù kẻ trộm cướp, kẻ xấu xa, nếu chúng ta có đủ phương tiện, đủ đức độ, cũng có thể cảm hóa họ được, chứ không nên một bề quy trách nhiệm cho họ. Hiểu như vậy, chúng ta mới là người sáng suốt, là người thật công bình.

TRƯỞNG GIẢ THIỆN ĐỨC

Chánh văn:

Phật bảo trưởng giả Thiện Đức:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Thiện Đức bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con ở trong nhà cha của con, lập hội đại thí cúng dường tất cả vị Sa-môn, Bà-la-môn và những người ngoại đạo, bần cùng, hạ tiện, cô độc, người ăn xin... suốt cả bảy ngày. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến trong hội bảo con rằng: "Này ông trưởng giả, phàm làm đại thí hội thì không phải là việc như ông đã làm. Phải làm hội pháp thí, đâu dùng hội tài thí làm gì!"

Con mới hỏi: "Này cư sĩ, thế nào gọi là hội pháp thí?"

Ông đáp: "Hội pháp thí là không trước không sau, đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, ấy gọi là hội pháp thí."

Con hỏi: "Nghĩa là sao?"

Ông bảo: "Nghĩa là vì Bồ-đề, khởi tâm từ; vì cứu giúp chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì gìn giữ chánh pháp, khởi tâm hỷ; vì nhiếp trí tuệ, hành tâm xả. Vì nhiếp xan tham, khởi bố thí ba-la-mật;

vì giáo hóa phạm giới, khởi trì giới ba-la-mật; vì không ngã pháp, khởi nhẫn nhục ba-la-mật; vì lìa tướng thân tâm, khởi tinh tấn ba-la-mật; vì tướng Bồ-đề, khởi thiền định ba-la-mật; vì Nhất thiết trí, khởi trí tuệ ba-la-mật. Giáo hóa chúng sanh mà khởi nơi Không; chẳng xả pháp hữu vi mà khởi vô tướng; thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác; hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi tứ nhiếp pháp; vì kính thờ tất cả, khởi trừ pháp mạn; đối với thân mạng tài, khởi ba pháp kiên cố; ở trong sáu niệm, khởi pháp tư niệm; ở trong sáu pháp hòa kính, khởi tâm chánh trực; thực hành thiện pháp chân chánh, khởi tịnh mạng; tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi thân cận bậc hiền thánh; không ghét người ác, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì như lời nói thực hành, khởi đa văn; vì pháp vô tránh, khởi ở chỗ vắng vẻ; hướng đến Phật tuệ, khởi ở chỗ an tọa; mở trói buộc cho chúng sanh, khởi chỗ tu hành; vì đầy đủ tướng hảo và thanh tịnh cõi Phật, khởi nghiệp phước đức; biết tất cả tâm niệm chúng sanh, tùy đó nói pháp, khởi nơi nghiệp trí; biết tất cả pháp không thủ không xả, vào môn nhất tướng, khởi ra nghiệp tuệ; đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện, khởi ra tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo. Như thế, này thiện nam tử! Đấy là hội pháp thí. Nếu Bồ-tát trụ nơi hội

pháp thí này, là đại thí chủ cũng là phước điền của tất cả thế gian."

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, trong chúng Bà-la-môn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con khi ấy tâm được thanh tịnh, tán thán điều chưa từng có. Cúi đầu đảnh lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, liền cởi xâu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn để dâng lên cho ông mà ông không nhận. Con nói: "Thưa cư sĩ, mong ngài nhận, tùy ý mà cho."

Ông Duy-ma-cật mới nhận chuỗi anh lạc, phân làm hai phần: một phần thí cho người ăn mày thấp nhất ở trong hội, còn một phần dâng lên đức Phật Nan Thắng. Tất cả chúng hội đều thấy cõi nước Quang Minh của đức Phật Nan Thắng, lại thấy xâu chuỗi anh lạc ở chỗ Phật kia biến thành đài báu bốn trụ, bốn phía trang nghiêm không che lấp chướng ngại nhau.

Khi đó ông Duy-ma-cật hiện thần biến rồi lại nói: "Nếu vị thí chủ mà tâm bình đẳng thí cho người ăn mày thấp nhất cũng như là tướng phước điền của Như Lai, không chỗ phân biệt, bình đẳng đại bi, không cầu quả báo, ấy gọi là pháp thí đầy đủ." Người ăn mày thấp nhất trong thành thấy được thần lực này rồi, nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Như thế các Bồ-tát mỗi vị đến trước Phật trình bày duyên xưa của mình, khen ngợi và thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói rằng chúng con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Giảng:

Phật bảo trưởng giả Thiện Đức:

- Ông hãy đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Thiện Đức bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con không kham đến thăm bệnh ông ấy. Vì cớ sao? Nhớ thuở xưa con ở trong nhà cha của con, lập hội đại thí cúng dường tất cả vị Sa-môn, Bà-la-môn và những người ngoại đạo, bần cùng, hạ tiện, cô độc, người ăn xin... suốt cả bảy ngày. Khi ấy ông Duy-ma-cật đến trong hội bảo con rằng: "Này ông trưởng giả, phàm làm đại thí hội thì không phải là việc như ông đã làm. Phải làm hội pháp thí, đâu dùng hội tài thí làm gì!"

Con mới hỏi: "Này cư sĩ, thế nào gọi là hội pháp thí?"

Ông đáp: "Hội pháp thí là không trước không sau, đồng thời cúng dường tất cả chúng sanh, ấy gọi là hội pháp thí."

Con hỏi: "Nghĩa là sao?"

Ông bảo: Nghĩa là vì Bồ-đề, khởi tâm từ; vì cứu giúp chúng sanh, khởi tâm đại bi; vì gìn giữ chánh pháp,

khởi tâm hỷ; vì nhiếp trí tuệ, hành tâm xả. Người sống với tánh Bồ-đề được an vui, muốn đem niềm an vui đó đến cho người, nên nói khởi lòng từ là do tâm Bồ-đề; sở dĩ có tâm bi vì muốn cứu độ chúng sanh; sở dĩ có tâm hỷ vì gìn giữ chánh pháp; sở dĩ có tâm xả vì nhiếp được trí tuệ. Đó là bốn pháp tâm vô lượng, từ bi hỷ xả.

Vì nhiếp xan tham, khởi bố thí ba-la-mật; vì giáo hóa phạm giới, khởi trì giới ba-la-mật; vì không ngã pháp, khởi nhẫn nhục ba-la-mật; vì lìa tướng thân tâm, khởi tinh tấn ba-la-mật; vì tướng Bồ-đề, khởi thiền định ba-la-mật; vì Nhất thiết trí, khởi trí tuệ ba-la-mật. Lục độ là sáu pháp ba-la-mật, gồm có bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ ba-la-mật. Lục độ thì mỗi độ đều có căn do. Vì nhiếp kẻ xan tham nên tu hạnh bố thí. Vì giáo hóa kẻ phạm giới nên tu trì giới... Như vậy mỗi pháp của lục độ đều trị một bệnh của chúng sanh.

Giáo hóa chúng sanh mà khởi nơi Không; chẳng xả pháp hữu vi mà khởi vô tướng; thị hiện thọ sanh mà khởi vô tác. Tam giải thoát môn là Không, vô tướng, vô tác. Sở dĩ có ba môn giải thoát này là vì giáo hóa chúng sanh nên khởi ra Không, do xả pháp hữu vi nên khởi vô tướng, do thị hiện thọ sanh nên khởi vô tác. Như vậy Không, vô tướng, vô tác (hay vô nguyện) đều có lý do mà khởi.

Hộ trì chánh pháp mà khởi sức phương tiện; vì độ chúng sanh, khởi tứ nhiếp pháp; vì kính thờ tất cả,

khởi trừ pháp mạn; đối với thân mạng tài, khởi ba pháp kiên cố; ở trong sáu niệm, khởi pháp tư niệm; ở trong sáu pháp hòa kính, khởi tâm chánh trực.

Vì hộ trì chánh pháp nên khởi sức phương tiện, nghĩa là dùng phương tiện để bảo hộ chánh pháp; vì độ chúng sanh mà khởi tứ nhiếp pháp nên tứ nhiếp pháp là phương tiện; do kính thờ tất cả nên trừ pháp mạn. Chữ mạn nói chung là ngã mạn, tăng thượng mạn... Đối với thân thể, mạng sống, tài sản mà khởi ba pháp kiên cố. Ba pháp kiên cố là pháp thân, tuệ mạng, công đức pháp tài. Chúng ta ai cũng có ba pháp là thân, mạng, tài. Thân này là vô thường, mạng sống tạm bợ, tài sản cũng vô thường. Như vậy ba pháp vô thường tạm bợ đổi thành ba pháp kiên cố, đó là pháp thân bất sanh bất diệt, trí tuệ là mạng không bị sanh diệt, tài là công đức pháp tài.

Sáu niệm là niệm Phật, niệm pháp, niệm tăng, niệm giới, niệm thí và niệm thiên. Ở trong sáu niệm mà khởi tư duy pháp. Ở trong sáu pháp hòa kính khởi tâm chánh trực. Như vậy đối với những pháp hiện tại, phải trừ dẹp hoặc tăng trưởng những pháp tu của mình.

Thực hành thiện pháp chân chánh, khởi tịnh mạng; tâm thanh tịnh hoan hỷ, khởi thân cận bậc hiền thánh; không ghét người ác, khởi tâm điều phục; vì pháp xuất gia, khởi thâm tâm; vì như lời nói thực hành, khởi đa văn; vì pháp vô tránh, khởi ở chỗ vắng vẻ; hướng đến Phật tuệ, khởi ở chỗ an tọa; mở trói buộc

cho chúng sanh, khởi chỗ tu hành; vì đầy đủ tướng hảo và thanh tịnh cõi Phật, khởi nghiệp phước đức.

Vì thực hành thiện pháp chân chánh nên khởi tịnh mạng, nghĩa là tu hành đúng như pháp lành của Phật dạy. Tịnh mạng là mạng sống thanh tịnh nên cũng gọi là chánh mạng, ngược lại là tà mạng. Vì tâm thanh tịnh hoan hỷ nên khởi thân cận hiền thánh. Muốn tâm được thanh tịnh, được sự hoan hỷ thì phải nên gần gũi bậc hiền thánh. Vì không ghét người ác nên khởi tâm điều phục. Thường chúng ta đối với người dễ thương hoặc đáng ghét mà không sanh tâm thương ghét, điều đó là khó. Họ đáng ghét mình đừng ghét thì thôi. Như vậy vì chẳng ghét người ác mà khởi điều phục tâm. Khéo điều phục tâm để những niệm ganh ghét, bực bội không khởi lên.

Vì pháp xuất gia mà khởi thâm tâm. Thâm tâm là hành theo pháp của Phật. Vì muốn xuất gia nên trong thâm tâm luôn ghi nhớ và thực hành những điều Phật dạy. Vì như lời nói mà thực hành nên khởi đa văn. Chúng ta có bệnh học nhiều mà quên tu, hoặc ham tu mà không chịu học. Đó là hai cực đoan cần phải tránh. Ở đây vì muốn nói được là làm được, nên cần phải học rộng nghe nhiều. Nghe để hiểu, hiểu rồi mới hành đúng pháp. Học tới đâu tu tới đó, chứ không phải học để nói suông. Vậy muốn như nói mà hành thì phải đa văn. Nói được thì hành được. Học như thế mới đúng là tinh thần học đạo.

Vì pháp vô tránh mà khởi ở chỗ vắng vẻ. Vô tránh là không tranh cãi. Vì không muốn tranh cãi nên ở chỗ vắng vẻ, để thân tâm được thanh tịnh dễ tiến tu. Vì muốn hướng đến Phật tuệ nên khởi an tọa. Ngồi thiền là hướng về Phật tuệ, không cho những niệm thế gian chen vào, nên mới ngồi yên để khai mở trí tuệ Phật. Vì mở trói buộc cho chúng sanh nên khởi tu hành. Như vậy tu là cốt để mở những trói buộc cho chúng sanh, chứ không phải tu cho riêng mình.

Vì muốn đầy đủ tướng tốt và trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, nên tu nghiệp phước đức. Nghiệp phước đức là làm những điều lành, điều tốt cho người. Làm điều lành điều tốt có hai ý, nghĩa là trang nghiêm ba mươi hai tướng tốt cho mình và trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật. Phật là Phật tự tâm chứ không phải Phật bên ngoài. Thế nên muốn đầy đủ tướng tốt và cõi nước thanh tịnh thì phải tu nghiệp phước đức. Như vậy là làm những phước đức đó để trang nghiêm cho thân thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh. Và phải làm với thân tâm không lười mỏi, thì khả dĩ mới thành tựu tâm nguyện.

Biết tất cả tâm niệm chúng sanh, tùy đó nói pháp, khởi nơi nghiệp trí; biết tất cả pháp không thủ không xả, vào môn nhất tướng, khởi ra nghiệp tuệ; đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện, khởi ra tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo.

Như thế, này Thiện nam tử! Đấy là hội pháp thí. Nếu Bồ-tát trụ nơi hội pháp thí này là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả thế gian.

Bồ-tát hành đạo, vì muốn biết tâm niệm chúng sanh nên khởi nghiệp trí. Tu nghiệp trí để tìm hiểu, thấu suốt những gì Phật dạy, tùy tâm niệm mỗi người, nói pháp giáo hóa và lợi ích cho họ. Biết tất cả pháp không thủ không xả vào môn đệ nhất tướng, đó là khởi nghiệp tuệ. Đoạn tất cả phiền não, tất cả chướng ngại, tất cả pháp bất thiện mà khởi tất cả nghiệp thiện; vì được Nhất thiết trí tuệ, tất cả thiện pháp, khởi tất cả pháp trợ Phật đạo.

Trên đây cư sĩ Duy-ma-cật đã trả lời đầy đủ câu hỏi của trưởng giả Thiện Đức: Hội pháp thí nghĩa là sao? Và ông tán thán, nếu Bồ-tát trụ nơi hội pháp thí này là đại thí chủ, cũng là phước điền của tất cả thế gian.

Bạch Thế Tôn! Khi ông Duy-ma-cật nói pháp này, trong chúng Bà-la-môn hai trăm người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con khi ấy tâm được thanh tịnh, tán thán điều chưa từng có. Cúi đầu đảnh lễ dưới chân ông Duy-ma-cật, liền cởi xâu chuỗi anh lạc giá trị trăm ngàn để dâng lên cho ông mà ông không nhận. Con nói: "Thưa cư sĩ, mong ngài nhận, tùy ý mà cho."

Ông Duy-ma-cật mới nhận chuỗi anh lạc, phân làm hai phần: một phần thí cho người ăn mày thấp nhất

ở trong hội, còn một phần dâng lên đức Phật Nan Thắng. Tất cả chúng hội đều thấy cõi nước Quang Minh của đức Phật Nan Thắng, lại thấy xâu chuỗi anh lạc ở chỗ Phật kia biến thành đài báu bốn trụ, bốn phía trang nghiêm không che lấp chướng ngại nhau.

Như vậy khi dâng chuỗi anh lạc lên đức Phật Nan Thắng, toàn chúng trong hội nhìn thấy cõi nước Quang Minh của Phật Nan Thắng rất sáng suốt. Lại thấy phân nửa xâu chuỗi đó biến thành đài báu bốn trụ, bốn phía đều đẹp đẽ thông suốt, không gì che lấp chướng ngại nhau.

Khi đó ông Duy-ma-cật hiện thần biến rồi lại nói: "Nếu vị thí chủ mà tâm bình đẳng thí cho người ăn mày thấp nhất cũng như là tướng phước điền của Như Lai, không chỗ phân biệt, bình đẳng đại bi, không cầu quả báo, ấy gọi là pháp thí đầy đủ." Người ăn mày thấp nhất trong thành thấy được thần lực này rồi, nghe lời nói kia, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho nên con không kham đến thăm bệnh ông.

Qua đoạn này chúng ta thấy có hai lối thí: bố thí tài và bố thí pháp. Ở trước, cư sĩ Duy-ma-cật giản trạch cho trưởng giả Thiện Đức biết bố thí tài không bằng bố thí pháp, nhưng cuối cùng ông nói, bố thí bình đẳng mới gọi là hội pháp thí. Bình đẳng là sao? Dù đức Phật là bậc đầy đủ vô lượng công đức hay kẻ ăn mày thấp nhất trong hội mà vẫn thấy như nhau. Một xâu chuỗi anh lạc chia hai là bình đẳng không khác. Bố thí mà

không một niệm cầu phước đức riêng mình, đó là hội pháp thí. Pháp thí như vậy mới đầy đủ.

Chúng ta xét lại, hội pháp thí đầy đủ như trước thì khó làm, còn hội pháp thí sau nghe như dễ! Giả sử, đang cầm nải chuối định đem cúng Phật, lúc đó người ăn mày đói khát đến xin, mình có dám chia họ phân nửa hay họ đói thì mặc họ, nhất định đem cúng Phật chứ không chia nửa nải cho họ? Nhưng nếu có chia cho họ thì cũng phải với lòng cung kính như đem dâng cúng Phật, chứ không phải cho mà khinh mạn. Bởi chúng ta thường có tâm quý kính người trên, người quan trọng, khinh khi người nhỏ, thấp hèn, nên những gì dành cho người mình cung kính mà kẻ khác đến xin là sanh bực bội, chẳng những không cho mà còn rầy nữa. Kính thì kính quá, khinh cũng khinh quá. Vậy chúng ta thấy, dù cho một nải chuối hay xâu chuỗi anh lạc mà chia với tâm bình đẳng, cũng gọi là hội pháp thí. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật gọi là cụ túc pháp thí, nghĩa là pháp thí đầy đủ.

Tóm lại, ý của đoạn này muốn nói, hội tài thí là hội bố thí tài sản bảy ngày, cũng được phước nhiều. Nhưng phước đó chỉ là phước thế gian, không bằng phước pháp thí. Cho nên cư sĩ Duy-ma-cật mới chỉ ra bao nhiêu pháp để dạy như trên. Đem những pháp đó ứng dụng bố thí cho người thì gọi đó là hội pháp thí. Nhưng kết thúc, với hình ảnh xâu chuỗi anh lạc, phân nửa cúng Phật, phân nửa cúng người bần cùng hạ tiện,

mới là đầy đủ pháp thí. Như vậy bố thí bình đẳng là trên hết. Chúng ta phải hiểu cả ba trường hợp, tài thí, pháp thí và bình đẳng thí cho thật tường tận.

Như thế các Bồ-tát mỗi vị đến trước Phật trình bày duyên xưa của mình, khen ngợi và thuật lại những lời ông Duy-ma-cật, đều nói rằng chúng con không kham đến thăm bệnh ông ấy.

Phẩm trước tất cả đệ tử Thanh văn của Phật đều không dám thăm bệnh cư sĩ Duy-ma-cật. Đến đây các vị Bồ-tát cũng từ chối luôn.

V- PHẨM VĂN-THÙ THĂM BỆNH

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó mà đối đáp được vì đã thâm đạt được thật tướng, khéo nói pháp yếu, biện tài thông suốt, trí tuệ vô ngại, tất cả các pháp thức của Bồ-tát thảy đều biết hết, những bí tàng của chư Phật không chỗ nào mà chẳng nhập, hàng phục các chúng ma và được thần thông du hý, trí tuệ phương tiện kia đều đã vượt qua. Tuy nhiên con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.

Khi đó ở trong chúng hội, các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử, trời Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều khởi nghĩ thế này: "Nay hai vị đại sĩ là

Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật cùng luận đàm với nhau, ắt là nói diệu pháp!" Liền khi ấy tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân đều muốn đi theo.

Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát, các vị đại đệ tử và chư thiên nhân cung kính đi nhiễu để vào đại thành Tỳ-da-ly.

Lúc ấy trưởng giả Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Nay Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng đồng đến!" Ông liền dùng thần lực làm cho trong thất trống rỗng, dẹp hết đồ đạc và các thị giả, chỉ để một giường bệnh mà nằm.

Ngài Văn-thù-sư-lợi đã vào trong nhà ông Duy-ma-cật, thấy thất trống rỗng không có vật gì, chỉ có một mình ông nằm trên giường. Khi ấy ông Duy-ma-cật nói:

- Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.

Ngài Văn-thù liền đáp:

- Như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì cớ sao? Đến không từ đâu đến, đi không có chỗ đến, chỗ có thể thấy càng không thể thấy. Hãy gác việc đó lại. Cư sĩ, bệnh ông có thể chịu nổi chăng? Điều trị có bớt không, không đến nổi tăng chứ? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông. Này cư sĩ! Bệnh ấy do nhân gì mà khởi? Bệnh sanh đã lâu chưa? Làm sao để hết bệnh?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Từ si có ái, ắt là bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh hết bệnh thì bệnh tôi cũng dứt. Vì cớ sao? Bồ-tát vì chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử ắt có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ-tát cũng không bệnh. Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, đứa con kia bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh. Nếu đứa con hết bệnh thì cha mẹ cũng khỏi. Bồ-tát cũng như thế, đối với chúng sanh yêu mến như con. Chúng sanh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì Bồ-tát cũng lành bệnh. Lại nói bệnh ấy từ nhân duyên nào mà khởi? Bồ-tát bệnh đó là do lòng đại bi mà khởi.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Này cư sĩ, thất này vì sao trống không không có thị giả?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi nước của chư Phật cũng đều trống không.

Lại hỏi: - Lấy gì làm không ?

Đáp rằng: - Lấy không làm không.

Lại hỏi: - Không đâu cần không?

Đáp: - Do không phân biệt không, nên không.

Lại hỏi: - Không có thể phân biệt được sao?

Đáp: - Phân biệt cũng không.

Lại hỏi: - Cái không ấy phải cầu ở đâu?

Đáp: - Ở trong sáu mươi hai kiến chấp mà cầu.

Lại hỏi: - Sáu mươi hai kiến chấp phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải ở trong giải thoát của chư Phật mà cầu.

Lại hỏi: - Giải thoát của chư Phật phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải cầu ở trong tất cả tâm hạnh chúng sanh. Lại nhân giả hỏi, sao không có thị giả? Tất cả chúng ma và ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì cớ sao? Chúng ma ưa sanh tử, Bồ-tát đối với sanh tử chẳng bỏ. Ngoại đạo thì ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối các kiến chấp chẳng động.

Ngài Văn-thù hỏi: - Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy-ma-cật đáp: - Bệnh tôi không hình tướng không thể thấy.

Lại hỏi: - Bệnh này hợp với thân chăng? Hợp với tâm chăng?

Đáp: - Không hợp với thân vì lìa thân tướng, cũng chẳng hợp với tâm, vì tâm như huyễn.

Lại hỏi: - Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nơi tứ đại này thì đại nào bệnh?

Đáp: - Bệnh ấy không phải địa đại cũng chẳng lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng lại như thế.

Các chúng sanh bệnh là từ tứ đại khởi, vì chúng sanh có bệnh thế nên tôi bệnh.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát nên làm thế nào để an ủi những vị Bồ-tát bệnh?

Ông Duy-ma-cật mới nói:

- Nói thân vô thường mà không nói chán lìa thân. Nói thân có khổ mà không nói ưa Niết-bàn. Nói thân là vô ngã mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh. Nói thân không tịch, không nói cứu cánh tịch diệt. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ. Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Phải làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Bồ-tát nên như thế mà an ủi những Bồ-tát có bệnh, khiến cho những vị này được hoan hỷ.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, Bồ-tát có bệnh thì làm sao mà điều phục tâm kia?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát có bệnh nên khởi nghĩ thế này: "Nay ta bệnh đây đều là từ đời trước vọng tưởng điên đảo các phiền não sanh, không có một pháp thật thì

ai nhận bệnh! Vì cớ sao? Vì tứ đại hợp nên giả danh là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã, lại bệnh này khởi đều do chấp ngã. Thế nên, đối với ngã không nên sanh chấp trước." Đã biết gốc bệnh tức trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Phải khởi pháp tưởng, nên khởi nghĩ thế này: "Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại pháp này mỗi pháp không biết nhau, khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt." Những vị Bồ-tát có bệnh kia vì diệt pháp tưởng nên phải khởi nghĩ thế này: "Pháp tưởng này cũng là điên đảo, điên đảo đó tức là đại họa, ta phải lìa nó." Thế nào là lìa? Lìa ngã, ngã sở. Thế nào là lìa ngã, ngã sở? Nghĩa là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Nghĩa là không nghĩ các pháp trong ngoài, thực hành bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng. Vì cớ sao? Vì ngã và Niết-bàn cả hai đều không. Vì sao lại không? Chỉ vì danh tự nên không. Như thế hai pháp này không có tánh quyết định. Được bình đẳng như thế thì không có các bệnh khác, chỉ có bệnh không; bệnh không cũng không. Bồ-tát có bệnh này do không chỗ thọ mà thọ các thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ mà thủ chứng. Dù thân có khổ, nghĩ đến chúng sanh trong đường ác mà khởi tâm đại bi, ta đã điều phục cũng sẽ điều phục tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp, vì đoạn gốc bệnh mà giáo hóa họ. Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, từ có phan duyên ắt là gốc bệnh.

Sao gọi là phan duyên? Nghĩa là tam giới. Làm sao đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không có phan duyên. Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là lìa hai kiến chấp. Sao gọi là hai kiến chấp? Nghĩa là kiến chấp bên trong, kiến chấp bên ngoài, ấy là vô sở đắc. Văn-thù-sư-lợi, ấy là Bồ-tát có bệnh dùng tâm kia để mà điều phục, vì đoạn khổ già bệnh chết, ấy là Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không như thế thì chỗ tu trị của mình không có trí tuệ bén nhạy. Thí như thắng được kẻ thù mới gọi là dũng sĩ. Như thế trừ hết già bệnh chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh kia nên lại khởi nghĩ như thế này: "Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có, bệnh của chúng sanh cũng chẳng phải thật, cũng chẳng phải có." Khi khởi quán như thế đối với các chúng sanh, khởi ái kiến đại bi tức nên xả ly. Vì cớ sao? Bồ-tát đoạn trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi. Ái kiến bi đó tức là đối với sanh tử có tâm mệt mỏi nhàm chán. Nếu hay lìa được cái này, không có mệt mỏi nhàm chán, sanh ở chỗ nào cũng không bị ái kiến che lấp. Chỗ sanh không bị trói buộc, hay vì chúng sanh nói pháp mở trói buộc, như lời Phật nói: "Nếu tự có trói buộc mà hay cởi mở cho người khác thì không có lẽ ấy. Nếu tự mình không trói buộc mà hay mở cho người, điều ấy là có được." Do đó Bồ-tát không nên khởi trói buộc. Sao gọi là trói? Sao gọi là mở? Tham trước thiền vị, ấy là Bồ-tát bị trói; vì phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở. Lại không có phương tiện tuệ là bị trói,

có phương tiện tuệ gọi là mở; không có tuệ phương tiện là trói, có tuệ phương tiện là mở. Sao gọi không có phương tiện tuệ bị trói? Nghĩa là Bồ-tát do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sanh, đối với các pháp Không, vô tướng, vô tác mà tự điều phục, ấy gọi là không phương tiện tuệ bị trói. Sao gọi là có phương tiện tuệ mở? Nghĩa là không do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, đối trong ba pháp Không, vô tướng, vô tác, tự điều phục mà không mệt mỏi nhàm chán, ấy gọi là có phương tiện tuệ mở. Sao gọi là không có tuệ phương tiện bị trói? Nghĩa là Bồ-tát trụ nơi các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, ấy gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Sao gọi là có tuệ phương tiện mở? Nghĩa là lìa các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là có tuệ phương tiện mở.

Văn-thù-sư-lợi, những vị Bồ-tát có bệnh kia nên quán các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã, ấy gọi là tuệ. Tuy thân có bệnh mà thường ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh không biết chán mỏi, ấy gọi là phương tiện. Lại nữa quán thân, thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Dù thân có bệnh mà không hằng diệt, ấy gọi là phương tiện.

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm kia, chẳng trụ ở trong ấy cũng lại chẳng trụ chẳng điều phục tâm. Vì cớ sao? Nếu trụ chẳng điều phục tâm, ấy là pháp của người ngu; còn nếu trụ ở điều phục tâm, ấy là pháp của Thanh văn. Vì thế Bồ-tát không nên trụ ở nơi điều phục và chẳng điều phục tâm, lìa hai pháp này, ấy gọi là hạnh Bồ-tát. Ở trong sanh tử không làm những hạnh ô uế, trụ nơi Niết-bàn mà không hằng diệt độ, ấy là hạnh Bồ-tát. Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Chẳng phải hạnh cấu, chẳng phải hạnh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy vượt qua hạnh ma mà hiện hàng phục chúng ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Cầu nhất thiết trí, không cầu phi thời, ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy quán mười hai nhân duyên khởi, mà vào các tà kiến, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy nhiếp phục tất cả chúng sanh mà không ái trước, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi diệt thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy đi trong tam giới mà không hoại pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tướng mà độ chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô tác mà hiện thọ thân, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành lục ba-la-mật mà

khắp biết tâm vương tâm sở của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành lục thông mà không có tận lậu, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ vô lượng tâm mà không tham trước sanh ở cõi trời Phạm thiên, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành thiền định giải thoát tam-muội mà không sanh theo cõi Thiền, ấy là hạnh của Bồ-tát. Tuy hành tứ niệm xứ mà không hằng lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành tứ như ý túc mà được tự tại thần thông, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành ngũ căn mà phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành thất giác phần mà phân biệt trí tuệ Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành bát chánh đạo mà ưa hành vô lượng Phật đạo, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo mà cứu cánh không rơi vào tịch diệt, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hành các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy hiện oai nghi Thanh văn Bích-chi Phật mà không xả Phật pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy tùy tướng thanh tịnh cứu cánh của các pháp mà tùy sở ứng để hiện thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy quán cõi nước chư Phật hằng tịch như không mà hiện các cõi Phật thanh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy được Phật đạo chuyển pháp luân vào Niết-bàn mà không bỏ đạo Bồ-tát, ấy là hạnh Bồ-tát.

Khi nói lời ấy rồi, đại chúng đi theo ngài Văn-thù-sư-lợi, trong đó tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Khi ấy Phật bảo ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Ông đi đến thăm bệnh ông Duy-ma-cật.

Ngài Văn-thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bậc thượng nhân kia khó mà đối đáp được vì đã thâm đạt được thật tướng, khéo nói pháp yếu, biện tài thông suốt, trí tuệ vô ngại, tất cả các pháp thức của Bồ-tát thảy đều biết hết, những bí tàng của chư Phật không chỗ nào mà chẳng nhập, hàng phục các chúng ma và được thần thông du hý, trí tuệ phương tiện kia đều đã vượt qua. Tuy nhiên con xin vâng thánh chỉ của Phật đến thăm bệnh ông.

Trước khi vâng lời Phật dạy đến thăm cư sĩ Duy-ma-cật, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hết lời tán thán ông là người đã thâm nhập thật tướng của các pháp, lại khéo giảng pháp yếu cho người nghe. Ông có đủ biện tài không chướng ngại, trí tuệ không gì ngăn trở, thông suốt tất cả những pháp thức của Bồ-tát, vào được kho bí mật của chư Phật, hàng phục tất cả ma, được thần thông du hý và trí tuệ phương tiện... Tất cả những điều ông đạt được thật đáng kính nể. Ngài Văn-thù là bậc thượng thủ trong chúng hội của Phật, mà không nhận lời thì còn ai có thể đi thăm nữa! Vì vậy đến đây ngài Văn-thù phải chấp nhận.

Khi đó ở trong chúng hội, các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử, trời Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương đều khởi nghĩ thế này: "Nay hai vị đại sĩ là Văn-thù-sư-lợi và Duy-ma-cật cùng luận đàm với nhau, ắt là nói diệu pháp." Liền khi ấy tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân đều muốn đi theo.

Bấy giờ ngài Văn-thù-sư-lợi cùng các Bồ-tát, các vị đại đệ tử và chư thiên nhân cung kính đi nhiễu để vào đại thành Tỳ-da-ly.

Chúng ta bây giờ cũng vậy, khi nghe những vị có uy tín, có tiếng tăm đàm luận với nhau thì muốn đi nghe thử xem quý vị luận bàn việc gì. Ở đây số người đi theo Bồ-tát Văn-thù rất đông, nhưng thất cư sĩ Duy-ma-cật quá nhỏ, làm sao chứa được tám ngàn vị Bồ-tát, năm trăm vị Thanh văn, trăm ngàn vị thiên nhân, vậy mà vẫn dung được hết. Đó là điều đặc biệt.

Lúc ấy trưởng giả Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Nay Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng đồng đến!" Ông liền dùng thần lực làm cho trong thất trống rỗng, dẹp hết đồ đạc và các thị giả, chỉ để một giường bệnh mà nằm.

Tuy bệnh nằm trong thất nhưng cư sĩ Duy-ma-cật vẫn biết Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi cùng đại chúng sẽ đến thăm. Ông liền dùng thần lực dẹp hết đồ đạc và thị giả, làm cho thất trống, chỉ còn lại một cái giường để ông nằm. Chỗ này nghĩa lý rất sâu xa. Thất của cư sĩ Duy-ma-cật là chỉ cho tâm của tất cả chúng sanh hay của chư Bồ-tát. Tâm đó muốn được đầy đủ tuệ giác thì phải

dẹp tất cả mọi vọng tưởng, còn một giường nằm bệnh là chỉ cho phương tiện độ sanh.

Ngài Văn-thù-sư-lợi đã vào trong nhà ông Duy-ma-cật, thấy thất trống rỗng không có vật gì, chỉ có một mình ông nằm trên giường. Khi ấy ông Duy-ma-cật nói:

- Lành thay, Văn-thù-sư-lợi! Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy.

Ngài Văn-thù liền đáp:

- Như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì có sao? Đến không từ đâu đến, đi không có chỗ đến, chỗ có thể thấy càng không thể thấy.

Thường chúng ta gặp nhau thì chào anh mới đến, mới đến đó là tướng đến. Nếu nói thật có đến là phàm phu, còn theo tinh thần Bồ-tát, thấy có đến mà không thật đến, có đi mà không thật đi. Gặp nhau là thấy, mà thấy cũng không thật thấy. Ở đây hai bậc thượng thủ này vừa gặp nhau chào hỏi một câu nghe thật tẻ lạnh: *Tướng không đến mà đến, tướng không thấy mà thấy!* Trong luận Trung Quán, Bồ-tát Long Thọ nói, *không có đến thật, không có đi thật, nhưng có giả tướng đến, giả tướng đi.* Như vậy tướng thật không đến nhưng giả tướng thì có đến, tướng thật không thấy nhưng giả tướng thì có thấy. Chính vì vậy mà ngài Văn-thù mới đáp lại rằng: Đúng như thế, cư sĩ! Nếu đã đến lại chẳng đến, nếu đã đi lại chẳng đi. Vì cớ sao? Vì người đến không từ đâu đến, người đi không đi về đâu. Vì vậy tìm cái đến cái đi thật không có. Chỗ có thể thấy càng không thể thấy. Cho nên

nói tướng thấy thì không thấy. Hai ngài gặp nhau, lý sự một chút rồi trở lại thực tế. Bồ-tát Văn-thù nói:

Hãy gác việc đó lại. Cư sĩ, bệnh ông có thể chịu nổi chăng? Điều trị có bớt hay không, không đến nỗi tăng chứ? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông. Tôi đến thăm bệnh ông mà nói chuyện xa vời quá, thôi hãy gác chuyện đó lại đi. Bây giờ thật tình mà hỏi, bệnh ông có nặng lắm không? Có chịu nổi không? Ông trị liệu có giảm bớt hay tăng? Thế Tôn rất ân cần thăm hỏi ông.

Này cư sĩ! Bệnh ấy do nhân gì mà khởi? Bệnh sanh đã lâu chưa? Làm sao để hết bệnh? Đó là ba câu hỏi để cư sĩ Duy-ma-cật trả lời. Câu hỏi thứ nhất là nhân duyên gì mà sanh bệnh? Câu hỏi thứ hai, bệnh đó đã lâu chưa? Câu hỏi thứ ba, làm sao cho hết bệnh?

Ông Duy-ma-cật nói:

Từ si có ái, ắt là bệnh tôi sanh. Vì tất cả chúng sanh bệnh, thế nên tôi bệnh. Nếu tất cả chúng sanh hết bệnh thì bệnh tôi cũng dứt. Ông trả lời câu đầu nguyên nhân bệnh là do si ái sanh ra. Câu thứ hai là tất cả chúng sanh có bệnh thì tôi có bệnh, không biết bao lâu. Câu thứ ba, chừng nào chúng sanh hết bệnh thì chừng đó tôi lành bệnh. Như vậy ông đã trả lời hết ba câu hỏi.

Vì cớ sao? Bồ-tát vì chúng sanh nên vào sanh tử, có sanh tử ắt có bệnh. Nếu chúng sanh được lìa bệnh thì Bồ-tát cũng không bệnh. Ông giải thích Bồ-tát vì

chúng sanh mà vào trong sanh tử. Chúng sanh do si ái nên có sanh tử, có sanh tử thì có bệnh. Ông với tâm hạnh từ bi của Bồ-tát, thương chúng sanh nên vào trong sanh tử. Nếu chúng sanh hết sanh tử thì Bồ-tát đâu còn vào trong sanh tử nữa. Chúng sanh hết bệnh thì Bồ-tát cũng hết bệnh.

Ví như ông trưởng giả chỉ có một đứa con, đứa con kia bị bệnh thì cha mẹ cũng bệnh. Nếu đứa con hết bệnh thì cha mẹ cũng khỏi. Bồ-tát cũng như thế, đối với chúng sanh yêu mến như con. Chúng sanh bệnh thì Bồ-tát bệnh, chúng sanh lành bệnh thì Bồ-tát cũng lành bệnh. Lại nói bệnh ấy từ nhân duyên nào mà khởi, Bồ-tát bệnh đó là do lòng đại bi mà khởi.

Chúng sanh đang lăn lộn trong sanh tử gọi là bệnh. Bồ-tát vào trong sanh tử để độ chúng sanh, nên gọi là Bồ-tát bệnh. Bệnh đó là do lòng đại bi, chứ không phải do tứ đại bất hòa, không phải do phiền não mà bệnh. Bồ-tát thương chúng sanh như thương con. Những đứa con khôn ngoan cũng thương mà mừng, nó sẽ mau tỉnh; những đứa ngu ngốc cũng thương mà tội nghiệp, không biết chừng nào nó tỉnh! Thương hết không ghét đứa nào. Nếu có tâm ghét là tâm chúng sanh, còn thật tâm Bồ-tát thì người hay cũng thương, người dở cũng thương, không bỏ sót một ai.

Chúng ta kiểm lại xem mình là tâm Bồ-tát hay tâm chúng sanh? Dễ thấy quá. Dù người gây khó khăn cho mình, mình cũng thấy dễ thương, đó là tâm của Bồ-tát.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Này cư sĩ, thất này vì sao trống không không có thị giả?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi nước của chư Phật cũng đều trống không.

Lại hỏi: - Lấy gì làm không?

Đáp rằng: - Lấy không làm không.

Lại hỏi: - Không đâu cần không?

Đáp: - Do không phân biệt không, nên không.

Lại hỏi: - Không có thể phân biệt được sao?

Đáp: - Phân biệt cũng không.

Lại hỏi: - Cái không ấy phải cầu ở đâu?

Đáp: - Ở trong sáu mươi hai kiến chấp mà cầu.

Lại hỏi: - Sáu mươi hai kiến chấp phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải ở trong giải thoát của chư Phật mà cầu.

Lại hỏi: - Giải thoát của chư Phật phải cầu ở đâu?

Đáp: - Phải cầu ở trong tất cả tâm hạnh chúng sanh. Lại nhân giả hỏi, sao không có thị giả? Tất cả chúng ma và ngoại đạo đều là thị giả của tôi. Vì cớ sao? Chúng ma ưa sanh tử, Bồ-tát đối với sanh tử chẳng bỏ. Ngoại đạo thì ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối các kiến chấp chẳng động.

Đoạn lý luận này nghe rất thâm thúy. Bồ-tát Văn-thù hỏi tại sao trong thất của ông trống không,

không có thị giả. Cư sĩ Duy-ma-cật đáp chẳng những thất tôi mà thất của chư Phật cũng đều trống không. Tại sao cõi nước chư Phật cũng đều trống không? Bởi vì tất cả cõi chư Phật đều không có mọi kiến chấp, không có mọi phân biệt mới được thành Phật, mới được giác ngộ. Cho nên nói cõi chư Phật cũng là không. Hỏi thế nào là không? Đáp: Bởi không nên không. Nghe thật khó hiểu! Lại hỏi thêm: Đã không thì đâu cần không mà nói do không nên không? Đáp: Do không phân biệt không, nên không. Cái không này cần phải hiểu cho thật rõ, cái không ban đầu là không của nội tâm, do tâm không phân biệt nên nói tâm không. Như bài kệ tụng của ông Bàng Uẩn:

Thử thị tuyển Phật trường,
Tâm không cập đệ quy.

Nghĩa là:

Đây là trường thi Phật,
Tâm không được đậu về.

Tâm không là đối trước ngoại cảnh mà không dấy khởi niệm phân biệt, không phân biệt thì ngoại cảnh cũng thành không, nên nói do không mà không. Vì vậy mà gọi là không không. Bồ-tát lại hỏi: Không có thể phân biệt chăng? Đáp: Phân biệt cũng không. Đã không thì còn gì phân biệt, không phân biệt nên nói không cũng là không. Như vậy cả hai đều không.

Lại hỏi cái không đó từ đâu mà tìm? Tức là tìm lý do để thấy không tất cả phân biệt. Ở đây nói, phải từ

sáu mươi hai kiến chấp mà tìm. Nghĩa là còn nằm trong một kiến chấp nào thì chưa phải không. Trong sáu mươi hai kiến chấp, không động không dính ấy gọi là không. Sáu mươi hai kiến chấp tìm từ đâu? Đáp: Từ trong pháp giải thoát của chư Phật. Muốn dứt sáu mươi hai kiến chấp thì ngay trong pháp giải thoát của Phật mà dứt, chứ không đâu xa hết.

Chúng ta ai cũng quý trọng pháp giải thoát của Phật. Hỏi pháp giải thoát của Phật từ đâu mà tìm? Từ nơi tâm hạnh của tất cả chúng sanh. Tâm hạnh mình có pháp giải thoát của Phật không? Nếu mắt thấy sắc mà không dính với sắc, tai nghe tiếng mà không mắc kẹt tiếng... cho đến tâm duyên với pháp trần mà không dính với pháp trần, đó là pháp giải thoát của Phật. Như vậy tất cả pháp giải thoát không ở bên ngoài mà từ tâm hạnh của chúng ta. Chúng ta biết tu, biết gỡ mọi dính mắc thì được giải thoát, chứ không tìm giải thoát ở đâu xa.

Hỏi tại sao không có thị giả? Đáp: Tất cả chúng ma và ngoại đạo là thị giả của tôi. Tại sao? Vì chúng ma ưa sanh tử nên dẫn người đi trong sanh tử, còn Bồ-tát đối với sanh tử không bỏ, lao mình trong sanh tử, cùng chúng ma làm bạn để độ chúng ma, nên nói chúng ma là thị giả của tôi. Ngoại đạo ưa các kiến chấp, Bồ-tát đối với các kiến chấp không động. Nghĩa là đối với sáu mươi hai kiến chấp, Bồ-tát không bỏ dẹp cũng không dính mắc, gọi là không động. Không động cho nên gần được với chúng ngoại đạo, vì vậy nói ngoại đạo là thị giả của tôi.

Ngài Văn-thù hỏi: Bệnh của cư sĩ tướng trạng thế nào?

Ông Duy-ma-cật đáp: Bệnh tôi không hình tướng, không thể thấy. Thí dụ nói tôi nhức đầu, tôi đau bụng... thì đó là có tướng bệnh. Ông Duy-ma-cật trả lời bệnh tôi không có tướng, không thể thấy được.

Lại hỏi: Bệnh này hợp với thân chăng? Hợp với tâm chăng?

Đáp: Không hợp với thân vì lìa thân tướng, cũng chẳng hợp với tâm vì tâm như huyễn. Bệnh đó không hợp với thân cũng không hợp với tâm. Vì thân đã lìa thân tướng, tâm đã thấy như huyễn.

Lại hỏi: Địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại, nơi tứ đại này thì đại nào bệnh?

Đáp: Bệnh ấy không phải địa đại cũng chẳng lìa địa đại; thủy, hỏa, phong đại cũng lại như thế. Các chúng sanh bệnh là từ tứ đại khởi, vì chúng sanh có bệnh thế nên tôi bệnh.

Đất, nước, gió, lửa vốn không bệnh, nhưng hợp lại thành thân mới sanh ra bệnh. Đối với ông, tứ đại không có bệnh, còn chúng sanh chấp tứ đại là thật nên thấy có bệnh. Tứ đại có bệnh nên Bồ-tát cũng bệnh, là để nói bệnh của ông từ nơi chúng sanh mà có. Thế nên nói vì chúng sanh có bệnh nên tôi bệnh.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát nên làm thế nào để an ủi những vị Bồ-tát bệnh?

Ông Duy-ma-cật mới nói:

- Nói thân vô thường mà không nói chán lìa thân. Nói thân có khổ mà không nói ưa Niết-bàn. Nói thân là vô ngã mà nói pháp để giáo hóa chúng sanh. Nói thân không tịch, không nói cứu cánh tịch diệt. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ. Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Phải làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Bồ-tát nên như thế mà an ủi những Bồ-tát có bệnh, khiến cho những vị này được hoan hỷ.

Như có vị Bồ-tát bệnh, Bồ-tát khác tới thăm thì phải làm sao để an ủi? Trước hết ông nhắc, thân này là vô thường. Thanh văn thấy thân vô thường thì chán, nhưng Bồ-tát thấy thân vô thường mà không chán lìa thân. Tại sao? Nếu chán lìa thân thì làm sao vào sanh tử độ chúng sanh được. Thanh văn thấy thân là khổ nên cầu Niết-bàn an vui. Bồ-tát không cầu Niết-bàn vì thương chúng sanh, nếu vào Niết-bàn thì đâu cứu độ chúng sanh được. Nói thân vô ngã là không có ta thật mà luôn luôn nói pháp giáo hóa chúng sanh. Nói rỗng lặng nhưng không phải hoàn toàn rỗng không. Nói ăn năn những lỗi trước mà không nói vào quá khứ, nghĩa là không chấp có quá khứ thật. Nếu có quá khứ thật là chấp nhận ba thời thật sao! Đó là điểm đặc biệt của Bồ-tát.

Do mình bệnh nên thương những người khác bệnh. Chúng ta phải học câu này cho thấm. Khi mình bệnh thân thể bị hành hạ nhức nhối, phải chịu đau đớn khổ sở thế nào, nghĩ tới người khác bệnh, phải thương xót họ như lúc mình đang bệnh. Được vậy thì thế gian này đỡ khổ biết bao. Còn nếu thấy người bệnh mà ngó lơ, không chút quan tâm thì thật vô tình vô nghĩa, không có sự cảm thông giữa mình với người.

Phải biết cái khổ vô số kiếp đời trước mà nhớ nghĩ lợi ích cho tất cả chúng sanh. Phải nhớ rằng chúng ta từ trước tới giờ sanh ra chết đi không biết bao nhiêu kiếp, chịu biết bao nhiêu khổ, vậy nên thương chúng sanh còn đang chìm đắm, phải ráng tu, ráng giải thoát, khéo dùng phương tiện, phát tâm độ họ thoát ly các khổ. Đừng nghĩ mình đã được giác, đã có khả năng thoát ly khổ sanh tử mà không thương chúng sanh thì không được.

Nhớ việc tu phước, nghĩ đến sự sống trong sạch, chớ sanh buồn phiền, thường khởi tinh tấn. Chúng ta được đầy đủ phúc duyên, sớm gặp Phật pháp, là do đời trước đã có tu, đã gieo trồng căn lành, thật đáng mừng. Vì vậy phải cố gắng tinh tấn tu hành, ráng sống đời sống thanh tịnh. Nhất là người mới mười lăm mười bảy tuổi mà phát tâm vào đạo là càng mừng hơn, vì biết mình có phước hơn những người khác. Phải vui mừng vì túc duyên lành, sao lại buồn chán? Buồn chán là tâm niệm rất xấu, là phủi bỏ những công lao tu tạo trước của mình. Được vậy thì niệm tu hành đạo đức mới sâu dày.

Làm vị y vương để trị bệnh cho tất cả chúng sanh. Nghĩa là dùng Phật pháp làm thuốc để trị tâm bệnh cho tất cả chúng sanh. Phát khởi tâm niệm mạnh mẽ như vậy mới là hạnh nguyện Bồ-tát.

Trên đây là những điều cư sĩ Duy-ma-cật đã trả lời câu hỏi của Bồ-tát Văn-thù, Bồ-tát phải nên an ủi những Bồ-tát bệnh như thế nào, khiến cho những vị này được hoan hỷ. Chúng ta cũng vậy, khi đến thăm viếng an ủi người bệnh, chỉ dùng những lời đạo lý để nhắc nhở nhau, chớ theo thường tình. Phải học theo gương cao thượng của Bồ-tát, mới xứng đáng là người tu.

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, Bồ-tát có bệnh thì làm sao mà điều phục tâm kia?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Bồ-tát có bệnh nên khởi nghĩ thế này: "Nay ta bệnh đây đều là từ đời trước vọng tưởng điên đảo các phiền não sanh, không có một pháp thật thì ai nhận bệnh! Vì cớ sao? Vì tứ đại hợp nên giả danh là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã, lại bệnh này khởi đều do chấp ngã. Thế nên, đối với ngã không nên sanh chấp trước."

Từ vô số kiếp đời trước do vọng tưởng điên đảo nên phát khởi các thứ phiền não, nhân đó sanh ra bệnh. Vọng tưởng phiền não vốn không thật, đã không thật thì bệnh đâu có thật. Cho nên không có pháp thật, bệnh thật. Lúc đau bụng, đau đầu... cũng không có cái đau thật thì rên khóc làm gì? Vậy bệnh từ đâu khởi,

nó hành hạ ra sao mặc kệ, đừng để ý lệ thuộc vào nó. Như vậy đã biết trọng tâm phát khởi bệnh là không thật thì ai là người chịu bệnh, ai là người đang đau? Thế nên, thấy các thứ không thật thì tự nhiên bệnh không thật. Thân này do tứ đại hợp, giả danh tạm gọi là thân, tứ đại không chủ thì thân cũng vô ngã. Bệnh sanh là do chấp ngã vì vậy đối với ngã không nên sanh chấp trước.

Đã biết gốc bệnh tức trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Phải khởi pháp tưởng, nên khởi nghĩ thế này: "Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Lại pháp này mỗi pháp không biết nhau, khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt."

Biết gốc bệnh là do chấp ngã, vì vậy phải trừ ngã tưởng và chúng sanh tưởng. Ngã tưởng là tưởng mình thật, chúng sanh tưởng là tưởng người thật. Khởi pháp tưởng là nên khởi nghĩ thế này: *Chỉ do các pháp hợp thành thân này. Khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt.* Khi tứ đại hợp thì thân này sanh, tứ đại rã thì thân này hoại. Hợp tan là chuyện của pháp, chứ đâu phải chuyện của mình.

Lại pháp này mỗi pháp không biết nhau, *khi khởi không nói ngã khởi, khi diệt không nói ngã diệt.* Tứ đại khi hợp lại cũng không nói chúng ta cùng nhau hợp, khi tan cũng không nói chúng ta cùng nhau đi. Tự nó đến tự nó đi, còn mình không biết gì hết, như vậy nó đâu dính gì với mình, còn gì phải lo sợ.

Những vị Bồ-tát có bệnh kia vì diệt pháp tưởng nên phải khởi nghĩ thế này: "Pháp tưởng này cũng là điên đảo, điên đảo đó tức là đại họa, ta phải lìa nó." Bồ-tát khởi diệt trừ pháp tưởng phải nên khởi nghĩ pháp tưởng này cũng là điên đảo. Như vậy ban đầu bỏ chúng sanh tưởng, ngã tưởng mà khởi pháp tưởng. Kế đó khởi pháp tưởng hợp tan không thật. Cuối cùng pháp tưởng cũng phải bỏ luôn. Như vậy mới rốt ráo.

Thế nào là lìa? Lìa ngã, ngã sở. Thế nào là lìa ngã, ngã sở? Nghĩa là lìa hai pháp. Thế nào là lìa hai pháp? Nghĩa là không nghĩ các pháp trong ngoài, thực hành bình đẳng. Thế nào là bình đẳng? Nghĩa là ngã bình đẳng, Niết-bàn bình đẳng. Vì cớ sao? Vì ngã và Niết-bàn cả hai đều không. Vì sao lại không? Chỉ vì danh tự nên không. Như thế hai pháp này không có tánh quyết định.

Chúng ta thường nghe nói Niết-bàn là chỗ không sanh tử, còn ngã là tướng sanh tử khổ. Niết-bàn không sanh tử nên an vui. Bây giờ khởi tâm bình đẳng, không thấy trong không thấy ngoài. Không dính ngã cũng không kẹt Niết-bàn, nghĩa là không còn dính kẹt ngã và pháp, cả hai đều thấy như nhau, không có tâm thiên lệch. Ngã và Niết-bàn đều không, sanh tử không thật Niết-bàn cũng không thật, chỉ là giả danh. Đến chỗ cứu cánh không còn những danh tự đó nữa.

Được bình đẳng như thế thì không có các bệnh khác, chỉ có bệnh không; bệnh không cũng không. Bồ-tát có bệnh này do không chỗ thọ mà thọ các thọ, chưa đủ Phật pháp, cũng chẳng diệt thọ mà thủ chứng.

Bồ-tát bệnh mà không nhận tất cả những bệnh, tuy không nhận mà vẫn còn có cái nhận. Tại sao? Thấy mình chưa đầy đủ công đức độ sanh, thì còn phải thọ thân trong sanh tử để cứu độ chúng sanh, không vì không thọ mà nhập Niết-bàn. Thế nên nói, không thọ mà thọ các thọ.

Dù thân có khổ, nghĩ đến chúng sanh trong đường ác mà khởi tâm đại bi, ta đã điều phục cũng sẽ điều phục tất cả chúng sanh. Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp, vì đoạn gốc bệnh mà giáo hóa họ.

Bồ-tát dù thân đang bệnh đau đớn khổ sở mà vẫn nhớ những chúng sanh ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh phải chịu đau khổ gấp mấy ngàn lần mình. Do nghĩ như vậy nên Bồ-tát khởi tâm thương xót mà quên bệnh của mình, cố gắng tự điều phục và điều phục chúng sanh trong ba đường ác.

Chỉ trừ bệnh kia mà không trừ pháp. Thân chúng ta là do năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức hợp thành. Chấp năm uẩn là mình là chấp ngã. Vì chấp ngã nên có khổ có vui, đó là bệnh. Như vậy đối với thân năm uẩn này, chúng ta chỉ phá bệnh chấp ngã chứ không phá năm uẩn. Nên nói trừ bệnh mà không trừ pháp, vì muốn đoạn gốc bệnh là gốc sanh tử cho chúng sanh, mới dạy dỗ họ. Bồ-tát lúc nào cũng nghĩ tới chúng sanh nhiều hơn là bản thân mình. Dù đang bệnh khổ mà không nghĩ đến bệnh của mình, chỉ nhớ làm sao dạy bảo cho mọi người hết được gốc bệnh, tức là hết được gốc sanh tử.

Sao gọi là gốc bệnh? Nghĩa là có phan duyên, từ có phan duyên ắt là gốc bệnh. Sao gọi là phan duyên? Nghĩa là tam giới.

Phan duyên tức là đuổi theo, nắm bắt, buông cái này chụp cái kia. Tâm mãi đuổi theo ngoại cảnh, chạy theo sáu trần sắc thanh hương vị xúc pháp, đó là tâm phan duyên. Chính tâm phan duyên tạo thành nghiệp mà có thân này, là gốc của bệnh. Phan duyên ở đây là đuổi theo nắm bắt những cảnh trong Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Thí dụ những người tâm duyên tưởng theo các định Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền v.v... nếu ngang đó mà chết thì sanh vào cõi trời Sắc giới, đó gọi là phan duyên cõi trời Sắc giới. Những người đuổi theo các định Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ v.v... khi chết thì sanh vào cõi trời Vô sắc giới, đó gọi là phan duyên Vô sắc giới. Hiện nay chúng ta đang ở trong cõi Dục giới mà còn nắm bắt không ngừng, tâm ý chạy tứ tung không kìm nổi, huống nữa là cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Như vậy sở dĩ mình có thân là vì tâm phan duyên theo cảnh trong tam giới.

Làm sao đoạn phan duyên? Dùng vô sở đắc, nếu vô sở đắc thì không có phan duyên. Muốn dứt tâm phan duyên thì phải thấy tất cả pháp đều không thật. Những được mất hơn thua... chỉ là tạm bợ giả dối, có gì đáng mà đuổi theo! Nhưng chúng ta thường đuổi theo sắc, thanh, hương, vị... Như có một huynh đệ tốt bụng luộc ba củ khoai lang, một củ phần mình, hai củ còn lại chia cho hai huynh đệ, trong đó có một củ bị sùng mà không hay biết.

Người nhận được củ khoai sùng, nghĩ mình bị huynh đệ đối xử không tốt, trong lòng ôm ấp mãi không vui, nên mỗi khi gặp nhau là nhớ đến chuyện đã qua. Thế đó, chúng ta cứ bám víu, dính mắc bởi những chuyện không đâu, lầm nhận những thứ hư giả không thật cho là thật, nên phải chịu trầm luân muôn kiếp. Hiểu được điều này thì tâm phan duyên dứt, việc tu hết sức rõ ràng.

Sao gọi là vô sở đắc? Nghĩa là lìa hai kiến chấp. Sao gọi là hai kiến chấp? Nghĩa là kiến chấp bên trong, kiến chấp bên ngoài, ấy là vô sở đắc. Kiến chấp bên trong là chấp thân, kiến chấp bên ngoài là chấp cảnh. Sở dĩ thấy có được mất là do chấp thân thật và cảnh ngoài thật. Không chấp thân và cảnh thật thì tất cả đều vô sở đắc.

Tóm lại, phan duyên là chạy theo sáu trần, duyên theo ngoại cảnh. Còn phan duyên tức còn vọng tưởng, mà vọng tưởng là gốc của bệnh. Sở dĩ chúng ta sanh trong lục đạo là từ tâm vọng tưởng chạy theo cảnh, mà cảnh đó không ngoài tam giới. Muốn dứt tâm chạy theo cảnh thì phải vô sở đắc, nghĩa là không chấp nhận một pháp nào thật. Không có năng thì không có sở, trong không có ngã, ngoài không ngã sở, không có một pháp thật thì tâm phan duyên hết. Nếu trong còn chấp thân, ngoài còn chấp cảnh, trong có vọng tưởng, ngoài có sáu trần, đó là thấy hai. Dứt được cái thấy hai tức là vô sở đắc.

Văn-thù-sư-lợi, ấy là Bồ-tát có bệnh dùng tâm kia để mà điều phục, vì đoạn khổ già bệnh chết, ấy là Bồ-đề của Bồ-tát. Nếu không như thế thì chỗ tu trị của mình

không có trí tuệ bén nhạy. Thí như thắng được kẻ thù mới gọi là dũng sĩ. Như thế trừ hết già bệnh chết mới gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh phải dùng tâm vô sở đắc mà điều phục. Vậy khi Bồ-tát khởi tâm đại bi thương xót chúng sanh thì phải biết gốc bệnh của chúng sanh là gì, rồi theo đó chỉ dạy, để dẹp hết khổ già bệnh chết cho họ. Gốc bệnh là do chấp ngã và ngã sở.

Bồ-tát phải lấy Bồ-đề, giác ngộ của mình để dứt các khổ già bệnh chết. Cũng như người chiến thắng được kẻ thù mới gọi là mạnh, mới gọi là dũng sĩ. Đó là chỗ giác ngộ của Bồ-tát. Khi Bồ-tát bệnh, nếu không có tâm thương xót nghĩ nhớ đến nỗi khổ của chúng sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, tìm cách cứu họ ra khỏi sanh tử... thì việc tu sửa của Bồ-tát không có trí tuệ bén nhạy.

Bồ-tát có bệnh kia nên lại khởi nghĩ như thế này: "Như bệnh của ta đây chẳng phải thật, chẳng phải có, bệnh của chúng sanh cũng chẳng phải thật, cũng chẳng phải có." Khi khởi quán như thế đối với các chúng sanh, khởi ái kiến đại bi tức nên xả ly. Khi Bồ-tát bệnh phải khởi nghĩ, bệnh của ta không phải thật có. Không phải thật có là sao? Vì bệnh là do duyên, đã là duyên sanh thì nó như huyễn như hóa, nên nói không phải thật có. Bệnh chúng sanh cũng lại như thế. Thường chúng ta ai cũng thấy bệnh là thật, là có. Nếu nó là thật thì lúc nào cũng đau, uống thuốc đâu có hết! Nhưng vì nó không thật nên gặp đúng thuốc trị

bệnh sẽ dứt chứ đâu còn mãi. Như vậy cái gì khi có khi không, khi còn khi mất thì không phải thật. Quán như thế rồi, đối với chúng sanh nếu có khởi ái kiến đại bi thì nên xả bỏ.

Vì cớ sao? Bồ-tát đoạn trừ khách trần phiền não mà khởi đại bi. Ái kiến bi đó tức là đối với sanh tử có tâm mệt mỏi nhàm chán. Nếu hay lìa được cái này, không có mệt mỏi nhàm chán, sanh ở chỗ nào cũng không bị ái kiến che lấp.

Khách trần phiền não nghĩa là sao? Theo kinh Lăng-nghiêm, có người tới nhà người khác xin ở trọ một đêm rồi sáng ra đi. Người đó gọi là khách. Còn người ở trong nhà không đi đâu, gọi là chủ. Cũng như khi mặt trời lên, ánh sáng xuyên qua kẽ hở rọi vào nhà, nhìn thấy trong hư không có những hạt bụi bay lăng xăng. Bụi bay lăng xăng đó gọi là trần. Hư không đâu có bay lăng xăng, chỉ đứng yên một chỗ, gọi là chủ, còn khách là trần thì có đến có đi.

Khách trần phiền não là tâm vọng tưởng chợt sanh chợt diệt, chợt có chợt không. Trong khi dẹp trừ phiền não vọng tưởng đó, khởi tâm thương xót và muốn cứu độ chúng sanh, đó là tâm đại bi. Sao ở đây lại nói là ái kiến đại bi? Nghĩa là Bồ-tát khởi tâm thương và muốn đoạn trừ phiền não cho họ, nhưng đi trong sanh tử mãi, cảm thấy mệt mỏi chán nản, nên khởi nghĩ chỉ đời này thôi, mệt quá rồi không muốn trở lại độ họ nữa. Khởi tâm như vậy là ái kiến đại bi. Ái kiến là kiến ngã. Ai mệt? Ta mệt. Thương chúng sanh nhưng còn thấy

mình mệt mỏi thì gọi đó là ái kiến đại bi. Lìa được tâm này thì sanh bất cứ nơi đâu, lúc nào cũng không bị ái kiến che lấp. Sanh ra liền nhớ bản hạnh độ sanh của mình để tiếp tục hành đạo. Nếu còn tâm ái kiến đại bi thì sanh ra liền bị ái kiến che lấp, quên bản nguyện ban đầu của mình.

Qua đó mới hiểu được tâm nguyện cao thượng, siêu thoát của Bồ-tát. Còn chúng ta có khả năng làm được việc gì thì chỉ làm một vài lần, chứ lâu dài dễ sanh mệt mỏi chán nản. Cái gì mệt? Cái ngã. Vì còn thấy mình thật nên chấp ngã sanh ái kiến. Đây là điểm yếu dở và tầm thường của mình. Giả sử ngang đây mà chết, đời sau sanh ra chắc quên hết, vì tâm ái kiến còn nặng quá, muốn nhớ lại cũng phải gần bạc đầu! Như vậy chúng ta đã biết cội gốc của sự tu, phải hiểu cho thật kỹ thì việc hành đạo mới khỏi lầm lẫn. Vì vậy nếu không học và hành theo công hạnh của Bồ-tát thì đâu thể thành Phật. Thế mà những việc làm của Bồ-tát, mình chưa được tí ti nào, thật đáng xấu hổ.

Chỗ sanh không bị trói buộc, hay vì chúng sanh nói pháp mở trói buộc, như lời Phật nói: "Nếu tự có trói buộc mà hay cởi mở cho người khác thì không có lẽ ấy. Nếu tự mình không trói buộc mà hay mở cho người, điều ấy là có được." Do đó Bồ-tát không nên khởi trói buộc. Bồ-tát dứt ái kiến đại bi thì sanh nơi nào cũng không bị ái kiến che lấp, không có gì ràng buộc và thường nói pháp để mở trói buộc cho chúng sanh. Như lời Phật dạy, người đang bị trói buộc mà muốn cởi mở cho người khác

thì không có lẽ đó. Thí dụ một đám cướp vô nhà, bắt hết mọi người trong nhà, cột mỗi người vào một cây cột. Chúng lấy hết đồ đạc và bỏ đi. Người nào cũng bị cột bị trói, muốn mở trói cho nhau có được không? Dù rất thương mà chính mình chưa mở được thì cũng khó mở được cho người. Cho nên Phật dạy chúng ta phải tự mở. Muốn tự mở thì phải phá hai kiến chấp, đó là kiến chấp về ngã và ngã sở, mình không bị trói buộc mới có thể mở được trói buộc cho người khác. Đó là lẽ thật. Khởi trói buộc tức là khởi những ái kiến về ngã và ngã sở. Người đã thọ giới Bồ-tát thì phải học những lời dạy này để thực hành theo hạnh Bồ-tát.

Sao gọi là trói? Sao gọi là mở? Tham trước thiền vị, ấy là Bồ-tát bị trói; vì phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở. Sao gọi là trói? Thí dụ những vị tu thiền đạt được Diệt tận định. Khi nhập Diệt tận định rồi, muốn an trú trong sự tĩnh lặng và say sưa mãi trong đó thì gọi là Bồ-tát bị trói. Vì như vậy là không có phương tiện làm lợi ích cho chúng sanh. Nên nói Bồ-tát tham trước thiền vị, gọi là bị trói. Sao gọi là mở? Nghĩa là trong khi Bồ-tát được thiền vị mà khởi phương tiện, tức là khởi lòng đại bi, muốn chỉ cho chúng sanh thoát khổ như mình, đó là mở. Nên nói do phương tiện sanh, ấy là Bồ-tát mở.

Lại không có phương tiện tuệ là bị trói, có phương tiện tuệ gọi là mở; không có tuệ phương tiện là trói, có tuệ phương tiện là mở. Sao gọi không có phương tiện tuệ bị trói? Nghĩa là Bồ-tát do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu cho chúng sanh, đối với các pháp Không,

vô tướng, vô tác mà tự điều phục, ấy gọi là không phương tiện tuệ bị trói. Chúng ta tu mà cố chấp những pháp mình được, rồi an trú và bị trói trong chỗ sở đắc, nên nói không có tuệ phương tiện bị trói. Còn nếu có tuệ phương tiện mà không chấp vào sở đắc đó, làm lợi ích cho mọi người nên nói có tuệ phương tiện là mở. Đây chỉ thêm chỗ cao tột. Trong lúc tu, Bồ-tát khởi tâm ái kiến trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sanh, đối với ba môn giải thoát Không vô tướng vô tác mà tự điều phục, thì gọi là không phương tiện tuệ bị trói.

Sao gọi là có phương tiện tuệ mở? Nghĩa là không do tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, đối trong ba pháp Không, vô tướng, vô tác, tự điều phục mà không mệt mỏi nhàm chán, ấy gọi là có phương tiện tuệ mở. Không có phương tiện tuệ bị trói và có phương tiện tuệ mở, khác nhau chỗ nào? Nghĩa là cả hai đều tu ba môn giải thoát để trang nghiêm tịnh độ thành tựu chúng sanh, nhưng sở dĩ nói không có phương tiện tuệ bị trói vì còn tâm ái kiến, có phương tiện tuệ mở là không tâm ái kiến.

Như việc xây dựng một ngôi chùa, nếu người có ý muốn xây chùa cho thật đẹp, để làm nơi tu dưỡng an nhàn, nghĩ như vậy là có tâm ái kiến. Còn nếu cất chùa để nuôi chúng và có chỗ nơi hướng dẫn chúng cùng Phật tử tu hành, tiến tới chỗ giải thoát, mà không nghĩ cho riêng mình, đó là không tâm ái kiến. Phải hiểu rõ lời của Bồ-tát chỉ cho mình biết bệnh để tránh, mới mong được giải thoát và tiến lên Phật quả.

Sao gọi là không có tuệ phương tiện bị trói? Nghĩa là Bồ-tát trụ nơi các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, ấy gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Sao gọi là có tuệ phương tiện mở? Nghĩa là lìa các thứ phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... mà gieo trồng các cội công đức, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ấy gọi là có tuệ phương tiện mở. Bồ-tát làm lợi ích cho chúng sanh, làm mọi việc phước đức, thấy ai nghèo khổ, bệnh hoạn thì cứu giúp... làm đủ mọi việc mà động tới thì nổi sân đùng đùng, gặp duyên thì tâm tham dấy khởi. Cho nên làm việc công đức mà còn tham dục, sân nhuế, tà kiến... thì gọi là không có tuệ phương tiện bị trói. Còn Bồ-tát gieo trồng các cội công đức mà dứt lìa các phiền não tham dục, sân nhuế, tà kiến... rồi hướng về Phật đạo thì gọi là có tuệ phương tiện mở. Đó là được giải thoát.

Văn-thù-sư-lợi, những vị Bồ-tát có bệnh kia nên quán các pháp như thế. Lại nữa, quán thân vô thường, khổ, không, phi ngã, ấy gọi là tuệ. Tuy thân có bệnh mà thường ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh không biết chán mỏi, ấy gọi là phương tiện. Lại nữa quán thân, thân chẳng lìa bệnh, bệnh chẳng lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Dù thân có bệnh mà không hằng diệt, ấy gọi là phương tiện.

Bồ-tát có bệnh dùng các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã của Phật dạy, quán chiếu tự thân, thấu suốt được lý này, gọi đó là trí tuệ của Bồ-tát. Tuy thân bệnh,

biết nó tạm bợ hư dối vẫn ở trong sanh tử làm lợi ích cho tất cả chúng sanh, không biết mệt mỏi. Đó gọi là Bồ-tát có phương tiện. Hàng Thanh văn cũng quán chiếu các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã như Bồ-tát, nhưng vào được cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh rồi thích an trú trong đó. Vì thấy thân này tạm bợ, không có giá trị, nên muốn bỏ thân để nhập Niết-bàn, không phát tâm độ sanh. Nhị thừa và Bồ-tát khác nhau chỗ đó. Còn hàng phàm phu lầm chấp thân này là thật là quý, chết đi muốn sanh trở lại vì vậy mới trầm luân trong biển khổ sanh tử.

Ở đây nói Bồ-tát phải quán thân, thân không lìa bệnh, bệnh cũng không lìa thân, bệnh ấy thân ấy không phải mới không phải cũ, ấy gọi là tuệ. Tại sao? Chúng ta xét thân với bệnh, hai cái đó rời nhau không? Bệnh từ ngoài thân vào hay từ trong thân ra? Nếu bệnh không ngoài thân, tức thân không lìa bệnh, mà bệnh cũng không lìa thân. Nhưng bệnh và thân không phải mới cũng không phải cũ. Vừa phát bệnh thì nói là mới, còn bệnh năm xưa gọi là cũ, sao đây nói không phải mới không phải cũ? Như lời Phật đã dạy thân này là tứ đại hợp. Tứ đại hợp thì có chống trái nhau, mà chống trái là gốc bệnh. Cho nên có thân tứ đại là có bệnh liền, như vậy không phải mới. Gốc bệnh nằm sẵn trong thân, khi chưa đủ duyên nó chưa phát, gặp duyên mới phát, nên nói bệnh không phải là cũ. Thấy được như vậy gọi là có trí tuệ.

Vì thấy chúng sanh mê muội, thân giả tưởng là thật, khổ tưởng là vui... Bồ-tát biết thân này là gốc

của bệnh, nhưng không nhập Niết-bàn, muốn còn thân để giáo hóa chúng sanh, ấy gọi là phương tiện của Bồ-tát.

Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát có bệnh nên như thế mà điều phục tâm kia, chẳng trụ ở trong ấy cũng lại chẳng trụ chẳng điều phục tâm. Vì cớ sao? Nếu trụ chẳng điều phục tâm, ấy là pháp của người ngu; còn nếu trụ ở điều phục tâm, ấy là pháp của Thanh văn. Vì thế Bồ-tát không nên trụ ở nơi điều phục và chẳng điều phục tâm, lìa hai pháp này, ấy gọi là hạnh Bồ-tát.

Bồ-tát có bệnh nên như thế mà tự điều phục tâm, nhưng chẳng trụ trong chỗ điều phục đó. Tại sao? Nếu Bồ-tát mãi lo điều phục tâm là rất tốt, nhưng cố chấp cho việc đó là cứu cánh rồi quên làm lợi ích cho chúng sanh, ấy là pháp của Thanh văn. Còn người chưa biết điều phục tâm, cứ chạy theo vọng tâm điên đảo, đó là pháp của người ngu. Pháp của Bồ-tát thì cao thượng hơn, lìa hai pháp của Thanh văn và người ngu. Các ngài tự điều phục tâm, nhưng không trụ trong ấy, mà vẫn làm lợi ích cho mọi người, ấy là hạnh của Bồ-tát.

Ở trong sanh tử không làm hạnh ô uế, trụ nơi Niết-bàn mà không hằng diệt độ, ấy là hạnh Bồ-tát. Sống trong sanh tử như chúng sanh mà không làm những hạnh ô uế như tham, sân, si, hay phá trai, phạm giới... Trụ Niết-bàn mà không hằng diệt độ là trụ ở tâm thanh tịnh không dấy động, hằng như như. Như vậy Bồ-tát tuy ở trong sanh tử mà tâm hằng được thanh tịnh như như. Tuy tâm hằng thanh tịnh như như mà không muốn nhập Niết-bàn vô sanh. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Chẳng phải hạnh phàm phu, chẳng phải hạnh hiền thánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Người mê say rượu chè... đó là người xấu, thuộc hạng phàm phu. Người tu giữ giới thanh tịnh, biết rượu chè... là tội lỗi, tránh xa không bén mảng đến, đó là người tốt người hiền. Như vậy kẻ mê say, người xa lánh. Phàm phu ngồi quán rượu vì say rượu, mê rượu. Người hiền biết chỗ đó xấu nên tránh xa. Bồ-tát không phải vậy, không mê say rượu chè, nhưng có khi ngồi quán rượu để dạy người bỏ rượu, vì giáo hóa họ, đó là hạnh của Bồ-tát. Phải có đủ đạo lực mới dám làm việc này, đừng lấy cớ tu hạnh Bồ-tát rồi sớm la cà quán rượu, chiều lại đến thanh lâu, nói để giáo hóa người. Nhưng giáo hóa ai chưa biết mà mình ghiền trước, đó là đại tội. Bồ-tát tới những chỗ đó vì lòng từ bi chứ không phải như tâm phàm phu.

Chẳng phải hạnh cấu, chẳng phải hạnh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Tham lam, nóng giận v.v... đó là hạnh cấu, hạnh nhơ nhớp. Không tham lam, không nóng giận... là hạnh tịnh. Nhưng Bồ-tát thì không phải thế, các ngài vì thương nên cũng có khi la rầy, đánh đập để răn sửa những chúng sanh ngoan cố. Những hành động này bên ngoài thấy như là hạnh cấu, nhưng làm vì tâm từ chứ không phải vì tham sân. La rầy đánh đập sao gọi là tịnh được! Cho nên không phải là hạnh tịnh cũng không phải hạnh cấu, ấy là hạnh Bồ-tát. Thật ra hạnh Bồ-tát là hạnh không thể lường được, phàm phu khó thấy, khó biết. Chúng ta luôn thấy có hai bên, nhìn một cách cạn cợt. Thấy ai xấu thì chê, ai tốt thì khen.

Còn việc làm của Bồ-tát, có khi thấy như xấu mà tâm không phải xấu. Thật không thể nghĩ bàn!

Tuy vượt qua hạnh của ma mà hiện hàng phục chúng ma, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát không bị nghiệp chướng sanh trong các loài ma vương hay quỷ thần. Nhưng các ngài không tránh xa chúng, mà đôi khi phải thị hiện sống chung và làm những việc của ma để hàng phục chúng.

Cầu nhất thiết trí, không cầu phi thời, ấy là hạnh Bồ-tát. Nhất thiết trí là trí biết tất cả. Hàng Thanh văn thì được Nhất thiết trí, còn Phật thì gọi là Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát cầu Nhất thiết trí để biết tất cả tâm địa và các pháp vì muốn làm lợi ích chúng sanh, chứ không phải cầu an trụ Niết-bàn để thoát ly sanh tử cho bản thân mình. Vì vậy mà nói không cầu phi thời. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy quán các pháp chẳng sanh mà chẳng nhập chánh vị, ấy là hạnh Bồ-tát. Nghĩa là quán thấy các pháp không thật tánh, do duyên hợp tự tánh là không. Tự tánh không thì duyên hợp gọi là sanh, duyên ly tán gọi là diệt. Cái sanh diệt đó không thật nên nói các pháp chẳng sanh. Thấy không sanh mà không nhập chánh vị. Chánh vị là chỉ cho Niết-bàn vô sanh. Tuy thấy các pháp không sanh mà không nhập chỗ không sanh. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy quán mười hai nhân duyên khởi, mà vào các tà kiến, ấy là hạnh Bồ-tát. Pháp duyên khởi là pháp

trọng yếu Phật đã dạy cho hàng Thanh văn, Bồ-tát và tất cả chúng đệ tử. Thấy các pháp do duyên sanh là thấy đúng chân lý, thấy đúng lẽ thật. Còn nếu thấy có không phải quấy là thật, đó là tà kiến. Bồ-tát lúc nào cũng thấy rõ các pháp là duyên khởi, nhưng với chúng sanh phải dạy họ bỏ ác làm lành. Điều ác điều thiện là duyên hợp không thật, nhưng vẫn nói nó thật để khuyên người tránh ác, bảo người làm lành. Như vậy có tà kiến không?

Chúng ta phải hiểu cho thật rõ, nhiều khi chỉ nhìn một chiều, thấy cái gì cũng duyên khởi tánh không, nói gì cũng không, không hết. Những người mới vào đạo, nghe nói các pháp không thật, họ không biết phải tu như thế nào. Thế nên với những người này phải chỉ thẳng: đây là tội nếu tạo sẽ bị đọa địa ngục, đây là phước nếu tu thì sanh thiên. Nói khẳng định như vậy giống tà kiến, nhưng đó là hạnh Bồ-tát vì làm lợi ích cho chúng sanh, chứ không nói theo cái thấy riêng của mình.

Tuy nhiếp phục tất cả chúng sanh mà không ái trước, ấy là hạnh Bồ-tát. Tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi diệt thân tâm, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát thương cái mê lầm của chúng sanh nên nhiếp phục, giáo hóa họ, chứ không phải vì tình cảm ái nhiễm, đó là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát tuy ưa xa lìa mà không hoàn toàn y nơi thân tâm. Các ngài thấy thân nhớp nhúa, tạm bợ không thật, nên không đắm trước thân này cảnh này. Biết thân là gốc khổ, biết cảnh là hư giả,

nhưng vì lòng đại bi, muốn giáo hóa mọi người cùng thấy cùng hiểu như mình, nên không đoạn dứt thân tâm, vẫn tiếp tục tái sanh. Tuy không yêu thân, nhưng phải nhờ nó để cứu độ chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy đi trong tam giới mà không hoại pháp tánh, ấy là hạnh Bồ-tát. Pháp tánh là thể tánh của các pháp. Thể tánh các pháp là không. Như cái nhà không có thực thể cái nhà, cái chuông không có thực thể cái chuông, cái mõ không có thực thể cái mõ... Tất cả đều là tướng hư dối không có thực thể. Dục giới không có thực thể thì Sắc giới, Vô sắc giới cũng không có thực thể. Các ngài tuy qua lại trong tam giới hành hạnh Bồ-tát mà không hoại pháp tánh, chứ không phải như chúng ta đi trong tam giới rồi mê đắm, tới đâu tưởng thật tới đó.

Tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát. Có người mới học đạo, nghe nói các pháp do duyên hợp tánh không, tội phước cũng không thật v.v... thì nói đâu cần phải làm phước, rồi tha hồ sống buông thả. Tuy biết rõ các pháp tự tánh không, nhưng vẫn không quên làm mọi việc công đức, đó là hạnh của Bồ-tát. Nhiều khi chúng ta học hiểu chưa thấu đáo, làm chướng ngại việc lành. Đức Phật công đức vô lượng mà còn bòn mót từng chút phước như việc xỏ kim, còn chúng ta phước đức kém mà nhiều khi thấy việc lành không muốn làm. Thấy huynh đệ làm việc nặng nhọc, nhờ phụ giúp thì ngó lơ, thật là quá dở. Thế nên nói, tuy hành nơi Không mà gieo trồng các cội công đức, ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành vô tướng mà độ chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Hành vô tướng tức là thấy tất cả pháp không có tướng thật. Như cái đồng hồ, phàm phu cho là thật, thấy đẹp thấy xấu. Duyên giác thì thấy đồng hồ chỉ do các bộ phận ráp lại tạm gọi là đồng hồ, tìm thật thể đồng hồ không có. Như cái nhà có nhiều hình tướng khác nhau, chẳng qua chỉ do một mớ duyên ráp lại, chỉ là giả tướng, tạm gọi là nhà. Vậy tất cả pháp không có tướng thật thì chúng sanh đâu có thật. Chúng sanh không thật, khổ vui cũng không thật, thì họ khổ mặc kệ, cứu độ làm chi! Đó chưa phải là tâm niệm của Bồ-tát. Tuy không có tướng thật mà luôn luôn cứu độ chúng sanh, làm lợi ích cho chúng sanh mới là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành Vô tác mà hiện thọ thân, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát không còn nghiệp dẫn đi trong sanh tử, nhưng luôn nguyện hiện thân trong tam giới để giáo hóa chúng sanh, đó là hạnh của Bồ-tát. Còn chúng ta tu, mỗi ngày nhận lãnh sự cúng dường của đàn-na thí chủ, mà chỉ mong cho hết nghiệp để được giải thoát còn thiên hạ ai sao mặc kệ, như vậy có tàn nhẫn không? Chúng ta phải có tâm niệm cao thượng của Bồ-tát để thấy rõ việc cần phải làm, chứ nhiều khi chỗ tu của mình không khéo biến thành ích kỷ, nhận của người mà cứ lo phần mình. Có phải là trốn nợ không? Hiểu cho rõ mới thấy Bồ-tát hết nghiệp rồi nhưng vẫn hiện thọ thân. Chúng ta tu phải dừng được nghiệp sanh tử của thân khẩu ý, nhưng vẫn nguyện tiếp tục sanh trong cõi Ta-bà hay trong tam giới để giáo hóa chúng sanh.

Tuy hành vô khởi mà khởi tất cả hạnh lành, ấy là hạnh Bồ-tát. Tất cả pháp không có thật tướng thì cái gì sanh, cái gì diệt? Sanh tức là khởi. Tuy thấy các pháp không sanh không diệt mà luôn luôn khởi tất cả hạnh lành để làm lợi ích chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành lục ba-la-mật mà khắp biết tâm vương tâm sở của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát hành sáu pháp ba-la-mật để đạt đến bờ giải thoát, nhưng không an trú ở Niết-bàn mà phải biết được tâm niệm, tâm vương, tâm sở, tâm thiện, tâm ác của chúng sanh, tùy theo đó dùng phương tiện giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành lục thông mà không có tận lậu, ấy là hạnh Bồ-tát. Lục thông là Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông, Thần túc thông và Lậu tận thông. Bồ-tát tuy tu đủ lục thông, nhưng còn giữ chút phiền não để trở lại trong tam giới độ sanh, vì khi các nghiệp đã sạch gọi là lậu tận. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ vô lượng tâm mà không tham trước sanh ở cõi trời Phạm thiên, ấy là hạnh Bồ-tát. Người tu bốn hạnh từ bi hỷ xả viên mãn, được sanh về cõi trời Phạm thiên. Bồ-tát cũng tu bốn hạnh này nhưng mục đích không phải để sanh về cõi trời. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành thiền định giải thoát tam-muội mà không sanh theo cõi Thiền, ấy là hạnh Bồ-tát. Đối với các

tầng thiền từ Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, cho tới Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ, tất cả những tam-muội trên Bồ-tát đã trải qua, nhưng các ngài không cho là cứu cánh. Thí dụ người được định Sơ thiền chết sanh về Sơ thiền thiên, người được định Tứ thiền chết sanh về Tứ thiền thiên... Còn các ngài tuy đã qua các tầng thiền nhưng không chịu sanh về trong các cõi đó, mà trở lại Ta-bà giáo hóa chúng sanh. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ niệm xứ mà không hằng lìa thân thọ tâm pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ niệm xứ là quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã. Tu bốn pháp quán này thành công thì vĩnh viễn lìa thân, không còn bị sanh trở lại nữa. Nhưng các ngài tuy tu bốn pháp quán đó mà không vĩnh viễn lìa thân thọ tâm pháp, để trở lại giáo hóa chúng sanh. Ấy là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ chánh cần mà không xả thân tâm tinh tấn, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ chánh cần là điều ác chưa sanh thì ngăn đừng cho phát sanh, điều ác đã sanh thì phải cố gắng diệt trừ, điều thiện chưa sanh thì làm cho phát sanh, điều thiện đã sanh thì phải tạo điều kiện cho tăng trưởng. Bồ-tát tu tứ chánh cần, thân tâm vẫn luôn luôn tinh tấn không dừng. Ấy gọi là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành tứ như ý túc mà được tự tại thần thông, ấy là hạnh Bồ-tát. Tứ như ý túc là dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, niệm như ý túc, nhất tâm như ý túc hay là định như ý túc. Hàng Thanh văn tu bốn pháp này thì

được đầy đủ bốn như ý túc. Bồ-tát tuy thực hành bốn pháp đó không những được như ý túc mà còn được thần thông tự tại. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy hành ngũ căn mà phân biệt các căn lợi độn của chúng sanh, ấy là hạnh Bồ-tát. Khi tu ngũ căn chủ yếu là để biết căn cơ của chúng sanh lợi độn thế nào để tìm cách giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành ngũ lực mà ưa cầu thập lực của Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Hạnh Thanh văn thì tu ngũ lực, Bồ-tát thì không dừng ngang đó mà mong cầu được thập lực của Phật mới thôi. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành thất giác phần mà phân biệt trí tuệ Phật, ấy là hạnh Bồ-tát. Thất giác phần hay thất Bồ-đề phần là bảy phần giác ngộ của Thanh văn. Ở đây Bồ-tát cũng tu bảy phần giác ngộ này nhưng chỉ cầu được trí tuệ Phật chứ không phải trí tuệ Thanh văn. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành bát chánh đạo mà ưa hành vô lượng Phật đạo, ấy là hạnh Bồ-tát. Tu bát chánh đạo là để diệt trừ tâm bệnh. Ở đây Bồ-tát tu bát chánh đạo nhưng nguyện hành vô lượng Phật đạo. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành pháp chỉ quán trợ đạo mà cứu cánh không rơi vào tịch diệt, ấy là hạnh Bồ-tát. Tu chỉ quán để tâm tĩnh lặng. Tâm lặng là tiến tới chỗ tịch diệt. Bồ-tát cũng tu chỉ tu quán, dùng pháp này làm pháp trợ đạo, nhưng các ngài không an trú chỗ tịch diệt. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy hành các pháp chẳng sanh chẳng diệt mà dùng tướng hảo trang nghiêm thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát biết thực thể các pháp không sanh không diệt mà luôn tu các hạnh tướng hảo để trang nghiêm thân. Tại sao? Đã biết các pháp không sanh không diệt thì thân này đâu có thật, sao lại tu các tướng hảo? Như Kinh nói đức Phật được tướng lưỡi rộng dài là do nhiều đời ngài tu hạnh không nói dối, được trái tai dài là do nhiều đời tu hạnh không giết hại chúng sanh. Như vậy mỗi một hạnh tu là được một tướng tốt. Bồ-tát biết các tướng không thật, không sanh diệt, nhưng vì thương chúng sanh nên tu những hạnh lành để làm lợi ích cho họ chứ không phải vì mình. Đó là hạnh của Bồ-tát.

Tuy hiện oai nghi Thanh văn Bích-chi Phật mà không xả Phật pháp, ấy là hạnh Bồ-tát. Có khi các ngài thị hiện như những vị Thanh văn hay Bích-chi Phật, cũng đi khất thực, giữ giới thanh tịnh. Nhưng không xả Phật pháp, luôn lấy Phật đạo làm gốc, chứ không kẹt trong pháp Thanh văn Bích-chi Phật. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy tùy tướng thanh tịnh cứu cánh của các pháp mà tùy sở ứng để hiện thân kia, ấy là hạnh Bồ-tát. Tướng của các pháp không thêm không bớt, không nhơ không sạch, nên cứu cánh là thanh tịnh. Tuy các pháp cứu cánh thanh tịnh nhưng Bồ-tát tùy chỗ lợi ích chúng sanh, có khi hiện thân nhơ nhớp, có khi hiện thân tốt đẹp để giáo hóa họ. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy quán cõi nước chư Phật hằng tịch như không mà hiện các cõi Phật thanh tịnh, ấy là hạnh Bồ-tát. Kinh Kim Cang, Phật dạy: *Phàm sở hữu tướng giai thị*

hư vọng, nghĩa là phàm cái gì có tướng đều là hư dối. Nếu là một cõi nước thì phải có tướng, như vậy tất cả cõi Phật hiện ra có tướng thì cõi nào cũng là hư dối. Bồ-tát tuy quán các cõi Phật là tịch diệt, là không, nhưng luôn luôn hiện ra các cõi Phật thanh tịnh để giáo hóa, khiến chúng sanh phát tâm hướng về. Như vậy trên lý nói đến chỗ tột cùng mà trên sự vẫn làm đầy đủ các việc lợi ích cho chúng sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Tuy được Phật đạo chuyển pháp luân vào Niết-bàn mà không bỏ đạo Bồ-tát, ấy là hạnh Bồ-tát. Bồ-tát tu công đức viên mãn thành Phật, đầy đủ phẩm hạnh giáo hóa chúng sanh, lý đáng nhập Niết-bàn mà vẫn giữ bản nguyện của mình để tiếp tục độ sanh. Đó là hạnh Bồ-tát.

Chúng ta tu chỉ mơ ước được thành Phật, muốn an trú Niết-bàn, chứ không nghĩ đến nỗi khổ của chúng sanh, để phát tâm trở lại tam giới cứu độ họ. Con người sanh ra, ai cũng có cha mẹ anh em, thân bằng quyến thuộc. Từ thuở bé đến lớn khôn, kể sao cho hết công lao nuôi dưỡng của gia đình. Vào chùa được an ổn tu hành là nhờ sự giúp đỡ của đàn-na tín thí... Nợ của chúng ta nhiều biết là dường nào? Thế mà tu chỉ muốn thành Phật chứ không nghĩ đến ơn nghĩa của mọi người. Tuy phải có nguyện thành Phật nhưng không bao giờ quên độ sanh. Bồ-tát đối với chúng sanh thật đủ tình đủ nghĩa, không bỏ ai hết. Chúng ta phải học theo gương các ngài, phải thấy chúng sanh với ta ân nghĩa rõ ràng. Mình được tỉnh phải nhớ tới người mê, nên đâu thể nhập Niết-bàn, đó là hạnh Bồ-tát.

Khi nói lời ấy rồi, đại chúng đi theo ngài Văn-thù-sư-lợi, trong đó tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi nghe cư sĩ Duy-ma-cật nói, tám ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Chúng ta tu, muốn đạt đến chỗ cứu cánh thành Phật thì phải phát tâm Bồ-tát. Phát tâm Bồ-tát thì phải nguyện độ chúng sanh. Muốn độ chúng sanh thì phải mở trói cho mình trước, rồi mới mở cho người. Mình chưa mở mà đòi mở cho người, đó chỉ là nói suông, nói không thật. Người tu chân chánh, hiểu đạo thì phải sống đúng như thật. Nghĩa là giải thoát cho mình và nguyện làm lợi ích cho chúng sanh, không chỉ một đời mà mãi mãi. Chừng nào hết chúng sanh mới trả hết nợ. Mong tất cả cố gắng.

VI- PHẨM BẤT TƯ NGHÌ

Bất tư nghì là không thể nghĩ bàn. Phẩm này nói về hành động của những vị Bồ-tát vào hàng thượng thủ. Các ngài không còn kẹt hai bên, do đó không còn chỗ để chúng ta suy gẫm tìm hiểu.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất thấy trong thất này không có sàng tòa, liền khởi nghĩ: "Những vị Bồ-tát và chúng đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở chỗ nào?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý đó, nên nói với ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Thế nào nhân giả, vì pháp mà đến ư? Vì sàng tòa mà đến ư?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì sàng tòa mà đến.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không tiếc thân mạng, huống là sàng tòa? Phàm người cầu pháp chẳng phải có sắc thọ tưởng hành thức mà cầu, chẳng có giới nhập mà cầu, chẳng có Dục, Sắc, Vô sắc mà cầu.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không chấp nơi Phật mà cầu, không chấp nơi pháp mà cầu, không chấp nơi chúng tăng mà cầu. Phàm người cầu pháp không thấy khổ để cầu, không có đoạn tập để cầu, không đến chứng diệt và tu đạo để cầu. Vì cớ sao? Pháp không có hý luận, nếu nói tôi sẽ kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, ấy là hý luận, chẳng phải là cầu pháp.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, pháp gọi là tịch diệt, nếu hành sanh diệt ấy là cầu sanh diệt không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho đến Niết-bàn ắt là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp. Pháp không hành xứ, nếu hành nơi pháp ắt là hành xứ, chẳng phải cầu pháp. Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp ắt là thủ xả, chẳng phải cầu pháp. Pháp không chỗ nơi, nếu chấp chỗ nơi ắt là chấp chỗ nơi, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là vô tướng, nếu tùy theo tướng mà biết ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp ắt là trụ pháp chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy nghe hiểu biết, nếu thực hành thấy nghe hiểu biết ắt là thấy nghe hiểu biết chứ

không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô vi, nếu hành hữu vi ấy là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp. Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Nếu là người cầu pháp, đối với tất cả pháp nên không có chỗ cầu.

Khi nói lời ấy rồi, năm trăm vị thiên tử đối trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ trưởng giả Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nhân giả dạo đi vô lượng ngàn muôn ức a-tăng-kỳ cõi nước, những cõi Phật nào có tòa sư tử do công đức thành tựu tốt đẹp nhất?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, ở phương đông qua ba mươi sáu hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên là Tu-di Tướng, đức Phật ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện nay vẫn còn. Thân đức Phật kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ bậc nhất.

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật hiện sức thần thông, tức thì đức Phật kia dời ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đem vào trong thất ông Duy-ma-cật, chư Bồ-tát và các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... từ xưa chưa từng thấy. Thất rộng lớn dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử mà không chướng ngại. Ở trong thành Tỳ-da-ly cho đến tứ thiên hạ cõi Diêm-phù-đề cũng không bị ép ngặt, thảy đều thấy như cũ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật mời ngài Văn-thù-sư-lợi lên tòa sư tử, cùng với các vị Bồ-tát thượng nhân đồng ngồi, thân phải đứng cao bằng tòa kia. Những vị Bồ-tát đã được thần thông liền tự biến hình cao bốn muôn hai ngàn do-tuần, lên ngồi trên tòa sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử của Phật đều không thể lên tòa được.

Lúc đó ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Mời Ngài lên ngồi tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ! Tòa này cao rộng, tôi không thể lên được.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới có thể ngồi được.

Khi ấy những vị Bồ-tát mới phát tâm và những vị đại đệ tử Phật bèn đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương, liền lên ngồi được tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ, thật là chưa từng có! Thất nhỏ như thế mà có thể dung chứa được tòa cao rộng này, như thành Tỳ-da-ly cũng không bị chướng ngại, lại thêm chợ búa thành ấp trong cõi Diêm-phù-đề, và cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong tứ thiên hạ cũng không bị ép ngặt.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất! Chư Phật Bồ-tát có pháp môn giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát ấy, lấy núi Tu-di cao rộng mà nhét trong một hạt cải vẫn không có thêm bớt, núi chúa Tu-di tướng xưa vẫn như cũ mà chư thiên của Tứ thiên vương và Đao-lợi không biết không hay mình bị nhét vào trong ấy, chỉ có những người đáng độ mới thấy được núi Tu-di nhét trong hạt cải, ấy gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại dùng nước trong bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông mà không nhiễu loạn các loài thủy tộc cá, trạnh, giải, đà... mà biển cả kia, tướng xưa vẫn như cũ, các loài rồng, quỷ thần, a-tu-la... không hay không biết mình bị vào trong lỗ chân lông, đối với chúng sanh này cũng không bị nhiễu loạn.

Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, nắm lấy tam thiên đại thiên thế giới như ông thợ gốm cầm hòn đất trong bàn tay mặt ném ra xa ngoài thế giới nhiều như cát sông Hằng rồi đặt trở về chỗ cũ, mà chúng sanh ở trong đó không hay không biết mình đã dời đổi, đều khiến những người đó không nghĩ rằng mình có đi qua lại, mà tướng xưa của thế giới này cũng vẫn như cũ.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có chúng sanh ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp, khiến cho những chúng sanh kia cho rằng mình sống một kiếp.

Hoặc có chúng sanh không ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp làm bảy ngày, khiến chúng sanh kia cho là bảy ngày.

Lại nữa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem việc trang nghiêm tất cả các cõi Phật hợp lại thành một nước, để chỉ bày cho chúng sanh. Lại Bồ-tát đem chúng sanh trong các cõi Phật để trên bàn tay phải, bay đến khắp mười phương chỉ bày cho tất cả mà không dời khỏi chỗ cũ. Lại Xá-lợi-phất, những phẩm vật của chúng sanh trong mười phương cúng dường chư Phật, Bồ-tát nơi một lỗ chân lông đều khiến được thấy. Lại nữa mười phương cõi nước tất cả mặt trời, mặt trăng, sao... nơi một lỗ chân lông đều khiến cho thấy hết.

Lại Xá-lợi-phất, tất cả các gió ở trong mười phương thế giới, Bồ-tát thảy đều có thể hút hết vào trong miệng mà thân không tổn hại, các cây cối bên ngoài cũng không bị gãy đổ. Lại mười phương thế giới khi kiếp hỏa tận, Bồ-tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa vẫn cháy như cũ mà không bị tổn hại. Lại ở phương dưới qua hằng hà sa số thế giới của chư Phật, lấy một cõi Phật đưa lên phương trên qua hằng hà sa số thế giới, giống như là cầm cây kim nhọn ghim vào lá táo mà không bị tổn hại.

Lại Xá-lợi-phất, những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, hay dùng thần thông hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Bích-chi Phật hoặc

hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân Đế-thích hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Thế chủ hoặc hiện thân Chuyển luân thánh vương. Lại tất cả các thứ tiếng trong mười phương thế giới, âm thanh bậc trung thượng hạ đều có thể biến thành tiếng của Phật, để diễn nói lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Và mười phương chư Phật đang nói những pháp gì ở trong đó, đều khiến được nghe khắp. Này ngài Xá-lợi-phất, nay tôi lược nói năng lực của pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, nếu rộng nói cùng kiếp cũng không thể hết.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, ngài tán thán việc chưa từng có, mới bảo ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Ví như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng lại như thế, tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể hiểu rõ. Người trí nghe pháp này, ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Chúng ta vì sao mất hẳn cội gốc kia, đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, âm thanh chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả Bồ-tát nên rất vui mừng, đảnh thọ pháp này. Nếu có Bồ-tát tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, tất cả chúng ma không thể làm gì được.

Khi ngài Đại Ca-diếp nói lời ấy rồi, ba muôn hai ngàn thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Đại Ca-diếp:

- Nhân giả, trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, những vị làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Các ngài dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sanh nên hiện làm ma vương. Lại nữa ngài Ca-diếp, mười phương vô lượng Bồ-tát, hoặc có người theo mình mà xin tay chân tai mũi, đầu mắt tủy não, máu thịt da xương, xóm làng thành ấp, vợ con tôi tớ, voi ngựa xe cộ, vàng bạc lưu ly, xa cừ mã não, san hô, hổ phách, trân châu kha bối, y phục thức ăn uống, những người xin như thế, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện đến thử, khiến người kia được kiên cố. Vì cớ sao? Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì có sức oai đức, nên thị hiện các hạnh bức bách, chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Người phàm phu hạ liệt, không có thế lực, không thể nào bức bách được Bồ-tát. Ví như voi lớn giẫm đạp, con lừa không thể chịu nổi, ấy gọi là cửa phương tiện trí tuệ trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Giảng:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất thấy trong thất này không có sàng tòa, liền khởi nghĩ: "Những vị Bồ-tát và chúng đại đệ tử của Phật sẽ ngồi ở chỗ nào?"

Trưởng giả Duy-ma-cật biết ý đó, nên nói với ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Thế nào nhân giả, vì pháp mà đến ư? Vì sàng tòa mà đến ư?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì sàng tòa mà đến.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không tiếc thân mạng, huống là sàng tòa? Phàm người cầu pháp chẳng phải có sắc thọ tưởng hành thức mà cầu, chẳng có giới nhập mà cầu, chẳng có Dục, Sắc, Vô sắc mà cầu.

Người thật tâm cầu pháp dầu cho phải tan thân mất mạng còn không tiếc, huống là không có ghế ngồi mà cho là quan trọng sao? Theo cư sĩ Duy-ma-cật, cầu pháp có ba trường hợp:

- Trường hợp thứ nhất: Không căn cứ trên thân năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức mà cầu. Năm uẩn là tướng sanh diệt mà pháp này là pháp bất sanh bất diệt, nên căn cứ trên tướng sanh diệt mà cầu pháp thì không thể được.

- Trường hợp thứ hai: Không căn cứ trên giới nhập mà cầu. Nhập là mười hai nhập, gồm sáu căn sáu trần, chung cả thân và cảnh. Giới là mười tám giới gồm sáu căn sáu trần và sáu thức, tức là trong thân có thức, ngoài có căn và trần. Nhập và giới đều là tướng sanh diệt, nên nói không thể ở trong mười hai nhập, mười tám giới mà cầu pháp.

- Trường hợp thứ ba: Không ở trong ba cõi Dục, Sắc và Vô sắc giới mà cầu. Vì tam giới là tướng vô thường, muốn cầu pháp bất sanh bất diệt mà nương vào tướng vô thường làm sao cầu được.

Thế nên ở đây xác định ba trường hợp không thể nương tựa để cầu pháp là: thân năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, ba cõi, vì cả ba đều là tướng vô thường.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, phàm người cầu pháp không chấp nơi Phật mà cầu, không chấp nơi pháp mà cầu, không chấp nơi chúng tăng mà cầu. Thông thường, người cầu pháp phải nương tựa vào Phật pháp tăng, nhưng tại sao ở đây lại nói cầu pháp không nương tựa vào Tam bảo?

Chữ *Pháp* cư sĩ Duy-ma-cật nói là đúng với tinh thần chữ pháp trong bài kệ chư tổ trao truyền. Pháp là chỉ cho tâm bất sanh bất diệt. Nếu muốn cầu pháp đó thì không chấp nơi Phật pháp tăng, mà phải nhận được từ bản tâm bất sanh bất diệt của chính mình. Vì Phật pháp tăng bên ngoài không phải là chỗ cứu cánh. Phật Thích-ca chỉ là hóa thân, pháp là lời chỉ dạy của ngài,

như ngón tay chỉ mặt trăng, tăng là người thừa kế. Chúng tăng là hòa hợp chúng, nhưng đã là hòa hợp thì cũng là tướng sanh diệt. Thế nên chúng ta không nên chấp Tam bảo bên ngoài, mà phải nương Tam bảo tự tâm của chính mình mới cầu được pháp bất sanh bất diệt.

Phàm người cầu pháp không thấy khổ để cầu, không có đoạn tập để cầu, không đến chứng diệt và tu đạo để cầu. Vì cớ sao? Pháp không có hý luận, nếu nói tôi sẽ kiến khổ, đoạn tập, chứng diệt, tu đạo, ấy là hý luận, chẳng phải là cầu pháp.

Pháp tu của hàng Nhị thừa là pháp tứ đế. Trước phải kiến đế, tức là thấy được khổ đế, kế là đoạn tập đế, sau là chứng diệt đế, nhưng muốn chứng diệt đế thì phải tu đạo đế. Đó là những bước trải qua của người cầu pháp tiến đến thánh quả. Chữ Pháp ở đây là chỉ cho pháp thể thanh tịnh. Pháp thể thanh tịnh đó nếu còn có thấy, có đoạn, có tu, có chứng cũng là tướng tạo tác sanh diệt, chứ chưa phải là pháp chân thật viên mãn thanh tịnh. Thế nên nói, không phải trong bốn pháp tứ đế mà cầu.

Phàm cái gì còn thấy hai bên, còn thấy sanh diệt, đều thuộc về hý luận. Nếu thấy có khổ để đoạn, có diệt để chứng là thấy hai bên, cũng nằm trong pháp hý luận, chưa phải là pháp bất sanh bất diệt. Còn chỗ chân thật thì không đối đãi, không hý luận.

Thưa ngài Xá-lợi-phất, pháp gọi là tịch diệt, nếu hành sanh diệt ấy là cầu sanh diệt không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô nhiễm, nếu nhiễm nơi pháp cho

đến Niết-bàn ắt là nhiễm trước, chẳng phải cầu pháp. Pháp thể là tịch diệt mà dùng hạnh sanh diệt để cầu, đó là cầu sanh diệt chứ không phải cầu pháp. Pháp thể hằng thanh tịnh nên không nhiễm ô, tức là vô nhiễm. Như chúng ta thấy khổ thì chán, thấy Niết-bàn thì ưa, đã có chán có ưa là có nhiễm trước, nên nói nếu còn nhiễm nơi pháp, cho đến Niết-bàn cũng là nhiễm trước, chứ không phải cầu pháp.

Pháp không hành xứ, nếu hành nơi pháp ắt là hành xứ, chẳng phải cầu pháp. Pháp không tướng mạo thì không có chỗ để thực hành, nếu có thực hành thì không phải là cầu pháp.

Pháp không thủ xả, nếu thủ xả pháp ắt là thủ xả, chẳng phải cầu pháp. Vì pháp này là pháp thể tròn đầy trong sáng không nhiễm nhơ, không sanh diệt, không đối đãi hai bên. Bởi không hai bên nên không thủ xả. Thủ xả theo nghĩa thông thường tức là thủ thiện xả ác. Chúng ta tu thường có tâm niệm bỏ ác giữ lành, đó thuộc về pháp thủ xả, tốt trong giới hạn đối đãi. Nhưng nếu nói đến pháp tánh vượt ngoài đối đãi thì không thủ xả, còn có thủ xả không phải là cầu pháp.

Pháp không chỗ nơi, nếu chấp chỗ nơi ắt là chấp chỗ nơi, chẳng phải cầu pháp. Pháp gọi là vô tướng, nếu tùy theo tướng mà biết ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Vì pháp này không có tướng mạo, cũng không có giới hạn, nếu đặt ra tướng mạo, giới hạn thì không phải là cầu pháp. Phàm cái gì có tướng đều nằm trong vô thường, duyên hợp, mà pháp thể không phải vô thường,

không phải duyên hợp cho nên là vô tướng. Vì vậy nếu tùy theo tướng mà biết, ắt là cầu tướng chứ không phải cầu pháp. Như trong trong kinh Kim Cang nói vô tướng là thật tướng, tức là chỉ cho pháp thể.

Pháp không thể trụ, nếu trụ nơi pháp ắt là trụ pháp chứ không phải cầu pháp. Pháp không thể thấy nghe hiểu biết, nếu thực hành thấy nghe hiểu biết ắt là thấy nghe hiểu biết chứ không phải cầu pháp. Pháp gọi là vô vi, nếu hành hữu vi ấy là cầu hữu vi chứ không phải cầu pháp.

Vì pháp thể trùm khắp không nơi chốn, nếu còn có chỗ trụ tức là trụ pháp, chứ không phải là cầu pháp. Pháp thể với tâm thể chúng ta không hai không khác, đối với thấy nghe hiểu biết của mình thì ngoại cảnh và các pháp là đối tượng. Nghĩa là trong có năng kiến ngoài có sở kiến hay trong có năng văn ngoài có sở văn, thành hai bên đối đãi nhau. Nếu lấy đối đãi để cầu pháp không đối đãi thì chưa phải cứu cánh, nên không phải là cầu pháp.

Phàm những pháp còn tướng sanh trụ dị diệt là tướng hữu vi. Pháp vô vi không có hình tướng nên không có sanh trụ dị diệt. Nếu dùng tướng sanh trụ dị diệt để cầu, đó là tìm cầu cái hữu vi chứ không phải là cầu pháp.

Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Nếu là người cầu pháp, đối với tất cả pháp nên không có chỗ cầu.

Khi nói lời ấy rồi, năm trăm vị thiên tử đối trong các pháp được pháp nhãn thanh tịnh.

Câu kết thúc này chúng ta thấy gần giống với câu *ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm* trong kinh Kim Cang mà Lục Tổ đã ngộ. Vậy người cầu pháp đối với tất cả pháp không có chỗ cầu, ấy mới gọi là cầu pháp. Nghĩa là muốn cầu pháp viên mãn thanh tịnh bất sanh bất diệt thì đừng dính kẹt ở một pháp nào.

Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật muốn giải thích cho tôn giả Xá-lợi-phất hiểu đúng tinh thần cầu pháp. Lâu nay chúng ta cầu pháp chỉ là cầu pháp sanh diệt. Bước đầu của người tu phải nương pháp tướng để thể nhập pháp tánh, nếu còn mắc kẹt trên tướng thì không bao giờ đạt được thể tánh bất sanh bất diệt. Qua đó chúng ta thấy ý nghĩa đoạn trên, chư Bồ-tát muốn bác bỏ những chấp tướng để đạt được thể tánh bất sanh bất diệt ngay tự thân mỗi người.

Bấy giờ trưởng giả Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nhân giả dạo đi vô lượng ngàn muôn ức a-tăng-kỳ cõi nước, những cõi Phật nào có tòa sư tử do công đức thành tựu tốt đẹp nhất?

Ngài Văn-thù-sư-lợi nói:

- Này cư sĩ, ở phương đông qua ba mươi sáu hằng hà sa cõi nước, có thế giới tên là Tu-di Tướng, đức Phật ấy hiệu là Tu-di Đăng Vương, hiện nay vẫn còn. Thân đức Phật kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, tòa sư tử kia cao tám muôn bốn ngàn do-tuần, trang nghiêm đẹp đẽ bậc nhất.

Khi ấy trưởng giả Duy-ma-cật hiện sức thần thông, tức thì đức Phật kia dời ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đem vào trong thất ông Duy-ma-cật, chư Bồ-tát và các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... từ xưa chưa từng thấy. Thất rộng lớn dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử mà không chướng ngại. Ở trong thành Tỳ-da-ly cho đến tứ thiên hạ cõi Diêm-phù-đề cũng không bị ép ngặt, thảy đều thấy như cũ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật mời ngài Văn-thù-sư-lợi lên tòa sư tử, cùng với các vị Bồ-tát thượng nhân đồng ngồi, thân phải đứng cao bằng tòa kia.

Chúng ta đã biết Tịnh Danh là tên của cư sĩ Duy-ma-cật, tức là tâm thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh, tất cả khởi nghĩ đều là diệu dụng. Cho nên nghe Bồ-tát Văn-thù nói cõi đó có tòa sư tử đẹp như vậy, cư sĩ Duy-ma-cật khởi nghĩ muốn những tòa đó đến thất của mình, các tòa liền có. Đó là diệu dụng bất khả tư nghì, không thể dùng tình thức phân biệt của phàm phu mà lường nổi diệu dụng của tâm thanh tịnh. Nhưng tất cả diệu dụng đều là huyễn hóa không thật. Bởi lẽ thất cư sĩ Duy-ma-cật thể tánh vốn không, nên dung chứa hết ba muôn hai ngàn tòa sư tử cao rộng mà không thấy chật hẹp chướng ngại, do đó mới hiểu được việc làm của ông. Như chúng ta xem chiếu bóng, thấy trên màn ảnh có người, xe hơi, nhà lầu, núi sông... Tại sao chỉ một tấm vải vài mét lại chứa nổi bao nhiêu thứ đó được? Vì nhà cửa, núi sông, người xe v.v... trong màn ảnh đó đều

là tướng huyễn, chứ nếu thật thì dồn vô làm gì được. Nhưng diệu dụng đó cũng là hư huyễn, đã hư huyễn thì dồn chứa có gì chướng ngại chật hẹp ép ngặt! Đó là ý nghĩa thất không.

Qua đoạn này chúng ta thấy có điểm đặc biệt. Tòa sư tử cao rộng tám muôn bốn ngàn do-tuần, nếu thân mình thấp thì ngồi lên không được. Người muốn lên ngồi được tòa đó phải cao tương tự. Chư Bồ-tát đã được tâm bình đẳng không còn thấy có lớn nhỏ, nên không thấy tòa sư tử lớn vào trong thất nhỏ mà thành chật hẹp.

Những vị Bồ-tát đã được thần thông liền tự biến hình cao bốn muôn hai ngàn do-tuần, lên ngồi trên tòa sư tử. Các vị Bồ-tát mới phát tâm và các vị đại đệ tử của Phật đều không thể lên tòa được.

Lúc đó ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Mời ngài lên ngồi tòa sư tử.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ! Tòa này cao rộng, tôi không thể lên được.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới có thể ngồi được.

Khi ấy những vị Bồ-tát mới phát tâm và những vị đại đệ tử Phật bèn đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương, liền lên ngồi được tòa sư tử.

Tại sao các vị Bồ-tát lớn như Văn-thù có thể ngồi lên tòa được, Bồ-tát bậc trung phải dùng thần thông, còn Bồ-tát mới phát tâm và hàng Thanh văn phải đảnh lễ đức Tu-di Đăng Vương Như Lai mới ngồi được? Các vị Bồ-tát thượng nhân và Bồ-tát Văn-thù đều có diệu dụng tương xứng với cư sĩ Tịnh Danh, nên quý ngài thừa khả năng chứng nhập. Đã tương xứng với Tịnh Danh thì cái gì Tịnh Danh nghĩ hiện ra, các ngài đều ứng dụng không ngại. Các Bồ-tát bậc trung phải vận dụng khả năng mạnh mẽ mới phù hợp. Còn những vị Bồ-tát sơ phát tâm và Thanh văn phải có niềm tin mới kham thọ dụng. Vì vậy bản ý bộ kinh này, mở đầu là phẩm Tịnh Phật Quốc Độ nghĩa là tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Tâm tịnh là nhân, cõi Phật tịnh là quả. Tâm thanh tịnh rồi mới khởi diệu dụng, tức là nhân viên mãn, quả viên mãn. Như vậy chúng ta mới hiểu năng lực bất khả tư nghì của cư sĩ Duy-ma-cật, đó là diệu dụng của tâm thanh tịnh. Thế nên chúng ta phải tin tưởng mạnh mẽ rằng, khi đã gạt bỏ hết vọng tưởng điên đảo, tâm thuần thanh tịnh, lúc đó tưởng như là khờ là dốt, nhưng chính khi ấy mới là diệu dụng bất khả tư nghì. Vì sao? Vì tâm thể mình vốn tròn sáng, sở dĩ tối là do tình chấp vô minh, gặp duyên xấu huân tập nên bị ẩn khuất. Như được gặp thầy tốt, hữu sư trí, lần lần tánh xấu hết, đến khi thuần tịnh, vô sư trí, thì hằng sống được với tâm thể thanh tịnh sẵn có từ vô thủy. Đó là pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Ở đây nói lý nghe thì hiểu mà không thực tế, bây giờ tạm mượn thí dụ cho dễ hiểu. Như giữa hai đống cát,

một thước khối và một trăm thước khối, đống một trăm thước khối là lớn, đống một thước khối là nhỏ. Căn cứ trên sự tụ họp nhiều cát gọi là lớn, ít cát gọi là nhỏ; nếu căn cứ trên hạt cát thì không có lớn nhỏ. Cũng vậy, tất cả pháp đều do duyên hợp nên không có thực thể, không tự tánh, là tướng giả hợp nên có to có nhỏ, chứ thực thể thì không có to có nhỏ. Vì vậy bao nhiêu tòa sư tử to lớn dồn trong cái thất nhỏ cũng không thấy chật hẹp. Trên lý, pháp tánh không có tánh cố định là thật cho nên gọi là tánh không, mà tánh không thì còn gì có lớn nhỏ.

Tóm lại, đoạn trên nói rằng thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật biến ra được các tòa đem lại để trong thất mà không thấy chật. Cả thành Tỳ-da-ly cũng không thấy chật hẹp, vẫn y nguyên như cũ. Như vậy chúng ta hiểu được hai đặc điểm: Đặc điểm thứ nhất là tâm bình đẳng của Bồ-tát nên không nói lớn nhỏ. Đặc điểm thứ hai là trên pháp tánh, pháp tánh là tánh không thì cũng bình đẳng không có lớn nhỏ. Cho nên đây nói lớn nhỏ đều dung hợp không bị ngăn cách, không bị chật hẹp v.v...

Đến đoạn thứ hai, nếu Bồ-tát đạt đến chỗ bình đẳng tự tại thì lớn nhỏ không còn chướng ngại, nên tòa lớn các ngài hiện thân lớn, ngồi không gì trở ngại hết. Nhưng hàng Bồ-tát mới phát tâm và các vị Thanh văn, còn thấy đối đãi hai bên nên khi thấy tòa sư tử cao lớn, liền nghĩ mình không thể ngồi lên được. Vậy muốn ngồi được phải làm sao? Phải có lòng tin, phải đảnh lễ đức Phật Tu-di Đăng Vương mới ngồi được. Ý nói người đến với đạo, khi chưa đạt được lý

viên mãn, phải nhờ lòng tin. Còn người đạt được lý rồi thì tự tròn đầy, khỏi phải nhờ lòng tin nữa.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Này cư sĩ, thật là chưa từng có! Thất nhỏ như thế mà có thể dung chứa được tòa cao rộng này, như thành Tỳ-da-ly cũng không bị chướng ngại, lại thêm chợ búa thành ấp trong cõi Diêm-phù-đề, và cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần trong tứ thiên hạ cũng không bị ép ngặt.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thưa ngài Xá-lợi-phất! Chư Phật Bồ-tát có pháp môn giải thoát tên là Bất khả tư nghì. Nếu Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát ấy, lấy núi Tu-di cao rộng mà nhét trong một hạt cải vẫn không có thêm bớt, núi chúa Tu-di tướng xưa vẫn như cũ mà chư thiên của Tứ thiên vương và Đao-lợi không biết không hay mình bị nhét vào trong ấy, chỉ có những người đáng độ mới thấy được núi Tu-di nhét trong hạt cải, ấy gọi là pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì. Lại dùng nước trong bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông mà không nhiễu loạn các loài thủy tộc cá, trạnh, giải, đà... mà biển cả kia tướng xưa vẫn như cũ, các loài rồng, quỷ thần, a-tu-la... không hay không biết mình bị vào trong lỗ chân lông, đối với chúng sanh này cũng không bị nhiễu loạn.

Núi Tu-di là ngọn núi lớn nhất trong cõi Diêm-phù-đề. Ở đây nói đem núi Tu-di nhét trong hạt cải, nghe quá sức tưởng tượng của mình. Như trên đã nói,

tất cả các pháp tự tánh là không, nên tánh không của ngọn núi Tu-di với tánh không của hạt cải không hai không khác. Núi Tu-di lớn là giả tướng lớn, hạt cải nhỏ là giả tướng nhỏ, chứ trên thể tánh không của nó không có lớn nhỏ, nên nói rằng nó dung nạp nhau không chướng ngại.

Thí dụ thứ hai là lấy nước bốn biển cả dồn vào một lỗ chân lông. Ý nghĩa cũng tương tự như trên.

Lại nữa Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, nắm lấy tam thiên đại thiên thế giới như ông thợ gốm cầm hòn đất trong bàn tay mặt ném ra xa ngoài thế giới nhiều như cát sông Hằng rồi đặt trở về chỗ cũ, mà chúng sanh ở trong đó không hay không biết mình đã dời đổi, đều khiến những người đó không nghĩ rằng mình có đi qua lại, mà tướng xưa của thế giới này cũng vẫn như cũ. Đây là nói về diệu dụng của Bồ-tát. Giống như ông thợ gốm nắm cục đất ném ra xa, Bồ-tát trụ pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì nắm cả tam thiên đại thiên thế giới trong lòng bàn tay, ném ra xa hằng hà sa thế giới rồi đem về để lại chỗ cũ, mà tất cả chúng sanh trong đó cũng không hay không biết gì hết. Tướng nó vẫn như cũ, không đổi thay.

Lại nữa Xá-lợi-phất, hoặc có chúng sanh ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền kéo dài bảy ngày ra làm một kiếp, khiến cho những chúng sanh kia cho rằng mình sống một kiếp. Hoặc có chúng sanh không ưa sống lâu ở đời mà có thể độ được, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp làm bảy ngày, khiến chúng sanh kia

cho là bảy ngày. Đây nói về thời gian. Có những người thích sống lâu để tu thì Bồ-tát liền kéo dài thời gian ra, bảy ngày thành một kiếp, mới có thể độ họ được. Còn những chúng sanh không ưa sống lâu ở đời, muốn tu cho nhanh, lâu quá e trở ngại sự tu, Bồ-tát liền rút ngắn một kiếp còn thành bảy ngày để họ dễ phát tâm tu.

Theo thế thường, thời gian đối với chúng ta có dài ngắn nhất định. Chẳng hạn một giờ là sáu mươi phút không có sai khác. Nhưng đôi khi chúng ta cảm thấy một giờ quá dài, cũng có lúc lại thấy quá ngắn. Thí dụ trưởng ban ruộng động viên huynh đệ ra ruộng làm cỏ gấp. Nghe tiếng kẻng xả công tác, trưởng ruộng vì lo công việc gấp nên thấy thời gian qua quá nhanh, mới đó đã hết giờ. Còn huynh đệ làm việc mệt, mỏi tay chân thì thấy sao lâu quá. Hoặc giả có người thân đi xa hẹn hôm nay về, thì ngày đó mình tới lui trông ngóng, thấy thời gian dài lê thê. Như vậy thời gian không cố định, cũng tùy tâm niệm của chúng sanh thấy có ngắn có dài. Sở dĩ không cố định vì nó không thật, do tâm tưởng của chúng sanh mà ra. Thế nên Bồ-tát tùy duyên hóa độ, muốn rút ngắn hoặc kéo dài thời gian cũng được, tùy theo sở thích chúng sanh. Đây là nói diệu dụng của Bồ-tát trong pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì.

Lại nữa ngài Xá-lợi-phất, Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem việc trang nghiêm tất cả các cõi Phật hợp lại thành một nước, để chỉ bày cho

chúng sanh. Lại Bồ-tát đem chúng sanh trong các cõi Phật để trên bàn tay phải, bay đến khắp mười phương chỉ bày cho tất cả mà không dời khỏi chỗ cũ. Lại Xá-lợi-phất, những phẩm vật của chúng sanh trong mười phương cúng dường chư Phật, Bồ-tát nơi một lỗ chân lông, đều khiến được thấy. Lại nữa mười phương cõi nước tất cả mặt trời, mặt trăng, sao... nơi một lỗ chân lông đều khiến cho thấy hết.

Lại Xá-lợi-phất, tất cả các gió ở trong mười phương thế giới, Bồ-tát thảy đều có thể hút hết vào trong miệng mà thân không tổn hại, các cây cối bên ngoài cũng không bị gãy đổ. Lại mười phương thế giới khi kiếp hỏa tận, Bồ-tát đem tất cả lửa để vào trong bụng, lửa vẫn cháy như cũ mà không bị tổn hại. Lại ở phương dưới qua hằng hà sa số thế giới của chư Phật, lấy một cõi Phật đưa lên phương trên qua hằng hà sa số thế giới, giống như là cầm cây kim nhọn ghim vào lá táo mà không bị tổn hại.

Lại Xá-lợi-phất, những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, hay dùng thần thông hiện làm thân Phật, hoặc hiện thân Bích-chi Phật hoặc hiện thân Thanh văn, hoặc hiện thân Đế-thích hoặc hiện thân Phạm vương, hoặc hiện thân Thế chủ hoặc hiện thân Chuyển luân thánh vương. Lại tất cả các thứ tiếng trong mười phương thế giới, âm thanh bậc trung thượng hạ đều có thể biến thành tiếng của Phật, để diễn nói lý Vô thường, Khổ, Không, Vô ngã. Và mười phương chư Phật đang nói những pháp gì ở trong đó, đều khiến được

nghe khắp. Này ngài Xá-lợi-phất, nay tôi lược nói năng lực của pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, nếu rộng nói cùng kiếp cũng không thể hết.

Bồ-tát trụ trong pháp giải thoát Bất khả tư nghì, đem tất cả sự trang nghiêm tốt đẹp của các cõi Phật khác hợp về một nước để chỉ cho chúng sanh thấy ưa thích mà phát tâm tu. Lại Bồ-tát đặt tất cả chúng sanh trên bàn tay bay khắp mười phương cho họ xem, rồi về để nguyên chỗ cũ mà họ vẫn không hay biết mình đã bị di chuyển.

Trong một lỗ chân lông, Bồ-tát thấy tất cả những phẩm vật của chúng sanh cúng dường chư Phật trong mười phương. Mười phương cõi nước có bao nhiêu nhật nguyệt tinh tú gom về trong một lỗ chân lông, khiến chúng sanh xem thấy dễ dàng. Mười phương thế giới có bao nhiêu gió, Bồ-tát hớp vào miệng mà thân không hề bị tổn hại, tất cả cây cối bên ngoài không bị gãy đổ.

Kiếp hỏa tận tức là tới thời kỳ hỏa tai, trái đất bị lửa cháy thiêu đốt. Trong kinh Phật nói đến thời kỳ hỏa tai, trái đất bị cháy, lửa cao đến các cõi trời Phạm thiên, nhìn thấy thế giới cháy giống như tim đèn đốt cháy lụn tàn. Nghe thật khó tin! Nhưng khoa học hiện nay đã chứng minh. Trong quả địa cầu của chúng ta có rất nhiều mỏ dầu, vì vậy khi nhiệt độ trái đất tăng cao, dầu sẽ bốc cháy làm tan hoại cả thế giới, đó gọi là kiếp hỏa tai. Khi kiếp tận, lửa cháy ngút trời, Bồ-tát hút tất cả lửa vào trong bụng mà thân không bị nguy hại.

Trong giáo lý đức Phật nói có thập phương thế giới, gồm tám hướng cộng với thượng phương và hạ phương. Hạ phương là phương phía dưới. Bồ-tát có thể lấy một cõi Phật ở hằng hà sa thế giới ở phương dưới đưa lên phương trên cách hằng hà sa số thế giới như cầm cây kim ghim vào một lá cây hay lá táo không có gì khó khăn trở ngại.

Bồ-tát có thể dùng thần thông hiện thân Bích-chi Phật hoặc thân Thanh văn, thân Đế-thích, thân Phạm vương, Chuyển luân vương. Lại nữa, trong mười phương thế giới có bao nhiêu thứ âm thanh thượng trung hạ, Bồ-tát đều có thể biến thành âm thanh của chư Phật trong mười phương đang diễn nói những pháp như vô thường, khổ, không, vô ngã khiến cho chúng sanh hữu duyên đều được nghe. Tóm lại, thần lực giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát là thế, nếu nói rộng ra suốt kiếp cũng không thể hết được.

Trong phẩm này có những sự việc chúng ta chưa bao giờ dám nghĩ tưởng đến, thế mà Bồ-tát có thể làm được không ngăn ngại. Vì tâm của các ngài hoàn toàn thanh tịnh bình đẳng nên đối với tất cả pháp đều bình đẳng. Thanh tịnh bình đẳng rồi thì không còn gì chướng ngại chống đối nhau. Trong hoàn cảnh nào, trường hợp nào, việc làm của các ngài, người đời đều không thể hiểu biết được. Thế nên gọi là Bồ-tát trụ trong pháp môn giải thoát bất tư nghì.

Ở đây nêu lên tám thứ Bất khả tư nghì, hay tám thứ vô ngại:

Thứ nhất, lớn nhỏ vô ngại: như núi Tu-di nhét trong hạt cải.

Thứ hai, động tịnh vô ngại: như đem nước bốn biển nhét vô lỗ chân lông mà các loài thủy tộc không hay không biết.

Thứ ba, dài ngắn vô ngại: là thời gian một kiếp kéo ngắn lại thành bảy ngày, bảy ngày kéo dài ra thành một kiếp.

Thứ tư, một hay nhiều vô ngại: tức là tất cả những phẩm vật cúng dường của mười phương chư Phật nhìn trong một lỗ chân lông đều thấy đủ cả.

Thứ năm, y chánh vô ngại: y là y báo, chánh là chánh báo. Kể cả cõi Phật và chúng sanh, dời đi dời lại đều không chướng ngại.

Thứ sáu, nghiệp dụng vô ngại: để chỉ cho tất cả thứ tiếng, tiếng nào cũng chuyển thành tiếng Phật, tiếng nào cũng chuyển thành tiếng pháp.

Thứ bảy, ứng hiện vô ngại: tức là ứng hiện thân. Tùy theo sở cầu cần thân nào thì hiện ra thân ấy.

Thứ tám, pháp âm vô ngại: là Phật nói pháp ở cõi này mà khiến chúng sanh ở các cõi khác cũng đều được nghe được biết.

Tóm lại, Bồ-tát trụ trong pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì là do các ngài sống được với tâm thể bình đẳng, thấy được pháp tánh bình đẳng, nên vận dụng mọi công tác đều không chướng ngại.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp nghe nói pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát, ngài tán thán việc chưa từng có, mới bảo ngài Xá-lợi-phất rằng:

- Ví như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng lại như thế, tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể hiểu rõ. Người trí nghe pháp này, ai mà chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Chúng ta vì sao mất hẳn cội gốc kia, đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, âm thanh chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Tất cả Bồ-tát nên rất vui mừng, đảnh thọ pháp này. Nếu có Bồ-tát tin hiểu pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, tất cả chúng ma không thể làm gì được.

Khi ngài Đại Ca-diếp nói lời ấy rồi, ba muôn hai ngàn thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Qua đoạn văn này chúng ta thấy có những điểm kỳ đặc. Trong hàng đại đệ tử của Phật, tôn giả Ca-diếp nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì liền cảm thông, nên ngài khen ngợi pháp môn chưa từng có. Đến đây chúng ta liên tưởng trong hội Linh Sơn, Phật đưa cành hoa sen lên, cả chúng ngơ ngác, chỉ có tôn giả Ca-diếp chúm chím cười. Cũng vậy, khi nghe pháp môn Bất khả tư nghì, chúng Thanh văn đều ngơ ngác, chỉ có tôn giả Ca-diếp tán thán việc chưa từng có. Như vậy

hàng Thanh văn đệ tử Phật, tôn giả Ca-diếp là người thâm nhập được lý cứu cánh của Đại thừa, hay lý Thiền một cách thấu đáo. Cho nên chúng ta mới cảm thông được vì sao ngài Huyền Giác khi đọc kinh Duy-ma-cật ngộ được lý Thiền.

Bấy giờ, tôn giả Ca-diếp hết lời tán thán, dùng thí dụ để diễn tả và nói với tôn giả Xá-lợi-phất những câu nghe thật là cảm động: Như có người ở trước người mù hiện bày các thứ hình sắc, người mù kia không thể thấy. Cũng vậy, hàng Thanh văn là Nhị thừa, tâm còn chấp trước, phân biệt đối đãi, khi nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này không thể nhận hiểu được, giống như người mù kia không khác. Vì pháp môn này là pháp môn bình đẳng, pháp tánh bình đẳng và tâm tánh cũng bình đẳng, nên hàng Nhị thừa nghe không thâm nhập được. Người trí nghe ai mà không phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mong cầu đạt được pháp môn này, chứ không thể nào dừng ngang đó. Hàng Thanh văn chúng ta vì sao lại cam chịu mất hẳn cội gốc kia. Đối với Đại thừa này mình như hạt giống mục! Tại sao chúng ta không vươn lên? Tại sao chúng ta không thấu đạt mà để cho nó hư hoại đi? Tất cả Thanh văn nghe pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì này, đều nên phải khóc rống lên, làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới.

Tại sao nói vậy? Như trong hội chúng, có người đã từng học và hiểu giáo lý Đại thừa, những pháp môn cao siêu Phật dạy, nghe tới đâu hiểu tới đó, nên thấy

thích và vui. Và cũng có người mới đến chưa từng học, nghe không hiểu gì hết, mờ mịt tối tăm, lúc đó buồn tủi muốn khóc, rồi tự than thầm vì sao người ta hiểu mà mình không hiểu. Bởi vậy ngài Ca-diếp nói, hàng Thanh văn nghe mà không hiểu, lẽ ra phải khóc rống làm chấn động cả tam thiên đại thiên thế giới. Còn những vị Bồ-tát nghe rất là vui vẻ, cúi đầu nhận lãnh pháp này. Đó là lời ngài vừa trách các hàng Thanh văn, vừa tán thán các vị Bồ-tát. Ngài nói, nếu các vị Bồ-tát nào tin hiểu pháp môn Bất khả tư nghì, thì tất cả loài ma không làm hại được. Tại sao? Bởi vì tất cả pháp tánh bình đẳng. Tâm bình đẳng thì không có gì cám dỗ và quyến rũ được. Sở dĩ tâm mình còn thiên lệch, còn hai bên, thấy có hay dở tốt xấu, nên bị ma cám dỗ. Nếu sống với chân tâm bình đẳng thì còn gì não hại được.

Khi tôn giả Đại Ca-diếp nói tới đây, thì ba muôn hai ngàn vị thiên tử đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như vậy ngài phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chưa? Nếu nói chưa thì ngài đâu thể nói lên được những lời như thế. Vậy chúng ta mới thấy, trên tinh thần thâm hiểu giáo lý cao siêu, tôn giả Ca-diếp là người nhận hiểu rất tinh tế.

Lúc bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Đại Ca-diếp:

- Nhân giả, trong mười phương vô lượng a-tăng-kỳ thế giới, những vị làm ma vương, phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì. Các ngài dùng sức phương tiện để giáo hóa chúng sanh nên hiện làm ma vương.

Lại nữa ngài Ca-diếp, mười phương vô lượng Bồ-tát, hoặc có người theo mình mà xin tay chân tai mũi, đầu mắt tủy não, máu thịt da xương, xóm làng thành ấp, vợ con tôi tớ, voi ngựa xe cộ, vàng bạc lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu kha bối, y phục thức ăn uống, những người xin như thế phần nhiều là Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện đến thử khiến người kia được kiên cố.

Qua đoạn này cho thấy, sự hiểu biết của chúng ta từ trước đến nay bị đảo ngược. Thường quan niệm của người tu, cho ma là yêu quái, hiện lên những hình bóng đe dọa khiến chướng ngại sự tu hành của mình. Nhưng cư sĩ Duy-ma-cật lại nói, ma vương phần nhiều là các bậc Bồ-tát trụ nơi pháp môn giải thoát Bất khả tư nghì, dùng sức phương tiện thị hiện làm ma vương để giáo hóa thử thách chúng sanh có tu hành kiên cố không. Như vậy người tu đâu nên sợ ma vương phá, vì ma không thật mà chính là Bồ-tát.

Thí dụ có người phát tâm tu hạnh bố thí, Bồ-tát thị hiện ma vương đến xin vàng bạc, nhà cửa, vợ con, chân tay đầu mắt... xem người đó có thực hành bố thí như đã nguyện không? Hoặc có người phát nguyện tu hạnh thanh tịnh lìa sắc dục, Bồ-tát thị hiện ma nữ đến thử thách quyến rũ, xem người đó có bị sa ngã không? Hoặc có người phát tâm tu hạnh nhẫn nhục, Bồ-tát thị hiện ma vương đến quấy nhiễu, xem họ có nhẫn nhục được không? Như vậy nhẫn nhục là sao? Nhẫn trước sự mắng chửi, mạ nhục, làm khổ mình. Đã phát nguyện

nhẫn mà không có ai tạo cơ hội cho mình tức tối bực bội thì có gì để nhẫn đâu. Nếu trước những cảnh trái ý nghịch lòng mình vẫn an nhiên tự tại là thành tựu hạnh nhẫn nhục. Như vậy người đến quấy nhiễu, phải xem là Bồ-tát đến thử thách, chứ đừng cho là ma phá thì sẽ không sân hận bực tức.

Chúng ta kiểm lại sự tu của mình, có thật tu chưa? Nhiều khi nói tu mà luôn muốn được như ý, ăn phải ngon, mặc phải đẹp, ở cho sang, đi ra phải có tiền bạc xe cộ, phương tiện đầy đủ... vậy mới tu được, còn gặp trở ngại thì thối tâm không muốn tu nữa! Như vậy đòi hỏi mọi thứ đều như ý thì sao gọi là tu? Tu là chuyển đổi những tâm niệm đang đắm trước theo dục lạc thế gian, xoay trở lại chính mình đừng cho dính mắc nữa. Trước những điều bất như ý, nghịch cảnh nghịch duyên mà vẫn được an lành tự tại, đó là cơ hội tốt để thể hiện được hạnh nguyện của mình. Đó mới thật là tu, còn nếu không có chướng thì hạnh nguyện của mình đến bao giờ mới được thành tựu! Thế nên chỉ có những bậc Bồ-tát trụ trong pháp môn Bất khả tư nghì có thần lực mới kham làm những việc khó làm như thế để thử thách đạo lực của chúng sanh.

Vì có sao? Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì có sức oai đức, nên thị hiện các hạnh bức bách, chỉ bày cho chúng sanh những việc khó làm như thế. Người phàm phu hạ liệt, không có thế lực, không thể nào bức bách được Bồ-tát. Ví như voi lớn giẫm đạp, con lừa không thể chịu nổi, ấy gọi là cửa phương tiện trí tuệ trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì của Bồ-tát.

Lâu nay chúng ta lầm tưởng mình tu ít phước đức kém nên gặp nhiều chướng nạn. Những vị đạo cao đức trọng lẽ ra phải thoát nạn tai. Nhưng theo đây nói, tu càng cao thì gian nan trắc trở càng nhiều, vượt qua được mới biết hạnh nguyện có kiên cố hay không. Người phát tâm tu hạnh Bồ-tát, nếu gặp chướng duyên chớ nên thối chí nản lòng. Phải biết đó là những vị Bồ-tát trụ pháp giải thoát Bất khả tư nghì thị hiện làm ma vương đến não loạn quấy nhiễu, làm cản trở bước tiến của người tu. Như vậy tu càng cao thì thử thách càng mạnh để giúp người sớm thành tựu bản nguyện. Như voi lớn có sức mạnh giẫm đạp, sức lừa yếu đâu thể chịu nổi. Cũng vậy, Bồ-tát chỉ thử người có đạo lực thâm hậu, còn người sức tu yếu không thể chịu nổi những thử thách đó, gặp việc họ dễ thối tâm. Thế nên, ai tưởng tu lâu hết chướng là hiểu lầm. Nhưng chướng có thật là chướng không? Chẳng hạn, đức Phật lúc tu hạnh Bồ-tát nếu không có người thử, làm sao ngài thành tựu được Phật quả. Cho nên những thử thách đó là hỗ trợ, đưa mình tiến lên, chứ không phải dìm mình xuống. Chỉ tại sức tu còn yếu dở nên mới thấy là chướng. Nếu ngay đó vượt qua được thì bước tu sẽ tiến hơn. Vậy thì chúng ta phải xem chướng đó là ân, là phương tiện lợi sanh của Bồ-tát.

Trong sử đức Phật, có ghi Đề-bà-đạt-đa là anh em chú bác, cũng là đệ tử xuất gia của Phật. Ban đầu ông tu hành tinh tấn, về sau chính ông là người làm hại và cản trở việc hành đạo của Phật. Nhưng những bản kinh sau Phật nói, chính Đề-bà-đạt-đa là

thiện hữu tri thức, là người ân, giúp Phật chóng thành tựu đạo quả. Như vậy tại sao chúng ta không thấy những huynh đệ làm chướng làm khó khổ mình chính là thiện hữu tri thức, là Bồ-tát nghịch hạnh, chớ nên nghĩ xấu cho họ là người không có đạo đức. Được như thế thì đâu có buồn phiền giận trách, mà còn cám ơn họ. Như vậy mới thấy tinh thần Đại thừa giúp chúng ta có cái nhìn thâm sâu, thấu triệt để thêm sức mạnh. Tu phải có sức chiến đấu thắng mình, thắng mọi nghịch cảnh mới được an vui. Phải thấy mọi người quanh ta đều là người tốt, là Bồ-tát chớ có xem thường. Còn nếu thấy mọi người chung quanh là ma, phá mình hoài, thì chính người đó đã là ma. Gặp những khó khăn đến với ta là cơ hội tốt, nên vui vẻ mà tiến, chứ không chán nản thối lui. Học phẩm này chúng ta có thêm sức mạnh vững bước trên đường tu.

VII- PHẨM QUÁN CHÚNG SANH

Phẩm đầu của bộ kinh này là Tịnh Phật Quốc Độ, tức là muốn trang nghiêm tịnh độ thì phải tịnh tâm, đến đây là phẩm Quán Chúng Sanh. Khi biết rõ thật tướng của chúng sanh thì đối với sự tu hành chúng ta mới khỏi lầm lẫn. Như vậy chúng sanh là chánh báo, cõi tịnh độ của Phật là y báo.

Chánh văn:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Ví như nhà huyễn thuật thấy người huyễn của mình tạo ra, Bồ-tát quán chúng sanh là như thế. Như người trí thấy trăng trong nước, như hình mặt hiện trong gương, như sóng nắng khi trời nóng bức, như âm vang của tiếng hô to, như mây trong

hư không, như chùm bọt nước, như bong bóng nước, như sự bền chắc của cây chuối, như sự lâu dài của tia chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Như sắc trong cõi trời Vô sắc, như mầm của hạt giống rang, như thân kiến Tu-đà-hoàn, như A-na-hàm vào thai, như ba độc của A-la-hán, như tham sân phá cấm giới của Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như người mù thấy sắc, như hơi thở ra vào của người nhập Diệt tận định, như dấu chim bay trong hư không, như con cô gái đá, như người huyễn hóa khởi phiền não, như cảnh thấy trong mộng khi thức, như người diệt độ mà thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Nếu Bồ-tát khởi quán như thế, làm sao thực hành lòng từ?

Ông Duy-ma-cật trả lời:

- Bồ-tát khởi quán thế ấy rồi, tự nghĩ: "Ta phải vì chúng sanh nói pháp như thế." Ấy tức là lòng từ chân thật vậy.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt vì không có phiền não. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời

bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi. Thực hành lòng từ không hai vì trong ngoài không hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm không hủy hoại. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên vì như hư không. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Thực hành lòng từ Bồ-tát để an ổn chúng sanh. Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như. Thực hành lòng từ của Phật vì giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên vì không nhân được. Thực hành lòng từ Bồ-đề vì một vị bình đẳng. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn các ái. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã. Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Thực hành lòng từ trì giới vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để gánh vác chúng sanh. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng từ không dối gạt vì không hư giả. Thực hành lòng từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Thực hành lòng từ của Bồ-tát là như thế ấy.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Sao gọi là bi?

Đáp rằng: - Bồ-tát làm ra những công đức đều cho tất cả chúng sanh cùng hưởng.

Hỏi: - Sao gọi là hỷ?

Đáp: - Có điều lợi ích đều hoan hỷ không hối hận.

Hỏi: - Sao gọi là xả?

Đáp: - Việc làm phước đức, không có chỗ mong cầu.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

- Có sợ sanh tử, Bồ-tát phải nương tựa chỗ nào?

Ông Duy-ma-cật bảo:

- Bồ-tát ở trong sanh tử có sợ, phải nương vào sức công đức của Như Lai.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi:

- Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai thì phải trụ chỗ nào?

Đáp: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ độ thoát tất cả chúng sanh.

Lại hỏi: - Muốn độ chúng sanh phải trừ cái gì?

Đáp: - Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não kia.

Hỏi: - Muốn trừ phiền não phải làm hạnh gì?

Đáp: - Phải hành chánh niệm.

Hỏi: - Làm sao để hành chánh niệm?

Đáp: - Phải hành chẳng sanh chẳng diệt.

Hỏi: - Pháp gì chẳng sanh? Pháp gì chẳng diệt?

Đáp: - Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

Lại hỏi: - Thiện và ác cái gì làm gốc?

Đáp: - Thân làm gốc.

Lại hỏi: - Thân lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tham dục làm gốc.

Hỏi: - Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: - Hư vọng phân biệt làm gốc.

Hỏi: - Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi: - Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ làm gốc.

Lại hỏi: - Vô trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ thì không có gốc. Ngài Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Khi ấy thất ông Duy-ma-cật có một thiên nữ thấy chư đại nhân đang nghe nói pháp, liền hiện ra thân thiên nữ, dùng hoa trời tán trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát đều

rơi xuống đất, đến các vị đại đệ tử, dính lại không rơi. Tất cả đại đệ tử dùng thần lực để phủi hoa mà không thể nào phủi được.

Khi ấy Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Vì sao phủi hoa?

Đáp: - Hoa này không đúng pháp, do đó phủi đi.

Thiên nữ thưa:

- Chớ nói hoa này là không đúng pháp. Vì cớ sao? Hoa ấy không phân biệt, nhân giả tự sanh tưởng phân biệt vậy! Nếu đối với người xuất gia trong Phật pháp, có chỗ phân biệt là không đúng pháp; nếu không có chỗ phân biệt, ấy mới gọi là đúng pháp. Xem các vị Bồ-tát hoa không dính, vì đã đoạn tất cả tưởng phân biệt. Ví như khi người sợ thì phi nhân được cơ hội, như thế các đệ tử Phật sợ sanh tử nên sắc thanh hương vị xúc mới được cơ hội lôi cuốn. Người đã lìa sợ, tất cả ngũ dục đều không làm gì được. Kiết tập chưa hết thì hoa còn dính trên thân! Kiết tập đã hết, hoa không dính được.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ đáp:

- Tôi ở trong thất này như người già được giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói: - Ở đây được bao lâu?

Thiên nữ hỏi:

- Người già giải thoát cũng được bao lâu?

Ngài Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp.

Thiên nữ hỏi: - Như ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh?

Đáp: - Giải thoát không lời để nói, nên tôi đối với chỗ này không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì cớ sao? Giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa; văn tự cũng vậy, không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Không lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì cớ sao? Tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi: - Không do lìa dâm nộ si vẫn giải thoát ư?

Thiên nữ thưa:

- Phật vì những người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Lành thay, lành thay, Thiên nữ! Ngươi đã được cái gì, đã chứng cái gì mới biện tài như thế?

Thiên nữ thưa:

- Tôi không chứng không đắc nên được biện tài như thế. Vì cớ sao? Nếu có đắc có chứng tức ở trong Phật pháp là tăng thượng mạn.

Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Thiên nữ, ngươi đối với tam thừa là chí cầu cái gì?

Thiên nữ đáp:

- Dùng pháp Thanh văn để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh văn, dùng pháp Duyên giác để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Bích-chi Phật, dùng pháp đại bi để giáo hóa chúng sanh nên tôi là Đại thừa. Ngài Xá-lợi-phất! Như người vào trong rừng chiêm-bặc, chỉ ngửi được mùi hương chiêm-bặc, không ngửi các mùi hương khác. Như thế, nếu người nào vào thất này thì chỉ có nghe mùi hương công đức Phật, không thích nghe mùi hương công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Ngài Xá-lợi-phất! Có những vị Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, chư thiên, long thần, quỷ thần... vào trong thất này nghe thượng nhân đây thuyết giảng chánh pháp, đều ưa thích mùi hương công đức Phật, phát tâm rồi lui ra.

Ngài Xá-lợi-phất, tôi ở thất này mười hai năm. Ban đầu không nghe nói pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, chỉ nghe nói pháp Bồ-tát đại từ

đại bi, pháp Bất khả tư nghì của chư Phật. Ngài Xá-lợi-phất, thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Những gì là tám?

Thất này thường dùng ánh sáng màu vàng chiếu soi ngày đêm không khác, không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ nhất.

Người vào thất này không bị các cấu nhiễm làm phiền não, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ hai.

Thất này thường có Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và các vị Bồ-tát từ những phương khác đến tụ hội không dứt, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ ba.

Thất này thường nói sáu pháp ba-la-mật bất thối chuyển, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tư.

Thất này thường trổi nhạc bậc nhất của trời người, dây đàn phát ra vô lượng pháp âm, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ năm.

Thất này có bốn kho lớn chứa đầy đồ quý báu, cứu giúp những người cùng khốn, cầu là được không bao giờ hết, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ sáu.

Thất này đức Phật Thích-ca-mâu-ni, đức Phật A-di-đà, Phật A-súc, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Diệm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành...

mười phương vô lượng chư Phật như thế, khi thượng nhân này nghĩ đến liền đều đến, rộng nói các pháp tạng bí yếu của chư Phật, thuyết xong rồi trở về, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ bảy.

Thất này tất cả cung điện trang nghiêm của chư thiên, cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tám.

Ngài Xá-lợi-phất! Thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được, ai đã thấy được việc bất tư nghì này mà lại còn ưa pháp Thanh văn ư?

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi vì sao mà không chuyển thân nữ?

Thiên nữ đáp:

- Tôi từ mười hai năm nay, tìm tướng thân nữ trọn không thể được, làm sao mà chuyển! Ví như có một huyễn sư hóa làm người nữ huyễn, nếu có người hỏi: "Vì sao không chuyển thân nữ?", người ấy hỏi là đúng chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không vậy, tướng huyễn không nhất định, làm sao mà chuyển?

Thiên nữ đáp:

- Tất cả pháp cũng lại như thế, không có tướng nhất định, vì sao lại hỏi chẳng chuyển thân nữ?

Liền khi đó Thiên nữ dùng sức thần thông biến Xá-lợi-phất thành Thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân thành Xá-lợi-phất, và hỏi rằng:

- Vì sao không chuyển thân nữ?

Ngài Xá-lợi-phất mang hình tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Nay tôi không biết vì sao lại chuyển biến làm thân nữ?

Thiên nữ thưa:

- Ngài Xá-lợi-phất! Nếu có thể chuyển được thân nữ này, thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển được. Như ngài Xá-lợi-phất không phải nữ mà hiện thân nữ, tất cả người nữ cũng lại như thế, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Liền khi đó Thiên nữ thâu nhiếp thần lực lại, thân ngài Xá-lợi-phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Sắc tướng thân nữ nay ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất đáp:

- Sắc tướng thân nữ không có cũng không phải không có.

Thiên nữ thưa: - Tất cả các pháp cũng lại như thế, không có cũng không phải không có. Phàm không có không phải không có, đó là chỗ Phật nói.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Ngươi ở đây chết rồi sẽ sanh về đâu?

Thiên nữ đáp:

- Chỗ Phật hóa sanh, tôi cũng như kia mà sanh.

Xá-lợi-phất nói:

- Phật hóa sanh, không phải chết mới sanh.

Thiên nữ thưa:

- Chúng sanh cũng như vậy, không chết mà sanh vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi chừng nào sẽ được thành Phật?

Thiên nữ đáp:

- Như ngài Xá-lợi-phất trở lại làm phàm phu, tôi mới có thể thành Phật.

Xá-lợi-phất nói:

- Tôi làm phàm phu điều đó không thể có.

Thiên nữ thưa:

- Tôi được thành Phật cũng không thể có. Vì cớ sao? Bồ-đề là không có chỗ trụ, thế nên không có được.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Nay chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được và sẽ được, nhiều như số cát sông Hằng, đều gọi là gì?

Thiên nữ đáp:

- Đều do số văn tự thế tục nên nói có ba đời, chứ không phải Bồ-đề có quá khứ vị lai hiện tại.

Thiên nữ hỏi:

- Xá-lợi-phất, ngài được đạo A-la-hán chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

- Vì không có chỗ được mà được.

Thiên nữ thưa:

- Chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế, vì không chỗ được mà được.

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã có thể dùng thần thông của Bồ-tát mà dạo chơi, sở nguyện đều được đầy đủ, được vô sanh nhẫn, trụ bất thối chuyển. Vì do bản nguyện, tùy ý thị hiện giáo hóa chúng sanh.

Giảng:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát quán chúng sanh như thế nào?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Ví như nhà huyễn thuật thấy người huyễn của mình tạo ra, Bồ-tát quán chúng sanh là như thế.

Cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù: Bồ-tát phải quán chúng sanh như nhà huyễn thuật hóa ra một người huyễn. Chúng sanh coi người huyễn đó tưởng là

người thật, chỉ có nhà huyễn thuật biết rõ là huyễn. Cũng vậy, Bồ-tát có trí tuệ, quán sát thấy rõ chúng sanh là huyễn hóa không thật.

Như người trí thấy trăng trong nước, như hình mặt hiện trong gương, như sóng nắng khi trời nóng bức, như âm vang của tiếng hô to, như mây trong hư không, như chùm bọt nước, như bong bóng nước, như sự bền chắc của cây chuối, như sự lâu dài của tia chớp, như đại thứ năm, như ấm thứ sáu, như tình thứ bảy, như nhập thứ mười ba, như giới thứ mười chín, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế. Những hình ảnh được dẫn dụ trên đây, có chiều thuận cũng có chiều nghịch.

Người trí quán chúng sanh như thấy trăng trong nước. Đêm rằm nhìn xuống hồ nước trong, thấy mặt trăng hiện rõ dưới đáy hồ. Như vậy mặt trăng hiện dưới đáy hồ là có hay không? Nó không thật có, cũng không hẳn là không, chỉ là bóng trăng in trong nước. Người trí quán chúng sanh cũng vậy, phải thấy chúng sanh không thật có. Giống như bóng trăng trong nước, bản chất nó không thật. Nói vậy nghe có vẻ không đúng, nhưng xét thật kỹ thân chúng ta đây, cái gì là mình, cái gì là người? Chẳng qua đủ duyên hợp lại gọi là có mình, duyên ly tán thì hoại. Cũng như trên trời có trăng, dưới hồ có nước thì thấy có bóng trăng hiện, còn trời không trăng thì nhìn dưới hồ đâu thấy bóng trăng. Như vậy, bóng trăng đâu thật có, cũng như ảnh trong gương, như sóng nắng khi trời nắng gắt, như tiếng vang trong núi, như mây nổi trong hư không. Những thứ đó tạm bợ,

có mà không thật có. Như chùm bọt trên biển, như bong bóng nước khi trời mưa, nhìn thì thấy nhưng vừa chạm tới liền tan, đâu được lâu bền. Thân mình cũng giống như vậy. Đó là những thí dụ theo chiều thuận, để thấy thân này giả dối không thật.

Ông lại dùng thí dụ theo chiều nghịch để diễn tả nghĩa này. Như sự bền chắc của cây chuối, mà cây chuối có bền chắc không? Nếu lột từng bẹ ra tìm không có cây chuối. Như vậy cây chuối không bền chắc, nhưng lại nói bền chắc như cây chuối. Lâu dài như điện chớp, điện chớp vừa nháng lên là mất, vậy mà nói lâu dài như điện chớp. Như đại thứ năm, ấm thứ sáu, tình thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín. Nói như vậy nghĩa là sao? Kinh chỉ nói có bốn đại, năm ấm, sáu tình, mười hai nhập, mười tám giới, chứ đâu có đại thứ năm, ấm thứ sáu, tình thứ bảy, nhập thứ mười ba, giới thứ mười chín. Những thí dụ nêu trên để chỉ cho những cái không thể có.

Bây giờ nêu rõ lại đoạn này. Đầu tiên cư sĩ Duy-ma-cật nói, Bồ-tát phải quán chúng sanh như người huyễn, tuy thấy có thân người qua lại tới lui, nhưng bản chất không thật, đó là điểm chính. Kế dùng những thí dụ để thấy sự tạm bợ giả dối của nó như trăng đáy nước, như bóng trong gương... Bồ-tát thấy như vậy là người trí. Nếu thấy khác hơn là người ngu, là chúng sanh. Bồ-tát hay chúng sanh khác nhau chỉ do cái nhìn. Chỉ cần nhìn thấy đúng như thật, đó là Bồ-tát. Thân giả dối mà thấy thật, đó là ngu mê, là chúng sanh. Do thấy mình thật,

mình quan trọng nên bị người chửi, người khinh thì sân si nổi lên, mọi phiền não đều từ đó sanh khởi.

Như vậy có hai cách nhìn: Nhìn của bậc trí tuệ, đưa người đến giải thoát. Nhìn của kẻ ngu si tạo ác nghiệp, đưa đến trầm luân. Thế nên, tu không phải là chuyện khó làm, chỉ cần chuyển cách nhìn từ phàm phu sang bậc trí. Tuy đã nghe Bồ-tát, nghe Phật nói quá rõ mà vẫn bỏ không được, vậy mới thấy thói quen mê lầm của chúng ta thật sâu dày nhiều đời nhiều kiếp, chất chồng không biết bao nhiêu lớp ngu mê tạo nghiệp. Cho nên phải thành khẩn thiết tha lễ Phật sám hối, để tiêu trừ nghiệp chướng giúp chúng ta sớm tỉnh giác, nhận chân được lẽ thật.

Như sắc trong cõi trời Vô sắc, như mầm của hạt giống rang, như thân kiến Tu-đà-hoàn, như A-na-hàm vào thai, như ba độc của A-la-hán, như tham sân phá cấm giới của Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn, như tập khí phiền não của Phật, như người mù thấy sắc, như hơi thở ra vào của người nhập Diệt tận định, như dấu chim bay trong hư không, như con cô gái đá, như người huyễn hóa khởi phiền não, như cảnh thấy trong mộng khi thức, như người diệt độ mà thọ thân, như lửa không khói, Bồ-tát quán chúng sanh cũng lại như thế.

Đây đưa ra những điều nghịch lý để thấy sự việc không bao giờ có. Như cõi Vô sắc làm sao có sắc được. Hạt giống rang đâu thể nảy mầm. Tu-đà-hoàn còn chấp thân không? Nếu còn chấp thân thì chưa chứng Tu-đà-hoàn. A-na-hàm chỉ còn sanh lại một lần nhưng

ở cõi trời Tịnh Cư, chứ không vào thai người ở cõi thế gian này nữa. A-la-hán đã dứt tam độc, chứng vô sanh. Bồ-tát đắc vô sanh nhẫn luôn giữ gìn tịnh giới, đâu còn tham sân. Phật làm gì còn tập khí phiền não. Người mù đâu thể thấy sắc. Người nhập Diệt tận định thì không còn hơi thở ra vào. Chim bay trong không làm gì lưu dấu vết. Gái đá đâu thể có con được. Đã là người huyễn hóa làm sao sanh phiền não. Thức giấc rồi thì cảnh thấy trong mộng cũng tan. Diệt độ là chứng A-la-hán nhập Niết-bàn, đâu còn thọ thân. Có lửa mà không khói là chuyện vô lý. Như vậy Bồ-tát quán thật rõ ràng tường tận, thấy tất cả chúng sanh đều như huyễn như hóa, chỉ có giả danh mà không thật có, như những điều kể trên.

Thông thường khi quán thấy chúng sanh là hư dối, tạm bợ như bóng trong gương, như trăng đáy nước. Nếu thấy bóng trong gương đang buồn đang khóc, hoặc bị người hiếp đáp, mình có đến an ủi, can thiệp không? Bởi thấy nó là bóng, là huyễn hóa nên mình thản nhiên trước những cảnh đó.

Ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi:

- Nếu Bồ-tát khởi quán như thế, làm sao thực hành lòng từ?

Ông Duy-ma-cật trả lời:

- Bồ-tát khởi quán thế ấy rồi, tự nghĩ: "Ta phải vì chúng sanh nói pháp như thế." Ấy tức là lòng từ chân thật vậy.

Nếu quán thấy chúng sanh giả dối huyễn hóa, làm sao phát tâm cứu giúp họ! Vì vậy sau đó phải quán từ bi. Tại sao? Chúng sanh huyễn hóa mà không tự biết huyễn hóa, nên Bồ-tát thương xót, tìm mọi cách cứu họ thoát khổ, chỉ dạy cho họ biết đó là tạm bợ giả dối để họ đừng mê chấp mà tạo thêm nghiệp. Hết tạo nghiệp thì hết thọ khổ, dòng huyễn hóa từ đây dừng. Do đó Bồ-tát dùng trí tuệ quán chiếu thấy đúng như thật, liền khởi tâm đại bi. Chứ không phải thấy rồi không làm gì hết, trở thành tiêu cực. Đó mới là lòng từ bi chân thật của Bồ-tát.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt vì không có phiền não. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi. Thực hành lòng từ không hai vì trong ngoài không hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm không hủy hoại. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên vì như hư không. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Thực hành lòng từ Bồ-tát để an ổn chúng sanh. Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như. Thực hành lòng từ của Phật vì giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên vì không nhân được. Thực hành lòng từ Bồ-đề vì một vị bình đẳng. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn các ái. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã. Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Thực hành lòng từ trì giới vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành

lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để gánh vác chúng sanh. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng từ không dối gạt vì không hư giả. Thực hành lòng từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Thực hành lòng từ của Bồ-tát là như thế ấy.

Thực hành lòng từ tịch diệt vì không có chỗ thọ sanh. Thực hành lòng từ bất nhiệt là không nóng nảy, dù gặp trường hợp nào, hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh, không để phiền não sanh khởi. Thực hành lòng từ bình đẳng vì ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều bình đẳng. Thực hành lòng từ vô tránh vì không có chỗ khởi, nếu còn khởi là còn có chỗ tranh, là còn hạn chế. Thực hành lòng từ không hai, vì có trong có ngoài là còn mang tình chấp, không được hoàn toàn trong sạch, nên không thể hòa hợp. Thực hành lòng từ không hoại vì rốt ráo diệt tận. Thực hành lòng từ kiên cố vì tâm bền chắc, không gì phá hoại được. Thực hành lòng từ thanh tịnh vì các pháp tánh thanh tịnh. Thực hành lòng từ vô biên, như hư không không có ranh giới, thênh thang rộng lớn không bờ mé, vì không còn ngã chấp. Thực hành lòng từ A-la-hán vì để phá kiết sử và các tặc. Tặc là lục tặc, kiết sử là thập triền thập sử, là những phiền não trói buộc, dẫn dắt chúng sanh đi trong sanh tử. Thực hành lòng từ Bồ-tát để đem an ổn đến cho chúng sanh.

Thực hành lòng từ Như Lai vì được tướng như, tức là như như bất động, không sanh không diệt. Thực hành lòng từ của Phật, vì đức Phật ra đời muốn giác ngộ chúng sanh. Thực hành lòng từ tự nhiên còn gọi là vô duyên từ, vì không do nhân duyên mà được. Thực hành lòng từ Bồ-đề, vì biết tất cả giáo pháp của Phật chỉ có một vị bình đẳng, tức là vị giải thoát giác ngộ. Thực hành lòng từ vô đẳng vì đoạn trừ các tâm ái nhiễm, vô đẳng là không gì so sánh, không gì ngang bằng. Thực hành lòng từ đại bi vì dẫn dắt đến Đại thừa, nghĩa là dùng Đại thừa đưa chúng sanh đến con đường giác ngộ thành Phật. Thực hành lòng từ không chán vì quán không, vô ngã, vì không thấy có người có ta thì ai mệt mỏi, ai chán nản.

Thực hành lòng từ pháp thí vì không tiếc nuối. Với tinh thần pháp thí là đem giáo pháp, đem chân lý giảng giải cho mọi người biết được lẽ thật mà không tiếc nuối giấu giếm. Thực hành lòng từ trì giới vì giáo hóa những người phạm giới. Thực hành lòng từ nhẫn nhục vì bảo hộ ta và người. Thí dụ có người nói một câu nghe trái tai, nếu mình không nhẫn thì cơn sân nổi lên, không làm chủ dẫn đến những hành động thô, hoặc đấm hoặc tát họ... Như vậy cả hai đều bị tổn hại. Chẳng phải một đấm, một tát rồi thôi, mà có thể ôm ấp hờn giận cả năm cả tháng, cả đời không quên. Còn nếu nhẫn được, bỏ qua thì cả hai đều có lợi. Cho nên nhờ hạnh nhẫn nhục mà mình bảo hộ được cho mình mà cũng bảo hộ được cho người. Thực hành lòng từ tinh tấn là để dẫn dắt chúng sanh tiến lên con đường giác ngộ. Thực hành lòng từ thiền định vì không thọ vị. Thọ vị tức là đắm

trước vị thiền định, lấy vui thiền định làm thức ăn nên gọi là thiền duyệt vi thực. Người tu thiền khi được an định, cảm nhận được nguồn vui, rồi cứ đắm vị vui đó mà không chịu xả để làm lợi ích cho chúng sanh; nên Bồ-tát tuy hành thiền định mà vẫn không bị đắm trước. Thực hành lòng từ trí tuệ vì đều biết thời. Nghĩa là biết căn cơ, thời tiết nhân duyên, khi nào nên nói khi nào nên dạy, đó là thực hành lòng từ trí tuệ.

Thực hành lòng từ phương tiện vì tất cả thị hiện. Bồ-tát có khi phải thị hiện sanh trong các chủng loại để thực hành lòng từ giáo hóa chúng sanh. Như trong kinh Bản Sanh kể lại tiền thân đức Phật đã từng thị hiện làm thân nai, thân chim oanh vũ, làm voi chúa, sư tử vương... để giáo hóa các loài chúng sanh. Thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh. Ẩn tức là giấu kín. Vì lòng từ bi, biết người đó có lỗi, mình không giấu không che, dùng lời ngay thẳng chân thật chỉ cho họ biết, để sửa đổi trở thành thanh tịnh. Nếu thấy người làm điều tội lỗi, mà mình che giấu vì sợ họ bị rầy bị phạt, như vậy tưởng là mình tốt. Nhưng họ không nhận được lỗi lầm và không sửa đổi, đó chính là làm cho tội lỗi của họ tăng trưởng. Vậy là mình thiếu trực tâm thanh tịnh. Nên nói thực hành lòng từ không ẩn vì trực tâm thanh tịnh.

Tiếp theo đây là kể thêm một số lòng từ bi của Bồ-tát như: Thực hành lòng từ thâm tâm vì không có những hạnh tạp. Thực hành lòng từ không dối gạt vì không hư giả. Thực hành lòng từ an lạc vì khiến được an vui của Phật. Tuy quán chúng sanh là hư dối không thật,

thấy rõ như vậy, biết đúng như vậy, nhưng vì chúng sanh mê muội cứ lầm tưởng mình là thật có, nên mãi tạo nghiệp phải chịu khổ đau. Chúng ta phải đem cái thấy đúng như thật chỉ dạy cho họ biết, làm tất cả hạnh từ bi để giúp họ dứt bỏ những xấu xa tội lỗi, thoát khỏi khổ đau, được an vui vĩnh viễn. Lòng từ bi của Bồ-tát là vì lợi ích cho chúng sanh, chứ không phải thấy thân giả tạm rồi để mặc họ ra sao cũng được, mà phải thương làm cho họ thức tỉnh đừng mê lầm tạo thêm nghiệp nữa, như vậy mới thoát khỏi khổ đau. Thực hành lòng từ bi của Bồ-tát là như thế ấy.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Sao gọi là bi?

Đáp rằng:

- Bồ-tát làm ra những công đức đều cho tất cả chúng sanh cùng hưởng.

Bi là cứu khổ, tức là làm cho mọi người được lợi ích, được an lạc. Bồ-tát có được công đức gì đều chia sớt cho mọi người cùng hưởng, chứ không phải cho riêng mình. Đó gọi là bi.

Hỏi: - Sao gọi là hỷ?

Đáp: - Có điều lợi ích đều hoan hỷ không hối hận.

Tức là làm những điều lợi ích cho chúng sanh, đều hoan hỷ không hối hận. Chúng ta có khi nào làm điều lợi ích cho chúng sanh rồi hối hận không? Thí dụ mình là người biết may đồ, có một huynh đệ đến nhờ may giùm bộ đồ, mình hoan hỷ nhận vì nghĩ đây là việc làm lợi ích cho người. Nhưng khi may xong giao đồ,

họ chê may không khéo, may dối. Lúc đó nếu khởi nghĩ "biết vậy không thèm may", đó là tâm niệm hối hận. Nhưng mình làm tất cả lợi ích cho người, dù bị chê, bị coi thường, cũng vẫn hoan hỷ không hối hận. Đó là tâm hoan hỷ cần phải thực hành.

Hỏi: - Sao gọi là xả?

Đáp: - Việc làm phước đức, không có chỗ mong cầu.

Xả là buông xả tất cả những việc phước đức mình đã làm, làm mà không mong cầu. Trong sinh hoạt hằng ngày như ngồi thiền, tụng kinh, thọ trai... chúng ta đều hồi hướng cho mình và chúng sanh trọn thành Phật đạo, như vậy là có mong cầu phải không? Nhưng chữ Xả ở đây là buông xả tâm mong cầu riêng tư. Làm tất cả việc phước đức là mong cho mọi người cùng hưởng, chứ không cho cá nhân mình, vì mong cầu riêng tư thì tâm dễ sanh phiền não sân hận. Như có người bị tai nạn rất hiểm nguy, muốn cứu họ mình phải có sự hy sinh. Nhưng khi cứu họ qua cơn nguy biến, có nghĩ đời đời họ sẽ không quên ơn mình không? Nghĩ như vậy là có mong cầu. Nếu hai ba tháng sau tình cờ gặp lại, họ không chào hỏi, mình có nổi sân lên và nghĩ người đó vô ơn bạc nghĩa không? Nếu mình cứu giúp họ rồi, không cần nhớ không cần biết, gặp nhau có chào không chào cũng được, như vậy mới gọi là xả, không mong cầu. Không thấy mình là người ban ơn, kia là người thọ ơn. Chỉ một hai việc nhỏ thôi mà chừng vài ba tháng họ quên, mình cũng còn bực bội, huống nữa là những ơn rất khó làm. Vì vậy xả là để dứt tâm mong cầu.

Dứt hết mong cầu thì tự nhiên không còn sân hận. Chúng sanh dễ quên lắm, mình dễ quên người khác cũng dễ quên, chấp họ làm chi, buông xả hết để khỏi sanh phiền não. Như vậy mới tốt.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Có sợ sanh tử, Bồ-tát phải nương tựa chỗ nào?

Ông Duy-ma-cật bảo: - Bồ-tát ở trong sanh tử có sợ, phải nương vào sức công đức của Như Lai.

Ngài Văn-thù-sư-lợi lại hỏi: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai thì phải trụ chỗ nào?

Đáp: - Bồ-tát muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ độ thoát tất cả chúng sanh.

Nếu còn sợ sanh tử thì Bồ-tát phải nương tựa vào sức công đức của Như Lai. Muốn nương vào sức công đức của Như Lai, phải trụ độ thoát tất cả chúng sanh. Như vậy nương vào công đức Phật không phải là sẽ được hào quang của Phật che chở, mà phải độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ sanh tử. Vì công đức Phật là công đức độ sanh, mà độ sanh thì phải trôi lăn trong sanh tử. Nếu sợ sanh tử thì đâu độ thoát chúng sanh được. Bồ-tát cũng như Thanh văn đều biết rõ sanh tử là khổ đau đáng sợ, nhưng Bồ-tát vì thương muốn độ chúng sanh nên phải lăn lộn trong đó. Việc khó làm, nguy hiểm mà các ngài vẫn xả thân, sẵn sàng hy sinh cứu giúp. Đây là giá trị cao quý của Bồ-tát.

Lại hỏi: - Muốn độ chúng sanh phải trừ cái gì?

Đáp: - Muốn độ chúng sanh phải trừ phiền não kia.

Hỏi: - Muốn trừ phiền não phải làm hạnh gì?

Đáp: - Phải hành chánh niệm.

Độ chúng sanh nghĩa là dẹp trừ phiền não cho chúng sanh, nhưng muốn làm được việc đó, trước mình phải sạch phiền não, sau đó mới tìm phương tiện trừ dẹp phiền não cho người. Muốn trừ phiền não phải hành chánh niệm. Thí dụ ở trong chúng lâu lâu có huynh đệ buồn giận nhau nổi sân lên, có những lời nói và hành động thô tháo. Khi nổi sân là đã phiền não. Vì sao phiền não? Vì không làm chủ được thân tâm, để những vọng niệm dẫn dắt, nên muốn trừ phiền não phải hằng nhớ chánh niệm, đó là thực hành chánh niệm. Hoặc có người thích đi nơi này nơi kia, tâm ý dao động, chạy nhảy lăng xăng như khỉ vượn. Được đi thì vui, không được thì buồn phiền than thở sao không được thoải mái, tức là phiền não sanh khởi. Thế nên người có trách nhiệm hành đạo, muốn giúp đỡ cho người sau thì phải biết trừ phiền não cho họ, bằng cách nhắc nhở họ đừng buông lung tâm ý, phải sống trở về với chánh niệm.

Hỏi: - Làm sao để hành chánh niệm?

Đáp: - Phải hành chẳng sanh chẳng diệt.

Hỏi: - Pháp gì chẳng sanh? Pháp gì chẳng diệt?

Đáp: - Pháp bất thiện chẳng sanh, pháp thiện chẳng diệt.

Muốn hành chánh niệm phải thực hành pháp chẳng sanh chẳng diệt. Nhưng pháp gì chẳng sanh, pháp gì chẳng diệt? Pháp bất thiện chẳng sanh,

pháp thiện chẳng diệt. Chánh niệm tức là vô niệm, nghĩa là tất cả pháp ác chẳng sanh, tất cả pháp thiện chẳng diệt. Đó gọi là chánh niệm.

Lại hỏi: - Thiện và ác cái gì làm gốc?

Đáp: - Thân làm gốc.

Lại hỏi: - Thân lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tham dục làm gốc.

Hỏi: - Tham dục lấy gì làm gốc?

Đáp: - Hư vọng phân biệt làm gốc.

Thân này là gốc của ba nghiệp, thân nghiệp khẩu nghiệp và ý nghiệp. Tất cả nghiệp thiện nghiệp ác đều từ thân mà ra. Thân này do tham dục làm gốc. Nếu hết tham dục thì không còn thọ thân. Trong tham dục, ái dục là gốc của trầm luân, hết ái dục thì được giải thoát. Tham dục lấy hư vọng phân biệt làm gốc, như thấy cảnh rồi khởi phân biệt đẹp xấu nên niệm tham mới khởi lên, vậy hư vọng phân biệt là gốc sanh ra tham ái. Nếu thấy cảnh mà không khởi phân biệt hư vọng thì tham ái dứt.

Hỏi: - Hư vọng phân biệt lấy gì làm gốc?

Đáp: - Tưởng điên đảo làm gốc.

Hỏi: - Tưởng điên đảo lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ làm gốc.

Lại hỏi: - Vô trụ lấy gì làm gốc?

Đáp: - Vô trụ thì không có gốc. Ngài Văn-thù-sư-lợi! Từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Hư vọng phân biệt do tưởng điên đảo làm gốc. Sở dĩ có phân biệt hư dối là từ tưởng điên đảo mà ra. Tưởng điên đảo là tưởng lộn ngược, tưởng không đúng lẽ thật. Như có nhiều người trang điểm trau chuốt cho thân này đẹp đẽ, nhưng có đẹp thật không? Do tưởng điên đảo cho là đẹp rồi phân biệt thế này thế kia, sanh ra các tham ái. Vậy tưởng điên đảo là tưởng không đúng lẽ thật, do thói quen huân tập lâu đời nên chúng ta đối cảnh liền khởi tâm phân biệt.

Tưởng điên đảo lấy Vô trụ làm gốc, nghe thật khó hiểu. Tưởng điên đảo là cái thấy sai lầm, lộn ngược, sao lại lấy vô trụ làm gốc? Nên mới hỏi thêm, vô trụ lấy gì làm gốc? Vô trụ thì không có gốc. Ý này trùng hợp với ý trong Pháp Bảo Đàn của Lục Tổ. Lục Tổ lập Vô niệm làm tông, Vô tướng làm thể, Vô trụ làm gốc. Thế nên chúng ta thấy, cái nhìn của Lục Tổ rất phù hợp với cái nhìn của cư sĩ Duy-ma-cật, đều lấy vô trụ làm gốc. Như trên mặt biển có sóng gió nổi lên ầm ầm, ngay khi đó chúng ta biết có bao nhiêu lượn sóng nổi lên không? Những lượn sóng đó bằng nhau hay lớn nhỏ khác nhau? Những lượn sóng đó bủa ra đập vào nhau, thành những đám bọt. Bọt trắng xóa từ đâu mà có? Chúng ta đáp sao? Từ sóng bủa mà có. Hỏi sóng từ đâu mà có? Từ nước mà có. Hỏi nước từ đâu mà có? Ngay đó nói sao?

Đây cũng vậy, chỗ vô trụ không hình tướng. Tuy không hình tướng nhưng thể của nó tùy duyên mà

biến đổi. Như có gió thì nổi sóng, gió mạnh thì sóng to... Cho nên từ vô trụ sanh ra tưởng điên đảo. Từ tưởng điên đảo sanh ra hư vọng phân biệt. Từ hư vọng phân biệt sanh ra tham dục. Từ tham dục mà có thân. Như vậy chúng ta thấy, vô trụ là gốc của tất cả pháp.

Chúng ta tu muốn khỏi trầm luân sanh tử thì phải dứt tham dục. Muốn dứt tham dục, trước phải dứt những hư vọng phân biệt. Muốn dứt hư vọng phân biệt phải bỏ tưởng điên đảo. Cho nên chúng ta phải thấy như Bồ-tát, phải giác như Bồ-tát. Thấy thân này là hư dối, như người huyễn, như bóng trong gương, như trăng đáy nước... Thấy như vậy là phá được tưởng điên đảo, nếu phá tưởng điên đảo rồi thì đạt đến gốc vô trụ, là chỗ bất sanh bất diệt. Đến đây mới dứt được dòng sanh tử. Đó là đã chỉ rõ ràng cho chúng ta manh mối tu hành từ cạn đến sâu. Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi, từ gốc vô trụ mà lập ra tất cả pháp.

Khi ấy thất ông Duy-ma-cật có một thiên nữ thấy chư đại nhân đang nghe nói pháp, liền hiện ra thân thiên nữ, dùng hoa trời tán trên các vị Bồ-tát và các vị đại đệ tử. Hoa đến các vị Bồ-tát đều rơi xuống đất, đến các vị đại đệ tử, dính lại không rơi. Tất cả đại đệ tử dùng thần lực để phủi hoa mà không thể nào phủi được.

Khi ấy Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Vì sao phủi hoa?

Đáp: - Hoa này không đúng pháp, do đó phủi đi.

Thiên nữ thưa:

- Chớ nói hoa này là không đúng pháp. Vì cớ sao? Hoa ấy không phân biệt, nhân giả tự sanh tưởng phân biệt vậy! Nếu đối với người xuất gia trong Phật pháp, có chỗ phân biệt là không đúng pháp; nếu không có chỗ phân biệt, ấy mới gọi là đúng pháp. Xem các vị Bồ-tát hoa không dính, vì đã đoạn tất cả tưởng phân biệt. Ví như khi người sợ thì phi nhân được cơ hội, như thế các đệ tử Phật sợ sanh tử nên sắc thanh hương vị xúc mới được cơ hội lôi cuốn. Người đã lìa sợ, tất cả ngũ dục đều không làm gì được. Kiết tập chưa hết thì hoa còn dính trên thân! Kiết tập đã hết, hoa không dính được.

Câu chuyện này nghe thật lý thú. Thiên nữ tán hoa cúng dường, khi hoa rơi trên thân Bồ-tát thì tự rớt xuống đất, rơi trên người những vị Thanh văn trúng đâu dính đó, phủi không được. Thiên nữ hỏi, tại sao các ngài lại phủi hoa? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp, vì giới của Thanh văn không được đeo tràng hoa, không được dùng hoa thơm để trang sức. Nay hoa dính đầy người như trang sức thân này thì phạm giới rồi, nên phải phủi nó đi vì không đúng pháp. Thiên nữ lý luận, người xuất gia trong Phật pháp còn khởi tưởng phân biệt thì không đúng pháp. Hoa vốn tự đâu có phân biệt, chỉ do ngài tự sanh tâm phân biệt nên nói không đúng pháp. Lý luận của Thiên nữ nghe quá hay! Cuối cùng Thiên nữ kết luận, ai kiết sử chưa hết thì hoa còn dính trên thân, ai kiết sử hết rồi thì hoa tự rơi rụng.

Chúng ta tu, hằng đêm lạy Phật cầu được giải thoát, vì những kiết sử quá sâu dày nên dính mắc sáu trần; nếu dứt hết kiết sử, khỏi lạy Phật cầu xin cũng tự giải thoát. Trong sự tu, điều đáng sợ không phải là cảnh mà chính là những kiết sử hay những phiền não của mình. Phiền não chưa sạch thì cảnh ngoài mới lôi cuốn được, phiền não đã sạch rồi thì ngoại cảnh làm gì được mình.

Câu chuyện tán hoa trên làm sáng tỏ thêm chủ đích của người tu là phải dẹp phiền não, chớ nên nói "ở đây đông quá, huynh đệ tới lui rộn ràng làm phiền, tôi tu không được", mà do mình còn phiền não. Phiền não sạch rồi, ở đâu tu cũng được, đó là điểm chính yếu của sự tu.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ đáp:

- Tôi ở trong thất này như người già được giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi: - Ở đây được bao lâu?

Thiên nữ hỏi:

- Người già giải thoát cũng được bao lâu?

Ngài Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp.

Thiên nữ hỏi:

- Như ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh?

Đáp: - Giải thoát không lời để nói, nên tôi đối với chỗ này không biết nói thế nào.

Thiên nữ thưa:

- Ngôn thuyết văn tự đều là tướng giải thoát. Vì cớ sao? Giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa; văn tự cũng vậy, không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa. Thế nên, ngài Xá-lợi-phất! Không lìa văn tự mà nói giải thoát. Vì cớ sao? Tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Không do lìa dâm nộ si vẫn giải thoát ư?

Thiên nữ thưa:

- Phật vì những người tăng thượng mạn mà nói lìa dâm nộ si là giải thoát. Nếu người không có tăng thượng mạn thì Phật nói tánh dâm nộ si tức là giải thoát.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Lành thay, lành thay, Thiên nữ! Ngươi đã được cái gì, đã chứng cái gì mới biện tài như thế?

Thiên nữ thưa:

- Tôi không chứng không đắc nên được biện tài như thế. Vì cớ sao? Nếu có đắc có chứng tức ở trong Phật pháp là tăng thượng mạn.

Tôn giả Xá-lợi-phất chịu thua Thiên nữ, giờ chuyển qua vấn đề khác, hỏi Thiên nữ ở thất này đã bao lâu?

Thiên nữ nói, tôi ở đây cũng như người già được giải thoát. Vậy ông già giải thoát được bao lâu? Tôn giả Xá-lợi-phất lặng thinh không đáp. Hỏi ngài là bậc kỳ cựu đại trí, sao lại làm thinh? Vì giải thoát không có ngôn ngữ diễn tả được. Thiên nữ lại nói, ngôn ngữ văn tự cũng là tướng giải thoát. Vì giải thoát không ở trong không ở ngoài, không ở khoảng giữa nên văn tự cũng vậy, nó không dính mắc tức là giải thoát. Do đó không lìa văn tự mà nói giải thoát, nếu vậy ngay nơi văn tự mà nói giải thoát cũng được, sao lại nói giải thoát không thể dùng ngôn ngữ. Vì tất cả pháp là tướng giải thoát.

Ngay đó tôn giả Xá-lợi-phất không chấp nhận mới nói, chẳng lẽ người không lìa tham sân si vẫn giải thoát sao? Thiên nữ trả lời, đối với người tăng thượng mạn, Phật dạy lìa tham sân si mới được giải thoát, còn người không tăng thượng mạn thì Phật nói tánh tham sân si là giải thoát rồi.

Ngài mới khen Thiên nữ hay quá, đã chứng đắc gì mà lý luận hay vậy. Thiên nữ trả lời, tôi không chứng không đắc, bởi không chứng không đắc nên mới biện luận được như vậy. Tại sao? Vì trong Phật pháp nếu còn thấy có chứng có đắc là người tăng thượng mạn. Tăng thượng mạn là người mà Phật nói lìa tham sân si mới được giải thoát. Còn với người không tăng thượng mạn, không thấy đắc thấy chứng thì tham sân si đâu còn, mà nói lìa hay không lìa. Thấy có đắc có chứng là còn có ngã có pháp. Ngã pháp còn thì mới có lìa

có được. Ngã pháp không thì đâu còn gì để lìa, để được. Qua lý luận của Thiên nữ, tôn giả Xá-lợi-phất phải chịu thua, nhưng ngài vẫn hỏi tiếp:

Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Thiên nữ, ngươi đối với tam thừa là chí cầu cái gì?

Thiên nữ đáp:

- Dùng pháp Thanh văn để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Thanh văn, dùng pháp Duyên giác để giáo hóa chúng sanh nên tôi làm Bích-chi Phật, dùng pháp đại bi để giáo hóa chúng sanh nên tôi là Đại thừa. Ngài Xá-lợi-phất! Như người vào trong rừng chiêm-bặc, chỉ ngửi được mùi hương chiêm-bặc, không ngửi các mùi hương khác. Như thế, nếu người nào vào thất này thì chỉ có nghe mùi hương công đức Phật, không thích nghe mùi hương công đức của Thanh văn, Bích-chi Phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất đặt câu hỏi, vậy trong tam thừa Thiên nữ cầu thừa nào? Thiên nữ nói, nếu người cầu pháp Thanh văn, tôi hiện Thanh văn để giáo hóa, người cầu pháp Đại thừa, tôi hiện Bồ-tát để giáo hóa, chứ không có cầu gì hết. Thiên nữ kết luận, ai vào được trong thất cư sĩ Duy-ma-cật, chỉ nghe mùi hương công đức Phật, chứ không nghe mùi hương Thanh văn, Bích-chi Phật hay Duyên giác.

Thất cư sĩ Duy-ma-cật trống không, không thị giả, chỉ có một giường nằm bệnh nói lên ý nghĩa gì?

Thất ở đây không phải là cái nhà bốn thước hoặc sáu thước vuông, mà là chỉ cho tâm thể của tất cả chúng sanh. Ai vào được tâm thể đó thì chỉ ngửi mùi hương Phật, không có những mùi hương khác. Ai vào được tâm thể đó thì tất cả điều chưa từng thấy sẽ được thấy, nên trong nhà thiền có câu: *Tâm địa nhược không, tuệ nhật tự chiếu*.

Ngài Xá-lợi-phất! Có những vị Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương, chư thiên, long thần, quỷ thần... vào trong thất này nghe thượng nhân đây thuyết giảng chánh pháp, đều ưa thích mùi hương công đức Phật, phát tâm rồi lui ra. Như vậy không riêng gì Thiên nữ mà tất cả ai đã vào được trong thất đó đều phát tâm cầu giải thoát. Cho nên càng thấy rõ hơn ý nghĩa thất này là chỉ cho tâm thể của mỗi người.

Ngài Xá-lợi-phất, tôi ở thất này mười hai năm. Ban đầu không nghe nói pháp Thanh văn, pháp Bích-chi Phật, chỉ nghe nói pháp Bồ-tát đại từ đại bi, pháp Bất khả tư nghì của chư Phật. Ngài Xá-lợi-phất, thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Những gì là tám?

Thất này thường dùng ánh sáng màu vàng chiếu soi ngày đêm không khác, không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ nhất. Ánh sáng màu vàng của thất này tự soi sáng cả ngày lẫn đêm, chứ không do mặt trời mặt trăng chiếu soi mới sáng. Vì mặt trời chỉ sáng ban ngày,

mặt trăng chỉ sáng ban đêm. Ánh sáng này là chỉ cho tâm thể sáng suốt, là tự tánh giác ngộ sẵn có của chính mình, chứ không phải do từ bên ngoài mà được.

Người vào thất này không bị các cấu nhiễm làm phiền não, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ hai.

Thất này thường có Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương và các vị Bồ-tát từ những phương khác đến tụ hội không dứt, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ ba.

Thất này thường nói sáu pháp ba-la-mật bất thối chuyển, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tư.

Thất này thường trổi nhạc bậc nhất của trời người, dây đàn phát ra vô lượng pháp âm, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ năm. Thất này phát ra thứ âm nhạc đệ nhất của cõi trời cõi người. Âm nhạc đó phát ra vô lượng thứ tiếng để giáo hóa chúng sanh. Người nghe được tiếng nhạc đó đều phát tâm tu hành.

Thất này có bốn kho lớn chứa đầy đồ quý báu, cứu giúp những người cùng khốn, cầu là được không bao giờ hết, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ sáu. Bốn kho báu lớn ở đây là chỉ cho thân tứ đại này. Khi chúng ta tỉnh giác rồi, tuy mang thân tứ đại mà dùng nó làm phương tiện để độ thoát chúng sanh. Vậy tứ đại này là bốn kho báu để cứu khổ, để đem lại lợi ích cho mọi loài; còn khi mê, thấy thân tứ đại này là thật rồi chấp ngã chấp nhân, nên sáu căn biến thành lục tặc, tất cả của báu mất. Vì vậy mà nói là bốn kho lớn.

Thất này đức Phật Thích-ca-mâu-ni, đức Phật A-di-đà, Phật A-súc, Phật Bảo Đức, Phật Bảo Diệm, Phật Bảo Nguyệt, Phật Bảo Nghiêm, Phật Nan Thắng, Phật Sư Tử Hưởng, Phật Nhất Thiết Lợi Thành... mười phương vô lượng chư Phật như thế, khi thượng nhân này nghĩ đến liền đều đến, rộng nói các pháp tạng bí yếu của chư Phật, thuyết xong rồi trở về, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ bảy.

Thất này tất cả cung điện trang nghiêm của chư thiên, cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, ấy là pháp chưa từng có khó được thứ tám.

Ngài Xá-lợi-phất! Thất này thường hiện tám pháp chưa từng có khó được. Ai đã thấy được việc bất tư nghì này mà lại còn ưa pháp Thanh văn ư?

Ở trong thất này, khi nào thượng nhân, tức cư sĩ Duy-ma-cật, vừa nghĩ đến chư Phật thì các ngài liền hiện, nói các pháp bí yếu. Ý muốn nói, người sống với tâm chân thật thì Phật tánh hiện tiền, nên cảm ứng đến chư Phật và nghe được chánh pháp. Thất này cung điện của chư thiên và cõi tịnh độ của chư Phật đều hiện trong đó, cho thấy người vào được thất này, tâm đã thanh tịnh thì phước báo và công đức tròn đầy. Như vậy tám pháp chưa từng có khó được thường hiện trong thất này, nếu ai thấy, ai nhận được việc bất khả tư nghì đó thì không còn trở lại ưa pháp Thanh văn.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi vì sao mà không chuyển thân nữ?

Thiên nữ đáp:

- Tôi từ mười hai năm nay, tìm tướng thân nữ trọn không thể được, làm sao mà chuyển! Ví như có một huyễn sư hóa làm người nữ huyễn, nếu có người hỏi: "Vì sao không chuyển thân nữ?", người ấy hỏi là đúng chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không vậy, tướng huyễn không nhất định, làm sao mà chuyển?

Tôn giả Xá-lợi-phất thọ pháp Thanh văn nên thấy thân nữ nhiều nghiệp chướng, không thể thành Phật. Vì vậy nghe Thiên nữ lý luận quá hay, ngài hỏi sao không chuyển nữ thành nam để thành Phật. Thiên nữ nói, tôi ở thất này mười hai năm tìm tướng nữ không ra. Mười hai năm là chỉ cho sáu căn sáu trần, tức thập nhị nhập. Sáu căn, sáu trần là tướng duyên hợp hư dối không thật, làm sao có tướng nữ tướng nam. Cho nên Thiên nữ dùng thí dụ, nếu có người hóa ra người nữ, rồi hỏi người nữ hóa đó sao không chuyển thành nam, câu hỏi hợp lý không? Tôn giả Xá-lợi-phất nói không hợp lý, vì đã là người hóa còn chuyển làm gì.

Quan niệm của người tu theo Nhị thừa, cho rằng thân nữ là thân nghiệp chướng, muốn thành Phật phải chuyển thành thân nam. Quan niệm của Đại thừa Bồ-tát thấy thân tướng là huyễn hóa, nên dù nữ hay nam đều là tướng huyễn hóa. Về thể tánh thì bình đẳng không phân biệt nam nữ, nên sống với thể tánh đó

thì được vào thất cư sĩ Duy-ma-cật, đâu cần chuyển đổi thân tướng bên ngoài.

Thiên nữ đáp:

- Tất cả pháp cũng lại như thế, không có tướng nhất định, vì sao lại hỏi chẳng chuyển thân nữ?

Liền khi đó Thiên nữ dùng sức thần thông biến Xá-lợi-phất thành thiên nữ, Thiên nữ tự hóa thân thành Xá-lợi-phất, và hỏi rằng:

- Vì sao không chuyển thân nữ?

Ngài Xá-lợi-phất mang hình tướng thân nữ mà đáp rằng:

- Nay tôi không biết vì sao lại chuyển biến làm thân nữ?

Thiên nữ thưa:

- Ngài Xá-lợi-phất! Nếu có thể chuyển được thân nữ này, thì tất cả người nữ cũng có thể chuyển được. Như ngài Xá-lợi-phất không phải nữ mà hiện thân nữ, tất cả người nữ cũng lại như thế, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Thiên nữ dùng thần lực biến tôn giả Xá-lợi-phất thành Thiên nữ, rồi tự biến mình thành Xá-lợi-phất và hỏi sao ngài không chuyển đổi thân nữ? Tôn giả Xá-lợi-phất đáp, tôi không biết làm sao mà chuyển. Thiên nữ nói nếu ngài chuyển được thì tất cả người nữ

cũng có thể chuyển được. Tướng đó là giả tướng, đâu phải là nữ, tuy hiện thân nữ mà không phải nữ. Nữ nam là giả tướng bên ngoài, tánh giác không có nam nữ. Do chấp giả tướng bên ngoài là thật nên thấy cần chuyển. Thế nên Phật nói tất cả các pháp chẳng phải nam chẳng phải nữ.

Liền khi đó Thiên nữ thâu nhiếp thần lực lại, thân ngài Xá-lợi-phất trở lại như cũ. Thiên nữ hỏi ngài Xá-lợi-phất:

- Sắc tướng thân nữ nay ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất đáp:

- Sắc tướng thân nữ không có, cũng không phải không có.

Thiên nữ thưa:

- Tất cả các pháp cũng lại như thế, không có cũng không phải không có. Phàm không có không phải không có, đó là chỗ Phật nói.

Chúng ta thấy bóng trong gương, trăng đáy nước là có hay không có? Không phải là có thật, cũng không phải là không có. Thân nữ, thân nam cũng như thế, chỉ là giả tướng. Vì tất cả pháp như huyễn như hóa, nên không phải là không hẳn mà cũng không phải là có hẳn. Thế nên đức Phật nói, chấp có chấp không là chấp hai bên, là đoạn kiến, thường kiến.

Ngài Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ:

- Ngươi ở đây chết rồi sẽ sanh về đâu?

Thiên nữ đáp:

- Chỗ Phật hóa sanh, tôi cũng như kia mà sanh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Thiên nữ chết rồi sẽ sanh về đâu? Thiên nữ trả lời, Phật hóa sanh thế nào, tôi cũng như Phật mà sanh. Sự sanh như sự biến hóa. Phật hóa sanh thì có định chỗ không? Tùy duyên ứng hiện, chỗ nào chúng sanh cần độ, Phật thị hiện đến để hóa độ. Khi hóa ra chúng sanh đó, ngài không có thật sanh cũng không có thật tử. Tôi cũng hóa sanh giống như vậy.

Xá-lợi-phất nói: - Phật hóa sanh, không phải chết mới sanh.

Thiên nữ thưa:

- Chúng sanh cũng như vậy, không chết mà sanh vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Ngươi chừng nào sẽ được thành Phật?

Thiên nữ đáp:

- Như ngài Xá-lợi-phất trở lại làm phàm phu, tôi mới có thể thành Phật.

Xá-lợi-phất nói:

- Tôi làm phàm phu điều đó không thể có.

Thiên nữ thưa:

- Tôi được thành Phật cũng không thể có. Vì cớ sao? Bồ-đề là không có chỗ trụ, thế nên không có được.

Xá-lợi-phất hỏi:

- Nay chư Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đã được và sẽ được, nhiều như số cát sông Hằng, đều gọi là gì?

Thiên nữ đáp:

- Đều do số văn tự thế tục nên nói có ba đời, chứ không phải Bồ-đề có quá khứ vị lai hiện tại.

Thiên nữ nói, Bồ-đề không có chỗ trụ, bởi không chỗ trụ tức là không có được. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi vặn lại, nay chư Phật trong ba đời quá khứ hiện tại và vị lai sẽ thành Phật nhiều như số cát sông Hằng, thì những lời nói đó là không đúng sao? Sở dĩ nói Phật ba đời là tùy theo ngôn ngữ thế tục mà nói, chứ thật thể của Bồ-đề, chỗ giác ngộ viên mãn thì không có ba đời.

Thiên nữ hỏi:

- Xá-lợi-phất, ngài được đạo A-la-hán chăng?

Xá-lợi-phất đáp:

- Vì không có chỗ được mà được.

Thiên nữ thưa:

- Chư Phật Bồ-tát cũng lại như thế, vì không chỗ được mà được.

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Thiên nữ này đã từng cúng dường chín mươi hai ức chư Phật, đã có thể dùng thần thông của Bồ-tát

mà dạo chơi, sở nguyện đều được đầy đủ, được vô sanh nhẫn, trụ bất thối chuyển. Vì do bản nguyện, tùy ý thị hiện giáo hóa chúng sanh.

Tôn giả Xá-lợi-phất trả lời, vì tôi không có sở đắc nên mới được đạo A-la-hán. Phần này chỉ cho chúng ta biết, từ quả A-la-hán trong hàng Thanh văn đến quả của Bồ-tát, quả của chư Phật, nếu còn thấy có sở đắc tức là không phải đắc, chính khi không sở đắc mới gọi là sở đắc. Kinh Bát-nhã rất phù hợp với đoạn kinh này.

Kinh Duy-ma-cật chỉ cho chúng ta biết tất cả vọng chấp là giả dối, nếu cho là thật tức là gốc điên đảo. Gốc điên đảo còn thì khó trừ vọng tưởng. Vọng tưởng không trừ được thì ái kiến hay tâm bệnh tham ái không hết, do đó dòng sanh tử vẫn tiếp nối. Thế nên muốn dứt trừ vọng chấp, phải quán chúng sanh như huyễn như hóa. Ai đang học làm Bồ-tát phải quán như vậy mới đúng tinh thần Bồ-tát.

VIII- PHẨM PHẬT ĐẠO

Phẩm trên quán chúng sanh như huyễn hóa rồi, bây giờ muốn tiến lên Phật đạo chúng ta phải tu như thế nào? Chữ Đạo ở đây không có nghĩa là đường, mà chỉ cho công đức viên mãn thành Phật, hay còn gọi là Phật quả.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát làm sao thông đạt được Phật đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp: - Nếu Bồ-tát hành phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo.

Ngài Văn-thù lại hỏi: - Thế nào Bồ-tát hành phi đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành ngũ vô gián mà không có não, nhuế; đến nơi địa ngục, không có tội cấu;

đến chỗ súc sanh, không có các lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà đầy đủ công đức; hành ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới mà không cho là hơn. Thị hiện hành tham dục, lìa các nhiễm trước; thị hiện hành nóng giận, đối với chúng sanh mà không bị giận ghét làm ngại; thị hiện hành ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm kia. Thị hiện hành xan tham mà xả hết của cải trong ngoài, không tiếc thân mạng; thị hiện hành phá hủy giới cấm mà an trụ tịnh giới, cho đến một tội nhỏ cũng ôm lòng rất sợ; thị hiện hành sân nhuế mà thường từ bi nhẫn nhục; thị hiện hành lười biếng mà thường siêng tu công đức; thị hiện hành loạn ý mà thường niệm định; thị hiện hành ngu si mà thông đạt trí tuệ của thế gian và xuất thế gian; thị hiện hành dua dối mà khéo phương tiện theo các nghĩa kinh; thị hiện hành kiêu mạn mà đối với chúng sanh vẫn như cầu bè; thị hiện hành các thứ phiền não mà tâm thường thanh tịnh; thị hiện vào chỗ chúng ma mà thuận với trí tuệ Phật, không theo sự giáo hóa của ma; thị hiện vào hàng Thanh văn mà vì chúng sanh nói pháp chưa từng nghe; thị hiện vào Bích-chi Phật mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sanh; thị hiện vào chỗ bần cùng mà có bàn tay báu vô tận công đức; thị hiện vào hàng tật nguyền mà đầy đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm; thị hiện vào hàng hạ tiện mà sanh trong dòng họ Phật, được đầy đủ các công đức; thị hiện thân gầy ốm xấu xí mà được thân bền chắc, tất cả chúng sanh đều ưa nhìn;

thị hiện già bệnh mà hằng đoạn gốc bệnh, vượt qua nỗi sợ chết; thị hiện có của cải mà hằng quán vô thường, thật không có lòng tham; thị hiện có thê thiếp mà thường xa lìa vũng bùn ngũ dục; thị hiện làm kẻ chậm lụt ngu độn mà thành tựu biện tài, ghi nhớ không sót; thị hiện trong nhóm tà đạo mà dùng chánh đạo để độ chúng sanh; thị hiện khắp trong các đường mà đoạn những nhân duyên kia; thị hiện nơi Niết-bàn mà không đoạn sanh tử. Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát hay hành phi đạo như thế, ấy là thông đạt Phật đạo.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù:

- Những gì là hạt giống Như Lai?

Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Có thân là có hạt giống Phật, vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, bốn thứ điên đảo là hạt giống Phật, ngũ cái là hạt giống Phật, lục nhập là hạt giống Phật, thất thức xứ là hạt giống Phật, bát tà pháp là hạt giống Phật, cửu não xứ là hạt giống Phật, thập bất thiện đạo là hạt giống Phật. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

- Vì sao?

- Nếu thấy vô vi nhập chánh vị thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí dụ ở chỗ gò đất cao không thể mọc hoa sen, ở chỗ đất thấp ẩm ướt bùn sình hoa sen mới sanh.

Như thế thấy pháp vô vi nhập được chánh vị, trọn chẳng lại hay sanh Phật pháp, ở trong bùn phiền não mới có những chúng sanh khởi tâm cầu Phật pháp vậy. Lại như gieo hạt giống trong hư không trọn không sanh được, nơi đất phân xốp mới có thể nảy mầm tốt tươi. Như thế những vị vào vô vi chánh vị không sanh Phật pháp; người khởi ngã kiến như núi Tu-di vẫn có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh Phật pháp vậy. Thế nên phải biết, tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Thí dụ không vào biển cả không thể được bảo châu vô giá. Như thế không vào biển lớn phiền não thì không thể được ngọc báu nhất thiết trí.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp tán thán:

- Lành thay, lành thay! Ngài Văn-thù-sư-lợi khéo nói lời này. Thật như lời của ngài nói, những người ở trong trần lao là hạt giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không thể kham nhận phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhẫn đến những tội trong ngũ Vô gián vẫn hay phát ý sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi ngày nay hằng không có thể phát tâm. Ví như người các căn bị hư hoại thì đối với ngũ dục họ không thể được lợi ích. Như thế Thanh văn các kiết sử đã đoạn, đối trong Phật pháp không được lợi ích, hằng không có chí nguyện. Thế nên, ngài Văn-thù-sư-lợi! Phàm phu đối với Phật pháp còn có phản phục, mà hàng Thanh văn thì không vậy. Vì cớ sao? Phàm phu nghe Phật pháp

có thể khởi tâm vô thượng đạo, không đoạn Tam bảo. Chính như hàng Thanh văn trọn đời nghe Phật pháp, nào là thập lực, tứ vô sở úy... hằng không thể phát ý vô thượng đạo.

Khi ấy trong hội có Bồ-tát tên là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi ông Duy-ma-cật:

- Cư sĩ! Cha mẹ vợ con, thân thích quyến thuộc, tôi tớ tri thức... thảy đều là ai? Tớ gái tôi trai, xe voi xe ngựa đều ở đâu?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật dùng kệ đáp:

Trí độ: mẹ Bồ-tát,
Phương tiện ấy là cha,
Đạo sư: tất cả chúng,
Đều do đây sanh ra.
Pháp hỷ ấy là vợ,
Tâm từ là con gái,
Tâm thành thật là trai,
Cứu cánh không tịch: nhà.
Đệ tử: các trần lao
Tùy ý mà xoay chuyển,
Đạo phẩm: thiện tri thức
Do đây thành Chánh giác.
Các pháp độ: bạn bè,
Tứ nhiếp là kỹ nữ,

Ca ngâm tụng lời pháp
Lấy đó làm âm nhạc.
Tổng trì là vườn đẹp,
Cây rừng: pháp vô lậu,
Giác ý: hoa tịnh diệu,
Quả: giải thoát trí tuệ.
Bát giải thoát: ao hồ,
Nước định lặng trong đầy,
Dùng bảy tịnh hoa rải,
Để tắm người không nhơ.
Voi ngựa chạy: ngũ thông,
Đại thừa dùng làm xe,
Điều ngự dùng nhất tâm,
Dạo chơi đường bát chánh.
Tướng đủ trang nghiêm thân,
Các đẹp trau dáng kia,
Hổ thẹn làm thượng phục,
Thâm tâm làm tràng hoa.
Giàu có bảy của báu,
Dạy bảo để thêm lợi,
Như lời nói tu hành,
Hồi hướng làm lợi lớn.
Tứ thiền làm sàng tòa,
Từ nơi tịnh mạng sanh,

Đa văn tăng trí tuệ,
Dùng làm tiếng tự giác.
Thức ăn: pháp cam lồ,
Nước uống: vị giải thoát,
Tắm gội: dùng tịnh tâm,
Hương xoa là giới phẩm.
Dẹp bỏ giặc phiền não,
Mạnh mẽ không thể qua,
Hàng phục bốn thứ ma,
Cờ thắng dựng đạo tràng.
Tuy biết không khởi diệt,
Chỉ (bày) kia nên có sanh,
Khắp hiện các cõi nước,
Như mặt trời đều thấy.
Cúng dường khắp mười phương,
Vô lượng ức Như Lai,
Chư Phật và thân mình,
Không có tưởng phân biệt.
Tuy biết cõi chư Phật,
Cùng chúng sanh đều không,
Mà thường tu tịnh độ,
Để giáo hóa quần sanh.
Loài chúng sanh các cõi,
Hình tiếng và oai nghi,

Sức vô úy Bồ-tát
Đồng thời hay hiện khắp.
Rõ biết các việc ma
Mà hiện theo hạnh kia,
Khéo dùng trí phương tiện
Tùy ý đều hay hiện.
Hoặc hiện già bệnh chết
Thành tựu cho chúng sanh
Rõ biết như huyễn hóa
Thông đạt không chướng ngại.
Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu
Trời đất đều cháy rực,
Những người có tưởng thường,
Soi khiến biết vô thường.
Vô số ức chúng sanh
Đều đến thỉnh Bồ-tát
Đồng thời đến nhà kia
Dạy khiến hướng Phật đạo.
Kinh sách, cấm chú thuật,
Các nghề nghiệp khéo léo,
Đều hiện làm việc này
Lợi ích cho quần sanh.
Các đạo pháp thế gian
Thảy trong đó xuất gia,

Nhân đây giải mê người
Mà không rơi tà kiến.
Hoặc làm Nhật, Nguyệt thiên,
Phạm vương, chủ thế giới,
Hoặc khi làm đất, nước,
Hoặc lại làm gió, lửa.
Trong kiếp có bệnh dịch
Hiện làm các thảo dược,
Nếu có người uống đó (thuốc)
Trừ bệnh tiêu các độc.
Trong kiếp có nạn đói
Hiện thân làm ẩm thực,
Trước cứu người đói khát
Sau dùng pháp dạy người.
Trong kiếp có đao binh
Vì họ khởi từ bi
Giáo hóa chúng sanh kia
Khiến trụ chỗ vô tránh.
Nếu có chiến trận lớn,
Lập sức ngang bằng họ,
Bồ-tát hiện oai thế
Hàng phục khiến an hòa.
Trong tất cả cõi nước
Chỗ nào có địa ngục

Liền đi đến nơi ấy
Gắng cứu người khổ não.
Trong tất cả cõi nước
Súc sanh ăn lẫn nhau
Đều hiện sanh nơi kia
Vì đó làm lợi ích.
Thị hiện thọ ngũ dục
Cũng lại hiện hành thiền
Khiến tâm ma rối loạn
Không thể được cơ hội.
Trong lửa sanh hoa sen
Thật đáng gọi hy hữu,
Cõi Dục mà hành thiền
Hy hữu cũng như thế.
Hoặc hiện làm dâm nữ
Dẫn dắt kẻ háo sắc,
Trước dùng dục câu dắt
Sau khiến vào trí Phật.
Hoặc làm chủ trong ấp,
Người dẫn đường buôn bán,
Quốc sư và đại thần,
Để giúp ích chúng sanh.
Tất cả người nghèo khổ,
Hiện làm kho vô tận,

Nhân đó khuyến dạy họ
Khiến phát tâm Bồ-đề.
Kẻ kiêu căng ngã mạn,
Hiện làm đại lực sĩ,
Tiêu phục các cống cao
Khiến trụ đạo Vô thượng.
Có chúng sanh sợ sệt,
Ở trước họ an ủi,
Trước bố thí vô úy
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên nhân ngũ thông
Khuyên bảo các quần sanh
Khiến trụ giới nhẫn từ.
Thấy người cần hầu hạ
Hiện làm những tôi tớ
Đã vui ý người kia
Mới phát khởi đạo tâm.
Tùy người kia cần gì
Được vào trong Phật đạo,
Khéo dùng sức phương tiện
Đều hay cấp đầy đủ.
Vô lượng đạo như thế
Việc làm không bờ mé,

Trí tuệ không giới hạn,
Độ thoát vô số chúng.
Giả như tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp
Tán thán công đức kia
Vẫn còn không thể hết.
Ai nghe pháp như thế
Không phát tâm Bồ-đề!
Trừ kẻ bất tiếu kia,
Kẻ ngu tối không trí.

Giảng:

Khi ấy ngài Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Bồ-tát làm sao thông đạt được Phật đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành phi đạo, ấy là thông đạt Phật đạo.

Thường chúng ta nghĩ, muốn viên mãn Phật đạo là phải làm những điều hay điều tốt, điều chân chánh, phải bồi công lập đức đầy đủ. Còn phi đạo là những điều trái với đạo lý, không thích hợp với chánh pháp. Nhưng tại sao ở đây lại bảo phải hành phi đạo mới thông đạt Phật đạo? Nghe qua câu nói này chúng ta rất ngạc nhiên. Trong mười mục chăn trâu của nhà thiền, khi tiến tới mục thứ chín, gọi là chim bay về tổ, lá rụng về cội, nước chảy về nguồn, theo danh từ chuyên môn là *nhập Phật giới*. Đến đây vẫn chưa viên mãn công đức,

mà phải tiến lên mục thứ mười *thõng tay vào chợ*, là hình ảnh một ông thầy ăn mặc xốc xếch, tay ôm bầu rượu tay xách cá chép đi vào phố thị. Đó là vị thiền sư đã thông đạt Phật đạo mới có thể làm như thế để tùy duyên hóa độ chúng sanh.

Hiểu được điều này chúng ta mới thấy, trên đường tu khi còn yếu, còn nhiều tập khí phiền não thì phải học những điều hay điều tốt, để gạn lọc thân tâm, lần lần mới được trong sạch và tốt đẹp. Khi tâm đã hoàn toàn thanh tịnh như mục thứ chín thể nhập pháp thân, như vậy vẫn chưa viên mãn. Muốn viên mãn công đức độ sanh, phải bước vào ma giới, tức là đi vào đường ma hành phi đạo, làm những điều mà bình thường không dám làm. Việc làm này khác hơn những kẻ phàm phu ở chỗ nào?

Người tu nếu an trú nơi tâm trong sáng thanh tịnh thì lòng đại bi không phát khởi. Bởi muốn thành Phật phải có tâm đại bi, thương tất cả chúng sanh đang mê lầm đắm chìm trong biển khổ gây tạo biết bao điều tội lỗi. Muốn độ những chúng sanh khó độ, vô minh sâu dày, Bồ-tát phải thị hiện làm những con người xấu xa tội lỗi để gần gũi mà chuyển hóa họ. Nhưng khi làm những việc đó, tâm Bồ-tát vẫn thanh tịnh, không bị nhiễm ô như những chúng sanh kia. Hình ảnh này nhà thiền gọi là đầu tro mặt đất, tức là làm cho mình lem luốc để đi vào chỗ lem luốc giáo hóa chúng sanh, chứ không phải vì mê muội mà lăn lộn trong những chỗ xấu xa đó. Ấy là Bồ-tát hành phi đạo. Hiểu được ý này,

chúng ta mới hiểu được toàn phẩm. Như vậy việc làm phi đạo chính là việc làm của lòng đại từ đại bi, làm những việc trái đạo lý để viên mãn công đức, độ khắp chúng sanh. Đó gọi là thông đạt Phật đạo.

Ngài Văn-thù lại hỏi:

- Thế nào Bồ-tát hành phi đạo?

Ông Duy-ma-cật đáp:

- Nếu Bồ-tát hành ngũ vô gián mà không có não nhuế; đến nơi địa ngục, không có tội cấu; đến chỗ súc sanh, không có các lỗi vô minh kiêu mạn; đến trong ngạ quỷ mà đầy đủ công đức.

Bồ-tát hành phi đạo nghĩa là Bồ-tát có khi làm tội ngũ nghịch Vô gián, tức là tội phải đọa vào địa ngục ngũ Vô gián. Tội ngũ nghịch đó là giết cha, giết mẹ, phá hòa hợp tăng, giết A-la-hán, làm thân Phật ra máu.

Trong thiền sử có thiền sư Đơn Hà đem tượng Phật thiêu, có phải làm thân Phật ra máu không? Tượng Phật thờ trên bàn mà dám đem ra thiêu đốt, đó là việc làm phi đạo lý. Ngài làm như thế với mục đích gì? Vì muốn phá chấp cho ông viện chủ được giác ngộ mà đốt tượng Phật. Đốt tượng Phật không phải do phiền não sân nhuế mà vì tâm lợi tha. Như vậy mới thấy việc làm của các ngài là điều mà một phàm tăng không bao giờ dám làm. Chúng ta phải có trí tuệ sáng suốt, nhận định chín chắn mới khỏi bị lầm lẫn, cũng một việc làm mà tâm Bồ-tát và tâm phàm phu hoàn toàn khác nhau. Đốt tượng Phật với tâm sân giận là tội đọa vào địa ngục Vô gián;

còn nếu vì mục đích giúp người, đó là tâm lợi tha, thấy như phi đạo mà là hành Phật đạo, nên nói đến trong địa ngục mà không có tội cấu. Như Bồ-tát Địa Tạng vào địa ngục, do nguyện độ chúng sanh mà đến.

Các ngài đến trong súc sanh mà không có những lỗi vô minh kiêu mạn... Thường nói đọa làm súc sanh là do những tội nghiệp từ ngu si, tức do vô minh hoặc kiêu mạn... mà ra. Các ngài hiện thân làm súc sanh vì tâm nguyện muốn độ các loài súc sanh, như trong kinh Bản Sanh đức Phật kể lại, trong tiền kiếp ngài đã từng sanh trong các loài thú nhưng không phải nghiệp mà vì muốn độ các chúng sanh đó. Có khi ngài đến trong ngạ quỷ mà công đức vẫn đầy đủ, chẳng phải do lòng xan tham bỏn sẻn mà phải đọa làm kiếp ngạ quỷ.

Hành ở cõi Sắc giới, Vô sắc giới mà không cho là hơn. Như địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh là những cõi khổ, mà các ngài cũng đến để giáo hóa chứ không phải do nghiệp dẫn. Chữ hành tức là tu. Bồ-tát tu trải qua các tầng thiền Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền cho đến Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ... được sanh vào các cõi trời Sắc và Vô sắc giới, nhưng các ngài đến đó để giáo hóa chư thiên chứ không vì cho nơi đó là thù thắng. Còn chúng sanh mê muội, ham mê ngũ dục, thích hưởng mọi điều sung sướng tốt đẹp nên cho các cõi trời đó là thù thắng, là hơn hết. Đó là điểm khác nhau giữa Bồ-tát và chúng sanh.

Thị hiện hành tham dục, lìa các nhiễm trước; thị hiện hành nóng giận, đối với chúng sanh mà không bị

giận ghét làm ngại; thị hiện hành ngu si mà dùng trí tuệ điều phục tâm kia.

Bồ-tát thị hiện hạnh tham dục nhưng không bị đắm nhiễm trong tham dục, thị hiện hạnh nóng giận nhưng không làm chướng ngại chúng sanh. Như thầy giáo rầy la quở phạt học trò vì trò không thuộc bài. Do sợ bị phạt nên trò gắng học, về sau đỗ đạt thành người hữu dụng cho xã hội. Như vậy sự sân giận của thầy đâu làm chướng ngại đứa học trò, mà làm lợi ích cho sự tiến bộ của nó.

Cũng như trong thiền sử có câu chuyện giữa thiền sư Từ Minh và ngài Huệ Nam. Ngài Huệ Nam mỗi khi vào thất thưa hỏi đạo lý đều bị thiền sư Từ Minh mắng chửi đuổi ra. Một hôm chịu hết nổi, Huệ Nam mới nói:

- Vì chưa hiểu nên thưa hỏi, mắng chửi đâu phải quy củ từ bi thí pháp!

Từ Minh cười nói:

- Ông cho đó là mắng chửi sao?

Ngay đó Huệ Nam đại ngộ.

Ngộ rồi mới hiểu được lòng từ bi của thầy. Như vậy Bồ-tát hành nóng giận không phải do tâm sân giận ghét bỏ. Hành ngu si mà dùng trí tuệ để điều phục người. Người thế gian do chấp ngã nên đâu ai chịu mình ngu dốt, vì sợ bị người khinh thường, luôn muốn chứng tỏ ta thông minh hơn người. Còn Bồ-tát thông đạt Phật đạo nhưng khéo dùng phương tiện hạ thấp mình để độ người. Như có người khôn ngoan lanh lợi, nếu mình tỏ ra

khôn hơn thì người không thích, không thể gần gũi họ được. Nên phải giả như ngu khờ để chơi thân với họ, mới có thể dùng trí tuệ của mình điều phục tâm kiêu mạn kẻ kia, chứ không phải ngu khờ thật.

Thị hiện hành xan tham mà xả hết của cải trong ngoài, không tiếc thân mạng. Bồ-tát lúc nào cũng sẵn sàng hy sinh cả của cải thân mạng, nhưng bên ngoài mới nhìn dường như là tham lam bỏn sẻn. Chẳng hạn trước kia khi còn đi dạy học, mỗi tháng lãnh thù lao được vài chục ngàn, tôi đều nhận chứ không cúng lại trường. Hoặc ai cúng vải xấu tốt, tôi cũng đều nhận. Hoặc có những người xin ăn, tôi cũng ít khi cho họ tiền. Nhiều huynh đệ trong chúng thấy người ăn xin đều cho, hoặc khi có được quần áo mới, ai cần cứ đem cho. Thấy như tôi bỏn sẻn, nhưng vì trách nhiệm lo cho chúng tăng an ổn tu học, nên tôi phải tiết kiệm từng ly từng tí. Chỉ vài thí dụ nhỏ cho thấy, mới nhìn dường như người nhỏ rộng rãi hơn người lớn. Nói như thế, chứ không phải tôi dám bì với các vị Bồ-tát.

Thị hiện hành phá hủy giới cấm mà an trụ tịnh giới, cho đến một tội nhỏ cũng ôm lòng rất sợ. Bồ-tát cũng sợ tội, nhưng vì lợi ích chúng sanh nên nhiều khi các ngài phải làm những việc trái với đạo lý, nghĩa là thị hiện phạm giới cấm.

Thí dụ những năm về trước, tôi chủ trương phải làm ruộng mới có cơm ăn. Mấy cô trong Viên Chiếu làm ruộng xịt thuốc, sâu chết nhiều quá. Nhiều huynh đệ đến khóc than, làm như vậy chắc đời sau sẽ bị đọa địa ngục.

Tôi phải gan dạ nói rằng: "Tất cả tội đó Thầy chịu. Nếu có đọa địa ngục Thầy phải đọa trước, vì Thầy bảo làm." Ở đây cũng vậy, những việc tôi bảo làm, mấy chú mấy cô làm, tôi phải chấp nhận chịu tội. Tội đó là tội lớn. Nhiều khi chỉ một việc nhỏ mà tôi còn sợ tôi tránh, còn tội lớn đọa địa ngục tôi lại dám chịu. Tôi là phàm phu mà còn gan dạ như thế, huống nữa là Bồ-tát gần viên mãn công đức, có những điều tưởng như các ngài dở, nhưng thật ra không phải vậy.

Thị hiện hành sân nhuế mà thường từ bi nhẫn nhục; thị hiện hành lười biếng mà thường siêng tu công đức. Huynh đệ sống chung với nhau khi gặp việc bất như ý, nổi sân đùng đùng, có người hỏi sao huynh nổi sân quá vậy, thì nói tôi thị hiện sân để trị nó, chứ thật tôi đâu có nóng giận. Tôi từ bi lắm!... Tự cho là thị hiện sân mà không biết là thị hiện hay là đang bị lửa sân đốt. Điều này tự mình biết hơn ai hết. Nếu thật bị lửa sân đốt, đừng nói khoác lác mà phải mang tội. Hoặc khi lười biếng tu, có huynh đệ hỏi sao tối nay không tụng kinh, ngồi thiền? Huynh giải đãi quá vậy! Nói, tuy hình thức tôi giải đãi, nhưng lúc nào tâm cũng tinh tấn. Nếu được vậy thì tốt, đừng nên đánh lừa bạn bè, chưa được mà nói đã được. Nói dối là tội lớn, tội đại vọng ngữ, đọa địa ngục. Thế nên phải cẩn trọng.

Thị hiện hành loạn ý mà thường niệm định. Nghĩa là ý như lăng xăng tán loạn, nhưng trong tâm thường được niệm định.

Thị hiện hành ngu si mà thông đạt trí tuệ của thế gian và xuất thế gian; thị hiện hành dua dối mà khéo

phương tiện theo các nghĩa kinh. Như có Phật tử đã thọ năm giới và tu hạnh Bồ-tát. Khi đi dự tiệc, bạn bè mời rượu, nếu nói mình là Phật tử giữ giới không uống rượu thì sợ người dị nghị, nên phương tiện nói, tôi bị bệnh gan, bác sĩ cấm không cho uống rượu. Nói vậy là nói dối, không đúng lẽ thật, nhưng nhờ vậy mà giữ được giới đức. Đó là hợp với nghĩa kinh.

Thị hiện hành kiêu mạn mà đối với chúng sanh vẫn như cầu bè. Bên ngoài hiện tướng thấy như kiêu mạn, nhưng thật tâm đối với chúng sanh sẵn sàng làm cầu bè để họ giẫm đạp đi qua. Thí dụ thiền sư Lại Dung chuyên cần lo tu, quên hết việc bên ngoài nên lễ phép kém đi, thấy chư tăng mà không xá chào. Người khác cho là ngã mạn lười biếng, đâu ngờ chính ngài là người trải mình để lo cho chúng. Nên nói thị hiện như ngã mạn nhưng làm cầu bè cho người đi qua.

Thị hiện hành các thứ phiền não mà tâm thường thanh tịnh. Chúng ta chưa được như các ngài, thế mà có người đang bị phiền não, được huynh đệ nhắc sao huynh phiền não quá vậy, lại nói, bên ngoài tôi phiền não nhưng trong tâm tôi thanh tịnh!... Đó là đại vọng ngữ, phải nên dè dặt.

Thị hiện vào chỗ chúng ma mà thuận với trí tuệ Phật, không theo sự giáo hóa của ma; thị hiện vào hàng Thanh văn mà vì chúng sanh nói pháp chưa từng nghe. Như tổ Ca-diếp, tuy thị hiện trong hàng Thanh văn nhưng khi nghe pháp công đức của Bồ-tát, của Phật, ngài lại là người nhận được trước hơn ai hết và than rằng

đâu thể chấp nhận làm Thanh văn mãi. Đó là thị hiện trong Thanh văn mà nói pháp chưa được nghe.

Thị hiện vào Bích-chi Phật mà thành tựu đại bi giáo hóa chúng sanh. Bích-chi Phật gọi là Độc giác, các ngài ở riêng trong rừng sâu, tự tu tự độ. Còn những vị Bồ-tát thị hiện như Bích-chi Phật, cũng ở nơi vắng vẻ rừng sâu, nhưng vẫn phát tâm đại bi giáo hóa chúng sanh.

Thị hiện vào chỗ bần cùng mà có bàn tay báu vô tận công đức; thị hiện vào hàng tật nguyền mà đầy đủ các tướng hảo để tự trang nghiêm. Tuy thấy thân tật nguyền nhưng luôn dùng những tướng tốt để trang nghiêm. Tướng tốt đây có nghĩa là làm những điều lành, điều tốt.

Thị hiện vào hàng hạ tiện mà sanh trong dòng họ Phật, được đầy đủ các công đức. Hạ tiện tức là dòng dõi thấp kém. Tuy sanh trong dòng hạ tiện nhưng có hạt giống Phật, nên có đầy đủ các công đức.

Thị hiện thân gầy ốm xấu xí mà được thân bền chắc, tất cả chúng sanh đều ưa nhìn. Tuy thân gầy yếu xấu xa nhưng lại là thân kim cương, chúng sanh nhìn mãi không chán.

Thị hiện già bệnh mà hằng đoạn gốc bệnh, vượt qua nỗi sợ chết, thị hiện có của cải mà hằng quán vô thường, thật không có lòng tham, thị hiện có thê thiếp mà thường xa lìa vũng bùn ngũ dục, thị hiện làm kẻ chậm lụt ngu độn mà thành tựu biện tài, ghi nhớ không sót, thị hiện trong nhóm tà đạo mà dùng chánh đạo

để độ chúng sanh, thị hiện khắp trong các đường mà đoạn những nhân duyên kia. Các đường gồm ngũ thú hay lục đạo các ngài đều trải qua nhưng không còn bị các nhân duyên của lục đạo ngũ thú trói buộc.

Thị hiện nơi Niết-bàn mà không đoạn sanh tử. Tuy các ngài nhập Niết-bàn nhưng vẫn lăn xả trong sanh tử để giáo hóa chúng sanh.

Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát hay hành phi đạo như thế, ấy là thông đạt Phật đạo. Bồ-tát làm các điều trái lẽ thật, trái đạo đức, mà tâm vẫn không trái. Những vị đó hành phi đạo sẽ viên mãn Phật đạo.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù:

- Những gì là hạt giống Như Lai?

Ngài Văn-thù-sư-lợi đáp:

- Có thân là có hạt giống Phật, vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, bốn thứ điên đảo là hạt giống Phật, ngũ cái là hạt giống Phật, lục nhập là hạt giống Phật, thất thức xứ là hạt giống Phật, bát tà pháp là hạt giống Phật, cửu não xứ là hạt giống Phật, thập bất thiện đạo là hạt giống Phật. Nói tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não đều là hạt giống Phật.

Hỏi những gì là hạt giống Phật, lẽ ra phải nói Bồ-đề là hạt giống Phật; tại sao nói vô minh hữu ái là hạt giống Phật, tham sân si là hạt giống Phật, điên đảo là hạt giống Phật...? Những điều này mới nghe

thật khó hiểu. Nhưng đó là lẽ thật. Đây muốn chỉ, khi còn mê muội nếu được gặp duyên tốt duyên lành, có thể phát tâm Bồ-đề tu theo Phật đạo. Còn những vị tu chứng quả A-la-hán đã dứt sạch phiền não, hết mầm sanh tử, hoàn toàn thanh tịnh, an trụ Niết-bàn, nhưng vì các ngài không phát tâm cầu Phật đạo nên mất hạt giống Phật, chỉ là A-la-hán muôn đời, không bao giờ vượt ra được.

Thí dụ có người chống đối, chê bai hoặc không hiểu đạo Phật, khi được thiện hữu tri thức có đủ phước đức, biện tài giảng dạy, họ sẽ có niềm tin vững chắc. Còn người tu theo đạo Phật mà sai lạc, như luyện tập xuất hồn bay cõi này cõi kia, hoặc thích những điều khác lạ, dù đem giáo lý chân chánh ra giản trạch họ vẫn không theo. Những người đó cho rằng thầy không có những phép lạ, không biết bay như họ... rồi tự mãn nên không chuyển được. Như vậy những cái được đó là được của tà. Và có những người chưa hề biết gì đạo Phật, một phen thức tỉnh họ liền đi thẳng con đường đúng chánh pháp. Thế nên chúng ta không ngại người không hiểu đạo, mà chỉ ngại người hiểu sai lầm. Ở đây cư sĩ Duy-ma-cật hỏi ngài Văn-thù cốt để làm sáng tỏ ý này.

Đây giải thích những danh từ Phật học cho các vị chưa thông: Hữu ái là gì? Chữ hữu, ái đó trong mười hai nhân duyên. Ái rồi thủ. Duyên thủ có hữu.

Tứ điên đảo: Thân bất tịnh, tưởng lầm là tịnh. Thọ là khổ, tưởng lầm là vui. Tâm vô thường, tưởng lầm là thường. Pháp vô ngã, tưởng là có ngã. Đây là bốn thứ điên đảo.

Ngũ cái: tham dục, sân nhuế, trạo hối, thùy miên và si mê.

Thất thức xứ là bảy chỗ thức đến:

1. Ngũ thú tạp cư thức xứ là cõi năm loài ở lẫn lộn với nhau.

2. Ly sanh hỷ lạc thức xứ là ở cõi trời Sắc giới, người tu thiền định chứng được Sơ thiền sanh về cõi này.

3. Định sanh hỷ lạc thức xứ.

4. Ly hỷ diệu lạc thức xứ.

5. Không vô biên thức xứ.

6. Thức vô biên thức xứ.

7. Vô sở hữu thức xứ.

Đó là bảy chỗ thức đến. Trong Tứ thiền chỉ nói có Tam thiền, không nói đến Xả niệm thanh tịnh và Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Tám tà pháp: ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả, đoạn kiến, thường kiến, chấp hữu, chấp vô.

Cửu não xứ là chín chỗ phiền não: ái ngã quán tịnh, tắng ngã thân hữu, não ngã tự thân. Nói cho dễ hiểu: Ái ngã là yêu cái ta. Tắng ngã là ghét cái ta. Não ngã là làm não loạn cái ta. Ba thứ đó làm nhân cho ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai, gọi là chín não.

Thập bất thiện là ngược với thập thiện.

Tóm lại, sáu mươi hai kiến chấp và tất cả phiền não khi còn trong mê lầm, đều sẵn có hạt giống Phật. Nếu một phen thức tỉnh có thể phát tâm Bồ-đề.

- Vì sao?

- Nếu thấy vô vi nhập chánh vị thì không thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thí dụ ở chỗ gò đất cao không thể mọc hoa sen, ở chỗ đất thấp ẩm ướt bùn sình hoa sen mới sanh.

Vô vi nhập chánh vị tức là chứng A-la-hán nhập Niết-bàn. Thí dụ như hoa sen không thể mọc nơi gò đất cao, chỉ mọc ở chỗ bùn lầy thấp ướt. Chỗ gò cao dụ cho những vị tu chứng quả A-la-hán. Chỗ bùn lầy thấp ướt dụ cho người còn dẫy đầy phiền não, chính nơi đó hoa sen mới sanh.

Như thế thấy pháp vô vi nhập được chánh vị, trọn chẳng lại hay sanh Phật pháp, ở trong bùn phiền não mới có những chúng sanh khởi tâm cầu Phật pháp vậy. Lại như gieo hạt giống trong hư không, trọn không sanh được, nơi đất phân xốp mới có thể nảy mầm tốt tươi. Nếu gieo hạt giống trong hư không thì không thể nảy mầm. Gieo ở chỗ bùn lầy, đất phân tốt hạt giống sẽ phát triển xanh tươi. Cũng vậy, nếu các vị đã chứng quả A-la-hán, không thể phát tâm Bồ-đề. Những người còn trong phiền não mê muội, gặp duyên lành dễ phát khởi đại Bồ-đề tâm.

Như thế những vị vào vô vi chánh vị không sanh Phật pháp, người khởi ngã kiến như núi Tu-di vẫn

có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sanh Phật pháp vậy. Thế nên phải biết, tất cả phiền não là hạt giống Như Lai. Ở trong phiền não mà thức tỉnh liền sanh hạt giống Như Lai. Nếu không tỉnh, hạt giống Như Lai sẽ không phát khởi. Trong chỗ mê muội gây nghiệp, tạo tất cả khổ não, khi được người nhắc liền thức tỉnh có thể phát tâm Bồ-đề. Như vậy quan trọng là phải tỉnh mới được.

Thí dụ không vào biển cả không thể được bảo châu vô giá. Như thế không vào biển lớn phiền não thì không thể được ngọc báu nhất thiết trí.

Trên đây là ba hình ảnh thí dụ làm cho sáng tỏ các vấn đề. Thứ nhất là hình ảnh hoa sen chỉ mọc nơi bùn lầy. Thứ hai là hạt giống chỉ có thể xanh tươi ở đất bùn phân nhơ nhớp. Thứ ba là muốn tìm được của báu chỉ khi nào dám lặn xuống biển sâu. Chúng ta tuy sống trong phiền não nhưng nếu được thiện tri thức hướng dẫn có thể phát tâm Bồ-đề. Còn nếu ở trong cảnh tịch tịnh Niết-bàn của bậc A-la-hán thì tâm Bồ-đề không phát khởi.

A-la-hán chia làm hai bậc:

1. Độn căn A-la-hán là những bậc A-la-hán hài lòng tự mãn với quả vị Niết-bàn đã tu chứng.

2. Lợi căn A-la-hán là những bậc A-la-hán đến được Niết-bàn nhưng chưa tự mãn, chưa hài lòng ngay đó, mà khởi tâm cầu Phật đạo, nên gọi là phát tâm Bồ-đề.

Khi ấy ngài Đại Ca-diếp tán thán:

- Lành thay, lành thay! Ngài Văn-thù-sư-lợi khéo nói lời này. Thật như lời của ngài nói, những người ở trong trần lao là hạt giống của Như Lai. Chúng tôi ngày nay không thể kham nhận phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhẫn đến những tội trong ngũ Vô gián vẫn hay phát ý sanh nơi Phật pháp, mà chúng tôi ngày nay hằng không có thể phát tâm. Ví như người các căn bị hư hoại thì đối với ngũ dục họ không thể được lợi ích.

Đoạn này ngài Ca-diếp tán thán lời của ngài Văn-thù-sư-lợi thật đúng và dùng thí dụ để xác minh. Như người mắt mù, tai điếc, mũi hư, lưỡi bệnh... đối với ngũ dục họ không hưởng được. Cũng vậy, hàng Thanh văn mà không có lợi căn thì không thể nào phát tâm Bồ-đề được.

Như thế Thanh văn các kiết sử đã đoạn, đối trong Phật pháp không được lợi ích, hằng không có chí nguyện. Thanh văn đã đoạn hết kiết sử, dứt mầm sanh tử, hết duyên độ sanh, tâm hoàn toàn thanh tịnh giải thoát, nhưng không phát tâm cầu thành Phật. Vì muốn cầu thành Phật thì không thể an trụ Niết-bàn vô sanh mãi mãi, mà phải hành hạnh Bồ-tát, phải lăn xả trong sanh tử để hóa độ chúng sanh.

Thế nên ngài Văn-thù-sư-lợi! Phàm phu đối với Phật pháp còn có phản phục, mà hàng Thanh văn thì không vậy. Phản phục nghĩa là quay trở lại. Như vậy đối với Phật pháp, phàm phu có thể quay lại, còn hàng Thanh văn thì không thể.

Vì cớ sao? Phàm phu nghe Phật pháp có thể khởi tâm vô thượng đạo, không đoạn Tam bảo. Chính như hàng Thanh văn trọn đời nghe Phật pháp, nào là thập lực, tứ vô sở úy... hằng không thể phát ý vô thượng đạo. Hàng Thanh văn tuy được nghe công đức lớn của Phật, như là thập lực, tứ vô sở úy... cũng không thể phát ý vô thượng đạo. Bởi các ngài đã dứt sạch kiết sử, mầm sanh tử không còn, an trú Niết-bàn nên không phát ý. Chúng ta còn phiền não đầy dẫy, dù được nghe Phật pháp nhưng mãi bị lôi kéo trong tam giới nên phải ráng tu thực hành hạnh Bồ-tát, lâu dần dứt hết phiền não, lúc bấy giờ mới thị hiện các hạnh.

Khi ấy trong hội có Bồ-tát tên là Phổ Hiện Sắc Thân, hỏi ông Duy-ma-cật:

- Cư sĩ! Cha mẹ vợ con, thân thích quyến thuộc, tôi tớ tri thức... thảy đều là ai? Tớ gái tôi trai, xe voi xe ngựa đều ở đâu?

Đoạn này, Bồ-tát Phổ Hiện Sắc Thân muốn hỏi cư sĩ Duy-ma-cật hiện nay thân bằng quyến thuộc, sự nghiệp tài sản của ông có những ai, hiện đang ở đâu?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật dùng kệ đáp:

Trí độ: mẹ Bồ-tát,
Phương tiện ấy là cha,
Đạo sư: tất cả chúng,
Đều do đây sanh ra.

Bồ-tát dùng trí để độ thoát chúng sanh nên nói trí độ là mẹ, dùng mọi phương tiện để cứu giúp chúng sanh

nên nói phương tiện là cha. Kế ngài nói tất cả chúng sanh là thầy dẫn đường. Mới nghe qua dường như nói ngược, nhưng quả thật đúng như vậy. Bởi vì nếu không có chúng sanh, Bồ-tát đâu thể thực hành các hạnh đầy đủ để thành Phật. Do đó Bồ-tát nhờ chúng sanh mới đạt đến Phật quả, nên nói chúng sanh là thầy dẫn đường. Nếu chúng ta có được cái nhìn như các ngài thì người nào cũng đáng quý đáng kính, không còn thấy kẻ xấu người tốt, thế gian này trở thành thiên đường rồi. Thế nên người tu mà cứ thấy ai cũng là ma, rồi muốn một mình trốn lên non, vô núi ở để khỏi bị ma nhiễu loạn, đó là còn tâm niệm tiêu cực.

Pháp hỷ ấy là vợ,
Tâm từ là con gái,
Tâm thành thật là trai,
Cứu cánh không tịch: nhà.

Pháp hỷ là nghe pháp lãnh hội được sanh lòng vui mừng, nghĩa là vui trong Phật pháp, ở đây cư sĩ Duy-ma-cật ví pháp hỷ như là vợ.

Cứu cánh không tịch là thấy các pháp đều rỗng không, không có thật.

Đệ tử: các trần lao,
Tùy ý mà xoay chuyển.

Câu này giống như câu nói của thiền sư Triệu Châu: *Các ông bị mười hai giờ sai sử. Ta thì sai sử được mười hai giờ.* Trần lao tức phiền não, cư sĩ Duy-ma-cật nói,

chúng là đệ tử nên tùy ý ông xoay chuyển. Còn chúng ta thì ngược lại. Như lúc bình thường nét mặt luôn tươi tắn, dáng vẻ đạo mạo, hiền hòa, nhưng khi gặp điều bất như ý, không làm chủ được nên bị phiền não sai sử, hiện qua sắc mặt và lời nói. Bồ-tát do có đạo lực nên sử dụng mọi phiền não theo ý mình. Thí dụ muốn răn dạy kẻ ương ngạnh khó bảo, các ngài thị hiện tướng sân giận để chuyển hóa họ. Chúng ta chưa làm được như thế, còn bị phiền não trần lao sai sử nên làm đệ tử của chúng. Đó là điều đáng xấu hổ. Người tu cần phải suy nghiệm, phải ráng làm chủ, xoay chuyển được các trần lao theo ý của mình.

Đạo phẩm: thiện tri thức
Do đây thành Chánh giác.

Đạo phẩm tức bát chánh đạo. Bồ-tát không những thực hành pháp tu của mình, mà tất cả pháp của hàng Thanh văn Duyên giác, các ngài cũng tu, cũng ứng dụng được.

Các pháp độ: bạn bè,
Tứ nhiếp là kỹ nữ,
Ca ngâm tụng lời pháp
Lấy đó làm âm nhạc.

Pháp độ là chỉ cho lục độ. Nghe lời kinh tiếng kệ, lấy đó làm âm nhạc.

Tổng trì là vườn đẹp,
Cây rừng: pháp vô lậu,

Giác ý: hoa tịnh diệu,
Quả: giải thoát trí tuệ.

Tổng trì là nhớ hết, gồm hết. Giác ý là thất giác chi. Tịnh diệu là đẹp đẽ. Hoa quả trong vườn đủ hết.

Bát giải thoát: ao hồ,
Nước định lặng trong đầy,
Dùng bảy tịnh hoa rải,
Để tắm người không nhơ.
Voi ngựa chạy, ngũ thông,
Đại thừa dùng làm xe,
Điều ngự dùng nhất tâm,
Dạo chơi đường bát chánh.
Tướng đủ trang nghiêm thân,
Các đẹp trau dáng kia,
Hổ thẹn làm thượng phục,
Thâm tâm làm tràng hoa.

Tàm quý là hổ thẹn. Lấy hổ thẹn làm y phục đẹp. Thường trong nhà Phật nhắc nhở người tu phải có tâm hổ thẹn, mới có thể chuyển xấu thành tốt. Người không tâm hổ thẹn, nói theo từ thế gian là chai lỳ, khi có lầm lỗi được sự chỉ dạy không chịu sửa đổi, vẫn chứng nào tật nấy, như vô tâm vô sự thì không bao giờ tiến bộ. Còn người có lỗi, nghe lời khuyên bảo biết xấu hổ, cương quyết sửa cho bằng được, người đó như có y phục tốt đẹp che thân.

Giàu có bảy của báu,
Dạy bảo để thêm lợi,
Như lời nói tu hành,
Hồi hướng làm lợi lớn.

Dạy bảo để thêm lợi là chỉ dạy giúp người được lợi ích, hết khổ đau. Như lời nói tu hành là lời nói và việc làm luôn đi đôi, để hồi hướng cho chúng sanh đều được lợi lớn.

Tứ thiền làm sàng tòa,
Từ nơi tịnh mạng sanh,
Đa văn tăng trí tuệ,
Dùng làm tiếng tự giác.
Thức ăn: pháp cam lồ,
Nước uống: vị giải thoát.

Tịnh mạng tức là sanh chánh mạng. Mỗi khi ăn cơm chúng ta phải nhớ: dùng nước uống là nước giải thoát, thức ăn là vị cam lồ.

Tắm gội dùng tịnh tâm,
Hương xoa là giới phẩm.
Dẹp bỏ giặc phiền não,
Mạnh mẽ không thể qua.

Tắm gội để tẩy trừ cấu uế nơi tâm, dùng hương giới và hương định làm hương để xoa. Cần phải cương quyết mạnh mẽ tiêu diệt sạch giặc phiền não.

Hàng phục bốn thứ ma,
Cờ thắng dựng đạo tràng.

Chế ngự được bốn thứ ma: ma phiền não, ma ngũ ấm, tử ma, thiên ma, rồi mới dựng cờ chiến thắng lập đạo tràng.

Tuy biết không khởi diệt,
Chỉ (bày) kia nên có sanh,
Khắp hiện các cõi nước,
Như mặt trời, đều thấy.
Cúng dường khắp mười phương,
Vô lượng ức Như Lai,
Chư Phật và thân mình,
Không có tưởng phân biệt.

Thân Phật và thân mình thấy không hai không khác.

Tuy biết cõi chư Phật,
Cùng chúng sanh đều không,
Mà thường tu tịnh độ,
Để giáo hóa quần sanh.

Trong kinh Kim Cang nói phàm những gì có tướng đều là hư vọng, mà cõi Phật và cõi chúng sanh đều có tướng nên cũng hư dối không thật. Tuy biết hư dối nhưng vẫn tạo cõi tịnh độ. Ở đây tịnh độ là chỉ cho cõi nước đẹp đẽ để giáo hóa chúng sanh.

Loài chúng sanh các cõi,
Hình tiếng và oai nghi,

Sức vô úy Bồ-tát
Đồng thời hay hiện khắp.

Những loài chúng sanh trong các cõi nước, tùy hình tướng, âm thanh, oai nghi thế nào, Bồ-tát dùng sức vô úy, cùng một lúc có thể ứng hiện ra để cảm hóa họ.

Rõ biết các việc ma
Mà hiện theo hạnh kia.

Biết rõ việc nào là tà, là chánh, việc nào việc ma, việc nào việc Phật, tùy đó thị hiện để làm lợi ích cho họ.

Khéo dùng trí phương tiện
Tùy ý đều hay hiện.
Hoặc hiện già bệnh chết
Thành tựu cho chúng sanh
Rõ biết như huyễn hóa
Thông đạt không chướng ngại.

Các ngài khéo dùng phương tiện thị hiện cảnh già bệnh chết để cảnh tỉnh chúng sanh. Như một thanh niên đang say mê vui thú với cuộc sống hiện tại, nghĩ mình sẽ khỏe mạnh sống lâu. Anh ta có một người bạn cũng to tướng, mập mạp, nhưng bất chợt ngã lăn ra chết. Lúc đó anh giật mình suy nghĩ, bạn cũng mạnh khỏe như mình mà bây giờ đã chết, vậy thân ta đâu bảo đảm lâu dài. Thế nên mới thấy Bồ-tát khéo dùng trí phương tiện để thức tỉnh cho người biết thân này tạm bợ hư dối, không bền chắc mà không còn mê chấp nó nữa.

Hoặc hiện kiếp hỏa thiêu
Trời đất đều cháy rực,
Những người có tưởng thường,
Soi khiến biết vô thường.

Hoặc có người cho thế giới này là thường còn, nên các ngài thị hiện ra kiếp hỏa thiêu, khiến đại địa tự nhiên cháy rực, lửa thiêu đốt từ từ rụi tàn. Khi ấy họ mới thức tỉnh biết rõ thế giới cũng vô thường nên không còn ham thích nữa.

Vô số ức chúng sanh
Đều đến thỉnh Bồ-tát
Đồng thời đến nhà kia
Dạy khiến hướng Phật đạo.

Nếu cùng một lúc có vô số người thỉnh Bồ-tát đến nhà để giáo hóa, các ngài cũng có thể thị hiện ra vô số thân đến giáo hóa họ.

Kinh sách, cấm chú thuật,
Các nghề nghiệp khéo léo,
Đều hiện làm việc này
Lợi ích cho quần sanh.

Những nghề nghiệp khéo léo các ngài đều học và hành, cốt làm lợi ích quần sanh. Như nghề y dược để chế biến thuốc thang, có thể cứu giúp người bệnh bớt khổ.

Các đạo pháp thế gian
Thảy trong đó xuất gia,

Nhân đây giải mê người
Mà không rơi tà kiến.

Có khi Bồ-tát thị hiện xuất gia theo ngoại đạo, vì các ngài muốn đồng sự đồng hành để giải mê hoặc cho họ, chứ không phải do lầm lạc mà đi trong tà kiến.

Hoặc làm Nhật, Nguyệt thiên,
Phạm vương, chủ thế giới,
Hoặc khi làm đất, nước,
Hoặc lại làm gió, lửa.
Trong kiếp có bệnh dịch
Hiện làm các thảo dược,
Nếu có người uống đó (thuốc)
Trừ bệnh tiêu các độc.
Trong kiếp có nạn đói
Hiện thân làm ẩm thực,
Trước cứu người đói khát
Sau dùng pháp dạy người.
Trong kiếp có đao binh
Vì họ khởi từ bi
Giáo hóa chúng sanh kia
Khiến trụ chỗ vô tránh.
Nếu có chiến trận lớn,
Lập sức ngang bằng họ,
Bồ-tát hiện oai thế
Hàng phục khiến an hòa.

Người thế gian sợ nhất là thiên tai bệnh dịch, nạn đói, đao binh. Bồ-tát tùy duyên ứng hiện những nơi đó, dùng mọi phương tiện để cứu giúp họ. Gặp người bệnh dịch dùng thảo dược làm thuốc để trừ bệnh tiêu độc, với người đói khát làm thức ăn giúp cho qua cơn đói khổ, với nạn binh đao các ngài khởi lòng từ bi chuyển hóa tâm họ không còn tranh đấu. Như có chiến trận lớn, hai bên đối đầu giao chiến, Bồ-tát dùng phương tiện hiện thân có thế lực mạnh, khiến đối phương sợ để điều hòa họ.

Trong tất cả cõi nước
Chỗ nào có địa ngục
Liền đi đến nơi ấy
Gắng cứu người khổ não.

Chúng sanh trong địa ngục chịu nhiều đau khổ, Bồ-tát hiện thân đến để giúp họ bớt khổ.

Trong tất cả cõi nước
Súc sanh ăn lẫn nhau
Đều hiện sanh nơi kia
Vì đó làm lợi ích.
Thị hiện thọ ngũ dục
Cũng lại hiện hành thiền
Khiến tâm ma rối loạn
Không thể được cơ hội.
Trong lửa sanh hoa sen

Thật đáng gọi hy hữu,
Cõi Dục mà hành thiền
Hy hữu cũng như thế.

Những người chuyên tâm tu hành, loài ma hay theo phá. Người mê ngũ dục dễ bị ma sai khiến, xem như tôi tớ. Còn Bồ-tát có khi thị hiện trong cảnh ngũ dục, rồi cũng thị hiện tu hành, nên ma không có cơ hội để phá hại. Sống trong cảnh dục lạc đầy đủ mà vẫn tu thiền được thật hiếm có, cũng như hoa sen sanh trong lò lửa thật là hy hữu vậy.

Hoặc hiện làm dâm nữ
Dẫn dắt kẻ háo sắc,
Trước dùng dục câu dắt
Sau khiến vào trí Phật.
Hoặc làm chủ trong ấp,
Người dẫn đường buôn bán,
Quốc sư và đại thần,
Để giúp ích chúng sanh.
Tất cả người nghèo khổ,
Hiện làm kho vô tận,
Nhân đó khuyến dạy họ
Khiến phát tâm Bồ-đề.
Kẻ kiêu căng ngã mạn,
Hiện làm đại lực sĩ,

Tiêu phục các cống cao
Khiến trụ đạo Vô thượng.
Có chúng sanh sợ sệt,
Ở trước họ an ủi,
Trước bố thí vô úy
Sau khiến phát đạo tâm.
Hoặc hiện lìa dâm dục
Làm tiên nhân ngũ thông
Khuyên bảo các quần sanh
Khiến trụ giới, nhẫn, từ.
Thấy người cần hầu hạ
Hiện làm những tôi tớ
Đã vui ý người kia
Mới phát khởi đạo tâm.
Tùy người kia cần gì
Được vào trong Phật đạo,
Khéo dùng sức phương tiện
Đều hay cấp đầy đủ.
Vô lượng đạo như thế
Việc làm không bờ mé,
Trí tuệ không giới hạn,
Độ thoát vô số chúng.
Giả như tất cả Phật
Trong vô số ức kiếp

Tán thán công đức kia
Vẫn còn không thể hết.
Ai nghe pháp như thế
Không phát tâm Bồ-đề!
Trừ kẻ bất tiếu kia,
Kẻ ngu tối không trí.

Tóm lại, toàn bài kệ này nói về gia đình cư sĩ Duy-ma-cật. Từ cha mẹ vợ con, tôi tớ cho đến đồ vật... đều là các pháp làm lợi ích chúng sanh. Đoạn sau nói rõ, để hướng về Phật đạo, Bồ-tát tùy duyên dùng mọi phương tiện, tùy hoàn cảnh, tùy trường hợp, hiện thân làm tất cả công đức, cốt sao cho mọi người đều thức tỉnh, giác ngộ, chứ không vì mục đích riêng tư. Những việc làm lợi lạc quần sanh của các ngài không thể tính kể, như vậy mới viên mãn Phật đạo.

Kinh sử Ấn Độ có biên chép rõ ràng, gia đình ông Duy-ma-cật là có thật chứ không phải hư cấu. Trong kinh Như Nguyệt Thượng Nữ có ghi: Ông Duy-ma-cật thuộc dòng họ Điện, vợ là Kim Cự, con trai tên Thiện Tư, con gái tên Nguyệt Thượng. Khi ngài Huyền Trang sang Ấn Độ, có đến nền thất của ông để đảnh lễ.

Học kinh chủ yếu là để tìm những điều cao siêu, hay đẹp của Bồ-tát đã làm và chỉ dạy, chúng ta phải thực hành theo gương hạnh của các ngài nếu muốn tiến đến Phật đạo. Thí dụ các ngài dùng trần lao làm đệ tử, điều này đối với chúng ta thật khó làm, dù phải

học suốt đời cũng chưa chắc đã xong. Tất cả điểm khác cũng như vậy.

Những công hạnh cao đẹp của Bồ-tát thật đáng tán thán. Chúng ta tu muốn làm người cao thượng sáng suốt phải có những hạnh cao cả đó. Phải tùy thời tùy khả năng chúng ta làm đến đâu mừng đến đấy, chứ không thể cùng lúc làm hết được. Đó là lý tưởng người tu phải thực hành, không phải chỉ nghe suông hiểu suông thôi.

IX- PHẨM VÀO PHÁP MÔN KHÔNG HAI

Tinh thần phẩm này nói rõ tất cả pháp vượt ngoài đối đãi, mọi hình tướng đối đãi là tướng giả dối không thật. Đó là lý thật của đạo. Vì vậy mà nói pháp môn bất nhị tức là pháp môn không hai.

Chánh văn:

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo các vị Bồ-tát:

- Này các nhân giả! Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai? Mỗi vị tùy theo sở thích của mình mà nói.

Trong hội có vị Bồ-tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng:

- Này các nhân giả, sanh diệt là hai. Pháp xưa chẳng sanh, nay ắt chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Thủ nói:

- Ngã, ngã sở là hai. Nhân có ngã nên liền có ngã sở. Nếu không có ngã thì không ngã sở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Thuấn nói:

- Thọ, không thọ là hai. Nếu pháp không thọ thì không thể được; do không thể được nên không thủ không xả, không tác không hành, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Đảnh nói:

- Nhơ sạch là hai. Thấy thật tánh của nhơ thì không tướng sạch, thuận nơi tướng diệt, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Túc nói:

- Có động, có niệm là hai. Không động thì không niệm, không niệm tức là không phân biệt. Người thông đạt chỗ này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói:

- Một tướng, không tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp thủ không tướng, vào chỗ bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Tý nói:

- Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tướng tâm không, như huyễn hóa, không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phất-sa nói:

- Thiện ác là hai. Nếu chẳng khởi thiện ác, vào mé vô tướng mà thông đạt điều này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử nói:

- Tội phước là hai. Nếu thông đạt tánh tội ắt cùng với phước không khác, dùng trí tuệ kim cương quyết trạch rõ ràng tướng này, không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói:

- Hữu lậu vô lậu là hai. Nếu được các pháp bình đẳng thì không khởi tưởng lậu vô lậu, không chấp nơi tướng cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịnh Giải nói:

- Hữu vi vô vi là hai. Nếu lìa tất cả số thì tâm như hư không, do trí tuệ thanh tịnh không chỗ chướng ngại, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Na-la-diên nói:

- Thế gian, xuất thế gian là hai. Tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian. Ở trong kia không nhập không xuất, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Ý nói:

- Sanh tử Niết-bàn là hai. Nếu thấy tánh sanh tử thì không sanh tử, không trói không mở, chẳng sanh chẳng diệt, người hiểu như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hiện Kiến nói:

- Tận bất tận là hai. Pháp hoặc cứu cánh tận hoặc bất tận, đều là tướng vô tận; tướng vô tận tức là không, không thì không có tướng tận và bất tận. Người được như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phổ Thủ nói:

- Ngã vô ngã là hai. Ngã còn không thể được, vô ngã làm sao có thể được? Thấy thật tánh của ngã đó, không lại khởi hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Điện Thiên nói:

- Minh vô minh là hai. Thật tánh vô minh tức là minh, minh cũng không thể chấp thủ, lìa tất cả số, ở trong đó được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói:

- Sắc, sắc không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới không, tánh sắc tự không. Như thế thọ tưởng hành thức, thức không là hai, thức tức là không, chẳng phải thức diệt mới không, thức tánh tự không, ở trong đó mà thông đạt được, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Minh Tướng nói:

- Bốn chủng khác, không chủng khác là hai. Tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, như mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Ý nói:

- Mắt, sắc là hai. Nếu biết tánh của mắt đối với sắc không tham không sân không si, ấy gọi là tịch diệt. Như thế lỗ tai - tiếng, lỗ mũi - mùi, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp là hai, nếu biết tánh của ý đối với pháp không tham không sân không si gọi là tịch diệt, an trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói:

- Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh bố thí tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, như thế trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hồi hướng Nhất thiết trí là hai, tánh trí tuệ tức là

tánh hồi hướng Nhất thiết trí, ở trong đó vào một tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói:

- Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác; nếu không vô tướng vô tác thì không tâm không ý không thức. Đối với một môn giải thoát tức là ba môn giải thoát, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịch Căn nói:

- Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tam bảo này đều là tướng vô vi, đồng với hư không, tất cả pháp cũng vậy. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói:

- Thân, thân diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Vì cớ sao? Thấy thật tướng của thân, không khởi thấy thân và thấy thân diệt, thân cùng thân diệt không hai không phân biệt, ở trong kia không kinh không sợ, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thượng Thiện nói:

- Thân khẩu ý thiện là hai. Ba nghiệp ấy đều là tướng vô tác, thân tướng vô tác tức là khẩu tướng vô tác, khẩu tướng vô tác tức là ý tướng vô tác, ba nghiệp tướng vô tác ấy tức tất cả pháp tướng vô tác. Hay tùy thuận trí tuệ vô tác như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phước Điền nói:

- Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Thật tánh ba hạnh tức là không, không thì không phước hạnh, không tội hạnh, không bất động hạnh. Ở trong ba hạnh này mà không khởi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói:

- Từ ngã khởi hai là hai. Thấy thật tướng của ngã, không khởi hai pháp, nếu không trụ hai pháp thì không có thức, không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Tạng nói:

- Có tướng sở đắc là hai. Nếu không sở đắc thì không thủ xả. Không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói:

- Tối cùng với sáng là hai. Không tối không sáng thì không có hai. Vì cớ sao? Như nhập Diệt thọ tưởng định, không tối không sáng, tất cả pháp tướng cũng lại như thế, ở trong kia bình đẳng mà nhập, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói:

- Ưa Niết-bàn chẳng ưa thế gian là hai. Nếu chẳng ưa Niết-bàn chẳng chán thế gian ắt không có hai. Vì cớ sao? Nếu có trói ắt có mở. Nếu xưa

không trói thì cầu mở làm gì? Không trói không mở thì không ưa không chán, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Châu Đảnh Vương nói:

- Chánh đạo tà đạo là hai. Người trụ chánh đạo ắt chẳng phân biệt là tà là chánh, lìa hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nhạo Thật nói:

- Thật không thật là hai. Thật thấy đó còn không thấy thật, huống là chẳng phải thật! Vì cớ sao? Chẳng phải chỗ thấy con mắt thịt, tuệ nhãn mới có thể thấy, mà tuệ nhãn này không thấy không chẳng thấy, ấy là vào pháp môn không hai.

Như thế chư vị Bồ-tát mỗi vị đã nói rồi, mới hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Ngài Văn-thù nói:

- Như ý tôi, đối với tất cả pháp không nói không rằng, không chỉ bày không phân biệt, lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật:

- Chúng tôi mỗi người đã tự nói xong, nhân giả phải nói thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật lặng thinh không nói.

Ngài Văn-thù-sư-lợi khen:

- Lành thay, lành thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đây thật là vào pháp môn không hai.

Khi nói phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này, ở trong chúng đây, năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, được vô sanh pháp nhẫn.

Giảng:

Khi ấy ông Duy-ma-cật bảo các vị Bồ-tát: Này các nhân giả! Bồ-tát làm sao vào được pháp môn không hai? Mỗi vị tùy theo sở thích của mình mà nói. Trước tiên, cư sĩ Duy-ma-cật mời các vị Bồ-tát trong chúng hội, tùy theo sở thích mỗi người, trình bày ý kiến của mình đối với pháp môn không hai.

Trong hội có vị Bồ-tát tên là Pháp Tự Tại nói rằng: Này các nhân giả, sanh diệt là hai. Pháp xưa chẳng sanh, nay ắt chẳng diệt, được vô sanh pháp nhẫn này, ấy là vào pháp môn không hai. Mở đầu là Bồ-tát Pháp Tự Tại nêu lên ý kiến của mình. Gọi là Tự Tại vì với tất cả pháp, ngài không còn gì trở ngại. Ngài nói: sanh diệt, thế gian cho là hai, nhưng trên lý thật, pháp vốn chẳng sanh nay chẳng diệt. Người thấy như vậy, là được vô sanh pháp nhẫn, ấy là vào pháp môn không hai.

Còn chúng ta quen nhìn trên giả tướng duyên hợp hư dối rồi chấp nhận các pháp là thật có. Thí dụ có cái nhà là do nhiều bộ phận, như gỗ, ngói, gạch v.v...

ráp lại thì gọi là thành, hoặc là sanh. Khi hết duyên, nó hư mục tan rã, nói là hoại hay diệt. Vậy cái sanh đó có thật sanh không? Trên lý, cái nhà không thật sanh. Chẳng qua đủ duyên hợp tạm gọi là nhà. Duyên ly tán, nhà hư hoại trở về không gọi là diệt.

Ngay thân chúng ta cũng vậy, đủ duyên tứ đại hợp gọi là sanh, hết duyên ly tán gọi là tử, hợp tan là việc của duyên, chẳng qua chỉ là sự chuyển hóa. Vậy sanh tử không thật. Căn cứ trên lý nhân duyên, chúng ta thấy tường tận thể tánh của con người cho đến muôn vật, không thật sanh và không thật diệt. Nếu không thật sanh không thật diệt, thì trước không sanh, nay cũng không diệt. Tùy duyên tụ họp tạm thấy có, duyên tan tạm thấy không. Như vậy ngay nơi sanh thấy rõ không có sanh thật. Sanh là ngã, pháp là pháp, cả hai được an trụ trong chỗ vô sanh. Không còn ngã không còn pháp, đó là được vô sanh pháp nhẫn, tức là vào pháp môn không hai.

Người tu cần phải có trí tuệ phán đoán đúng như thật, thấy sanh diệt không hai không thật thì phiền não làm gì có. Sở dĩ thấy sanh diệt là thật cho nên khi sanh thì vui, bảo vệ cái sanh, khi diệt thì buồn nên sợ cái diệt. Vì vậy gốc phiền não từ đó mà ra, như việc ăn uống hằng ngày của chúng ta, do chạy theo sự ngon dở, bổ dưỡng mà phiền não dấy lên, chẳng qua là bảo vệ cái sanh vì cho nó là thật. Thấy cái diệt tức cái chết là thật, nên những gì người khác làm cho mình bị tổn thương có thể chết thì chống đối thù nghịch.

Như vậy do bảo vệ cái sanh, sợ cái diệt mà bao thứ phiền não dấy khởi. Còn thấy rõ được tánh của sanh diệt không thật, xưa không sanh nay không diệt, thấu suốt được lẽ đó là được vô sanh pháp nhẫn, là vào pháp môn không hai. Hiểu được pháp này rồi, các pháp khác cũng thấy rõ ràng. Nên làm Bồ-tát không phải khó, vì Bồ-tát là giác, là thấy đúng như thật.

Bồ-tát Đức Thủ nói: Ngã, ngã sở là hai. Nhân có ngã nên liền có ngã sở. Nếu không có ngã thì không ngã sở, ấy là vào pháp môn không hai. Đoạn trên nói sanh diệt là chung tất cả, kế đây nói rõ từng phần. Chúng ta ai cũng chấp có ngã và ngã sở. Ngã là ta, ngã sở là những gì thuộc về ta, nào là đồ đạc, nhà cửa, bà con quyến thuộc... Nếu thấy mình thật thì ngã sở cũng thật. Ngay thân tứ đại ngũ uẩn chia chẻ ra tìm cái ngã không có, thì ngã sở làm sao có thật. Thường trong kinh A-hàm chỉ nói thuyết vô ngã, ít nói về ngã sở, tức là pháp. Bồ-tát thấy ngã không pháp không tức là ngã và ngã sở đều không thật. Thấy được như vậy là Bồ-tát vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bất Thuấn nói: Thọ, không thọ là hai. Nếu pháp không thọ thì không thể được, do không thể được nên không thủ không xả, không tác không hành, ấy là vào pháp môn không hai. Thọ là cảm thọ, bất thọ là không cảm thọ. Nếu pháp không thọ thì không thể được, tức không chỗ đắc, bởi không đắc nên không thủ không xả, không tác không hành, là vào pháp môn không hai. Thí dụ được người cho món đồ hay một số tiền,

chúng ta không nhận thì không được. Nhận rồi cất giữ gọi là thủ, đem cho người khác gọi là xả. Nếu không nhận thì không thủ không xả. Không thủ không xả thì không tác không hành. Cũng thế, sáu căn đối với sáu trần nếu không thọ thì không có đắc. Không đắc thì không thủ không xả, không tác không hành. Như vậy là vào pháp môn không hai. Đây là nói về phần tổng, còn sau phân biệt tôi sẽ giải thích kỹ.

Bồ-tát Đức Đảnh nói: Nhơ sạch là hai. Thấy thật tánh của nhơ thì không tướng sạch, thuận nơi tướng diệt, ấy là vào pháp môn không hai. Chúng ta luôn có tâm phân biệt nhơ sạch đối đãi. Thí dụ hai tô nước để gần nhau, một tô đựng nước mưa trong, một tô đựng nước giếng đục, thì thấy tô nước mưa sạch tô nước giếng nhơ. Bản chất của nước không có nhơ sạch, chẳng qua do sự hòa lẫn của bụi bặm, bùn đất. Nếu để lắng bụi bặm bùn đất xuống thì tìm cái nhơ đâu còn. Vậy nhơ sạch là cái giả hợp. Hiểu như thế mới thấy thật tánh của nước không có tướng nhơ tướng sạch. Thấy thật tánh của nhơ là không có tướng thật nhơ thì tướng sạch làm gì có. Biết tùy thuận nơi tướng diệt đó, tức diệt cả nhơ và sạch, đó là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Túc nói: Có động, có niệm là hai. Không động thì không niệm, không niệm tức là không phân biệt. Người thông đạt chỗ này, ấy là vào pháp môn không hai. Người tâm tán loạn nên phải chuyên niệm hơi thở hoặc niệm Phật để thâu nhiếp tán loạn, sở dĩ dùng các phương tiện niệm đó là để đối trị tâm động.

Tất cả niệm dấy lên, biết rõ nó là động, nhưng bản chất niệm không thật thì làm gì có động. Như vậy không động thì không niệm, không niệm tức là vô phân biệt. Người nào thông đạt đến đó là nhập được pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Nhãn nói: Một tướng, không tướng là hai. Nếu biết một tướng tức là không tướng, cũng không chấp thủ không tướng, vào chỗ bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai. Một tướng, không tướng là hai. Thí dụ cái bàn là một tướng, khoảng trống là không tướng, tức hai. Hay nói thật tướng là không tướng. Như vậy nói thật tướng, không tướng là hai. Nhưng thật tướng không thật thì không tướng cũng không thật, không chấp thủ không tướng, vào chỗ tâm bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Tý nói: Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn là hai. Quán tướng tâm không, như huyễn hóa, không tâm Bồ-tát không tâm Thanh văn, ấy là vào pháp môn không hai. Tâm Bồ-tát là tâm từ bi rộng lớn, tâm Thanh văn còn sợ sanh tử cầu Niết-bàn, trốn khổ tìm vui. Hai tâm khác nhau, sao đây lại nói tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn không hai? Hai tướng tâm đó, dù từ bi hay ích kỷ cũng là tâm tướng sanh diệt. Đã là tâm tướng sanh diệt thì hư dối huyễn hóa, chứ không phải là tâm chân thật. Khi thấy rõ như vậy, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phất-sa nói: Thiện ác là hai. Nếu chẳng khởi thiện ác, vào mé vô tướng mà thông đạt điều này,

ấy là vào pháp môn không hai. Bất thiện là ác. Thiện ác là hai. Thế gian thường trọng thiện ghét ác, đó là tâm thiên lệnh, chưa bình đẳng. Ở đây thấy bản chất thiện ác không thật, nên nói là không hai. Thiện ác khó phân định. Thí dụ kẻ ăn trộm cướp tài sản của người là ác, luật pháp kết tội ở tù, hoặc tử hình v.v... Còn những ông vua cầm quân đánh chiếm nước người, được khen là anh hùng. Kẻ cướp đoạt tài sản của người là cướp nhỏ, cho là ác. Còn cướp cả nước là cướp lớn, lại cho là anh hùng. Như vậy sao gọi là thiện, sao gọi là ác, khó mà định được.

Như cô giáo dạy học, trò nào ngỗ nghịch cô đánh, nhờ đó nó siêng học và thi đậu. Hành động của cô thấy dường như ác, nhưng lại là thiện vì xuất phát từ lòng thương, muốn trò nên người. Qua đó mới thấy thiện ác đối đãi nhau không thật. Biết rõ không thật nên không chấp thiện ác, ấy là vào pháp môn không hai. Nếu nó thật thì người ác không bao giờ thành người thiện được. Giả sử có người trước đây chuyên nghề ăn trộm, làm điều ác. Về sau họ thức tỉnh, biết tội lỗi nên dừng tạo nghiệp, giúp đỡ mọi người, trở thành người lương thiện. Cũng con người đó, xưa cho là ác, nay được tiếng là thiện. Như vậy thiện ác không cố định, không thật, nếu chấp là thật đó là mê lầm. Chỉ một phen đổi thay, từ thiện biến thành ác, từ ác biến thành thiện. Thấu suốt được lẽ này, vào mé vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử nói: Tội phước là hai. Nếu thông đạt tánh tội ắt cùng với phước không khác, dùng trí

tuệ kim cương quyết trạch rõ ràng tướng này, không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai. Trong bài sám hối có câu *Tánh tội vốn không, do tâm tạo.* Tội gốc từ tâm mà ra, tâm vốn không thật thì tội đâu có thật. Tâm có lúc nghĩ thiện lúc nghĩ ác, nên biết tội phước cũng không thật. Tánh tội không thật thì tánh phước làm sao thật được. Dùng trí tuệ Kim cang thấy rõ tướng này không trói không mở, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Sư Tử Ý nói: Hữu lậu vô lậu là hai. Nếu được các pháp bình đẳng thì không khởi tưởng lậu vô lậu, không chấp nơi tướng cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai. Hữu lậu và vô lậu là hai pháp đối đãi. Hữu lậu còn sanh tử, vô lậu hết sanh tử, nhưng vô lậu từ hữu lậu mà lập. Các pháp có tướng sanh trụ dị diệt gọi là hữu lậu, không sanh trụ dị diệt gọi là vô lậu. Nếu sanh trụ dị diệt không thật thì hữu lậu không thật, hữu lậu không thật thì vô lậu cũng không thật. Thấy các pháp bình đẳng, không chấp nơi tướng, cũng không trụ vô tướng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịnh Giải nói: Hữu vi vô vi là hai. Nếu lìa tất cả số thì tâm như hư không, do trí tuệ thanh tịnh không chỗ chướng ngại, ấy là vào pháp môn không hai. Hữu vi còn sanh diệt, vô vi hết sanh diệt. Nếu lìa tất cả số là không còn tâm chấp sanh trụ dị diệt... thì tâm rỗng rang như hư không, trí tuệ thanh tịnh không chướng ngại. Được như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Na-la-diên nói: Thế gian, xuất thế gian là hai. Tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian. Ở trong kia không nhập không xuất, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai. Thế gian, xuất thế gian là hai, tánh thế gian là không, tức là xuất thế gian, nên nói không hai. Người tu thường nói, tôi học đạo xuất thế, nghĩa là tu cho có thần thông để bay bổng đến thế giới khác, rồi an trụ nơi đó, tức là còn thấy thế gian xuất thế gian là hai. Ở đây nói tánh thế gian không thật; còn tướng thế gian chia làm hai phần, hữu tình thế gian là con người, khí thế gian là ngoại cảnh, đều là tướng duyên hợp. Cho nên thế gian không cố định, không thật thì ngay đó là xuất thế gian, là giải thoát. Cũng vậy thấy thân không thật, ngoại cảnh không thật thì tất cả phiền não trói buộc đều không thật. Thấu suốt được thế gian tánh không, tức là xuất thế gian, không vào không ra, không đầy không vơi, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thiện Ý nói: Sanh tử Niết-bàn là hai. Nếu thấy tánh sanh tử thì không sanh tử, không trói không mở, chẳng sanh chẳng diệt, người hiểu như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Sanh tử Niết-bàn là hai pháp đối đãi. Sanh tử là còn luân hồi, Niết-bàn là dứt mầm sanh tử nên gọi là vô sanh. Nếu thấy tánh sanh tử không thật thì không sanh tử. Như muốn có cái nhà, phải đủ vật liệu và người thợ xây mới thành cái nhà. Nếu tháo gỡ những vật liệu đó thì cái nhà hoại. Như vậy cái nhà có tụ có tán, tùy thuộc các duyên,

không cố định, không thật. Thân này cũng thế, đủ duyên hợp lại là sanh, hết duyên ly tán gọi là tử. Vì vậy bản chất sanh tử không thật tức là vô sanh, là Niết-bàn. Thế nên dùng trí tuệ quán chiếu thấy rõ sanh tử và Niết-bàn không hai, không thật, thì đâu còn bị trói trong sanh tử mà cầu mở để được Niết-bàn chẳng sanh chẳng diệt. Người hiểu được như vậy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hiện Kiến nói: Tận bất tận là hai. Pháp hoặc cứu cánh tận hoặc bất tận, đều là tướng vô tận; tướng vô tận tức là không, không thì không có tướng tận và bất tận. Người được như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Tận là hết, bất tận là không hết. Tận và bất tận có còn mãi không? Thật tánh không hết đó, còn hay hết? Thí dụ đem lúa trong bồ đi xay hết thì bồ lúa đó là không. Đổ lúa khác vào gọi là còn. Như vậy tùy duyên mà nói lúa hết hay còn, chứ cái bồ vẫn còn. Cũng thế, hết duyên gọi là tận, còn duyên gọi là bất tận. Đã là duyên thì không thể lấy gì lường được. Nó không thật nên không có tướng tận và bất tận. Tận và bất tận đều là tướng vô tận, tức là không cùng. Người nào được như thế ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phổ Thủ nói: Ngã vô ngã là hai. Ngã còn không thể được, vô ngã làm sao có thể được? Thấy thật tánh của ngã đó, không lại khởi hai, ấy là vào pháp môn không hai. Thật tánh của ngã không thật, làm sao có vô ngã. Nếu nói ngã thật mới dùng vô ngã để phá, mà thật tánh của ngã không thật nói gì

vô ngã. Như vậy thấy thật tánh của ngã thì không khởi vô ngã tức là không còn thấy hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Điện Thiên nói: Minh vô minh là hai. Thật tánh vô minh tức là minh, minh cũng không thể chấp thủ, lìa tất cả số, ở trong đó được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai. Minh và vô minh là hai. Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Huyền Giác có câu *Vô minh thật tánh tức Phật tánh.* Phật tánh là giác, nghĩa là minh. Thật tánh của vô minh tức là minh, vì khi thấy được thật tánh của vô minh thì vô minh không còn. Sở dĩ còn vô minh vì thấy giả tướng cho là thật. Như trong nhà khi chưa mở đèn gọi là nhà tối, mở đèn lên thì gọi là nhà sáng. Vậy cái nhà trước không đèn, bóng tối phủ vây thì gọi là tối, có ánh sáng phá tan bóng tối gọi là sáng, thấy như hai. Cho nên, thấu suốt được thật tánh của vô minh tức là minh, nên không còn chấp thủ, lìa tất cả số được bình đẳng không hai, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hỷ Kiến nói: Sắc, sắc không là hai. Sắc tức là không, chẳng phải sắc diệt mới không, tánh sắc tự không. Như thế thọ tưởng hành thức, thức không là hai, thức tức là không, chẳng phải thức diệt mới không, thức tánh tự không, ở trong đó mà thông đạt được, ấy là vào pháp môn không hai.

Sắc, sắc không là hai. Tức là sắc uẩn và sắc uẩn không, mình thấy là hai. Nhưng sắc uẩn tức là không.

Thí dụ cái bàn này là sắc, chỗ không có bàn gọi là không. Nhưng ở đây dùng chữ sắc không, chứ không phải là không có sắc. Cái bàn là tướng, vì có tướng nên gọi là sắc. Hình sắc cái bàn, do duyên hợp, không thật thể nên gọi là sắc không. Như vậy sắc và sắc không, thế gian tưởng là hai, nhưng sắc không có thật thể nên sắc tức là không, không phải đợi sắc này diệt mới nói là không, không phải đợi cái bàn hoại rồi, mới gọi là không có cái bàn, mà ngay cái bàn đang mới, cũng biết là tướng duyên hợp không có thật thể. Như vậy ngay cái sắc đang còn cũng biết được là không, vì tánh của sắc tự không. Sắc uẩn bản chất cũng không thật nên gọi là không. Ngay thân tứ đại biết tự tánh là không, mà sắc là do tứ đại hợp, tứ đại không có thật thể nên sắc tức là không. Cho đến thọ tưởng hành thức cũng đều là không. Kế đây chỉ giải thích về thức uẩn, còn các uẩn kia chỉ kể tên thôi. Thức, thức không là hai. Thức tức là không, không phải thức diệt mới không. Vì khi khởi phân biệt, biết cái phân biệt không thật thể, do duyên mà phát khởi là hư dối, thì thức đó tức là không, không phải khi hết phân biệt mới nói là không. Như vậy chúng ta thấy rõ năm uẩn sắc thọ tưởng hành thức không có gì là thật, đều là không. Thông đạt được lý này, chúng ta là Bồ-tát vào pháp môn không hai.

Chúng ta có thói quen chấp mình là thật, nên tạo nghiệp dẫn đi trong luân hồi, làm phàm phu mãi mãi. Qua những lời chỉ dạy của Bồ-tát, thấy rõ thân này không thật, thường sống với trí tuệ là giác không còn

mê mờ, không bị thói quen chi phối. Nếu sống với trí tuệ thì không gì làm chủ chúng ta nữa, đó là giải thoát. Lối tu rõ ràng như vậy, nhưng có người không hiểu, cứ khấn vái cầu xin. Tưởng đâu cầu là được, nhưng không ngờ chính vì mê lầm chấp thân này là thật, rồi sợ tai ương hoạn nạn, sợ điều này điều nọ. Vì vậy chúng ta cần có trí tuệ vững chắc, đừng sống theo thói quen, để nghiệp lôi kéo. Chỗ cách biệt giữa phàm và thánh không xa, chỉ cần chuyển cách nhìn là từ mê thành trí, đâu có gì khó.

Bồ-tát Minh Tướng nói: Bốn chủng khác, không chủng khác là hai. Tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, như mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Bốn chủng tức tứ đại chủng là đất nước gió lửa, chủng loại khác nhau. Không chủng là hư không, cũng khác. Thấy bốn chủng loại khác, thấy hư không khác, là thấy hai. Nhưng tánh bốn chủng tức là tánh không chủng, nên tánh bốn chủng không thì tánh không chủng cũng không, tứ đại tánh không tức là đồng với chủng tánh không, như vậy tứ đại không thật thì không cũng không thật. Do đó, mé trước mé sau không, nên mé giữa cũng không. Nghĩa là bốn chủng không thật nên không gian cũng không thật, không gian không thật thì thời gian quá khứ hiện tại vị lai cũng không thật, vậy ba mé là trước giữa sau đều không thật. Nếu hay biết các chủng tánh không như thế, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Diệu Ý nói: Mắt, sắc là hai. Nếu biết tánh của mắt đối với sắc không tham không sân không si, ấy gọi là tịch diệt. Như thế lỗ tai - tiếng, lỗ mũi - mùi, lưỡi - vị, thân - xúc, ý - pháp là hai, nếu biết tánh của ý đối với pháp không tham không sân không si gọi là tịch diệt, an trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Tất cả chúng sanh mê muội nên khổ đau, là do sáu căn dính với sáu trần. Mắt thấy sắc bên ngoài cho là thật, đuổi theo sắc đẹp, tai theo tiếng, mũi dính mùi, lưỡi dính vị, thân đắm mê xúc chạm khoái lạc, ý duyên pháp trần. Thấy trong ngoài đều thật nên mới khởi tham sân si. Từ đó khiến chúng sanh phải chịu biết bao đau khổ. Nếu ngay đó thấy không thật thì không còn tham sân si, là Niết-bàn tịch diệt. An trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai. Như những người không có tiền lại muốn thụ hưởng những thú vui của thế gian nên sanh ra trộm cướp. Vì vậy mà họ giành giật nhau từng miếng ăn, từng cái đẹp, từng tiếng hay, từng mùi thơm... Cả đời cứ chôn vùi trong đó, không thoát ra được nên khổ đau triền miên. Đó là gốc mê lầm.

Như con mắt là tướng duyên hợp không thật, mắt thấy sắc biết sắc trần là tướng duyên hợp cũng không thật, cả hai đều không thật. Biết cái thấy không thật, thì cái bị thấy cũng không thật. Thật tánh của mắt là không thì sắc trần đâu có gì quan trọng. Hiểu rõ thật tánh của mắt là đã hết si. Đó là trí tuệ, thì đâu còn tham sân nữa. Tham sân si diệt, ấy là tịch diệt, là Niết-bàn.

Lỗ tai và tiếng đều là tướng duyên hợp không thật, thì nghe tiếng khen chê đâu có buồn thương giận ghét. Thấy được như vậy thì tham sân si hết. Thân xúc chạm, ý duyên pháp trần, tức là duyên theo bóng dáng của nó, rồi chấp chặt. Nay biết rõ ý không thật, hay thật tánh nó là không, nên pháp trần cũng không thật, tham sân si theo đó hết, ngay đó được tịch diệt. Lưỡi nếm vị ngon, biết vị ngon chỉ tồn tại trong một hai phút rồi hết. Vậy mà cái lưỡi nhớ hoài. Nếu biết lưỡi và vị là tướng duyên hợp không thật, thì đâu còn tham đắm vị, tham sân si theo đó dứt.

Thế nên, Bồ-tát chỉ cho chúng ta phải tu nơi sáu căn biết nó không thật. Quán ngay sáu căn chứ không phải quán sáu trần. Phá được căn rồi thì trần trở thành vô nghĩa. Như vậy căn trần đều là tướng hư dối. Khi căn tiếp xúc với trần, chúng ta vẫn an trụ Niết-bàn, tức là tịch diệt. An trụ trong đó, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Vô Tận Ý nói: Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí là hai. Tánh bố thí tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, như thế trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, hồi hướng Nhất thiết trí là hai, tánh trí tuệ tức là tánh hồi hướng Nhất thiết trí, ở trong đó vào một tướng, ấy là vào pháp môn không hai. Lục độ là sáu pháp tu của Bồ-tát: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Bồ-tát tu lục độ để hồi hướng Nhất thiết trí. Bố thí và hồi hướng Nhất thiết trí tưởng như là hai, nhưng tánh bố thí không thật thì tánh hồi hướng

Nhất thiết trí cũng không thật, nên không hai không khác. Cho đến trí tuệ tánh không thật, hồi hướng Nhất thiết trí cũng không thật. Như vậy lục độ và hồi hướng nhất thiết trí cũng không hai. Thấu suốt như vậy là pháp môn không hai.

Bồ-tát Thâm Tuệ nói: Không, vô tướng, vô tác là hai. Không tức vô tướng, vô tướng tức vô tác; nếu không vô tướng vô tác thì không tâm không ý không thức. Đối với một môn giải thoát tức là ba môn giải thoát, ấy là vào pháp môn không hai. Không, vô tướng, vô tác tức tam giải thoát môn, thấy như ba nhưng trên đối đãi nói là hai. Không là pháp tánh không, là không có tướng thật thì tự nó là vô tướng, đã là vô tướng lấy gì tạo tác, nên nói là vô tác. Vì vậy thấu suốt được một thì thông được cả ba. Nếu thấy các pháp không, vô tướng, vô tác đúng như thật, thì tâm ý thức không còn chạy theo cảnh nữa, ngay đó giải thoát. Giải thoát được một tức là giải thoát cả ba, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tịch Căn nói: Phật, Pháp, Tăng là hai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tam bảo này đều là tướng vô vi, đồng với hư không, tất cả pháp cũng vậy. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai. Phật pháp tăng là Tam bảo, là ba ngôi báu mà lâu nay chúng ta hằng quý kính tôn trọng. Nhưng ở đây nói Phật pháp tăng không hai. Tại sao nói Phật tức là pháp, pháp tức là tăng? Vì Tam bảo là tướng vô vi, bình đẳng như hư không, mà vô vi là

không tịch. Như mỗi khi chúng ta lạy Phật có câu *Năng lễ, sở lễ tánh không tịch*. Năng lễ là chúng ta, sở lễ là chỉ cho đức Phật. Tánh Phật, tánh tăng là không tịch, tánh pháp cũng không tịch. Đã không tịch thì lạy làm chi, đó là trên lý tánh. Nhưng còn câu *Cảm ứng đạo giao nan tư nghì*, nghĩa là có sự cảm ứng qua lại chẳng thể nghĩ bàn. Nếu thấy tánh Tam bảo là vô vi thì tất cả pháp cũng là vô vi. Người hay tùy thuận hạnh này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Tâm Vô Ngại nói: Thân, thân diệt là hai. Thân tức là thân diệt. Vì có sao? Thấy thật tướng của thân, không khởi thấy thân và thấy thân diệt, thân cùng thân diệt không hai không phân biệt, ở trong kia không kinh không sợ, ấy là vào pháp môn không hai. Thân diệt tức là thân chết. Thế gian thường thấy thân, thân diệt là hai. Nhưng thân này không có tự tánh. Cái sống không có tự tánh, tức là không có thật thể thì cái chết cũng không có thật thể. Sống chết không thật thể thì chết và sống có khác gì nhau đâu. Cho nên thấy thật tướng của thân không có tự thể, tức không có thật tánh thì không khởi chấp thân. Như vậy thấy thân sống và thân chết không hai, không phân biệt thì đâu còn sợ chết. Hai cái không thật thể giống nhau thì sợ cái gì? Bởi thấy sống chết khác nhau nên mới sợ. Hiểu như vậy mới không phân biệt, không còn kinh sợ. Ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Thượng Thiện nói: Thân khẩu ý thiện là hai. Ba nghiệp ấy đều là tướng vô tác, thân tướng vô tác

tức là khẩu tướng vô tác, khẩu tướng vô tác tức là ý tướng vô tác, ba nghiệp tướng vô tác ấy tức tất cả pháp tướng vô tác. Hay tùy thuận trí tuệ vô tác như thế, ấy là vào pháp môn không hai. Ba nghiệp thân khẩu ý, hoặc ác hoặc thiện, vốn không thật. Nói ba nhưng khởi nghiệp là từ ý, mà ý là những niệm vọng tưởng hư dối, phát ra lời nói hư dối, tạo tác cũng hư dối. Cả ba đều là tướng hư dối không thật, nên tác mà vô tác, nghĩa là có tạo tác nhưng chỉ là tướng hư dối không thật, nên gọi là tướng vô tác. Vậy tướng vô tác của thân tức là tướng vô tác của khẩu, tướng vô tác của khẩu tức là tướng vô tác của ý, ba nghiệp đều là tướng vô tác, vậy tất cả pháp cũng là tướng vô tác. Thế nên, ba nghiệp không thật thì tất cả pháp cũng không thật. Người có trí tuệ vô tác như thế, ấy vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Phước Điền nói: Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Thật tánh ba hạnh tức là không, không thì không phước hạnh, không tội hạnh, không bất động hạnh. Ở trong ba hạnh này mà không khởi, ấy là vào pháp môn không hai. Phước hạnh, tội hạnh, bất động hạnh là hai. Bất động hạnh là hạnh bất động như ngồi thiền định, không phải là phước cũng không phải là tội, đạt đến chỗ yên lặng tịch tĩnh, gọi là bất động hạnh. Ba hạnh này thấy như ba, nhưng thật tánh nó đều không thật, nên không có phước hạnh thật, tội hạnh thật và bất động hạnh thật. Hiểu rõ ba hạnh đó đều là không thật thì không còn khởi chấp, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Hoa Nghiêm nói: Từ ngã khởi hai là hai. Thấy thật tướng của ngã, không khởi hai pháp, nếu không trụ hai pháp thì không có thức, không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai. Từ ngã khởi phân biệt thấy có hai, thấy rõ thật tướng của ngã không thật thì không khởi pháp thứ hai, tức là không khởi phân biệt thì làm gì có hai. Vì niệm khởi là theo đối đãi, có ngã chấp nên khởi phân biệt thiện ác, tốt xấu, hơn thua, phải quấy; nếu không khởi hai thì không trụ pháp hai. Không có trụ pháp hai thì không có thức phân biệt đối đãi, cũng không có sở thức, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Đức Tạng nói: Có tướng sở đắc là hai. Nếu không sở đắc thì không thủ xả. Không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai. Nếu còn sở đắc là còn tướng hai. Nghĩa là có cái hay được và có cái bị được. Như vậy nếu thấy có cái được là còn thấy hai, nên còn có thủ xả. Nếu không có được thì không thủ xả, mà không thủ xả ấy là vào pháp môn không hai. Như trong kinh Bát-nhã có câu *dĩ vô sở đắc cố,* vì không có sở đắc. Bởi không sở đắc nên Bồ-tát diệt hết điên đảo, đạt đến cứu cánh Niết-bàn, thành tựu đức công viên mãn, được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tức là quả vị Phật. Nếu còn có sở đắc là chưa vào pháp môn không hai, thì đâu gọi là Bồ-tát, đâu gọi là Phật.

Bồ-tát Nguyệt Thượng nói: Tối cùng với sáng là hai. Không tối không sáng thì không có hai. Vì cớ sao? Như nhập Diệt thọ tưởng định, không tối không sáng,

tất cả pháp tướng cũng lại như thế, ở trong kia bình đẳng mà nhập, ấy là vào pháp môn không hai. Tối và sáng là hai. Khi sáu căn chạy theo sáu trần, phân biệt đối đãi mới có tối có sáng. Như người nhập Diệt thọ tưởng định tức là Diệt tận định, thì sáu căn không còn tiếp xúc sáu trần, nên không còn thấy hai. Như vậy người thấy có tối, có sáng hay tất cả các pháp tướng đều không hai thì được bình đẳng, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Bảo Ấn Thủ nói: Ưa Niết-bàn chẳng ưa thế gian là hai. Nếu chẳng ưa Niết-bàn chẳng chán thế gian ắt không có hai. Vì cớ sao? Nếu có trói ắt có mở. Nếu xưa không trói thì cầu mở làm gì? Không trói không mở thì không ưa không chán, ấy là vào pháp môn không hai. Ưa Niết-bàn, chẳng ưa thế gian, tức chán sanh tử là hai. Người tu hay mắc phải bệnh này. Nếu chẳng ưa Niết-bàn, chẳng chán sanh tử, đó là không hai. Vì có trói mới cầu mở, không trói thì đâu cần cầu mở. Thấy thế gian khổ vì cho nó là thật nên mới chán. Tưởng Niết-bàn là thật, là vui nên ưa Niết-bàn. Vì vậy mới có chán khổ cầu vui. Nay đã biết khổ không thật thì cầu vui làm gì. Như vậy tất cả khổ vui không thật nên không chán thế gian cũng không ưa Niết-bàn. Không trói không mở thì không ưa không chán. Vì thấy thế gian là trói buộc nên thấy Niết-bàn là giải thoát, nếu không thấy thế gian trói buộc thì cầu Niết-bàn giải thoát làm gì.

Như câu chuyện giữa tổ Tăng Xán và tổ Đạo Tín.

Tổ Đạo Tín thưa:

- Bạch Hòa thượng, xin dạy con pháp môn giải thoát.

Tổ Tăng Xán nói:

- Ai trói buộc ngươi?

- Bạch Hòa thượng, không ai trói.

- Đã không trói buộc, đâu cần cầu giải thoát.

Tổ bảo tìm lại coi trước có ai trói không, tìm lại không thấy ai trói buộc thì cầu giải thoát làm gì? Nếu trước không ai trói buộc, thì ai cầu giải thoát. Như chúng ta đang đi thong thả, tay chân tự do, có người lại nói: Để tôi mở trói cho huynh. Lúc đó chỉ cười và nói: Huynh sao vậy? Tôi có bị ai trói đâu mà mở!... Trừ khi nào mình bị trói vào gốc cây không đi được, mới cầu cứu người mở giùm. Nếu không bị trói, cầu người mở làm gì.

Nếu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi... đừng dính mắc thì ai trói mình. Như vậy rõ ràng không bị ai trói mà chỉ tự mình trói. Chúng ta giống con khỉ, thấy sợi dây nhiều màu xanh đỏ trắng vàng đẹp quá, vội chụp lấy, quấn vào tay chân thật chặt, rồi kêu trời, tôi bị trói, khổ quá! Như vậy ai trói? Tại ham muốn, thích sợi dây đẹp, tự mình quấn rồi kêu nhờ người mở. Tự quấn thì tự mở mới hợp lý. Chúng ta vốn không bị trói, mà vì mê lầm, ham muốn trói buộc. Chỉ cần dứt mê lầm thì đâu có gì trói mà cầu mở. Như vậy nếu chúng ta thấy được thật tánh của trói và mở thì

không còn ưa, không còn chán nữa, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Châu Đảnh Vương nói: Chánh đạo tà đạo là hai. Người trụ chánh đạo ắt chẳng phân biệt là tà là chánh, lìa hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai. Chúng ta quen có cái nhìn đây là tà kia là chánh, nên mới tồi tà phụ chánh, nghĩa là dẹp tà giúp chánh. Người trụ chánh đạo là trụ chỗ tâm không phân biệt tà chánh. Nếu lìa được hai việc này, ấy là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Nhạo Thật nói: Thật không thật là hai. Thật thấy đó còn không thấy thật, huống là chẳng phải thật (thấy)! Vì cớ sao? Chẳng phải chỗ thấy con mắt thịt, tuệ nhãn mới có thể thấy, mà tuệ nhãn này không thấy không chẳng thấy, ấy là vào pháp môn không hai. Thật không thật là hai, nghĩa là thấy được lẽ thật và không thấy được lẽ thật cho là hai. Nhưng chính cái thật đó còn không thật. Thí dụ như con mắt phàm tục của mình, thấy chỗ này là không, nhưng đâu có thật không, vì trong khoảng không đó còn có không khí, bụi và các chất khác. Nếu thật không thì chúng ta đã bị chết ngộp rồi. Như vậy con mắt thịt thấy không đúng lẽ thật, chỉ có mắt trí tuệ mới thấy đúng lẽ thật, mà con mắt trí tuệ thì không thấy hai, nên nói không thấy và không chẳng thấy, ấy là nhập pháp môn không hai.

Trên đây mỗi vị Bồ-tát đã trình bày từng phần chỗ thấy của mình, để giúp chúng ta phá hết những kiến chấp. Nếu chúng ta y theo một phần mà thâm nhập

được thì có thể giải được các bệnh, nên bài học của mỗi Bồ-tát là bài học chung cho tất cả.

Các vị Bồ-tát đều thấy được thật tướng của các pháp: Sanh, diệt. Ngã, ngã sở. Thọ, không thọ. Nhơ, sạch. Động, niệm. Một tướng, không tướng. Tâm Bồ-tát, tâm Thanh văn. Thiện, ác. Tội, phước. Hữu lậu, vô lậu. Hữu vi, vô vi. Thế gian, xuất thế gian. Sanh tử, Niết-bàn. Tận, vô tận. Ngã, ngã sở. Minh, vô minh. Sắc, sắc không. Bốn chủng khác, không chủng khác. Mắt, sắc. Bố thí, hồi hướng Nhất thiết trí. Không, vô tướng, vô tác. Phật, pháp, tăng. Thân, thân diệt v.v... Vì trên giả tướng các pháp có muôn ngàn hình tướng, còn về thể tánh thì các pháp không hai, nghĩa là không còn đối đãi sanh diệt. Như vậy các ngài chứng được pháp thật tướng, tức vô tướng là tướng chân như. Ấy là vào pháp môn không hai.

Như thế chư vị Bồ-tát mỗi vị đã nói rồi, mới hỏi ngài Văn-thù-sư-lợi: Thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Ngài Văn-thù nói: Như ý tôi, đối với tất cả pháp không nói không rằng, không chỉ bày không phân biệt, lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai.

Trước hết chư Bồ-tát dùng lời nói giải bày để phá chấp mê lầm cho mọi người, đến đây là phần kết thúc của Bồ-tát Văn-thù. Bồ-tát không giải bày căn cứ trên mê chấp mà nói chung rằng, đối với tất cả pháp không còn ngôn ngữ, không còn phân biệt, không chỉ bày,

lìa các hỏi đáp, ấy là vào pháp môn không hai. Như vậy, ngài phủ nhận tất cả ngôn ngữ. Vì ngôn ngữ phân biệt do đối đãi mà ra, nên nói dứt bặt ngôn ngữ tức là dứt tâm duyên. Ngôn ngữ và tâm duyên đều là tướng đối đãi. Lìa các tướng này, ấy là vào pháp môn không hai.

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi hỏi ông Duy-ma-cật: Chúng tôi mỗi người đã tự nói xong, Nhân giả phải nói thế nào là Bồ-tát vào pháp môn không hai?

Bấy giờ ông Duy-ma-cật lặng thinh không nói.

Ngài Văn-thù-sư-lợi khen: Lành thay, lành thay! Cho đến không có văn tự ngữ ngôn, đây thật là vào pháp môn không hai.

Bồ-tát Văn-thù hỏi cư sĩ Duy-ma-cật về pháp môn không hai, cư sĩ chỉ ngồi lặng thinh. Khi ấy Bồ-tát Văn-thù khen, đó mới chân thật vào pháp môn không hai. Các vị Bồ-tát trước trình bày không đúng hay sao mà ngài không khen, còn cư sĩ Duy-ma-cật lặng thinh, ngài lại khen? Đó là để chúng ta thấy sự tu hành phải có trình tự, phá từ những cái chấp riêng, chấp nhỏ sạch hết rồi mới phá chấp ngôn ngữ. Dùng ngôn ngữ phá chấp ngôn ngữ. Cuối cùng lặng thinh để kết thúc ngôn ngữ không thật. Như vậy để phá chấp ngôn ngữ, Bồ-tát Văn-thù dùng ngôn ngữ để phá còn cư sĩ Duy-ma-cật chỉ lặng thinh. Hai vị thông cảm nhau. Không phải chư vị Bồ-tát trước dở, mà các ngài dạy chúng ta trình tự tu hành, còn hai vị sau là chỉ chỗ cứu cánh.

Nếu chúng ta bắt chước theo cư sĩ Duy-ma-cật, ai hỏi điều gì không đáp được, chỉ ngồi lặng thinh để đối phương tưởng là chỗ đó không còn ngôn ngữ đối đáp, nếu đối đáp là trật! Đó chỉ là học lóm cư sĩ Duy-ma-cật, chứ đúng ra phải giải bày thấu tột trước rồi mới bỏ ngôn ngữ, như vậy mới đúng thứ lớp tu hành đưa đến chỗ chân thật.

Khi nói phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này, ở trong chúng đây, năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, được vô sanh pháp nhẫn. Sau khi nghe xong, trong hội chúng năm ngàn vị Bồ-tát đều vào pháp môn không hai, liền được vô sanh pháp nhẫn.

Như vậy phẩm Vào Pháp Môn Không Hai này chủ yếu là phá chấp đối đãi mê lầm của chúng ta từ muôn đời. Phàm những gì đối đãi đều là hư dối, mà ta lại dính mắc chấp trước nên trôi lăn mãi trong sanh tử luân hồi. Nay biết bản chất mọi đối đãi đều không thật, nếu ai ứng dụng tu thì được lợi ích thiết thực, ngay một lời dạy của Bồ-tát là đã thành Bồ-tát vào pháp môn không hai.

X- PHẨM PHẬT HƯƠNG TÍCH

Cõi Phật Hương Tích là cõi Phật do chứa nhóm mùi hương mà làm Phật sự. Đức Phật Hương Tích dùng mùi hương, tức hương trần để giáo hóa, còn đức Phật Thích-ca ở cõi Ta-bà dùng âm thanh, tức thanh trần để giáo hóa. Như vậy thanh trần và hương trần đều làm Phật sự được, không nhất định, tùy theo duyên của chúng sanh ở mỗi cõi. Khi hiểu được tên mỗi phẩm là chúng ta biết được trọng tâm của phẩm đó.

Chánh văn:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất khởi nghĩ: "Gần đến giờ Ngọ, các vị Bồ-tát đây sẽ lấy gì ăn?" Bấy giờ ông Duy-ma-cật biết ý ngài Xá-lợi-phất mà nói rằng:

- Phật nói có tám món giải thoát, nhân giả đã vâng làm thì đâu có xen tạp tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn hãy đợi trong chốc lát, tôi sẽ khiến các ngài được các thức ăn chưa từng có.

Lúc ấy ông Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy ở cõi nước phương trên, trải qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích, hiện nay vẫn còn ở nơi đó. Mùi hương của nước ấy so với mùi hương của mười phương thế giới chư Phật, cõi trời cõi người, rất là bậc nhất. Cõi nước Chúng Hương đó không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, Phật vì họ nói pháp. Thế giới kia tất cả đều dùng hương để làm lầu gác, kinh hành trên đất hương, vườn cây đều là hương, khi ăn cơm mùi hương bay khắp mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy đức Phật kia cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn, có các vị thiên tử đồng hiệu là Hương Nghiêm, thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cúng dường đức Phật kia và các vị Bồ-tát, đại chúng đây đều thấy rõ ràng.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật hỏi chúng Bồ-tát:

- Các nhân giả, ai có thể đến cõi Phật kia để xin cơm?

Do sức oai thần của ngài Văn-thù-sư-lợi, thảy đều làm thinh. Ông Duy-ma-cật nói:

- Các nhân giả trong đại chúng đây, không biết hổ thẹn sao?

Ngài Văn-thù nói:

- Như lời Phật dạy, chớ khinh người chưa học.

Khi ấy ông Duy-ma-cật ngồi yên tại chỗ, ở trước hội chúng hóa ra làm một vị Bồ-tát tướng đẹp trang nghiêm sáng rỡ, oai đức thù thắng che lấp cả hội chúng. Ông bảo vị hóa Bồ-tát đó rằng:

- Ông đi đến thế giới phương trên, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có một nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn. Ông đến chỗ kia, như lời tôi dặn mà nói: "Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thưa hỏi ngài ở yên, ít bệnh ít não, khí lực an ổn chăng? Cúi mong được Thế Tôn cho phần dư cơm của ngài, đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cũng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều biết đều nghe."

Bấy giờ hóa Bồ-tát ở trước hội chúng thăng lên phương trên, cả chúng đều trông thấy hóa Bồ-tát đến thế giới Chúng Hương, lễ dưới chân đức Phật Hương Tích, lại nghe vị hóa Bồ-tát nói:

- Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thăm hỏi ở yên, ít bệnh ít não, khí lực có được bình an chăng? Cúi mong được phần cơm dư của Thế Tôn, muốn đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cùng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều nghe biết.

Các Bồ-tát kia thấy vị hóa Bồ-tát này, khen ngợi chưa từng có, liền hỏi đức Phật:

- Nay thượng nhân này từ chỗ nào đến? Thế giới Ta-bà là ở đâu? Vì sao gọi là người ưa pháp nhỏ?

Đức Phật bảo rằng:

- Ở phương dưới qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, hiện nay ở trong đời ác ngũ trược vì chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn bày đạo giáo. Ở cõi đó có Bồ-tát tên Duy-ma-cật trụ Bất khả tư nghì giải thoát, vì những vị Bồ-tát nói pháp nên sai vị hóa Bồ-tát đến đây, khen ngợi danh hiệu của ta cùng tán thán cõi này, khiến cho những vị Bồ-tát kia được tăng trưởng công đức.

Những vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương thưa rằng:

- Vị đó như thế nào mà biến được vị hóa Bồ-tát đức lực vô úy, thần túc dường này?

Phật nói:

- Rất lớn! Tất cả mười phương ông đều có thể sai hóa Bồ-tát đến, để làm những Phật sự lợi ích cho chúng sanh.

Khi ấy đức Như Lai Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm thơm cho vị hóa Bồ-tát. Bấy giờ chín trăm muôn vị Bồ-tát đều lên tiếng thưa rằng:

- Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca-mâu-ni, và muốn thấy ông Duy-ma-cật cùng các chúng Bồ-tát.

Phật bảo:

- Nên đi. Nhưng phải nhiếp mùi hương ở thân các ông, không để những chúng sanh kia khởi tâm đắm trước. Lại phải xả thân cũ của các ông, chớ khiến những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà tự thấy hổ thẹn. Lại các ông đến đó chớ đem lòng khinh chê mà khởi tưởng ngại. Vì cớ sao? Vì mười phương cõi nước đều như hư không. Lại chư Phật vì muốn giáo hóa những người ưa pháp nhỏ, nên không hiện hết cõi nước thanh tịnh kia.

Khi ấy hóa Bồ-tát nhận được bát cơm, cùng với chín trăm muôn vị Bồ-tát đồng nương oai thần của Phật và sức của ông Duy-ma-cật, ở thế giới kia bỗng dưng biến mất, trong khoảng chốc lát đến thất ông Duy-ma-cật.

Lúc đó ông Duy-ma-cật liền hóa chín trăm muôn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các vị Bồ-tát đều ngồi trên tòa kia. Rồi vị hóa Bồ-tát đem bát cơm thơm đầy dâng cho ông Duy-ma-cật, hương thơm của cơm bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả tam thiên đại thiên thế giới.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly, những vị Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này, thân ý rất thích thú, khen ngợi chưa từng có! Lúc ấy ông trưởng giả

chủ là Nguyệt Cái cùng với tám muôn bốn ngàn người đi đến thất ông Duy-ma-cật, thấy trong thất này rất nhiều Bồ-tát, các tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đều rất hoan hỷ, lễ chúng Bồ-tát và đại đệ tử, đứng lui qua một bên. Các vị địa thần, hư không thần và chư thiên ở Dục giới, Sắc giới ngửi được mùi hương này cũng đều đến, vào thất cư sĩ Duy-ma-cật.

Bấy giờ cư sĩ Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất cùng các vị đại Thanh văn:

- Nhân giả có thể dùng, cơm vị cam lồ của Như Lai do tâm đại bi huân tập, không nên dùng ý giới hạn mà ăn cơm đó, khiến nó không tiêu.

Có các vị Thanh văn khác nghĩ: "Cơm này ít mà đại chúng đây mỗi người đều ăn làm sao no?" Hóa Bồ-tát nói:

- Chớ dùng đức nhỏ trí nhỏ của Thanh văn mà so lường với phước đức trí tuệ vô lượng của Như Lai! Nước bốn biển có thể khô cạn, cơm này không thể hết! Giả sử tất cả người ăn, nắm cơm bằng núi Tu-di, cho đến một kiếp vẫn không thể hết. Vì cớ sao? Vì là thức ăn dư của bậc đầy đủ công đức vô tận giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trọn không thể hết.

Lúc đó cả hội chúng đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ không hết. Những vị Bồ-tát kia, Thanh văn, chư thiên, người ăn cơm này rồi, thân an ổn vui vẻ, ví như chư Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc

Trang Nghiêm vậy. Lại các lỗ chân lông đều toát ra mùi hương vi diệu, cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi Bồ-tát ở cõi Chúng Hương:

- Đức Như Lai Hương Tích dùng cái gì để nói pháp?

Bồ-tát kia đáp:

- Như Lai ở cõi nước tôi không dùng văn tự nói, chỉ dùng các mùi hương khiến cho trời người được vào luật hạnh. Các vị Bồ-tát ngồi dưới cội cây hương, ngửi được mùi hương vi diệu kia liền được tam-muội Nhất thiết đức tạng. Được tam-muội này thảy đều có đầy đủ công đức của Bồ-tát.

Các vị Bồ-tát kia hỏi ông Duy-ma-cật:

- Nay Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni dùng cái gì để nói pháp?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi này chúng sanh cang cường khó giáo hóa, thế nên Phật nói những lời cang cường để điều phục họ. Nói đây là địa ngục, đây là súc sanh, đây là ngạ quỷ, đây là chỗ các nạn, đây là chỗ người ngu sanh. Đây là thân tà hạnh, đây là quả báo thân tà hạnh. Đây là khẩu tà hạnh, đây là quả báo khẩu tà hạnh. Đây là ý tà hạnh, đây là quả báo ý tà hạnh.

Đây là sát sanh, đây là quả báo sát sanh. Đây là trộm cắp, đây là quả báo trộm cắp. Đây là tà dâm, đây là quả báo tà dâm. Đây là vọng ngữ, đây là quả báo vọng ngữ. Đây là lưỡng thiệt, đây là quả báo lưỡng thiệt. Đây là ác khẩu, đây là quả báo ác khẩu. Đây là lời nói vô nghĩa, đây là quả báo lời nói vô nghĩa. Đây là tham lam tật đố, đây là quả báo tham lam tật đố. Đây là sân não, đây là quả báo sân não. Đây là tà kiến, đây là quả báo tà kiến.

Đây là xan tham, đây là quả báo xan tham. Đây là hủy giới, đây là quả báo hủy giới. Đây là nóng giận, đây là quả báo nóng giận. Đây là lười biếng, đây là quả báo lười biếng. Đây là ý loạn, đây là quả báo ý loạn. Đây là ngu si, đây là quả báo ngu si.

Đây là kiết giới, đây là trì giới, đây là phạm giới. Đây là nên làm, đây là không nên làm. Đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại. Đây là mắc tội, đây là lìa tội. Đây là tịnh, đây là cấu. Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là tà đạo, đây là chánh đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là Niết-bàn...

Do người khó giáo hóa, tâm như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu thứ pháp để chế ngự tâm kia, mới có thể điều phục được. Ví như voi ngựa hung dữ khó điều phục, phải thêm những hình phạt đau thấu xương, rồi sau mới điều phục được. Như thế chúng sanh cang cường khó giáo hóa này, nên phải

dùng tất cả những lời thống khổ, mới có thể vào được luật nghi.

Những vị Bồ-tát kia nghe lời ấy rồi, đều nói:

- Thật chưa từng có! Đức Phật Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn ẩn sức vô lượng tự tại của ngài, mới đem pháp người nghèo ưa thích mà độ thoát chúng sanh. Các vị Bồ-tát ở đây cũng chịu nhọc nhằn mà không khoe công, do vô lượng đại bi mà sanh ở cõi Phật này.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát ở cõi này đối với các chúng sanh, tâm đại bi kiên cố thật như lời các ngài nói. Song một đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi Ta-bà, nhiều hơn cõi khác trăm ngàn kiếp. Vì cớ sao? Vì thế giới Ta-bà này có mười pháp lành, những cõi tịnh khác thì không thể có. Những gì là mười? 1- Dùng bố thí nhiếp độ bần cùng. 2- Dùng tịnh giới nhiếp độ phá giới. 3- Dùng nhẫn nhục nhiếp độ sân nhuế. 4- Dùng tinh tấn nhiếp độ giải đãi. 5- Dùng thiền định nhiếp độ loạn ý. 6- Dùng trí tuệ nhiếp độ ngu si. 7- Nói pháp trừ nạn để người qua khỏi tám nạn. 8- Dùng pháp Đại thừa độ người ưa pháp Tiểu thừa. 9- Dùng các căn lành giúp người không có đức. 10- Thường dùng Tứ nhiếp pháp để thành tựu chúng sanh. Ấy là mười pháp lành.

Những vị Bồ-tát kia hỏi:

- Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp ở thế giới này hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát thành tựu tám pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh.

Những gì là tám pháp? 1- Làm lợi ích chúng sanh mà không mong đền đáp. 2- Thay tất cả chúng sanh chịu những khổ não, tạo các công đức đều thí cho họ. 3- Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hạ không ngại. 4- Đối với Bồ-tát xem như Phật. 5- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6- Không cùng với hàng Thanh văn mà chẳng trái nhau. 7- Chẳng tật đố người kia được cúng dường, không tự cao khi được lợi, ở trong đó mà điều phục tâm mình. 8- Thường xét lỗi mình, không bàn nói điều xấu của người. Thường dùng nhất tâm, cầu các công đức. Ấy là tám pháp.

Ông Duy-ma-cật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng khi nói pháp này rồi, thì trăm ngàn trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn vị Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn.

Giảng:

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất khởi nghĩ: "Gần đến giờ Ngọ, các vị Bồ-tát đây sẽ lấy gì ăn?" Bấy giờ ông Duy-ma-cật biết ý ngài Xá-lợi-phất mà nói rằng:

- Phật nói có tám món giải thoát, nhân giả đã vâng làm thì đâu có xen tạp tâm muốn ăn mà nghe pháp ư? Nếu muốn ăn hãy đợi trong chốc lát, tôi sẽ khiến các ngài được các thức ăn chưa từng có.

Gần đến giờ thọ trai, các vị Bồ-tát vẫn ngồi nghe pháp, nên tôn giả Xá-lợi-phất khởi nghĩ, đệ tử Phật chỉ ăn ngọ mà chư Bồ-tát chưa có gì để ăn. Cư sĩ Duy-ma-cật biết được ý này mới quở: Các vị Thanh văn tu lấy bát giải thoát làm gốc, tâm thanh tịnh không khởi niệm. Tại sao đang nghe pháp lại nghĩ đến thức ăn? Như vậy là trái với đạo lý rồi. Nói như thế nhưng ông vẫn chuẩn bị.

Lúc ấy ông Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy ở cõi nước phương trên, trải qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật có nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích, hiện nay vẫn còn ở nơi đó. Mùi hương của nước ấy so với mùi hương của mười phương thế giới chư Phật, cõi trời cõi người, rất là bậc nhất. Cõi nước Chúng Hương đó không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, Phật vì họ nói pháp. Thế giới kia tất cả đều dùng hương để làm lầu gác, kinh hành trên đất hương, vườn cây đều là hương, khi ăn cơm mùi hương bay khắp mười phương vô lượng thế giới. Khi ấy đức Phật kia cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn, có các vị thiên tử đồng hiệu là Hương Nghiêm, thảy đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cúng dường đức Phật kia và các vị Bồ-tát, đại chúng đây đều thấy rõ ràng.

Cư sĩ Duy-ma-cật liền nhập chánh định, dùng sức thần thông thị hiện cho đại chúng thấy cảnh và Phật sự ở cõi Chúng Hương, do đức Phật Hương Tích giáo hóa. Dân ở cõi này chỉ có hàng Bồ-tát, không có Thanh văn,

Bích-chi, huống là hạng phàm phu như chúng ta. Mùi hương cõi nước Chúng Hương so với mùi hương của cõi người, cõi trời, và cõi chư Phật, không đâu sánh bằng. Khi ấy đại chúng có mặt trong thất cư sĩ Duy-ma-cật đều thấy Phật và Bồ-tát đang ngồi ăn, mùi hương của cơm bay khắp mười phương vô lượng thế giới, các ngài đều ngửi mùi thơm ấy.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật hỏi chúng Bồ-tát:

- Các nhân giả, ai có thể đến cõi Phật kia để xin cơm?

Do sức oai thần của ngài Văn-thù-sư-lợi, thảy đều làm thinh. Ông Duy-ma-cật nói:

- Các nhân giả trong đại chúng đây, không biết hổ thẹn sao?

Ngài Văn-thù nói:

- Như lời Phật dạy, chớ khinh người chưa học.

Khi ấy ông Duy-ma-cật ngồi yên tại chỗ, ở trước hội chúng hóa làm ra một vị Bồ-tát tướng đẹp trang nghiêm sáng rỡ, oai đức thù thắng che lấp cả hội chúng.

Cư sĩ Duy-ma-cật hỏi trong chúng đây có ai lên cõi nước Chúng Hương xin cơm về được không? Ngài Văn-thù-sư-lợi dùng sức oai thần ngăn chặn không cho chư Bồ-tát thi thố tài năng, khiến đại chúng làm thinh, để cư sĩ Duy-ma-cật nói có vẻ ngạo nghễ, các ông trong đại chúng đây không biết hổ thẹn sao? Vì muốn an ủi đại chúng nên Bồ-tát Văn-thù nói:

Như lời Phật đã dạy, chớ khinh người chưa học. Tuy hiện nay họ chưa làm được, nhưng mai kia cũng sẽ được.

Cảnh của đức Phật Hương Tích và chư Bồ-tát trong nước đó, là do chánh định của cư sĩ Duy-ma-cật hiện ra, thế nên người đến được cõi đó xin cơm phải có dụng thần biến khế hợp, tức là thể dụng không hai mới được. Nếu thể của người này mà dụng của người khác là trái với lý đạo. Vì vậy cõi Phật do chánh định của cư sĩ Duy-ma-cật hóa hiện thì cũng chính ông hóa ra vị Bồ-tát rất đẹp đẽ, trang nghiêm vượt hơn tất cả hội chúng đang có mặt, đến đó xin cơm chứ không ai khác. Vị hóa Bồ-tát là dụng, nhập chánh định là thể, tức thể dụng không hai. Như vậy, hàng Bồ-tát khi thể nhập chỗ chân thật, hay thể nhập bản thể chân như thì tùy ý muốn thấy muốn hiện tự tại vô ngại.

Ông bảo vị hóa Bồ-tát đó rằng:

- Ông đi đến thế giới phương trên, qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có một nước tên là Chúng Hương, đức Phật hiệu là Hương Tích cùng với các vị Bồ-tát đang ngồi ăn. Ông đến chỗ kia, như lời tôi dặn mà nói: "Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thưa hỏi ngài ở yên, ít bệnh ít não, khí lực an ổn chăng? Cúi mong được Thế Tôn cho phần dư cơm của ngài, đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cũng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều biết đều nghe."

Bấy giờ hóa Bồ-tát ở trước hội chúng thăng lên phương trên, cả chúng đều trông thấy hóa Bồ-tát đến thế giới Chúng Hương, lễ dưới chân đức Phật Hương Tích, lại nghe vị hóa Bồ-tát nói:

- Ông Duy-ma-cật cúi đầu đảnh lễ dưới chân Thế Tôn, rất cung kính vô lượng, thăm hỏi ở yên, ít bệnh ít não, khí lực có được bình an chăng? Cúi mong được phần cơm dư của Thế Tôn, muốn đem về thế giới Ta-bà để làm Phật sự, khiến những người ưa pháp nhỏ này được mở rộng đạo lớn, cùng khiến tiếng tăm của Như Lai khắp nơi đều nghe biết.

Đoạn này có hai ý:

- Mọi hoạt động và sự tu hành ở cõi nước Chúng Hương của đức Phật Hương Tích, đều lấy mùi hương làm phương tiện giáo hóa.

- Cõi nước Chúng Hương do cư sĩ Duy-ma-cật nhập chánh định hóa hiện ra. Cõi nước khác muốn xin cơm cõi nước đó về cũng là hóa thân của cư sĩ Duy-ma-cật mới được. Đó là lý thể dụng không hai của chư Phật, chư Bồ-tát khi muốn thực hiện một Phật sự.

Các Bồ-tát kia thấy vị hóa Bồ-tát này, khen ngợi chưa từng có, liền hỏi đức Phật:

- Nay thượng nhân này từ chỗ nào đến? Thế giới Ta-bà là ở đâu? Vì sao gọi là người ưa pháp nhỏ?

Vì đến cõi nước thanh tịnh, vị hóa Bồ-tát đó có đức độ và dung mạo oai nghiêm đẹp đẽ, nên các vị Bồ-tát kia khen ngợi chưa từng có. Ở thế giới này chỉ

toàn là Bồ-tát, không có danh từ Thanh văn, Bích-chi Phật, huống nữa là có người ưa pháp nhỏ, tam quy ngũ giới, nên các vị thắc mắc đồng hỏi Phật.

Đức Phật bảo rằng:

- Ở phương dưới qua bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên Ta-bà, Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni, hiện nay ở trong đời ác ngũ trược vì chúng sanh ưa pháp nhỏ mà diễn bày đạo giáo. Ở cõi đó có Bồ-tát tên Duy-ma-cật trụ Bất khả tư nghì giải thoát, vì những vị Bồ-tát nói pháp nên sai vị hóa Bồ-tát đến đây, khen ngợi danh hiệu của ta cùng tán thán cõi này, khiến cho những vị Bồ-tát kia được tăng trưởng công đức.

Đức Phật Hương Tích giới thiệu cho chư Bồ-tát ở cõi nước Chúng Hương về thế giới Ta-bà. Từ cõi này nhìn xuống, phải qua bốn mươi hai số cát sông Hằng cõi Phật mới đến được. Số cát một con sông Hằng còn không thể đếm hết, huống là bốn mươi hai số cát sông Hằng làm sao tính được. Đó là con số quá sức tưởng tượng, để diễn tả khoảng cách xa giữa hai cõi Phật.

Những vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương thưa rằng:

- Vị đó như thế nào mà biến được vị hóa Bồ-tát đức lực vô úy, thần túc dường này?

Phật nói:

- Rất lớn! Tất cả mười phương ông đều có thể sai hóa Bồ-tát đến, để làm những Phật sự lợi ích cho chúng sanh.

Chư vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương ngạc nhiên, không biết năng lực cư sĩ Duy-ma-cật thế nào mà có thể hóa ra vị Bồ-tát có sức công đức không sợ sệt, sức thần túc như vậy. Phật Hương Tích nói, không những thế mà ông còn có thể hóa ra nhiều vị Bồ-tát đến khắp mười phương để làm Phật sự.

Khi ấy đức Như Lai Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm thơm cho vị hóa Bồ-tát. Bấy giờ chín trăm muôn vị Bồ-tát đều lên tiếng thưa rằng:

- Chúng con muốn đến thế giới Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca-mâu-ni, và muốn thấy ông Duy-ma-cật cùng các chúng Bồ-tát.

Phật bảo:

- Nên đi. Nhưng phải nhiếp mùi hương ở thân các ông, không để những chúng sanh kia khởi tâm đắm trước. Lại phải xả thân cũ của các ông, chớ khiến những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà tự thấy hổ thẹn. Lại các ông đến đó chớ đem lòng khinh chê mà khởi tưởng ngại. Vì có sao? Vì mười phương cõi nước đều như hư không. Lại chư Phật vì muốn giáo hóa những người ưa pháp nhỏ, nên không hiện hết cõi nước thanh tịnh kia.

Đức Phật Hương Tích lấy bát Chúng Hương chứa đầy một bát cơm cho vị hóa Bồ-tát. Ngài đồng ý cho chư Bồ-tát đến cõi Ta-bà cúng dường đức Phật Thích-ca, diện kiến cư sĩ Duy-ma-cật cùng chúng Bồ-tát và dặn dò ba điều kiện:

- Phải nhiếp mùi thơm nơi thân các ông lại, vì sợ chúng sanh cõi Ta-bà ưa thích mê say. Phật Hương Tích biết tâm lý chúng sanh cõi này dễ bị mùi thơm mê hoặc.

- Phải xả thân hình đẹp đẽ, để những vị cầu Bồ-tát ở cõi Ta-bà không hổ thẹn.

- Không nên thấy cõi này xấu xa rồi khinh chê mà sanh tưởng ngại. Vì đức Phật nào khi thành Phật rồi công đức cũng ngang nhau, cũng đều có thể hiện cõi nước thanh tịnh. Nhưng sao cõi Ta-bà này lại xấu xa ô trược? Do Phật Thích-ca muốn giáo hóa những người căn cơ mỏng cạn thấp, cho nên phải hiện cõi nước như vậy, chứ công đức của chư Phật không có sai biệt.

Khi ấy hóa Bồ-tát nhận được bát cơm, cùng với chín trăm muôn vị Bồ-tát đồng nương oai thần của Phật và sức của ông Duy-ma-cật, ở thế giới kia bỗng dưng biến mất, trong khoảng chốc lát đến thất ông Duy-ma-cật.

Lúc đó ông Duy-ma-cật liền hóa chín trăm muôn tòa sư tử trang nghiêm tốt đẹp như trước, các vị Bồ-tát đều ngồi trên tòa kia. Rồi vị hóa Bồ-tát đem bát cơm thơm đầy dâng cho ông Duy-ma-cật, hương thơm của cơm bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả tam thiên đại thiên thế giới.

Hương thơm của cơm trong bát bay khắp thành Tỳ-da-ly và cả mười phương thế giới. Đó là những hình ảnh thể dụng tương ưng của một vị Bồ-tát làm Phật sự.

Khi ấy ở thành Tỳ-da-ly, những vị Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này, thân ý rất thích thú, khen ngợi chưa từng có! Lúc ấy ông trưởng giả chủ là Nguyệt Cái cùng với tám muôn bốn ngàn người đi đến thất ông Duy-ma-cật, thấy trong thất này rất nhiều Bồ-tát, các tòa sư tử cao rộng đẹp đẽ, đều rất hoan hỷ, lễ chúng Bồ-tát và đại đệ tử, đứng lui qua một bên. Các vị địa thần, hư không thần và chư thiên ở Dục giới, Sắc giới ngửi được mùi hương này cũng đều đến, vào thất ông Duy-ma-cật.

Trong thất cư sĩ Duy-ma-cật, ban đầu chỉ có các vị đệ tử lớn của Phật như ngài Xá-lợi-phất,... và các vị Bồ-tát. Lại thêm chư Bồ-tát ở nước Hương Tích đến. Hương thơm của cơm bay tỏa khắp, khiến chư thần, Bà-la-môn, cư sĩ... ngửi được mùi thơm này đều quy tụ đầy đủ.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất cùng các vị đại Thanh văn:

- Nhân giả có thể dùng, cơm vị cam lồ của Như Lai do tâm đại bi huân tập, không nên dùng ý giới hạn mà ăn cơm đó, khiến nó không tiêu.

Cơm này là cơm của Phật, do tâm đại bi huân tập mà thành, nên khi ăn đừng dùng tâm hạn lượng nhỏ hẹp mà ăn ắt khó tiêu.

Có các vị Thanh văn khác nghĩ: "Cơm này ít mà đại chúng đây mỗi người đều ăn làm sao no?" Hóa Bồ-tát nói:

- Chớ dùng đức nhỏ trí nhỏ của Thanh văn mà so lường với phước đức trí tuệ vô lượng của Như Lai! Nước bốn biển có thể khô cạn, cơm này không thể hết! Giả sử tất cả người ăn, nắm cơm bằng núi Tu-di, cho đến một kiếp vẫn không thể hết. Vì cớ sao? Vì là thức ăn dư của bậc đầy đủ công đức vô tận giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, trọn không thể hết.

Cơm của đức Phật Hương Tích là cơm thơm của ngũ phần pháp thân hương: hương giới, hương định, hương tuệ, hương giải thoát, hương giải thoát tri kiến. Vì sao năm thứ này là thơm? Chúng sanh ở cõi Ta-bà nhớp nhúa, mang thân xấu xí hôi hám mà giữ được năm phần đó trọn vẹn, cũng có mùi thơm. Như vậy mùi thơm này là hương của đạo đức, chứ không phải hương chế biến từ các loại hoa.

Ở thế gian, những gia đình có nề nếp đàng hoàng, dạy con cháu phải để lại danh thơm tiếng tốt cho đời. Danh thơm là chỉ cho đức hạnh tốt, hạnh kiểm tốt, hành động tốt, sau khi chết đi mọi người còn nhớ tiếc. Đó là nói theo thế tục. Còn trong đạo, danh thơm nhất muôn đời không quên là giới luật trọn vẹn, định, tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến đầy đủ. Người nào đủ năm phần này tức đầy đủ đạo đức, thì những phần thừa hoặc cơm dư của họ có giúp hay cho người khác hưởng, trọn đời trọn kiếp cũng không hết.

Tóm lại, ý nghĩa mùi thơm ở cõi Chúng Hương của đức Phật Hương Tích, là do chứa nhóm những công đức như vậy.

Lúc đó cả hội chúng đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ không hết. Những vị Bồ-tát kia, Thanh văn, chư thiên, người ăn cơm này rồi, thân an ổn vui vẻ, ví như chư Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm vậy. Lại các lỗ chân lông đều toát ra mùi hương vi diệu, cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương.

Cả chúng hội đều ăn no mà bát cơm vẫn như cũ. Vì bát cơm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến không thể hết được. Dù cho Bồ-tát hay trời, người ăn cơm này rồi, đều được thân an ổn tâm vui vẻ, giống như những vị Bồ-tát ở cõi nước Nhất Thiết Lạc Trang Nghiêm. Mỗi lỗ chân lông của các Bồ-tát này đều toát ra mùi hương vi diệu cũng như mùi thơm của các cây ở cõi nước Chúng Hương. Từ sự tướng để bày ra lý ngũ phần pháp thân hương. Ai tu mà năm phần này được đầy đủ thì thể nhập được pháp thân. Năm phần pháp thân hương này, dù người tu ở cõi nào mà giữ gìn trọn vẹn thì đều được mùi hương giống nhau, sẽ được nguồn vui vô tận như chư Bồ-tát kia không khác.

Khi ấy ông Duy-ma-cật hỏi Bồ-tát ở cõi Chúng Hương:

- Đức Như Lai Hương Tích dùng cái gì để nói pháp?

Bồ-tát kia đáp:

- Như Lai ở cõi nước tôi không dùng văn tự nói, chỉ dùng các mùi hương khiến cho trời người được vào luật hạnh. Các vị Bồ-tát ngồi dưới cội cây hương, ngửi được mùi hương vi diệu kia liền được tam-muội Nhất thiết đức tạng. Được tam-muội này thảy đều có đầy đủ công đức của Bồ-tát.

Tam-muội Nhất thiết đức tạng tức là chánh định Đức tạng, nhập được tam-muội này thì tất cả công đức đều đầy đủ. Đức Phật ở cõi Chúng Hương không dùng phương tiện ngôn ngữ để thuyết pháp mà chỉ dùng mùi hương để giáo hóa. Mùi hương của giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, ai gần thì được thơm lây. Người ngồi dưới cội cây hương, ngửi mùi hương vi diệu liền được chánh định. Vì vậy không phải chỉ dùng ngôn ngữ mới làm Phật sự. Có khi nhờ giữ giới, nhờ sức an định hoặc nhờ trí tuệ... dùng làm phương tiện giáo hóa chứ không phải nói cho họ nghe để họ phát tâm. Đôi khi những lời nói không có giá trị bằng việc làm của tự thân. Đó là ý nghĩa giáo hóa của cõi Chúng Hương.

Các vị Bồ-tát kia hỏi ông Duy-ma-cật:

- Nay Thế Tôn Thích-ca-mâu-ni dùng cái gì để nói pháp?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Cõi này chúng sanh cang cường khó giáo hóa, thế nên Phật nói những lời cang cường để điều phục họ. Nói đây là địa ngục, đây là súc sanh, đây là ngạ quỷ, đây là chỗ các nạn, đây là chỗ người ngu sanh. Đây là thân tà hạnh, đây là quả báo thân tà hạnh. Đây là khẩu tà hạnh, đây là quả báo khẩu tà hạnh. Đây là ý tà hạnh, đây là quả báo ý tà hạnh.

Đây là sát sanh, đây là quả báo sát sanh. Đây là trộm cắp, đây là quả báo trộm cắp. Đây là tà dâm, đây là quả báo tà dâm. Đây là vọng ngữ, đây là quả báo vọng ngữ. Đây là lưỡng thiệt, đây là quả báo lưỡng thiệt.

Đây là ác khẩu, đây là quả báo ác khẩu. Đây là lời nói vô nghĩa, đây là quả báo lời nói vô nghĩa. Đây là tham lam tật đố, đây là quả báo tham lam tật đố. Đây là sân não, đây là quả báo sân não. Đây là tà kiến, đây là quả báo tà kiến.

Đây là xan tham, đây là quả báo xan tham. Đây là hủy giới, đây là quả báo hủy giới. Đây là nóng giận, đây là quả báo nóng giận. Đây là lười biếng, đây là quả báo lười biếng. Đây là ý loạn, đây là quả báo ý loạn. Đây là ngu si, đây là quả báo ngu si.

Đây là kiết giới, đây là trì giới, đây là phạm giới. Đây là nên làm, đây là không nên làm. Đây là chướng ngại, đây là không chướng ngại. Đây là mắc tội, đây là lìa tội. Đây là tịnh, đây là cấu. Đây là hữu lậu, đây là vô lậu. Đây là tà đạo, đây là chánh đạo. Đây là hữu vi, đây là vô vi. Đây là thế gian, đây là Niết-bàn...

Do người khó giáo hóa, tâm như khỉ vượn, nên dùng bao nhiêu thứ pháp để chế ngự tâm kia, mới có thể điều phục được. Ví như voi ngựa hung dữ khó điều phục, phải thêm những hình phạt đau thấu xương, rồi sau mới điều phục được. Như thế chúng sanh cang cường khó giáo hóa này, nên phải dùng tất cả những lời thống khổ, mới có thể vào được luật nghi.

Những vị Bồ-tát kia nghe lời ấy rồi, đều nói:

- Thật chưa từng có! Đức Phật Thích-ca-mâu-ni Thế Tôn ẩn sức vô lượng tự tại của ngài, mới đem pháp người nghèo ưa thích mà độ thoát chúng sanh. Các vị

Bồ-tát ở đây cũng chịu nhọc nhằn mà không khoe công, do vô lượng đại bi mà sanh ở cõi Phật này.

Cư sĩ Duy-ma-cật nói chúng sanh ở cõi nước này cang cường khó điều phục, nên Phật phải dùng nhiều cách để khuyên dạy họ. Thí dụ đứa bé nhút nhát, thấy ba má cầm roi thì run sợ, còn đứa ngang bướng, càng đánh càng đổ lỳ không sợ, cũng không chịu sửa lỗi, nên nói đứa bé đó khó dạy khó bảo. Đức Phật dạy, nếu tạo nghiệp ác sẽ đọa trong ba đường dữ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ở địa ngục thì bị quỷ sứ cầm chĩa ba đâm, bị ôm cột đồng cháy, bỏ vào chảo dầu sôi, uống nước đồng sôi... Những điều đó nghe thật đáng sợ, nhưng lâu rồi quên, lại tiếp tục tạo tội. Vậy chúng sanh ở cõi này có cang cường không? Đức Phật nói cụ thể từng quả của mỗi tội, nói dối sẽ bị quả báo của tội nói dối, nóng giận sẽ bị quả báo của nóng giận, làm việc tà kiến, lười biếng, tham lam sẽ bị quả báo gì... Lẽ ra nghe như vậy phải sợ, không dám phạm mà ráng tu chứ đâu dám buông trôi, mới là người hiền dễ dạy. Thế mà nghe, học thuộc làu rồi, nhưng tội lỗi vẫn không chừa bỏ. Ngẫm kỹ mới thấy chúng sanh cõi này thật ngỗ nghịch khó dạy, cứng đầu cứng cổ, ngu si chấp trước những thứ tạm bợ của thế gian, nên Phật gọi là nan điều nan phục.

Như những đứa con mê say rượu chè, hút thuốc, xì ke ma túy... cha mẹ rầy đánh cũng không bỏ, càng tỏ ra lỳ lợm hơn. Chúng không biết những thú vui ngũ dục là tạm bợ, tầm thường giả dối. Bởi cang cường quá nên Phật phải dùng những lời lẽ mạnh mẽ, nhiều pháp răn dạy để chỉ rõ đâu là tà đâu là chánh, đây là hữu vi

đây là vô vi... Vậy mà vẫn chưa thức tỉnh, tâm như khỉ vượn chạy nhảy lăng xăng không lúc nào dừng, nên Phật mới lập bày giới luật để chế ngự tâm kia. Ví như con voi con ngựa quá hung hăng, khó điều phục thì phải dùng câu dùng móc, hoặc cây có mũi nhọn châm vào da thịt cho đau thấu xương, mới có thể lôi kéo nó được. Nếu tâm bình lặng như các vị Bồ-tát ở cõi Chúng Hương thì đâu cần phải chế giới.

Chư Bồ-tát ở cõi Chúng Hương nghe cư sĩ Duy-ma-cật diễn tả đức Phật Thích-ca giáo hóa ở cõi Ta-bà rất khó nhọc, vì chúng sanh tâm bệnh quá nhiều, các vị đều khen ngợi thật chưa từng có, ngài đã ẩn sức vô lượng tự tại, vì độ những kẻ ưa thích pháp nhỏ mà ở trong cảnh khó khăn đó. Lại khen các vị Bồ-tát do tâm đại bi vô lượng mới hiện sanh ở cõi này phải hết sức khiêm hạ, hết sức nhọc nhằn vì nguyện lực độ sanh. Đó là lời tán thán của các vị Bồ-tát ở cõi kia.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát ở cõi này đối với các chúng sanh, tâm đại bi kiên cố thật như lời các ngài nói. Song một đời làm lợi ích chúng sanh ở cõi Ta-bà, nhiều hơn cõi khác trăm ngàn kiếp.

Cư sĩ Duy-ma-cật xác nhận đúng như lời các Bồ-tát kia nói, Bồ-tát ở cõi này thật là đại bi kiên cố. Tuy ở cõi này nhọc nhằn khó khăn nhưng một đời làm Phật sự, làm lợi ích chúng sanh hơn các cõi khác trăm ngàn kiếp làm Phật sự. Đây là nguồn an ủi.

Vì có sao? Vì thế giới Ta-bà này có mười pháp lành, những cõi tịnh khác thì không thể có. Những gì là mười? 1- Dùng bố thí nhiếp độ bần cùng. 2- Dùng tịnh giới nhiếp độ phá giới. 3- Dùng nhẫn nhục nhiếp độ sân nhuế. 4- Dùng tinh tấn nhiếp độ giải đãi. 5- Dùng thiền định nhiếp độ loạn ý. 6- Dùng trí tuệ nhiếp độ ngu si. 7- Nói pháp trừ nạn để người qua khỏi tám nạn. 8- Dùng pháp Đại thừa độ người ưa pháp Tiểu thừa. 9- Dùng các căn lành giúp người không có đức. 10- Thường dùng Tứ nhiếp pháp để thành tựu chúng sanh. Ấy là mười pháp lành.

Thế giới Ta-bà này có mười việc thiện để Bồ-tát làm đầy đủ công đức, còn những cõi khác không có, nên Bồ-tát ở cõi này vất vả một đời bằng Bồ-tát ở cõi kia làm nhiều đời. Như dùng bố thí để giáo hóa người nghèo khổ. Dùng giới thanh tịnh để nhiếp hóa người phạm giới. Dùng nhẫn nhục để nhiếp hóa người nóng giận, nghĩa là muốn giáo hóa người nóng giận, mình phải có đức nhẫn nhục. Chúng sanh ở cõi này vừa nghèo khổ vừa phá giới, vừa nóng giận, vừa lười biếng, vừa loạn ý, vừa ngu si, vừa ở trong tám nạn, ưa pháp nhỏ, không có đức, nên Bồ-tát phương tiện dùng các thứ pháp để giáo hóa họ. Thế nên các Bồ-tát ở cõi Ta-bà được công đức rất lớn.

Những vị Bồ-tát kia hỏi:

- Bồ-tát thành tựu bao nhiêu pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát thành tựu tám pháp ở thế giới này, hạnh không thương tổn, được sanh cõi Phật thanh tịnh. Những gì là tám pháp? 1- Làm lợi ích chúng sanh mà không mong đền đáp. 2- Thay tất cả chúng sanh chịu những khổ não, tạo các công đức đều thí cho họ.

Người hành hạnh Bồ-tát giúp đỡ người không mong cầu đền đáp. Thay chúng sanh chịu tất cả khổ não và có những công đức gì đều thí cho họ. Thí dụ ở trong chúng khi nào rảnh rỗi, thấy huynh đệ làm mệt không kịp, đến phụ giúp cho mau xong việc, được vậy cũng là tốt rồi, chưa nói đến thay khổ não cho chúng sanh. Còn nếu nghĩ thôi tránh đi cho khỏe, đó là sẵn sàng đổ khổ cho người khác, là bệnh mê muội của chúng sanh, trái với tâm hạnh của Bồ-tát. Chúng ta tu, dù chưa làm được như các ngài, nhưng cũng phải tập từ từ. Chúng ta không thể thay tất cả khổ não cho người xung quanh, thì ít ra khi thấy người khổ, cũng hỗ trợ một phần để họ bớt khổ. Như thế cũng là tốt rồi, lâu ngày chúng ta có thể làm được việc lớn lao, lợi ích hơn nhiều.

3- Tâm bình đẳng đối với chúng sanh, khiêm hạ không ngại. 4- Đối với Bồ-tát xem như Phật. Bồ-tát tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh, khiêm hạ là thấp mình, không có chướng ngại. Tâm chúng ta có sai biệt, chưa bình đẳng với tất cả mọi người, nên người nào hợp ý mình thương nhiều, còn không hợp thì thương ít hơn, chứ đừng ghét. Vì chúng ta đang tập tễnh, chứ chưa là Bồ-tát thật. Thế nên phải cố gắng thực hành tâm

bình đẳng không chướng ngại đối với mọi người, và phải có tâm khiêm hạ, đối với Bồ-tát phải như kính Phật vậy.

5- Những kinh chưa nghe, nghe không nghi. 6- Không cùng với hàng Thanh văn mà chẳng trái nhau. Những kinh điển chưa nghe, nay đã được nghe không còn nghi ngờ. Hạnh tu của Bồ-tát khác với hạnh Thanh văn, nhưng đối với Thanh văn không có gì chống trái.

7- Chẳng tật đố người kia được cúng dường, không tự cao khi được lợi, ở trong đó mà điều phục tâm mình. Thí dụ có hai huynh đệ đồng tu, giới luật ngang nhau, nhưng Phật tử chỉ cúng dường cho thầy A, thầy B không được cúng. Nếu thầy B sanh tâm bực tức, gặp lại thí chủ đó liền tìm cách nói xấu thầy A, để Phật tử thấy chán không muốn cúng cho thầy ấy nữa. Đó là tâm tật đố, khi thấy người được mình không được. Như thầy A nhận sự cúng dường của người, không nên tự cao, cho mình có đức hạnh đương nhiên phải được cúng, đó là tâm tự cao khi được lợi. Hai trường hợp này, người không được cúng thì tật đố, người được cúng thì tự cao. Do đó người tu khéo điều phục tâm mình, không nên sanh tâm tật đố và phải dè dặt tâm tự cao.

8- Thường xét lỗi mình, không bàn nói điều xấu của người. Thường dùng nhất tâm, cầu các công đức. Khi có lỗi lầm thì phải biết sám hối, ăn năn chừa cải. Huynh đệ có điều dở, không đem ra nói với ai. Như vậy là người tỉnh, biết lỗi mình, không bàn nói việc xấu dở của người. Thường dùng tâm chuyên nhất, cầu các công đức.

Thế nên Bồ-tát muốn sanh về cõi Phật thanh tịnh phải gắng tu tám pháp này mà hạnh không thương tổn. Đó là lời răn dạy của Bồ-tát.

Ông Duy-ma-cật và Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng khi nói pháp này rồi, thì trăm ngàn trời người đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mười ngàn vị Bồ-tát được vô sanh pháp nhẫn.

Học phẩm này rồi, chúng ta thấy, tuy ở cõi nhiều chướng nạn, nếu khéo tu khéo làm Phật sự thì công đức bằng trăm ngàn lần ở những chỗ dễ dàng. Đây là nguồn an ủi tinh thần giúp chúng ta vượt qua những khó khăn chướng ngại. Người khéo tu thì cảnh gian nan khổ cực chính là duyên tốt để tăng trưởng công đức, trên bước đường tu học và làm Phật sự. Không nên có tâm yếu ớt sợ khó khổ, chỉ muốn được nhàn hạ sung sướng là làm mất hết công đức. Cần phải dũng mãnh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hằng không lui sụt, mới không cô phụ bản nguyện lợi sanh của mình.

XI- PHẨM BỒ-TÁT HẠNH

Đây là phẩm nói về hạnh tu của Bồ-tát. Những phẩm trước, cư sĩ Duy-ma-cật và các vị đại đệ tử Phật vấn đáp qua lại để phá chấp cho hàng Thanh văn, chỉ nêu ra hạnh tu của Bồ-tát chứ chưa hỏi về đường lối tu của các ngài. Đến phẩm này, các vị Bồ-tát ở nước Chúng Hương thưa hỏi Phật, Bồ-tát phải tu như thế nào và đã được đức Phật chỉ dạy rõ ràng. Vì vậy phẩm này có tên là Bồ-tát Hạnh.

Chánh văn:

Khi ấy Phật nói pháp ở vườn cây am-la, đất ở đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng. A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành này? Chỗ này bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng.

Phật bảo A-nan:

- Ấy là ông Duy-ma-cật và Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng cung kính vây quanh, phát ý muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nên cùng đến gặp Phật, cho các vị Bồ-tát lễ bái cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi nói:

- Lành thay, nên đi! Nay chính phải thời.

Ông Duy-ma-cật liền dùng thần lực, nắm các đại chúng cùng với các tòa sư tử để trên lòng bàn tay phải, đem đến chỗ Phật. Đến nơi rồi ông để xuống đất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải Phật bảy vòng, một lòng chắp tay, đứng qua một bên. Các vị Bồ-tát liền bước xuống tòa, cúi đầu lễ chân Phật, cũng nhiễu bảy vòng rồi đứng qua một bên. Các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... cũng đều bước xuống tòa, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

Khi ấy Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ-tát rồi, bảo mỗi người ngồi lại chỗ cũ, các vị đều vâng lời dạy. Chúng đã ngồi yên, Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông thấy sức thần thông tự tại của vị đại sĩ Bồ-tát làm ra chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, con đã thấy!

Phật hỏi: - Ý ông nghĩ sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con thấy việc làm ấy không thể nghĩ bàn, chẳng phải ý mưu tính được, chẳng phải suy đoán đo lường được.

Lúc ấy tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, mùi hương nay được ngửi, từ trước chưa có, ấy là mùi hương gì?

Phật bảo A-nan:

- Ấy là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát kia.

Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất nói với A-nan:

- Lỗ chân lông của chúng tôi cũng toát ra mùi hương này.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Mùi hương này từ đâu đến?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Đó là trưởng giả Duy-ma-cật xin cơm thừa của đức Phật từ nước Chúng Hương, đem về ăn nơi thất của ông, tất cả lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

Tôn giả A-nan hỏi ông Duy-ma-cật:

- Mùi hương này còn được bao lâu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Đến khi nào cơm này tiêu.

A-nan hỏi:

- Cơm này khoảng bao lâu mới tiêu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thế lực của cơm này đến bảy ngày, sau đó mới tiêu. Lại A-nan, nếu người Thanh văn chưa vào chánh vị, ăn cơm này, được vào chánh vị rồi sau mới tiêu. Còn người được vào chánh vị ăn cơm này, được tâm giải thoát sau đó mới tiêu. Nếu người chưa phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi phát ý Đại thừa mới tiêu. Người đã phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi được vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Người đã được vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu. Ví như có thuốc gọi là thượng vị, có người uống thuốc này, các độc trong thân diệt hết, sau đó mới tiêu. Cơm này cũng thế, diệt trừ tất cả các độc phiền não, sau đó mới tiêu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật chưa từng có vậy! Mùi hương của cơm này hay làm được Phật sự.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, đúng thế A-nan! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng các vị Bồ-tát làm Phật sự, có cõi dùng những người hóa của Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng cây bồ-đề mà làm Phật sự, có cõi dùng y phục, ngọa cụ

mà làm Phật sự, có cõi dùng cơm mà làm Phật sự, có cõi dùng vườn cây đài quán mà làm Phật sự, có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự, có cõi dùng thân Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng hư không mà làm Phật sự chúng sanh nên dùng duyên này được vào luật hạnh. Có cõi dùng mộng, huyễn, ảnh, tiếng, bóng trong gương, trăng đáy nước, sóng nắng khi trời nóng, những việc như thế mà làm Phật sự. Có cõi dùng âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh lặng lẽ không nói không lời, không chỉ bày, không biết, không tạo tác mà làm Phật sự. Như thế A-nan, các oai nghi tới lui, các cử chỉ của chư Phật, đều là Phật sự.

Này A-nan, có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn các thứ phiền não mà chúng sanh cho là nhọc nhằn, chư Phật thì dùng pháp này mà làm Phật sự, ấy gọi là pháp môn Nhập nhất thiết chư phật. Bồ-tát vào được pháp môn này, nếu thấy tất cả cõi Phật đẹp đẽ chẳng cho là mừng, chẳng tham cũng chẳng tự cao. Nếu thấy tất cả cõi Phật nhơ nhớp chẳng lấy làm buồn, chẳng ngại chẳng ẩn. Chỉ đối với chư Phật sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính chưa từng có vậy! Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không đồng. Này A-nan, ông thấy cõi nước chư Phật đất có hạn lượng, hư không thì không có hạn lượng. Như thế thấy sắc thân chư Phật có hạn lượng, mà trí tuệ vô ngại của chư Phật không có hạn lượng.

Này A-nan, sắc thân của chư Phật, oai nghi, chủng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ đại bi, oai nghi sở hành, và tuổi thọ của các ngài, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ pháp của chư Phật, thảy đều đồng nhau, thế nên gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, hay gọi Đa-đà A-già-độ, hay gọi là Phật-đà.

Này A-nan, nếu ta nói rộng ba nghĩa cú này, dù trọn một kiếp tuổi thọ của ông cũng không thể nhận hết được. Dù cho chúng sanh khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều đa văn đệ nhất như A-nan, được niệm tổng trì, những người này dùng tuổi thọ một kiếp cũng không thể nào thọ nhận hết được. Như thế A-nan, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có hạn lượng, trí tuệ biện tài cũng không thể nghĩ bàn.

A-nan bạch Phật:

- Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn.

Phật bảo A-nan:

- Chớ khởi ý thối lui! Vì sao? Ta nói ông đa văn nhất trong hàng Thanh văn, chứ không phải trong hàng Bồ-tát. Hãy thôi, A-nan! Trí của hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường; thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ-tát

không thể lường được. A-nan, ông hãy bỏ qua việc làm của Bồ-tát. Ông Duy-ma-cật đây, một lúc hiện sức thần thông, tất cả Thanh văn Bích-chi Phật ở trong trăm ngàn kiếp, tận lực biến hóa đều không thể làm được.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương đến, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ban đầu thấy cõi nước này, sanh tưởng hạ liệt, nay tự hối trách, buông bỏ tâm ấy. Vì cớ sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì độ các chúng sanh, tùy chỗ thích hợp mà có hiện ra cõi nước Phật khác. Cúi mong Thế Tôn, nguyện ban cho chúng con một ít pháp, để trở về cõi kia sẽ nhớ đức Như Lai.

Phật bảo các vị Bồ-tát:

- Có pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông phải học. Sao gọi là tận? Nghĩa là pháp hữu vi. Sao gọi là vô tận? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ-tát chẳng tận hữu vi cũng không có trụ vô vi.

Sao gọi là chẳng tận hữu vi? Nghĩa là chẳng lìa đại từ chẳng bỏ đại bi; sâu phát tâm Nhất thiết trí mà chẳng tạm quên; giáo hóa chúng sanh trọn không chán mỏi, đối với tứ nhiếp pháp thường nhớ thuận hành; hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng; gieo trồng các căn lành không có mỏi mệt nhàm chán. Chí thường an trụ phương tiện hồi hướng; cầu pháp không giải đãi, nói pháp không

lẫn tiếc; siêng năng cúng dường chư Phật. Cho nên vào sanh tử mà không sợ sệt; đối với các vinh nhục, tâm không vui buồn; chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật; người rơi vào phiền não, khiến họ phát khởi chánh niệm; đối với cái vui xa lìa, không cho là quý; không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Ở trong các thiền định tưởng như địa ngục, ở trong sanh tử tưởng như đang xem vườn, thấy người đến cầu tưởng như bậc thầy lành, bỏ các sở hữu tưởng như đầy đủ nhất thiết trí, thấy người phá giới khởi tưởng cứu hộ, các pháp ba-la-mật tưởng như cha mẹ, pháp đạo phẩm tưởng như quyến thuộc. Phát khởi thiện căn không có ngằn mé, lấy việc nghiêm sức các cõi thanh tịnh thành tựu cõi Phật của mình, thực hành bố thí không giới hạn được đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả việc ác được thân khẩu ý thanh tịnh. Sanh tử vô số kiếp ý vẫn mạnh mẽ, nghe công đức vô lượng của Phật chí không mệt mỏi. Dùng kiếm trí tuệ phá giặc phiền não, ra khỏi ấm giới nhập gánh vác chúng sanh, hằng khiến được giải thoát. Dùng hạnh đại tinh tấn phá dẹp các ma quân, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ; đối với pháp thế gian ít muốn biết đủ, không chán mỏi với việc cầu xuất thế, mà không bỏ pháp thế gian, không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục. Khởi các thần thông trí tuệ, dẫn đường chúng sanh, được niệm tổng trì, chỗ nghe không quên. Khéo phân biệt các căn, đoạn nghi cho chúng sanh; dùng nhạo thuyết biện tài,

diễn nói pháp không ngại. Trong sạch mười điều thiện, thọ phước cõi người cõi trời; tu tứ vô lượng, mở đường cõi Phạm thiên. Khuyến thỉnh nói pháp, tùy hỷ tán thán điều lành, được âm thanh của Phật; thân khẩu ý lành, được oai nghi của Phật. Tu sâu các pháp lành, việc làm càng thù thắng; dùng Đại thừa giáo, thành tựu Tăng Bồ-tát; tâm không buông lung, không mất các việc lành. Hành những pháp này, ấy là Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Sao gọi là Bồ-tát không trụ vô vi? Nghĩa là tu học Không, chẳng lấy Không làm chỗ chứng; tu học vô tướng vô tác, không lấy vô tướng vô tác làm chỗ chứng; tu học vô khởi, cũng không lấy vô khởi làm chỗ chứng. Quán vô thường mà không chán gốc lành; quán thế gian khổ mà không ghét sanh tử; quán vô ngã mà dạy người không mỏi mệt; quán tịch diệt mà không hằng tịch diệt; quán xa lìa mà thân tâm tu các việc lành; quán không chỗ trở về mà quy hướng về pháp lành; quán vô sanh mà dùng các pháp sanh gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn các hữu lậu; quán vô sở hành mà dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh; quán không rỗng mà không xả đại bi; quán chánh pháp vị mà không theo Tiểu thừa; quán các pháp hư vọng không bền chắc không người, không chủ không tướng, bản nguyện chưa đầy đủ mà không luống qua những phước đức, thiền định, trí tuệ. Tu các pháp như thế, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi.

Lại vì đủ phước đức, không trụ vô vi; vì đủ trí tuệ, chẳng tận hữu vi. Vì đại từ bi, không trụ vô vi; vì mãn bản nguyện, chẳng tận hữu vi. Vì nhóm thuốc pháp, không trụ vô vi; vì tùy trao thuốc, chẳng tận hữu vi. Vì biết bệnh chúng sanh, không trụ vô vi; vì diệt bệnh chúng sanh, chẳng tận hữu vi. Các chánh sĩ Bồ-tát dùng pháp này tu, chẳng tận hữu vi, không trụ vô vi, ấy gọi là pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông nên học.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở nước kia nghe nói pháp này đều rất hoan hỷ, dùng các thứ hoa đẹp đủ loại màu sắc, đủ các mùi hương, rải khắp tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường Phật và kinh pháp này cùng với các vị Bồ-tát, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, tán thán chưa từng có!

- Đức Phật Thích-ca-mâu-ni mới có thể ở nơi đây khéo hành phương tiện.

Nói rồi, bỗng dưng biến mất, trở về nước kia.

Giảng:

Khi ấy Phật nói pháp ở vườn cây am-la, đất ở đó bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng. A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà có điềm lành này? Chỗ này bỗng nhiên rộng lớn trang nghiêm, tất cả chúng hội đều thành sắc vàng.

Phật bảo A-nan:

- Ấy là ông Duy-ma-cật và Văn-thù-sư-lợi cùng với đại chúng cung kính vây quanh, phát ý muốn đến, nên trước hiện điềm lành này.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật nói với ngài Văn-thù-sư-lợi:

- Nên cùng đến gặp Phật, cho các vị Bồ-tát lễ bái cúng dường.

Văn-thù-sư-lợi nói:

- Lành thay, nên đi! Nay chính phải thời.

Ông Duy-ma-cật liền dùng thần lực, nắm các đại chúng cùng với các tòa sư tử để trên lòng bàn tay phải, đem đến chỗ Phật. Đến nơi rồi ông để xuống đất, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải Phật bảy vòng, một lòng chắp tay, đứng qua một bên.

Cư sĩ Duy-ma-cật và các vị Bồ-tát đối đáp với nhau trong thất của ông đã xong, sau đó muốn cùng đến đảnh lễ đức Thế Tôn. Các vị Bồ-tát đều có thần thông, nhất là các vị ở cõi Chúng Hương có thần lực huyền bí phi thường, chỉ trong thoáng chốc đã có mặt tại thất cư sĩ Duy-ma-cật. Đoạn đường từ thất ông đến chỗ Phật không xa, mỗi vị có thể tự đến, vì sao cư sĩ Duy-ma-cật lại nắm hết các vị cùng các tòa sư tử bỏ lên bàn tay rồi dời đi? Điều này nói lên ý nghĩa gì?

Thất cư sĩ Duy-ma-cật trống không, tượng trưng cho chỗ chân thật thênh thang rộng lớn trùm khắp tất cả. Những gì trong thất đó đều thuộc sở hữu hay diệu

dụng của ông bày ra, cho nên tự tay ông chuyển đổi tất cả một cách tự tại. Nói cách khác, khi Bồ-tát nhập được thể chân thật thì thần thông diệu dụng không thể nghĩ bàn. Do đó mới hiện bày các tướng lạ cho chúng ta thấy đạo lực và sức thần biến vi diệu của các ngài.

Các vị Bồ-tát liền bước xuống tòa, cúi đầu lễ chân Phật, cũng nhiễu bảy vòng rồi đứng qua một bên. Các vị đại đệ tử, Đế-thích, Phạm thiên, Tứ thiên vương v.v... cũng đều bước xuống tòa, cúi đầu đảnh lễ chân Phật rồi đứng qua một bên.

Khi ấy Thế Tôn như pháp an ủi hỏi thăm các Bồ-tát rồi, bảo mỗi người ngồi lại chỗ cũ, các vị đều vâng lời dạy. Chúng đã ngồi yên, Phật bảo tôn giả Xá-lợi-phất:

- Ông thấy sức thần thông tự tại của vị đại sĩ Bồ-tát làm ra chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, con đã thấy!

Phật hỏi:

- Ý ông nghĩ sao?

Tôn giả Xá-lợi-phất thưa:

- Bạch Thế Tôn, con thấy việc làm ấy không thể nghĩ bàn, chẳng phải ý mưu tính được, chẳng phải suy đoán đo lường được.

Vừa đến hương thất của Phật, các vị Bồ-tát, các vị đại đệ tử A-la-hán như tôn giả Xá-lợi-phất v.v...

đều bước xuống tòa đảnh lễ đức Thế Tôn. Bấy giờ đức Phật mới thăm hỏi, an ủi và xác minh những việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật, lại còn dạy bảo thêm cho các vị Bồ-tát.

Lúc ấy tôn giả A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, mùi hương nay được ngửi, từ trước chưa có, ấy là mùi hương gì?

Phật bảo A-nan:

- Ấy là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát kia.

Bấy giờ tôn giả Xá-lợi-phất nói với A-nan:

- Lỗ chân lông của chúng tôi cũng toát ra mùi hương này.

Ngài A-nan ngạc nhiên thắc mắc thưa hỏi Phật, ở đây có mùi hương gì lạ quá, từ trước đến giờ con chưa được ngửi. Đức Phật trả lời, đó là mùi hương từ lỗ chân lông của các vị Bồ-tát cõi nước Chúng Hương. Tôn giả Xá-lợi-phất liền nói rằng, trong lỗ chân lông của chúng tôi cũng có mùi hương này.

Tôn giả A-nan hỏi:

- Mùi hương này từ đâu đến?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Đó là trưởng giả Duy-ma-cật, xin cơm thừa của đức Phật từ nước Chúng Hương, đem về ăn nơi thất của ông, tất cả lỗ chân lông đều phát ra mùi hương như thế.

Tôn giả A-nan hỏi ông Duy-ma-cật:

- Mùi hương này còn được bao lâu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Đến khi nào cơm này tiêu.

A-nan hỏi:

- Cơm này khoảng bao lâu mới tiêu?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Thế lực của cơm này đến bảy ngày, sau đó mới tiêu. Lại A-nan, nếu người Thanh văn chưa vào chánh vị, ăn cơm này, được vào chánh vị rồi sau mới tiêu. Còn người được vào chánh vị ăn cơm này, được tâm giải thoát sau đó mới tiêu. Nếu người chưa phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi phát ý Đại thừa mới tiêu. Người đã phát ý Đại thừa ăn cơm này, đến khi được vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Người đã được vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu. Ví như có thuốc gọi là thượng vị, có người uống thuốc này, các độc trong thân diệt hết, sau đó mới tiêu. Cơm này cũng thế, diệt trừ tất cả các độc phiền não, sau đó mới tiêu.

Đoạn trên nói, cơm này ăn bảy ngày sau mới tiêu. Đoạn sau nói, cơm này là cơm ngũ phần pháp thân hương, hàng Thanh văn chưa chứng quả ăn cơm này rồi chứng quả, sau đó mới tiêu... Cho đến Bồ-tát phát ý Đại thừa được ăn cơm này rồi, chứng vô sanh pháp nhẫn sau đó mới tiêu. Đã chứng vô sanh pháp nhẫn ăn cơm này rồi, đến nhất sanh bổ xứ sau đó mới tiêu.

Nhất sanh bổ xứ nghĩa là còn sanh lại một đời nữa mới thành Phật v.v... Cơm này là cơm giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Chừng nào dứt sạch tất cả giống độc phiền não, cơm đó mới tiêu. Ví như có thuốc thượng vị, người uống thuốc này, các độc trong thân đã dứt, sau đó thuốc mới tiêu.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật chưa từng có vậy! Mùi hương của cơm này hay làm được Phật sự.

Đức Phật bảo:

- Đúng thế, đúng thế, A-nan! Hoặc có cõi Phật dùng ánh sáng Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng các vị Bồ-tát làm Phật sự, có cõi dùng những người hóa của Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng cây bồ-đề mà làm Phật sự, có cõi dùng y phục, ngọa cụ mà làm Phật sự, có cõi dùng cơm mà làm Phật sự, có cõi dùng vườn cây đài quán mà làm Phật sự, có cõi dùng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp mà làm Phật sự, có cõi dùng thân Phật mà làm Phật sự, có cõi dùng hư không mà làm Phật sự; chúng sanh nên dùng duyên này được vào luật hạnh.

Luật hạnh tức là đạo đức. Tất cả Phật sự của đức Phật không cố định, tùy theo duyên chúng sanh ưng pháp nào, các ngài hiện ra pháp đó, khiến cho họ vào được đạo lý.

Có cõi dùng mộng, huyễn, ảnh, tiếng, bóng trong gương, trăng đáy nước, sóng nắng khi trời nóng, những việc như thế mà làm Phật sự.

Như đức Phật Thích-ca giáo hóa cõi Ta-bà, ngài chỉ cho chúng sanh thấy nó giả dối, như bóng trong gương, như trăng đáy nước... để cho mình thức tỉnh.

Có cõi dùng âm thanh, ngôn ngữ, văn tự mà làm Phật sự. Hoặc có cõi Phật thanh tịnh lặng lẽ không nói không lời, không chỉ bày, không biết, không tạo tác mà làm Phật sự. Như thế A-nan, các oai nghi tới lui, các cử chỉ của chư Phật, đều là Phật sự.

Trong tất cả oai nghi, hành động tạo tác của chư Phật đều là Phật sự, chứ không riêng một pháp nào.

Này A-nan, có bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn các thứ phiền não mà chúng sanh cho là nhọc nhằn, chư Phật thì dùng pháp này mà làm Phật sự, ấy gọi là pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật.

Đối với bốn thứ ma, tám muôn bốn ngàn phiền não, chúng ta chán sợ, mệt mỏi nhưng chư Phật lấy đó làm Phật sự. Vì sao? Thí dụ, trong Phật sự giảng pháp nếu chỉ giảng một lần, chúng ta nghe rồi hành đúng là đã thành Bồ-tát, đâu cần phải giảng nữa. Nhưng nghe rồi, biết tham sân si là xấu vẫn không bỏ được. Thế nên phải giảng mãi, năm này tháng kia, nhắc đi nhắc lại suốt đời, chắc cũng chưa xong việc. Chúng sanh quá nhiều phiền não, nên chư Phật Bồ-tát dùng các thứ phương tiện, với mục đích chỉ dạy cho họ hiểu rõ phiền não là gốc khổ đau, cần phải diệt trừ. Đó là Phật sự của chư Phật và Bồ-tát.

Bồ-tát vào được pháp môn này, nếu thấy tất cả cõi Phật đẹp đẽ chẳng cho là mừng, chẳng tham cũng

chẳng tự cao. Nếu thấy tất cả cõi Phật nhơ nhớp chẳng lấy làm buồn, chẳng ngại chẳng ẩn. Bồ-tát vào được pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật, dù cõi Phật tịnh hay uế đều không chướng ngại. Thấy cõi Phật tịnh không mừng, không tham trước, tự cao. Thấy cõi Phật nhớp nhúa không lo buồn chán nản, không trở ngại, không ẩn trốn. Giữ tâm bình đẳng không sai biệt như thế là Bồ-tát vào được pháp môn Nhập nhất thiết chư Phật.

Chỉ đối với chư Phật sanh tâm thanh tịnh, hoan hỷ cung kính chưa từng có vậy! Chư Phật Như Lai công đức bình đẳng, vì giáo hóa chúng sanh mà hiện cõi Phật không đồng. Dù cõi Phật tịnh hay bất tịnh, đối với Phật chỉ một bề sanh tâm cung kính là đủ. Không nên thấy đức Phật ở cõi uế thì chê, ở cõi tịnh thì quý, đó là người chưa hiểu được ý nghĩa này. Công đức của chư Phật bình đẳng như nhau, nhưng vì giáo hóa chúng sanh mà khi hiện cõi tịnh, khi hiện cõi uế không đồng.

Này A-nan, ông thấy cõi nước chư Phật đất có hạn lượng, hư không thì không có hạn lượng. Như thế thấy sắc thân chư Phật có hạn lượng, mà trí tuệ vô ngại của chư Phật không có hạn lượng. Phật chỉ cho ngài A-nan chỗ bình đẳng của chư Phật, nên dùng thí dụ như đất ở cõi Phật có tốt xấu, rộng hẹp, nhiều thứ sai biệt, nhưng hư không không có hạn lượng, không có sai biệt. Cũng vậy, về sắc thân của chư Phật ở mỗi cõi có khác nhau, Phật sanh cõi tịnh sắc thân khác, sanh cõi uế sắc thân khác, nhưng về mặt trí tuệ vô ngại của chư Phật thì không có khác. Như vậy khi đã thành Phật, công đức

và trí tuệ của chư Phật bình đẳng không hai. Nhưng tùy duyên giáo hóa chúng sanh, nên các ngài thị hiện ở cõi nước khác nhau.

Này A-nan, sắc thân của chư Phật, oai nghi, chủng tánh, giới, định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, lực, vô sở úy, pháp bất cộng, đại từ đại bi, oai nghi sở hành, và tuổi thọ của các ngài, thuyết pháp giáo hóa, thành tựu chúng sanh, cõi Phật thanh tịnh, đầy đủ pháp của chư Phật, thảy đều đồng nhau, thế nên gọi là Tam-miệu Tam-phật-đà, hay gọi Đa-đà A-già-độ, hay gọi là Phật-đà.

Tam-miệu Tam-phật-đà (Samyak Saṃbuddha) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Chánh biến tri, Đa-đà A-già-độ (Tathā Āgata) dịch là Như Lai, Phật-đà (Buddha) dịch là Giác giả. Sắc thân của chư Phật, oai nghi tướng hảo hay chủng tánh, giới, định, tuệ... tất cả đều bình đẳng như nhau, nên gọi các ngài là Chánh biến tri, hoặc Như Lai, hoặc Giác giả...

Này A-nan, nếu ta nói rộng ba nghĩa cú này, dù trọn một kiếp tuổi thọ của ông cũng không thể nhận hết được. Dù cho chúng sanh khắp trong tam thiên đại thiên thế giới đều đa văn đệ nhất như A-nan, được niệm tổng trì, những người này dùng tuổi thọ một kiếp cũng không thể nào thọ nhận hết được. Như thế A-nan, chư Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có hạn lượng, trí tuệ biện tài cũng không thể nghĩ bàn.

Niệm tổng trì tức là ghi nhớ giỏi.

Tóm lại, đức Phật giải thích cho tôn giả A-nan cũng như chúng ta biết, cõi Chúng Hương của Phật Hương Tích, cõi Cực lạc của Phật A-di-đà đều là cõi tịnh, vì tâm địa các ngài cao cả thanh tịnh, còn cõi Ta-bà chúng ta đang sống là cõi uế. Sở dĩ có cõi nước, hình tướng sai biệt đều vì ứng hiện với tâm niệm chúng sanh. Bởi tâm chúng ta xấu xa, thấp hèn, mới sanh vào cảnh giới ô trược, thọ thân ô uế bất tịnh và những thứ nuôi dưỡng nó cũng hôi hám, uế trược. Vậy mà có nhiều người còn tự hào, ta đây là hay là giỏi, rồi xem thường người khác. Hoặc chê người ăn mặn hôi hám, ta ăn chay thanh bạch, nhưng những chất thải ra đều hôi thối như nhau. Ăn chay chẳng qua là muốn tránh bớt nghiệp, chứ không phải mục đích chính của sự tu.

Nói như vậy để chúng ta thấy hổ thẹn, tủi thân, tự trách mình phước đức cạn mỏng phải ráng tu, buông xả những mê lầm để tâm thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh. Nghiệp thanh tịnh thì chúng sanh đã là Bồ-tát. Như cõi Chúng Hương không có Thanh văn hay Bích-chi Phật, chỉ có chúng đại Bồ-tát thanh tịnh, ở cõi đó luôn toát ra mùi hương do công đức huân tu ngũ phần pháp thân hương. Còn chúng ta, tham sân si phiền não dẫy đầy nên thọ nhận quả báo xấu tương ưng. Thế nên, phải gieo nhân tốt mới được quả tốt. Mục tiêu của kinh Duy-ma-cật là trang nghiêm tịnh độ, cõi tịnh cõi uế là tùy theo nghiệp của chúng sanh mà Phật ứng hiện.

A-nan bạch Phật:

- Con từ nay về sau không dám tự cho mình là đa văn.

Phật bảo A-nan:

- Chớ khởi ý thối lui, vì sao? Ta nói ông đa văn nhất trong hàng Thanh văn, chứ không phải trong hàng Bồ-tát. Hãy thôi, A-nan!

Trí của hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát. Tất cả biển sâu còn có thể đo lường; thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài, tất cả công đức của Bồ-tát không thể lường được. A-nan, ông hãy bỏ qua việc làm của Bồ-tát. Ông Duy-ma-cật đây, một lúc hiện sức thần thông, tất cả Thanh văn Bích-chi Phật ở trong trăm ngàn kiếp, tận lực biến hóa đều không thể làm được. Đức Phật dạy ngài A-nan, hàng Thanh văn không nên so sánh với chư Bồ-tát, vì công đức thiền định, trí tuệ, tổng trì, biện tài... của các ngài không thể lường được.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở thế giới Chúng Hương đến, chắp tay bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chúng con ban đầu thấy cõi nước này, sanh tưởng hạ liệt, nay tự hối trách, buông bỏ tâm ấy. Vì cớ sao? Phương tiện chư Phật không thể nghĩ bàn. Vì độ các chúng sanh, tùy chỗ thích hợp mà có hiện ra cõi nước Phật khác. Cúi mong Thế Tôn, nguyện ban cho chúng con một ít pháp, để trở về cõi kia sẽ nhớ đức Như Lai.

Khi mới đến cõi Ta-bà, các vị Bồ-tát nước Chúng Hương thấy cõi này nhiều điều xấu tệ, nên cảm thấy ngỡ ngàng. Bây giờ tự trách mình và biết ăn năn sám hối, bỏ tâm đó không dám nghĩ nữa. Vì sao? Vì phương tiện độ sanh của chư Phật không thể nghĩ bàn nên hiện cõi nước có sai khác. Sở dĩ đức Phật Thích-ca ở cõi xấu, không phải là phước đức trí tuệ ngài thua kém các đức Phật khác, mà do nghiệp lực chúng sanh nên ngài phải hiện sanh vào cõi nước xấu như vậy để giáo hóa họ. Sau cùng, các vị Bồ-tát nước Chúng Hương xin đức Thế Tôn ban cho những lời pháp, để khi trở về cõi kia thường nhớ đến Phật.

Phật bảo các vị Bồ-tát: Có pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông phải học. Sao gọi là tận? Nghĩa là pháp hữu vi. Sao gọi là vô tận? Nghĩa là pháp vô vi. Như Bồ-tát chẳng tận hữu vi cũng không có trụ vô vi. Hạnh tu của Bồ-tát chủ yếu là chẳng tận hữu vi và không trụ vô vi. Chẳng tận hữu vi là không hết pháp hữu vi. Không trụ vô vi là không an trụ Niết-bàn.

Sao gọi là chẳng tận hữu vi? Nghĩa là chẳng lìa đại từ chẳng bỏ đại bi; sâu phát tâm Nhất thiết trí mà chẳng tạm quên. Không lìa đại từ không bỏ đại bi, vì lòng từ bi quá mạnh và muốn được Nhất thiết trí nên các ngài chẳng tận hữu vi. Nói cách khác, đối với việc tu học không cho là đủ, không sanh tâm tự mãn, cứ học mãi, tu mãi không chán mỏi. Vì muốn độ sanh không thối chuyển thì phải có trí tuệ đầy đủ. Chúng sanh còn khổ, Bồ-tát phải lăn xả trong sanh tử để độ họ, vì lòng

đại từ bi vô hạn, nhưng từ bi mà không có trí tuệ thì Phật sự không thể thành tựu, do đó nói Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Giáo hóa chúng sanh trọn không chán mỏi; đối với tứ nhiếp pháp thường nhớ thuận hành; hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng; gieo trồng các căn lành không có mỏi mệt nhàm chán. Bồ-tát ứng dụng theo tứ nhiếp pháp để giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh cang cường khó điều phục, nhưng vì bản nguyện độ sanh, nên Bồ-tát giáo hóa mãi vẫn không chán mỏi. Dù gặp bao khó khăn gian khổ, cũng không quên không bỏ chánh pháp, gìn giữ không tiếc thân mạng. Gieo trồng các căn lành không biết mỏi mệt, tức là siêng năng làm những việc lành không dừng nghỉ.

Chí thường an trụ phương tiện hồi hướng; cầu pháp không giải đãi, nói pháp không lẫn tiếc; siêng năng cúng dường chư Phật. Cho nên vào sanh tử mà không sợ sệt. Phải thường an trụ trong các phương tiện giáo hóa chúng sanh, hồi hướng về chỗ trang nghiêm tịnh độ. Cầu pháp là người học không lười biếng, nói pháp là người dạy không lẫn tiếc, hai bên đều sốt sắng nhiệt tình. Siêng năng cúng dường chư Phật, nên vào trong sanh tử mà không sợ sệt. Với những lý do trên, Bồ-tát vào sanh tử không biết mỏi mệt, không thấy sợ sệt.

Đối với các vinh nhục, tâm không vui buồn. Trước vinh nhục, tâm không vui buồn. Ở thế gian, khi được thăng quan tiến chức gọi là vinh, khi mất chức bị người xem thường, hủy nhục, gọi là nhục. Trong đạo không có

thăng quan tiến chức, nhưng tu lâu được tấn phong lên Thượng tọa, Hòa thượng... Làm sao trước vinh nhục, tâm vẫn an nhiên không vui cũng không buồn. Thí dụ một vị tăng được Phật tử cung kính lễ bái, tán thán: "Thầy là bậc đức hạnh đầy đủ, đáng cho chúng con nương nhờ." Hoặc đang đi trên đường, gặp một số người tỏ vẻ xem thường nói: "Ôi, ông đó là giả tướng thầy tu, chứ tu hành gì!" Và buông lời nặng nhẹ. Trong hai trường hợp, hoặc được cung kính, hoặc bị khinh miệt, nếu tâm vẫn bình an là đã hành được hạnh này. Còn nếu nghe khen thì vui, nghe chê thì sân, là chưa được về cõi Chúng Hương.

Chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật. Người học rộng thì hiểu biết nhiều, người dốt là do chưa được học. Nếu họ được học, thì sau có thể hơn mình, nên nói chẳng khinh người chưa học. Còn với người học bằng hoặc hơn mình, phải khởi tâm cung kính như Phật. Như vậy mới dẹp được tâm tật đố. Nếu người hơn mình ghét, đố kỵ, kẻ thua thì khinh chê, đó là bệnh lớn của chúng sanh. Thế nên phải học hạnh chẳng khinh người chưa học, cung kính người học như Phật.

Người rơi vào phiền não, khiến họ phát khởi chánh niệm; đối với cái vui xa lìa, không cho là quý; không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Người có phiền não, khuyên dạy họ buông bỏ, sống với chánh niệm sẽ được an lạc. Người ở núi vắng vẻ, chỗ tịch tĩnh, tâm được nhẹ nhàng thảnh thơi, cho đây là vui xa lìa dục lạc trần gian, rồi sanh tâm ưa thích đắm nhiễm, muốn ở mãi nơi đó thì đâu thể độ sanh được. Thế nên nói, đối với cái vui xa lìa không cho là quý.

Người thế gian vui thích đắm trước với niềm vui của mình, còn thấy người được vui mình không ưa. Nhưng ở đây dạy không dính mắc cái vui của mình, mừng với niềm vui của người. Đó là tâm Bồ-tát. Điều này chúng ta chưa làm được, tự cảm thấy hổ thẹn, nhưng cũng cố gắng tu tập, bỏ bớt những điều xấu dở, để noi theo gương hạnh của các ngài.

Ở trong các thiền định tưởng như địa ngục, ở trong sanh tử tưởng như đang xem vườn, thấy người đến cầu tưởng như bậc thầy lành, bỏ các sở hữu tưởng như đầy đủ nhất thiết trí, thấy người phá giới khởi tưởng cứu hộ, các pháp ba-la-mật tưởng như cha mẹ, pháp đạo phẩm tưởng như quyến thuộc.

Thiền định ở đây là nhập Diệt thọ tưởng định. Khi nhập định này rồi, thân tuy sống mà không có động, không còn hơi thở, có thể an trụ vài trăm năm hoặc vài ngàn năm. Còn đối với Bồ-tát, thời gian rất quý báu, nếu ở trong định đó, không làm lợi ích cho chúng sanh, nên các ngài thấy uổng phí, đau khổ như sống trong địa ngục.

Hàng Nhị thừa thấy sanh tử là đau khổ, nên muốn thoát khỏi. Bồ-tát nguyện đi trong sanh tử vì muốn hóa độ chúng sanh, nên thấy như đi trong vườn đẹp.

Những người đến cầu đạo, cầu pháp thì tưởng như bậc thầy lành đáng quý, vì nhờ họ mới có phương tiện thuyết pháp, có cơ hội để hành hạnh lợi sanh.

Bỏ các sở hữu, là bỏ những gì tùy thuộc về mình, tưởng như là có được nhất thiết trí. Nghĩa là bỏ mỗi thứ

xem như được thêm một trí, bỏ tất cả sở hữu như được nhất thiết trí, nên không hối tiếc.

Thấy người hủy giới phá giới, khởi tưởng cứu hộ họ. Đối với pháp ba-la-mật tức lục độ, xem như cha mẹ. Đối với pháp ba mươi bảy phẩm trợ đạo, xem như quyến thuộc. Những điều này chúng ta phải nhớ thực hành.

Phát khởi thiện căn không có ngằn mé, lấy việc nghiêm sức các cõi thanh tịnh thành tựu cõi Phật của mình. Làm tất cả những căn lành, không giới hạn, không cho là đủ. Lấy việc trang nghiêm các cõi Phật thanh tịnh, thành tựu được cõi Phật của mình sau này. Như vậy muốn hồi hướng cõi Phật thanh tịnh trước hết phải làm những việc lành, những điều đạo đức để trang nghiêm cõi Phật đẹp đẽ sau này.

Thực hành bố thí không giới hạn được đầy đủ tướng tốt, trừ tất cả việc ác được thân khẩu ý thanh tịnh. Sanh tử vô số kiếp ý vẫn mạnh mẽ, nghe công đức vô lượng của Phật chí không mệt mỏi. Dùng kiếm trí tuệ phá giặc phiền não, ra khỏi ấm giới nhập gánh vác chúng sanh, hằng khiến được giải thoát. Dùng hạnh đại tinh tấn phá dẹp các ma quân, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ.

Bố thí không giới hạn, bố thí mãi, càng bố thí càng được nhiều tướng tốt. Đây là việc làm của Bồ-tát. Bố thí là đem niềm vui đến cho chúng sanh, mà làm cho họ vui tức là trang nghiêm tướng tốt cho mình sau này. Như đức Phật không phải ngẫu nhiên có đầy đủ tướng tốt, mà do ngài tu hạnh bố thí không giới hạn.

Còn chúng ta ai sanh ra có được tướng tốt là nhờ phước bố thí đời trước. Người có tướng xấu thì biết là thiếu phước, nên phải ráng tu thêm, đời sau nếu có trở lại sẽ được tướng tốt hơn, để chúng sanh nhìn ít chán, mới dễ giáo hóa họ. Đó là điều thiết yếu, chúng ta cần phải hiểu để ứng dụng tu.

Phải trừ dẹp tất cả điều ác, luôn giữ thân khẩu ý thanh tịnh. Trong sanh tử vô số kiếp, ý vẫn dũng mãnh. Nếu chúng ta được Phật thọ ký như trong kinh Pháp Hoa phải tu vô số kiếp nữa mới thành Phật, nghe như vậy có mừng không, hay thấy ngán vì thời gian quá lâu? Còn nói tu ba năm nữa, hoặc tu hết đời này sẽ thành Phật chắc mừng lắm. Ở đây nói, dù phải trôi lăn trong sanh tử vô lượng kiếp mà ý vẫn mạnh mẽ phấn chấn, miễn sao ra đời làm lợi ích chúng sanh là các ngài vui, chứ không ngán sợ. Phật có vô lượng công đức, vì làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh, nghe như vậy mình thấy ngán, nhưng với chư vị Bồ-tát thì chí không mỏi mệt.

Bồ-tát dùng kiếm trí tuệ phá trừ phiền não để ra khỏi ấm, giới, nhập. Tức là có thân mà không bị nghiệp dẫn, ra khỏi ấm giới nhập để gánh vác chúng sanh, hằng khiến họ được giải thoát. Chúng ta chưa thể cõng vác người ra khỏi sanh tử, mà chỉ cần ráng tu làm mẫu mực, khuyên người cùng tu để được giải thoát. Đó là một phần nhỏ so với các ngài, nhưng nếu làm được như vậy cũng là tốt, là hay rồi.

Dùng đại tinh tấn để dẹp phá quân ma, thường cầu vô niệm được thật tướng trí tuệ. Vô niệm là thật

tướng của trí tuệ. Người tu hạnh Bồ-tát phải đầy đủ các công đức trí tuệ.

Đối với pháp thế gian ít muốn biết đủ, không chán mỏi với việc cầu xuất thế, mà không bỏ pháp thế gian, không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục. Bồ-tát ít muốn biết đủ, không chán mỏi việc cầu xuất thế, nhưng không bỏ pháp thế gian. Vì muốn giúp người, phải có dư mới giúp được, nếu làm chỉ đủ cho mình tiêu dùng thì còn giúp được ai, nên vẫn hăng hái làm để phần dư thừa giúp người khác. Đó là hạnh ít muốn biết đủ mà không bỏ pháp thế gian.

Biết người uống rượu say thân sẽ mang bệnh, Bồ-tát thương, muốn cứu độ họ nên phải vào quán rượu để có cơ hội gần gũi khuyên nhắc, giúp họ thức tỉnh biết tai hại của rượu, từ bỏ không uống nữa. Đó là vào chỗ thế tục nhưng không phạm lỗi, vì muốn giáo hóa chúng sanh. Còn nếu mỗi chiều họ đến quán mình cũng ngồi quán, họ uống say mình cũng uống say là lầm lẫn, mất oai nghi. Như vậy trái với tinh thần của Bồ-tát: *không hoại pháp oai nghi mà hay tùy tục.*

Khởi các thần thông trí tuệ, dẫn đường chúng sanh, được niệm tổng trì, chỗ nghe không quên. Khéo phân biệt các căn, đoạn nghi cho chúng sanh; dùng nhạo thuyết biện tài, diễn nói pháp không ngại. Dùng thần thông trí tuệ làm phương tiện dẫn đường chúng sanh. Được niệm tổng trì, ghi nhớ hết không quên. Khéo phân biệt rành rõ các căn cơ cao thấp của chúng sanh, để nói pháp đúng với sở thích và dứt nghi cho họ. Dùng biện tài nói pháp cho người nghe thông suốt không chướng ngại.

Trong sạch mười điều thiện, thọ phước cõi người cõi trời; tu tứ vô lượng, mở đường cõi Phạm thiên. Tu thập thiện để đầy đủ phước đức cõi người, cõi trời. Tu tứ vô lượng tâm, dẫn đường cho những tứ vô lượng người sanh lên cõi Phạm thiên. Đó là phương tiện độ sanh chứ không phải để hưởng thụ dục lạc ở những cảnh đó.

Khuyến thỉnh nói pháp, tùy hỷ tán thán điều lành, được âm thanh của Phật; thân khẩu ý lành, được oai nghi của Phật. Thường khuyến thỉnh người nói pháp, tùy hỷ tán thán những điều lành của người khác, là người biết tu âm thanh của Phật. Như đức Phật nhờ tu nhân này, được lời nói trong trẻo như tiếng Ca-lăng-tần-già. Tu nhân thân khẩu ý lành là được oai nghi của Phật.

Tu sâu các pháp lành, việc làm càng thù thắng; dùng Đại thừa giáo, thành tựu Tăng Bồ-tát; tâm không buông lung, không mất các việc lành. Hành những pháp này, ấy là Bồ-tát chẳng tận hữu vi. Muốn thành tựu một vị tăng tu hạnh Bồ-tát, phải tu theo giáo lý Đại thừa, chuyên sâu các pháp lành, việc làm đều được tốt đẹp. Thực hành những điều trên đây, ấy là hạnh Bồ-tát chẳng tận hữu vi.

Sao gọi là Bồ-tát không trụ vô vi? Nghĩa là tu học Không, chẳng lấy Không làm chỗ chứng; tu học vô tướng vô tác, không lấy vô tướng vô tác làm chỗ chứng; tu học vô khởi, cũng không lấy vô khởi làm chỗ chứng. Hàng Thanh văn tu bốn pháp: Không, vô tướng, vô tác, vô khởi, được giải thoát sanh tử. Bồ-tát cũng tu bốn môn này được vô vi giải thoát, mà không lấy đó làm kết quả tu chứng của mình.

Quán vô thường mà không chán gốc lành; quán thế gian khổ mà không ghét sanh tử; quán vô ngã mà dạy người không mỏi mệt; quán tịch diệt mà không hằng tịch diệt.

Bệnh của chúng sanh là khi quán các pháp vô thường, thấy tất cả pháp dù cả pháp lành cũng vô thường, rồi không còn muốn làm gì nữa. Bồ-tát biết rõ điều này, nhưng điểm đặc biệt của các ngài, dù việc lành nhỏ cũng không bỏ. Biết rõ thế gian là khổ, nhưng vì muốn độ chúng sanh đang trầm luân trong biển khổ, nên các ngài vẫn lao vào sanh tử, không chán ghét. Như vậy mới thấy rõ tâm Bồ-tát vừa cao thượng vừa mạnh mẽ. Còn tâm chúng ta ích kỷ hẹp hòi, nhát nhúa nên chỗ khổ thì sợ tránh, chỗ vui thì tìm tới. Quán vô ngã là thấy mình không thật, người không thật mà vẫn luôn dạy người không biết mỏi mệt. Quán tịch diệt mà không hằng tịch diệt, nghĩa là đạt đến chỗ Niết-bàn lặng lẽ mà không an trụ trong đó.

Quán xa lìa mà thân tâm tu các việc lành; quán không chỗ trở về mà quy hướng về pháp lành. Quán xa lìa tức xa lìa ngũ dục mà thân tâm thường tu các pháp lành. Quán không chỗ trở về nhưng luôn hướng về làm những điều lành.

Quán vô sanh mà dùng các pháp sanh gánh vác tất cả; quán vô lậu mà không đoạn các hữu lậu; quán vô sở hành mà dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh; quán không rỗng mà không xả đại bi; quán chánh pháp vị mà không theo Tiểu thừa. Quán vô sanh nghĩa là quán tất cả pháp không thật sanh, nhưng dùng pháp sanh để gánh vác cho người. Quán vô sở hành là không có chỗ hành,

mà luôn dùng pháp hành để giáo hóa chúng sanh. Quán chánh pháp vị là các quả vị của Tiểu thừa, mà không theo Tiểu thừa.

Quán các pháp hư vọng không bền chắc không người, không chủ không tướng, bản nguyện chưa đầy đủ mà không luống qua những phước đức, thiền định, trí tuệ. Tu các pháp như thế, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi. Thấy các pháp là hư dối, không bền chắc, không người, không chủ, không tướng nhưng bản nguyện của mình chưa đầy đủ thì một chút phước đức cũng không bỏ qua, luôn thực hành thiền định và trí tuệ. Tu các pháp trên đây, ấy là Bồ-tát không trụ vô vi.

Lại vì đủ phước đức, không trụ vô vi; vì đủ trí tuệ chẳng tận hữu vi. Vì đại từ bi, không trụ vô vi; vì mãn bản nguyện, chẳng tận hữu vi. Muốn đầy đủ phước đức và lòng đại từ bi, nên không trụ vô vi, vì bản nguyện lợi sanh, mà an trụ vô vi là không sanh, không thể làm lợi ích chúng sanh, do đó phước đức và từ bi không viên mãn. Còn hữu vi mới tu, để được tất cả trí, nên chẳng tận hữu vi.

Vì nhóm thuốc pháp, không trụ vô vi; vì tùy trao thuốc, chẳng tận hữu vi. Thuốc pháp là pháp Phật dạy để trị bệnh chúng sanh. Vì muốn học đầy đủ các pháp của Phật nên không trụ vô vi. Nếu trụ vô vi là an trụ pháp của hàng Thanh văn thì không học được pháp của Bồ-tát. Vì tùy bệnh trao thuốc pháp, trị đúng bệnh chúng sanh, nên chẳng tận hữu vi. Nếu an trụ vô vi thì làm sao trao thuốc cho người được.

Vì biết bệnh chúng sanh, không trụ vô vi; vì diệt bệnh chúng sanh, chẳng tận hữu vi. Biết chúng sanh đủ các thứ bệnh khổ não, nên không đành lòng an trụ Niết-bàn. Vì muốn diệt hết những bệnh khổ cho chúng sanh, phải vào sanh tử mới có thể cứu độ họ, nên chẳng tận hữu vi.

Các chánh sĩ Bồ-tát dùng pháp này tu, chẳng tận hữu vi, không trụ vô vi, ấy gọi là pháp môn Tận vô tận giải thoát, các ông nên học. Trên đây là một ít pháp, Phật đã dạy cho chư Bồ-tát cõi Chúng Hương về pháp môn Tận vô tận giải thoát và khuyên các ngài hãy y theo đó tu hành.

Nhiều người mới vào đạo, nôn nóng nghĩ, tu chừng nào mới thành Phật, bao lâu được chứng quả, đắc đạo! v.v... Nghe nói đến ba vô số kiếp thì thở dài ngao ngán. Tu hành không nên tính thời gian, làm việc lành cũng vậy, tùy theo khả năng và sức lực của mình, khi công đức lành viên mãn, trí tuệ đầy đủ, chừng đó thành Phật. Những người nôn nóng, muốn tu mau thành mà không được kết quả như ý, sanh tâm chán nản dễ bỏ cuộc. Người này cũng đáng khen, vì có tinh tấn nhưng nôn nóng là một tai họa, chứ không phải là chuyện tốt. Phải có ý chí bền bỉ, dũng mãnh mới mong thành tựu sở nguyện.

Người tu phải có cái nhìn thật chín chắn. Hiểu được lý này thì ngày nào, giờ nào cũng tu. Việc lành nào đến, có thể làm được thì cố gắng làm. Niệm xấu khởi lên biết buông bỏ, điều tốt phải làm cho tăng trưởng. Thực hành mãi như vậy sẽ được công đức viên mãn.

Khi ấy các vị Bồ-tát ở nước kia nghe nói pháp này đều rất hoan hỷ, dùng các thứ hoa đẹp đủ loại màu sắc, đủ các mùi hương, rải khắp tam thiên đại thiên thế giới, cúng dường Phật và kinh pháp này cùng với các vị Bồ-tát, rồi cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, tán thán chưa từng có!

- Đức Phật Thích-ca-mâu-ni mới có thể ở nơi đây khéo hành phương tiện.

Nói rồi, bỗng dưng biến mất, trở về nước kia.

Phẩm này tuy Phật dạy cho Bồ-tát, nhưng chúng ta cũng có thể học theo để có thêm sức mạnh trong khi làm Phật sự. Những lời dạy trong đây là điều kiện để thành Phật, chúng ta phải cố gắng làm theo các hạnh này mới tròn bản nguyện của mình. Hiện tại tuy làm chưa được trọn vẹn, nhưng cũng cố gắng tiếp tục làm mãi, dù có mệt mỏi cũng đừng thối chí nản lòng.

XII- PHẨM THẤY PHẬT A-SÚC

A-súc (Akṣobhya) là dịch âm tiếng Phạn, Trung Hoa dịch nghĩa là Vô Động. Đức Phật A-súc còn gọi là Phật Vô Động, do nhân tu hạnh vô động viên mãn, được thành Phật ở cõi nước rất hoan hỷ đẹp đẽ, nên có tên là Diệu Hỷ. Tên nước và tên Phật đã nói lên mấu chốt của sự tu hành. Nếu trước những cảnh thuận nghịch, tâm thanh tịnh không xao xuyến loạn động thì luôn được an vui, không phiền cấu. Tâm bất động, ở đâu cũng an. Tâm loạn động, dù ở chỗ nào cũng đáng buồn, đáng giận, đáng trách. Đó là ý nghĩa của phẩm này.

Chánh văn:

Khi ấy Thế Tôn hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông muốn thấy Như Lai, dùng những gì để quán Như Lai?

Ông Duy-ma-cật thưa:

- Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy. Con quán Như Lai mé trước không đến, mé sau chẳng đi, hiện tại không trụ. Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh. Chẳng quán thọ tưởng hành thức, chẳng quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ đại khởi, đồng với hư không. Sáu nhập không tích tụ, mắt tai mũi lưỡi thân tâm đã qua; chẳng ở tam giới, đã lìa ba cấu. Thuận theo ba môn giải thoát, đầy đủ ba minh cùng với vô minh đồng. Chẳng phải tướng một chẳng phải tướng khác, chẳng phải tự tướng chẳng phải tha tướng, chẳng phải không tướng chẳng phải thủ tướng. Chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia, chẳng phải ở chặng giữa mà giáo hóa chúng sanh. Quán tịch diệt cũng chẳng hằng diệt. Chẳng đây chẳng kia, chẳng phải do đây chẳng phải do kia. Không thể dùng trí biết cũng không thể dùng thức hiểu. Không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng phải nhơ. Không ở phương sở, không lìa phương sở; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ bày không nói năng. Không bố thí không xan tham, không trì giới không phạm giới, không nhẫn nhục không sân nhuế, không tinh tấn không giải đãi, không định không loạn, không trí không ngu, không thật không dối, không đến không đi, không ra không vào, tất cả đường ngôn ngữ

đoạn dứt. Chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, chẳng phải nên cúng dường chẳng phải không nên cúng dường, chẳng phải thủ chẳng phải xả. Chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Đồng với mé chân, bình đẳng pháp tánh. Không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường. Chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ, chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hiểu chẳng phải biết, lìa các kiết phược. Bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt. Tất cả không mất, không nhơ nhớp không phiền não, không tạo tác không khởi, không sanh không diệt. Không sợ không lo, không mừng không chán không dính mắc. Không đã có, không sẽ có, không nay có. Không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt hiển bày. Bạch Thế Tôn, thân Như Lai là thế đấy, khởi quán như thế. Dùng quán này gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Pháp của Ngài đã được, có chết có sanh chăng?

Xá-lợi-phất nói: - Không chết không sanh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Nếu các pháp không có tướng chết tướng sanh, vì sao Ngài hỏi ở chỗ nào chết mà đến sanh

ở đây? Ý Ngài nghĩ sao? Ví như có ông thầy huyễn, hóa ra người huyễn nam nữ, lẽ nào có chết có sanh chăng?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Không có chết không có sanh. Ông há chẳng nghe Phật nói các pháp như tướng huyễn sao?

Đáp:

- Đúng thế, nếu tất cả pháp như tướng huyễn, tại sao Ngài hỏi chết ở chỗ nào mà đến sanh ở đây? Thưa ngài Xá-lợi-phất, chết là pháp hư dối, tướng bại hoại; sanh là pháp hư dối, tướng tương tục. Bồ-tát tuy chết, chẳng dứt gốc lành; tuy sanh, chẳng tăng trưởng các ác.

Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Có nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu Vô Động. Ông Duy-ma-cật ở cõi nước kia chết, rồi đến sanh ở cõi này.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thật là chưa từng có. Bạch đức Thế Tôn! Người này mới hay xả bỏ cõi nước thanh tịnh, mà thích đến chỗ nhiều oán hại này.

Ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Ý Ngài nghĩ sao? Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện cùng với tối có hợp chăng?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

- Không vậy! Khi ánh mặt trời xuất hiện tức không có các tối.

Ông Duy-ma-cật hỏi:

- Mặt trời vì sao xoay quanh cõi Diêm-phù-đề?

Đáp: - Vì muốn soi sáng để trừ tối.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát cũng như thế! Tuy sanh ở cõi nhớp nhúa, vì giáo hóa chúng sanh, không cùng ngu tối mà chung hợp vậy, chỉ diệt phiền não ngu tối cho chúng sanh thôi.

Khi ấy cả đại chúng đều khao khát muốn thấy thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn ở cõi ấy. Phật biết suy nghĩ của chúng hội, liền bảo ông Duy-ma-cật:

- Này thiện nam tử! Vì chúng hội đây hãy hiện ra cõi Diệu Hỷ của đức Vô Động, và chúng ở đây đều muốn thấy chư Bồ-tát, chúng Thanh văn ở cõi nước kia.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Ta sẽ không rời tòa này, tiếp nhận cõi nước Diệu Hỷ, núi Thiết Vi, núi sông, khe núi sông ngòi, biển cả suối nguồn, các núi Tu-di và mặt trăng mặt trời, các vì sao, cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần, Phạm thiên, cùng với những chúng Bồ-tát,

Thanh văn, thành ấp xóm làng, nam nữ lớn nhỏ, cho đến đức Vô Động Như Lai, cùng với cây bồ-đề, các hoa sen đẹp, hay ở nơi mười phương mà làm Phật sự. Ba con đường báu cấp bậc từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao-lợi, do thềm báu này chư thiên đi xuống, thảy đều lễ kính đức Vô Động Như Lai và nghe nhận kinh pháp. Những người ở cõi Diêm-phù-đề cũng lên thềm báu đó đi đến cung trời Đao-lợi, thấy được các chư thiên kia. Thế giới Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến mé thủy. Dùng bàn tay mặt nắm bứt, như bàn quay của ông thợ gốm, để vào thế giới này giống như cầm vòng hoa đẹp, chỉ bày cho tất cả chúng."

Khởi nghĩ như thế rồi, nhập chánh định, hiện sức thần thông dùng tay phải kia nắm lấy thế giới Diệu Hỷ để trên cõi này.

Các vị Bồ-tát được thần thông và chúng Thanh văn cùng chúng thiên nhân ở cõi kia đều cất tiếng nói rằng:

- Cúi xin Thế Tôn, ai nắm đem chúng con đi? Mong Ngài cứu cho.

Đức Phật Vô Động nói:

- Chẳng phải ta làm, đấy là sức thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật làm.

Ngoài ra, những vị chưa được thần thông không hay không biết mình bị đem đi. Thế giới Diệu Hỷ

tuy vào cõi này mà không tăng giảm, khi ấy trong thế giới này cũng không thấy chật hẹp, vẫn như xưa không khác.

Lúc ấy đức Phật Thích-ca-mâu-ni bảo chư đại chúng:

- Các ông hãy xem thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cõi nước kia trang nghiêm đẹp đẽ, những vị Bồ-tát hạnh thanh tịnh, chúng đệ tử thanh bạch.

Cả chúng đều bạch:

- Thưa vâng đã thấy.

Phật bảo:

- Nếu Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, phải học đạo của đức Vô Động Như Lai đã hành.

Khi hiện cõi nước Diệu Hỷ, mười bốn na-do-tha người ở thế giới Ta-bà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sanh về cõi Phật Diệu Hỷ. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền thọ ký cho họ sẽ sanh về nước kia. Khi thế giới Diệu Hỷ đến cõi này làm những việc lợi ích kia rồi, liền trở lại chỗ cũ, cả chúng đều thấy.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông thấy thế giới Diệu Hỷ này và đức Phật Vô Động chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con đã thấy! Mong cho tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như đức Phật Vô Động, được sức thần thông như ông Duy-ma-cật. Bạch Thế Tôn, chúng con rất thích được thiện lợi, được gặp người này thân cận cúng dường. Các chúng sanh kia, hoặc là hiện tại hoặc là sau khi Phật diệt độ, nghe kinh này cũng được thiện lợi. Huống lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì đọc tụng giải nói, như pháp tu hành. Nếu tay được quyển kinh điển này, liền đã được kho pháp báu. Nếu có người đọc tụng giải thích các nghĩa này, như lời nói tu hành, ắt là được chư Phật hộ niệm. Nếu có người cúng dường vị này, nên biết là đang cúng dường Phật. Nếu có người biên chép thọ trì quyển kinh này, nên biết trong thất người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này hay tùy hỷ, người đó ắt sẽ được Nhất thiết trí. Nếu hay tin hiểu kinh này, cho đến một bài kệ bốn câu, vì người khác nói, nên biết người ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Khi ấy Thế Tôn hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông muốn thấy Như Lai, dùng những gì để quán Như Lai?

Ông Duy-ma-cật thưa:

- Như tự quán thật tướng của thân, quán Phật cũng vậy.

Cư sĩ Duy-ma-cật không nhìn Phật trên thân ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, mà nhìn bằng thật tướng của thân, tức là tánh giác. Người tu biết trở về với tánh giác, khi được viên mãn gọi là thành Phật. Thật tướng của thân là tánh giác của mỗi người. Ngay thân mình có tánh giác mà bỏ quên không biết xoay trở lại, nên gọi là chúng sanh mê lầm. Muốn thấy Phật, không gì hơn là nhận ra tánh giác của mình, Phật cũng như thế, không có khác. Trên giả tướng, Phật ở Ấn Độ, có dáng vóc người Ấn Độ, Phật thờ ở Trung Hoa giống người Trung Hoa, ở Việt Nam giống người Việt Nam. Hình dáng đó là giả tướng có đổi thay sai biệt, nhưng tánh giác thì không khác. Thế nên, quán Phật với tinh thần Đại thừa là quán ngay tánh giác. Thấy được tánh giác của mình là thấy được tánh giác của Phật. Vì vậy nói quán Phật cũng như tự quán thật tướng của thân.

Như vậy câu này đầy đủ ý nghĩa toàn phẩm, nhưng vì muốn phá lầm chấp cho mọi người nên phần sau cư sĩ Duy-ma-cật mới giải thích chi tiết.

Con quán Như Lai mé trước không đến, mé sau chẳng đi, hiện tại không trụ. Mé trước chỉ cho quá khứ không đến, mé sau chỉ cho vị lai chẳng đi, hiện tại không dừng trụ. Trong ba thời Phật không đến không đi không dừng trụ. Vì thời gian là tướng hư giả, chuyển biến vô thường; còn Phật là tánh giác, không chuyển biến, không vô thường, làm sao có đến có đi, hay có dừng trụ. Như vậy đức Phật hay tánh giác không lệ thuộc vào thời gian.

Chẳng quán sắc, chẳng quán sắc như, chẳng quán sắc tánh. Chẳng quán thọ tưởng hành thức, chẳng quán thức như, chẳng quán thức tánh, chẳng phải tứ đại khởi, đồng với hư không. Ở đây, quán Phật là nhìn thẳng vào tánh giác, chứ không phải trên thân ngũ uẩn hay thân tứ đại, vì ngũ uẩn là tướng chia chẻ, tứ đại là tướng hòa hợp hư dối, không cố định. Tánh giác không tướng mạo, không hình trạng nên đồng với hư không.

Chỗ này nếu nói suông thì khó hiểu. Chúng ta ai cũng thừa nhận mình có tánh giác, nhưng tánh giác ra sao thì không thể chỉ ra được. Tánh giác là cái giác tri không biến động, không đổi dời, mỗi người đều sẵn có. Thí dụ ngọn đèn, chúng ta đều thấy hình dáng và tướng mạo của nó, nhưng do niệm phân biệt của mỗi người nên có sai khác. Như vậy ngay nơi chúng ta có cái biết khác mà cũng có cái biết không khác. Cái biết khác là cái biết khi khởi phân biệt, tùy theo niệm của mỗi người, có khen chê đẹp xấu, hay phân tích cách này cách nọ. Nếu nhìn bằng tánh giác, dù trăm người đều thấy, nhưng cái thấy đó không sai biệt, không khác nên nói không hai. Ngọn đèn có tướng mạo chứ cái thấy hay tánh giác không có tướng mạo, vì không tướng mạo nên nói đồng với hư không.

Sáu nhập không tích tụ, mắt tai mũi lưỡi thân tâm đã qua; chẳng ở tam giới, đã lìa ba cấu. Thuận theo ba môn giải thoát, đầy đủ ba minh cùng với vô minh đồng. Tánh giác không sanh diệt, không lệ thuộc vào sáu nhập. Mắt tai mũi lưỡi thân tâm là tướng sanh diệt,

vì vậy khi sáu căn tiếp xúc với sáu trần gọi là sáu nhập, chợt có chợt không, chợt còn chợt mất, nên nói đã qua. Ba cấu còn gọi là ba độc. Vì tánh giác thích hợp với ba môn giải thoát không lệ thuộc tam giới, đã lìa ba độc.

Đầy đủ ba minh thì không có vô minh, tại sao lại nói đồng với vô minh? Vì thật tánh vô minh tức Phật tánh. Như vậy đồng là đồng chỗ thật tánh, nên nói ba minh cùng với vô minh không khác.

Chẳng phải tướng một chẳng phải tướng khác, chẳng phải tự tướng chẳng phải tha tướng, chẳng phải không tướng chẳng phải thủ tướng, chẳng phải bờ này chẳng phải bờ kia, chẳng phải ở chặng giữa mà giáo hóa chúng sanh. Phật hay tánh giác không thuộc về tướng một hay tướng khác, tự tướng hay tha tướng, chẳng phải không tướng, chẳng phải thủ tướng, chẳng phải bờ này, chẳng phải bờ kia. Trong giáo lý Nhị thừa, bờ bên này tượng trưng cho trầm luân sanh tử, bờ bên kia là giải thoát Niết-bàn. Nhưng Phật không lệ thuộc vào hai bên cũng không thuộc khoảng giữa. Thí dụ cái nhà này hai bên là vách, không gian giữa hai tấm vách gọi là giữa. Như vậy khoảng giữa là đối đãi với hai bên vách mà có. Phật không thuộc tướng đối đãi, nên nói lìa tất cả ba chỗ, bên này bên kia và ở giữa, mà hay giáo hóa chúng sanh.

Quán tịch diệt cũng chẳng hằng diệt. Trong bài kệ tán Phật có câu *Năng lễ, sở lễ tánh không tịch, cảm ứng đạo giao nan tư nghì.* Năng lễ là mình lễ, sở lễ là Phật được lễ, cả hai đều là tánh không tịch.

Không tịch là lặng lẽ tịch diệt, nhưng không hằng diệt. Tại sao? Thể tánh là tịch diệt, nhưng vì chư Phật nguyện độ tận chúng sanh nên không an trụ trong chỗ hằng diệt. Cũng vậy, nhìn thấu đáo thân chúng ta bản tánh là không tịch, song trên phương diện tu hành, nếu chí thành thì sẽ có sự cảm ứng giữa mình và Phật không thể nghĩ bàn. Đó là ý nghĩa bài kệ tán Phật chúng ta tụng hằng đêm.

Chẳng đây chẳng kia, chẳng phải do đây chẳng phải do kia. Không thể dùng trí biết cũng không thể dùng thức hiểu. Phật không lệ thuộc bên này bên kia, cũng không lệ thuộc bất cứ điều gì. Do đó không thể dùng trí của phàm phu mà biết được, cũng không thể dùng thức phân biệt mà hiểu được.

Không tối không sáng, không danh không tướng, không mạnh không yếu, chẳng phải sạch chẳng phải nhơ. Không ở phương sở, không lìa phương sở; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi. Không chỉ bày không nói năng. Không bố thí không xan tham, không trì giới không phạm giới, không nhẫn nhục không sân nhuế, không tinh tấn không giải đãi, không định không loạn, không trí không ngu, không thật không dối, không đến không đi, không ra không vào, tất cả đường ngôn ngữ đoạn dứt.

Phật không lệ thuộc vào hai tướng, hoặc hữu hoặc vô, hoặc mạnh hoặc yếu, hoặc nhơ hoặc sạch... Tất cả những phần đối đãi về tâm đều không phải hết.

Tất cả bàn luận, nói năng đều không đến được thật tướng hay Phật tánh. Vì nói năng là dùng ngôn ngữ, mà ngôn ngữ thì lập trên đối đãi. Nói thật là đối với dối, đến đối với đi, ra đối với vào, có đối với không, phải đối với quấy... Đến chỗ này nếu dùng tướng đối đãi phân biệt để hiểu biết là sai lầm. Thế nên nói đường ngôn ngữ đoạn dứt.

Chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, chẳng phải nên cúng dường chẳng phải không nên cúng dường, chẳng phải thủ chẳng phải xả. Chẳng phải có tướng chẳng phải không tướng. Đồng với mé chân, bình đẳng pháp tánh. Không thể cân không thể lường, vượt qua các cân lường. Chẳng phải lớn chẳng phải nhỏ.

Chúng ta thường nói, Phật là phước điền của chúng sanh. Nhưng đây lại nói chẳng phải phước điền, cũng chẳng phải không phước điền, nghĩa là không nhìn Phật với tính cách đối đãi. Trong mười hiệu Phật, *Ứng Cúng* là nên cúng dường, nhưng không chấp nên hay không nên cúng dường, vì còn đối đãi hai bên. Lìa thủ xả, lìa có tướng không tướng. Trên mé chân thật là bình đẳng nên không nặng, nhẹ, lớn, nhỏ, không thể cân, không thể lường... Vì vậy nói vượt qua các cân lường, không lớn không nhỏ.

Chẳng phải thấy chẳng phải nghe, chẳng phải hiểu chẳng phải biết, lìa các kiết phược. Bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh, đối với các pháp không phân biệt.

Tại sao không phải thấy nghe hiểu biết, lìa tất cả trói buộc mà lại bình đẳng các trí, đồng với chúng sanh? Phật là giác, nên giải thoát tất cả trói buộc, trí tuệ bình đẳng. Còn chúng ta đang bị phiền não trói buộc nên chưa có trí bình đẳng. Tại sao lại nói Phật đồng với chúng sanh? Vì Phật có tánh giác, chúng ta cũng có tánh giác. Phật đã tu viên mãn, chúng ta mới tu, nên còn là phàm tăng, còn là chúng sanh.

Thí dụ một ông trưởng giả giàu có, đông con. Khi già yếu, ông gọi các con lại để chia của cải, mỗi phần bằng nhau. Phần các con nhỏ còn khờ dại đang tuổi ăn học, ông đem chôn giấu một nơi và dặn dò các anh chị, khi các em lớn khôn lấy của đó ra chia cho chúng. Các anh chị lớn sẵn của được chia nên cất nhà sang trọng. Các con nhỏ tuy có của nhưng chưa được nắm giữ, mỗi ngày đi học phải xin tiền, nên tưởng mình nghèo, thua kém các anh. Nhưng sự thật mỗi đứa đều có phần như nhau. Người đã lấy ra xài thì thấy giàu có, còn người chưa nhận được của thì thấy như nghèo khó túng thiếu.

Cũng vậy, Phật có tánh giác, chúng ta cũng có tánh giác. Nhưng Phật đã khéo diệt trừ những mê lầm, giải thoát mọi phiền não, nên hằng sống với tánh giác. Còn chúng ta tánh giác đang bị chôn trong mảnh đất vô minh nên không hiển lộ, không bày ra. Mải chạy theo những dục lạc tạm bợ của thế gian, bỏ quên tánh giác, vì vậy gọi là mê. Nếu chúng ta thức tỉnh, biết xoay trở lại dùng trí tuệ chiếu phá vô minh, diệt trừ phiền não

thì tánh giác sẽ hiển bày như Phật không khác. Thế nên nói, Phật lìa hết những trói buộc, được trí tuệ bình đẳng đồng với chúng sanh.

Thế gian có bệnh thấy các sự vật hay phân biệt đẹp xấu, hơn thua... nên quên mất chỗ chân thật. Đối với Phật, tất cả pháp không tâm phân biệt nên gọi là bất động hay vô động.

Tất cả không mất, không nhơ nhớp không phiền não, không tạo tác không khởi, không sanh không diệt. Không sợ không lo, không mừng không chán không dính mắc. Không đã có, không sẽ có, không nay có. Không thể dùng tất cả ngôn thuyết phân biệt hiển bày. Vì tánh giác không lệ thuộc vào đối đãi nên không thể dùng ngôn ngữ, nói năng phân biệt để hiển bày đầy đủ, rõ ràng được.

Bạch Thế Tôn, thân Như Lai là thế đấy, khởi quán như thế. Dùng quán này gọi là chánh quán, nếu quán khác gọi là tà quán.

Kinh Kim Cang, Phật nói:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,
Dĩ âm thanh cầu ngã,
Thị nhân hành tà đạo,
Bất năng kiến Như Lai.

Nghĩa là:

Nếu dùng sắc thấy ta,
Dùng âm thanh cầu ta,

Người ấy hành đạo tà,

Không thể thấy Như Lai.

Nếu tìm Phật qua sắc tướng âm thanh, đó là quán tà. Phải thấy Phật vượt khỏi pháp sanh diệt đối đãi. Như vậy mới thấy được thể chân thật, hay pháp thân Như Lai.

Khi ấy ngài Xá-lợi-phất hỏi ông Duy-ma-cật:

- Ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây?

Ông Duy-ma-cật nói:

- Pháp của Ngài đã được, có chết có sanh chăng?

Sau khi nghe cư sĩ Duy-ma-cật giải đáp, tôn giả Xá-lợi-phất quá nể phục, nên hỏi ông chết ở đâu mà đến sanh ở đây. Liền bị cư sĩ Duy-ma-cật bẻ, như pháp của ngài đã được, có chết có sanh chăng? Vì tôn giả Xá-lợi-phất đã chứng A-la-hán, mà A-la-hán là vô sanh thì làm sao có chết có sanh.

Xá-lợi-phất nói:

- Không chết không sanh.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Nếu các pháp không có tướng chết tướng sanh, vì sao Ngài hỏi ở chỗ nào chết mà đến sanh ở đây. Ý Ngài nghĩ sao? Ví như có ông thầy huyễn, hóa ra người huyễn nam nữ, lẽ nào có chết có sanh chăng?

Xá-lợi-phất nói:

- Không có chết không có sanh. Ông há chẳng nghe Phật nói các pháp như tướng huyễn sao?

Sau cùng cư sĩ Duy-ma-cật kết thúc, ngài đâu chẳng nghe Phật nói tất cả pháp như tướng huyễn sao.

Đáp:

- Đúng thế, nếu tất cả pháp như tướng huyễn, tại sao Ngài hỏi chết ở chỗ nào mà đến sanh ở đây? Thưa ngài Xá-lợi-phất, chết là pháp hư dối, tướng bại hoại; sanh là pháp hư dối, tướng tương tục. Bồ-tát tuy chết, chẳng dứt gốc lành; tuy sanh, chẳng tăng trưởng các ác.

Thân chúng ta đang sống đây là trong thời kỳ sanh. Sanh là tướng tương tục, nối tiếp liên miên không dừng. Như lỗ mũi hít vô thở ra, miệng uống nước ăn cơm... cứ tiếp tục đều đặn là sống, không tiếp tục là chết. Thân này hư dối, nên nói là pháp hư dối. Sanh là hư dối, là tướng tương tục. Tử là hư dối, là tướng bại hoại. Vòng tương tục đó tiếp nối luôn gọi là sanh, nếu bại hoại gọi là tử. Trên lý thì thấy như vậy, lúc học kinh nghe pháp biết rõ ràng, nhưng khi đối duyên gặp cảnh thì thấy nó thật, không dối chút nào. Hơn thua một chút cũng phiền não, vì lầm nhận hư dối cho là thật. Tại sao hư dối? Đủ duyên hợp mới có thân là sanh, duyên ly tán thì chết. Thấy như vậy là giác. Sao mình không chịu giác?

Nghiệm xét kỹ thân này, còn nói năng đi lại thì thấy nó quan trọng, tắt thở năm bảy tiếng trở thành đồ bỏ. Nếu để ở ngoài, nằm phơi ra đó chừng đôi ba ngày, những người thân đến gần không dám nhìn, thiên hạ đi ngang qua phải bịt mũi. Vì vậy phải để trong quan tài đậy kín, cho người đỡ sợ đỡ gớm. Thân này đâu có thật, đâu có gì đáng quý, mà chúng ta vẫn cứ mê lầm.

Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật xác định với ngài Xá-lợi-phất, sanh tử là tướng tương tục, là tướng bại hoại của pháp hư dối. Thân huyễn hóa này đâu có gì quan trọng.

Vì nguyện lành mạnh mẽ, nên sau khi chết Bồ-tát liền tiếp tục gieo trồng thêm căn lành chứ không mất. Khi sanh ra đời, vì gốc lành cũ vẫn còn nên các ngài sớm thức tỉnh, làm những điều thiện, do đó những điều ác không tăng trưởng. Còn chúng ta thì sao? Thí dụ lúc nhỏ bảy tám tuổi ở quê đi chơi thích bắt dế, bắt cào cào ngắt cánh, bắt cá lia thia cắn nhau. Những trò chơi đó toàn là tăng trưởng pháp ác. Cho nên Bồ-tát khác với chúng ta là vậy. Các ngài sanh ra không tăng trưởng điều ác, chết đi không mất gốc lành, nên không sợ chết cũng không sợ mê lầm.

Khi ấy Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Có nước tên Diệu Hỷ, đức Phật hiệu Vô Động. Ông Duy-ma-cật ở cõi nước kia chết, rồi đến sanh ở cõi này.

Như vậy tôn giả Xá-lợi-phất hết sức thật thà, hỏi ông ở cõi nào chết, rồi đến sanh cõi này; cư sĩ Duy-ma-cật không trả lời thẳng mà dùng lý để đáp. Bấy giờ đức Phật mới nói rõ cho ngài Xá-lợi-phất biết ông ấy từ cõi nước Diệu Hỷ đến.

Ngài Xá-lợi-phất thưa:

- Thật là chưa từng có. Bạch đức Thế Tôn! Người này mới hay xả bỏ cõi nước thanh tịnh, mà thích đến chỗ nhiều oán hại này. Sở dĩ tôn giả Xá-lợi-phất chê cõi

chúng ta đang ở có nhiều oán hại, vì chúng sanh trong cõi này, dù là người tu, đã cạo bỏ râu tóc vào chùa ăn chay, nhưng trong tâm còn có ghét có thương, huống là người thế gian giành nhau từng miếng ăn, từng địa vị, từng món đồ tốt xấu, nên lúc nào cũng giận ghét, muốn hại nhau. Vì vậy sống trong cõi nhiều hận thù oán hại, thì tâm người làm sao trong sạch được. Do đó thế giới cũng không trong sạch, đó là lẽ thật. Như có khoảng năm mươi người ở một căn nhà thiếu tiện nghi vệ sinh, chừng một tháng không tắm rửa, có ai đến gần chắc phải bịt mũi. Như vậy để thấy thế giới nhơ bẩn nhớp nhúa, không có gì hay tốt là vì tâm niệm của chúng sanh, do nhân xấu nên phải chịu quả báo xấu.

Cõi nước Diệu Hỷ, do tâm bất động nên thế giới rất vui đẹp, vậy mà cư sĩ Duy-ma-cật nguyện xả bỏ cõi nước thanh tịnh để hiện thân vào cõi Ta-bà ô trược này. Thế nên tôn giả Xá-lợi-phất mới tán thán ông.

Ông Duy-ma-cật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Ý Ngài nghĩ sao? Khi ánh sáng mặt trời xuất hiện cùng với tối có hợp chăng?

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

- Không vậy! Khi ánh mặt trời xuất hiện tức không có các tối.

Cư sĩ Duy-ma-cật liền lại hỏi; khi ánh sáng mặt trời xuất hiện có hòa hợp với bóng tối không? Ngài Xá-lợi-phất nói, ánh sáng phát ra thì bóng tối không còn. Vì vậy tối và sáng không thể hòa hợp nhau được.

Ông Duy-ma-cật hỏi:

- Mặt trời vì sao xoay quanh cõi Diêm-phù-đề?

Đáp: - Vì muốn soi sáng để trừ tối.

Ông Duy-ma-cật nói:

- Bồ-tát cũng như thế! Tuy sanh ở cõi nhớp nhúa, vì giáo hóa chúng sanh, không cùng ngu tối mà chung hợp vậy, chỉ diệt phiền não ngu tối cho chúng sanh thôi.

Bồ-tát vì hạnh nguyện giáo hóa, nên thị hiện sanh trong cõi nhơ nhớp nhiều oán hại, cốt để trừ phiền não tối tăm cho chúng sanh. Như ánh sáng mặt trời xuất hiện thì bóng tối không còn, chứ ánh sáng không hòa lẫn với bóng tối. Cũng vậy, Bồ-tát đến cõi uế nhưng tâm hằng thanh tịnh, không bị cấu uế làm nhiễm. Còn chúng ta tâm đầy dẫy những xấu xa đâu thể sánh với các ngài.

Người xuất gia ở trong chùa tu hành, tương đối thanh tịnh. Có nhà bên cạnh mở cải lương, đến đoạn bi lụy, lúc đó nếu lắng tai nghe, lòng xao xuyến rơi nước mắt là tâm đã bị nhiễm rồi. Qua đó mới thấy tâm chúng ta chưa được thanh tịnh như Bồ-tát, nên ở chỗ nhiễm dễ bị nhiễm, ở chỗ tịnh tâm được tịnh. Đó là điều cần phải dè dặt. Thế nên những cuộn phim Phật giáo, Phật tử đem đến đây muốn chiếu cho quý thầy cô xem, tôi phải biết rõ có những gì hay dở mới chấp nhận, vì sợ nội dung có xen tạp. Thí dụ phim Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma, mà thực tế đánh đấm nhau nhiều hơn. Hay phim Bồ-tát Quán Âm, có nhiều đoạn bi lụy ướt át,

xem rồi tối ngồi thiền hai ba ngày vẫn còn xao xuyến. Như vậy uổng công tôi quá. Phật tử quen theo thế gian nên những tập nhiễm đó không thành vấn đề. Còn người tu phải gạn lọc thân tâm thì nên tránh.

Như trong luật có câu chuyện tôi cho là lý thú. Một Sa-di ngửi hương hoa sen dưới hồ, bị thần hiện lên quở:

- Tại sao ngửi trộm hoa của tôi mà không xin?

Vị Sa-di liền chỉ những người nhổ cây móc rễ, nói:

- Tôi chỉ ngửi hoa, còn những người kia sao ông không rầy?

- Họ như chiếc áo đen, nếu thêm một vài chấm mực cũng không ảnh hưởng gì. Còn ông như chiếc áo trắng, chỉ dính một chấm mực là thành xấu rồi.

Người thế gian nhiều việc, tâm luôn xao xuyến rất khó yên tịnh, nên bị nhiễm trước là chuyện thường. Còn người tu muốn tâm thanh tịnh, lại để những việc vô ích xen vào là trái đạo lý, đáng bị khiển trách. Thận trọng chớ xem thường, để tránh hậu quả không tốt cho sự tu hành.

Khi ấy cả đại chúng đều khao khát muốn thấy thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cùng với chúng Bồ-tát, Thanh văn ở cõi ấy. Phật biết suy nghĩ của chúng hội, liền bảo ông Duy-ma-cật:

- Này thiện nam tử! Vì chúng hội đây hãy hiện ra cõi Diệu Hỷ của đức Vô Động, và chúng ở đây đều muốn thấy chư Bồ-tát, chúng Thanh văn ở cõi nước kia.

Bấy giờ ông Duy-ma-cật thầm nghĩ: "Ta sẽ không rời tòa này, tiếp nhận cõi nước Diệu Hỷ, núi Thiết Vi, núi sông, khe núi sông ngòi, biển cả suối nguồn, các núi Tu-di và mặt trăng mặt trời, các vì sao, cung điện của chư thiên, long vương, quỷ thần, Phạm thiên, cùng với những chúng Bồ-tát, Thanh văn, thành ấp xóm làng, nam nữ lớn nhỏ, cho đến đức Vô Động Như Lai, cùng với cây bồ-đề, các hoa sen đẹp hay ở nơi mười phương mà làm Phật sự. Ba con đường báu cấp bậc từ cõi Diêm-phù-đề đến cõi trời Đao-lợi, do thềm báu này chư thiên đi xuống, thảy đều lễ kính đức Vô Động Như Lai và nghe nhận kinh pháp. Những người ở cõi Diêm-phù-đề cũng lên thềm báu đó đi đến cung trời Đao-lợi, thấy được các chư thiên kia. Thế giới Diệu Hỷ thành tựu công đức vô lượng như thế, trên đến cõi trời Sắc Cứu Cánh, dưới đến mé thủy. Dùng bàn tay mặt nắm bứt, như bàn quay của ông thợ gốm, để vào thế giới này giống như cầm vòng hoa đẹp, chỉ bày cho tất cả chúng."

Cư sĩ Duy-ma-cật thầm nghĩ, sẽ nắm bứt thế giới giống như ông thợ gốm lấy hòn đất để trên bàn quay xoay vòng, tay nặn thành món đồ như cái tô, cái đĩa... tùy ý tự tại. Ông nắm thế giới kia đem về cho đại chúng xem, nhẹ nhàng như cầm vòng hoa.

Khởi nghĩ như thế rồi, nhập chánh định, hiện sức thần thông dùng tay phải kia nắm lấy thế giới Diệu Hỷ để trên cõi này.

Các vị Bồ-tát được thần thông và chúng Thanh văn cùng chúng thiên nhân ở cõi kia đều cất tiếng nói rằng:

- Cúi xin Thế Tôn, ai nắm đem chúng con đi? Mong Ngài cứu cho.

Đại chúng hoảng hốt không biết ai đã nắm mình đem đi, nên cầu xin Thế Tôn cứu giúp.

Đức Phật Vô Động nói:

- Chẳng phải ta làm, đấy là sức thần thông của cư sĩ Duy-ma-cật làm.

Ngoài ra, những vị chưa được thần thông không hay không biết mình bị đem đi.

Chỗ nắm bứt này theo chúng ta hiểu, như các hành tinh nằm trong Thái Dương hệ, liên kết nhau. Khi dời một hành tinh đi tức là dời nó ra khỏi hệ thống Thái Dương, chứ không phải làm cho thế giới bể nát, nên gọi là nắm bứt. Cùng ở chung trong một thế giới, người có thần thông là người trí thì biết mình bị dời, người chưa có thần thông không hiểu thì không hay biết. Cũng như trái đất quay quanh mặt trời nên có sáng có tối, những người có học thì biết, những đứa bé ở quê chưa học nên không biết.

Thế giới Diệu Hỷ tuy vào cõi này mà không tăng giảm, khi ấy trong thế giới này cũng không thấy chật hẹp, vẫn như xưa không khác. Điều này nghe khó hiểu, đem một thế giới để vào trong một thế giới, dĩ nhiên sẽ bị chật hẹp ép ngặt, vì sao nói không thêm không bớt. Đây là dùng sự hiển bày lý. Vì tâm Bồ-tát bình đẳng không hai nên tất cả đều dung thông nhau, không thấy có lớn nhỏ, nặng nhẹ sai biệt... Do tâm dung thông nên

cảnh cũng dung thông, không gì chướng ngại. Còn tâm chúng ta hạn hẹp nên thấy ngoại cảnh chướng ngại nhau. Đó là điểm khác nhau giữa tâm Bồ-tát và tâm chúng sanh.

Lúc ấy đức Phật Thích-ca-mâu-ni bảo chư đại chúng:

- Các ông hãy xem thế giới Diệu Hỷ của đức Vô Động Như Lai, cõi nước kia trang nghiêm đẹp đẽ, những vị Bồ-tát hạnh thanh tịnh, chúng đệ tử thanh bạch.

Cả chúng đều bạch:

- Thưa vâng đã thấy.

Phật bảo:

- Nếu Bồ-tát muốn được cõi Phật thanh tịnh như thế, phải học đạo của đức Vô Động Như Lai đã hành.

Đức Phật chỉ cho đại chúng xem cõi nước Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động, đẹp đẽ trang nghiêm là do những vị Bồ-tát ở đó có hạnh thanh tịnh, các chúng đệ tử đều thanh bạch. Thế nên chánh báo đẹp thì y báo đẹp. Còn chúng ta chưa thanh tịnh nên cõi nước nhiều uế trược. Như vậy chánh báo xấu thì y báo xấu. Chánh báo là người, y báo là cảnh, y báo tùy thuộc chánh báo.

Như khu đất Thường Chiếu trước kia là một vùng khô cằn hoang dã toàn cỏ tranh. Nhờ sự có mặt và tu hành của tăng ni nên đến năm 1986 cơ sở tạm ổn. Sau năm 1986 đến nay mới tương đối khang trang, thanh tịnh. Cảnh được như vậy là do những người tu thanh tịnh. Thế nên chánh báo và y báo theo nhau. Vì vậy

chỉ cần tu hành thanh tịnh, công đức đầy đủ, thì nơi nào mình đến đều tốt đẹp trang nghiêm, chứ không phải cầu xin mà được.

Chủ trương của kinh Duy-ma-cật là nói về tịnh độ, đến phẩm này mới nói về hạnh tu của Bồ-tát. Bồ-tát muốn được cõi trang nghiêm thanh tịnh, phải học và hành theo hạnh của đức Vô Động Như Lai. Do Phật tu hạnh Vô động, chư Bồ-tát hạnh thanh tịnh và chúng đệ tử đều thanh bạch mới thành tựu nên cõi nước Diệu Hỷ.

Khi hiện cõi nước Diệu Hỷ, mười bốn na-do-tha người ở thế giới Ta-bà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều nguyện sanh về cõi Phật Diệu Hỷ. Đức Phật Thích-ca-mâu-ni liền thọ ký cho họ sẽ sanh về nước kia. Khi thế giới Diệu Hỷ đến cõi này làm những việc lợi ích kia rồi, liền trở lại chỗ cũ, cả chúng đều thấy.

Nhờ thần lực của cư sĩ Duy-ma-cật hiện cõi nước A-súc, ngài A-nan được thấy chỉ một lần, không thể thấy lại lần nữa. Chúng ta học kinh để sau này đọc sử các thiền sư, khi các ngài dẫn nói, mình mới biết được xuất xứ của câu chuyện. Như trong sử tổ Bồ-đề-đạt-ma, một hôm Tổ bảo các đệ tử trình bày chỗ sở chứng của mỗi người. Đến lượt ni Tổng Trì, bà ra thưa: *Chỗ thấy của con giống như ngài A-nan, chỉ thấy cõi Phật A-súc một lần mà không thể thấy lại nữa.* Nếu không học kinh Duy-ma-cật, chúng ta sẽ không biết xuất xứ câu nói này.

Phật bảo ngài Xá-lợi-phất:

- Ông thấy thế giới Diệu Hỷ này và đức Phật Vô Động chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn, con đã thấy! Mong cho tất cả chúng sanh được cõi thanh tịnh như đức Phật Vô Động, được sức thần thông như ông Duy-ma-cật. Bạch Thế Tôn, chúng con rất thích được thiện lợi, được gặp người này thân cận cúng dường.

Tôn giả Xá-lợi-phất phát đại nguyện, mong cho tất cả chúng sanh được cõi nước thanh tịnh, như cõi nước của đức Phật Vô Động và được sức thần thông như cư sĩ Duy-ma-cật. Ngài lại nói, chúng con rất muốn được gần gũi cúng dường cư sĩ Duy-ma-cật và cõi nước Phật để được lợi lành.

Các chúng sanh kia, hoặc là hiện tại hoặc là sau khi Phật diệt độ, nghe kinh này cũng được thiện lợi. Huống lại nghe rồi tin hiểu, thọ trì đọc tụng giải nói, như pháp tu hành. Nếu tay được quyển kinh điển này, liền đã được kho pháp báu. Nếu có người đọc tụng giải thích các nghĩa này, như lời nói tu hành, ắt là được chư Phật hộ niệm. Nếu có người cúng dường vị này, nên biết là đang cúng dường Phật. Nếu có người biên chép thọ trì quyển kinh này, nên biết trong thất người đó có Như Lai. Nếu người nghe kinh này hay tùy hỷ, người đó ắt sẽ được Nhất thiết trí. Nếu hay tin hiểu

kinh này, cho đến một bài kệ bốn câu, vì người khác nói, nên biết người ấy được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ở đây tán thán công đức. Người nào đối với kinh này đọc tụng, giải nghĩa, như lời nói đây mà tu hành sẽ được chư Phật hộ niệm. Ai cúng dường vị đó như cúng dường Phật. Người biên chép kinh này, ngay trong thất đó có Như Lai. Nghe kinh này tùy hỷ, sẽ được Nhất thiết trí...

Phẩm này nói lên kết quả tu hành của những vị Bồ-tát thanh tịnh không động, nên mới được cõi nước thanh tịnh đẹp đẽ, như cư sĩ Duy-ma-cật đã dùng thần lực hiện ra cho toàn chúng thấy. Cõi nước không tự có mà tùy thuộc tâm hạnh của chúng sanh. Tâm hạnh tốt sẽ có cõi nước tốt, tâm hạnh xấu sẽ có cõi nước xấu. Như vậy cõi nước tốt xấu không cố định. Nếu muốn sanh trở lại để làm hạnh Bồ-tát, thì hiện tại phải tập tu tâm hạnh thanh tịnh và tạo đầy đủ các công đức, đến khi được vào hạng Bồ-tát bất thối, lại nguyện sanh vào cõi uế để độ chúng sanh. Nếu chưa được như vậy, chỉ cần tu hạnh thanh tịnh, dù không mong cầu cũng vẫn đến chỗ thanh tịnh.

Chủ yếu của sự tu là lấy tâm hạnh làm gốc, phải thực hiện sao cho bản tâm thanh tịnh, hành động đẹp đẽ để trang nghiêm cõi Phật như sở nguyện của mình. Còn tâm chưa thanh tịnh, dù nguyện sanh về cõi tịnh cũng khó được. Nếu sống với tâm hèn hạ xấu xa,

hành động ích kỷ thì cõi chúng ta đến cũng sẽ xấu xa ích kỷ. Như vậy, được quả tốt hay quả xấu, luân hồi trong tam giới hay sanh trong các cõi Phật đều tùy thuộc tâm hạnh của chúng sanh, chứ không phải chỉ mong cầu mà được. Đây là lẽ thật, không nghi ngờ. Trong cuộc sống hiện tại, muốn được người thương trước phải thương người, muốn được người giúp phải phát tâm giúp người, là kết quả thực tế không sai khác.

Tóm lại, tu là phải thực hành, phải ra công gắng sức để chuyển hóa tâm hạnh của mình, mới mong thành tựu bản nguyện như các ngài.

XIII- PHẨM CÚNG DƯỜNG PHÁP

Phẩm này nói về cúng dường pháp. Chủ yếu là so sánh phước cúng dường tháp báu thờ xá-lợi Phật, hoặc cúng dường tứ sự cho chúng tăng, hay những vị A-la-hán, Bồ-tát, Phật, không bằng cúng dường pháp. Cúng dường pháp mới là trên hết. Cúng dường pháp tức là thọ trì, đọc tụng, vì người giải nói... Tuy bố thí tài làm lợi ích chúng sanh, nhưng không bằng bố thí pháp. Chủ yếu của đạo Phật, bố thí pháp mới là trên hết, nên phẩm này có tên là Cúng Dường Pháp.

Chánh văn:

Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân từ trong đại chúng bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, con tuy theo Phật và ngài Văn-thù-sư-lợi nghe trăm ngàn quyển kinh, chưa từng nghe kinh điển bất khả tư nghì, tự tại thần thông, quyết định thật tướng như thế. Như con hiểu nghĩa thú lời Phật nói, nếu có chúng sanh nghe

kinh pháp này, người tin hiểu thọ trì đọc tụng, ắt được pháp ấy không nghi, huống là như lời nói tu hành! Người ấy ắt là đóng các nẻo ác mở các cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm; hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán; tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng; giẫm lên dấu chân của Như Lai đã đi. Bạch Thế Tôn, nếu có người thọ trì đọc tụng như lời nói tu hành, con sẽ cùng với các quyến thuộc cúng dường chu cấp phụng sự. Ở tại tụ lạc hay thành ấp, núi rừng đồng trống, chỗ có kinh này, con cũng cùng với các quyến thuộc đồng đến nơi đó nghe thọ pháp. Những người chưa tin, sẽ khiến sanh lòng tin; người đã tin rồi, sẽ vì họ bảo hộ.

Phật nói:

- Lành thay, lành thay, Đế-thích! Như lời ông nói, ta sẽ giúp ông được vui vẻ. Kinh này nói rộng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bất khả tư nghì của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai. Thế nên, Đế-thích! Nếu người thiện nam người thiện nữ thọ trì đọc tụng, cúng dường kinh này, ắt là cúng dường chư Phật quá khứ hiện tại vị lai.

Này Đế-thích! Giả sử Như Lai đầy dẫy trong tam thiên đại thiên thế giới, ví như mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng. Nếu có người thiện nam thiện nữ hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường, phụng sự mọi thứ để chư Phật được an ổn, đến sau khi chư Phật diệt độ, đem xá-lợi toàn thân của mỗi vị Phật an trí

trong tháp bảy báu, rộng một tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm thiên, bên ngoài tháp trang nghiêm đẹp đẽ; dùng tất cả hoa hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, để cúng dường hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Này Đế-thích, ý ông nghĩ sao, người kia gieo trồng phước há là nhiều chăng?

Đế-thích thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức của người kia, nếu dùng trăm ngàn ức kiếp nói không thể hết.

Phật bảo thiên Đế-thích:

- Nên biết người thiện nam thiện nữ nghe kinh điển Bất khả tư nghì giải thoát này, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu hành, phước nhiều hơn người kia. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề của chư Phật đều từ đấy mà sanh; tướng của Bồ-đề không thể hạn lượng, do nhân duyên ấy mà được phước đức không thể lường.

Phật bảo Thiên Đế:

- Thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thời ấy có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên Đại Trang Nghiêm, kiếp là Trang Nghiêm, đức Phật thọ hai mươi tiểu kiếp, hàng Thanh văn tăng của ngài là ba mươi sáu ức na-do-tha vị, hàng Bồ-tát tăng có mười hai ức vị.

Thiên Đế! Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, là chủ bốn thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chánh dũng kiện, có thể hàng phục kẻ oán thù.

Khi ấy Bảo Cái cùng với quyến thuộc cúng dường đức Dược Vương Như Lai, dâng cúng các thứ được an ổn, đến trọn năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, mới bảo một ngàn người con của ông: "Các ngươi cũng phải như ta, dùng thâm tâm cúng dường đối với đức Phật."

Lúc ấy một ngàn người con vâng lệnh vua cha, cúng dường Dược Vương Như Lai trọn năm kiếp nữa, dâng cúng các thứ được an ổn. Một người con vua tên là Nguyệt Cái, ngồi riêng một mình suy nghĩ: "Thật có cúng dường nào thù thắng hơn cúng dường này chăng?"

Do thần lực của Phật nên trong hư không có vị trời nói: "Lành thay thiện nam tử, cúng dường pháp thù thắng hơn các thứ cúng dường." Nguyệt Cái liền hỏi: "Sao gọi là cúng dường pháp?" Vị trời đáp: "Ông hãy đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ rộng vì ông mà nói việc cúng dường pháp."

Liền khi ấy vương tử Nguyệt Cái đi đến Dược Vương Như Lai, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, trong các thứ cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng hơn hết. Thế nào gọi là cúng dường pháp?"

Phật bảo: "Thiện nam tử, cúng dường pháp là kinh điển thâm sâu chư Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải chỗ suy nghĩ phân biệt có thể được. Thâu nhiếp pháp tạng Bồ-tát, dấu ấn của ấn đà-la-ni; đến không thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận theo pháp Bồ-đề, trên hết các kinh. Nhập đại từ bi, lìa các ma sự và các tà kiến. Thuận theo pháp nhân duyên, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, Không vô tướng vô tác vô khởi. Hay khiến chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư thiên, long thần, càn-thát-bà... cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh nhập kho pháp của Phật, nhiếp tất cả các trí tuệ của chư hiền thánh. Nói đạo của các vị Bồ-tát đang hành, nương nơi nghĩa thật tướng của các pháp. Nói rõ pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt; hay cứu tất cả chúng sanh phạm giới cấm; hay khiến cho chư ma ngoại đạo và những người tham trước sợ sệt; chỗ chư Phật hiền thánh đều ngợi khen. Trái ngược với khổ sanh tử, chỉ bày sự vui Niết-bàn mười phương ba đời chư Phật đã nói. Nếu nghe những kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì đọc tụng, dùng sức phương tiện vì các chúng sanh phân biệt giải nói, chỉ bày rành rõ, gìn giữ giáo pháp, ấy gọi là cúng dường pháp. Lại nơi các pháp như lời nói mà tu hành, tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, được vô sanh nhẫn; quyết định không có ngã không có chúng sanh,

mà đối với nhân duyên quả báo không trái không tranh tụng, lìa các ngã sở. Y nơi nghĩa, không y ngữ; y nơi trí, không y nơi thức; y kinh liễu nghĩa, không y kinh chẳng liễu nghĩa; y nơi pháp, không y nhân. Tùy thuận pháp tướng, không chỗ vào, không chỗ trở về. Vô minh cứu cánh diệt nên các hành cũng cứu cánh diệt; cho đến sanh cứu cánh diệt nên lão tử cũng cứu cánh diệt. Khởi quán như thế, mười hai nhân duyên không có tướng hết, chẳng lại khởi thấy, ấy gọi là cúng dường pháp tối thượng."

Phật bảo Thiên Đế:

- Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương nghe pháp như thế, được nhẫn nhu thuận. Liền cởi y báu, đồ dùng trang nghiêm thân để cúng dường Phật, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp, bảo hộ chánh pháp. Nguyện nhờ sức oai thần thương xót dựng lập, khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ-tát." Phật biết suy nghĩ trong thâm tâm của vương tử, mà thọ ký rằng: "Ông ở đời sau là người bảo vệ thành trì chánh pháp. Này Đế-thích, khi ấy vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, do lòng tin xuất gia, tu tập pháp lành; tinh tấn không bao lâu, được năm pháp thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được đà-la-ni, biện tài không đoạn dứt. Sau khi Phật diệt độ, do được sức thần thông, tổng trì, biện tài của ông, mãn mười tiểu kiếp chuyển pháp luân của đức Dược Vương Như Lai,

tùy đó mà phân bố. Tỳ-kheo Nguyệt Cái do thủ hộ pháp, siêng hành tinh tấn, tức ngay nơi thân này giáo hóa trăm muôn ức người đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lập chí không thối chuyển; mười bốn na-do-tha người sâu phát tâm Thanh văn, Bích-chi Phật; vô lượng chúng sanh được sanh lên cõi trời. Này Thiên Đế, khi ấy vua Bảo Cái há là người nào khác ư? Hiện nay được thành Phật hiệu Bảo Diệm Như Lai. Một ngàn vị vương tử đó, tức ở trong Hiền kiếp là một ngàn đức Phật. Từ Ca-la Câu-tôn-đà là vị Phật thứ nhất, đức Phật sau rốt hiệu là Lâu Chí. Tỳ-kheo Nguyệt Cái ắt là thân ta vậy. Như thế, Thiên Đế! Phải biết chỗ thiết yếu này, đối với các pháp cúng dường dùng cúng dường pháp là trên, là tối thắng, là đệ nhất không gì so sánh được. Thế nên Thiên Đế, phải lấy cúng dường pháp để cúng dường chư Phật vậy.

Giảng:

Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân trong đại chúng bạch Phật: Bạch Thế Tôn, con tuy theo Phật và ngài Văn-thù-sư-lợi nghe trăm ngàn quyển kinh, chưa từng nghe kinh điển bất khả tư nghì, tự tại thần thông, quyết định thật tướng như thế. Như con hiểu nghĩa thú lời Phật nói, nếu có chúng sanh nghe kinh pháp này, người tin hiểu thọ trì đọc tụng, ắt được pháp ấy không nghi, huống là như lời nói tu hành! Người ấy ắt là đóng các nẻo ác mở các cửa lành, thường được chư Phật hộ niệm; hàng phục ngoại đạo, dẹp trừ ma oán; tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng; giẫm lên dấu chân của Như Lai đã đi.

Trời Đế-thích nói, ông đã từng theo Phật và Bồ-tát Văn-thù nghe rất nhiều kinh, nhưng chưa được nghe kinh bất khả tư nghì, tự tại, thần thông, quyết định thật tướng. Ông rất tán thán, thật là hy hữu. Theo ông hiểu nghĩa Phật nói, nếu chúng sanh nào tin hiểu, thọ trì đọc tụng kinh này, ắt là được pháp không nghi. Huống như lời nói tu hành, tức là đóng các cửa ác, mở các cửa lành, dẹp hết ma oán, tu đạo Bồ-đề, ở yên nơi đạo tràng và đi đúng theo đường Phật đã đi.

Bạch Thế Tôn, nếu có người thọ trì đọc tụng như lời nói tu hành, con sẽ cùng với các quyến thuộc cúng dường chu cấp phụng sự. Ở tại tụ lạc hay thành ấp, núi rừng đồng trống, chỗ có kinh này, con cũng cùng với các quyến thuộc đồng đến nơi đó nghe thọ pháp. Những người chưa tin, sẽ khiến sanh lòng tin; người đã tin rồi, sẽ vì họ bảo hộ.

Người chưa tin sẽ khiến họ được đầy đủ lòng tin, người đã tin làm tăng trưởng lòng tin. Ông nguyện bảo hộ kinh và người tu hành sống đúng theo kinh.

Phật nói: Lành thay, lành thay, Đế-thích! Như lời ông nói, ta sẽ giúp ông được vui vẻ. Kinh này nói rộng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bất khả tư nghì của chư Phật quá khứ hiện tại vị lai. Thế nên, Đế-thích! Nếu người thiện nam người thiện nữ thọ trì đọc tụng, cúng dường kinh này, ắt là cúng dường chư Phật quá khứ hiện tại vị lai.

Vì sao ở đây lại tán thán, ai cúng dường kinh này tức là cúng dường ba đời chư Phật? Kinh này nói về

công hạnh của Bồ-tát, mà tất cả chư Bồ-tát đều phải nương theo đây tu hành, đến khi viên mãn công hạnh mới thành tựu quả Phật. Như vậy kinh này là nhân để thành quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ba đời chư Phật. Thế nên nói, cúng dường kinh này là cúng dường ba đời chư Phật.

Này Đế-thích! Giả sử Như Lai đầy dẫy trong tam thiên đại thiên thế giới, ví như mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng. Nếu có người thiện nam thiện nữ hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp cung kính tôn trọng, tán thán cúng dường, phụng sự mọi thứ để chư Phật được an ổn, đến sau khi chư Phật diệt độ, đem xá-lợi toàn thân của mỗi vị Phật an trí trong tháp bảy báu, rộng một tứ thiên hạ, cao đến trời Phạm thiên, bên ngoài tháp trang nghiêm đẹp đẽ; dùng tất cả hoa hương, anh lạc, tràng phan, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, để cúng dường hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Này Đế-thích, ý ông nghĩ sao, người kia gieo trồng phước há là nhiều chăng?

Đế-thích thưa: Bạch Thế Tôn, rất nhiều! Phước đức của người kia, nếu dùng trăm ngàn ức kiếp nói không thể hết.

Đoạn này đức Phật dùng thí dụ quá sức tưởng tượng. Chỉ riêng thế giới của chúng ta, số mía, tre, lau sậy, lúa, mè, cây rừng... còn không thể tính kể hết. Huống là chư Phật nhiều như số mía, mè, tre, lau, cây rừng... trong tam thiên đại thiên thế giới. Một cây tre là một ông Phật, một cây lúa là một ông Phật... tổng cộng bao nhiêu Phật đều cúng dường đầy đủ suốt

một kiếp hoặc ít hơn một kiếp. Kiếp gồm có đại kiếp, trung kiếp và tiểu kiếp. Kiếp dài vô hạn không phải chỉ một đời. Cúng dường một vài đức Phật còn có thể tưởng tượng nổi, cúng dường Phật nhiều như vậy, cho đến sau khi chư Phật diệt độ. Xá-lợi mỗi vị Phật đều an trí trong tháp xây bằng bảy báu để thờ. Tháp rộng bằng tứ thiên hạ, cao tới trời Phạm thiên, trang nghiêm đẹp đẽ, dùng các thứ hương hoa, anh lạc, kỹ nhạc vi diệu bậc nhất, trang trí tràng phan, bảo cái... để cúng dường. Đó là hai thứ cúng dường, cúng dường Phật và xây bảo tháp thờ xá-lợi Phật, như vậy phước đức rất nhiều. Thế nên Đế-thích nói, phước đức đó trăm ngàn muôn kiếp nói không thể hết.

Đức Phật đã dùng hình ảnh thí dụ cho chúng ta thấy, cúng dường tài thí dù nhiều bao nhiêu, sánh với pháp thí cũng không thể lường được, nên Phật mới nói pháp thí là trên hết.

Phật bảo thiên Đế-thích: Nên biết người thiện nam thiện nữ nghe kinh điển Bất khả tư nghì giải thoát này, tin hiểu thọ trì, đọc tụng tu hành, phước nhiều hơn người kia. Vì cớ sao? Vì Bồ-đề của chư Phật đều từ đấy mà sanh; tướng của Bồ-đề không thể hạn lượng, do nhân duyên ấy mà được phước đức không thể lường.

Người thế gian dù giàu đến đâu cũng không thể cúng dường trăm ngàn đời chư Phật nhiều như thế. Lại xây vô lượng tháp báu, cúng dường hương hoa, tràng phan bảo cái hoặc một kiếp hoặc ít hơn một kiếp... Tất cả những phước đó chung lại cũng không bằng phước của

người nghe kinh này tin hiểu, đọc tụng thọ trì đúng như pháp mà tu hành. Vì sao? Vì Bồ-đề của chư Phật từ đây mà sanh, tướng Bồ-đề không giới hạn, do nhân duyên đó nên phước đức cũng không giới hạn. Còn bố thí tài dù nhiều bao nhiêu cũng có chừng mực hạn lượng.

Giả sử có trăm ngàn muôn ức hạt sương lóng lánh như kim cương, cũng không thể đổi với một hạt kim cương thật dù nhỏ. Tại sao? Vì cái giả không sánh với cái thật được. Cũng vậy, cúng dường tài vật thì được phước, nhưng chỉ là phước hữu hạn, bằng hình thức sự tướng, là pháp vô thường, dù nhiều bao nhiêu cũng phải hoại diệt. Còn tánh Bồ-đề không hoại nên nói trở về với Bồ-đề là tối thượng. Do đó đức Phật nói pháp thí là trên hết. Cúng dường tài thí như trên chúng ta không thể thực hiện nổi, nhưng cúng dường pháp là việc làm to tát, người tu ắt có thể làm được.

Như thấy một gia đình nghèo đói, vì thương nên mỗi ngày mình đều đem gạo đến cho, nhưng họ cứ than đói khổ hoài. Tìm hiểu ra mới biết, hai vợ chồng này không chịu khó làm ăn, có tiền ít mà xài nhiều, tất nhiên phải túng thiếu. Như vậy dù cả đời mình đem vật chất giúp họ cũng không hết khổ. Chỉ cần khéo léo giải thích khuyên bảo họ, phải siêng năng và cần kiệm mới mong thoát khỏi hoàn cảnh khó khăn thiếu hụt này. Dùng lời khuyên bảo tuy tốn công, nhưng khi hiểu rồi, họ sửa đổi cách sống, biết tiết kiệm, chăm chỉ làm ăn chứ không như trước nữa. Như vậy mình nhịn ăn bớt mặc chưa cứu người hết khổ, mà chính lời nói nhẹ nhàng khéo léo giúp

họ thức tỉnh. Việc làm này thấy như tầm thường, nhưng lại cứu người thoát khổ, đó là điều quan trọng.

Thế nên giác ngộ rồi mới thoát khổ sanh tử trong tam giới. Việc cúng dường tuy được phước nhiều, mà không giác ngộ, khi hưởng hết phước vẫn bị đọa. Có nhiều người cho rằng tu sĩ Phật giáo chỉ lo tu cho riêng mình mà không xả thân làm việc từ thiện xã hội, đó là họ chưa hiểu mục đích cứu cánh của đạo Phật. Nếu đọc sử thì thấy vào thời đức Phật tại thế, ngài chỉ khuyên dạy Phật tử làm việc phước thiện, còn chư Tỳ-kheo phải lấy việc tu học giác ngộ giải thoát làm gốc. Như vậy để thấy rõ tinh thần của đạo Phật, người tu phải thấu hiểu đạo lý và chỉ dạy lại cho người được tỉnh thức. Do đó nói phước pháp thí là trên hết. Vì vậy tôi chủ trương, tuy làm việc từ thiện xã hội như Tuệ Tĩnh đường... nhưng không được bỏ việc tu học. Chúng ta giúp dân được bao nhiêu mừng bấy nhiêu, còn việc tu học là chính yếu của người tu giác ngộ giải thoát, nên không thể thiếu.

Trên đây đức Phật nêu lên dẫn dụ so sánh giữa hai pháp cúng dường, để cho thấy cúng dường pháp là cao tột.

Phật bảo Thiên Đế: Thuở quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thời ấy có Phật hiệu là Dược Vương Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Thế giới tên Đại Trang Nghiêm, kiếp là Trang Nghiêm, đức Phật thọ hai mươi tiểu kiếp, hàng Thanh văn tăng

của ngài là ba mươi sáu ức na-do-tha vị, hàng Bồ-tát tăng có mười hai ức vị.

Thiên Đế! Bấy giờ có vị Chuyển luân thánh vương, tên là Bảo Cái, đầy đủ bảy báu, là chủ bốn thiên hạ. Vua có một ngàn người con đoan chánh dũng kiện, có thể hàng phục kẻ oán thù.

Khi ấy Bảo Cái cùng với quyến thuộc cúng dường đức Dược Vương Như Lai, dâng cúng các thứ được an ổn, đến trọn năm kiếp. Qua năm kiếp rồi, mới bảo một ngàn người con của ông: "Các ngươi cũng phải như ta, dùng thâm tâm cúng dường đối với đức Phật."

Lúc ấy một ngàn người con vâng lệnh vua cha cúng dường Dược Vương Như Lai trọn năm kiếp nữa, dâng cúng các thứ được an ổn. Một người con vua tên là Nguyệt Cái, ngồi riêng một mình suy nghĩ: "Thật có cúng dường nào thù thắng hơn cúng dường này chăng?"

Do thần lực của Phật nên trong hư không có vị trời nói: "Lành thay thiện nam tử, cúng dường pháp thù thắng hơn các thứ cúng dường." Nguyệt Cái liền hỏi: "Sao gọi là cúng dường pháp?" Vị trời đáp: "Ông hãy đến hỏi đức Dược Vương Như Lai, ngài sẽ rộng vì ông mà nói việc cúng dường pháp."

Liền khi ấy vương tử Nguyệt Cái đi đến Dược Vương Như Lai, cúi đầu đảnh lễ dưới chân Phật, lui đứng một bên, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, trong các thứ cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng hơn hết. Thế nào gọi là cúng dường pháp?"

Phật bảo: "Thiện nam tử, cúng dường pháp là kinh điển thâm sâu chư Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải chỗ suy nghĩ phân biệt có thể được. Thâu nhiếp pháp tạng Bồ-tát, dấu ấn của ấn đà-la-ni; đến không thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, thuận theo pháp Bồ-đề, trên hết các kinh..."

Đà-la-ni (Dhāraṇī) là tiếng Phạn, dịch là tổng trì, là gom nhớ hết.

Đức Phật Dược Vương giải thích cúng dường pháp là cúng dường kinh điển thâm sâu của Phật đã nói, tất cả thế gian khó tin khó nhận, vi diệu khó thấy, thanh tịnh không nhiễm, chẳng phải do suy nghĩ phân biệt mà được. Pháp ấy nhiếp thuộc pháp tạng của Bồ-tát, là dấu in của ấn đà-la-ni. Như vậy pháp tạng của Bồ-tát là kho pháp giúp chúng ta tu tiến đến chỗ được tổng trì, bất thối chuyển, thành tựu lục độ, khéo phân biệt nghĩa, tùy thuận pháp Bồ-đề, vượt trội hơn các kinh.

Nhập đại từ bi, lìa các ma sự và các tà kiến. Thuận theo pháp nhân duyên, vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng, Không vô tướng vô tác vô khởi. Hay khiến chúng sanh ngồi nơi đạo tràng mà chuyển pháp luân, chư thiên, long thần, càn-thát-bà... cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh nhập kho pháp của Phật, nhiếp tất cả các trí tuệ của chư hiền thánh.

Vị nào thể nhập kho pháp này, sẽ phát tâm đại từ bi, lìa hết các ma sự, tà kiến. Tùy thuận theo lý

nhân duyên, lý vô ngã, vô nhân, vô chúng sanh, vô thọ mạng và bốn môn giải thoát: Không, vô tướng, vô tác, vô khởi. Hay vì chúng sanh ngồi đạo tràng nói pháp khiến tất cả thiên long, chư thần... đều cúng dường khen ngợi. Hay khiến chúng sanh thâm nhập pháp Phật, nhiếp tất cả trí tuệ của các bậc hiền thánh.

Nói đạo của các vị Bồ-tát đang hành, nương nơi nghĩa thật tướng của các pháp. Nói rõ pháp vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt; hay cứu tất cả chúng sanh phạm giới cấm; hay khiến cho chư ma ngoại đạo và những người tham trước sợ sệt; chỗ chư Phật hiền thánh đều ngợi khen.

Giảng nói đạo của các vị Bồ-tát đang thực hành. Nương nơi nghĩa tướng chân thật, nói cho tất cả chúng sanh biết rõ các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã và Niết-bàn là tịch diệt. Hay cứu giúp người khỏi các tội hủy phá cấm giới. Khiến cho chúng ma, ngoại đạo đều phải sợ sệt kinh hãi. Còn những vị hiền thánh đều vui mừng khen ngợi cúng dường.

Trái ngược với khổ sanh tử, chỉ bày sự vui Niết-bàn mười phương ba đời chư Phật đã nói. Nếu nghe những kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì đọc tụng, dùng sức phương tiện vì các chúng sanh phân biệt giải nói, chỉ bày rành rõ, gìn giữ giáo pháp, ấy gọi là cúng dường pháp.

Trên đây đã giải thích về nghĩa cúng dường pháp, chúng ta có thể tóm gọn lại như sau: Cúng dường pháp là nương theo pháp của Phật dạy ứng dụng tu hành,

tự mình được an ổn thanh tịnh, rồi chỉ dạy lại cho mọi người cùng tu, tiến lần đến chỗ an lạc thanh tịnh. Người thực hành như thế gọi là cúng dường pháp.

Lại nơi các pháp như lời nói mà tu hành, tùy thuận mười hai nhân duyên, lìa các tà kiến, được vô sanh nhẫn; quyết định không có ngã không có chúng sanh, mà đối với nhân duyên quả báo không trái không tranh tụng, lìa các ngã sở. Y nơi nghĩa, không y ngữ; y nơi trí, không y nơi thức; y kinh liễu nghĩa, không y kinh chẳng liễu nghĩa; y nơi pháp, không y nhân.

Kinh Đại Bát-niết-bàn có giảng về tứ y. Ở đây cũng nói tứ y:

1. Y pháp bất y nhân: là nương nơi pháp không nên nương người nói pháp. Điều này rất hệ trọng. Người thế gian thường chấp, lời nói việc làm phải đi đôi, nhưng thầy thuyết pháp hay mà làm chưa được nên không muốn nghe thầy giảng. Nói thế cũng phải, thầy giảng pháp, phải có ứng dụng tu thì lời nói mới có giá trị đủ niềm tin cho người nghe. Như bác sĩ khuyên bệnh nhân hút thuốc nhiều sẽ có hại cho sức khỏe, nhưng chính ông lại hút, nên lời ông nói không có tác dụng. Tuy bác sĩ biết tác hại của hút thuốc nhưng thói quen chưa bỏ được, bệnh nhân đừng nên cố chấp khuyết điểm của ông mà không đến trị thì làm sao hết bệnh.

Cũng vậy, Phật biết trong đời mạt pháp người đạt đạo thì ít, hiểu đạo tương đối nhiều. Nếu hiểu đạo mà chưa đạt đạo, thì hành động chưa đúng, do đó Phật pháp suy vi. Thế nên Phật dạy y pháp bất y nhân, là phải

nương pháp mà tu. Thầy còn là phàm tăng, không sao tránh khỏi những sai sót. Vì vậy không nên chấp vào khuyết điểm của thầy rồi không chịu học Phật pháp là thiệt thòi cho mình. Đó là bổn phận của Phật tử. Còn thầy là người hướng dẫn phải có tư cách mẫu mực, để làm gương cho người noi theo. Nếu thầy vừa rời pháp tòa lại làm những điều không hợp đạo lý, bị người phê phán liền nói Phật dạy y pháp bất y nhân, đó là tai họa. Chúng ta phải có cái nhìn thấu đáo, học hiểu giáo lý để làm tư lương tu hành, đừng đòi hỏi người giảng làm đúng những gì đã nói. Nhưng ít ra cũng được năm mươi phần trăm, dưới thì trái với tư cách của vị đạo sư. Thế nên, người nghe pháp phải có tâm niệm cởi mở và người giảng pháp đừng vì thế mà buông lung.

2. Y nghĩa bất y ngữ: là nương nơi nghĩa không nương lời nói. Muốn chỉ bày nghĩa lý phải dùng phương tiện ngôn ngữ, tuy lời nói diễn đạt không khéo léo nhưng ý nghĩa trình bày thâm sâu. Như vậy không nên chấp lời nói bỏ nghĩa thâm sâu, mà phải nương nơi nghĩa kinh để ứng dụng tu.

3. Y trí bất y thức: là nương nơi trí mà không nương nơi thức. Căn cứ trong kinh Lăng-già, trí là cái biết không sanh diệt, còn thức là cái biết phân biệt sanh diệt. Nếu nương cái biết phân biệt sanh diệt là đi trong sanh tử, còn nương nơi cái biết không sanh diệt, là giải thoát sanh tử.

4. *Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh:* liễu nghĩa là nghĩa lý được giải bày đầy đủ trọn vẹn;

bất liễu nghĩa là nghĩa chưa tròn đủ, chưa hết nghĩa. Liễu nghĩa và bất liễu nghĩa còn có tên khác là cứu cánh và phương tiện. Như trong kinh Thi-ca-la-việt dạy lễ bái lục phương. Có người ngoại đạo dạy con, cha chết rồi con hãy y lời cha dạy, đêm nào cũng hướng về sáu phương mà lễ lạy. Khi ông trưởng giả chết rồi, người con thực hành như lời cha dặn. Một hôm vị ấy đang lễ lạy, đức Phật hỏi nguyên do và giảng dạy cho hiểu ý nghĩa lễ lạy sáu phương:

1. Phương đông là hiếu thuận với cha mẹ.
2. Phương nam là hiếu kính sư trưởng.
3. Phương tây đối đãi tốt với vợ chồng.
4. Phương bắc đối đãi tốt với thân tộc.
5. Phương trên kính phụng Sa-môn.
6. Phương dưới đối xử tốt với tôi tớ.

Những kinh Phật tùy thuận theo sự hiểu biết của ngoại đạo, linh động khiến họ trở về với chánh pháp, gọi là kinh không liễu nghĩa. Như kinh Thi-ca-la-việt, Phật phương tiện vì người giảng nói ý nghĩa lễ lạy sáu phương. Còn những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết-bàn... là kinh liễu nghĩa.

Tùy thuận pháp tướng, không chỗ vào, không chỗ trở về. Khi đã đạt được pháp cứu cánh thanh tịnh, thể tròn đầy trùm khắp nhưng vì tùy thuận pháp tướng để diễn đạt cho mọi người hiểu chứ không kẹt trong pháp tướng, nên nói không chỗ vào, không chỗ trở về.

Vô minh cứu cánh diệt nên các hành cũng cứu cánh diệt; cho đến sanh cứu cánh diệt nên lão tử cũng cứu cánh diệt. Khởi quán như thế, mười hai nhân duyên không có tướng hết, chẳng lại khởi thấy, ấy gọi là cúng dường pháp tối thượng. Như vậy căn cứ trong mười hai nhân duyên, vì vô minh diệt sạch hoàn toàn nên các hành nghiệp cũng hoàn toàn sạch hết. Cho đến cuối cùng sanh diệt nên lão tử cũng diệt. Do đó tuy tu theo các pháp Nhị thừa nhưng không nên chấp vào tướng, cũng đừng kẹt trong đối đãi. Đó là cúng dường pháp tối thượng.

Phật bảo Thiên Đế: Vương tử Nguyệt Cái theo đức Phật Dược Vương nghe pháp như thế, được nhẫn nhu thuận. Liền cởi y báu, đồ dùng trang nghiêm thân để cúng dường Phật, bạch Phật rằng: "Bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai diệt độ, con sẽ thực hành cúng dường pháp, bảo hộ chánh pháp. Nguyện nhờ sức oai thần thương xót dựng lập, khiến con hàng phục được ma oán, tu hạnh Bồ-tát." Sau khi nghe Phật giải thích về cúng dường pháp, vương tử Nguyệt Cái liền phát tâm cởi y báu cúng dường Như Lai, đồng thời nguyện oai thần Phật gia hộ cho ngài hàng phục được các ma oán, tu hạnh Bồ-tát.

Phật biết suy nghĩ trong thâm tâm của vương tử, mà thọ ký rằng: "Ông ở đời sau là người bảo vệ thành trì chánh pháp." Này Đế-thích, khi ấy vương tử Nguyệt Cái thấy pháp thanh tịnh, nghe Phật thọ ký, do lòng tin xuất gia, tu tập pháp lành; tinh tấn không bao lâu, được năm pháp thần thông, đủ đạo Bồ-tát, được đà-la-ni,

biện tài không đoạn dứt. Sau khi Phật diệt độ, do được sức thần thông, tổng trì, biện tài của ông, mãn mười tiểu kiếp chuyển pháp luân của đức Dược Vương Như Lai, tùy đó mà phân bố. Tỳ-kheo Nguyệt Cái do thủ hộ pháp, siêng hành tinh tấn, tức ngay nơi thân này giáo hóa trăm muôn ức người đối với pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lập chí không thối chuyển; mười bốn na-do-tha người sâu phát tâm Thanh văn, Bích-chi Phật; vô lượng chúng sanh được sanh lên cõi trời.

Sau khi vương tử Nguyệt Cái xuất gia, chuyên cần tu tập thành tựu đạo Bồ-tát, đem giáo pháp của đức Như Lai Dược Vương đã dạy, truyền bá rộng khắp. Khi Phật diệt độ, Tỳ-kheo Nguyệt Cái với tâm thọ trì, bảo hộ chánh pháp, ngài tinh tấn giáo hóa được trăm muôn ức người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thối chuyển, mười bốn na-do-tha người phát tâm cầu Thanh văn, Bích-chi Phật, và vô lượng chúng sanh tu thập thiện được sanh lên cõi trời. Như vậy tuy tu hạnh Bồ-tát nhưng với người phát tâm tu theo Nhị thừa, ngài nói pháp Nhị thừa, người thích sanh lên cõi trời thì nói pháp thập thiện. Tùy duyên, tùy căn cơ của chúng sanh mà giáo hóa, chứ không phải chỉ y cứ vào một pháp chỉ dạy người. Đó là phương tiện độ sanh của chư Bồ-tát.

Này Thiên Đế, khi ấy vua Bảo Cái há là người nào khác ư? Hiện nay được thành Phật hiệu Bảo Diệm Như Lai. Một ngàn vị vương tử đó, tức ở trong Hiền kiếp là một ngàn đức Phật. Vua Bảo Cái không phải người nào khác, hiện đang thành Phật hiệu là Bảo Diệm Như Lai.

Kiếp trước là kiếp Trang Nghiêm, đức Phật Dược Vương giáo hóa trong thời này. Một ngàn vị vương tử là một ngàn đức Phật trong Hiền kiếp. Chúng ta hiện nay đang ở trong Hiền kiếp.

Từ Ca-la Câu-tôn-đà là vị Phật thứ nhất, đức Phật sau rốt hiệu là Lâu Chí. Tỳ-kheo Nguyệt Cái ắt là thân ta vậy. Như vậy Tỳ-kheo Nguyệt Cái từ thuở kiếp Trang Nghiêm thời đức Phật Dược Vương, chính là đức Phật Thích-ca hiện nay. Từ kiếp xa xưa ngài đã phát tâm tu hành, giáo hóa chúng sanh vô lượng, mãi đến nay mới được thành Phật. Đâu có vị nào chỉ một đời tu liền đắc Vô thượng Bồ-đề, phải có chủng duyên nhiều đời nhiều kiếp, viên mãn công hạnh Bồ-tát mới thành tựu đạo quả.

Như thế, Thiên Đế! Phải biết chỗ thiết yếu này, đối với các pháp cúng dường dùng cúng dường pháp là trên, là tối thắng, là đệ nhất không gì so sánh được. Thế nên Thiên Đế, phải lấy cúng dường pháp để cúng dường chư Phật vậy.

Trong nhà thiền thường nói *Truyền đăng tục diệm*, nghĩa là mồi đèn tiếp lửa. Pháp Phật là ngọn đèn đã thắp sáng, bổn phận con cháu sau này phải mồi cho ánh sáng đó tiếp nối mãi không dừng. Còn những Phật sự khác, tùy duyên làm bao nhiêu tốt bấy nhiêu. Trọng trách tối thượng của chúng ta là phải đem ánh sáng pháp của Phật tổ truyền bá cho mọi người. Điều thiết yếu Phật tổ đã chỉ dạy, cúng dường pháp là tối thắng, là trên hết, thực hành như thế ắt là cúng dường chư Phật cao tột không gì sánh bằng.

Kết thúc phẩm này, đức Phật nêu rõ hai phần cụ thể để chúng ta thấy cúng dường pháp là trên hết:

- Cúng dường chư Phật nhiều vô số, được phước đức không thể nghĩ lường, nhưng không thể sánh với người nghe kinh điển này, hiểu ứng dụng tu hành, đem ra chỉ dạy cho người.

- Đức Phật kể lại việc quá khứ, ngài và những vị huynh đệ cùng tu để chứng minh việc này.

Trong một ngàn vị thiên tử, chỉ có ngài suy nghĩ không biết cúng dường như thế nào là trên hết. Nhờ oai thần của đức Dược Vương Như Lai nên ngài biết cúng dường pháp là trên hết. Từ đó ngài phát tâm thọ trì pháp, ứng dụng tu và đem pháp đó giáo hóa chúng sanh cho đến khi thành Phật hiệu Thích-ca-mâu-ni. Như trên nói đức Phật Dược Vương thọ ký, trong thời Hiền kiếp này có một ngàn đức Phật ra đời. Hiện đã có bảy vị và đức Thích-ca là vị thứ bảy.

XIV- PHẨM CHÚC LỤY

Chúc lụy là đem hết tâm tư dặn dò lại người sau cố gắng thực hiện đúng theo tinh thần đức Phật chỉ dạy, duy trì bảo vệ kinh và ứng dụng tu hành. Như cha mẹ khi gần trăm tuổi, gọi con cháu đến dặn dò, gọi là di chúc.

Chánh văn:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

- Nay ta dùng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhóm họp pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để phó chúc cho ông. Những kinh như thế, sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp các ông phải dùng thần lực lưu truyền rộng khắp cõi Diêm-phù-đề, không khiến cho đoạn tuyệt. Vì cớ sao? Trong đời vị lai sẽ có những người thiện nam thiện nữ, thiên long, quỷ thần, càn-thát-bà, la-sát... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ưa pháp Đại thừa; nếu như

không được nghe những kinh như thế ắt mất lợi lành. Những người như đây nghe kinh này ắt thêm lòng tin vui, phát tâm hy hữu, sẽ đảnh lễ lãnh thọ. Tùy chỗ ứng hợp lợi lạc cho các chúng sanh, mà vì họ rộng diễn nói.

Di-lặc nên biết! Bồ-tát có hai tướng: một là ưa thích tạp cú văn chương, hai là không sợ nghĩa lý sâu xa như thật có thể thâm nhập. Nếu người ưa tạp cú văn chương, nên biết ấy là Bồ-tát mới học. Nếu đối với kinh điển thâm sâu không nhiễm không trước, không kinh sợ, có thể nhận hiểu trong đó, nghe rồi tâm liền thanh tịnh, thọ trì đọc tụng, như lời nói mà tu hành, nên biết ấy là người tu hành đã lâu.

Này Di-lặc, lại có hai pháp gọi là người mới học không thể quyết định được pháp sâu xa. Những gì là hai? Một là những kinh điển sâu xa chưa từng nghe, khi nghe họ kinh sợ sanh nghi, không thể tùy thuận, chê bai không tin mà lại nói: "Trước đây tôi không nghe! Kinh này từ đâu mà đến?" Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh thâm sâu như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung kính, hoặc trong khi đó nói lỗi xấu vị kia. Có hai pháp này nên biết ấy là Bồ-tát mới học, vì làm tổn hại chính mình và không thể ở trong pháp sâu xa mà điều phục tâm kia.

Này Di-lặc, lại có hai pháp, Bồ-tát tuy tin hiểu pháp sâu xa vẫn còn tổn hại chính mình và không thể được pháp vô sanh nhẫn. Những gì là hai?

Một là khinh thường Bồ-tát mới học mà không dạy dỗ. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu xa mà chấp tướng phân biệt. Ấy là hai pháp.

Bồ-tát Di-lặc nghe nói lời này rồi, bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, chưa từng có vậy. Như Phật đã nói, con sẽ xa lìa các ác như thế và phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Như Lai nhóm họp từ vô số kiếp. Nếu ở đời sau có người thiện nam thiện nữ cầu pháp Đại thừa, sẽ khiến tay họ liền được quyển kinh như thế và khiến họ có sức ghi nhớ thọ trì đọc tụng, vì người giảng nói rộng khắp. Bạch Thế Tôn, nếu về sau đời mạt pháp, có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, nên biết đều là do sức thần của Di-lặc kiến lập.

Phật nói:

- Lành thay, lành thay Di-lặc! Như lời ông đã nói, Phật sẽ giúp ông thêm vui.

Khi ấy tất cả Bồ-tát chắp tay bạch Phật:

- Chúng con sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở cõi nước mười phương rộng nói lưu truyền pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại sẽ dẫn dắt cho những người nói pháp khiến họ nhận được kinh này.

Lúc ấy Tứ thiên vương bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, ở nơi chốn nào thành ấp xóm làng, rừng núi đồng trống, có người đọc tụng,

giải nói quyển kinh này, con sẽ đưa các quan thuộc vì nghe pháp nên đến chỗ kia ủng hộ người ấy, khiến cho khoảng một trăm do-tuần không ai rình tìm và có cơ hội để phá được.

Bấy giờ Phật bảo A-nan:

- Nên thọ trì kinh này, rộng nói để truyền bá.

Tôn giả A-nan thưa:

- Xin vâng, con đã thọ trì những chỗ cốt yếu. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì?

Phật bảo:

- A-nan, kinh này tên là "Duy-ma-cật Sở Thuyết", cũng tên "Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn", ông như thế mà thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, trưởng giả Duy-ma-cật, ngài Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan... và chư thiên, nhân, a-tu-la... tất cả đại chúng nghe Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận và kính cẩn vâng làm.

Giảng:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Di-lặc: Nay ta dùng vô lượng a-tăng-kỳ kiếp nhóm họp pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để phó chúc cho ông.

Đức Phật phó chúc pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ-tát Di-lặc.

Những kinh như thế, sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp các ông phải dùng thần lực lưu truyền rộng khắp cõi Diêm-phù-đề, không khiến cho đoạn tuyệt. Vì cớ sao? Trong đời vị lai sẽ có những người thiện nam thiện nữ, thiên long, quỷ thần, càn-thát-bà, la-sát... phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ưa pháp Đại thừa.

Những phẩm trên chúng ta không nghe nhắc nhiều về Bồ-tát Di-lặc, nhưng đến phẩm này Phật lại gọi ngài đến để dặn dò là ý nghĩa gì? Kinh này dạy cho hàng Bồ-tát thượng thặng, chỉ còn một kiếp nữa được bổ xứ thành Phật. Cư sĩ Duy-ma-cật là người ở nước Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động đến cõi Ta-bà làm Phật sự, cũng như Bồ-tát Di-lặc hiện đang ở cung trời Đâu-suất sẽ sanh vào cõi Ta-bà chỉ còn một đời nữa thành Phật. Như vậy công hạnh của hai vị tương xứng nhau, nên đức Phật mới dặn dò phó chúc cho ngài Di-lặc.

Chúng ta thường có mặc cảm sanh trong đời mạt pháp, không được duyên lành để tu hành chóng tiến. Ở đây đức Phật nói, vào thời này cũng có những thiện nam, thiện nữ, hoặc quỷ thần... phát tâm Vô thượng Bồ-đề, ưa nghe pháp Đại thừa. Như vậy chúng ta tuy ít phước nhưng nếu phát tâm Bồ-đề cũng có phần trong đó. Điều này khiến chúng ta tin mình có thể nhận hiểu và tu được theo lời Phật dạy.

Nếu như không được nghe những kinh như thế ắt mất lợi lành. Những người như đây nghe kinh này ắt

thêm lòng tin vui, phát tâm hy hữu, sẽ đảnh lễ lãnh thọ. Tùy chỗ ứng hợp lợi lạc cho các chúng sanh, mà vì họ rộng diễn nói. Chúng sanh ở đời mạt pháp không được nghe kinh điển này sẽ mất lợi lành. Còn những người nghe pháp muốn được lợi ích lớn cho họ, nên tùy căn cơ của mỗi người mà diễn nói.

Di-lặc nên biết! Bồ-tát có hai tướng: một là ưa thích tạp cú văn chương, hai là không sợ nghĩa lý sâu xa như thật có thể thâm nhập. Nếu người ưa tạp cú văn chương, nên biết ấy là Bồ-tát mới học. Nếu đối với kinh điển thâm sâu không nhiễm không trước, không kinh sợ, có thể nhận hiểu trong đó, nghe rồi tâm liền thanh tịnh, thọ trì đọc tụng, như lời nói mà tu hành, nên biết ấy là người tu hành đã lâu.

Bồ-tát có hai tướng: Bồ-tát mới học ưa thích văn chương tạp cú, Bồ-tát tu hành đã lâu thì thích kinh điển nghĩa lý sâu xa. Như chúng ta thấy ở chùa, người mới tu thích đọc những kinh sách văn chương lưu loát, những tích truyện hấp dẫn có thể quên ăn quên ngủ, còn kinh điển khô khan dễ sanh chán ngán. Chẳng hạn thuở tôi là học tăng, rất thích đọc sử Phật giáo của tác giả Võ Đình Cường, như quyển Ánh Đạo Vàng, đọc đến say mê. Sau này tu lâu rồi, không còn thích nữa, vì văn vẻ quá, làm mất đi bản chất thâm sâu của nó. Đó là tùy trình độ sai biệt của mỗi người. Người sơ cơ đến với đạo, phần nhiều hợp với văn chương bóng bẩy văn từ hoa mỹ, còn người đã thấm nhuần đạo lý chỉ thích ý nghĩa thâm sâu để ứng dụng tu hành.

Này Di-lặc, lại có hai pháp gọi là người mới học không thể quyết định được pháp sâu xa. Những gì là hai? Một là những kinh điển sâu xa chưa từng nghe, khi nghe họ kinh sợ sanh nghi, không thể tùy thuận, chê bai không tin mà lại nói: "Trước đây tôi không nghe, kinh này từ đâu mà đến?" Hai là nếu có người hộ trì giải nói những kinh thâm sâu như thế, không chịu gần gũi cúng dường cung kính, hoặc trong khi đó nói lỗi xấu vị kia. Có hai pháp này nên biết ấy là Bồ-tát mới học, vì làm tổn hại chính mình và không thể ở trong pháp sâu xa mà điều phục tâm kia.

Này Di-lặc, lại có hai pháp, Bồ-tát tuy tin hiểu pháp sâu xa vẫn còn tổn hại chính mình và không thể được pháp vô sanh nhẫn. Những gì là hai? Một là khinh thường Bồ-tát mới học mà không dạy dỗ. Hai là tuy tin hiểu pháp sâu xa mà chấp tướng phân biệt. Ấy là hai pháp.

Phật chia ra hai hạng người: người chưa thông hiểu Phật pháp, nghe kinh này sanh kinh sợ, nghi ngờ, chê bai; hoặc nghe người hộ trì giảng nói kinh này, chẳng những không thân cận cúng dường mà còn tìm lỗi để nói xấu. Những người này tự làm tổn hại mình, đối với kinh điển thâm sâu không chịu học hiểu để điều phục tâm.

Người đã tin hiểu sâu nhưng vẫn còn bị tổn hại và không được vô sanh pháp nhẫn, vì có hai điều:

1. Khinh mạn người mới học, không chịu dạy dỗ. Người học đạo không phải chỉ hiểu đạo là đủ, mà phải có

tâm giáo hóa chỉ dạy những người mới học, không nên xem thường họ.

2. Tuy tin hiểu pháp sâu mà còn chấp tướng phân biệt và dính mắc trong ngôn từ của đạo. Nên phải dẹp trừ tâm này mới được vô sanh pháp nhẫn.

Bồ-tát Di-lặc nghe nói lời này rồi, bạch Phật: Bạch Thế Tôn, chưa từng có vậy. Như Phật đã nói, con sẽ xa lìa các ác như thế và phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Như Lai nhóm họp từ vô số kiếp. Nếu ở đời sau có người thiện nam thiện nữ cầu pháp Đại thừa, sẽ khiến tay họ liền được quyển kinh như thế và khiến họ có sức ghi nhớ thọ trì đọc tụng, vì người giảng nói rộng khắp. Bạch Thế Tôn, nếu về sau đời mạt pháp, có người thọ trì đọc tụng, vì người khác nói, nên biết đều là do sức thần của Di-lặc kiến lập.

Phật nói: Lành thay, lành thay, Di-lặc! Như lời ông đã nói, Phật sẽ giúp ông thêm vui.

Khi ấy tất cả Bồ-tát chắp tay bạch Phật: Chúng con sau khi Như Lai diệt độ, cũng ở cõi nước mười phương rộng nói lưu truyền pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại sẽ dẫn dắt cho những người nói pháp khiến họ nhận được kinh này.

Bồ-tát Di-lặc nguyện xin phụng trì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác do đức Phật chứa nhóm trong vô lượng kiếp. Đời sau nếu có chúng sanh cầu pháp Đại thừa tu hành trì tụng hoặc giảng nói kinh này,

ngài sẽ ủng hộ họ thành tựu sở nguyện. Kế đến chư Bồ-tát cũng phát nguyện sẽ lưu truyền rộng khắp pháp này và dẫn dắt những người nói pháp khiến họ nhận hiểu. Vì vậy chúng ta tu theo kinh này được kết quả phần nào và có thể giảng nói cho mọi người nghe, đó là nhờ sự trợ lực của ngài Di-lặc cùng chư Bồ-tát.

Lúc ấy Tứ thiên vương bạch Phật: Bạch Thế Tôn, ở nơi chốn nào thành ấp xóm làng, rừng núi đồng trống, có người đọc tụng, giải nói quyển kinh này, con sẽ đưa các quan thuộc vì nghe pháp nên đến chỗ kia ủng hộ người ấy, khiến cho khoảng một trăm do-tuần không ai rình tìm và có cơ hội để phá được.

Tứ thiên vương đi đâu thì dẫn quan quân tùy tùng theo đó, nên dùng chữ quan thuộc mà không dùng chữ quyến thuộc. Tứ thiên vương cũng hứa nguyện, dù ở bất cứ nơi nào sẽ luôn ủng hộ bảo vệ người đọc tụng giảng nói kinh này.

Bấy giờ Phật bảo A-nan: Nên thọ trì kinh này, rộng nói để truyền bá.

Tôn giả A-nan thưa: Xin vâng, con đã thọ trì những chỗ cốt yếu. Bạch Thế Tôn, kinh này tên là gì?

Phật bảo: A-nan, kinh này tên là Duy-ma-cật Sở Thuyết, cũng tên Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn, ông như thế mà thọ trì.

Phật nói kinh này rồi, trưởng giả Duy-ma-cật, ngài Văn-thù-sư-lợi, Xá-lợi-phất, A-nan... và chư thiên,

nhân, a-tu-la... tất cả đại chúng nghe Phật nói thảy đều rất vui vẻ, tin nhận và kính cẩn vâng làm.

Phẩm Chúc Lụy là phẩm cuối của bộ kinh, chỉ là những lời đức Phật nhắc nhở tôn giả A-nan phải ghi nhớ những điều Thế Tôn chỉ dạy để mai kia trùng tuyên lại cho người sau. Phẩm này đơn giản dễ hiểu không nói đến nghĩa lý thâm sâu nữa.

TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH

Phần toát yếu nói về trọng tâm của bộ kinh, chứ không nói riêng từng phẩm. Nội dung mỗi bộ kinh đều có đủ bốn phần: giáo, lý, hạnh, quả. Cũng có khi giáo và lý chung nhau nên chỉ có ba là lý, hạnh, quả. Kinh này chú trọng về hạnh, như trong phẩm đầu có vị trời hỏi Phật, phải hành thế nào để được cõi Phật thanh tịnh. Muốn được cõi Phật thanh tịnh, không phải chỉ nguyện suông mà phải hành động và tu tập theo gương hạnh chư Bồ-tát. Vì vậy những phẩm kế nói về việc làm của cư sĩ Duy-ma-cật, đã thể hiện tâm vị tha sẵn sàng quên mình, dùng nhiều phương tiện giáo hóa chúng sanh trong mọi hoàn cảnh. Như Bồ-tát tu chứng Niết-bàn mà không trụ Niết-bàn, vì an trụ Niết-bàn thì không còn sanh tử, làm sao độ thoát chúng sanh. Tu chứng tất cả pháp mà không trụ tất cả pháp, vì muốn đi trong tam giới lục đạo để giáo hóa chúng sanh.

Công đức của chư Phật đều ngang nhau, nhưng hạnh nguyện của mỗi vị có khác. Như cõi nước của đức Phật Tu-di Đăng Vương trang nghiêm đẹp đẽ, chúng Bồ-tát đều thanh tịnh. Còn đức Phật Thích-ca vì muốn độ chúng sanh tâm nhiều xấu ác, nên thị hiện trong cõi Ta-bà đầy uế trược để cứu độ họ. Điều này khiến chúng ta cảm thấy hổ thẹn, vì biết tâm mình nhiều cấu nhiễm nên mới sanh vào chỗ xấu xa gò nổng. Tu là phải lấy tâm làm gốc, chỉ cần chuyển tâm chứ không chuyển cảnh. Cõi Phật ở ngay tâm mình, chẳng phải tìm đâu xa, không phải cầu xin mà được. Do tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Chánh báo y báo theo nhau, cảnh tùy tâm hiện. Như vậy việc làm này không đơn giản, phải cố gắng nỗ lực

tu để tâm thanh tịnh nhất như, vượt ngoài đối đãi. Bởi có bên này bên kia, phải quấy, hữu vi vô vi... là còn trong tương đối, chưa thật thanh tịnh.

Trong phẩm Phật Đạo có câu, *muốn hành Phật đạo phải đi trong phi đạo*, nghe thật trái với lý thường, nhưng nói lên tinh thần hy sinh cao cả của chư Bồ-tát. Đó là hành động phi thường hiếm có mà lâu nay chúng ta không bao giờ dám nghĩ tưởng. Có khi các ngài làm những điều không hợp với tư cách người tu, nhưng vì lòng từ bi tràn trề, dù bị khinh chê mắng chửi vẫn không ngại, sẵn sàng làm tất cả, miễn đem an vui đến cho chúng sanh. Còn chúng ta nghĩ rằng tu thanh tịnh là phải làm việc hợp với đạo lý, giữ được uy tín. Bồ-tát không như thế, trong mục thứ mười của Mười Bức Tranh Chăn Trâu Thiền Tông, hình ảnh một thầy tu tay xách bầu rượu, tay xách cá chép đi vào chợ. Việc làm đó là phi đạo nhưng vì lợi ích chúng sanh, các ngài phải chịu cảnh đầu tro mặt đất, chỉ có những vị Bồ-tát đạt đến chỗ cao siêu mới dám làm.

Toàn bộ kinh này nói về việc làm của chư Bồ-tát chứ không phải lý thuyết suông, nghĩa là ngôn hạnh tương ưng. Các ngài trải qua tất cả pháp Phật dạy, nhưng không an trụ chỗ sở chứng, mà lăn lộn trong ba cõi sáu đường, dù khó khổ cũng không từ nan. Tâm hạnh lợi tha của Bồ-tát thật chẳng thể nghĩ bàn. Thế nên cư sĩ Duy-ma-cật nói: *Tôi bệnh vì chúng sanh bệnh,* nghĩa là chúng sanh còn sanh tử, nên ông phải còn sanh tử. Việc làm của ông thật vượt quá phàm tình, như trường hợp có Ma vương hóa làm chư thiên hiến Thiên nữ cho Bồ-tát Trì Thế, ngài liền từ chối vì nghĩ việc cúng dường đó phi pháp. Còn cư sĩ Duy-ma-cật lại nói thôi cho tôi đi, dù biết việc phi pháp vẫn nhận để giáo hóa chúng ma.

Kinh Duy-ma-cật nêu lên tinh thần vì chúng sanh của hàng Bồ-tát Nhất sanh bổ xứ. Các ngài đã trụ pháp môn Bất khả tư nghì giải thoát nên sức thần thông diệu dụng không thể nghĩ lường, có công năng mượn các tòa sư tử cao to ở cõi nước đức Phật Tu-di Đăng Vương dời về trong thất nhỏ mà không bị ép ngặt. Hoặc sai hóa Bồ-tát đến cõi Hương Tích xin bát cơm thơm về cho chư Bồ-tát và chúng hội dùng. Hoặc đem thế giới Diệu Hỷ của đức Phật Vô Động đặt vào cõi Ta-bà vẫn y như cũ không thay đổi. Những công năng không thể nghĩ nghì này là từ tâm lượng thênh thang, vượt ngoài hình thức phân biệt đối đãi, không gì chướng ngại. Vì vậy kinh này có tên khác là Bất Khả Tư Nghì Giải Thoát Pháp Môn.

Bồ-tát tân học cũng cứu độ chúng sanh nhưng việc làm còn trong giới hạn. Chúng ta mới phát tâm hành Bồ-tát đạo, nên những Phật sự đã làm thật tầm thường hạn hẹp. Trong việc tu chỉ mong được kiến tánh ngộ đạo cũng vui lắm rồi, vậy mà còn chưa được. Tuy học pháp Đại thừa nhưng không có tâm vị tha mà ích kỷ hẹp hòi, chỉ muốn thoát khổ sanh tử sớm thành Phật trụ Niết-bàn để hưởng sự an lạc cho riêng mình, không như Bồ-tát luôn lấy niềm vui nỗi khổ của chúng sanh làm niềm vui nỗi khổ của chính mình.

Học kinh này rồi, chúng ta mới hiểu ý nghĩa thâm sâu của bộ kinh và thêm cung kính gương hạnh của các ngài, cố gắng noi theo ứng dụng tu hành, dù không được trăm phần trăm, ít ra cũng vài mươi phần trăm để tâm ngày càng thêm rộng mở. Đó là sự mong mỏi của tôi.

KINH VIÊN GIÁC

GIẢNG GIẢI

LỜI ĐẦU SÁCH

Quyển kinh Viên Giác tôi giảng khá lâu rồi, nay được tăng ni chép lại trình lên tôi duyệt qua. Đọc lại quyển kinh Viên Giác, tôi thấy đây là con mắt của người tu Thiền. Người tu Thiền không đọc kỹ kinh Viên Giác khó thấy được cội gốc mê lầm. Cội gốc mê lầm không biết thì làm sao ngộ được tánh viên giác.

Hơn nữa kinh Viên Giác chỉ rõ cho chúng ta thấy nguồn cội luân hồi từ ái ngã, ái mạng, ái dục mà ra. Không phá được ái ngã, ái mạng, ái dục thì làm sao thoát khỏi sanh tử.

Người tu Thiền sở dĩ lạc vào đường tà là vì còn mong cầu được chứng, được đắc. Đã có chứng đắc là còn bản ngã, còn bản ngã thì còn sanh tử, cao thì được sanh các cõi trên, thấp thì sanh các cõi dưới. Cho đến còn kiến còn giác vẫn chưa đạt tánh viên giác Như Lai.

Thế nên người tu Thiền cần phải nghiền ngẫm kỹ quyển kinh Viên Giác. Thấu suốt kinh Viên Giác, người tu Thiền khỏi sợ lạc lầm. Đồng thời chúng ta tu được kết quả tròn đầy tánh viên giác.

Thiền viện Trúc Lâm
Cuối thu năm 2000
Kính ghi

THÍCH THANH TỪ

LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ KINH

Kinh Viên Giác nói đủ là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-Đa-La Liễu Nghĩa. Tên kinh rất dài, nhưng gần đây chúng ta thường đọc gọn là Viên Giác. Kinh này nguyên văn chữ Phạn, khi truyền sang Trung Hoa được dịch ra chữ Hán.

1. Phiên dịch Phạn - Hán

- Ngài La-hầu-mặc-kiện dịch tại đạo tràng Bảo Vân ở Đàm Châu, đời Đường niên hiệu Trinh Quán thứ hai mươi mốt (647), nhằm ngày 15 tháng 7 năm Đinh Mùi. Thuyết này căn cứ theo Viên Giác Đại Sớ của ngài Khuê Phong.

- Ngài Phật-đà-đa-la (Buddhatrāta) Trung Hoa dịch là Giác Cứu, người Kế-tân (Kaśmira - Yết-thấp-nhĩ-la) Bắc Ấn, dịch tại chùa Bạch Mã ở Đông Đô, đời Đường

niên hiệu Trường Thọ thứ hai (693). Bấy giờ Võ Tắc Thiên đổi nhà Đường thành nhà Chu.

Trong hai bản dịch thì bản dịch của ngài Phật-đà-đa-la được phổ biến, còn bản dịch của ngài La-hầu-mặc-kiện chỉ thấy ngài Khuê Phong nêu lên trong Viên Giác Đại Sớ, ít phổ biến.

2. Chú giải

Theo đại sư Thái Hư thì kinh Viên Giác được chú giải rất nhiều. Các tông phái ở Trung Hoa thời bấy giờ đều có chú giải, phần lớn là Thiền tông và Hoa Nghiêm tông.

Đời Đường có các ngài Duy Phát, ngài Đạo Tuyên, ngài Khuê Phong. Ngài Khuê Phong chú giải thành hai bản, một bản đề Lược Sớ, một bản đề Đại Sớ...

Đến đời Nam Tống có ngài Nguyên Túy làm Tập chú. Trong bản này gom hết lời chú giải của những nhà chú giải trước thành một tập.

Gần đây, đại sư Thái Hư giảng giải đề tựa là Viên Giác Lược Thích.

3. Dịch Hán - Việt

- Ngài Huyền Cơ dịch Kinh Viên Giác, xuất bản năm 1951.

- Hòa thượng Thích Thiện Hoa dịch đề tựa là Kinh Viên Giác (phiên dịch và lược giải) được in trong bộ Phật Học Phổ Thông, quyển 8, Hương Đạo xuất bản năm 1958.

- Hòa thượng Thích Trí Hữu dịch Kinh Viên Giác, tôi không nhớ năm xuất bản.

- Hòa thượng Thích Trung Quán dịch Kinh Viên Giác làm hai quyển, tôi không nhớ năm xuất bản.

- Cư sĩ Đoàn Trung Còn dịch Kinh Viên Giác.

Kinh Viên Giác đã được dịch ra tiếng Việt, lý đáng chúng ta học bản tiếng Việt. Nhưng vì tôi nhắm vào tăng ni, nên tôi giảng thẳng bản chữ Hán để quý vị dò theo cho quen cách dịch nghĩa, sau này đọc kinh chữ Hán cho dễ.

GIẢNG ĐỀ KINH

Về đề kinh, ở chương XII, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ hỏi Phật tên kinh này. Phật trả lời đến năm tên:

1. Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni.
2. Tu-đa-la Liễu Nghĩa.
3. Bí Mật Vương Tam-muội.
4. Như Lai Quyết Định Cảnh Giới.
5. Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt.

Năm tên này được rút gọn lại là Đại Phương Quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu Nghĩa.

Đại Phương Quảng Viên Giác

Theo ngài Khuê Phong Tông Mật thì mỗi chúng sanh có Thể chân thật rộng lớn trùm khắp pháp giới, nên gọi là Đại. Thể chân thật ấy hay gìn giữ tất cả

quy tắc và hay sanh khởi ra muôn pháp, nên gọi là Phương. Thể chân thật ấy có đầy đủ diệu dụng không thể nghĩ lường, nên gọi là Quảng.

Theo ngài Thái Hư thì Đại là chỉ cho cái thể tuyệt đối, vượt ngoài các pháp đối đãi; đại không có nghĩa là lớn đối với tiểu là nhỏ. Phương chỉ cho phương sở, thể tuyệt đối ấy rộng lớn không ngằn mé, vượt khỏi không gian và thời gian. Quảng là rộng lớn không thể nghĩ lường.

Đại phương quảng chỉ cho nghĩa của Viên giác. Viên là tròn, Giác là giác ngộ, giác ngộ một cách viên mãn gọi là Viên giác. Viên giác chỉ cho cảnh giới Phật. Kinh Phật giản trạch: phàm phu thì bất giác, ngoại đạo thì tà giác, Nhị thừa thì chánh giác, Bồ-tát thì phần giác, Phật thì viên giác. Chỉ có Phật mới giác ngộ viên mãn. Phàm phu vì bất giác nên không thấy được tánh Phật. Ngoại đạo thì tà giác, tuy biết nhưng biết lệch lạc sai lầm. Hàng Nhị thừa tuy được chánh giác nhưng giác chưa rộng lớn. Bồ-tát tuy thấy tánh Phật nhưng thấy từng phần nên gọi là phần giác. Hành giả dụng tâm tu hành, công phu viên mãn, tánh Phật hiển hiện tròn đầy gọi là viên giác. Như vậy Đại Phương Quảng Viên Giác là tánh viên giác tròn đầy rộng lớn không ngằn mé, trùm khắp pháp giới, vượt ngoài không gian và thời gian, là nguồn gốc sanh ra muôn pháp, diệu dụng không thể nghĩ lường.

Tu-đa-la Liễu Nghĩa

Tu-đa-la (Sūtra) nguyên là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Kinh. Phàm những lời Phật dạy được kết tập lại có hệ thống gọi là Kinh. Kinh có kinh liễu nghĩa và kinh

bất liễu nghĩa. Trong kinh Đại Bảo Tích có những đoạn Phật nói với ngài Xá-lợi-phất:

- Nói những việc thế gian là bất liễu nghĩa, nói về thắng nghĩa là liễu nghĩa.

- Nói mà tạo nghiệp phiền não là bất liễu nghĩa, nói để nghiệp phiền não sạch là liễu nghĩa.

- Nói mà chán lìa sanh tử tìm cầu Niết-bàn là bất liễu nghĩa, nói sanh tử Niết-bàn không hai là liễu nghĩa.

- Nói về các thứ văn cú sai biệt là bất liễu nghĩa, nói pháp sâu xa khó thấy khó giác là liễu nghĩa.

Qua bốn đoạn Phật giản trạch về liễu nghĩa và bất liễu nghĩa, thì kinh Viên Giác thuộc về kinh liễu nghĩa, vì kinh Viên Giác nói tột lý cứu cánh không qua một phương tiện nào.

Về hình thức, kinh Viên Giác có chỗ gom thành một quyển, có chỗ chia ra hai quyển, gồm mười hai chương mục, mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi và được Phật trả lời hướng dẫn tu rất rõ ràng.

KINH VIÊN GIÁC GIẢNG GIẢI

CHƯƠNG I

BỒ-TÁT VĂN-THÙ-SƯ-LỢI THƯA HỎI

Âm:

Như thị ngã văn: Nhất thời Bà-già-bà nhập ư Thần thông đại quang minh tạng tam-muội chánh thọ, nhất thiết Như Lai quang nghiêm trụ trì, thị chư chúng sanh thanh tịnh giác địa, thân tâm tịch diệt, bình đẳng bản tế, viên mãn thập phương, bất nhị tùy thuận, ư bất nhị cảnh, hiện chư tịnh độ.

Dịch:

Tôi nghe như vầy: Một hôm Thế Tôn nhập chánh định Thần thông đại quang minh tạng, là nơi an trụ quang nghiêm của tất cả Như Lai, cũng là giác địa thanh tịnh của chúng sanh, thân tâm đều

lặng lẽ, bản tế bình đẳng, tròn đầy cả mười phương, tùy thuận không hai, ở cảnh giới không hai này mà hiện các cõi tịnh độ.

Giảng:

Đây là một điều lạ. Chúng ta thường thấy các kinh khác mở đầu bằng câu: *Tôi nghe như vầy, một hôm đức Phật ở tại vườn ông Cấp Cô Độc*... hay *tại tinh xá Trúc Lâm* v.v... là lời ngài A-nan trùng tuyên lại tạng kinh, nên nói *Tôi nghe* là chỉ cho ngài A-nan nghe. *Như vầy* là chỉ pháp Phật nói. Kế đó là đức Phật ở tinh xá nào, vườn cây nào, quốc độ nào v.v..., nêu lên nơi chốn hẳn hoi. Còn kinh này thì nói: *Một hôm đức Phật nhập chánh định Thần thông đại quang minh tạng*... Định ấy không riêng gì một đức Phật Thích-ca, mà tất cả chư Phật đều an trụ trong đó, và *cũng là giác địa thanh tịnh của tất cả chúng sanh*. Như vậy đoạn này muốn nêu lên cho chúng ta biết cảnh giới Viên giác của chư Phật, cảnh giới đó không phải do chư Phật tu rồi mới được, mà chính là do lọc luyện những cáu bợn phiền não rồi được hiển lộ tròn đầy. Ngay nơi phàm phu chúng sanh cũng sẵn có cảnh giới đó, nhưng vì không biết lọc luyện nên cáu bợn che phủ chúng ta không thấy. Cảnh giới đó theo kinh luận có những tên khác nhau, chỗ gọi là Viên giác, chỗ gọi Căn bản trí.

Kinh này không nêu rõ nơi chốn của đức Phật thuyết pháp, mà chỉ nói đức Phật thuyết pháp ngay trong bản thể lặng lẽ thanh tịnh của tánh viên giác. Tánh viên giác bao trùm tất cả chúng sanh và chư Phật, chư Phật và chúng sanh đều an trụ trong đó và chính

đức Phật cũng an trụ trong đó mà nói pháp. *Bất nhị tùy thuận* là tùy thuận không hai. Bởi vì không còn mắc kẹt bên này bên kia, là có là không, là sanh là diệt... nên gọi là bất nhị. Chính trong cảnh không hai đó là tịnh độ của tất cả cõi Phật chứ không có gì khác. Tánh viên giác là cảnh giới không hai và chính từ cảnh giới không hai đó mới tùy duyên hiện ra các cõi tịnh độ, tịnh độ đó là tịnh độ của tự tâm. Như vậy là đức Phật nói pháp trong chánh định Viên giác và người nghe pháp cũng ở trong định Viên giác. Vậy ai là thính chúng trong pháp hội này?

Âm:

Dữ đại Bồ-tát Ma-ha-tát thập vạn nhân câu, kỳ danh viết Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhãn Bồ-tát, Kim Cang Tạng Bồ-tát, Di-lặc Bồ-tát, Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát, Oai Đức Tự Tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát, Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát đẳng, nhi vi thượng thủ dữ chư quyến thuộc giai nhập tam-muội đồng trụ Như Lai bình đẳng pháp hội.

Dịch:

Cùng mười muôn vị Bồ-tát lớn câu hội, tên là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Bồ-tát Phổ Nhãn, Bồ-tát Kim Cang Tạng, Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, Bồ-tát Oai Đức Tự Tại, Bồ-tát Biện Âm, Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng, Bồ-tát Phổ Giác, Bồ-tát Viên Giác, Bồ-tát Hiền Thiện Thủ v.v... làm thượng thủ, cùng với quyến thuộc đều nhập chánh định, đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.

Giảng:

Phật nói pháp ở trong chánh định Viên giác, chư Bồ-tát đến nghe pháp cũng ở trong chánh định Viên giác và cùng ở trong pháp hội bình đẳng của Như Lai. Đức Phật nhập chánh định làm sao nói pháp? Chư Bồ-tát nhập định làm sao nghe pháp? Thí dụ bây giờ tôi và quý vị ngồi định có nói pháp và nghe pháp được không? Mải lo thiền định, làm sao nói làm sao nghe? Vậy Phật nói pháp và Bồ-tát nghe pháp trong kinh này khác với chúng ta nói pháp và nghe pháp như thế nào? Chỗ này nếu không giản trạch thì quý vị sẽ nghi ngờ: Tại sao Phật và Bồ-tát ở trong định mà nói pháp và nghe pháp? Định này không giống như chúng ta ngồi thiền chăm chăm nhìn xuống, chú tâm vào một đề mục để cho tâm an trụ không tán loạn. Định này là định tự tại do nhập được thể tánh thanh tịnh của chính mình; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, vẫn tiếp xúc với người với cảnh, mà tâm không chạy theo người và cảnh, được gọi là định của tự tánh, định ở trong động, chứ không phải định thân ngồi im lìm. Đối với Bồ-tát, nhất là với tinh thần thiền tông, Như Lai bất cứ đi đứng nằm ngồi nói nín, lúc nào cũng sống trong thanh tịnh pháp thân, tức là sống trong chánh định bất sanh bất diệt và tùy duyên ứng dụng. Chứ không phải đợi ngồi mới định mà đi không định, nếu đi mà không định thì không phải là Phật. Vì vậy mà nói đức Phật nhập định nói pháp, Bồ-tát nhập định nghe pháp hỏi đạo. Định này không khác định của Lục Tổ trong kinh Pháp Bảo Đàn: *Ngoài không dính mắc với cảnh gọi đó là thiền, trong không loạn gọi đó là định*. Định này cũng gọi là Tự tánh viên giác, an trụ trong đó

thì gọi là thiền định, nên ở đây nói Phật nhập định nói pháp, chư Bồ-tát nhập định nghe pháp. Do an trụ trong tâm thể bình đẳng thanh tịnh bất động nên văn kinh nói *đồng trụ trong pháp hội bình đẳng Như Lai.*

Đoạn này là phần chúng thành tựu, cũng khác hơn kinh khác, Phật nói với những vị Bồ-tát không có lịch sử. Những vị Bồ-tát này căn cơ thuần thục, chứng tỏ kinh này là Đại thừa đốn giáo chỉ thẳng tâm tánh của chúng sanh tức là Phật.

Đó là tổng quát phần tựa của quyển kinh.

Âm:

Ư thị Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư lai pháp chúng, thuyết ư Như Lai bản khởi thanh tịnh nhân địa pháp hạnh, cập thuyết Bồ-tát ư Đại thừa trung phát thanh tịnh tâm, viễn ly chư bệnh, năng sử vị lai mạt thế chúng sanh cầu Đại thừa giả, bất đọa tà kiến.

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi ở trong đại chúng, từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng:

- Đấng Thế Tôn đại bi, xin vì chúng đến nghe pháp trong hội này, mà nói về nhân địa pháp hạnh bản khởi thanh tịnh của Như Lai và Bồ-tát đối với Đại thừa phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa các bệnh, hay khiến cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa chẳng rơi vào tà kiến?

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo sát đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chúng ta nên biết những vị Bồ-tát trong hội này hầu hết là những vị Bồ-tát không có lịch sử ở cõi này. Đầu tiên, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng ra thưa hỏi. Văn-thù-sư-lợi (Mañjuśrī) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Diệu Kiết Tường. Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí. Kinh này nêu căn bản trí làm tiêu chuẩn. Ngài hỏi *nhân địa tu hành thanh tịnh của Như Lai*, nghĩa là hỏi chỗ phát ra nguyên nhân để tiến tu được thanh tịnh của Như Lai thế nào? Nói cho dễ hiểu, đức Phật do tu tập nhân gì mà thân tâm được thanh tịnh, trí tuệ viên mãn? Xin Phật dạy cho các ngài và cho các vị Bồ-tát ở trong Đại thừa khi *phát tâm thanh tịnh, làm sao xa lìa được các bệnh, giúp cho chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa không rơi vào tà kiến*?

Chúng ta thấy Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi hết sức quan trọng cho sự tu hành của chúng ta. Câu đầu hỏi cách tu để thành Phật, câu kế hỏi cách trừ bệnh để khỏi bị chướng trên đường tu. Đó là hai điều căn bản chúng ta phải học. Nếu chúng ta tu mà không hiểu rõ

hai điểm đó thì trên đường tu dễ bị thối thất. Một là chúng ta không biết đức Phật tu như thế nào mà ngài được thành Phật, thì chúng ta làm sao nương theo để tu? Hai là trong khi tu, nếu chúng ta gặp những chướng ngại, làm sao vượt qua để tiến? Hai điều đó, nếu chúng ta không thông thì trên đường tu sẽ bị chướng ngại vô cùng. Ngài Văn-thù muốn khai thác nguyên nhân đó để chúng ta nắm vững cốt yếu của sự tu hành, nên ngài đảnh lễ Phật thưa hỏi. Đó là vì lòng từ bi của Bồ-tát muốn cho chúng sanh sau này được lợi ích nên ngài tha thiết đảnh lễ Phật, thưa thỉnh trước sau ba lần, Phật mới hứa khả trả lời.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát ti tuần Như Lai nhân địa pháp hạnh, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh cầu Đại thừa giả, đắc chánh trụ trì bất đọa tà kiến, nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, Vô thượng Pháp vương hữu đại đà-la-ni môn, danh vi Viên giác lưu xuất nhất thiết thanh tịnh chân như Bồ-đề Niết-bàn cập ba-la-mật giáo thọ Bồ-tát, nhất thiết Như Lai bản khởi nhân địa, giai y viên chiếu thanh tịnh giác tướng, vĩnh đoạn vô minh phương thành Phật đạo.

Dịch:

Bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, ông hay vì các vị Bồ-tát mà thưa hỏi nhân địa pháp hạnh của Như Lai, và vì tất cả chúng sanh đời sau, những người cầu Đại thừa an trụ trong chánh kiến, không rơi vào tà kiến. Ông nay lắng nghe, ta sẽ vì ông mà nói.

Bấy giờ, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi vui vẻ vâng lời dạy và đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, Vô thượng Pháp vương có môn đại đà-la-ni tên là Viên giác, lưu xuất tất cả pháp thanh tịnh: chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và ba-la-mật, (nay ta) dạy trao cho các Bồ-tát, nhân địa tu hành của tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh viên chiếu, hằng đoạn vô minh mới thành Phật đạo.

Giảng:

Bồ-tát Văn-thù nêu lên hai câu hỏi quan trọng trong việc tu hành để đưa đến quả Phật nên được Phật khen ngợi.

Vô thượng Pháp vương là chỉ cho Phật. Vì đối với bệnh khổ của chúng sanh, ngài dùng nhiều phương tiện nói pháp khiến cho chúng sanh hết bệnh mê lầm, dứt khổ, nên ví ngài là một vị vua pháp cao tột không ai bằng. Đà-la-ni (Dhāraṇi) là chữ Phạn, Trung Hoa dịch là tổng trì, tổng trì là gồm hết tất cả. Phật nói ở đây là pháp môn gồm hết tất cả pháp môn, tên là viên giác. Viên là tròn,

giác là sáng, là biết. Từ tánh viên giác đó lưu xuất ra tất cả pháp thanh tịnh chân như, Bồ-đề, Niết-bàn và ba-la-mật để giáo hóa Bồ-tát. Như vậy, những danh từ mà chúng ta thường được nghe như chân như, Bồ-đề, Niết-bàn v.v... đều từ tánh viên giác lưu xuất. Vì vậy, tánh viên giác là tổng trì, bởi nó bao gồm hết thảy, nên nói là bản khởi nhân địa của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều y theo tánh viên giác để đoạn trừ vô minh và thành Phật đạo.

Qua câu trả lời tổng quát của đức Phật, chúng ta tìm được ý gì trong lời đáp này? Đức Phật nói: Tất cả chư Phật đều y nơi tướng giác thanh tịnh hằng chiếu soi để phá trừ vô minh mà được thành Phật. Quý vị thấy nói có khác với Tổ không? Các tổ cũng nói: Chúng ta y nơi Phật tánh hay y nơi tánh thanh tịnh sẵn có của chính mình để khởi tu thì sẽ được thành Phật.

Như vậy, điểm y cứ ở đây đức Phật dạy là phải nhận ra được bản tánh viên giác của mình. Nhận ra rồi lấy đó làm trụ xứ căn cứ của mình, nương đó mà khởi dụng chiếu soi, dụng chiếu soi đó sẽ phá dẹp vô minh.

Đức Phật nói tánh viên giác, tại sao ngài không giảng tánh viên giác trước, lại giản trạch vô minh? Vì khi nói đến tánh viên giác mà không nói đến vô minh thì người đời không hiểu. Do vô minh làm mờ tánh giác, nếu muốn tánh giác hiển hiện viên mãn thì trước phải đoạn trừ vô minh. Vì vậy phải hiểu rõ thế nào là vô minh mới phá trừ được. Khi dẹp được vô minh rồi thì tánh giác hiện tiền.

Âm:

Vân hà vô minh? Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo, do như mê nhân, tứ phương dịch xứ, vọng nhận tứ đại vi tự thân tướng, lục trần duyên ảnh vi tự tâm tướng. Thí bỉ bệnh mục kiến không trung hoa, cập đệ nhị nguyệt.

Dịch:

Thế nào là vô minh? Này thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, bị các thứ điên đảo (làm mờ tánh viên giác) như người mê lầm lộn bốn phương, vọng nhận tướng tứ đại là thân mình, chấp cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình. Ví như (người) nhặm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.

Giảng:

Phật nói, vô minh là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay bị các thứ điên đảo làm mờ tánh viên giác. Điên đảo là sao? Điên đảo là cái thấy lộn ngược. Như thế gian, ai mà chuyện không nói có, chuyện có nói không là nói lộn ngược, nghĩa là cái thật thế này mà mình bảo là thế kia. Chúng ta bây giờ đang ở trong cái thấy điên đảo nên thấy giả cho là thật. Muốn rõ hơn, Phật đưa ra thí dụ như người mê lầm lộn bốn phương dời chỗ. Bốn phương dời chỗ là sao? Tôi xin đưa ra một thí dụ: Có một người đi vào rừng bị lạc lối, muốn về nhà nhưng quên hướng. Nhà ở phương nam mà đi lầm về phương bắc, vì tưởng phương bắc là phương nam. Khi ấy họ cứ nhắm

phương bắc mà đi thì chừng bao lâu tới nhà? Chắc chắn là càng đi càng xa nhà. Nếu lầm phương bắc là phương nam thì phương đông phương tây họ cũng lầm luôn. Vì vậy nên đức Phật nói, lầm một cái là tất cả những cái khác đều lầm. Trong vũ trụ này muôn ngàn hiện tượng, chỉ lầm một vài hiện tượng thì muôn ngàn hiện tượng đều lầm. Chúng ta lầm cái gì đây? Phật dạy: Một là *nhận lầm tướng tứ đại làm thân mình*. Cái thân này do đất nước gió lửa hợp lại, chúng ta tự nhận tướng đó làm thân mình thật, đó là vô minh. Ở đây có ai thấy mình đã hết vô minh? Vì chúng ta thấy thân này thật nên chúng ta sống trong vô minh mà không biết. Hai là *nhận lầm cái duyên theo bóng dáng sáu trần làm tâm mình*. Như vậy thân và tâm đã lầm thì tất cả đều lầm hết. Cũng như Phật nói một phương lầm thì các phương khác đều lầm luôn.

Quý vị xét kỹ xem mình có nhận cái duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm mình không? Ai cũng nói tôi nghĩ thế này, tôi nghĩ thế nọ. Vậy cái gì là tâm của quý vị? Hầu hết đều trả lời cái hay suy nghĩ là tâm tôi. Tất cả cái suy nghĩ phải quấy, dại khôn, hơn thua... là tâm tôi. Quý vị có biết tại sao mình có suy nghĩ không? Nếu từ trước quý vị chưa từng thấy con sư tử, quý vị có suy nghĩ được không? Không biết hình dáng nó như thế nào, làm sao mà suy nghĩ? Nhưng giả sử chúng ta thấy nó rồi thì chúng ta nghĩ về con sư tử được. Như vậy, sau khi thấy và nghe, chúng ta mới có cái suy nghĩ. Nghĩ về sắc là do mắt tiếp xúc với sắc trần, sau khi tiếp xúc, bóng dáng của sắc trần rơi vào tâm thức của chúng ta,

một lúc nào đó nó dấy lên, ý thức chúng ta duyên theo bóng ấy mà suy nghĩ. Tai nghe âm thanh, bóng dáng êm dịu hay chát chúa của âm thanh rơi vào tâm thức của chúng ta, lúc nào đó nó dấy lên, ý thức duyên theo bóng ấy mà có suy nghĩ. Bóng dáng của hương, vị, xúc cũng như thế. Như vậy, tất cả suy nghĩ của chúng ta đều suy nghĩ theo bóng của sáu trần rơi vào tâm thức, và khi nó dấy lên chúng ta nương theo đó mà phân biệt cho là tâm mình. Cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình, không phải điên đảo là gì? Bốn đại giả hợp mà cho là thân mình, cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình! Không phải mình mà cho là mình, thật quá mê muội, thật đáng thương xót!

Tất cả chúng ta đang sống trong vô minh và đang bị vô minh che phủ, tu không thành Phật là tại chỗ đó. Chấp nhận vô minh là mình thì làm sao thành Phật được! Vì Phật là giác là sáng, cho nên muốn thành Phật thì điều kiện tiên quyết là phải dẹp sạch vô minh. Chúng ta biết được vô minh rồi thì mới có thể phá dẹp nó và mới mong tu thành Phật được.

Đức Phật đưa ra thêm một thí dụ nữa cho chúng ta rõ hơn: *Ví như người nhặm mắt thấy hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai.* Khi mắt chúng ta lành mạnh, nhìn hư không không thấy có hoa đốm; nhưng khi mắt nhặm, chúng ta nhìn bầu trời trưa nắng thấy hoa đốm lăng xăng đầy cả hư không, hoặc ban đêm chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có hai mặt trăng. Như vậy, chúng ta thấy lầm có hoa đốm, có mặt trăng thứ hai là do mắt nhặm, chứ hư không đâu có hoa đốm và mặt trăng

thứ hai! Cũng như thế, thân tứ đại này không thật mà chúng ta nhận lầm là thật, cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật mà nhận lầm là tâm mình thật. Chúng ta lầm nhận thân tâm rồi thì tất cả những cái khác theo đó mà lầm. Sở dĩ chúng ta nhận lầm là do vô minh mà ra, nếu hết vô minh thì không còn nhận lầm nữa.

Âm:

Thiện nam tử, không thật vô hoa, bệnh giả vọng chấp, do vọng chấp cố, phi duy hoặc thử hư không tự tánh, diệc phục mê bỉ thật hoa sanh xứ, do thử vọng hữu luân chuyển sanh tử, cố danh vô minh.

Dịch:

Này thiện nam, hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, do vọng chấp nên chẳng những lầm tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Do vọng chấp này mà có luân chuyển sanh tử nên gọi là vô minh.

Giảng:

Đoạn trên đức Phật đưa ra thí dụ hoa đốm trong hư không và mặt trăng thứ hai để chỉ rõ vì vô minh mà chúng ta lầm chấp thân chấp tâm là ngã. Giờ đây ngài lại đưa ra một thí dụ nữa để chỉ cho chúng ta thấy, nếu lầm chấp thân tâm thì chúng ta cũng lầm chấp luôn tất cả. Thí dụ hoa đốm được nhắc tới nhắc lui để chúng ta thấy rõ hoa đốm không thật do mắt bệnh mà thấy. Như vậy khi thấy hoa đốm nên nghĩ thế nào? Muốn trừ hoa đốm phải làm sao? Muốn trừ hoa đốm không nên dẹp

hư không, cũng không phải tìm bắt từng cái hoa đốm cho hết, mà chỉ lo trị con mắt cho lành. Con mắt bệnh thí dụ cho cái gì? Chỉ cho cái vọng chấp thân tâm là thật. Bởi vọng chấp thân tâm là thật cho nên thấy tất cả pháp thế gian là thật, mà tất cả pháp thế gian đều như hoa đốm ở trong hư không. Khi vọng nhận thân tâm là thật rồi thì đối với tánh chân như đã quên. Cho nên ở đây nói chúng ta đã lầm tánh hư không, lại còn cho rằng hoa đốm có thật sanh có thật diệt, vì thật sanh thật diệt cho nên thật có chỗ sanh. Cái không có lại tưởng là có, còn cái có lại quên mất. Một khi lầm chấp thân tâm là thật thì tất cả pháp chúng ta đều thấy là thật. Đó là gốc của vô minh, gốc của luân hồi sanh tử. Khi thân tâm này không còn nhận lầm nữa thì tất cả pháp thế gian cũng không còn nhận lầm. Ngài nói: *Hư không thật không có hoa đốm, vì người bệnh vọng chấp, vọng chấp nên chẳng những lầm tự tánh của hư không mà cũng lầm luôn chỗ sanh ra hoa đốm là thật*. Vừa nhận lầm có hoa đốm trong hư không, cũng nhận lầm có chỗ sanh ra hoa đốm là thật. Hoa đốm là dụ cho thân, chỗ sanh ra hoa đốm là dụ cho cảnh. Nhận lầm thân thật rồi lại nhận lầm cảnh thật là do vô minh, vì vậy mà luân chuyển trong sanh tử. Do lầm chấp thân thật nên khi mất thân này vội tìm thân khác, nếu biết nó là giả thì khi mất đâu có nuối tiếc gì. Ngày xưa, các thiền sư thấy mệt mỏi liền từ giã mọi người, an nhiên ngồi kiết-già thị tịch, không chút nuối tiếc sợ hãi. Chúng ta bây giờ thấy thân thật, nên khi đau nuốt nước không trôi mà nghe nói chết là sợ hãi. Còn niệm tham sanh úy tử,

làm sao mà không lưu chuyển trong luân hồi! Cho nên lối tu của nhà Phật là lối tu trở lại mình, xoay lại mình. Ngay nơi con người chúng ta mà tìm sự thật thì tất cả sự thật chung quanh đều hiện, nghĩa là trong bốn hướng không lầm một hướng thì các hướng khác cũng không lầm. Ngay nơi mình khám phá ra thân không thật, khám phá ra vọng tưởng không thật, chừng đó tất cả cái khác cũng đều thấy rõ nó không thật. Được vậy là dẹp được vô minh thì cái chân thật đầy khắp, đó là tánh viên giác tròn đầy. Vô minh và chỗ y cứ khởi tu đã biết rõ thì sự tu sẽ dễ dàng.

Âm:

Thiện nam tử, thử vô minh giả, phi thật hữu thể, như mộng trung nhân, mộng thời phi vô, cập chí ư tỉnh, liễu vô sở đắc. Như chúng không hoa diệc ư hư không, bất khả thuyết ngôn hữu định diệt xứ. Hà dĩ cố? Vô sanh xứ cố. Nhất thiết chúng sanh ư vô sanh trung, vọng kiến sanh diệt thị cố thuyết danh luân chuyển sanh tử.

Dịch:

Này thiện nam, cái vô minh này không có thật thể. Như người trong mộng, khi mộng chẳng phải không có (cảnh vật), và đến khi thức dậy rõ ràng (cảnh vật) chẳng có. Như hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói có chỗ diệt cố định. Vì cớ sao? Vì không có chỗ sanh. Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên nói luân chuyển sanh tử.

Giảng:

Đoạn này đức Phật dạy thêm cho rõ, vì nghe nói vô minh chúng ta lại lầm chấp vô minh là thật, nên Phật liền chỉ vô minh không phải thật. Đức Phật nói vô minh không có cái thể cố định, nếu có thể cố định thì chúng ta dẹp nó không được. Ví như người ở trong mộng, khi mộng thì không phải không có cảnh vật, nhưng đến khi tỉnh thì cảnh vật rõ ràng không có; hoa đốm diệt trong hư không, không thể nói quyết định có chỗ diệt. Mắt bệnh nên thấy có hoa đốm. Khi mắt hết bệnh thì hoa đốm không có, nên nói hoa đốm đâu có thật sanh mà nói có chỗ thật diệt. Cũng như thế vô minh không có thật thể, nếu có thật thể thì không ai phá nổi. Vì nó không thật nên đức Phật ví như người ngủ mê mộng thấy cảnh thấy người đủ thứ... khi thức giấc thì cảnh người không còn nữa. Cũng vậy khi chúng ta mê thì thấy thân thật tâm thật, rồi lầm chấp tạo ra đủ thứ nghiệp, nhưng khi giác thì thấy thân giả tâm giả. Mê và giác cách nhau không xa. Vô minh là gốc của luân hồi mà gốc luân hồi lại không thật thì sự luân hồi đó có thật hay không? Nếu không thật tại sao chúng ta đang luân hồi? Đang luân hồi mà nói không có thật, làm sao tin được điều đó; ai biết cho, mình như mộng huyễn? Ở đây chúng ta xác nhận rõ ràng điểm này để tu. Đức Phật đã chỉ cho chúng ta biết, ai cũng có tánh viên giác. Nơi đức Phật đã đoạn hết vô minh nên tánh viên giác toàn vẹn gọi là thành Phật, còn nơi chúng ta vì chưa đoạn vô minh nên là phàm phu. Phàm phu thì bị vô minh chủ động kéo vào vòng luân hồi. Làm sao biết được luân hồi là không thật? Chỉ cần biết mình đang sống đây là mộng thì

luân hồi không thật. Khi mê thì vô minh là chủ, sanh tử là bạn. Vô minh là gốc, sanh tử là thân cây, vui buồn phiền não như cành lá. Gốc đã không thật thì thân không thật, cành lá cũng không thật. Như vậy buồn vui thương ghét không thật, nhưng có ai chịu nó không thật đâu. Cứ chìm trong vô minh không có ngày ra.

Hiểu cho thấu đáo mới thấy lời Phật đưa chúng ta tới chỗ giác ngộ hoàn toàn. Vì mình không giác ngộ được nên thấy lời Phật khó hiểu. Tu của đạo Phật là chuyển mê thành giác, mê và giác chỉ là thay đổi cái nhìn. Chỉ cần nhận định theo trí tuệ Bát-nhã thì tất cả hành động đều là tu, còn nhận định theo vọng tưởng mê lầm thì tất cả hành động đều mê lầm hết.

Đọc Viên Giác tôi thấy định nghĩa vô minh là rõ ràng nhất. Nơi thân tứ đại chấp đó là thân tướng của mình, nơi tâm duyên theo bóng dáng sáu trần chấp là tâm tướng của mình, đó là vô minh. Đơn giản vô cùng! Đức Phật đã chỉ tường tận rồi, nếu chúng ta nhận được thì không còn lầm nữa. Trong tánh viên giác mình không muốn trở về cũng là trở về, còn không rõ vô minh mà muốn trở về Viên giác thì cũng khó mà trở về.

Tất cả chúng sanh ở trong vô sanh mà vọng thấy có sanh diệt, nên luân chuyển sanh tử. Chúng sanh đang ở trong vô sanh, lại thấy có sanh tử là tại sao? Vì tánh giác không sanh không tử mà chúng sanh không nhận ra, lại nhận thân này tâm này là thật, bị nó dẫn đi trong sanh tử luân hồi, nên nói: nguyên là vô sanh, vì lầm nên bị lưu chuyển. Lưu chuyển hay không là do chúng sanh vì chúng sanh là chủ động.

Âm:

Thiện nam tử, Như Lai nhân địa tu Viên giác giả, tri thị không hoa, tức vô luân chuyển diệc vô thân tâm thọ bỉ sanh tử, phi tác cố vô, bản tánh vô cố.

Dịch:

Này thiện nam, người tu nhân địa Viên giác Như Lai, biết hoa đốm trong hư không (không thật) liền dứt luân hồi và cũng không có thân tâm chịu sanh tử. Chẳng phải làm cho nó thành không mà bản tánh nó vốn không.

Giảng:

Tiếp theo, đức Phật giải cho chúng ta thấy rõ khi tu về nhân địa Viên giác là biết các pháp đều hư huyễn, như hoa đốm trong hư không rõ ràng không thật, thì không còn sanh tử luân hồi. Quý vị hiểu rõ chỗ này rồi thì sẽ thấy cái thâm trầm của sự tu. Có nhiều người nói rằng: "Làm sao thấy thân này không cho được? Thân chúng ta đang đi, đứng, ăn, nói, hoạt động mà nói là không, thì làm sao tin và coi đó như là hoa đốm được?" Chúng ta hãy dùng trí tuệ chiếu soi cho thật kỹ thì sẽ thấy thân này không thật. Vì nó vay mượn tứ đại ngoài để bồi bổ cho tứ đại trong, trong ngoài phù trợ nhau mà tồn tại, nếu giờ phút nào đó tứ đại ngoài không bồi bổ cho tứ đại trong thì thân tan rã. Như vậy, thân do tứ đại bồi bổ mới tồn tại thì làm sao nói là thật được? Thí dụ một đại là nước, bây giờ chúng ta khát nước, ai cho một bát nước trà nóng vừa thổi vừa uống vô, một hồi lâu mồ hôi xuất ra, vậy mồ hôi đó từ đâu mà ra? Có phải từ

bát nước trà vừa uống vô không? Tại sao khi nãy nó là nước trà, bây giờ lại nói nó là mồ hôi của tôi? Vậy tôi là nước trà phải không? Nếu tôi là nước trà, sao khi nãy nó ở ngoài, không gọi nó là tôi? Ba đại kia cũng vậy. Khi bốn đại ngoài phụ vào bốn đại trong thân, nếu quân bình thì nói tôi mạnh khỏe, khi mất quân bình thì nói tôi bệnh, bệnh đó chẳng qua là do tứ đại mất quân bình. Phân tích để chúng ta thấy rõ tứ đại không phải là tôi, mà chúng ta cứ lầm chấp nó rồi bám cứng vào đó, ai chạm tới khối tứ đại này là chịu không nổi. Do chúng ta quá quan trọng nó, nên vì nó mà tạo nghiệp đi trong luân hồi sanh tử.

Về tâm cũng vậy, tâm là cái duyên theo bóng dáng sáu trần mà cứ chấp cho là thật, nên tôi nghĩ tôi nói ra mà ai cãi lại là tôi nổi sân! Vì sao? Vì ý nghĩ của tôi là chân lý. Nhưng xét kỹ, cái suy nghĩ đó chẳng phải của tôi có từ lúc mới lọt lòng mẹ, mà chỉ do huân tập theo thói quen. Như vậy làm sao nói nó là thật được? Bởi chấp tâm là thật nên tất cả những cái tôi huân tập được tôi đều cho là đúng, còn thấy ai nói khác làm khác với sự huân tập của tôi thì cho là sai. Thí dụ như ăn chay, khi thấy người khác tu ăn mặn liền sanh tâm bực bội, trách tại sao tu mà ăn mặn? Lại cũng có người tu ăn mặn thấy người khác ăn chay liền thắc mắc tại sao tu phải ăn chay, ăn mặn có lỗi gì? Do sự huân tập của hai bên khác nhau và đều cho cái mình huân tập là đúng nên không ai chấp nhận ai, bởi không chấp nhận nhau cho nên gặp nhau không vui.

Tóm lại, chấp thân chấp tâm là thật ngã chính là căn bệnh trầm kha khiến cho người đau khổ, nếu chúng ta cứ ôm kiến chấp đó tu thì ngàn đời cũng không

giải thoát được. Như vậy, bước đầu tiên của người tu hành là phá vô minh, có phá được vô minh mới mong giải thoát được sanh tử. Có người nói: "Tôi ăn hiền ở lành, làm tròn bổn phận trong xã hội cần gì phải tu!" Câu nói đó đúng chưa? Nói tu để đời sau được sanh làm thân người có nhiều phước báo thì câu nói đó đúng. Muốn tu để giải thoát sanh tử thì tu như vậy chưa đủ. Tôi xin lặp lại, muốn giải thoát sanh tử thì phải phá cho được gốc vô minh. Trong mười hai nhân duyên, vô minh đứng đầu. Nếu vô minh diệt thì hành diệt v.v...

Đức Phật lại nói: *Cũng không có thân tâm chịu sanh tử.* Vì thân tâm con người là giả dối không thật nên Phật nói không có thân tâm con người chịu sanh tử. Chẳng phải do chúng ta phá hoại làm cho nó thành không, mà biết rõ bản tánh nó vốn là không. Vì sao vậy? Vì ngay trong cái thân sanh tử chúng ta thấy nó là hư giả do duyên hợp huyễn có, tự tánh nó là không, sanh là huyễn sanh nên nói chưa từng sanh, tử là huyễn tử nên nói chưa từng tử, thế nên đâu có thân tâm để chịu sanh tử.

Âm:

Bỉ tri giác giả, do như hư không, tri hư không giả, tức không hoa tướng, diệc bất khả thuyết vô tri giác tánh, hữu vô câu khiển, thị tắc danh vi tịnh giác tùy thuận. Hà dĩ cố? Hư không tánh cố, thường bất động cố, Như Lai tạng trung vô khởi diệt cố, vô tri kiến cố, như pháp giới tánh, cứu cánh viên mãn biến thập phương cố. Thị tắc danh vi

nhân địa pháp hạnh, Bồ-tát nhân thử, ư Đại thừa trung, phát thanh tịnh tâm, mạt thế chúng sanh y thử tu hành bất đọa tà kiến.

Dịch:

Cái tri giác kia ví như hư không, biết hư không tức là (biết) tướng hoa đốm cũng không, và không thể nói không có tánh tri giác. Có, không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh viên giác thanh tịnh. Vì cớ sao? Vì tánh hư không thường bất động, trong Như Lai tàng không khởi diệt vì không có tri kiến, như pháp giới tánh cứu cánh viên mãn khắp cả mười phương. Đây gọi là nhân địa tu hành (của Như Lai), Bồ-tát cũng nhân đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Đại thừa, chúng sanh đời sau y đây mà tu hành thì chẳng rơi vào tà kiến.

Giảng:

Đức Phật dụ *tri giác như hư không*, biết được hư không tức là biết tướng hoa đốm vốn không và cũng không thể nói không có tri giác. Nghĩa là tri giác hay tánh viên giác dụ cho hư không, còn hoa đốm dụ cho vô minh. Khi hoa đốm hết ở trong hư không mà hư không thì không diệt, nên nói tri giác như hư không. *Biết* được hoa đốm tướng nó vốn không, không thể nói là không có tri giác. Chúng ta biết tất cả hoa đốm sanh diệt lăng xăng trong hư không là không thật, còn hư không thì không diệt. Có hoa đốm là do mắt nhặm thấy nên nó là hư giả. Khi hoa đốm hết, hư không vẫn nguyên vẹn. Cũng thế, dùng trí biết được thân tứ đại này và vọng tưởng

này là hư giả, khi cái giả đó mất rồi thì cái *Biết* giả đó không mất, nên đây nói: Không thể nói tánh tri giác là không.

Nói có nói không là hai bên, *có không đều dẹp gọi là tùy thuận tánh viên giác*. Chúng ta thấy Phật và Tổ nói không khác. Tổ nói nhập được tự tánh thanh tịnh của mình thì không kẹt hai bên. Vì sao? Vì tánh giác là bất động. Hư không dụ cho tánh giác, hoa đốm dụ cho vô minh, hoa đốm hết, hư không vẫn còn. Cũng vậy, khi vô minh hết, tánh giác không mất nên nói tánh hư không thường không động, đâu từng sanh đâu từng diệt. Cũng thế, trong Như Lai tàng không khởi diệt, vì chúng ta mê nên thấy nó khởi diệt; Như Lai tàng đó như pháp giới tánh rốt ráo tròn đầy khắp cả mười phương.

Tóm lại, đức Phật muốn cho chúng ta thấy rõ, khi biết thân tứ đại là giả, biết tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là giả, không còn kẹt trong hai cái đó là tùy thuận tánh giác. Nghĩa là khi niệm chấp cái giả mất rồi thì tánh giác hiện tiền, giống như khi hoa đốm trong hư không mất rồi thì hư không vẫn bất động. Cũng vậy, tánh giác của chúng ta khi không còn bị vô minh che phủ thì hiển lộ và trùm khắp mười phương. Nhiều người lầm cho rằng Phật nói thân này là giả, vọng tưởng là giả, buông hết rồi thì còn cái gì? Chúng ta buông được hai cái giả đó thì cái chân thật hiển bày. Đó là nhân địa của Phật tu, chư Bồ-tát và chúng sanh đời sau cũng phải tu như vậy mới khỏi rơi vào các bệnh.

Đó là gốc của sự tu hành, nếu chúng ta không y gốc để tu và chặt đứt cội rễ vô minh đã ăn sâu từ nghìn

muôn kiếp thì càng tu chúng ta càng bệnh. Thí dụ như chúng ta lập ra thời khóa ngày đêm phải tọa thiền bốn thời, nhưng với bối cảnh xã hội hiện tại phải làm ruộng rẫy mới có lương thực để ăn, chúng ta không thể hạn cuộc trong thời khóa đã ấn định mà phải giảm bớt một hoặc hai thời. Tu như vậy chúng ta cho là không đủ công phu, rồi sanh phiền não, phiền não là bệnh. Hoặc chúng ta tu ngày đêm sáu thời đầy đủ, nhưng thấy người khác tu có hai thời, chúng ta nhìn họ với cặp mắt xem thường cho rằng mình tu hơn họ. Do chấp trên hình tướng nên thấy có hơn thua, nếu như chúng ta tu theo kinh Viên Giác thì đâu có cái gì hơn thua. Thân không thật, tâm không thật thì có ai hơn ai? Chúng ta hằng quán chiếu như vậy thì càng tu cái ngã càng mòn đâu có sanh bệnh. Giả sử tôi nói trì chú được công đức vô lượng. Quý vị nghe ham quá, về chuyên tâm trì chú, bỗng một hôm đang trì chú thấy hào quang rực rỡ cả bầu trời, quý vị hài lòng lắm, tự cho là mình tu có công phu nhiều. Khi ấy gặp bạn đồng tu, hỏi thăm họ: Lâu nay bạn tu có kết quả gì không? Bạn ấy trả lời, không thấy. Quý vị tự hào và cho rằng bạn mình không tu hành gì hết. Từ đó bản ngã ngầm trồi lên mà quý vị không hay. Vì thế càng tu càng sanh bệnh. Gần đây có nhiều vị tu hành tinh tấn lắm, ngồi thiền có hào quang sáng. Nhưng thình lình bị "Ma-đăng-già" lôi ra đời, làm nhiều điều tác tệ hơn những người Phật tử tại gia. Đó cũng vì chưa thấu triệt được cái lý rốt ráo của sự tu hành, chỉ chú trọng trên hình tướng nên tâm kiêu mạn dấy sanh, bệnh nặng mà không hay.

Chúng ta nên biết những phương pháp Phật dạy tu là những phương thuốc huyễn để trị lành bệnh vô minh huyễn của chúng ta. Vì vậy nên trên đường tu, người hướng dẫn rất là quan trọng. Khéo hướng dẫn thì càng tu càng tiến, còn không khéo thì càng tu càng bệnh. Tôi thường nói, người thế gian là kẻ chấp ngã đã đành nhưng người tu nếu không khéo sẽ rơi vào bệnh chấp ngã số một. Khi còn hành điệu thì cái ngã còn nhỏ, đến khi làm thầy thiên hạ thì cái ngã cũng tăng trưởng dần theo địa vị mà không hay. Hoặc không có địa vị, càng tu thâm niên cái ngã càng lớn. Giả sử như có người tu hai ba mươi năm mà giáo lý không thông, pháp tu nắm không vững, kẻ hậu học đến thưa hỏi thì ú ớ đáp không trôi, nhưng họ có lỡ lời chi thì chê trách: "Kẻ hậu sanh vô lễ, ta tu mấy chục năm không đáng làm Thầy tụi bây hay sao?" Đó là bệnh chấp ngã rất lớn. Phá được cái ngã thật là khó, vì chúng ta không chịu nhìn lại cái thân hư giả và cái tâm hư giả của mình, cho nên tu nhiều chừng nào thì cái ngã lớn chừng nấy. Nếu y theo lời Phật dạy mà tu thì phá trừ vô minh mới mong tiến đạo.

Trong chương này ngài Văn-thù hỏi hai câu, đức Phật trả lời như trên là đủ để chúng ta tu cả đời. Đức Phật dạy hết sức rõ ràng, chính xác và thực tế.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Văn-thù nhữ đương tri!
Nhất thiết chư Như Lai

Tùng ư bản nhân địa
Giai dĩ trí tuệ giác
Liễu đạt ư vô minh.
Tri bỉ như không hoa
Tức năng miễn lưu chuyển,
Hựu như mộng trung nhân
Tỉnh thời bất khả đắc.
Giác giả như hư không
Bình đẳng bất động chuyển,
Giác biến thập phương giới
Tức đắc thành Phật đạo.
Chúng huyễn diệt vô xứ
Thành đạo diệc vô đắc,
Bản tánh viên mãn cố
Bồ-tát ư thử trung
Năng phát Bồ-đề tâm,
Mạt thế chư chúng sanh
Tu thử miễn tà kiến.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên nên nói kệ rằng:

Văn-thù ông nên biết:
Tất cả các Như Lai
Chỗ nhân địa tu hành

Đều dùng trí viên giác
Thấu suốt cả vô minh.
Biết kia như không hoa
Thì ắt khỏi lưu chuyển,
Lại như người trong mộng
Khi tỉnh chẳng có gì.
Tánh giác như hư không
Bình đẳng chẳng động chuyển,
Tánh giác khắp mười phương
Liền được thành Phật đạo.
Các huyễn diệt không chỗ
Thành đạo cũng không thành,
Bản tánh vốn viên mãn
Bồ-tát ở trong ấy
Hay phát tâm Bồ-đề,
Các chúng sanh đời sau
Tu đây khỏi tà kiến.

Giảng:

Chúng ta thấy trong bài trùng tụng Phật lặp lại thật là đầy đủ ý nghĩa trên. Trước hết là nói nhân địa của tất cả chư Phật tu hành đều từ nơi trí tuệ giác chiếu. Do dùng trí tuệ giác chiếu nên thấy rõ vô minh, biết nó như hoa đốm trong hư không nên ra khỏi luân hồi sanh tử. Cõi đời này giống như giấc mộng. Mộng dụ cho vô minh, khi vô minh thì thấy người thật cảnh thật,

khi tỉnh thì thấy người không thật cảnh không thật, nên nói tỉnh rồi thì không có gì cả. Tánh giác thí dụ như hư không bình đẳng không động. Vì hư không bình đẳng nên bao dung tất cả mọi loài. Hư không không động, nếu có động là gió động bụi bay, chứ hư không lúc nào cũng bất động. Cũng vậy, vọng tưởng là động, còn tánh giác thì bình đẳng không động, bởi bình đẳng không động nên trùm khắp cả mười phương. Người hằng sống với tánh giác tạm nói là thành Phật. Các huyễn diệt rồi cũng không có chỗ diệt, thành đạo rồi cũng không có gì gọi là chứng. Bởi vì sao? Vì tánh giác vốn viên mãn nên khi vô minh hết thì tánh giác tròn sáng. Cũng như khi ngủ mộng thấy cảnh thấy người... nhưng khi thức thì cảnh người cũng không còn; khi thức thì biết thức thôi, chứ có nói là tôi được thức không? Đâu có cái gì mà được. Sự tu cũng vậy, tu để dẹp vô minh, khi vô minh hết thì tánh giác hiện tiền. Nếu còn thấy được là còn có cái bị được và người hay được, như vậy là còn năng còn sở thì không thể gọi là thành Phật. Các Bồ-tát ở trong đây tu hạnh Bồ-đề, các chúng sanh đời sau y đây mà tu thì không rơi vào tà kiến.

Trong chương này, ngài Văn-thù chỉ hỏi Phật có hai câu mà Phật dạy chúng ta tu suốt kiếp cũng không xong. Nếu ai y theo chương này tu cũng đủ để giải thoát sanh tử.

CHƯƠNG II

BỒ-TÁT PHỔ HIỀN THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Phổ Hiền Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh tu Đại thừa giả, văn thử Viên giác thanh tịnh cảnh giới vân hà tu hành? Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh tri như huyễn giả, thân tâm diệc huyễn, vân hà dĩ huyễn hoàn tu ư huyễn? Nhược chư huyễn tánh nhất thiết tận diệt, tắc vô hữu tâm, thùy vị tu hành, vân hà phục thuyết tu hành như huyễn? Nhược chư chúng sanh bản bất tu hành, ư sanh tử trung thường cư huyễn hóa, tằng bất liễu tri như huyễn cảnh giới, linh vọng tưởng tâm vân hà giải thoát? Nguyện vị

mạt thế nhất thiết chúng sanh tác hà phương tiện tiệm thứ tu tập, linh chư chúng sanh vĩnh ly chư huyễn.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Phổ Hiền ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay mà bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, cúi xin vì các Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa, nghe cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn để tu huyễn? Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết thì không có (thân) tâm, vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn? Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát? Cúi xin ngài vì chúng sanh đời sau dạy phương tiện thứ lớp tu tập như thế nào, để cho các chúng sanh hằng lìa các huyễn.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chương trước Bồ-tát Văn-thù tượng trưng cho căn bản trí, ngài hỏi về nhân địa tu hành của chư Phật.

Chương này tới Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Ngài Phổ Hiền thường gọi là Đại Hạnh Phổ Hiền, theo kinh Hoa Nghiêm thì Phổ Hiền tượng trưng cho sai biệt trí. Sai biệt trí là trí tùy duyên giáo hóa chúng sanh, tùy duyên dựng lập công hạnh.

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi. Trước hết ngài hỏi đức Phật:

1. Các Bồ-tát trong hội và tất cả chúng sanh đời sau tu theo Đại thừa nghe đến cảnh giới Viên giác thanh tịnh làm sao tu hành?

2. Nếu chúng sanh biết các pháp như huyễn, thân tâm cũng huyễn, làm sao dùng huyễn tu huyễn?

3. Nếu tất cả tánh huyễn đều diệt hết, thì không có (thân) tâm. Vậy ai tu hành, sao lại nói tu hành như huyễn?

4. Nếu các chúng sanh vốn chẳng tu hành, thường ở trong sanh tử huyễn hóa, chưa từng rõ biết cảnh giới như huyễn, làm sao dẹp tâm vọng tưởng để giải thoát?

Bồ-tát Phổ Hiền nêu lên bốn câu hỏi ấy và xin đức Phật dạy phương tiện thứ lớp tu tập, để cho chúng sanh hằng lìa các huyễn. Bồ-tát Phổ Hiền hỏi về chi tiết tu hành, khi hiểu được chi tiết rồi thì mới ứng dụng tu. Vì nghe Phật nói thân tâm đều huyễn hết nên sanh nghi "Phật nói thân huyễn tâm huyễn thì ai tu? Nếu không tu thì cam chịu ở mãi trong sanh tử sao?" Bởi vì có nhiều người nghĩ thân huyễn, tâm huyễn, cảnh huyễn thì cho nó huyễn luôn chứ tu làm chi. Tu là khi nào nó thật, thật phải thật quấy thật xấu thật tốt, thì mới bỏ cái quấy tu

cái phải, bỏ cái xấu tu cái tốt... Đã không tu lại còn phóng túng bởi vì huyễn thì còn gì để sợ mà tránh tội lỗi. Như vậy sẽ có các thói hư do cái biết như huyễn phát sanh, nên ngài Phổ Hiền nêu lên câu hỏi để Phật giải thích.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Hiền Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh tu tập Bồ-tát như huyễn tam-muội, phương tiện tiệm thứ linh chư chúng sanh đắc ly chư huyễn. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Hiền Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Hiền rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và các chúng sanh đời sau tu tập tam-muội như huyễn của Bồ-tát, (thưa hỏi) phương tiện thứ lớp tu hành khiến cho các chúng sanh được lìa các huyễn. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Phổ Hiền hoan hỷ vâng lời dạy cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta nên tu tập chánh định như huyễn. Thế nào gọi là chánh định như huyễn? Giả sử khi chúng ta ngồi thiền tâm duyên theo cảnh này cảnh nọ

chúng ta biết cảnh đang duyên theo là huyễn hóa nên tâm không chạy theo cảnh, và tâm được an định, đó gọi là chánh định như huyễn.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh chủng chủng huyễn hóa, giai sanh Như Lai Viên giác Diệu tâm, do như không hoa, tùng không nhi hữu, huyễn hoa tuy diệt, không tánh bất hoại. Chúng sanh huyễn tâm hoàn y huyễn diệt, chư huyễn tận diệt giác tâm bất động, y huyễn thuyết giác, diệc danh vi huyễn, nhược thuyết hữu giác do vị ly huyễn thuyết vô giác giả, diệc phục như thị. Thị cố huyễn diệt, danh vi bất động.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh và mọi vật huyễn hóa đều sanh từ Viên giác Diệu tâm Như Lai. Ví như hoa đốm trong hư không, từ hư không mà có, hoa đốm tuy diệt mà tánh hư không không hoại. Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh giác bất động. Y pháp huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Nếu nói "có giác" vẫn chưa lìa huyễn, còn nói "không giác" cũng lại như thế. Cho nên pháp huyễn (có và không) diệt hết gọi là bất động.

Giảng:

Phật lặp lại ý trước cho chúng ta khỏi phân vân. Ngài nói tất cả chúng sanh và cảnh vật huyễn hóa

(tâm huyễn cảnh giới huyễn) đều sanh từ nơi diệu tâm viên giác Như Lai chứ không ở đâu. Ngài ví thân tâm cảnh giới như hoa đốm trong hư không, từ hư không mà có, tuy hoa đốm diệt mà hư không không hoại. Cũng thế thân tâm cảnh vật huyễn hóa tuy mất mà tánh giác diệu tâm không mất. Nghe qua chúng ta thấy hình như Viên giác lưu xuất ra các huyễn, vậy là nó lưu xuất ra vô minh phải không? Tức là có một cái giác để sanh vô minh. Chỗ này nếu không rõ, dễ hiểu lầm. Cũng như có phải hư không sanh hoa đốm không? Vì mắt nhặm thấy hoa đốm, chứ không phải hư không sanh hoa đốm. Cũng như vậy tánh giác không sanh vô minh mà tại mê tánh giác nên vô minh dấy lên. Bởi tánh giác không sanh vô minh nên khi vô minh hết mà tánh giác vẫn còn. Như vậy tánh giác là nhân địa mà chúng ta tu hành.

Ngài xác định: *Tâm huyễn của chúng sanh lại y nơi pháp huyễn mà diệt. Pháp huyễn tâm huyễn diệt hết thì tánh viên giác bất động.* Tôi lấy thí dụ ngồi thiền để giảng đoạn này cho quý vị hiểu. Khi chúng ta ngồi thiền thấy vọng tưởng dấy lên là giả dối, khi lặng xuống thì tâm hằng giác tròn đầy lặng lẽ chứ đâu có mất. Nếu tâm hằng giác mà mất thì lúc đó chúng ta đâu có biết vọng tưởng lặng. Ngài chỉ cho chúng ta thấy rõ khi tâm huyễn diệt rồi thì tâm hằng giác bất động hiện tiền.

Nếu y huyễn mà nói giác cũng gọi là huyễn nữa. Thí dụ như vọng tưởng dấy lên chúng ta khởi *biết vọng tưởng*; vọng tưởng là huyễn, nhưng cái *biết vọng tưởng* cũng huyễn luôn. *Nếu nói "có giác" vẫn chưa lìa huyễn, còn nói "không giác" cũng lại như thế, cho nên pháp huyễn*

diệt gọi là bất động. Tôi nhắc lại: Khi chúng ta ngồi thiền, vọng tưởng dấy lên chúng ta biết nó là huyễn, cái *biết huyễn* đó hơn *cái huyễn* một phần rồi, nhưng chúng ta chấp cái *biết huyễn* đó là thật thì chúng ta cũng còn kẹt trong huyễn nữa. Như vậy vọng tưởng lặng thì cái *biết vọng tưởng* cũng phải buông luôn, buông hết thì tâm như như bất động. Tâm bất động đó mới là thật, chứ còn dấy niệm quán cũng chưa được.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh ưng đương viễn ly nhất thiết huyễn hóa hư vọng cảnh giới. Do kiên chấp trì viễn ly tâm cố, tâm như huyễn giả diệc phục viễn ly, viễn ly vi huyễn diệc phục viễn ly, ly viễn ly huyễn diệc phục viễn ly, đắc vô sở ly, tức trừ chư huyễn. Thí như toản hỏa, lưỡng mộc tương nhân, hỏa xuất mộc tận, khôi phi yên diệt. Dĩ huyễn tu huyễn diệc phục như thị. Chư huyễn tuy tận bất nhập đoạn diệt.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau phải xa lìa tất cả cảnh giới huyễn hóa hư vọng. Do chấp cứng cái tâm xa lìa, tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa, lìa cái lìa huyễn cũng lại xa lìa, được không chỗ lìa tức là trừ các huyễn. Ví như dùi lửa, hai thanh gỗ làm nhân cho nhau, lửa phát ra hai thanh gỗ cháy hết tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng như vậy. Các huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt.

Giảng:

Đa số chúng ta có bệnh khi nghe nói cái đó là thật thì chấp đành rồi, nhưng nghe nói cái đó là giả cũng chấp luôn. Thí dụ nghe Phật nói phải xa lìa pháp huyễn hóa thì cương quyết bỏ pháp huyễn hóa, nhưng nếu còn cái cố chấp quyết bỏ pháp huyễn hóa cũng không được, vì còn có một cái để bám. Vì vậy đức Phật dạy niệm xa lìa cũng phải buông luôn. Nên nói *tâm ấy là huyễn cũng phải xa lìa*. Tôi xin phân tích làm ba giai đoạn cho dễ hiểu.

Giai đoạn một: Chúng ta biết tâm vọng tưởng là huyễn, khi vọng tưởng dấy lên, biết nó là vọng tưởng, vọng tưởng lặng xuống biết vọng tưởng hết, đó là giác vọng tưởng. Khi vọng tưởng lặng rồi, cái giác vọng tưởng đó cũng phải buông luôn. Nếu chấp cái giác vọng tưởng đó cho là thật thì cũng là vọng tưởng nữa.

Giai đoạn hai: Nếu còn có tâm niệm bỏ cái giác vọng tưởng cũng không được, phải buông luôn.

Giai đoạn ba: Cái tâm dấy khởi bỏ cái biết vọng tưởng đó cũng phải bỏ nữa. Bởi cho đến khi tâm không còn dấy khởi thì tánh giác hiện bày, đó mới thật là lìa huyễn. Còn một niệm xa lìa cũng là vọng tưởng, tới chỗ cứu cánh thì không còn niệm thủ xả. Còn dấy niệm thủ xả là còn động, tánh viên giác thì bất động, sống được với cái bất động đó mới là lìa hết huyễn. Chỗ này phải tu mới thấy rõ, không tu chỉ nghe qua thì thấy lạ quá.

Đức Phật lại thí dụ, như chúng ta dùi lửa, hai thanh gỗ cọ nhau, *lửa phát ra hai thanh gỗ cháy, tro bay khói mất. Lấy huyễn tu huyễn cũng lại như vậy.*

Trước dùng trí tuệ chiếu soi thân tâm để thấy thân tâm không thật, tức là hai thanh gỗ bị cháy; khi thấy thân tâm không thật thì còn cái chấp thân tâm huyễn chúng ta bỏ luôn, tức là tro bay; khi bỏ trí biết huyễn nhưng ý niệm muốn xa lìa cái huyễn còn thầm thầm bên trong, bỏ luôn ý niệm đó nữa là khói bay hết. Đến đây mới trở về như như. *Cái huyễn tuy hết mà chẳng rơi vào đoạn diệt*. Đây là chỗ đặc biệt. Có nhiều người không hiểu cho rằng khi tu Phật bảo buông hết niệm suy nghĩ thì không còn gì, sẽ trở thành ngu ngơ. Không, đức Phật xác định là khi huyễn hết rồi không rơi vào đoạn diệt, mà hằng ở trong tánh giác. Chỗ này Lục Tổ cũng có nói: *Không nghĩ thiện, không nghĩ ác chính khi ấy là bản lai diện mục của ngươi.*

Âm:

Thiện nam tử, tri huyễn tức ly, bất tác phương tiện, ly huyễn tức giác, diệc vô tiệm thứ. Nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, y thử tu hành, như thị nãi năng vĩnh ly chư huyễn.

Dịch:

Này thiện nam, biết pháp huyễn hóa tức lìa, chẳng khởi phương tiện, lìa pháp huyễn hóa liền giác, cũng không có thứ lớp. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành, như thế mới hằng lìa các huyễn.

Giảng:

Ngài Phổ Hiền yêu cầu Phật dạy pháp tu thứ lớp, đức Phật trả lời không có thứ lớp, biết các pháp

huyễn hóa tức là lìa pháp huyễn hóa, lìa pháp huyễn hóa thì tánh giác hiện tiền. Đây là một lối đốn ngộ đốn tu, và ngài kết luận: Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây mà tu thì hằng lìa các pháp huyễn. Chúng ta thấy từ đức Phật đến Bồ-tát và chúng sanh đời sau nếu muốn tánh viên giác hiện tiền thì không có gì hơn là biết rõ cái hư giả mộng huyễn, khi biết rõ nó thì không bị nó chi phối.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Hiền nhữ đương tri!
Nhất thiết chư chúng sanh
Vô thủy huyễn vô minh,
Giai tùng chư Như Lai
Viên giác tâm kiến lập.
Du như hư không hoa
Y không nhi hữu tướng,
Không hoa nhược phục diệt
Hư không bản bất động.
Huyễn tùng chư giác sanh,
Huyễn diệt giác viên mãn,
Giác tâm bất động cố.
Nhược bỉ chư Bồ-tát
Cập mạt thế chúng sanh
Thường ưng viễn ly huyễn,
Chư huyễn tất giai ly.

Như mộc trung sanh hỏa,
Mộc tận hỏa hoàn diệt,
Giác tắc vô tiệm thứ,
Phương tiện diệc như thị.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn trùng tuyên lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phổ Hiền ông nên biết:
Tất cả các chúng sanh
Vô thủy huyễn vô minh,
Đều từ các Như Lai
Tâm viên giác dựng lập.
Như hoa đốm trong không
Y hư không có tướng,
Hoa đốm nếu diệt rồi
Hư không vốn chẳng động.
Huyễn từ giác mà sanh,
Huyễn diệt giác viên mãn,
Vì tâm giác bất động.
Nếu các vị Bồ-tát
Và chúng sanh đời sau
Thường nên xa lìa huyễn,
Các huyễn thảy đều lìa.

Như lửa sanh trong cây,
Cây hết lửa cũng tắt,
Giác không có thứ lớp,
Phương tiện cũng như vậy.

Giảng:

Bài trùng tụng này Phật kết thúc chương Bồ-tát Phổ Hiền thưa hỏi. Trước hết đức Phật chỉ cho thấy tất cả chúng sanh và pháp vô minh huyễn hóa có từ vô thủy đều từ nơi tâm viên giác mà dựng lập. Chỗ này có nhiều người thắc mắc tại sao vô minh lại từ tánh giác mà lập? Bây giờ tôi nói mê từ tỉnh mà có, quý vị đồng ý không? Thí dụ như vào buổi khuya đánh kẻng thức chúng, quý vị thức dậy súc miệng rửa mặt, lúc ấy rất là tỉnh táo, nhưng khi ngồi trên bồ đoàn một hồi thì mơ mơ và gục một cái, vậy cái mơ mơ đó từ đâu mà ra? Có phải từ cái tỉnh mà ra không? Chúng ta cứ cho là đang tỉnh thì không có mê, mà tại sao đang tỉnh lại gục? Cho nên trong khi tỉnh mà không khéo giữ thì tỉnh hóa thành mê. Kinh Lăng-nghiêm nói: *Chân như bất thủ tự tánh, hốt nhiên nhất niệm vô minh khởi*, nghĩa là chân như không giữ tự tánh thì vô minh sanh. Trong khi chúng ta tỉnh thì phải sáng suốt mà giữ cái tỉnh đó, nếu quên đi thì mê trở lại. Đối với tánh giác cũng vậy, nếu không khéo tỉnh giác thường xuyên thì thỉnh thoảng mê dấy lên. Tại sao vậy? Bởi vì mê đã có trong tỉnh.

Như hiện giờ chúng ta tuy thức nhưng có cái ngủ nó ngầm ngầm trong ấy, nếu không giữ được tỉnh táo thì cái ngủ hiện ra, chứ không phải cái ngủ ở đâu đến.

Hỏi tại sao tôi đang tỉnh mà lại mê? Tại tỉnh mà không giữ được tự tánh tỉnh nên mê. Cũng vậy, pháp huyễn từ tâm viên giác Như Lai ra, Phật dụ như hoa đốm trong hư không, rồi cũng diệt trong hư không, nhưng hoa đốm sanh diệt mà hư không thì bất động. Vọng tưởng thì sanh diệt vọng động, tánh giác thì bất động. Cho nên mục đích chúng ta tu để tâm được định, không động mà sống với tánh giác bất động. Định là lặng mọi vọng tưởng, vọng tưởng lặng rồi thì tánh giác tròn sáng, đó là tuệ. Tánh giác bất động, dấy niệm là vọng động làm mờ tánh giác, vì vậy chúng ta phải định thì tánh giác mới hiển hiện. Chúng ta tu dùng trí tuệ biết huyễn, đó là dùng phương tiện để trị vọng tưởng giả dối, khi vọng tưởng lặng thì cái biết huyễn cũng buông luôn. Đức Phật dạy chúng sanh nên y theo đó mà tu để hằng lìa pháp huyễn, khi pháp huyễn đã lìa rồi thì tánh giác hiển hiện chứ không có thứ lớp.

CHƯƠNG III

BỒ-TÁT PHỔ NHÃN THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Phổ Nhãn Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, nguyện vị thử hội chư Bồ-tát chúng cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh diễn thuyết Bồ-tát tu hành tiệm thứ, vân hà tư duy? Vân hà trụ trì? Chúng sanh vị ngộ tác hà phương tiện phổ linh khai ngộ? Thế Tôn, nhược bỉ chúng sanh vô chánh phương tiện cập chánh tư duy, văn Phật Như Lai thuyết thử tam-muội tâm sanh mê muộn, tức ư viên giác bất năng ngộ nhập. Nguyện hưng từ bi, vị ngã đẳng bối cập mạt thế chúng sanh giả thuyết phương tiện.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Phổ Nhãn ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn đại bi, xin vì chúng Bồ-tát trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau diễn nói thứ lớp tu của Bồ-tát, làm sao tư duy? Làm sao trụ trì? Chúng sanh chưa ngộ tạo phương tiện gì khiến cho họ được khai ngộ? Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh kia không có chánh phương tiện và chánh tư duy, nghe Như Lai nói tam-muội này tâm sanh mê muội, đối với tánh viên giác không thể ngộ nhập. Xin ngài từ bi, vì bọn chúng con và chúng sanh đời sau tạm nói phương tiện.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy, lặp lại ba lần.

Giảng:

Phổ là khắp, Nhãn là con mắt, tức là con mắt thấy khắp. Như ngài Huyền Sa Sư Bị thường nói "Tam thiên đại thiên thế giới là một con mắt của Sa-môn." Đọc qua chương trước chúng ta thấy đức Phật trả lời dường như đủ rồi. Nhưng các Bồ-tát thấy chưa đủ, chưa thể tu được, nên ở chương này Bồ-tát Phổ Nhãn đứng ra thưa hỏi thật kỹ. Đây là ba câu hỏi:

1. Chúng sanh phải thứ lớp tu như thế nào, suy nghĩ thế nào cho hợp đạo?

2. Phải gìn giữ cách nào cho đúng với chánh pháp?

3. Chúng sanh chưa ngộ, làm cách nào cho họ dần dần được khai ngộ?

Đoạn trên Phật nói tổng quát chắc họ không thực hành được, nên ngài yêu cầu Phật chỉ cho phương tiện để chúng sanh sau này tư duy chân chánh, và nghe đến tam-muội này tâm không sanh mê muội để thể nhập vào tánh viên giác. Từ đây về sau Phật mới nói qua phương tiện.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Nhãn Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh vấn ư Như Lai tu hành tiệm thứ, tư duy, trụ trì, nãi chí giả thuyết chủng chủng phương tiện. Nhữ kim đế thính đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Nhãn Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy Phật bảo Bồ-tát Phổ Nhãn rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau cầu thỉnh Như Lai thứ lớp tu hành, dạy cách tư duy, cách an trụ gìn giữ cho đến tạm lập các thứ phương tiện. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Nhãn vui vẻ vâng lời dạy, cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

Giảng:

Phật khen Bồ-tát Phổ Nhãn vì đại chúng và chúng sanh đời sau cầu xin Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ tân học Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh dục cầu Như Lai tịnh viên giác tâm, ưng đương chánh niệm viễn ly chư huyễn, tiên y Như Lai xa-ma-tha hạnh, kiên trì cấm giới, an xử đồ chúng, yến tọa tĩnh thất, hằng tác thị niệm: "Ngã kim thử thân tứ đại hòa hợp, sở vị phát mao, trảo, xỉ, bì nhục, cân cốt, tủy não... cấu sắc giai quy ư địa; thóa thế, nùng huyết, tân dịch, tiên mạt, đàm lệ, tinh khí, đại tiểu tiện lợi... giai quy ư thủy; noãn khí quy hỏa; động chuyển quy phong. Tứ đại các ly, kim giả vọng thân đương tại hà xứ?" Tức tri thử thân tất cánh vô thể, hòa hợp vi tướng, thật đồng huyễn hóa. Tứ duyên giả hợp, vọng hữu lục căn; lục căn tứ đại trung ngoại hợp thành, vọng hữu duyên khí, ư trung tích tụ tự hữu duyên tướng giả danh vi tâm. Thiện nam tử, thử hư vọng tâm nhược vô lục trần tắc bất năng hữu, tứ đại phân giải vô trần khả đắc, ư trung duyên trần các quy tán diệt, tất cánh vô hữu duyên tâm khả kiến.

Dịch:

Này thiện nam, những vị Bồ-tát mới học và chúng sanh đời sau, muốn cầu tâm viên giác thanh tịnh Như Lai, phải chánh niệm xa lìa các pháp huyễn,

trước y theo hạnh xa-ma-tha Như Lai, kiên trì giới cấm, sắp xếp đồ chúng, ngồi yên trong thất vắng, thường khởi nghĩ: "Thân này của ta do tứ đại hòa hợp, những là tóc lông, móng răng, da thịt, gân xương, tủy não v.v... sắc chất dơ bẩn đều thuộc về đất; nước dãi nước mắt, máu mủ, nước tiểu nước bọt, đàm dãi v.v... thuộc về nước; hơi nóng thuộc về lửa; chuyển động thuộc về gió. Bốn đại mỗi cái rời xa, hỏi thân không thật này về chỗ nào?" Liền biết thân này rốt ráo không có tự thể (cố định), do hòa hợp mà có tướng, thật đồng với huyễn hóa. Bốn duyên (tứ đại) giả hợp tạm có sáu căn; sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành tạm có duyên khí tích tụ ở trong, in tuồng như có tướng năng duyên, giả gọi là tâm.

Này thiện nam! Tâm hư vọng này nếu không có (duyên) sáu trần ắt không có, bốn đại phân tán (thân hoại, căn mất) sáu trần cũng không còn, (ý) căn ở trong duyên theo sáu trần mỗi thứ phân tán, rốt cuộc không còn cái tâm duyên có thể thấy.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta muốn tu theo thứ lớp thì trước tiên phải y theo pháp Chỉ, kế là gìn giữ giới cấm của Phật cho tinh nghiêm, đồng thời phải sắp xếp đồ chúng và ngồi yên trong thất vắng để tư duy hay chánh quán. Chúng ta muốn theo thứ lớp mà quán thì trước hết phải quán ngay nơi thân này do đất nước gió lửa hòa hợp: Tóc lông, móng răng, da thịt, gân xương v.v... tất cả chất cứng đó thuộc về đất. Nước miếng, mồ hôi, máu mủ, nước tiểu, đàm dãi v.v... thuộc về nước. Hơi ấm

trong người thuộc về lửa. Sự động chuyển, hơi thở ra vào là gió. Bốn đại này chúng ta tách riêng mỗi thứ, tìm lại coi cái gì là thân mình? Tìm không ra. Cả bốn cái đó hợp lại thì tạm nói là thân mình, nếu phân ly ra thì tìm lại cái thân huyễn này không có chỗ nơi, liền biết thân này rõ ràng không có thật thể, do tứ đại hòa hợp mà có tướng, có đó rồi mất nên nói là huyễn hóa. Bao nhiêu đời bao nhiêu kiếp chúng ta đã lầm cho nó là thật, cho nên mất thân này tạo thân khác. Quán xét thật kỹ để biết nó hư giả, mầm sanh diệt lần lần sẽ hết; muốn thoát luân hồi phải có trí tuệ để phá mê lầm vô minh.

Xét về thân rồi, đức Phật dạy chúng ta xét về tâm. Khi đất nước gió lửa duyên hợp thì tạm có thân, khi đã có thân rồi thì có sáu căn: mắt tai mũi lưỡi thân ý, sáu căn có là do tứ đại bên trong và tứ đại bên ngoài hợp lại mà có, hơi tích tụ ở trong, hơi đó vận chuyển nên có ý nghĩ phân biệt sáu trần tạm gọi là tâm. Thí dụ chúng ta thấy một hình ảnh nào đó, khi ngồi yên chợt nhớ lại hình ảnh đó, tâm duyên theo hình bóng đó gọi là duyên khí. Tại sao gọi là duyên khí? Như mùi hôi hay thơm của một cái khăn là do xông ướp một cái khác mà có mùi, cũng vậy do căn trần tiếp xúc rồi bóng dáng đó xông ướp thành hơi, cái hơi đó là bóng dáng ở trong tâm mình. Nó xông ướp cái nào thì chứa nhóm thành chủng tử cái đó. Những chủng tử chứa nhóm nhiều in tuồng như cái tướng để nó duyên, rồi cái tướng nó duyên giả danh tên là tâm. Tất cả những cái nghĩ này nghĩ kia là đều nghĩ theo bóng dáng do huân tập của sáu trần với sáu căn mà có.

Khi chúng ta độc thoại, hoặc đang ngồi hoặc đang đi chợt nhớ việc này việc nọ, rồi phát thành ngôn ngữ, đó là do cuộn hơi từ rốn đưa lên, nếu mạnh thì phát ra lời nói diễn bày cho người khác nghe, yếu thì đủ mình nghe. Thành ra những ý niệm suy nghĩ chỉ là do hơi cuộn phát ra thôi. Một hôm ngồi chơi, tôi chợt thấu đáo được ý nghĩa của hai chữ tập khí. Thường khi chúng ta nghe giải nghĩa hai chữ tập khí là thói quen, nhưng bây giờ tôi mới phát minh nghĩa của nó là chỗ nhóm họp hơi. Những ý niệm suy nghĩ của chúng ta đều do một ít hơi từ rốn đưa lên cuộn lại rồi phát ra lời. Nghĩ về người thì nói về người, nghĩ về vật thì nói về vật, ở trong thì chúng ta cho đó là tư tưởng, phát ra ngoài cho là ngôn ngữ. Thật ra tất cả tư tưởng đều là ngôn ngữ. Quý vị xét xem có phải vậy không? Điều này chúng ta phải ngồi lại nhìn kỹ mới thấy được. Khi chúng ta ngồi lặng yên, chợt có ý niệm dấy lên, thì một luồng hơi từ rốn đưa lên rồi phát ra lời, yếu thì đủ mình nghe gọi là tư tưởng, mạnh thì nói cho mọi người cùng nghe gọi là ngôn ngữ. Vì vậy nên đức Phật mới nói: khí tích tụ ở trong giống như tướng năng duyên và hình bóng mà mình thấy ở ngoài rơi vào tâm thức, hai cái đó duyên với nhau giả gọi là tâm. Chúng ta đã chấp cái giả làm thân làm tâm rồi, làm sao biết được cái thật là tánh viên giác! Cho nên suốt kiếp đi trong luân hồi.

Nếu thân tứ đại phân tán tức là thân tứ đại chết, sáu căn hoại và hình ảnh (sáu trần) bên ngoài không có, thì lúc đó chúng ta cũng không tìm ra cái tâm hay duyên. Như vậy cái tâm hay duyên là cái hư giả do

sáu căn và sáu trần hợp lại mà có. Rõ ràng thân tâm (vọng tâm) đều không thật.

Phật bảo chúng ta phải chánh tư duy, quán sát kỹ điều này cho thấy rõ lẽ thật, đó là chỗ tu hành.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ chi chúng sanh huyễn thân diệt cố huyễn tâm diệc diệt, huyễn tâm diệt cố huyễn trần diệc diệt, huyễn trần diệt cố huyễn diệt diệc diệt, huyễn diệt diệt cố phi huyễn bất diệt, thí như ma kính cấu tận minh hiện. Thiện nam tử, đương tri thân tâm giai vi huyễn cấu, cấu tướng vĩnh diệt thập phương thanh tịnh.

Dịch:

Này thiện nam, huyễn thân của các chúng sanh kia diệt nên huyễn tâm cũng diệt, vì huyễn tâm diệt nên huyễn trần cũng diệt, vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái huyễn diệt diệt nhưng cái phi huyễn (tánh viên giác) không diệt. Thí như lau gương, bụi nhơ hết thì ánh sáng hiện. Này thiện nam, nên biết thân tâm đều là huyễn hóa nhơ bẩn, tướng nhơ bẩn đó hằng diệt thì (tánh viên giác) thanh tịnh khắp mười phương.

Giảng:

Đoạn này Phật chỉ thật là tường tận. Thân chúng ta do tứ đại giả hợp tạm có, biết nó như huyễn thì vọng tưởng duyên theo cái như huyễn đó cũng không thật. Như vậy huyễn thân và huyễn tâm đều diệt. Huyễn tâm

diệt nên huyễn trần cũng theo đó mà diệt, trong kinh thường nói *Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt.* Vì huyễn trần diệt nên cái huyễn diệt cũng diệt, cái nghĩ diệt thân tâm trần cảnh, cái nghĩ diệt đó cũng diệt. Những cái huyễn đã diệt hết rồi lúc đó mới là phi huyễn, lúc đó tâm bình đẳng như như gọi là bất sanh bất diệt. Cho nên nói phi huyễn chẳng diệt. Như vậy quý vị thấy rõ ý nghĩa tu hành của chúng ta, y cứ theo lời Phật dạy không chạy theo các huyễn là lìa huyễn, các huyễn đã lìa thì tâm lìa huyễn cũng phải bỏ luôn mới là thanh tịnh.

Đức Phật đưa ra thí dụ lau gương cho chúng ta dễ hiểu. Mặt gương dụ cho tánh giác, khăn lau dụ cho niệm diệt huyễn, bụi dụ cho vô minh chấp thân tâm thật. Khi mặt gương bị bụi đóng, chúng ta dùng khăn lau, lau sạch bụi, nhưng chúng ta lại để cái khăn lau trên mặt gương thì mặt gương không sáng trọn vẹn. Khi lau hết bụi, cái khăn lau cũng phải dẹp luôn, lúc đó không còn bụi không còn khăn lau thì mặt gương mới sáng hoàn toàn. Cũng thế, khi thân huyễn tâm huyễn diệt rồi, ý niệm diệt huyễn cũng diệt luôn thì cái phi huyễn (tánh giác) mới hiển hiện. Phật thí dụ thêm:

Âm:

Thiện nam tử, thí như thanh tịnh ma-ni bảo châu, ánh ư ngũ sắc tùy phương các hiện, chư ngu si giả kiến bỉ ma-ni thật hữu ngũ sắc. Thiện nam tử, viên giác tịnh tánh hiện ư thân tâm tùy loại các ứng, bỉ ngu si giả thuyết tịnh viên giác thật hữu

như thị, thân tâm tự tướng diệc phục như thị. Do thử bất năng viễn ư huyễn hóa. Thị cố ngã thuyết thân tâm huyễn cấu, đối ly huyễn cấu thuyết danh Bồ-tát. Cấu tận đối trừ, tức vô đối cấu cập thuyết danh giả.

Dịch:

Này thiện nam, ví như hạt châu ma-ni trong trẻo, tùy theo mỗi phương chiếu hiện ra năm màu. Những người ngu thấy hạt châu ma-ni có năm sắc thật. Này thiện nam, tánh viên giác thanh tịnh tùy theo thân tâm mỗi chủng loại mà ứng hiện. Kẻ ngu nói tánh viên giác thanh tịnh thật có như vậy, tự tướng thân tâm cũng lại như thế. Vì thế mà không xa lìa các thứ huyễn hóa, cho nên ta nói thân tâm là huyễn cấu (chúng sanh). Ngược lại lìa huyễn cấu gọi là Bồ-tát. Khi huyễn cấu hết thì pháp đối trị huyễn cấu cũng trừ, thì không còn pháp đối trị huyễn cấu và cái tên gọi huyễn cấu.

Giảng:

Thí dụ như có một hạt châu trong trẻo, ở ngoài có năm mặt, mỗi mặt chúng ta để một tấm giấy màu khác nhau. Tùy theo người đứng ở phía tấm giấy có màu gì thì thấy hạt châu màu đó. Như người đứng ở phía tấm giấy màu đỏ thì thấy hạt châu màu đỏ, rồi họ cho rằng hạt châu màu đỏ thật. Những người đứng ở các phía kia cũng vậy. Nhưng sự thật thì hạt châu không có màu gì hết, nó chỉ là trong trẻo, tùy ở bên ngoài có màu gì nó chiếu ra màu ấy thôi.

Hạt châu ma-ni dụ cho tánh viên giác. Thân tâm chúng ta dụ như cái bóng xanh, vàng, trắng, đỏ trong hạt châu đó thôi. Đó là chỗ lâu nay chúng ta kẹt. Nghe Phật nói thân huyễn tâm huyễn, chúng ta cũng nói theo thân huyễn tâm huyễn. Nhưng đối với cái gì mà nói nó là huyễn chứ? Phật nói huyễn là có lý do. Vì ngài thấy tánh viên giác chân thật, cho nên thân tâm là huyễn. Cũng như nhìn trên hạt châu, những cái bóng hiện xanh, vàng, đỏ v.v... thì bóng đó là huyễn, hạt châu không phải huyễn. Bây giờ chỉ có người không thấy hạt châu mà chỉ thấy bóng thôi thì sao? Cái bóng đó là huyễn hay không huyễn? Bởi vậy chúng ta nói huyễn mà không huyễn gì hết, tại vì chỉ thấy bóng mà không thấy hạt châu. Các ngài vì thấy rõ nên nói không nghi ngờ còn chúng ta chỉ nói lý nên nghi ngờ.

Cũng vậy, tánh viên giác tùy theo nghiệp của chúng sanh mà hiện ở các cõi trời cõi người, rồi chúng ta tưởng tánh viên giác là trời là người, đó là mê. Thế nên, chúng sanh đi trong lục đạo mà tánh viên giác không thay đổi, như cái bóng ở ngoài hạt châu, bóng đó không thật mà người mê tưởng là thật. Cái thật là cái trong trẻo của hạt châu. Cũng vậy, vì chúng ta si mê nên cho tánh viên giác là thân tâm của các loài chúng sanh. Thân tâm của các loài chúng sanh là cái bóng của tánh giác, thế nên nói nghiệp là cái bóng không thật. Nghiệp hết, vô minh hết, nhưng tánh giác không mất. Phật nói người không thể xa lìa thân tâm nhơ huyễn chỉ một bề chấp chặt cho nó là ta thì tạm gọi kẻ đó là chúng sanh, còn người nào biết dẹp cái nhơ huyễn của thân tâm thì tạm gọi là Bồ-tát. Người biết dẹp nhơ tức là người biết

lau bụi trên mặt gương, gọi đó là người sáng, biết làm cho gương sáng. Người biết thắp sáng trí tuệ nơi mình là người giác hay là Bồ-tát. Khi cái nhơ hết thì pháp đối trị nhơ cấu cũng trừ, bấy giờ không còn pháp đối trị nhơ cấu và cái tên gọi nhơ cấu nữa. Bụi hết thì cái đối trị bụi là khăn lau cũng phải dẹp, cuối cùng là không còn bụi không còn khăn lau, chỉ là mặt gương trong sáng. Khi chúng ta tu buông dần kiến chấp hư vọng về thân tâm thì gọi là tu hạnh Bồ-tát. Khi buông hết những kiến chấp hư vọng về thân tâm rồi, niệm buông cũng phải dẹp luôn, thì tánh giác chân thật hiển bày.

Âm:

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh chứng đắc chư huyễn, diệt ảnh tượng cố, nhĩ thời tiện đắc vô phương thanh tịnh vô biên hư không.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát này và chúng sanh đời sau chứng được các huyễn, diệt các ảnh tượng, khi ấy liền được thanh tịnh vô biên khắp hư không.

Giảng:

Đức Phật dạy cho chúng ta thấy rõ, sau khi buông được tất cả bóng dáng hư giả của thân tâm thì tánh viên giác thanh tịnh hiển hiện khắp cả mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là thành Phật.

Âm:

Giác sở hiển phát, giác viên minh cố hiển tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh cố kiến trần thanh tịnh,

kiến thanh tịnh cố nhãn căn thanh tịnh, thức thanh tịnh cố, văn trần thanh tịnh, văn thanh tịnh cố nhĩ căn thanh tịnh, căn thanh tịnh cố nhĩ thức thanh tịnh, thức thanh tịnh cố giác trần thanh tịnh. Như thị nãi chí tỹ thiệt thân ý diệc phục như thị.

Dịch:

Vì tánh viên giác sáng suốt đã hiện ra nên tâm thanh tịnh, do tâm thanh tịnh nên kiến trần thanh tịnh, do kiến thanh tịnh nên nhãn căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhãn thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên văn trần thanh tịnh, do văn thanh tịnh nên nhĩ căn thanh tịnh, do căn thanh tịnh nên nhĩ thức thanh tịnh, do thức thanh tịnh nên giác trần thanh tịnh. Như thế cho đến tỹ thiệt thân ý cũng lại như vậy.

Giảng:

Đức Phật tuần tự chỉ cho chúng ta thấy, khi tâm thể thanh tịnh thì sáu căn sáu trần sáu thức đều được thanh tịnh. Chúng ta nghiệm kỹ thì sẽ thấy được ý nghĩa của đoạn này. Nếu nơi tâm chúng ta không có một vọng niệm nào dấy khởi, chỉ một tâm bình đẳng như như thì nhìn cảnh nào chúng ta cũng thấy thanh tịnh. Còn nếu tâm chúng ta dẫy đầy tham sân si, khi nhìn cảnh thì chúng ta khởi niệm tham sân si, do khởi niệm tham sân si cho nên cảnh đó trở thành cảnh Ta-bà khổ phiền não dẫy đầy. Bởi phiền não nên sáu căn cũng nhiễm ô, do sáu căn nhiễm ô nên sáu thức cũng trở thành ô nhiễm. Để thấy rõ, hễ căn thanh tịnh thì trần thức cũng thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, căn thanh tịnh cố sắc trần thanh tịnh, sắc trần thanh tịnh cố thanh trần thanh tịnh, hương vị xúc pháp diệc phục như thị. Thiện nam tử, lục trần thanh tịnh cố địa đại thanh tịnh, địa thanh tịnh cố thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại diệc phục như thị. Thiện nam tử, tứ đại thanh tịnh cố thập nhị xứ, thập bát giới, nhị thập ngũ hữu thanh tịnh.

Dịch:

Này thiện nam, do căn thanh tịnh nên sắc trần thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh nên thanh trần thanh tịnh, hương vị xúc pháp cũng như vậy. Này thiện nam, do lục trần thanh tịnh nên địa đại thanh tịnh, địa đại thanh tịnh thì thủy đại thanh tịnh, hỏa đại, phong đại cũng vậy. Này thiện nam, do tứ đại thanh tịnh nên mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi thanh tịnh.

Giảng:

Khi tâm chúng ta thanh tịnh rồi thì căn trần thức thanh tịnh, nên tứ đại của thân này cũng trở thành thanh tịnh. Cho đến mười hai xứ, mười tám giới, hai mươi lăm cõi đều thanh tịnh. Khi chúng ta tu, tâm thanh tịnh rồi thì ở chợ cũng được, ở rừng cũng được, ở đâu chúng ta cũng thấy thanh tịnh hết. Tâm thanh tịnh là chủ yếu để các pháp được thanh tịnh, nếu người tâm không thanh tịnh thì ở đâu cũng thấy bất an. Kinh Duy-ma-cật có câu: *Tùy kỳ tâm tịnh tức Phật độ tịnh*.

Tùy theo tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật được thanh tịnh. Vậy chủ yếu của sự tu hành là phải lo tịnh tâm. Tôi hay thí dụ như có một cái hồ chứa nước trong, chúng ta làm những vòi nước, khi mở ra hứng toàn nước trong. Ngược lại nếu hồ chứa nước đục, mở vòi nào cũng ra nước đục. Như vậy cốt là bên trong chứa nước đục hay trong, còn những vòi mở ra thì ở trong có cái gì nó ra cái nấy. Cho nên tâm thanh tịnh thì sáu căn theo đó thanh tịnh là vậy. Tâm còn ô uế muốn sáu căn thanh tịnh sao được.

Âm:

Bỉ thanh tịnh cố thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, Phật thập bát bất cộng pháp, tam thập thất trợ đạo phẩm thanh tịnh, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn nhất thiết thanh tịnh.

Dịch:

Vì các pháp (thế gian) kia thanh tịnh cho nên (các pháp xuất thế gian như) thập lực, tứ vô sở úy, tứ vô ngại trí, thập bát bất cộng pháp của Phật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo đều thanh tịnh, như vậy cho đến tám muôn bốn ngàn đà-la-ni môn đều thanh tịnh.

Giảng:

Trước Phật đã nói thế gian, bây giờ nói pháp xuất thế gian, nếu pháp thế gian thanh tịnh thì pháp xuất thế gian cũng thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì pháp thế gian không thanh tịnh, pháp thế gian không

thanh tịnh thì nói pháp của Phật cũng không thanh tịnh. Tôi nói để Phật tử và tăng ni rõ, giả sử như lòng tôi ô nhiễm nếu tôi hiểu Phật pháp và đem Phật pháp ra giảng dạy cho quý vị thì Phật pháp cũng trở thành ô nhiễm. Thí dụ như tôi tham tài, nói pháp một hồi tôi cũng đề cập tiền tài trong đó. Bởi vì lòng tôi có chứa tham lam thì nói một hồi nó cũng lộ ra. Nếu tâm chúng ta thanh tịnh dù nói pháp thế gian hay nói Phật pháp cũng đều thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết thật tướng thanh tịnh cố nhất thân thanh tịnh, nhất thân thanh tịnh cố đa thân thanh tịnh, đa thân thanh tịnh cố như thị nãi chí thập phương chúng sanh viên giác thanh tịnh. Thiện nam tử, nhất thế giới thanh tịnh cố đa thế giới thanh tịnh, đa thế giới thanh tịnh cố như thị nãi chí tận ư hư không viên khỏa tam thế, nhất thiết bình đẳng thanh tịnh bất động. Thiện nam tử, hư không như thị bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, tứ đại bất động cố, đương tri giác tánh bình đẳng bất động, như thị nãi chí bát vạn tứ thiên đà-la-ni môn bình đẳng bất động, đương tri giác tánh bình đẳng bất động.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả thật tướng tánh thanh tịnh cho nên một thân thanh tịnh, do một thân thanh tịnh cho nên nhiều thân thanh tịnh, do nhiều thân thanh tịnh như thế cho đến mười phương chúng

sanh viên giác thanh tịnh. Này thiện nam, vì một thế giới thanh tịnh cho nên nhiều thế giới thanh tịnh, vì nhiều thế giới thanh tịnh, như thế cho đến cùng tận hư không trùm khắp ba đời tất cả đều thanh tịnh bình đẳng bất động. Này thiện nam, hư không bình đẳng bất động như thế nên biết tánh giác bình đẳng bất động, vì bốn đại bình đẳng bất động nên biết tánh viên giác bình đẳng bất động, như thế cho đến tám muôn bốn ngàn pháp môn đà-la-ni đều bình đẳng bất động nên biết tánh viên giác bình đẳng bất động.

Giảng:

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy, từ một người thanh tịnh lần đến nhiều người được thanh tịnh, từ nhiều người thanh tịnh cho nên mười phương thế giới chúng sanh đều thanh tịnh v.v... Thanh tịnh từ phạm vi nhỏ dần dần lan ra phạm vi lớn. Chủ yếu của đạo Phật là tu từ tự tâm của cá nhân. Tự tâm cá nhân thanh tịnh rồi sẽ lan dần ra người ngoài. Nhiều người hiểu lầm, trước lo cho tất cả mọi người được tốt, đi giáo dục người này người kia, dạy họ phải tốt, nhưng mình chưa thật tốt mà muốn cho mọi người chung quanh tốt không thể được. Muốn cho mọi người tốt, trước hết chúng ta phải tốt, rồi gia đình chúng ta tốt, tới làng xã chúng ta tốt, đến cả nước chúng ta cũng tốt thì thế giới mới tốt. Như vậy, chủ yếu muốn xây dựng một xã hội tốt đẹp là trước hết phải xây dựng cá nhân. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ dạy người tu phải phản quan tự kỷ, phải nhìn lại mình. Nếu tâm mình chưa thanh tịnh mà cứ thấy người này

sai người kia dở, lo xây dựng người thì chỉ chuốc thêm phiền não chứ không ích gì. Tâm mình chưa thanh tịnh nên nói họ không nghe. Muốn cho người tốt mà người cứ chứng nào tật nấy thì mình giận mình phiền não. Ngoại trừ, khi chúng ta có bổn phận nhắc nhở người khác thì phải luôn kiểm lại tâm mình coi còn những điều dở nào. Và khi nhắc nên nói như thế này: Tôi có bổn phận phải nhắc nhở huynh đệ tiến tu chứ tôi còn những điều dở như vậy...

Muốn xây dựng người thì trước phải nhìn lại mình, mới nghe qua như là ích kỷ nhưng đó là căn bản. Nếu cứ lo bên ngoài mà không nhìn lại mình, đó là điều tai hại rất lớn cho người tu.

Có người nói, một người thanh tịnh thì tất cả mọi người đều thanh tịnh, vậy chỉ cần một người tu mọi người khác khỏi tu. Phải vậy không? Khi tâm mình được vô phân biệt, tức thanh tịnh, thì mọi người mình thấy đều thanh tịnh. Cũng như Phật nói, Phật thấy chúng sanh đều thành Phật, mà không thành là tại chúng ta quên ông Phật của mình nên không thành. Đó là cái thấy của người đã được đạo. Nếu chúng ta không khéo nhận thì khi nghe kinh nói một người thanh tịnh khắp pháp giới chúng sanh đều thanh tịnh, chúng ta khỏi cần lo tu làm chi, chờ người khác tu thành Phật rồi mình thanh tịnh theo. Thật là lầm lẫn.

Âm:

Thiện nam tử, giác tánh biến mãn thanh tịnh bất động, viên vô tế cố, đương tri lục căn biến mãn

pháp giới, căn biến mãn cố đương tri lục trần biến mãn pháp giới, trần biến mãn cố đương tri tứ đại biến mãn pháp giới, như thị nãi chí đà-la-ni môn biến mãn pháp giới.

Dịch:

Này thiện nam, tánh viên giác thanh tịnh bất động viên mãn khắp cả không ngằn mé, nên biết sáu căn cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu căn đầy khắp pháp giới nên biết sáu trần cũng đầy khắp pháp giới, vì sáu trần đầy khắp pháp giới nên biết bốn đại cũng đầy khắp pháp giới, như vậy cho đến pháp môn đà-la-ni cũng đầy khắp pháp giới.

Giảng:

Đức Phật chỉ cho chúng ta thấy rõ ràng, khi chúng ta nhận được tánh viên giác thênh thang trùm khắp pháp giới ở nơi mình, thì căn trần cũng đều trùm khắp pháp giới. Tại sao? Sở dĩ chúng ta thấy thân mình hạn cuộc bề cao một thước rưỡi hay một thước sáu, trọng lượng khoảng bốn mươi lăm hay năm mươi ký là vì tâm chúng ta còn phân biệt vướng mắc ngoại trần. Khi chúng ta nhận được tánh viên giác trùm cả pháp giới nơi mình và sống được trọn vẹn với tánh viên giác ấy thì thân tâm phải tương ứng với nhau. Vì tâm còn hạn cuộc nên thấy thân cũng hạn cuộc, tâm thênh thang thì thấy thân cũng thênh thang, gốc do tâm. Trước, đức Phật đã nói tâm thanh tịnh thì tất cả đều thanh tịnh, bây giờ Phật cũng nói tâm trùm khắp pháp giới thì thân cũng trùm khắp pháp giới.

Âm:

Thiện nam tử, do bỉ diệu giác tánh biến mãn cố, căn tánh trần tánh vô hoại vô tạp; căn trần vô hoại cố, như thị nãi chí đà-la-ni môn vô hoại vô tạp; như bá thiên đăng quang chiếu nhất thất, kỳ quang biến mãn vô hoại vô tạp.

Dịch:

Này thiện nam, do tánh diệu giác kia đầy khắp pháp giới nên thể tánh của căn trần không hoại không tạp. Vì căn trần không hoại, như thế cho đến pháp môn đà-la-ni cũng không hoại không tạp. Như trăm ngàn ngọn đèn cùng chiếu sáng trong một căn nhà, tuy ánh sáng mỗi ngọn đèn đầy khắp nhà mà không tạp lộn hay hoại diệt lẫn nhau.

Giảng:

Chỗ này là chỗ mà đa số người nghi. Một người tu thành Phật, tánh viên giác trùm khắp pháp giới, người khác tu thành Phật tánh viên giác cũng trùm khắp pháp giới, vậy chỗ đâu mà chứa?

Phật dùng thí dụ, trong một cái nhà tối, chúng ta đốt một ngọn đèn, ánh sáng của ngọn đèn ấy sáng khắp nhà này, bây giờ đốt thêm ngọn đèn nữa thì ánh sáng của ngọn đèn thứ hai cũng không bị giới hạn. Rồi đốt thêm ngọn đèn thứ ba nữa thì căn nhà càng sáng thêm, đốt nhiều ngọn đèn chừng nào thì căn nhà càng sáng chừng nấy, chứ ánh sáng của những ngọn đèn thắp sau không có lẫn lộn hay lấn diệt ngọn đèn thứ nhất. Không thể nói ánh sáng của ngọn đèn thứ nhất sáng khắp

nhà rồi, ánh sáng ngọn đèn thứ hai thắp lên hết chỗ chứa, mà trái lại càng nhiều ngọn đèn thì gian nhà càng sáng chứ không có ranh giới tạp nhạp và lấn diệt lẫn nhau.

Cũng thế, một chúng sanh thanh tịnh thì cả thế giới cũng thanh tịnh, nhưng chưa được thanh tịnh lắm, nếu tất cả chúng sanh đều thanh tịnh thì cả thế giới này hoàn toàn thanh tịnh. Mỗi ngọn đèn tuy có ánh sáng riêng, nhưng khi để chung thì không có ranh giới, mà ánh sáng của ngọn đèn nào là của ngọn đèn ấy. Lấy ngọn đèn này ra chỗ khác thì ánh sáng ấy cũng tới chỗ khác và khi một trăm ngọn đèn để chung trong một cái nhà thì ánh sáng như một nên nói là đồng.

Cũng vậy, tâm chân như của tất cả chúng sanh đều đồng một thể, vì không có ranh giới nên nói chư Phật đạo đồng, chỗ chứng thì như nhau mà mỗi Phật đều riêng nên nói hằng hà sa số chư Phật.

Âm:

Thiện nam tử, giác thành tựu cố, đương tri Bồ-tát bất dữ pháp phược, bất cầu pháp thoát, bất yểm sanh tử bất ái Niết-bàn, bất kính trì giới bất tắng hủy cấm, bất trọng cữu tập bất khinh sơ học. Hà dĩ cố? Nhất thiết giác cố, thí như nhãn quang hiểu liễu tiền cảnh, kỳ quang viên mãn đắc vô tắng ái. Hà dĩ cố? Quang thể vô nhị, vô tắng ái cố.

Dịch:

Này thiện nam, vì Bồ-tát thành tựu tánh viên giác nên không bị pháp ràng buộc, chẳng cầu pháp

giải thoát, chẳng chán sanh tử chẳng ưa Niết-bàn, chẳng kính người trì giới chẳng ghét người phá giới, chẳng trọng người tu lâu chẳng khinh người mới học. Vì cớ sao? Vì tất cả (đều là) tánh viên giác. Ví như mắt sáng thấy rõ cảnh ở trước, tánh sáng đó đầy khắp tất cả không yêu không ghét. Vì cớ sao? Vì thể sáng không hai nên không yêu không ghét vậy.

Giảng:

Phật dạy chỗ này để cho chúng ta thấy thêm một tầng nữa. Khi thành tựu tánh viên giác thì không còn bị pháp trói buộc, không cầu pháp giải thoát, không chán sanh tử cũng không ưa Niết-bàn v.v... Nghĩa là không còn kẹt hai bên, tâm luôn luôn bất động nên gọi là hằng thanh tịnh. Thí dụ như con mắt của chúng ta nhìn thấy cành hoa trên bàn, vì con mắt sáng cho nên thấy hình dáng của bình hoa rõ ràng, vàng ra vàng đỏ ra đỏ... Nhưng tánh thấy của con mắt không có khen chê yêu ghét. Sở dĩ có khen chê yêu ghét là do sau khi nhìn rồi dấy niệm phân biệt đẹp xấu, đó là cái gốc trói buộc của trần cảnh. Nếu chúng ta nhìn mà không có niệm phân biệt thì không yêu ghét, là sống được với tánh viên giác thanh tịnh bình đẳng. Đó là chủ yếu của sự tu hành. Chúng ta chưa biết tu thì nhìn người nhìn vật với cái nhìn hai bên, hoặc là người đó tốt hoặc là người đó xấu, tốt thì quý trọng xấu thì khinh khi, do đó niệm phiền não dấy khởi. Ở thế gian, người nào phân biệt giỏi khen chê nhiều thì cho người đó là khôn ngoan lanh lẹ; nhưng trong đạo, đó là người sống với vọng thức nhiều, sống với vọng thức nhiều thì trầm luân sâu. Như vậy muốn

biết mình còn trầm luân hay giải thoát là tự biết chứ không cần hỏi ai.

Âm:

Thiện nam tử, thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh tu tập thử tâm đắc thành tựu giả, ư thử vô tu diệc vô thành tựu. Viên giác phổ chiếu tịch diệt vô nhị, ư trung bá thiên vạn ức a-tăng-kỳ bất khả thuyết hằng hà sa chư Phật thế giới, do như không hoa loạn khởi loạn diệt, bất tức bất ly, vô phược vô thoát, thủy tri chúng sanh bản lai thành Phật, sanh tử Niết-bàn do như tạc mộng. Thiện nam tử, như tạc mộng cố, đương tri sanh tử cập dữ Niết-bàn vô khởi vô diệt, vô lai vô khứ; kỳ sở chứng giả vô đắc vô thất, vô thủ vô xả; kỳ năng chứng giả vô tác vô chỉ, vô nhậm vô diệt, ư thử chứng trung vô năng vô sở, tất cánh vô chứng diệc vô chứng giả, nhất thiết pháp tánh bình đẳng bất hoại.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tu tập tâm (viên giác) này được thành tựu, thật ra cũng không tu không thành tựu. Vì tánh viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, trong đó trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới chư Phật nhiều như cát sông Hằng không thể đếm, giống như hoa đốm trong hư không loạn khởi loạn diệt, chẳng tức chẳng ly, không trói buộc không giải thoát. Mới biết chúng sanh xưa nay đã thành Phật, sanh tử Niết-bàn in như giấc mộng đêm qua. Này thiện nam,

vì như giấc mộng đêm qua nên biết sanh tử và Niết-bàn không sanh không diệt, không đến không đi; chỗ chứng không được không mất, không thủ không xả; người năng chứng không tác không chỉ, không nhậm không diệt; trong cái chứng ấy không năng không sở, rốt ráo không pháp chứng cũng không có người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại.

Giảng:

Phật dạy các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau tuy thấy có tu tập và được tánh viên giác thanh tịnh, nhưng kỳ thật thì không tu cũng không thành tựu. Vì sao? Vì còn có thành tựu là còn có tôi tu và cái tôi được, tức là còn năng còn sở, nếu năng sở còn thì chưa đến chỗ giải thoát hoàn toàn. Vì tánh viên giác lặng lẽ chiếu khắp không hai, không hai thì đâu có năng sở, đâu có tôi tu và quả để tôi chứng. Vì vậy trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ thế giới của chư Phật, chúng ta xem như hoa đốm trong hư không, loạn khởi loạn diệt không có thật. Thế giới của chư Phật còn không thật, huống nữa là thế giới của phàm phu làm sao mà có thật? Do thấy được như vậy nên không mắc kẹt ở tức và ly, không bị các pháp trói buộc, không mắc kẹt trong pháp giải thoát. Chừng đó mới biết chúng sanh từ thuở nào đến giờ đã thành Phật và sanh tử cùng Niết-bàn giống như giấc mộng đêm qua. Vì sao? Vì sanh tử và Niết-bàn là hai tướng đối đãi giả lập, biết sanh tử là hư dối thì Niết-bàn cũng hư dối luôn, nên không sợ sanh tử cũng không cầu Niết-bàn. Sở dĩ thấy hai cái này không quan trọng vì đã nhận ra tánh giác của mình, nếu chưa nhận ra thì *sanh tử sự đại*. Chúng ta phải biết rõ để đừng lầm ý kinh.

Phật lại nói tiếp: sanh tử cùng Niết-bàn không khởi không diệt, không đến không đi. Sở chứng (quả vị) cũng không được không mất, không thủ không xả. Người năng chứng cũng không tạo tác và đình chỉ, không mặc tình và cũng không tiêu diệt. Trong cái chứng này không năng không sở, rốt ráo không có pháp chứng và người chứng, vì tánh tất cả pháp bình đẳng không hoại. Đó mới là chỗ cứu cánh của người chứng viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, bỉ chư Bồ-tát như thị tu hành, như thị tiệm thứ, như thị tư duy, như thị trụ trì, như thị phương tiện, như thị khai ngộ, cầu như thị pháp, diệc bất mê muộn.

Dịch:

Này thiện nam, các vị Bồ-tát kia phải tu hành như thế, thứ lớp như thế, suy nghĩ như thế, trụ trì như thế, phương tiện như thế, khai ngộ như thế, cầu pháp như thế, mới không có mê muội.

Giảng:

Đây là lời kết thúc của đức Phật. Nếu Bồ-tát mới phát tâm, chúng sanh đời sau tu hành như lời Phật dạy trên thì sẽ tới chỗ cứu cánh và không còn mê muội.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Nhãn nhữ đương tri!
Nhất thiết chư chúng sanh
Thân tâm giai như huyễn,
Thân tướng thuộc tứ đại,
Tâm tánh quy lục trần.
Tứ đại thể các ly,
Thùy vi hòa hợp giả?
Như thị tiệm tu hành
Nhất thiết tất thanh tịnh.
Bất động biến pháp giới,
Vô tác chỉ nhậm diệt,
Diệc vô năng chứng giả.
Nhất thiết Phật thế giới
Do như hư không hoa,
Tam thế tất bình đẳng
Tất cánh vô lai khứ.
Sơ phát tâm Bồ-tát
Cập mạt thế chúng sanh
Dục cầu nhập Phật đạo
Ưng như thị tu tập.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Phổ Nhãn ông nên biết:
Tất cả các chúng sanh

Thân tâm đều như huyễn,
Thân tướng thuộc tứ đại,
Tâm tánh thuộc sáu trần.
Tứ đại mỗi thứ rời,
Cái gì là hòa hợp?
Thứ lớp tu như thế
Thảy đều được thanh tịnh.
Khắp pháp giới không động,
Không tác, chỉ, nhậm, diệt,
Cũng không người hay chứng.
Tất cả thế giới Phật
Ví như hoa trong không,
Ba đời đều bình đẳng
Cứu cánh không đến đi.
Bồ-tát mới phát tâm
Và chúng sanh đời sau
Muốn cầu vào Phật đạo
Nên tu tập như thế.

Giảng:

Đức Phật dạy chúng ta phải thấy thân này như huyễn, vì thân này do tứ đại hòa hợp, nên rời tứ đại tìm thân không có. Tâm này chẳng qua là cái duyên theo bóng dáng sáu trần không thật. Thấy được như vậy thì từ từ tất cả đều thanh tịnh. Khi tâm thanh tịnh mới thấy khắp cả pháp giới đều không động, lúc đó chúng ta

mới khỏi các bệnh: bệnh tác là tạo tác, bệnh chỉ là kìm, bệnh nhậm là mặc kệ, bệnh diệt tức là cố lắng vọng tưởng xuống; và cũng không thấy có người năng chứng. Khi rõ thân như huyễn rồi thì thấy thế giới của chư Phật cũng như hoa đốm trong hư không, thấy ba đời quá khứ hiện tại vị lai cũng đều bình đẳng. Chủ yếu của Phật dạy trong chương này là khi thấy rõ thân tâm không thật thì tâm mới bất động. Đối với không gian là mười phương thế giới và thời gian là ba đời đều không thật thì tâm hằng thanh tịnh. Nếu tu được như vậy tức là đi đúng đường của Phật dạy.

Chương trước đức Phật dạy tổng quát, thấy thân thật, tâm thật đó là vô minh, bây giờ thấy rõ thân tâm không thật là tập sống với tánh viên giác, khi sống được hoàn toàn thì gọi là thành tựu tánh viên giác. Chương này Bồ-tát Phổ Nhãn xin đức Phật dạy nên dùng phương tiện gì để tiến tu. Phật dạy, ngồi yên một chỗ hoặc ngồi trong thất hoặc ở trong tùng lâm, quán lại thân này. Cái nào cứng thuộc về đất, cái nào ướt thuộc về nước, cái nào động thuộc về gió, cái nào nóng thuộc về lửa, phân loại rồi quán tưởng từng nhóm, quán như vậy hỏi cái gì là thân. Đến tâm cũng vậy, do ý căn duyên theo bóng dáng sáu trần, hoặc là nghe tiếng hoặc là thấy sắc... Bóng của tiếng của sắc lưu lại, ý căn duyên theo cái bóng lưu lại đó mà suy nghĩ gọi là tâm. Vậy tâm duyên cảnh là cái hư giả không thật, thấy thân tâm đều giả dối là chúng ta phá được vô minh. Hết vô minh mới sống trọn vẹn với tánh viên giác thanh tịnh, do đó căn trần thức đều thanh tịnh, mười phương thế giới đều thanh tịnh...

Tu thứ lớp là như vậy, đừng thấy cảnh huyễn, mà trước hết phải thấy thân tâm này huyễn vì hết lầm thân tâm thì hết lầm cảnh giới. Đức Phật thí dụ rất chính xác, nếu trong bốn phương mà chúng ta lầm một phương thì ba phương kia đều lầm theo. Cũng vậy, ngay thân tâm này mà lầm thì tất cả đều lầm, cho nên muốn phá cái lầm chung đó trước phải phá cái lầm thân tâm.

Hầu hết chúng ta bây giờ không chịu quán thân tâm mà chỉ lo quán người khác. Cả ngày chỉ thấy anh này sai chị kia dở, do đó mà quên cái sai của mình, mới nhìn thấy như Bồ-tát con nhưng mất mình lúc nào không biết. Cho nên Phật tổ đều dạy, khi tu chưa xong thì phải quán mình cho thật kỹ mới khỏi lầm, khỏi lầm thì phá được vô minh, lần lần tâm được thanh tịnh. Đó là gốc của sự tu hành.

CHƯƠNG IV

BỒ-TÁT KIM CANG TẠNG THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Kim Cang Tạng Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, thiện vị nhất thiết chư Bồ-tát chúng tuyên dương Như Lai viên giác thanh tịnh đại đà-la-ni nhân địa pháp hạnh tiệm thứ phương tiện, dữ chư chúng sanh khai phát mông muội. Tại hội pháp chúng thừa Phật từ hối, huyễn ế lãng nhiên, tuệ mục thanh tịnh. Thế Tôn, nhược chư chúng sanh bản lai thành Phật, hà cố phục hữu nhất thiết vô minh? Nhược chư vô minh chúng sanh bản hữu, hà nhân duyên cố Như Lai phục thuyết bản lai thành Phật? Thập phương dị sanh bản thành Phật đạo, hậu khởi vô minh? Nhất thiết Như Lai, hà thời

phục sanh nhất thiết phiền não? Duy nguyện bất xả vô giá đại từ, vị chư Bồ-tát khai bí mật tạng, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sanh, đắc văn như thị tu-đa-la giáo liễu nghĩa pháp môn vĩnh đoạn nghi hối.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ thẳng chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, khéo vì tất cả Bồ-tát nói rõ tánh viên giác thanh tịnh đại đà-la-ni Như Lai, rồi dạy nhân địa và phương tiện thứ lớp tu hành, vì chúng sanh khai phát chỗ tối tăm. Chúng trong hội này nhờ sự chỉ dạy của Phật nên những cái huyễn hóa che đậy được sáng, mắt tuệ được thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh vốn đã thành Phật vì sao lại có tất cả vô minh? Nếu chúng sanh sẵn có vô minh, do nhân duyên gì Như Lai lại nói xưa nay đã thành Phật? Mười phương chúng sanh đã thành Phật đạo sao lại khởi vô minh? Vậy tất cả Như Lai chừng nào khởi sanh phiền não lại? Cúi mong đức Thế Tôn không bỏ lòng đại từ, vì các vị Bồ-tát mở bày cái kho bí mật này, và vì tất cả chúng sanh đời sau được nghe kinh pháp liễu nghĩa như thế mà hằng đoạn được nghi ngờ.

Thưa lời đây rồi, năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế ba lần rồi trở lui.

Giảng:

Kim Cang là một loại đá quý, có đặc tính cứng và sắc phá hoại các vật mà các vật không phá hoại được nó. Đoạn này Bồ-tát Kim Cang Tạng đứng ra thưa hỏi chỗ sâu kín khó khăn, là biểu trưng cho trí tuệ sáng suốt mới phá trừ nổi những mê lầm vi tế.

Bồ-tát Kim Cang Tạng nghi còn vô minh mới gọi là chúng sanh, hết vô minh thì gọi là Phật, thế mà Như Lai lại nói từ xưa đến nay chúng sanh vốn đã thành Phật. Nếu chúng sanh vốn đã thành Phật thì không còn vô minh. Nếu không còn vô minh thì không gọi là chúng sanh. Tại sao Phật còn gọi chúng sanh?

Nếu chúng sanh sẵn có vô minh, thì không thể nói xưa nay đã thành Phật. Tại sao Phật nói xưa nay đã thành Phật?

Mười phương chúng sanh đã thành Phật, sao lại khởi vô minh? Chư Phật hiện nay chừng nào khởi vô minh trở lại? Nếu cố gắng tu thành Phật rồi, lâu lâu khởi vô minh trở lại, như vậy cứ tu tới tu lui hoài, biết bao giờ mới hết tu?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Kim Cang Tạng Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh,

vấn ư Như Lai thậm thâm bí mật cứu cánh phương tiện, thị chư Bồ-tát tối thượng giáo hối liễu nghĩa Đại thừa, năng sử thập phương tu học Bồ-tát cập chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, đắc quyết định tín, vĩnh đoạn nghi hối. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Kim Cang Tạng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Kim Cang Tạng rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về phương tiện rốt ráo thậm thâm bí mật, để dạy bảo các hàng Bồ-tát nghĩa lý Đại thừa liễu nghĩa tối thượng, hay khiến cho mười phương Bồ-tát tu học và tất cả chúng sanh đời sau được lòng tin chắc chắn, hằng đoạn dứt các nghi ngờ. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Kim Cang Tạng hoan hỷ vâng lời dạy, cùng Đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

Giảng:

Lời hỏi trên tại sao Phật khen là thậm thâm bí mật cứu cánh phương tiện? Bởi vì không ai trong chúng ta khi bàn tới chỗ này mà khỏi nghi ngờ không biết vô minh có từ bao giờ, khi dẹp hết rồi nó có trở lại không?...

Vì vậy khi biết rõ vô minh là thế nào, bản giác là thế nào... biết rành rẽ thì sự tu hành chúng ta mới tin chắc được, gọi là được lòng tin quyết định.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết thế giới thủy chung sanh diệt, tiền hậu hữu vô, tụ tán khởi chỉ, niệm niệm tương tục, tuần hoàn vãng phục, chủng chủng thủ xả, giai thị luân hồi. Vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ viên giác tánh tức đồng lưu chuyển; nhược miễn luân hồi vô hữu thị xứ.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả thế giới trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán khởi dừng, niệm niệm tiếp nối tuần hoàn qua lại, mọi thứ thủ xả đều là luân hồi. Chưa ra khỏi luân hồi mà muốn biện tánh viên giác, thì tánh viên giác đồng với lưu chuyển, nếu ra khỏi luân hồi thì không có lẽ đó.

Giảng:

Đức Phật chỉ cái lầm lẫn đầu tiên của chúng ta. Tất cả thế giới hiện hữu ở cõi đời này trước sau sanh diệt, trước sau có không, tụ tán dừng chỉ, niệm niệm tiếp nối... từng phút từng giây chuyển biến xoay vần qua lại, gọi là luân hồi. Luân hồi là vòng sanh diệt tiếp nối liên miên. Chúng ta chưa ra khỏi vòng sanh diệt tiếp nối ấy, mà muốn biết rõ tánh viên giác thì tánh viên giác cũng đồng với lưu chuyển và muốn khỏi luân hồi mà chưa hết mê thì không bao giờ khỏi. Muốn biết tánh viên giác đó

đừng đem tâm luân hồi mà suy nghĩ về viên giác. Trong kinh Pháp Hoa, Phật nói *Giả sử có trăm ngàn muôn triệu ức người trí tuệ như Xá-lợi-phất gom lại để suy nghĩ về trí tuệ Phật, cũng không được một phần trăm một phần ngàn nữa.* Nghĩa là nếu đem trí tuệ mà suy nghĩ (suy nghĩ là cái sanh diệt luân hồi) để biện tánh viên giác của Phật là cái không động, không luân hồi sanh diệt làm sao mà được. Đó là cái lỗi lầm lớn của chúng sanh, đang ở trong vòng lưu chuyển mà muốn biết cái ngoài vòng lưu chuyển thì làm sao biết được? Cũng thế, nếu còn ở trong mê mà muốn nói chuyện giác ngộ thì không bao giờ nói được, cũng như người đang ở trong mộng mà muốn nói chuyện thức thì không nói được. Muốn nói chuyện thức là phải thức mới nói được.

Âm:

Thí như động mục năng diêu trạm thủy, hựu như định nhãn do hồi chuyển hỏa, vân sử nguyệt vận, chu hành ngạn di diệc phục như thị.

Dịch:

Ví như con mắt chớp thấy mặt nước dao động, lại như mắt nhìn sững thấy vòng lửa quay, mây bay trăng chạy, thuyền đi bờ dời cũng y như thế.

Giảng:

Phật dùng sự việc thông thường hằng ngày, như mặt nước hồ đang phẳng lặng nếu mắt chúng ta chớp chớp thì thấy mặt nước gợn sóng. Do mắt chớp mà thấy mặt nước phẳng lặng thành ra dao động. Dụ này

để nói rõ còn trong luân hồi muốn bàn về viên giác thì viên giác thành luân hồi, như con mắt đang chớp muốn thấy cái tịnh thì thấy không được. Hoặc như mấy đứa bé đốt nhang chơi, cầm cây nhang quay vòng tròn, lúc nó quay nhanh, mắt chúng ta nhìn chăm chăm vào đầu cây nhang cháy, không thấy đầu cây nhang mà chỉ thấy vòng lửa tròn. Vậy có vòng lửa tròn thật không? Không. Do cây nhang quay quá nhanh, mắt nhìn theo không kịp nên chúng ta thấy như có một vòng lửa tròn. Hay buổi tối có trăng, chúng ta nhìn lên bầu trời thấy có những áng mây bay, mặt trăng chạy ngược. Hoặc chúng ta ngồi trên chiếc thuyền đang chạy trên sông, chúng ta không thấy thuyền đi mà cứ thấy hai bờ sông chạy ngược lại.

Đó là bốn thí dụ để chỉ rõ, dùng tâm cấu nhiễm mê vọng của chúng sanh mà nghĩ ngợi quan sát đến cảnh giới của Phật thì cảnh giới của Phật trở thành cấu nhiễm vọng động. Giống như người đeo kính màu, nếu kính màu đen thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu đen, nếu kính màu xanh thì thấy tất cả sự vật bên ngoài màu xanh v.v... Muốn hết thấy cảnh vật đen hay xanh thì phải gỡ kính ra, chừng đó mới thấy sự vật đúng như thật. Còn mang kính màu mà muốn thấy màu sắc bên ngoài đúng như thật của nó thì không thể được, vì màu sắc thật bên ngoài đã bị kính màu làm khác đi rồi.

Âm:

Thiện nam tử, chư toàn vị tức, bỉ vật tiên trụ thượng bất khả đắc, hà huống luân chuyển sanh tử cấu tâm tằng vị thanh tịnh, quán Phật viên giác nhi bất toàn phục? Thị cố nhữ đẳng tiện sanh tam hoặc.

Dịch:

Này thiện nam, cái xoay vần chưa dứt, muốn nó dừng trụ còn không thể được, hà huống dùng tâm cấu nhiễm sanh tử luân hồi chưa từng thanh tịnh mà quan sát tánh viên giác của Phật thì sao khỏi lẩn quẩn? Thế nên các ông mới sanh ra ba điều nghi ngờ đó.

Giảng:

Đây là phần chỉ rõ cho ngài Kim Cang Tạng thấy lý do sanh nghi. Nói rằng vòng lửa chưa dừng thì cây nhang chưa dừng, vòng lửa còn mà muốn cây nhang dừng trước có được không? Còn vòng tròn là cây nhang còn quay, bao giờ hết vòng tròn cây nhang mới dừng. Cho nên nói rằng còn vòng tròn mà muốn cây nhang dừng trước còn không thể được, huống là mang cái tâm cấu nhiễm sanh tử lưu chuyển chưa từng trong sạch để xem Phật viên giác của mình, làm sao không thấy xoay vần? Niệm tâm cấu nhiễm là những niệm tâm vọng tưởng sanh diệt. Khi vòng lẩn quẩn chưa dứt các sự vật ở trong vòng lẩn quẩn, chúng ta bảo nó dừng lại còn không được, huống gì tâm ô nhiễm sanh tử luân hồi của chúng ta chưa từng thanh tịnh, mà muốn xem biết tánh viên giác thanh tịnh của Phật thì (tánh viên giác) làm sao chẳng xoay vần? Thế nên các vị Bồ-tát nghi ngờ ba điều vừa nêu trên.

Âm:

Thiện nam tử, thí như huyễn ế vọng kiến không hoa, huyễn ế nhược trừ, bất khả thuyết ngôn:

"Thử ế dĩ diệt, hà thời cánh khởi nhất thiết chư ế?" Hà dĩ cố? Ế hoa nhị pháp phi tương đãi cố.

Dịch:

Này thiện nam, thí như bệnh mắt, huyễn thấy hoa đốm trong hư không, bệnh mắt nếu hết thì không thể nói "bệnh mắt đã diệt, bao giờ sanh tất cả bệnh mắt lại?" Vì cớ sao? Vì bệnh mắt và hoa đốm hai pháp không đối đãi.

Giảng:

Đây trả lời câu hỏi khi hết vô minh rồi chừng nào khởi trở lại. Thí dụ mắt chúng ta bệnh, nhìn lên bầu trời vào buổi trưa nắng thấy có hoa đốm lăng xăng. Khi chúng ta dùng thuốc nhỏ cho mắt lành rồi, có người hỏi "bệnh nhặm mắt của anh chừng nào trở lại?" Chúng ta không trả lời được. Hết nhặm rồi thì thôi, chứ biết chừng nào trở lại? Đó là đức Phật trả lời câu hỏi *Phật thành Phật chừng nào lại khởi vô minh?*

Thành Phật là hết mê lầm và không bao giờ khởi mê lầm nữa. Bệnh mắt và hoa đốm là hai cái không thật thì làm sao nói chừng nào có chừng nào không. Cũng vậy, vô minh không thật thì đâu thể nói chừng nào sanh chừng nào diệt.

Âm:

Diệc như không hoa diệt ư không thời, bất khả thuyết ngôn hư không hà thời cánh khởi không hoa. Hà dĩ cố? Không bản vô hoa phi khởi diệt cố.

Dịch:

Cũng như hoa đốm khi diệt trong hư không, không thể nói khi nào sanh lại hoa đốm nữa. Vì cớ sao? Vì hư không vốn không có hoa đốm nên chẳng khởi diệt.

Giảng:

Hư không đâu có sanh ra hoa đốm, vì mắt bị bệnh nên thấy có hoa đốm khởi diệt. Nếu mắt hết bệnh thì hoa đốm theo đó mà hết. Cũng thế nếu vô minh hết thì hiện tượng sanh diệt cũng hết, không thể nói chừng nào hoa đốm khởi.

Âm:

Sanh tử Niết-bàn đồng ư khởi diệt, diệu giác viên chiếu ly ư hoa ế. Thiện nam tử, đương tri hư không phi thị tạm hữu diệc phi tạm vô, huống phục Như Lai viên giác tùy thuận, nhi vi hư không bình đẳng bản tánh.

Dịch:

Sanh tử Niết-bàn đồng với khởi diệt, tánh viên giác mầu nhiệm chiếu soi này lìa cả hoa đốm và mắt bệnh. Này thiện nam, nên biết hư không chẳng phải tạm có cũng chẳng phải tạm không, huống chi tánh viên giác Như Lai vốn bình đẳng tùy thuận như hư không.

Giảng:

Phật chỉ cho chúng ta biết Niết-bàn và sanh tử là hai cái đối đãi, bởi đối đãi nên đồng có sanh có diệt.

Còn diệu giác viên chiếu không phải pháp đối đãi, nó ra ngoài cái đối đãi, hiểu rõ thì thấy lý bất nhị rõ ràng. Cho nên Phật nói hư không còn không thể tạm có tạm không huống là tánh viên giác. Hư không không tạm có cũng không phải tạm không, tạm có tạm không là hoa đốm. Khi nào mắt bệnh thì thấy có hoa đốm, khi mắt không bệnh thì thấy không hoa đốm, thấy có hoa đốm thấy không hoa đốm là do mắt bệnh, chứ hư không lúc nào cũng bình đẳng bất động. Tánh viên giác Như Lai ví như hư không bình đẳng, không tạm có cũng không tạm không; khi vô minh hết thì tánh viên giác hiển bày chứ không phải sanh, khi vô minh che phủ thì tánh viên giác ẩn chứ không phải tánh viên giác diệt, khởi diệt là do vô minh chứ không phải do tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, như tiêu kim khoáng, kim phi tiêu hữu; ký dĩ thành kim bất trùng vi khoáng, kinh vô cùng thời kim tánh bất hoại. Bất ưng thuyết ngôn bản phi thành tựu, Như Lai viên giác diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, như lọc quặng vàng, chất vàng không phải do lọc mà có. Khi đã thành vàng ròng rồi thì chẳng trở lại thành khoáng, trải qua thời gian không cùng, tánh vàng không hề biến hoại. Chẳng nên nói vốn chẳng thành tựu, tánh viên giác Như Lai cũng y như thế.

Giảng:

Đây là lần thứ hai Phật trả lời câu hỏi Phật thành Phật rồi bao giờ trở lại vô minh? Qua thí dụ này chúng ta thấy tuy vàng sẵn có trong quặng, không phải do lọc mà thành nhưng cái lọc đó không phải không thành tựu. Vàng sẵn có nhưng có trong cái lẫn lộn, do lọc mới thành vàng ròng. Khi thành vàng ròng rồi không trở lại thành khoáng được. Như vậy lọc là công phu để thành vàng ròng, cho nên thành tựu. Phật giác ngộ tánh viên giác tròn đầy, ngài thấy tất cả chúng sanh đều sẵn có tánh viên giác, nên nói tất cả chúng sanh đã thành Phật là căn cứ trên tánh viên giác mà nói, nhưng do vô minh che nên tánh viên giác bị khuất đi. Bây giờ tu là để gạn lọc vô minh, vô minh hết thì tánh viên giác hiển bày là thành Phật, chứ không thể nói bao giờ lại khởi phiền não. Vì sao? Vì thành Phật là vĩnh viễn sống với tánh viên giác thì đâu có mê lầm mà khởi phiền não. Khi đã thành vàng ròng thì trải qua thời gian vô cùng vàng ròng vẫn là vàng ròng. Tánh viên giác cũng vậy, khi hết vô minh rồi thì tánh viên giác không bao giờ trở lại vô minh.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai diệu viên giác tâm bản vô Bồ-đề cập dữ Niết-bàn, diệc vô thành Phật cập bất thành Phật, vô vọng luân hồi cập phi luân hồi.

Dịch:

Này thiện nam, tâm diệu viên giác của tất cả Như Lai vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, cũng không

có thành Phật và chẳng thành Phật, không có vọng luân hồi và phi luân hồi.

Giảng:

Đức Phật xác nhận lại một lần nữa. Trong tánh diệu viên giác của Như Lai không có Bồ-đề, không có Niết-bàn... Nếu trong đó dứt tất cả thì chúng ta cầu làm chi? Sở dĩ chúng ta ngày đêm cầu vì còn thấy đây là sanh tử kia là Niết-bàn, đây là phiền não kia là Bồ-đề. Cho nên bỏ phiền não cầu Bồ-đề, bỏ sanh tử cầu Niết-bàn là còn thấy hai, còn thấy hai là còn thấy trên dụng công tu tập. Trong lúc vàng còn lẫn các chất chì thiếc thì phải lọc, cũng như còn thấy phiền não thì phải tu. Tánh viên giác mầu nhiệm của chư Phật vốn không có hai bên, không giả tướng danh tự, chỉ thuần một tánh giác hiển lộ. Thí dụ vàng ròng được lọc ra chúng ta gọi nó là vàng ròng, chứ lẽ thật nó không có tên. Tại chúng ta thấy màu nó vàng nên đặt tên là vàng. Cái thể thật nó không có tên, mà do vọng tưởng chúng ta đặt tên cho nó. Tánh viên giác cũng vậy, không có tên Bồ-đề, Niết-bàn, nhưng vì đối với sanh tử thì gọi là Niết-bàn, đối với mê thì gọi là giác ngộ... Gọi như vậy là do tâm phân biệt đối đãi của chúng ta đặt tên để gọi, chứ bản chất nó không có tên, nên Lục Tổ cũng đã nói *nó không đầu không đuôi không tên không họ*.

Âm:

Thiện nam tử, đản chư Thanh văn sở viên cảnh giới, thân tâm ngữ ngôn giai tất đoạn diệt,

chung bất năng chí bỉ chi thân chứng sở hiện Niết-bàn, hà huống năng dĩ hữu tư duy tâm trắc độ Như Lai viên giác cảnh giới.

Dịch:

Này thiện nam, chỉ cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn, thân tâm ngôn ngữ đoạn diệt trọn không thể đến được chỗ thân chứng kia, huống là dùng tâm suy tư tạp nhạp mà đo lường cảnh giới viên giác Như Lai.

Giảng:

Đức Phật đưa ra một thí dụ để so sánh. Cảnh giới Niết-bàn của Thanh văn là cảnh giới tâm thanh tịnh, thân không lay động như tro nguội, nên nói thân tâm đoạn diệt. Cảnh giới Niết-bàn này hàng chúng sanh không thể dùng ngôn ngữ tâm phân biệt mà suy tư luận bàn, huống chi cảnh giới Niết-bàn của Phật làm sao dùng tâm suy nghĩ mà so lường được? Đó là Phật chỉ rõ, còn vọng tưởng thì không bao giờ thấy.

Âm:

Như thủ huỳnh hỏa thiêu Tu-di sơn, chung bất năng trước; dĩ luân hồi tâm sanh luân hồi kiến, nhập ư Như Lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí. Thị cố ngã thuyết nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, tiên đoạn vô thủy luân hồi căn bản.

Dịch:

Như lấy lửa của đom đóm mà đốt núi Tu-di, trọn không thể được. Dùng tâm luân hồi sanh kiến

giải luân hồi mà muốn vào biển đại tịch diệt Như Lai, trọn không thể đến được. Thế nên ta nói tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau trước phải đoạn cội gốc luân hồi vô thủy.

Giảng:

Đức Phật nói, nếu dùng tâm luân hồi và kiến giải luân hồi mà luận bàn về tánh viên giác Như Lai thì chẳng khác nào dùng chút lửa đom đóm để đốt núi Tu-di, núi không bao giờ cháy. Cũng vậy, chúng ta dùng tâm sanh diệt suy nghĩ mà muốn vào biển đại tịch diệt của Như Lai thì không bao giờ được. Muốn vào biển đại tịch diệt của Như Lai thì phải lặng hết tâm suy nghĩ. Có nhiều người lầm cho rằng muốn hiểu chân như Bồ-đề thì phải ngồi nghiền ngẫm suy nghĩ ngày nào đó sẽ hiểu. Không thể được! Vì dùng tâm phân biệt để mong thấy cái không phân biệt thì làm sao thấy được? Lại có nhiều người còn lầm hơn nữa, cho rằng học Phật pháp không khó, cứ ráng ngồi nghiền ngẫm mãi sẽ được Niết-bàn. Lẽ thật thì không như thế, muốn được Niết-bàn phải tu cho tâm được an định rồi tánh viên giác mới hiển bày. Chừng đó không muốn được Niết-bàn mà nó tự đầy đủ. Trọng tâm tu là ở chỗ đó, dừng tâm sanh diệt luân hồi lại, mới thấy cái không sanh diệt không luân hồi, đó là chỗ thiết yếu. Vì vậy mà Phật nói các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, trước phải đoạn cội gốc luân hồi từ vô thủy là vô minh thấy thân tâm thật. Dứt sạch vô minh thì mới nhận được tánh viên giác chân thật.

Âm:

Thiện nam tử, hữu tác tư duy, tùng hữu tâm khởi, giai thị lục trần, vọng tưởng duyên khí, phi thật tâm thể dĩ như không hoa, dụng thử tư duy biện ư Phật cảnh, do như không hoa, phục kết không quả triển chuyển vọng tưởng, vô hữu thị xứ.

Dịch:

Này thiện nam, khởi suy nghĩ là từ tâm vọng mà khởi, (tất cả suy nghĩ) đều do sáu trần vọng tưởng duyên khí, giống như hoa đốm trong hư không chẳng phải là tâm thể chân thật. Dùng suy nghĩ mà biện cảnh giới Phật giống như mong hoa đốm trong hư không kết thành quả, chỉ càng thêm vọng tưởng, hoàn toàn không thể được.

Giảng:

Đức Phật lại cảnh cáo chúng ta, ngài nói người khởi suy nghĩ cho cái suy nghĩ là tâm, tâm đó chỉ là vọng tưởng do duyên theo sáu trần mà có, không có thật thể nên ví nó như hoa đốm giữa hư không. Dùng tâm không thật mà suy nghĩ về cảnh giới Phật thì không thể được, chẳng khác nào thấy hoa đốm lăng xăng trong hư không mà mong nó có quả, chắc chắn không bao giờ được. Vì hoa đốm vốn không thật làm sao có quả? Cũng vậy, tâm vọng tưởng nguyên không thật thì làm gì thấy được tánh giác là cái chân thật. Cho nên chạy theo vọng tưởng mà muốn thấy được cái chân thật trọn không có lẽ phải vậy.

Trong đạo có hai hạng người học Phật, một là học giả, hai là hành giả. Học giả là người dùng tâm suy nghĩ để nghiên cứu nghiền ngẫm giáo lý của Phật, còn hành giả là học phương pháp của Phật dạy để ứng dụng tu thể nhập được lý đạo. Hai hạng người đó khác nhau, một bên dùng trí suy tư để mong hiểu Phật, một bên dùng pháp Phật dạy để định tâm mình, mong ngộ lẽ thật. Hai hạng người đó đối với kinh Viên Giác người nào trúng? Người ứng dụng tu hành. Thế mà có nhiều người nghe nói ông đó có bằng Tiến sĩ Phật học thì cũng khen tấm tắc: Chà, ông đó cao quá! Hay quá! Nhưng mà hay thật chưa? Giá trị thật không phải ở cấp bằng mà ở chỗ có dừng được tâm điên đảo của mình hay không. Trong giới tu hành hiện nay hay vấp phải cái lỗi đó, lấy cái học làm trên. Nếu lấy cái học làm trên thì sự thực chứng không có. Không sự chứng ngộ thì làm sao thể nhập chân lý? Làm sao mồi được ngọn đuốc tuệ của Phật để soi đường cho chúng sanh đang đi trong đêm tối? Không có những bậc tu chứng thì lấy ai tiếp nối duy trì Phật pháp? Sau khi Phật Niết-bàn, cuộc kết tập kinh điển lần thứ nhất toàn là những bậc đắc quả A-la-hán dự. Lúc đó ngài A-nan chưa đắc quả bị ngài Đại Ca-diếp từ chối không cho vào, mặc dầu ngài biết nếu không có ngài A-nan thì không ai trùng tuyên lại tạng kinh được.

Lại có những vị vô chùa cạo tóc rồi ôm sách tới trường, học năm mười năm ra giảng đạo, lên Thượng tọa rồi tới già chết. Như vậy chừng nào thấy được lẽ thật? Chủ yếu của người học đạo là học cho biết để thực hành, chứ không phải lấy kiến giải làm sở đắc nếu lấy

kiến giải làm sở đắc thì ngàn đời không thấy được chân lý! Hậu vận Phật giáo sẽ ra sao nếu trong giới tu sĩ không có những người thực chứng ngộ? Có nhiều quyển sách của các học giả viết về đạo Phật, lý luận làm cho người đọc thêm rối, đưa người đọc lạc vào rừng ngôn ngữ không biết lối ra. Muốn hiểu đạo lý, muốn giải thoát sanh tử thì học rồi phải thực hành, mới mong thấy được manh mối của sự giải thoát, đó là giải hạnh tương ưng. Hòa thượng Pháp chủ Khánh Anh có để lại hai câu bất hủ trên giảng đường chùa Xá Lợi: *Tu mà không học là tu mù, học mà không tu là đãy đựng sách*. Đó là một lẽ thật chúng ta cần xét kỹ.

Như chúng tôi ngày xưa học ở Phật Học Viện mười năm rồi đi giảng ở nhiều nơi, nói thì hay lắm, danh từ nào giải thích cũng được, nhưng khi ứng dụng tu thì lúng túng không biết làm sao tu cho đúng. Người có cấp bằng cao chưa phải là người tu cao, mà người tu cao là không có gì lạ hết. Thân không thật, tâm vọng không thật thì có cái gì? Vậy người tu theo đạo Phật là tu càng cao thì cái ngã càng thấp; cái ngã càng cao thì sự tu hành chưa tới đâu.

Âm:

Thiện nam tử, hư vọng phù tâm đa chư xảo kiến, bất năng thành tựu viên giác phương tiện, như thị phân biệt, phi vi chánh vấn.

Dịch:

Này thiện nam, tâm nổi trôi hư vọng sanh nhiều kiến chấp xảo ngụy, nên không thể thành tựu

được phương tiện viên giác. Phân biệt như thế thì chẳng phải là câu hỏi chân chánh.

Giảng:

Đoạn này nếu chúng ta không hiểu, thấy như đức Phật mâu thuẫn, vì ở trước ngài khen Bồ-tát Kim Cang Tạng khéo vì các Bồ-tát, các chúng sanh đời mạt pháp mà hỏi cái bí mật thậm thâm Như Lai, nhưng đến đây đức Phật lại quở phân biệt như vậy không phải là hỏi chân chánh! Tại sao trước Phật khen sau lại chê? Trước Phật khen là vì câu hỏi của Bồ-tát Kim Cang Tạng giải nghi cho người tu sau này. Phật quở ngài Kim Cang Tạng cũng chính là xác nhận chúng ta biết rằng không bao giờ dùng tâm suy nghĩ rối loạn mà tìm thấy được viên giác chân chính. Vì vậy mà đức Phật chỉ cho chúng ta thấy cái tâm hư vọng phù phiếm nó nhiều xảo ngụy dối trá khéo lắm. Nó sanh ra cái này, chấp cái kia đủ chuyện, mới cho cái đó là phải lát nữa lại cho là quấy. Cho nên nói rằng nó nhiều xảo kiến. Nếu cứ dùng tâm xảo ngụy đó để hỏi cái này hỏi cái kia là không hợp đạo, mà phải lặng tâm phù trầm hư dối đó thì mới thành tựu phương tiện viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Kim Cang Tạng đương tri!
Như Lai tịch diệt tánh,
Vị tằng hữu chung thủy.

Nhược dĩ luân hồi tâm,
Tư duy tức toàn phục,
Đản chí luân hồi tế,
Bất năng nhập Phật hải.
Thí như tiêu kim khoáng,
Kim phi tiêu cố hữu,
Tuy phục bản lai kim,
Chung dĩ tiêu thành tựu
Nhất thành chân kim thể,
Bất phục trùng vi khoáng.
Sanh tử dữ Niết-bàn,
Phàm phu cập chư Phật,
Đồng vi không hoa tướng.
Tư duy do huyễn hóa,
Hà huống cật hư vọng?
Nhược năng liễu thử tâm,
Nhiên hậu cầu viên giác.

Dịch:

Khi ấy, đức Thế Tôn muốn tuyên lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Kim Cang Tạng nên biết:
Như Lai tánh vắng lặng,
Chưa từng có sau trước.
Nếu dùng tâm luân hồi,

Suy nghĩ càng lẩn quẩn,
Chỉ đến mé luân hồi,
Không vào được biển Phật.
Ví như lọc quặng vàng,
Vàng chẳng do lọc được,
Tuy trước vàng sẵn có,
Sau do lọc mới thành,
Khi đã thành vàng ròng,
Chẳng trở lại làm khoáng.
Sanh tử và Niết-bàn,
Phàm phu cùng chư Phật,
Như hoa đốm trong không.
Suy nghĩ đều huyễn hóa,
Huống là hỏi hư vọng?
Nếu hay rõ tâm này,
Nhiên hậu cầu viên giác.

Giảng:

Đức Phật dạy, tánh Như Lai lặng lẽ chưa từng có trước sau, vì trước sau là thời gian, mà thời gian thì không thật. Nếu dùng tâm luân hồi để suy nghĩ tánh viên giác thì tánh lặng lẽ ấy cũng trở thành xoay vần, nên không thể nhập được tánh viên giác. Ở đây Phật chỉ luân hồi là chỉ thẳng tâm sanh diệt. Đem tâm sanh diệt mà nghĩ về tánh viên giác thì không đúng. Thí dụ lọc vàng, vàng chẳng phải do lọc mà có, vì vàng đã có sẵn trong quặng từ xưa rồi, nhưng không luyện lọc không dùng được.

Cũng vậy, nói phải tu mới thành Phật thì không phải, vì Phật có sẵn trong mỗi chúng sanh, bởi vô minh che phủ nên tu để dẹp vô minh. Khi vô minh hết thì Phật hiện tiền, chứ đâu phải do tu mới được thành Phật. Tu là hành động là phương tiện, nếu tu mà được tánh viên giác thì tánh viên giác ấy cũng là hành động cũng là phương tiện sao? Tuy nhiên đức Phật nói quặng cũng phải lọc bỏ khoáng mới được vàng ròng. Cũng vậy, tuy không phải tu mới được thành Phật, nhưng từ xưa Phật cũng phải tu mới hết vô minh, Phật tánh mới hiện. Nói như vậy để chúng ta khỏi lầm phải tu mới có tánh viên giác, mà tánh viên giác sẵn có, nói tu là một lối nói. Nếu nói không do tu mà được thành Phật thì một số người không chịu tu. Cho nên Phật mới nói Phật cũng phải tu mới thành. Vàng quặng khi đã thành vàng ròng rồi thì không trở lại làm khoáng nữa, cũng vậy khi đã thành Phật rồi thì không trở lại làm chúng sanh. Quý vị nhớ lại câu ngài Hoài Nhượng đáp với Lục Tổ: *Tu chứng chẳng phải không, nhiễm ô chẳng thể được.* Tu chứng chẳng phải không bởi vì tuy biết nó là có mà không tu nó không hiện, nên tu chứng chẳng phải không, nhưng nhiễm ô chẳng thể được. Vàng là vàng, không vì lẫn chất tạp mà biến chất. Nó không thể nhiễm ô được. Chính những câu nói đơn giản của các tổ, nhìn lại kinh không bao giờ khác. Nhận ra được tánh đó rồi bao nhiêu vị tổ bao nhiêu người tu nói không khác nhau, đó là thấy được nên nói không khác. Tánh viên giác vẫn là viên giác, không vì lăn lộn trong luân hồi mà tánh viên giác

biến thành luân hồi. Đó là chỗ thiết yếu chúng ta phải nhận ra để trên đường tu chúng ta vững lòng tin. Khi ấy thì sanh tử cùng Niết-bàn, phàm phu cùng chư Phật là tướng giả dối như hoa đốm trong hư không. Tại sao vậy? Vì khi thành Phật thì mới thấy những danh từ đối đãi mê và giác, sanh tử và Niết-bàn đều không thật. Phật lại nói thêm, suy nghĩ là huyễn hóa, huống là nêu lên câu hỏi hư vọng như trên. Người nào sáng tỏ được lý này mới mong thể nhập được tánh viên giác.

CHƯƠNG V

BỒ-TÁT DI-LẶC THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Di-lặc Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị Bồ-tát khai bí mật tạng, linh chư đại chúng thâm ngộ luân hồi, phân biệt tà chánh, năng thí mạt thế nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhãn, ư đại Niết-bàn sanh quyết định tín, vô phục trùng tùy luân chuyển cảnh giới khởi tuần hoàn kiến. Thế Tôn, nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, dục du Như Lai đại tịch diệt hải, vân hà đương đoạn luân hồi căn bản? Ư chư luân hồi hữu kỷ chủng tánh? Tu Phật Bồ-đề kỷ đẳng sai biệt? Hồi nhập trần lao, đương thiết kỳ chủng giáo hóa phương tiện độ chư chúng sanh? Duy nguyện bất xả cứu thế đại bi, linh chư tu hành

nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, tuệ mục túc thanh chiếu diệu tâm kính, viên ngộ Như Lai vô thượng tri kiến.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Thế Tôn đại bi, rộng vì các Bồ-tát mở bày kho bí mật khiến cho đại chúng phân biệt tà chánh, thâm ngộ được lý luân hồi, hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau được đạo nhãn vô úy, đối với Đại Niết-bàn sanh lòng tin quyết định, không còn khởi kiến chấp, không trở lại cảnh giới luân hồi. Bạch Thế Tôn, nếu các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau muốn dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai, làm sao đoạn được cội gốc luân hồi? Đối với luân hồi có bao nhiêu chủng tánh? Tu đạo Bồ-đề của Phật có bao nhiêu bậc khác nhau? Khi trở vào trong trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện giáo hóa để độ chúng sanh? Cúi mong đức Thế Tôn chẳng bỏ lòng đại bi cứu thế, khiến cho tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau tu hành mắt tuệ trong sáng, chiếu diệu gương tâm, viên ngộ được tri kiến vô thượng Như Lai.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy ba lần rồi trở lui.

Giảng:

Bồ-tát Di-lặc (Maitreya) là ngài Từ Thị. Từ Thị là lòng đại bi. Vì ngài khởi lòng đại bi độ khắp chúng sanh nên hỏi các phương tiện tường tận để Phật dạy kỹ lưỡng cho mọi người đều có thể tu được. Chủ yếu của đoạn này là Bồ-tát Di-lặc hỏi về cội gốc luân hồi. Trong bốn câu hỏi của ngài nêu ở trên, câu hỏi thứ nhất là then chốt rất quan trọng, liên hệ đến sự tu hành của chúng ta.

1. Làm sao đoạn được cội gốc luân hồi?

2. Luân hồi có bao nhiêu chủng tánh?

3. Tu đạo Bồ-đề của Phật có mấy hạng người?

4. Những hàng Bồ-tát đi vào trong cõi trần lao lập bao nhiêu thứ phương tiện để độ chúng sanh?

Câu hỏi chót thì không liên hệ với chúng ta hiện tại, vì hỏi chuyện Bồ-tát trở lại trần lao độ sanh. Chúng ta thì chưa phải Bồ-tát, chỉ là người bị nghiệp lôi vào trần lao chứ không phải trở lại trần lao vì hạnh nguyện. Hiểu bốn câu hỏi đó, chúng ta mới hiểu câu trả lời của đức Phật.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Di-lặc Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, thỉnh vấn Như Lai thâm áo bí mật vi diệu chi nghĩa, linh chư Bồ-tát khiết thanh tuệ mục, cập linh nhất thiết mạt thế chúng sanh vĩnh đoạn luân hồi, tâm ngộ thật tướng, cụ vô sanh nhẫn, nhữ kim đế thính đương vị nhữ thuyết.

Thời Di-lặc Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Di-lặc rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai nghĩa thâm áo bí mật vi diệu, khiến cho mắt tuệ của các Bồ-tát được trong sáng, và khiến cho tất cả chúng sanh đời sau hằng đoạn được luân hồi, tâm ngộ được thật tướng, đầy đủ pháp vô sanh nhẫn. Các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông mà nói.

Khi ấy Bồ-tát Di-lặc hoan hỷ vâng lời dạy, cùng chư đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Phật khen Bồ-tát Di-lặc khéo nêu lên những câu hỏi, để Phật chỉ dạy cho các vị Bồ-tát hiện tại mắt trí tuệ được sáng và chúng sanh đời sau được ra khỏi luân hồi. Phật dặn đại chúng nên lắng nghe.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy tế, do hữu chủng chủng ân ái, tham dục cố hữu luân hồi. Nhược chư thế giới nhất thiết chủng tánh: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, giai nhân dâm dục nhi chánh tánh mạng, đương tri luân hồi ái vi căn bản. Do hữu chư dục trợ phát ái tánh, thị cố năng linh sanh tử tương tục.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy do các thứ ân ái, tham dục nên có luân hồi. Tất cả chủng tánh trong thế giới như noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh đều nhân dâm dục mà có thân mạng; nên biết sự luân hồi, ái dục là cội gốc. Do có dục giúp phát sanh tánh ái, thế nên khiến cho sanh tử nối tiếp.

Giảng:

Đoạn này Phật chỉ thẳng ái là cội gốc của sanh tử luân hồi để trả lời câu hỏi thứ nhất.

Ở trên đức Phật đã nói rõ tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do ân ái tham dục mà có sanh tử luân hồi. Chữ ái ở đây đức Phật chỉ nghĩa ái mạng - ái ngã, cái ái này nặng nhất. Ái ngã tức là yêu mình, bởi yêu mình nên bỏ thân này muốn tạo thân khác, bởi yêu mình mới có những tham dục khác. Vì nhân ái ngã rồi có dục phát sanh, vậy dục trợ phát cho tánh ái. Thế nên ái dục là gốc sanh tử luân hồi tiếp nối không dứt.

Chỗ này trong kinh Tạp A-hàm, đức Phật dùng một thí dụ thật rõ nói về tánh ái, ái còn thì sanh mạng còn, ái hết thì sanh mạng hết. Ngài thí dụ một bầy trẻ con đang chơi ngoài vườn. Đang say sưa chơi với nhau, đứa cất chòi đứa nấu nướng v.v... Nếu có người lớn tới hất bỏ, chúng sẽ khóc la. Khi người lớn đi rồi, chúng lại làm lại. Chỉ khi nào chúng tự chán, tự hất bỏ chừng đó mới yên chuyện. Cái thích của bọn trẻ con đức Phật dụ là ái, chúng sanh là bọn trẻ con. Như thế đang trong

luân hồi, đức Phật lại bảo các ông đừng làm chuyện đó để luân hồi, nhất định chúng sanh cãi Phật liền vì còn đang thích. Chỉ khi nào tự chúng ta sợ, tự chúng ta chán, chúng ta mới bỏ việc luân hồi của mình.

Khi sanh tử luân hồi thì có các loại như thai sanh, thấp sanh, noãn sanh, hóa sanh. Bốn loại này đều từ ân ái tham dục mà có. Muốn hết luân hồi sanh tử, cứ ngay gốc ái dục mà đào. Nếu không biết manh mối sanh tử luân hồi từ đâu thì không thể dứt trừ được. Trong kinh Pháp Cú đức Phật có dạy, đốn cây mà không đào gốc thì tược nhánh nảy sanh hoài, ái dục không trừ dứt thì khổ não vẫn theo ta mãi. Do dục giúp phát sanh tánh ái rồi tiếp nối sanh tử. Thân này vừa mất thì muốn có thân khác, dục giúp cho tánh ái mạnh đưa chúng ta tới chỗ thọ sanh, nó dẫn đi mãi trong vòng sanh tử.

Âm:

Dục nhân ái sanh, mạng nhân dục hữu, chúng sanh ái mạng hoàn y dục bản, ái dục vi nhân ái mạng vi quả.

Dịch:

Dục nhân ái sanh, thân mạng nhân nơi dục mà có, chúng sanh ái thân mạng lại y nơi dục làm gốc, ái dục là nhân, ái mạng là quả.

Giảng:

Đức Phật phân tích cho chúng ta thấy rõ, dục nhân ái mà có, dục từ ái mà sanh ra, ái là yêu mến, bởi yêu mến cho nên có dục. Nhân dục mà có sanh mạng,

khi có sanh mạng rồi trở lại ái mạng. Do dục mà có thân, có thân rồi ái thân. Chúng ta thấy nhiều người có phước thân tốt đẹp khỏe mạnh, thì họ ái thân đã đành, còn những người vô phước họ có ái thân họ không? Họ vẫn ái thân họ như thường. Có thân là có ái. Bởi ái thân nên muốn thân ăn cho ngon, muốn thân mặc cho đẹp, muốn thân được người ta khen, cái gì cũng muốn cho thân mình được. Từ cái ái mà muốn thỏa mãn mọi nhu cầu, nhu cầu nào thiếu là bực bội. Chúng ta nói chúng ta thương người này mến người kia, kỳ thật tất cả cái mến thương gốc từ thương mình mà ra. Người nào thương mình nhiều là thương người nhiều. Tại sao vậy? Bởi thương mình nhiều cho nên người nào giúp mình, mình thương họ ghê lắm! Mong họ tiếp tục giúp mình nữa để được lợi cho mình. Còn người nào không thương mình thì ai giúp, mình cũng lơ là. Bệnh đó là bệnh nặng của chúng sanh. Mới nhìn qua thì thấy người nào biết lo cho người này người kia là tốt, nhưng mà lo cho người này người kia là vì mình mà lo, chứ ít có vì người mà lo lắm. Hiểu chỗ đó rồi thì mới thấy từ dục mà có thân, có thân rồi ái thân, muốn đời khác cũng có thân nữa... Cứ tiếp tục đời này sang đời khác không bao giờ cùng tận. Vì vậy nói ái là gốc của luân hồi. Bây giờ muốn không có thân đời sau thì phải dứt ngay gốc ái.

Qua lý này chúng ta mới hiểu tại sao trước tiên Phật cấm người xuất gia dâm dục. Mục đích của người xuất gia là dứt sanh tử, nên Phật nhắm thẳng vào đích, bắt phải đào gốc ái dục trước rồi lần lần phá ngã chấp, ngã chấp phá rồi thì luân hồi sanh tử theo đó mà hết.

Như thế chúng ta mới thấy rõ được thâm ý của đức Phật dạy, từ giới luật cho tới kinh điển trước sau chỉ có một chủ đích. Vậy sanh tử luân hồi do ái dục và ái mạng làm nhân làm duyên nối tiếp nhau không cùng. Bây giờ nhìn ngay nơi tâm niệm của chúng ta xem ái ngã còn nhiều hay ít? Nếu ái ngã nhiều thì dòng sanh tử khó mà dứt được.

Âm:

Do ư dục cảnh khởi chư vi thuận, cảnh bối ái tâm nhi sanh tắng tật, tạo chủng chủng nghiệp, thị cố phục sanh địa ngục ngạ quỷ. Tri dục khả yểm, ái yếm nghiệp đạo, xả ác nhạo thiện, phục hiện thiên nhân. Hựu tri chư ái khả yểm ác cố, khả ái nhạo xả hoàn tư ái bản, tiện hiện hữu vi tăng thượng thiện quả, giai luân hồi cố bất thành thánh đạo. Thị cố chúng sanh dục thoát sanh tử miễn chư luân hồi, tiên đoạn tham dục cập trừ ái khát.

Dịch:

Do cảnh dục mà khởi thuận nghịch, cảnh trái với tâm ái thì sanh ra ganh ghét, tạo các thứ nghiệp nên sanh nơi địa ngục, ngạ quỷ. Biết dục đáng chán, thích cái chán nghiệp đạo, bỏ ác ưa lành thì được sanh ở cõi người cõi trời. Biết ái nhiễm là ác đáng chê chán, song bỏ ái mà thích "cái bỏ", trở lại nuôi dưỡng thêm gốc ái, nên sanh ở cõi thiện hữu vi cao hơn, đều là luân hồi nên không thành thánh đạo. Thế nên chúng sanh muốn thoát sanh tử khỏi luân hồi, thì trước phải đoạn tham dục và trừ tâm khát ái.

Giảng:

Do ái dục mà có thân người, sanh trong cõi người. Dục tức là lòng tham muốn, do tham muốn nên khởi ra hai thứ thuận nghịch. Gặp thuận thì ái, gặp nghịch thì tắng. Chỉ tại chúng ta ưa thích mà gặp cảnh trái với sự ưa thích của mình nên bực bội làm những điều ác điều dữ. Thí dụ như tham muốn mà không được thì sanh trộm cắp, khi trộm cắp bị ngăn chặn thì sanh ra sát hại, đó là cái nhân của địa ngục, ngạ quỷ. Đó là chiều đi xuống, đi trong ba đường ác.

Phật nói người chạy theo ngũ dục thì chẳng khác nào như kẻ khát mà uống nước muối, càng uống càng khát. Nếu được như ý, nó cứ tăng thêm không chỗ cùng. Tất cả thế gian về tay mình hết, không biết mình vừa chưa. Còn muốn mười điều nhưng chỉ được có một, càng muốn thì càng khổ... Có người thấy sự yêu thương thế gian là tạm bợ, được thì vui mất thì buồn nên đâm ra chán ghét ái dục ở thế gian. Bỏ ái dục nhưng chỉ thích làm lành để đời sau được phước an vui tốt đẹp hơn, như thế cũng còn tư dưỡng gốc tham ái nên sanh về cõi hữu vi cao hơn là cõi Sắc và Vô sắc. Mặc dù chúng ta chán bỏ ái dục nhưng còn thích xả, nên Phật nói *còn yêu thích thì còn tạo nghiệp* nhưng nghiệp thiện, chứ chưa phải là viên mãn; vì nghiệp lành hay nghiệp dữ cũng là nghiệp.

Thế nên đức Phật dạy chúng sanh muốn thoát khỏi luân hồi thì phải dứt hết tham dục và trừ tâm khát ái, chứ bỏ cái này lại thích cái kia cũng chưa thoát khỏi vòng luân hồi.

Âm:

Thiện nam tử, Bồ-tát biến hóa thị hiện thế gian phi ái vi bản, đản dĩ từ bi linh bỉ xả ái, giả chư tham dục nhi nhập sanh tử.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát hóa hiện thân ở thế gian chẳng phải do ái làm gốc mà là do lòng từ bi, mượn tham dục mà vào trong sanh tử khiến chúng sanh bỏ ái dục.

Giảng:

Nghe đức Phật nói có thân ở thế gian này là do ái làm gốc, như vậy chúng ta sẽ hiểu lầm và thắc mắc "những vị Bồ-tát có thân để độ chúng sanh ở cõi này cũng do ái dục nữa sao?" Ở đây Phật giải thích, những vị Bồ-tát thị hiện giáo hóa chúng sanh ở thế gian không phải gốc từ nơi ái dục mà do lòng từ bi, các ngài muốn độ chúng sanh bỏ khát ái, mới tạm mượn ái dục mà vào trong sanh tử.

Âm:

Nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh năng xả chư dục, cập trừ tắng ái vĩnh đoạn luân hồi, cần cầu Như Lai viên giác cảnh giới, ư thanh tịnh tâm tiện đắc khai ngộ.

Dịch:

Nếu tất cả chúng sanh đời sau bỏ được các dục và trừ tâm yêu ghét thì hằng đoạn được luân hồi,

siêng cầu cảnh giới viên giác Như Lai, tâm thanh tịnh liền được khai ngộ.

Giảng:

Phật dạy muốn tu để giải thoát sanh tử thì phải xa lìa ngũ dục thế gian, trừ tâm yêu ghét nơi mình nơi người, và phải cầu cảnh giới viên giác Như Lai. Gốc luân hồi phải đoạn và trở về sống với tánh giác thì tâm thanh tịnh được khai ngộ.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh do bản tham dục, phát huy vô minh hiển xuất ngũ tánh, sai biệt bất đẳng; y nhị chủng chướng, nhi hiện thâm thiển.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh do gốc tham dục mà phát huy thêm vô minh, hiển bày ra năm tánh sai biệt chẳng đồng, y theo hai thứ chướng mà hiện có cạn sâu.

Giảng:

Đây đức Phật trả lời câu hỏi chúng sanh có bao nhiêu chủng tánh. Ngài trả lời có năm chủng tánh. Sở dĩ có năm chủng tánh là do gốc tham dục là vô minh làm sung mãn thêm, nên năm chủng tánh có sai khác.

Âm:

Vân hà nhị chướng? Nhất giả lý chướng ngại chánh tri kiến, nhị giả sự chướng tục chư sanh tử.

Dịch:

Thế nào là hai chướng? Một là lý chướng làm ngại chánh tri kiến, hai là sự chướng khiến tiếp nối sanh tử.

Giảng:

Sự chướng là phiền não, chỉ cho cái chướng do ngũ dục ở thế gian, vì có nó nên trở ngại sự thoát ly sanh tử. Người còn bị kẹt trong năm dục là còn tiếp nối sanh tử. Lý chướng là chỉ cho vô minh, vô minh là gốc làm chúng ta không thấy đúng như thật. Do nhận hiểu lý đạo lệch lạc sai lầm cho nên chướng ngại chánh tri kiến. Thí dụ như có người cho rằng tu thiền là phải xuất hồn đi trong hư không để tìm Phật, hoặc được Phật phóng hào quang điểm đạo v.v... đó là hiểu không đúng với lời Phật dạy trong kinh, nên chướng ngại chánh tri kiến. Do hai cái chướng đó khiến cho chúng sanh có sai biệt. Chướng của ngũ dục thì khiến chúng sanh sanh trong các loài, còn cái chướng của sự hiểu lệch lạc về lý đạo thì sanh làm quỷ thần hoặc các vị tu chứng ở trong vòng hữu lậu.

Âm:

Vân hà ngũ tánh? Thiện nam tử, nhược thử nhị chướng vị đắc đoạn diệt danh vị thành Phật. Nhược chư chúng sanh vĩnh xả tham dục, tiên trừ sự chướng vị đoạn lý chướng, đản năng ngộ nhập Thanh văn Duyên giác, vị năng hiển trụ Bồ-tát cảnh giới.

Dịch:

Thế nào là năm tánh? Này thiện nam, nếu hai chướng này chưa được đoạn diệt thì nói chưa

thành Phật. Nếu các chúng sanh hằng xả tham dục, trước trừ sự chướng chưa đoạn lý chướng, chỉ hay ngộ nhập cảnh giới Thanh văn Duyên giác, chưa trụ được cảnh giới Bồ-tát.

Giảng:

Người bỏ được tham dục thế gian là hết ái dục, mà hết ái dục thì dòng sanh tử luân hồi cũng dứt luôn. Song dứt được tham dục thì chỉ trừ được sự chướng chứ lý chướng vẫn còn, nên chỉ vào được hàng Thanh văn Duyên giác, không vào được hàng Bồ-tát. Tại sao hàng Thanh văn Duyên giác chỉ mới trừ được sự chướng? Vì các ngài do tu tứ đế, thấy khổ đế và tập đế cần phải đoạn trừ, nên các ngài ứng dụng đạo đế đoạn trừ, khi đoạn trừ xong thì gọi là diệt đế. Như vậy là mới đoạn trừ xong mầm sanh tử chứ chưa thấy được pháp thân. Dứt sanh tử thì nhập Niết-bàn cho nên mới trừ được sự chướng, chứ chưa trừ được lý chướng. Bậc Duyên giác cũng vậy, các ngài do thấy cảnh lá rụng, cây cối héo xàu mà nghĩ đến thân người cũng vô thường như thế, nên các ngài tỉnh giác; hoặc các ngài thấu rõ lý nhân duyên, thân này do đất nước gió lửa hợp lại mà có, khi duyên hết thì thân tan rã, các ngài chán thân, không còn ái dục, cho nên các ngài chỉ chứng được quả Duyên giác chứ chưa thấy được pháp thân. Nên nói còn bị lý chướng làm ngại, đó là hai chủng tánh.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, dục phiếm Như Lai đại viên giác hải,

tiên đương phát nguyện cần đoạn nhị chướng, nhị chướng dĩ phục tức năng ngộ nhập Bồ-tát cảnh giới. Nhược sự lý chướng dĩ vĩnh đoạn diệt, tức nhập Như Lai vi diệu viên giác, mãn túc Bồ-đề cập Đại Niết-bàn.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh đời sau muốn dạo biển đại viên giác Như Lai, trước phải phát nguyện siêng đoạn hai chướng, hai chướng đã nép phục thì ngộ nhập được cảnh giới Bồ-tát. Nếu sự chướng lý chướng đã đoạn diệt hẳn thì ngộ nhập tánh viên giác vi diệu Như Lai, viên mãn quả Bồ-đề và Đại Niết-bàn.

Giảng:

Chủng tánh thứ ba là chủng tánh Bồ-tát. Chúng sanh phàm phu thì bị hai thứ, phiền não chướng và sở tri chướng làm chướng đạo Bồ-đề nên đi trong luân hồi sanh tử. Trải qua thời gian tu hành, hai chướng ấy nép phục thì chúng sanh bước lên địa vị Bồ-tát. Khi lên địa vị Bồ-tát, tiếp tục tu đoạn lìa phiền não chướng và sở tri chướng mới chứng được pháp thân. Vì vậy nên nói Bồ-tát tùy phần giác, nghĩa là Bồ-tát thấy được một phần pháp thân thì phá được một phần lý chướng. Lý chướng ngăn che không thấy được pháp thân, khi hoàn toàn hết lý chướng thì viên mãn gọi là thành Phật. Nên ở đây nói muốn vào biển đại viên giác Như Lai thì phải đoạn sự và lý chướng.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh giai chứng viên giác, phùng thiện tri thức y bỉ sở tác nhân địa pháp hạnh, nhĩ thời tu tập tiện hữu đốn tiệm. Nhược ngộ Như Lai vô thượng Bồ-đề chánh tu hành lộ, căn vô đại tiểu giai thành Phật quả.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh đều chứng viên giác, gặp thiện tri thức y nơi pháp hạnh nhân địa mà vị ấy đã tu, bấy giờ tu tập theo, liền có đốn và tiệm. Nếu gặp được pháp tu hành chân chánh vô thượng Bồ-đề của Như Lai thì đều thành Phật quả, căn cơ không chia lớn nhỏ.

Giảng:

Đây Phật nói tầm quan trọng của thiện tri thức đối với người tu. Tất cả chúng sanh đều có tánh giác, chứ không dành riêng cho một người nào được chứng. Nhưng tu đốn hay tiệm là do gặp thiện tri thức, rồi y nơi pháp hạnh của thiện tri thức đó mà tu. Khi tu tập liền có chia đốn tiệm. Như cũng thuyết pháp dạy tu, nhưng mỗi vị thầy hướng dẫn tu không giống nhau. Nếu khi phát tâm tu mà chúng ta gặp vị thầy tu tiệm giáo thì người dạy chúng ta tu theo tiệm giáo. Nếu gặp vị thầy tu đốn giáo thì dạy chúng ta tu theo đốn giáo. Tu trở thành đốn hay tiệm là do thiện tri thức hướng dẫn, phải hiểu rõ như vậy. Nếu không rõ thì quý vị nghĩ thầy nào cũng dạy mình tu, chọn lựa làm chi! Nghĩ như vậy sẽ không được

lợi ích lớn. Người biết chọn thầy và pháp môn tu cho thích hợp với căn cơ của mình, mới được lợi ích. Còn nếu gặp Phật, y theo đạo vô thượng Bồ-đề của đức Phật để tu thì được vào thẳng tánh viên giác, chứ không có đốn tiệm lớn nhỏ. Lúc đức Phật còn tại thế không chia đốn tiệm, đức Phật nói pháp, người nghe tu đúng pháp đều đắc quả A-la-hán. Sau này đệ tử Phật, tùy theo mỗi vị có công hạnh tu riêng mà chia ra nhiều tông phái khác nhau. Như vậy thiện tri thức đối với người tu rất quan trọng chứ không phải thường, tu tiến nhanh hay chậm do ảnh hưởng thiện tri thức rất nhiều. Đó là chủng tánh thứ tư, chủng tánh bất định.

Âm:

Nhược chư chúng sanh tuy cầu thiện hữu ngộ tà kiến giả, vị đắc chánh ngộ thị tắc danh vi ngoại đạo chủng tánh, tà sư quá mậu, phi chúng sanh cữu. Thị danh chúng sanh ngũ tánh sai biệt.

Dịch:

Nếu các chúng sanh tuy cầu bạn lành, lại gặp người tà kiến chưa được chánh ngộ, ấy gọi là chủng tánh ngoại đạo. Đây là do lỗi lầm của tà sư, chứ không phải lỗi nơi chúng sanh ấy. Đó là năm chủng tánh sai biệt của chúng sanh.

Giảng:

Đoạn này trả lời câu hỏi thứ ba, có những người tu cũng tìm thiện hữu tri thức, nhưng lại gặp thầy tà, thầy tà sẽ dẫn họ đi đường tà, ấy là chủng tánh ngoại đạo.

Lỗi đó tại ai? Lỗi tại người thầy chứ không phải tại người học đạo, người học đạo đâu có biết gì, tại ông thầy hướng dẫn, lúc sơ phát tâm họ như tờ giấy trắng in hình gì thì ra hình đó.

Như vậy, chúng ta thấy chúng sanh nào cũng có tánh viên giác, nhưng tại chúng ta gặp thầy hướng dẫn tu khác nhau, nên kết quả cũng khác nhau. Thí dụ như có người phát tâm xuất gia, nhưng kém phước lại gặp ông thầy dạy: "Đem tiền đây ta cúng cho, năm nay con bị mắc tam tai rồi đó!" Cứ như vậy, năm này qua năm khác, tháng này qua tháng khác, cúng hoài rồi quen với quỷ thần, chứ không dạy đạo lý gì hết, như thế là lạc vào đường tà. Lại có người phát tâm tu nhưng có duyên gặp được thầy thông đạo lý, đem giáo lý Phật giảng giải cho hiểu để biết đường lối tu hành chân chánh. Như vậy đồng thời phát tâm tu như nhau, nhưng khi gặp thầy khác nhau thì tu ít năm kết quả cũng khác nhau. Khác là tại thiện hữu tri thức, chứ không phải tại họ có chủng tánh khác. Tuy nhiên nói vậy không phải phủ nhận cái duyên của họ, có duyên với tà nên dễ gặp tà. Gặp người tà nói mơ mơ màng màng linh ứng thế này linh ứng thế nọ thì họ thích và theo. Người có duyên với chánh pháp thì đến với đạo bằng trí tuệ chứ không phải bằng niềm tin.

Âm:

Thiện nam tử, Bồ-tát duy dĩ đại bi phương tiện nhập chư thế gian khai phát vị ngộ, nãi chí thị hiện chủng chủng hình tướng nghịch thuận cảnh giới, dữ kỳ đồng sự hóa linh thành Phật, giai y vô thủy thanh tịnh nguyện lực.

Dịch:

Này thiện nam, Bồ-tát chỉ dùng lòng đại bi, mà phương tiện vào các thế gian khai phát những người chưa ngộ, cho đến thị hiện nhiều hình tướng hoặc cảnh giới nghịch hay thuận, họ đồng sự để giáo hóa khiến cho thành Phật, đều y nơi nguyện lực thanh tịnh từ vô thủy.

Giảng:

Câu hỏi thứ tư là Bồ-tát vào thế gian này có bao nhiêu thứ phương tiện. Phật trả lời, Bồ-tát do lòng đại bi và hạnh nguyện độ sanh nên phương tiện vào trong thế gian hiện các thứ hình tướng, như cảnh giới thuận nghịch để hóa độ chúng sanh, chứ không phải bị nghiệp ái dục lôi vào. Bồ-tát dùng phương tiện hiện hình tướng để độ sanh như hiện tướng Bồ-tát, tướng Tỳ-kheo, tướng cư sĩ, vua quan v.v...

Thị hiện cảnh giới thuận là Bồ-tát xuất gia tu hành ngộ đạo, giáo hóa đúng với đạo lý của Phật dạy. Cảnh giới nghịch là Bồ-tát hiện ra cảnh dầu sôi lửa bỏng, ngưu đầu mã diện v.v... để người ác sợ, thức tỉnh hồi tâm tu hành. Hoặc các ngài vào trong cảnh khổ làm những nghề xấu xa để dẫn dắt chúng sanh, khi vào trong đó phải đồng sự với họ, sống chung với họ. Mọi người thấy không tin là Bồ-tát, nhưng các ngài âm thầm làm hạnh Bồ-tát. Trong cảnh đó thì khó làm, ở trong cảnh giới thuận thì dễ, vì giữ giới hạnh đàng hoàng và nói đạo lý dạy tu nên dễ tin hơn. Còn ở trong chỗ mọi người xem thường chê bai mà nói pháp mới thật là khó.

Tất cả hạnh thuận nghịch đều chỉ vì lòng từ bi và nguyện lực thanh tịnh, chứ không có động lực nào khác. Như vậy thì chung quanh chúng ta rất nhiều Bồ-tát. Vì chúng ta tìm Bồ-tát có hào quang nên dễ bị ma gạt. Quý vị phải lặng tâm mà xét thì thấy chung quanh mình rất nhiều Bồ-tát, chứ không phải ít đâu. Kinh Phật nói, Phật ra đời có những vị Bồ-tát trợ hóa. Khi Phật không ra đời cũng có rất nhiều Bồ-tát lẫn lộn trong nhân gian để đánh thức chúng sanh. Bồ-tát là người gỡ cho chúng ta bớt nhiễm, gỡ cho chúng ta bớt đắm trước. Giả sử họ tỏ ra rất tầm thường không có gì cao quý đáng phục, nhưng họ biết chặn những nhiễm ái, những tội lỗi cho chúng ta thì đó cũng là hiện thân của Bồ-tát.

Âm:

Nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sanh, ư đại viên giác khởi tăng thượng tâm, đương phát Bồ-tát thanh tịnh đại nguyện, ưng tác thị ngôn: "Nguyện ngã kim giả trụ Phật viên giác, cầu thiện tri thức mạc trị ngoại đạo cập dữ nhị thừa." Y nguyện tu hành tiệm đoạn chư chướng, chướng tận nguyện mãn tiện đăng giải thoát thanh tịnh pháp điện, chứng Đại Viên Giác diệu trang nghiêm vực.

Dịch:

Nếu các chúng sanh đời sau đối với đại viên giác khởi tâm tăng thượng, nên phát lời đại nguyện thanh tịnh của Bồ-tát như thế này: "Con nguyện ngày nay được trụ trong viên giác Phật, xin gặp thiện tri thức, chẳng gặp ngoại đạo cùng với Nhị thừa." Y theo

nguyện mà tu hành lần lần đoạn trừ các chướng; chướng dứt, nguyện được viên mãn, liền lên pháp điện thanh tịnh giải thoát, chứng được cảnh giới trang nghiêm vi diệu Đại Viên Giác.

Giảng:

Đoạn này đức Phật dạy chúng ta phát nguyện, người tu muốn khỏi rơi vào đường tà và khỏi lạc vào Nhị thừa, phải hằng phát nguyện: Đời này con ở mãi trong Viên giác Phật, nguyện chẳng gặp ngoại đạo và Nhị thừa. Y theo đạo lý Đại thừa mà tu hành, lần lần đoạn các chướng ngại, vào cảnh giới Viên Giác diệu trang nghiêm. Đó là đức Phật đã chỉ rõ đường lối tu để cho chúng ta được kết quả như ý nguyện. Hạt giống Bồ-đề của chúng ta nếu gặp đất tốt sẽ tăng trưởng rất nhanh, nếu không thì đường tu sẽ bị chướng ngại và lần lần chán nản rồi bỏ tu luôn. Chúng ta phải khéo tu làm sao để mình đi hoài trên con đường chân chính không bị sai lệch.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

Di-lặc nhữ đương tri!
Nhất thiết chư chúng sanh
Bất đắc đại giải thoát
Giai do tham dục cố
Đọa lạc ư sanh tử.
Nhược năng đoạn tắng ái

Cập dữ tham sân si,
Bất nhân sai biệt tánh
Giai đắc thành Phật đạo.
Nhị chướng vĩnh tiêu diệt,
Cầu sư đắc chánh ngộ,
Tùy thuận Bồ-tát nguyện,
Y chỉ Đại Niết-bàn.
Thập phương chư Bồ-tát
Giai dĩ đại bi nguyện
Thị hiện nhập sanh tử.
Hiện tại tu hành giả
Cập mạt thế chúng sanh
Cần đoạn chư ái kiến
Tiện quy Đại Viên Giác.

Dịch:

Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Di-lặc ông nên biết:
Tất cả các chúng sanh
Không được đại giải thoát
Đều do ở tham dục
Đọa lạc vào sanh tử.
Nếu hay đoạn yêu ghét
Cùng với tham sân si,

Chẳng do tánh sai biệt
Đều được thành Phật đạo.
Hai chướng tiêu diệt hẳn,
Cầu thầy được chánh ngộ,
Thuận theo nguyện Bồ-tát,
Y nơi đại Niết-bàn.
Mười phương các Bồ-tát
Đều do nguyện đại bi
Thị hiện vào sanh tử.
Hiện tại người tu hành
Và chúng sanh đời sau
Siêng đoạn các ái kiến
Trở về Đại Viên Giác.

Giảng:

Bài trùng tụng này đức Phật dạy chúng ta tu hành thì phải đoạn yêu ghét và tham sân si mới được giải thoát. Vì vậy phải cầu minh sư khai ngộ, rồi y theo hạnh nguyện của Bồ-tát mà đoạn dứt hai chướng và cầu được an trụ nơi đại Niết-bàn của Phật.

Các vị Bồ-tát ở mười phương đều do lòng đại bi, phát nguyện thị hiện trong sanh tử trần lao, không sợ ô nhiễm không ngại gian lao, để độ chúng sanh dứt hết ái hoặc, trở về với tánh viên giác.

Tóm lại, chúng ta chỉ cần nhớ những câu hỏi trong chương này là hiểu trọn được ý nghĩa.

1. Cái gì là cội gốc của luân hồi sanh tử?

- Ái dục là cội gốc của luân hồi sanh tử.

2. Trong luân hồi sanh tử có bao nhiêu loài?

- Có hai mươi lăm loài, nghĩa là mười nghiệp ác cộng mười nghiệp thiện, cộng năm ấm mà sanh ra hai mươi lăm loài.

3. Có bao nhiêu chủng tánh?

- Có năm chủng tánh sai biệt.

4. Bồ-tát vào thế gian có bao nhiêu thứ phương tiện?

- Do lòng đại bi phát nguyện vào trong thế gian để độ chúng sanh.

Chúng ta hiểu rõ bốn câu hỏi và lời đáp của đức Phật thì thâm nhập được phần này.

CHƯƠNG VI

BỒ-TÁT THANH TỊNH TUỆ THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghì sự, bản sở bất kiến bản sở bất văn, ngã đẳng kim giả mông Phật thiện dụ, thân tâm thái nhiên đắc đại nhiêu ích.

Dịch:

Lúc bấy giờ Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghì như thế, từ trước chưa từng thấy

từ trước chưa từng nghe, ngày nay chúng con nhờ Phật khéo dẫn dụ, thân tâm thơ thới được lợi ích lớn.

Giảng:

Chương này là chương Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ, ngài hỏi vì muốn cho tất cả chúng ta có trí tuệ thanh tịnh biết rành rẽ, không còn bị mờ ám không còn bị nghi ngờ. Sau khi Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ tán thán đức Phật, ngài mới đặt câu hỏi:

Âm:

Nguyện vị nhất thiết chư lai pháp chúng trùng tuyên Pháp vương viên mãn giác tánh, nhất thiết chúng sanh cập chư Bồ-tát, Như Lai Thế Tôn sở chứng sở đắc vân hà sai biệt? Linh mạt thế chúng sanh văn thử thánh giáo, tùy thuận khai ngộ tiệm thứ năng nhập.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Xin Thế Tôn vì các chúng đến nghe pháp, nói lại tánh giác viên mãn của đấng Pháp vương và sở chứng sở đắc của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật sai biệt như thế nào? Khiến cho tất cả chúng sanh đời sau nghe được thánh giáo này, tùy thuận khai ngộ, dần dần vào được tánh giác.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo sát đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ chỉ hỏi một câu duy nhất thôi. Bồ-tát này trí tuệ thanh tịnh nên ngài yêu cầu đức Phật lặp lại về tánh giác viên mãn của Như Lai và chỗ tu chứng của chúng sanh, Bồ-tát và chư Phật khác nhau như thế nào? Nghĩa là căn cứ trên tánh viên giác thì chúng sanh, Bồ-tát và Phật tu có sai biệt không? Tại sao căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là Phật, căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là Bồ-tát cũng căn cứ vào tánh giác đó mà gọi là chúng sanh? Mong Phật chỉ cho những người tu sau này biết để tu hành khỏi lầm lẫn. Nếu chúng ta quyết chí tu cầu giải thoát thì câu hỏi này thật hệ trọng, bởi vì trong khi tu mà không biết mình tới đâu, được ít cho là đủ hay được chút ít tự cho đã viên mãn Phật quả, đó là cái bệnh.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị mạt thế chúng sanh, thỉnh vấn Như Lai tiệm thứ sai biệt. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Thanh Tịnh Tuệ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng, mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về

thứ lớp tu chứng sai biệt. Bây giờ các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.

Giảng:

Đức Phật khen Bồ-tát Thanh Tịnh Tuệ vì chúng sanh đời sau đã khéo hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai biệt, và dạy ngài cùng đại chúng hãy im lặng lắng nghe đức Phật giảng dạy.

Âm:

Thiện nam tử, viên giác tự tánh, phi tánh tánh hữu, tuần chư tánh khởi, vô thủ vô chứng, ư thật tướng trung thật vô Bồ-tát cập chư chúng sanh. Hà dĩ cố? Bồ-tát chúng sanh giai thị huyễn hóa, huyễn hóa diệt cố vô thủ chứng giả. Thí như nhãn căn bất tự kiến nhãn, tánh tự bình đẳng, vô bình đẳng giả.

Dịch:

Này thiện nam, tánh viên giác "phi tánh tánh hữu" tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng, trong tướng chân thật không có Bồ-tát và chúng sanh. Vì cớ sao? Vì Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa, khi tướng huyễn hóa diệt rồi thì không có người chứng và quả được chứng. Thí như con mắt không tự thấy con mắt, tánh tự bình đẳng không cần người làm bình đẳng.

Giảng:

Phi tánh tánh hữu ý tương tự với bài kệ đức Phật truyền pháp cho tôn giả Ma-ha Ca-diếp *Pháp bản pháp vô pháp*[1] trong Sử 33 Vị Tổ Ấn Hoa.

Tự tánh viên giác phi tánh tánh hữu. Phi tánh nghĩa là tánh viên giác không có đặc tánh riêng nên nói là "phi tánh", nhưng nó không phải là không ngơ nên nói là "tánh hữu." Vì tánh viên giác không cố định nên nói tùy theo tánh mà khởi. Trong mỗi người chúng ta ai cũng có tánh viên giác, cho nên nói viên giác tự tánh song không cố định. Nếu tánh viên giác cố định trước sau như một thì ai cũng là Phật hết. Nhưng vì tánh viên giác không ở nguyên vị thể của nó, nên mới tùy duyên lành thì hiện ra trời người, Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, theo duyên ác thì sanh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Bởi tùy duyên sanh ra các chủng tánh nên chủng tánh không cố định, tạm có không thật. Vì là tướng giả không thật nên khi buông xả hết các giả tướng ấy hằng sống với thể viên giác bình đẳng thì có gì gọi là chứng là giữ? Nên nói *tùy theo các tánh mà khởi, không thủ không chứng.*

Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Bởi tánh viên giác vốn không có cái gìn giữ cố định, nên nó

---

[1] Pháp bản pháp vô pháp,
Vô pháp pháp diệc pháp.
Kim phó vô pháp thời,
Pháp pháp hà tằng pháp.

theo duyên nghiệp mà thành ra các tánh sai biệt, như chủng tánh phàm phu là trời, người, a-tu-la, súc sanh... hay chủng tánh thánh như Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát v.v... Những chủng tánh sai biệt đó do tùy duyên tùy nghiệp giả có không thật, chỉ là tướng duyên hợp như huyễn như hóa nên nói không có Bồ-tát và chúng sanh. Nếu buông hết các tướng không thật trở lại thể tánh viên giác bình đẳng, thì cái thể đó không thủ không chứng. Vì cái thể bình đẳng sẵn có nơi mình, chỉ cần trở về là tự đầy đủ, đâu cần phải thêm bớt mà có chứng có giữ. Cho nên nói những cái huyễn hóa diệt rồi thì không thủ không chứng.

Trên viên giác thì đâu có cái nào mê cái nào ngộ. Người thức tỉnh mình có tánh viên giác sống trở lại thì gọi đó là ngộ, là Bồ-tát. Còn quên mất là mê, là chúng sanh. Tự tánh viên giác không có mê ngộ, không có quên nhớ. Không có mê ngộ thì làm sao có Bồ-tát, có chúng sanh. Nên Bồ-tát và chúng sanh đều là tướng huyễn hóa. Tôi nêu một thí dụ nhỏ cho quý vị rõ. Thí dụ chúng ta có cái nhà hay cái chùa, trong đó có hai người. Người từ chùa đó đi ra, đi mãi đi mãi không trở về, lang thang từ năm này đến năm nọ. Họ quên mất đường về, đó là người mê. Còn người đi ra một lúc chợt nhớ: À, mình có chùa sao lại phải lang thang thế này! Rồi họ trở về. Khi nhớ trở về thì người đó tỉnh. Nhưng đối với cái chùa có hai cái nhớ và quên không? Chỉ tại người đi luôn là quên, người trở lại gọi là nhớ. Quên hay nhớ đối với cái chùa không có nghĩa gì hết.

Phật đưa ra thí dụ, như mắt chúng ta thấy tất cả mọi vật, và chỉ thấy được ảnh của mắt là nhờ cái gương

ở ngoài mắt, chứ mắt chúng ta không tự thấy mắt chúng ta. *Tánh tự bình đẳng không cần người làm cho bình đẳng*. Tại sao vậy? Thí dụ như mặt biển khi chưa dấy sóng thì gọi là mặt biển lặng bằng phẳng, khi dấy sóng rồi mặt biển động không còn bằng nữa. Một lát lặng sóng mặt biển trở lại bằng. Như vậy cái bằng phẳng là sau khi dấy động rồi nó lặng xuống, nó bằng phẳng. Danh từ bằng phẳng là đối với khi nó lồi lõm dấy động. Còn nếu nguyên nó thủy chung như vậy thì bằng phẳng cái gì? Tánh viên giác trước sau như một không có gì đổi thay thì có gì nói bình đẳng. Tánh viên giác vốn tự bình đẳng không đợi người làm cho bình đẳng, nó tùy duyên hiện ra các pháp mà không thủ không chứng. Vì khi chúng ta không đuổi theo các tướng huyễn hóa, thể nhập tánh viên giác bình đẳng thì tánh viên giác chính là mình, nó không ở ngoài mình thì còn gì chứng còn gì thủ?

Tóm lại, trước khi chỉ sự tu hành theo tánh viên giác, đức Phật chỉ cho chúng ta biết rõ nguyên tánh viên giác không cố định là tánh gì, nhưng không phải không ngơ, do tùy duyên huân tập mà thành tánh phàm phu hay tánh thánh. Khi chúng ta buông hết những chủng tánh hư vọng sai biệt ấy, trở về với thật tướng viên giác thì không thủ không xả, thấy tướng chúng sanh và Bồ-tát đều như huyễn như hóa.

Âm:

Chúng sanh mê đảo, vị năng trừ diệt nhất thiết huyễn hóa, ư diệt vị diệt, vọng công dụng trung tiện hiển sai biệt. Nhược đắc Như Lai tịch diệt tùy thuận, thật vô tịch diệt cập tịch diệt giả.

Dịch:

Chúng sanh vì mê muội điên đảo, chưa diệt trừ tất cả pháp huyễn hóa, đối với pháp đáng diệt mà chưa diệt, nên trong vọng dụng công phu, liền hiển bày sai biệt. Nếu tùy thuận tịch diệt Như Lai thì thật không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt.

Giảng:

Phật nói rằng bởi chúng sanh mê cho nên điên đảo. Từ điên đảo đó nên chưa thể trừ diệt được tất cả huyễn hóa. Điên đảo của phàm phu là ngay nơi thân huyễn hóa vô thường này mà cứ nghĩ đó là thường. Mạng sống chỉ có trong hơi thở, nhưng có ai dám nói mạng sống mình trong hơi thở. Nếu đang ba mươi thì nghĩ ngắn lắm cũng sáu mươi tuổi mới chết. Người năm mươi thì nghĩ ngắn lắm bảy mươi tuổi mới chết. Ít nhất cũng có hai mươi năm để cho mình có cái gì hứa hẹn. Chứ nếu gần quá thì buồn. Đó là điên đảo số một.

Rồi tới cái điên đảo thứ hai là thân bất tịnh mà tưởng là tịnh. Lúc nào chúng ta cũng nghĩ mình là đẹp, mình là sạch. Thân ô uế bất tịnh mà tưởng là tịnh nên khi người ta nói khác đi, chê chúng ta dơ hôi thì chúng ta tức lên vì trái với cái tưởng của mình. Như vậy không điên đảo là gì?

Đến cái thứ ba là thọ khổ mà tưởng là lạc. Lãnh thọ là cảm giác khi mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng v.v... tất cả lãnh thọ đó đều là khổ mà mình lại tưởng là vui. Như ăn món ngon cho là vui,

nghe tiếng nhạc cho là vui, thấy cảnh đẹp cho là vui v.v... Tất cả những cái đó chúng ta cho là vui nên cứ mãi đuổi theo. Giả sử có một cái vui nào đó cứ còn mãi với chúng ta, liệu chúng ta có vui không? Thí dụ như có người ghiền sầu riêng, họ cho được ăn sầu riêng là ngon, là vui. Bây giờ có người tặng cho họ hai ba chục trái sầu riêng ăn hoài, sáng ăn trưa ăn chiều ăn thì còn vui không? Nghe nhạc cũng vậy, nhạc hay mà giờ nào cũng nghe bên tai hoài còn vui không? Tất cả những cái vui đó là vui trong vô thường tạm bợ, đâu có thật là vui. Vậy mà người thế gian tưởng đó là vui, cứ đuổi theo. Nhưng được rồi là nó mất, mất rồi tìm nữa, cứ như vậy cả cuộc đời trong vô thường mà không hay. Đó là thọ khổ mà cứ tưởng là lạc.

Rồi thân vô ngã mà tưởng là ngã - ngã tức là chủ tể, là thường còn, là thuần nhất. Về vật chất thì thân này thay đổi từng tế bào, về tinh thần thì tâm này niệm niệm sanh diệt. Hai cái đó là dòng sanh diệt đổi thay mà chúng ta tưởng là thường, tưởng là chủ tể nên cho là ngã. Cái vô thường biến đổi mà cho là thường là thật, đó là điên đảo thứ tư.

Bốn cái điên đảo đó gọi là điên đảo phàm phu. Chúng ta chấp những điên đảo đó không dám bỏ nên không thể trừ được tất cả huyễn hóa. Vì không trừ được huyễn hóa nên không thể chứng được quả Bồ-đề. Vì vậy Phật bảo chúng ta phải thấy rõ cái huyễn hóa đó, chúng ta không mê không lầm nó nữa thì mới có thể trừ diệt được điên đảo.

Hiện tại chúng ta còn vô minh chấp ngã, chấp pháp, lúc khởi niệm này lúc khởi niệm kia lăng xăng lộn xộn, nên tôi khuyên quý vị tu biết vọng, vọng tưởng khởi biết nó là không thật thì buông, đó là dụng vọng công phu. Người nào bỏ lâu ngày thì vọng tưởng còn ít, gọi người đó tu khá, người nào mới tu vọng tưởng nhiều thì nói tu còn dở. Có khá có dở là căn cứ trên cái vọng dụng công phu sai biệt mà nói, chứ nó không thật. Vì chúng ta ở trong vòng tương đối chưa buông được pháp huyễn hóa, nên ở trên cái vọng dụng công phu mà dẹp nó, liền thấy có sai biệt.

Nếu thể nhập được tánh viên giác tịch diệt Như Lai rồi thì không còn thấy một pháp nào cả, huống là có cảnh tịch diệt và người tịch diệt. Tức là tu đến chỗ này không còn thấy hai pháp đối đãi nữa. Giống như bức tranh thứ tám trong Thập Mục Ngưu Đồ là một vòng tròn không có người chăn và trâu để chăn. Nếu còn thấy cảnh tịch diệt và người tịch diệt là còn thấy hai. Tu tới đây quý vị mới thấy hiện tại chúng ta tu đều nằm trong vòng đối đãi. Khi tu thì nói: "Tôi ráng tu làm sao cho được nhập Niết-bàn." Hỏi ai nhập? Tôi nhập. Thế là có người nhập Niết-bàn và có cảnh giới Niết-bàn để nhập. Như vậy Niết-bàn là cảnh mình là người, giống hệt như tôi tu để về Cực lạc, có cảnh Cực lạc và người về Cực lạc, còn năng còn sở, còn hai cái đối đãi. Nếu nói tu mà không còn có cảnh có người thì chán lắm buồn lắm, cho nên khi nghe nói tới chỗ cứu cánh không còn năng không còn sở, không còn người không còn cảnh thì cảm thấy khó hiểu. Chứ nếu nói cảnh giới Niết-bàn đẹp đẽ rực rỡ, vào đó thật là sung sướng, nghe như vậy chúng ta mới ham

mới tu. Cũng như nói về Cực lạc, ở đó toàn là vàng ròng, được ăn bát báu, được đi chơi, không làm mà tự nhiên có ăn, đủ thứ sung sướng, ham quá cho nên thích tu. Còn ở đây nói không có cảnh tịch diệt và người tịch diệt, thật là buồn. Vì sao? Vì chúng ta tu là mong đạt một cái gì đó, đa số là tu vì bản ngã. Chúng ta tu hành đời này cực khổ là mong đời sau được sung sướng hơn. Nếu tu mà không nói đời sau ra sao thì buồn lắm không thể tu được. Như vậy chúng ta tu là tu vì bản ngã, mà bản ngã là kiến chấp lầm lẫn nên chúng ta mới đi trong sanh tử luân hồi. Bây giờ nếu chúng ta cũng tu theo bản ngã thì không bao giờ hết luân hồi, nhưng luân hồi xấu hay luân hồi tốt, cũng như giấc mộng lành giấc mộng dữ vậy thôi.

Giờ đây, chúng ta phải tỉnh hẳn, hết mộng mới thật là vui. Còn mộng dù lành hay dữ cũng là mộng. Kiếp người ba mươi năm hay năm mươi năm, thoáng qua nhớ lại không phải mộng là gì? Nếu thật thì nó không mất, mà nó mất thì làm sao nói thật? Như vậy để chúng ta thấy rõ chủ yếu giải thoát sanh tử luân hồi là sống được với tánh viên giác của mình. Khi sống được với tánh viên giác rồi thì không còn năng sở nữa, vì tánh viên giác là mình thì không có ai năng và cái gì là sở. Nếu còn có cảnh Niết-bàn để chứng thì Niết-bàn là sở, người tu là năng, ấy là còn đối đãi nên khi nhập được tánh viên giác thì không còn thấy có mình và có tánh viên giác là hai. Vì vậy nên nói không thủ không chứng để chúng ta tu không mong thủ chứng. Lý Viên giác thật là thâm sâu, người học mà không tập sống thì đọc tới đoạn này thấy rối rắm khó hiểu.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai do vọng tưởng ngã cập ái ngã giả, tằng bất tự tri niệm niệm sanh diệt, cố khởi tắng ái, đam trước ngũ dục.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ do vọng tưởng ngã và ái ngã, chẳng từng tự biết niệm niệm sanh diệt cho nên khởi yêu ghét và đam mê ngũ dục.

Giảng:

Đức Phật nhắc lại cho tất cả chúng ta thấy, từ vô thủy đến nay do vọng tưởng chấp ngã là thật rồi ái ngã, cho nên chưa từng biết thân tâm của mình đổi thay từng phút từng giây. Thân tâm mình đổi thay từng phút từng giây, vậy mà không dám nói nó đổi thay, vì sợ đổi thay rồi sẽ mau mất. Ở thế gian, chúng ta gạt nhau mà cũng hài lòng trong cái gạt gẫm đó. Chúng ta luôn luôn tránh né sự thật. Thí dụ khi thấy anh B mập phì ra mà không dám quở, bèn nói tránh: "Chà! Lúc này coi bộ anh phát tướng quá!" Nghĩa là lúc nào cũng sợ không dám nói lẽ thật, nói thật sợ lỡ họ đau rồi chết, đủ thứ sợ! Còn thấy người kia ốm quá cũng không dám quở nữa, sợ họ mất thần. Nói tóm lại lúc nào chúng ta cũng nơm nớp sợ cái ngã này bị bại hoại đổi thay. Tại sao vậy? Vì yêu nó quá, cho nên nói đến sự bại hoại đổi thay của nó là hồi hộp lo sợ. Vì vậy, ở đây Phật mới nói do vọng tưởng về ngã

rồi ái ngã, chưa từng biết mỗi niệm sanh diệt đổi thay. Nếu chúng ta nhận rõ sự đổi thay sanh diệt này thì coi nó không ra gì hết. Vì chúng ta yêu nó quá cho nên không dám thừa nhận sự bại hoại đổi thay của nó. Khi thấy đầu bạc răng rụng là chúng ta buồn, vì yêu ngã quá nên ngã bại hoại đổi thay là khổ đau.

Nghiệm cho kỹ mới thấy cái chấp ngã của chúng ta thật là lạ lùng: cái hằng đổi thay mà lúc nào cũng sợ đổi thay. Nếu chúng ta biết đổi thay như thật là đã có tỉnh rồi. Chúng ta không dám nhìn cái đổi thay đó là tại vì chúng ta mê. Vì vậy, người đời không bao giờ dám nói lên sự thật. Nói sự thật người đời cho là chán đời yếm thế, cho nên lúc nào cũng nói gạt nhau "cuộc đời là hạnh phúc, là an vui." Dùng những danh từ cho đẹp, cho kêu để đánh lừa nhau. Nhưng đối diện với sự thật thì nó chẳng hay chẳng đẹp gì cả. Nói đời là hạnh phúc mà tới nhà nào cũng thấy trán ông nhăn hai ba nếp, mặt bà đăm chiêu buồn bực, ít thấy người nào gương mặt thản nhiên tươi tỉnh, vậy mà lúc nào người đời cũng nói là hạnh phúc, an vui. Thử hỏi trong hiện tại có ai được hạnh phúc trọn ngày không? Hết bận tâm việc này tới bận tâm việc nọ, hết bực bội việc này đến bực bội việc kia. Như những chú bé lúc còn nhỏ nghĩ rằng ngày mai lớn lên có gia đình sẽ hạnh phúc. Nhưng khi có gia đình rồi phải vật lộn với cuộc sống để lo cho vợ con, cho gia đình, trăm thứ lo dồn dập, rồi đâm ra bực bội cau có. Như vậy hạnh phúc chỉ là cái ước mơ mà người ta tưởng là thật. Do vậy mà cuộc đời chúng ta chìm trong mê tối,

không dám thấy lẽ thật. Nếu có một người nào gan dạ nói thật thì chúng ta phiền trách người đó.

Đức Phật biết rõ bệnh của chúng ta là "ái ngã", do ái ngã cho nên khởi yêu ghét và chìm đắm trong ngũ dục. Hễ có được món ăn ngon là thỏa mãn vị dục, có cái áo đẹp là thỏa mãn xúc dục, có radio nghe nhạc hay là thỏa mãn thanh dục v.v... Lòng tham muốn không dứt, được cái này muốn cái kia, muốn mãi cho tới già chết mà không hay. Mọi người chúng ta ai cũng như ai đều gom góp những vật chất quý báu, để cung phụng cho cái thân này, lo cho nó từng ly từng tí, rốt cuộc rồi nó cũng rã mất. Quý vị nghĩ coi chúng ta có giống như dã tràng không? Cứ bươi cát vun lên rồi sóng ùa đến lôi đi mất, lại vun lên nữa rồi sóng lôi đi nữa. Chúng ta cung phụng bảo vệ thân này, cuối cùng có bảo vệ được đâu. Vậy mà cứ làm hoài hết đời này tới đời kia, hết đời kia tới đời nọ... không phải dã tràng xe cát là gì? Nhưng ít ai thấy cái vô lý đó, cứ như thế mà hài lòng rồi bảo nhau: "Con người sanh ra là phải như vậy!" Nếu chúng ta không tỉnh thì cứ loanh quanh mãi trong nẻo luân hồi!

Âm:

Nhược ngộ thiện hữu giáo linh khai ngộ tịnh viên giác tánh phát minh khởi diệt, tức tri thử sanh tánh tự lao lự.

Dịch:

Nếu gặp thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh viên giác thanh tịnh, thấy rõ sự sanh diệt, liền biết đời này tánh tự lao lự.

Giảng:

Lao là nhọc, lự là lo tính, biết được cái sanh diệt trong mình tức vọng tưởng sanh diệt. Cái vọng tưởng đó gọi là cái khởi diệt. Cái khởi diệt đó mình biết nó, biết nó là cái tánh tự lăng xăng suy nghĩ, không bao giờ an ổn... Chúng ta học đạo, nếu gặp được thiện hữu tri thức dạy cho khai ngộ tánh viên giác thanh tịnh, chúng ta mới thấy rõ niệm niệm khởi diệt từng phút từng giây ở nơi mỗi chúng ta. Lúc đó mới biết kiếp sống con người vốn là lăng xăng lộn xộn không an, sanh rồi diệt, diệt rồi sanh... có đó rồi mất đó, nó giả dối, chẳng có gì thật để chúng ta bám vào đó rồi hài lòng với nó suốt cả cuộc đời.

Âm:

Nhược phục hữu nhân lao lự vĩnh đoạn đắc pháp giới tịnh, tức bỉ tịnh giải vi tự chướng ngại, cố ư viên giác nhi bất tự tại. Thử danh phàm phu tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Lại nếu có người hằng đoạn các lao lự thì ngộ được pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh viên giác chưa được tự tại, vì còn bị "cái biết tịnh" làm chướng ngại, những người ấy gọi là phàm phu tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Nếu có người ngay cái lăng xăng lộn xộn đó mà đoạn diệt thì lúc đó được cảnh giới thanh tịnh. Có đoạn

có được nên cái thanh tịnh giải của người đó tự chướng ngại, bởi vì bên đây là đoạn bên kia là chứng, đoạn lao lự và chứng pháp giới định thì người đó đối với tánh viên giác chưa được tự tại. Khi chúng ta tu gặp thầy bạn chỉ dạy ngộ được tánh viên giác, chúng ta mới biết thân tâm này, cuộc sống này là cái sanh diệt lao xao, không bền vững, nên liền dụng tâm tu đoạn được cái lao xao ấy. Khi cái sanh diệt lao xao hết, chúng ta thấy được pháp giới thanh tịnh, nhưng lại chấp vào cảnh thanh tịnh đó, ấy là tự làm chướng ngại tánh viên giác. Tôi thường nhắc quý vị vọng tưởng là cái lao xao chợt hiện chợt mất làm nhiễu loạn tâm người, bây giờ chúng ta buông vọng tưởng, vọng tưởng vừa lặng, ở chỗ lặng lẽ chúng ta hài lòng ngang đó là chướng ngại. Nên gọi là phàm phu tùy thuận tánh viên giác, vừa thấy được vọng tưởng lặng bèn hài lòng nên bị kẹt vào chỗ lặng lẽ thanh tịnh đó.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết Bồ-tát, kiến giải vi ngại, tuy đoạn giải ngại, do trụ kiến giác giác ngại vi ngại nhi bất tự tại. Thử danh Bồ-tát vị nhập địa giả tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả Bồ-tát bị kiến giải làm ngại, tuy đã đoạn được cái ngại của kiến giải nhưng vẫn còn trụ ở kiến giác, do kiến giác làm ngại nên không tự tại. Những vị này gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Đây là Bồ-tát hàng tam hiền tức là Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng. Những vị Bồ-tát ấy bị kiến giải làm ngại, tức là còn thấy có cảnh để mình tu, có quả để mình chứng, nên tuy đoạn được cái ngại của kiến giải mà vẫn còn thấy có cái kiến giác tức là thấy cái giác của mình, cho nên bị nó làm chướng ngại không tự tại. Bồ-tát chưa nhập địa tức là chưa bước vào Sơ địa, gọi là tam hiền. Đó gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác, nhưng những vị này hơi xa với chúng ta.

Âm:

Thiện nam tử, hữu chiếu hữu giác câu danh chướng ngại, thị cố Bồ-tát thường giác bất trụ, chiếu dữ chiếu giả đồng thời tịch diệt, thí như hữu nhân tự đoạn kỳ thủ, thủ dĩ đoạn cố vô năng đoạn giả. Tắc dĩ ngại tâm tự diệt chư ngại, ngại dĩ đoạn diệt vô diệt ngại giả. Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ, nhược phục kiến nguyệt, liễu tri sở tiêu tất cánh phi nguyệt. Nhất thiết Như Lai chủng chủng ngôn thuyết khai thị Bồ-tát diệc phục như thị. Thử danh Bồ-tát dĩ nhập địa giả tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, còn chiếu còn giác đều còn chướng ngại, thế nên Bồ-tát thường giác mà chẳng trụ, năng chiếu và sở chiếu đồng thời vắng lặng. Ví như có người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì không có người chặt đầu (năng đoạn). Thế thì dùng tâm chướng ngại diệt các chướng ngại,

khi chướng ngại đoạn diệt hết thì không còn người diệt chướng ngại. Kinh giáo như ngón tay chỉ mặt trăng, nếu thấy được mặt trăng thì biết rõ ngón tay rốt ráo không phải là mặt trăng. Tất cả ngôn giáo của Như Lai khai thị cho Bồ-tát cũng như thế. Đây gọi là Bồ-tát đã nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Bồ-tát đã nhập địa là những vị Bồ-tát từ Sơ địa trở lên tới Thập địa, các ngài thấy còn chiếu còn giác là còn chướng ngại. Vì còn có vọng niệm để chúng ta giác, còn có vọng niệm để chúng ta chiếu thì vọng niệm là sở, giác chiếu là năng, chưa thuần thanh tịnh. Chiếu tức là dùng trí của mình để chiếu soi, dùng trí của mình để tỉnh giác. Còn dùng trí để chiếu vật, chiếu tâm thì còn dụng công. Còn dụng công là còn ngại. Ở đây những vị Bồ-tát này *thường giác mà không trụ*, nghĩa là thường giác mà không trụ tâm, không cố kềm trong tánh giác nữa cho nên giác một cách tự tại. Năng chiếu và sở chiếu đồng thời diệt hết, lúc đó được tịch tịnh không còn thấy đối đãi nữa. Tới chỗ đó cũng giống như người tự chặt đầu mình, khi cái đầu đã chặt rồi thì đâu có năng có sở, đâu có người hay chặt và kẻ bị chặt. Khi phá được cái năng sở rồi thì tâm chướng ngại nó tự diệt. Khi các chướng ngại diệt hết thì cũng không còn người diệt chướng ngại nữa.

Như vậy do dùng tâm ngại mà tự diệt các ngại, tức là do chúng ta dùng cái tâm thấy được các pháp ngại đó, rồi xả bỏ hết không còn ngại nữa, nên phá hết không còn các ngại. Các ngại đã đoạn hết rồi thì không còn cái năng diệt các ngại. Khi tự mình lấy cái tâm diệt ngại đó,

diệt rồi xả luôn tâm diệt ngại nên diệt rồi không còn năng và sở. Tới chỗ này mới thấy kinh điển Phật dạy như ngón tay chỉ mặt trăng. Thường chúng ta tu thì mình là người hay tu và pháp của Phật là pháp để mình tu, tới đây Bồ-tát phải thấy rõ pháp mình tu là phương tiện như ngón tay chỉ mặt trăng, nhân ngón tay mà thấy mặt trăng chứ đừng chấp ngón tay là mặt trăng. Như vậy để thấy kinh điển là phương tiện, ngộ mới là cứu cánh, nếu thấy mặt trăng rồi thì ngón tay vô nghĩa. Cũng vậy, kinh điển giúp cho chúng ta ngộ được tánh viên giác. Khi ngộ rồi, kinh điển chỉ là phương tiện bên ngoài thôi, không còn quan trọng nữa. Đây gọi là Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, nhất thiết chướng ngại tức cứu cánh giác, đắc niệm thất niệm vô phi giải thoát, thành pháp phá pháp giai danh Niết-bàn, trí tuệ ngu si thông vi Bát-nhã, Bồ-tát ngoại đạo sở thành tựu pháp đồng thị Bồ-đề, vô minh chân như vô dị cảnh giới, chư giới định tuệ cập dâm nộ si câu thị Phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng nhất pháp tánh, địa ngục thiên cung giai vi tịnh độ, hữu tánh vô tánh tề thành Phật đạo. Nhất thiết phiền não tất cánh giải thoát, pháp giới hải tuệ chiếu liễu chư tướng do như hư không. Thử danh Như Lai tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, tất cả chướng ngại tức là cứu cánh giác, chánh niệm thất niệm đều là giải thoát,

giữ giới phá giới đều là Niết-bàn, trí tuệ ngu si đều là Bát-nhã, pháp của Bồ-tát và ngoại đạo thành tựu đồng là Bồ-đề, vô minh chân như đồng một cảnh giới, giới định tuệ và dâm nộ si đều là phạm hạnh, chúng sanh quốc độ đồng một pháp tánh, địa ngục thiên cung đều là tịnh độ, hữu tình vô tình đều thành Phật đạo. Tất cả phiền não là giải thoát rốt ráo, vì biển tuệ pháp giới soi rõ các tướng như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh viên giác.

Giảng:

Chư Phật khi thể nhập tròn đầy trong tánh giác rồi thì lúc đó không một pháp nào ở ngoài tánh giác, tất cả chỉ là một tâm nhất như bình đẳng. Còn chúng ta bây giờ có phân biệt nên tâm có sai biệt, có hơn có thua, có cao có thấp; nếu trở về được tánh viên giác tròn đầy thì tất cả sai biệt đó đều bình đẳng hết. Phật nói chúng sanh lâu nay đã thành Phật, còn chúng ta thấy Phật khác chúng sanh khác, phàm khác thánh khác, ngu khác trí khác. Chúng ta luôn luôn thấy có sai biệt vì do tâm vọng tưởng sai biệt nhìn trên giả tướng, còn chư Phật nhập được pháp thân tròn đầy nên nhìn trên pháp tánh. Mắc kẹt trên tướng nhiều chừng nào thì phân biệt nhiều chừng nấy, bớt chạy theo tướng thì phân biệt theo đó mà bớt. Bớt phân biệt thì gọi là hàng Hiền, bớt nhiều gọi là hàng Thánh, không còn theo phân biệt thì gọi là Phật bình đẳng nhất như. Như vậy sự tu là dứt tâm thấy hai, cho nên nói rằng đến chỗ cứu cánh là bình đẳng không hai.

Như Lai tùy thuận tánh viên giác tức là tới chỗ không còn thấy có bên này hay bên kia dở, không còn thấy cái này là giác cái kia là mê, cái này là ngu cái kia là trí. Nghĩa là khi thấy được tánh chân thật không hai không khác, trên cái không hai không khác đó mà được thành tựu viên mãn rồi thì gọi là tùy thuận tánh viên giác Như Lai, đến chỗ này là vượt lên trên tất cả những cái đối đãi giữ giới phá giới, trí ngu, thiên đàng địa ngục, phiền não Niết-bàn v.v... Thấy biết như vậy gọi là cái thấy biết của chư Phật, cho nên gọi là chư Phật tùy thuận tánh giác.

Âm:

Thiện nam tử, đản chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, cư nhất thiết thời bất khởi vọng niệm, ư chư vọng tâm diệc bất tức diệt, trụ vọng tưởng cảnh bất gia liễu tri, ư vô liễu tri bất biện chân thật. Bỉ chư chúng sanh văn thị pháp môn, tín giải thọ trì bất sanh kinh úy. Thị tắc danh vi tùy thuận giác tánh.

Dịch:

Này thiện nam, các vị Bồ-tát và những chúng sanh đời sau ở trong tất cả thời chẳng khởi vọng niệm, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở cảnh vọng tưởng mà không thêm phân biệt, đối với cái không hiểu biết chẳng biện chân thật, các chúng sanh kia nghe được pháp môn này tin hiểu thọ trì không sanh kinh sợ. Ấy gọi là tùy thuận tánh giác.

Giảng:

Người mà tin lời dạy này thì ở trong tất cả thời không khởi vọng tưởng phân biệt, đối với vọng tâm cũng không cần dứt trừ, ở trong cảnh vọng tưởng cũng không thêm phân biệt. Ví như thấy cảnh này là cảnh giả, nghe âm thanh là giả nhưng không khởi thêm niệm phân biệt; thấy là thấy, nghe là nghe. Đối với cái không hiểu biết cũng không nói chân hay vọng. Cụ thể hơn, như thấy cành hoa là biết cành hoa, không thêm cái hiểu biết thật giả gì về cành hoa. Những chúng sanh đó nghe pháp môn này thì tin hiểu thọ trì không kinh sợ, còn người nào không tin như vậy thì kinh sợ, vì nghe nói không năng không sở là sợ lắm. Ấy gọi là tùy thuận tánh viên giác.

Phật ban đầu chia ra phàm phu tùy thuận tánh viên giác, Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh viên giác, Bồ-tát nhập địa tùy thuận tánh viên giác và chư Phật tùy thuận tánh viên giác, rồi đến người cuối cùng này cho chúng ta thấy rằng tinh thần kinh Viên Giác chỉ thẳng phương pháp đốn ngộ. Phương pháp đốn ngộ này chư tổ hằng truyền bá, bảo chúng ta hằng giờ, hằng phút, hằng giây sống đúng với tinh thần thiền là không chạy theo phân biệt ngoại cảnh. Đối cảnh mắt thấy tai nghe nhưng không duyên lự theo cảnh là trở về tánh giác không khó khăn gì. Như vậy, hiện giờ chúng ta tập tu có tùy thuận tánh viên giác không? Các vị thiền sư hai mươi bốn giờ trong một ngày đêm không khởi niệm, các ngài có tùy thuận tánh viên giác không? Như ngài Triệu Châu sử dụng được hai mươi bốn giờ trong ngày,

như thế là trong tất cả thời không có vọng tưởng, đối với các vị ấy có cần nói tu hành không? Nếu nói các ngài tu hành là họa. Vì vậy ở đây Phật nói, đối với vọng tâm cũng không cần đoạn diệt. Đối với những người đã thật sống với lý thiền thì khi nghe pháp môn Viên giác này không thấy khó.

Âm:

Thiện nam tử, nhữ đẳng đương tri! Như thị chúng sanh dĩ tằng cúng dường bá thiên vạn ức hằng hà sa chư Phật cập đại Bồ-tát, thực chúng đức bản, Phật thuyết thị nhân danh vi thành tựu nhất thiết chủng trí.

Dịch:

Này thiện nam, các ông nên biết, những chúng sanh như thế đã từng gieo trồng cội gốc công đức, cúng dường trăm ngàn muôn ức chư Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng. Phật nói người này sẽ thành tựu nhất thiết chủng trí.

Giảng:

Câu *kiến tánh thành Phật* của Thiền với đoạn kinh này không có khác. Người nào thực hiện đúng với tinh thần của nhà thiền dạy, trong buông tất cả vọng tưởng, ngoài thấy tất cả cảnh đều hư dối, không thêm một niệm, cũng không phân biệt đây là giả kia là chân, hằng sống được như vậy thì người ấy tin hiểu pháp môn này không khó, vì người ấy đã gieo trồng vô lượng hằng hà sa công đức rồi. Ở đây Phật nói đã gieo trồng căn lành

nơi trăm ngàn muôn ức đức Phật và Bồ-tát nhiều như cát sông Hằng, chứ không phải ngẫu nhiên mà được như vậy. Bây giờ chúng ta mới tập chút chút theo cách sống đó thì chúng ta đã cúng dường được bao nhiêu đức Phật và Bồ-tát? Chúng ta mới tập làm, chắc cũng được cúng dường Phật bằng một hạt cát sông Hằng. Như vậy để thấy rằng người có duyên với Đại thừa đốn giáo này không phải ngẫu nhiên, mà đã có duyên hoặc nhiều hoặc ít, hoặc gần hoặc xa với Đại thừa rồi. Nếu ai đã hữu duyên gặp được pháp môn đốn giáo của Đại thừa thì cứ vững niềm tin tiến tu, sớm muộn gì cũng sẽ thành Phật.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Thanh Tịnh Tuệ đương tri!
Viên mãn Bồ-đề tánh,
Vô thủ diệc vô chứng,
Vô Bồ-tát chúng sanh.
Giác dữ vị giác thời,
Tiệm thứ hữu sai biệt,
Chúng sanh vi giải ngại,
Bồ-tát vị ly giác.
Nhập địa vĩnh tịch diệt
Bất trụ nhất thiết tướng,
Đại giác tất viên mãn
Danh vi biến tùy thuận.

Mạt thế chư chúng sanh
Tâm bất sanh hư vọng,
Phật thuyết như thị nhân
Hiện thế tức Bồ-tát.
Cúng dường hằng sa Phật,
Công đức dĩ viên mãn,
Tuy hữu đa phương tiện,
Giai danh tùy thuận trí.

Dịch:

Lúc bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Thanh Tịnh Tuệ nên biết:
Tánh Bồ-đề viên mãn,
Không thủ cũng không chứng,
Không Bồ-tát chúng sanh.
Giác cùng với chưa giác,
Thứ lớp có sai biệt,
Chúng sanh vì giải ngại,
Bồ-tát chưa lìa giác.
Nhập địa hằng vắng lặng
Không trụ tất cả tướng,
Viên mãn quả đại giác
Gọi là tùy thuận khắp.
Những chúng sanh đời sau

Tâm không sanh hư vọng,
Phật gọi người như thế
Hiện đời là Bồ-tát.
Cúng dường hằng sa Phật,
Công đức đã viên mãn,
Tuy có nhiều phương tiện,
Đều gọi trí tùy thuận.

Giảng:

Bài trùng tụng này đức Phật dạy: Nếu những vị nào còn có kiến giải làm ngại và cái giác làm ngại thì gọi là Bồ-tát chưa nhập địa tùy thuận tánh giác. Những vị không còn bị kiến giải làm chướng ngại thì tâm được lặng lẽ vì không còn mắc kẹt trên tướng, đây là Bồ-tát nhập địa. Còn đến quả vị Phật thì các ngài tùy thuận khắp tất cả. Nếu chúng sanh đời sau tâm không khởi vọng tưởng hư dối, Phật nói người như thế hiện đời là Bồ-tát. Người mà tâm không khởi vọng tưởng hư dối, không cần gọi Bồ-tát vị đó cũng là Bồ-tát rồi, vì vị đó đã trồng công đức hằng sa chư Phật. Tuy có nhiều pháp môn phương tiện nhưng tất cả đều tùy thuận tánh viên giác.

CHƯƠNG VII

BỒ-TÁT OAI ĐỨC TỰ TẠI THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Oai Đức Tự Tại Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng phân biệt như thị tùy thuận giác tánh, linh chư Bồ-tát giác tâm quang minh thừa Phật viên âm, bất nhân tu tập nhi đắc thiện lợi. Thế Tôn, thí như đại thành ngoại hữu tứ môn, tùy phương lai giả phi chỉ nhất lộ, nhất thiết Bồ-tát trang nghiêm Phật quốc cập thành Bồ-đề phi nhất phương tiện. Duy nguyện Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng tuyên thuyết nhất thiết phương tiện tiệm thứ, tinh tu hành nhân tổng hữu kỷ chủng? Linh thử hội Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh cầu Đại thừa giả, tốc đắc khai ngộ, du hý Như Lai đại tịch diệt hải.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Oai Đức Tự Tại ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, đã vì chúng con phân biệt rộng tùy thuận tánh giác như thế, khiến cho các Bồ-tát nương nơi viên âm của Phật mà tâm được sáng suốt, không nhân tu hành mà được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, ví như thành lớn ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào chẳng phải chỉ một đường, tất cả Bồ-tát trang nghiêm cõi Phật và thành Bồ-đề chẳng phải chỉ có một phương tiện. Cúi xin đức Thế Tôn rộng vì chúng con, tuyên nói tất cả phương tiện thứ lớp và người tu hành có bao nhiêu hạng, để cho Bồ-tát trong hội này và chúng sanh đời sau, người cầu Đại thừa mau được khai ngộ, dạo chơi trong biển đại tịch diệt Như Lai.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Oai Đức Tự Tại là biểu trưng nơi mình. Đức là chỉ cho bên trong sung túc, Oai là hiện tướng bên ngoài khiến người nể phục, trong có đầy đủ diệu đức nên hiện ra ngoài có những oai phong khiến người khác phải nể phục. Ở chương này Bồ-tát Oai Đức Tự Tại tự mình đã

biết pháp tu viên mãn rồi, nhưng vì thương chúng sanh đời sau căn cơ thấp kém, không thể nghe pháp đốn giáo liền nhập dễ dàng mà cần phải có phương tiện thứ lớp mới tiến tu được, nên ngài thị hiện đứng ra thưa hỏi để đức Phật chỉ rõ cho chúng sanh đời sau dễ tiến tu.

Ý của Bồ-tát Oai Đức Tự Tại hỏi rằng: Muốn thể nhập tánh viên giác có bao nhiêu thứ phương tiện và thứ lớp như thế nào? Sau đó ngài đưa ra một thí dụ là có một cái thành lớn ở ngoài có bốn cửa, người tùy theo mỗi phương mà vào, chẳng phải chỉ có một cửa một đường. Chẳng hạn như thành phố Sài Gòn, người ở miền Đông thì phải đi con đường từ miền Đông vào, người ở miền Tây thì phải đi con đường từ miền Tây vào, người ở miền Trung thì phải đi con đường từ miền Trung vào; mỗi người tùy theo chỗ của mình ở mà có những con đường vào khác nhau, chứ không phải cố định có một con đường vào Thành phố. Cũng như thế, muốn vào biển viên giác cũng có nhiều phương tiện để vào, bởi vì tất cả sự tu hành đều là phương tiện. Phương tiện nào đưa đến giác ngộ, phương tiện nào đưa đến giải thoát, đó là chủ yếu mà ngài Bồ-tát Oai Đức Tự Tại đứng ra thưa hỏi.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Oai Đức Tự Tại Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị phương tiện. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Oai Đức Tự Tại Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, vô thượng diệu giác biến chư thập phương xuất sanh Như Lai, dữ nhất thiết pháp đồng thể bình đẳng, ư chư tu hành thật vô hữu nhị. Phương tiện tùy thuận kỳ số vô lượng, viên nhiếp sở quy, tuần tánh sai biệt đương hữu tam chủng.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Oai Đức Tự Tại rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì các Bồ-tát và những chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về những phương tiện như thế. Ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Oai Đức Tự Tại vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng im lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, tánh viên giác vô thượng nhiệm mầu trùm khắp mười phương sanh ra Như Lai và tất cả pháp đồng thể bình đẳng, đối với sự tu hành thật không có hai. Song phương tiện tùy thuận thì vô lượng, gom hết trở về theo tánh sai biệt có ba thứ.

Giảng:

Đây Phật chỉ rõ đường tu hành để nhập tánh viên giác vô thượng nhiệm mầu thì không có hai, nhưng căn cứ vào phương tiện tùy thuận thì có vô lượng không thể kể hết, đứng trên chỗ sai biệt tạm nói có ba là Chỉ, Quán và Thiền.

Âm:

Thiện nam tử! Nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm, thủ tĩnh vi hạnh. Do trừng chư niệm, giác thức phiền động, tĩnh tuệ phát sanh, thân tâm khách trần tùng thử vĩnh diệt, tiện năng nội phát tịch tĩnh khinh an. Do tịch tĩnh cố, thập phương thế giới chư Như Lai tâm ư trung hiển hiện, như kính trung tượng. Thử phương tiện giả danh Xa-ma-tha.

Dịch:

Này thiện nam, nếu Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, dùng tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh. Rồi y đó lắng các vọng niệm và biết thức phiền động, thì trí tuệ lặng lẽ phát sanh, thân tâm khách trần từ đây diệt hết, nội (tâm) liền phát ra lặng lẽ khinh an. Do vì lặng lẽ nên tâm của các đức Như Lai ở mười phương thế giới hiển hiện rõ trong đó, như bóng hiện trong gương. Phương tiện này gọi là Xa-ma-tha.

Giảng:

Xa-ma-tha (Śamatha) chữ Phạn, Trung Hoa dịch là Chỉ. Phương tiện đầu là tu chỉ, phương tiện tu chỉ trong kinh Viên Giác khác hơn phương tiện tu chỉ quán của tông Thiên Thai.

Phật dạy có ba giai đoạn:

1. Giác ngộ mình có tánh tịnh vên giác, tức là tánh giác sẵn tròn đầy bên trong.

2. Phải biết thức tâm hay thức tình này là phiền động.

3. Được cái tịch tĩnh khinh an nên tâm các đức Như Lai đều ở trong đó hiện bày.

Đầu tiên Phật nói rằng các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, nghĩa là ngộ được pháp thân rồi thì dùng tâm giác thanh tịnh giữ cái lặng lẽ làm hạnh, tức là lóng lặng hết các vọng niệm và biết thức dao động. Do tâm lặng lẽ nên trí tuệ sáng suốt thanh tịnh phát sanh. Khi trí tuệ thanh tịnh sáng suốt phát sanh thì những cái xao xuyến phiền động của thân tâm ngang đây bặt dứt. Bấy giờ nội tâm được tịch tĩnh khinh an. Do thân tâm tịch tĩnh khinh an nên tâm của tất cả chư Phật hiện rõ trong đó, giống như bóng hiện trong gương vậy. Tức là tâm của người tu thật lặng lẽ cho nên thấy hình ảnh mười phương chư Phật đều hiện. Phương pháp tu này gọi là Chỉ.

Chúng ta thấy điều kiện tiên quyết đức Phật nêu ra là trước phải ngộ được tánh tịnh viên giác, điều kiện này không khác điều kiện các vị thiền sư nêu ra. Đó là tu thiền trước phải kiến tánh, thường gọi là kiến tánh khởi tu. Cho nên phải nhận ra tánh bất sanh bất diệt, tánh bất sanh bất diệt đó gọi là tánh viên giác. Nhận ra được rồi mới dùng các phương tiện dẹp các vọng trần, vọng tưởng. Nhưng lóng các niệm này, chúng ta đừng hiểu lầm! Nhiều người nghe nói lóng hết các tâm niệm vọng tưởng xuống nên ngồi đè cố kìm nó lại, đó là bệnh của thiền, vì không biết cứ tưởng đè xuống đừng cho dấy lên, nhưng càng đè càng tai hại. Ở đây phải khéo hiểu

như các thiền sư dạy, tức biết vọng không theo. Cho nên trừng tâm là dừng nó lại.

Chúng ta tu thì có khi dùng chỉ, có khi dùng quán. Trong kinh Pháp Bảo Đàn, Lục Tổ nói chỉ và quán đồng thời, chỉ là định và quán là tuệ, hai cái không rời nhau. Ngay khi vọng tưởng khởi chúng ta biết và buông, đó là có chỉ và quán; biết vọng tưởng là quán, buông không theo và vọng tưởng lặng xuống là chỉ, ấy là định tuệ đồng tu chứ không chia ra hai thứ. Chia ra hai thứ là khi nào luôn luôn dùng một cách. Như khi ngồi thiền, dùng phương tiện buộc tâm, vọng tưởng không dấy lên, tâm lặng lẽ, đó gọi là chỉ. Còn nếu dùng trí xét tới xét lui thấy thân này do tứ đại hòa hợp, rồi sẽ rã tan, gọi là quán. Đây chúng ta nói có tính cách chia chẻ, chứ thật ra trong chỉ đã có quán, trong quán đã có chỉ, pháp tu này Lục Tổ gọi là định tuệ bình đẳng. Còn chỉ quán của tông Thiên Thai dạy tu về sổ tức (đếm hơi thở), rồi qua tùy tức (theo hơi thở), rồi chỉ (dừng tâm ở mũi) để thấy hơi thở ra vô, hoặc dùng đề mục để trụ tâm một chỗ ấy là chỉ. Quán là ứng dụng pháp quán chiếu.

Đoạn kinh này nói cảnh giới của hàng Bồ-tát vượt quá pháp chỉ quán thường của chúng ta, cho nên nghe hơi khó hiểu.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm, tri giác tâm tánh cập dữ căn trần giai nhân huyễn hóa, tức khởi chư huyễn dĩ trừ huyễn giả, biến hóa chư huyễn nhi khai

huyễn chúng. Do khởi huyễn cố, tiện năng nội phát đại bi khinh an, nhất thiết Bồ-tát tùng thử khởi hạnh, tiệm thứ tăng tiến. Bỉ quán huyễn giả phi đồng huyễn cố phi đồng huyễn quán, giai thị huyễn cố, huyễn tướng vĩnh ly. Thị chư Bồ-tát sở viên diệu hạnh, như thổ trưởng miêu. Thử phương tiện giả danh Tam-ma-bát-đề.

Dịch:

Này thiện nam tử, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, dùng giác tâm thanh tịnh nhận biết tâm tánh cùng với căn trần đều là huyễn hóa, liền khởi trí huyễn để trừ pháp huyễn, biến hiện các hạnh huyễn mà khai hóa chúng sanh như huyễn. Do khởi pháp quán huyễn nên nội tâm phát đại bi khinh an, tất cả Bồ-tát từ đây khởi hạnh tu quán, dần dần tăng tiến. Người quán huyễn không đồng với cảnh huyễn, không đồng với pháp quán huyễn, vì đều là huyễn nên tướng huyễn hằng lìa. Các vị Bồ-tát này ở nơi hạnh viên diệu như đất làm cho mầm được tăng trưởng. Phương tiện ấy gọi là Tam-ma-bát-đề.

Giảng:

Tam-ma-bát-đề (Vipaśyanā) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Quán. Đoạn này nói các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, nhận biết được giác tâm căn trần đều là huyễn hóa. Nghĩa là biết rõ nơi thân này và bao nhiêu ý thức vọng tưởng đều huyễn hóa, cho tới ngoại cảnh chúng sanh cũng đều là tướng huyễn hóa.

Khi ấy mới khởi trí huyễn để trừ huyễn, tức là niệm nào khởi lên cũng biết nó là huyễn liền buông. Bồ-tát có hai cách, một là khởi quán để trừ bệnh của chính mình, hai là khi thuần thục rồi lại dùng phương tiện huyễn hóa để giáo hóa chúng sanh. Phương tiện mình giáo hóa là huyễn thì chúng sanh được giáo hóa cũng là huyễn. Đó là cái quán của Bồ-tát.

Do khởi trí huyễn cho nên phát lòng đại bi khinh an. Tại sao khởi trí huyễn mà lại có tâm đại bi? Khi thấy rõ ràng thân này là huyễn, cảnh là huyễn, tâm giác tri khởi quán cũng là huyễn và khi chúng ta nhìn thấy người khác cho thân cảnh là thật, thì tự nhiên thấy thương, lòng thương nhẹ nhàng trong sạch khác với lòng luyến ái tham dục cho nên gọi là *đại bi khinh an*.

Khi Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, các ngài mới y nơi tánh viên giác quán các pháp căn, trần, thức là huyễn hóa không thật. Bấy giờ Bồ-tát khởi trí như huyễn để diệt vô minh phiền não như huyễn, tu các hạnh như huyễn, giáo hóa chúng sanh như huyễn. Khi các cảnh huyễn đã không, trí quán huyễn cũng hết, tức là tâm cảnh hay năng sở không còn, hằng xa lìa các tướng huyễn hóa thì tánh viên giác chân thật (phi huyễn) của Bồ-tát hiện ra, chẳng khác nào đất nuôi lớn mầm cây vậy. Như hạt giống ươm dưới đất, nhờ đất mà nảy mầm, nhờ đất mà mầm tăng trưởng chứ không lui sụt. Phương tiện này gọi là Quán.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh viên giác, dĩ tịnh giác tâm bất thủ huyễn hóa cập chư

tĩnh tướng, liễu tri thân tâm giai vi quái ngại. Vô tri giác minh bất y chư ngại, vĩnh đắc siêu quá ngại vô ngại cảnh, thọ dụng thế giới cập dữ thân tâm, tướng tại trần vực. Như khí trung hoàng thanh xuất vu ngoại, phiền não Niết-bàn bất tương lưu ngại, tiện năng nội phát tịch diệt khinh an, diệu giác tùy thuận, tịch diệt cảnh giới, tự tha thân tâm sở bất năng cập, chúng sanh thọ mạng giai vi phù tưởng. Thử phương tiện giả danh vi Thiền-na.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các vị Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh, dùng giác tâm thanh tịnh không thủ pháp quán huyễn và tướng lặng lẽ, rõ biết thân tâm đều là vật ngăn ngại. Còn cái vô tri giác minh thì không bị các pháp làm chướng ngại, hằng siêu vượt các pháp chướng ngại và không chướng ngại, thọ dụng các tướng thế giới và thân tâm ở cõi trần này. Cũng như âm thanh từ đồ vật thoát ra ngoài, phiền não Niết-bàn chẳng lưu ngại nhau, nội tâm liền được lặng lẽ khinh an, diệu giác tùy thuận cảnh giới tịch diệt, thân tâm tự tha không còn có thể kịp nữa, chúng sanh, thọ mạng đều là cái tưởng phù hư. Phương tiện tu này gọi là Thiền-na.

Giảng:

Thiền-na (Dhyāna) là tiếng Phạn, thường nói là *Thiền*, cũng dịch là *tĩnh lự*. Đoạn này Phật dạy, Bồ-tát ngộ được tánh viên giác thanh tịnh rồi, y nơi tánh viên giác thanh tịnh mà tu, không chấp giữ pháp chỉ và pháp quán,

thấy rõ thân tâm này là vật ngăn ngại, chỉ có *vô tri giác minh* không bị các pháp làm chướng ngại, vì vô tri giác minh hằng vượt trên các pháp tương đối chướng ngại và không chướng ngại... Vô tri giác minh trong kinh Thủ-lăng-nghiêm gọi là Vô phân biệt trí tức là cái trí biết không phân biệt. Ở đây vô tri là không phân biệt, giác minh là hằng giác hằng sáng. Thông thường chúng ta nhìn cành hoa liền phân biệt cành hoa đẹp xấu, biết như vậy là thức chứ không phải trí. Còn nếu nói theo tinh thần vô tri giác minh của kinh này, hay vô phân biệt trí của kinh Lăng-nghiêm, thì thấy cành hoa biết cành hoa chứ không phân biệt cành hoa đẹp hoặc xấu rồi khen chê... không phân biệt gọi là vô tri, biết rõ cành hoa màu gì, loại hoa gì, đó là giác minh. Cái vô tri giác minh là cái biết sáng suốt không phân biệt, không bị các pháp thế gian làm chướng ngại, vì nó vượt trên tất cả pháp tương đối của thế gian. Trong kinh, Phật dùng thí dụ *khí trung hoàng*, ngày trước các Hòa thượng giảng đoạn này hay dùng thí dụ ở quê có cây đàn kìm, trong có để miếng thiếc hay miếng đồng khua loong boong. Miếng đó ở trong lòng cái bọng, tiếng khua của nó vang ra ngoài. Ở đây cũng vậy, chúng ta biết thân là ngại, tâm là ngại khi đang ở trong cảnh trần chúng ta vẫn vượt ra ngoài không có chướng ngại. Thế nên Phật nói thân tâm của hành giả vẫn ở tại cõi trần mà không bị phiền não trần lao làm ngăn ngại, cũng không bị kẹt trong cảnh giới Niết-bàn tịch tịnh. Vô tri giác minh đối với thân tâm của hành giả ở trong cõi trần này giống như âm thanh của vật thoát ra khỏi vật vậy. Thân tâm không còn có thể kịp nữa vì thân tâm là phù hư,

không có thật, còn trí vô phân biệt thì trùm khắp. Đây là cảnh giới của những vị Bồ-tát đã ngộ tánh viên giác tu đến chỗ tịch diệt khinh an, có cái công dụng thân tâm ở cõi này mà không bị kẹt bị vướng.

Tóm lại phải nhận ngay nơi mình có tánh giác, tánh giác đó đối với thân này, ý niệm vọng tưởng này, cảnh giới hiện giờ này đều không chướng ngại được nó. Lúc đó thân tâm này cũng như bọt nổi không có gì quan trọng. Nhận được như vậy và sống mãi chỗ đó, được lặng lẽ khinh an thì đó là cảnh giới Thiền-na.

Âm:

Thiện nam tử, thử tam pháp môn giai thị viên giác thân cận tùy thuận. Thập phương Như Lai nhân thử thành Phật, thập phương Bồ-tát chủng chủng phương tiện, nhất thiết đồng dị giai y như thị tam chủng sự nghiệp, nhược đắc viên chứng tức thành viên giác.

Dịch:

Này thiện nam, ba pháp môn này đều là thân cận tùy thuận tánh viên giác. Mười phương Như Lai nhân đây mà thành Phật, mười phương Bồ-tát tu mọi phương tiện đồng hay khác, đều y ba sự nghiệp này, nếu được viên chứng tức thành viên giác.

Giảng:

Phật kết thúc, ba pháp môn chỉ, quán và thiền là phương tiện chung cho tất cả người tu hành. Phật và

Bồ-tát cũng y nơi đây mà tu. Căn cứ trên sự chứng ngộ thì Phật khác, Bồ-tát khác, nhưng phương tiện tiến tu thì đồng. Các ngài đều y theo ba pháp tu này mà được thành tựu đạo quả.

Âm:

Thiện nam tử, giả sử hữu nhân tu ư thánh đạo, giáo hóa thành tựu bá thiên vạn ức A-la-hán, Bích-chi Phật quả, bất như hữu nhân văn thử Viên giác vô ngại pháp môn, nhất sát-na khoảnh tùy thuận tu tập.

Dịch:

Này thiện nam, giả sử có người tu theo thánh đạo, giáo hóa trăm ngàn muôn ức người thành tựu quả A-la-hán, Bích-chi Phật, không bằng người chỉ nghe pháp môn viên giác vô ngại này trong khoảng sát-na mà tùy thuận tu tập.

Giảng:

Phật ca ngợi pháp môn viên giác, giả sử có người giáo hóa một trăm, một ngàn, hay trăm ngàn vị chứng A-la-hán và Bích-chi Phật, công đức không bằng người nghe pháp môn Viên giác này chỉ trong khoảng chốc lát mà tùy thuận tu tập. Tại sao vậy? Vì nếu dạy người tu chứng quả A-la-hán hay là chứng quả Duyên giác Bích-chi, chỉ phá được sự chướng mà chưa phá được lý chướng. Còn người nghe pháp môn này thâm nhập tu được thì vượt cả sự và lý chướng cho nên quý hơn.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Oai Đức nhữ đương tri!
Vô thượng đại giác tâm
Bản tế vô nhị tướng,
Tùy thuận chư phương tiện
Kỳ số tức vô lượng.
Như Lai tổng khai thị
Tiện hữu tam chủng loại:
Tịch tĩnh Xa-ma-tha
Như kính chiếu chư tượng,
Như huyễn Tam-ma-đề
Như miêu tiệm tăng trưởng,
Thiền-na duy tịch diệt
Như bỉ khí trung hoàng.
Tam chủng diệu pháp môn
Giai thị giác tùy thuận,
Thập phương chư Như Lai
Cập chư đại Bồ-tát
Nhân thử đắc thành đạo.
Tam sự viên chứng cố
Danh cứu cánh Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa trên, nói kệ rằng:

Oai Đức ông nên biết:
Tâm đại giác vô thượng
Bản tế không hai tướng,
Tùy thuận các phương tiện
Số có đến vô lượng.
Như Lai tổng khai thị
Gồm có ba chủng loại:
Xa-ma-tha vắng lặng
Như gương chiếu các bóng;
Tam-ma-đề như huyễn
Như mầm dần tăng trưởng;
Thiền-na chỉ lặng dứt
Như tiếng trong đồ vật.
Ba thứ diệu pháp môn
Đều là tùy thuận giác,
Mười phương chư Như Lai
Và các vị Bồ-tát
Nhân đây được thành đạo.
Ba việc đều viên chứng
Gọi cứu cánh Niết-bàn.

Giảng:

Tóm lại, ba pháp môn chỉ, quán và thiền là pháp tu căn bản của chư Phật. Phương tiện đưa đến quả vị Phật và Bồ-tát mà các ngài ứng dụng tu, không ngoài ba pháp môn chỉ, quán và thiền. Chúng ta bây giờ lại phân chia nhiều thứ. Niệm Phật, đúng ra là tu chỉ vì dùng một niệm để dừng nhiều niệm. Nhưng vì không hiểu nên nói niệm Phật là tu Tịnh độ khác hơn tu Thiền. Thật ra các pháp môn Phật dạy tu đều nhằm dừng vọng tưởng là chỉ, còn thấy thân như huyễn cảnh như huyễn là quán; người tu biết rõ ý niệm là vọng tưởng không theo, biết rõ cảnh như huyễn không dính, tâm thanh tịnh đó là thiền. Như vậy thiền trùm cả chỉ và quán. Tuy ba mà một, tu theo Phật chỉ có con đường này chứ không có con đường nào khác hơn. Đó là lối đi chung của chư Phật và Bồ-tát. Nếu chúng ta cố chấp, khen pháp môn này đúng, chê pháp môn kia sai, khen chê hay dở là lầm chấp. Phật chỉ cho chúng ta tu rất đơn giản, dừng hết vọng tưởng là chỉ, thấy rõ thân tâm cảnh giới như huyễn hóa là quán, trong buông vọng tưởng ngoài không dính cảnh là thiền, tức là trở về tánh giác.

Đường lối tu ở đây cũng vậy, tôi khuyên quý vị buông vọng tưởng là Chỉ, thấy thân như huyễn, cảnh như huyễn là Quán, như vậy luôn luôn ứng dụng chỉ quán và chỉ quán viên mãn là Thiền. Đó là phương tiện căn bản mà chư Phật chư Bồ-tát đã tu. Chúng sanh đời sau ai muốn tu thì cũng ứng dụng theo phương tiện này mới mong khỏi lầm lạc.

CHƯƠNG VIII

BỒ-TÁT BIỆN ÂM THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Biện Âm Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, như thị pháp môn thậm vi hy hữu! Thế Tôn, thử chư phương tiện nhất thiết Bồ-tát ư viên giác môn hữu kỷ tu tập? Nguyện vị đại chúng cập mạt thế chúng sanh, phương tiện khai thị linh ngộ thật tướng.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Biện Âm ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, pháp môn như vậy thật là ít có! Bạch Thế Tôn, các phương tiện này, tất cả Bồ-tát đối với môn viên giác có bao nhiêu pháp tu tập? Xin vì đại chúng và chúng sanh đời sau, phương tiện chỉ bày khiến cho ngộ được thật tướng.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Chương này Bồ-tát Biện Âm đứng ra thưa hỏi. Biện là biện biệt rành rẽ, âm là tiếng, tức là phân biệt rành rẽ âm thanh. Theo nghĩa ở đây là ý nghĩa chia chẻ tỉ mỉ để người sau tùy căn cơ trình độ ai hợp pháp nào dùng pháp đó mà tu.

Ở trước, ngài Oai Đức Tự Tại thưa hỏi Phật về phương tiện tu hành, Phật chỉ ba pháp môn là phương tiện. Ở đây Bồ-tát Biện Âm nêu lên câu hỏi như Phật dạy ở trước, pháp môn đó rất là ít có tức là pháp môn Chỉ, Quán, Thiền, với ba phương tiện đó muốn bước vào cửa viên giác thì có bao nhiêu pháp tu tập, xin Phật chỉ dạy chi tiết rõ ràng.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Biện Âm Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị tu tập. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Biện Âm Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết Như Lai viên giác thanh tịnh bản vô tu tập cập tu tập giả, nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y ư vị giác huyễn lực tu tập, nhĩ thời tiện hữu nhị thập ngũ chủng thanh tịnh định luân.

Dịch:

Lúc đó đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Biện Âm rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông vì đại chúng và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai về sự tu tập. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Biện Âm vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả viên giác thanh tịnh Như Lai vốn không tu tập và người tu tập, tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập, khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.

Giảng:

Trước khi dạy các phương tiện khác, đức Phật lặp lại chủ yếu là tánh viên giác không có pháp để tu tập và người tu tập, vì nguyên nó là cái thể không sanh diệt nên không do tu tập mà được, tánh viên giác chính là

mình cho nên nói không có người tu tập. Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau y nơi chưa giác dùng sức huyễn mà tu tập. Khi ấy mới có hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân.

Hai mươi lăm thứ thanh tịnh định luân là những pháp tu chỉ, quán và thiền hoặc là đơn hoặc là ghép: tu chỉ hay tu quán riêng từng môn gọi là đơn, tu một lượt hai hoặc ba môn gọi là ghép, đổi tới đổi lui thành ra hai mươi lăm luân. Nhưng thật ra chỉ có ba môn căn bản là chỉ, quán và thiền.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy thủ cực tĩnh, do tĩnh lực cố vĩnh đoạn phiền não cứu cánh thành tựu, bất khởi ư tòa tiện nhập Niết-bàn. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Xa-ma-tha.

Dịch:

Nếu chư Bồ-tát chỉ giữ tâm vắng lặng, do sức vắng lặng mà đoạn các phiền não, thành tựu rốt ráo, không rời khỏi chỗ ngồi liền vào Niết-bàn. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Chỉ.

Giảng:

Bồ-tát hằng giữ tâm ở trạng thái thật tịch tĩnh nên phiền não không sanh khởi, nhờ thế mà được thành tựu đạo quả rốt ráo, lúc đó ở ngay chỗ ngồi mà vào Niết-bàn. Vị Bồ-tát này riêng tu pháp Chỉ.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy quán như huyễn, dĩ Phật lực cố biến hóa thế giới chủng chủng tác dụng, bị hành Bồ-tát thanh tịnh diệu hạnh, ư đà-la-ni bất thất tịch niệm cập chư tĩnh tuệ. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Tam-ma-bát-đề.

Dịch:

Nếu Bồ-tát chỉ tu pháp quán như huyễn, dùng Phật lực biến hóa ra thế giới, khởi các diệu dụng, thực hành đầy đủ công hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, đối với Đà-la-ni không mất niệm tịch tĩnh và tuệ lặng lẽ. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Quán.

Giảng:

Bồ-tát khi dụng quán là y theo lời Phật dạy trong kinh để vận dụng tâm quán, tùy bệnh mà chiếu phá nên nói rằng có các thứ biến hóa, các thứ tác dụng. Nghĩa là do sức Phật chỉ dạy rồi nương theo đó quán chiếu. Thí dụ áp dụng quán bằng trí Bát-nhã thì tùy quán riêng từng uẩn hoặc quán chung năm uẩn, quán một trần hoặc quán sáu trần..., có khi chung lại có khi chia ra biến hóa vô cùng. Bởi do khéo chuyển biến tu hành, lần lần diệu hạnh thanh tịnh của Bồ-tát được đầy đủ. Đầy đủ rồi tổng nhiếp tất cả. Như vậy Bồ-tát này chuyên quán huyễn, nương nhờ sức biến hóa của chư Phật ứng dụng trong sự tu hành, thấy rõ các pháp như huyễn cho nên không mất niệm tịch tĩnh. Đà-la-ni là tổng trì, nghĩa là đối với các pháp đều thấy nó như huyễn, do đó có tuệ, được lặng lẽ, nên nói Bồ-tát này riêng tu pháp Quán.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát duy diệt chư huyễn, bất thủ tác dụng độc đoạn phiền não, phiền não đoạn tận tiện chứng thật tướng. Thử Bồ-tát giả, danh đơn tu Thiền-na.

Dịch:

Nếu Bồ-tát chỉ diệt các pháp huyễn mà không chấp thủ tác dụng, riêng đoạn phiền não, phiền não đoạn hết liền chứng được thật tướng. Vị Bồ-tát này gọi là riêng tu pháp Thiền-na.

Giảng:

Bồ-tát chuyên tu đoạn diệt các tướng huyễn hóa, và không chấp thủ pháp tu, chỉ một bề lo đoạn trừ phiền não. Bởi vì các tướng thân tâm và ngoại cảnh đều là huyễn hóa cho nên không mắc kẹt. Đây là dùng trí thấy rõ nó là hư dối nên không kẹt, không cần quán hay chỉ. Khi phiền não sạch rồi thì chứng được tướng chân thật nên gọi Bồ-tát này riêng tu pháp Thiền-na.

Âm:

Nhược chư Bồ-tát tiên thủ chí tĩnh, dĩ tĩnh tuệ tâm chiếu chư huyễn giả, tiện ư thị trung khởi Bồ-tát hạnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tĩnh tuệ cố, chứng chí tĩnh tánh, tiện đoạn phiền não vĩnh xuất sanh tử. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch tĩnh tuệ, phục hiện huyễn lực chủng chủng biến hóa độ chư chúng sanh, hậu đoạn phiền não nhi nhập tịch diệt. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực đoạn phiền não dĩ, hậu khởi Bồ-tát thanh tịnh diệu hạnh độ chư chúng sanh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, trung tu Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực tâm đoạn phiền não, hậu độ chúng sanh kiến lập thế giới. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Xa-ma-tha, tề tu Tam-ma-bát-đề cập tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực tư phát biến hóa, hậu đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí tĩnh lực dụng tư tịch diệt, hậu khởi tác dụng biến hóa cảnh giới. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Xa-ma-tha Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng tùy thuận, nhi thủ chí tĩnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng cảnh giới, nhi thủ tịch diệt. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực nhi tác Phật sự, an trụ tịch tĩnh, nhi đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực vô ngại tác dụng, đoạn phiền não cố, an trụ chí tĩnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, trung tu Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực phương tiện tác dụng, chí tĩnh tịch diệt nhị câu tùy thuận. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Tam-ma-bát-đề, tề tu Xa-ma-tha Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực chủng chủng khởi dụng, tư ư chí tĩnh, hậu đoạn phiền não. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Xa-ma-tha, hậu tu Thiền-na.

Nhược chư Bồ-tát dĩ biến hóa lực tư ư tịch diệt, hậu trụ thanh tịnh, vô tác tĩnh lự. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Tam-ma-bát-đề Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi chí tĩnh, trụ ư thanh tịnh. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực nhi khởi tác dụng, ư nhất thiết cảnh tịch dụng tùy thuận. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng tự tánh, an ư tĩnh lự, nhi khởi biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, trung tu Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực vô tác tự tánh khởi ư tác dụng, thanh tịnh cảnh giới quy ư tĩnh lự. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, trung tu Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực chủng chủng thanh tịnh, nhi trụ tĩnh lự khởi ư biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tiên tu Thiền-na, tề tu Xa-ma-tha Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực tư ư chí tĩnh, nhi khởi biến hóa. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Thiền-na Xa-ma-tha, hậu tu Tam-ma-bát-đề.

Nhược chư Bồ-tát dĩ tịch diệt lực tư ư biến hóa, nhi khởi chí tĩnh thanh minh cảnh tuệ. Thử Bồ-tát giả, danh tề tu Thiền-na Tam-ma-bát-đề, hậu tu Xa-ma-tha.

Nhược chư Bồ-tát dĩ viên giác tuệ viên hợp nhất thiết, ư chư tánh tướng vô ly giác tánh. Thử Bồ-tát giả, danh vi viên tu tam chủng tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Thiện nam tử, thị danh Bồ-tát nhị thập ngũ luân, nhất thiết Bồ-tát tu hạnh như thị. Nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y thử luân giả, đương trì Phạm hạnh, tịch tĩnh tư duy, cầu ai sám hối,

kinh tam thất nhật. Ư nhị thập ngũ luân các an tiêu ký, chí tâm cầu ai, tùy thủ kết thủ, y kết khai thị tiện tri đốn tiệm. Nhất niệm nghi hối tức bất thành tựu.

Dịch:

Nếu chư Bồ-tát trước giữ tâm thật lặng lẽ, do tâm lặng lẽ nên trí tuệ chiếu soi các pháp như huyễn, liền khởi hạnh Bồ-tát. Gọi vị Bồ-tát này trước tu chỉ sau tu quán.

Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ yên tĩnh chứng được thể tánh thật lặng lẽ, liền đoạn các phiền não, thoát khỏi sanh tử. Gọi vị Bồ-tát này trước tu chỉ sau tu thiền.

Nếu Bồ-tát dùng trí tuệ lặng lẽ lại hiện ra mọi sức biến hóa độ chúng sanh, sau mới đoạn phiền não, rồi vào chỗ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ, giữa tu quán sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ đoạn các phiền não, sau khởi các diệu hạnh thanh tịnh để độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ, giữa tu thiền sau tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ tâm đoạn phiền não, sau lại dựng lập thế giới độ chúng sanh. Gọi Bồ-tát này trước tu chỉ đồng thời tu quán và thiền.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ giúp phát khởi biến hóa, sau đoạn phiền não. Gọi vị Bồ-tát này đồng tu chỉ và quán, sau mới tu thiền.

Nếu những vị Bồ-tát dùng lực dụng thật lặng lẽ để giúp cho sự tịch diệt, sau khởi ra tác dụng biến hóa thế giới. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu chỉ và thiền, sau mới tu quán.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa ra các thứ tùy thuận chúng sanh mà vẫn giữ (tâm) thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu quán sau tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức biến hóa các thứ cảnh giới mà vẫn giữ tịch diệt. Gọi Bồ-tát này trước tu quán sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các Phật sự, an trụ trong lặng lẽ mà đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, giữa tu chỉ và sau tu thiền.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các việc vô ngại, đoạn các phiền não rồi an trụ chỗ thật lặng lẽ. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, giữa tu thiền và sau tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức biến hóa làm các phương tiện tác dụng rất lặng lẽ tịch diệt, cả hai đều tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu quán, đồng thời tu chỉ và thiền.

Nếu những Bồ-tát dùng sức biến hóa khởi các công dụng giúp cho tâm thật lặng lẽ, sau mới đoạn phiền não. Gọi Bồ-tát này đồng tu quán và chỉ sau mới tu thiền.

Nếu các Bồ-tát dùng sức biến hóa giúp cho tịch diệt, rồi sau trụ chỗ thanh tịnh mà không khởi tĩnh lự. Gọi Bồ-tát này đồng tu quán và thiền sau mới tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi hạnh thật lặng lẽ, rồi an trụ nơi thanh tịnh. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền sau mới tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt mà khởi tác dụng, ở trong tất cả cảnh lặng lẽ khởi dụng tùy thuận. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền sau mới tu quán.

Nếu các Bồ-tát dùng sức thật lặng lẽ các thứ tự tánh, an trụ nơi tĩnh lự mà khởi pháp biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền, giữa tu chỉ rồi sau mới tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt của tự tánh vô tác, ở cảnh giới thanh tịnh khởi tác dụng, rồi trở về chỗ tĩnh lự. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền, giữa tu quán sau mới tu chỉ.

Nếu những vị Bồ-tát dùng các thứ thanh tịnh của sức tịch diệt mà trụ ở chỗ tĩnh lự, rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này trước tu thiền đồng thời tu chỉ và quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho thật lặng lẽ rồi khởi biến hóa. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu thiền và chỉ, sau đó mới tu quán.

Nếu những vị Bồ-tát dùng sức tịch diệt giúp cho biến hóa mà khởi trí tuệ lặng lẽ trong sáng. Gọi Bồ-tát này đồng thời tu thiền và quán, sau đó tu chỉ.

Nếu các vị Bồ-tát dùng tuệ viên giác, viên hợp tất cả, nơi các tánh tướng không lìa tánh giác. Gọi Bồ-tát này viên tu ba thứ tự tánh thanh tịnh tùy thuận.

Này thiện nam, như thế gọi là hai mươi lăm luân của Bồ-tát, tất cả Bồ-tát nên như thế mà tu hành. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y theo những luân ấy, gìn giữ Phạm hạnh, lặng lẽ tư duy, thành tâm sám hối, trải qua hai mươi mốt ngày, nơi hai mươi lăm luân này, mỗi cái ghi ra để trên bàn chí tâm nguyện cầu, rồi tay bốc lên một cái, tùy theo cái đó mở ra, liền biết (căn cơ) mình thuộc đốn hay tiệm. Nếu còn một niệm nghi hối thì chẳng thành tựu.

Giảng:

Tất cả chúng ta muốn được giác ngộ giải thoát, không tu pháp nào khác hơn là ba môn Chỉ, Quán và Thiền. Đó là ba pháp tu then chốt. Tùy theo căn cơ sai biệt của mỗi người mà ứng dụng, người thì ứng dụng quán trước, người thì ứng dụng chỉ trước, người thì ứng dụng thiền trước. Tùy theo khả năng và để thích nghi với hoàn cảnh của mình mà linh động ứng dụng ba pháp tu ấy trước hay sau.

Như có người tu chỉ muốn được lặng lẽ thôi, nên không quán, lại có người thấy lặng lẽ buồn, quán các

pháp như huyễn vui hơn... Do đó nên đức Phật mới chia ra hai mươi lăm luân này. Chúng ta tu ứng dụng chỉ hay quán đều tốt, miễn tâm chúng ta an định là được rồi. Chứ không nói buông hết niệm là đúng hay quán mới đúng. Thí dụ tâm chúng ta vừa dấy niệm nhớ người nhớ cảnh, chúng ta liền buông không theo thì vọng niệm tự lặng mất tạm gọi là chỉ. Nhưng lại có người không chịu tu như vậy, họ nói kinh Bát-nhã Phật dạy quán chiếu ngũ uẩn không thật, sáu trần huyễn hóa, nên đi đâu lúc nào cũng quán như vậy. Do quán như thế nên không dính mắc với cảnh, tâm tự an định. Người buông vọng niệm thì tâm cũng an định, người quán các pháp như huyễn tâm cũng an định. Dù chỉ, quán hay thiền mà tâm yên lặng thanh tịnh là được. Vì tu phải dứt hết vọng niệm thì thể chân thật mới hiện tiền. Tuy tu ba môn nhưng trở về có một chỗ là lặng vọng tưởng và tánh giác hiện tiền. Nhưng vì căn cơ của mỗi người khác nhau, nên Phật mới phân chia ra cho dễ thích ứng.

Có người tu chỉ cứ đăm đăm nhìn xuống để buông vọng tưởng nên mặt buồn xo, bèn đổi sang quán nhìn mây nhìn trời thấy tất cả đều là huyễn hóa cười chơi cho vui. Như vậy là trước tu chỉ sau tu quán, quán một thời gian vọng tưởng hết, đến chỗ tịch diệt đó là thiền.

Tùy căn cơ ứng dụng hoặc chuyên tu một pháp tới nơi tới chốn, hoặc gồm cả hai pháp hoặc kiêm luôn ba pháp; hoặc tu pháp này trước pháp kia sau, hay pháp kia trước pháp này sau, đổi tới đổi lui thế nào miễn ổn định sự tu hành là tốt. Cốt yếu là sự tu hành được ổn định

và tinh tiến đúng pháp. Phật dạy tùy theo căn cơ của chúng sanh mà ứng dụng tu chứ không cố định. Thí dụ như người ít phiền não tu theo pháp tri vọng, hễ dấy niệm liền buông, thực hành một thời gian thì thanh tịnh. Còn người phiền não nhiều, loạn tưởng lăng xăng không bao giờ an ổn nên phải dùng quán mà công kích, quán thân này duyên hợp tạm có, quán cảnh là huyễn hóa, thấy mọi sự việc xảy ra với mình không thật. Quán một thời gian phiền não mỏng dần thì tâm mới thanh tịnh. Người tu phải biết linh động chứ không nên cố chấp một là một hai là hai, nếu không biết linh động tu không tiến.

Phật nói hai mươi lăm luân này, sợ chúng sanh mờ mịt không biết làm sao tu, không biết căn cơ hợp với pháp nào, nên tiếp theo Phật dạy cho phương tiện để chọn pháp tu. Kinh dạy lấy giấy ghi hết hai mươi lăm luân, mỗi luân vào một miếng giấy vo tròn, đặt vào trong đĩa đem để trên bàn Phật rồi trì giới thanh tịnh, thành tâm sám hối xong bốc lấy một thăm. Trúng pháp nào thì chết sống với pháp đó mà tu, chứ không nghi ngờ gì nữa hết, coi như Phật dạy mình tu theo luân đó. Như vậy là tu tiến, nếu dấy niệm nghi thì tu không tiến. Có phải Phật tới chứng minh cho chúng ta bốc thăm không? Thật ra hai mươi lăm luân mà nắm lấy một luân chết sống để tu, không nghi ngờ không thối chuyển thì có kết quả. Phật muốn cho chúng ta đầy đủ đức tin nên dạy phương tiện như thế.

Cũng như ở đây nhiều người đồng thời tới học đạo, tôi dạy có nhiều cách khác nhau, có người tôi dạy

biết vọng tưởng rồi buông, có người tôi dạy đếm hơi thở, có người tôi dạy quán ngũ uẩn giai không. Tại sao vậy? Vì tùy theo căn cơ và hoàn cảnh, chẳng hạn người đang ở trong hoàn cảnh bận bịu, bảo họ buông vọng tưởng, họ buông không được thì làm sao tu? Nên phải dạy họ quán để phá vỡ các phiền não đang bao vây họ. Còn người căn cơ quá thấp, đem giáo lý thượng thừa nói với họ, họ không lãnh hội được, nên phải dạy họ dùng phương tiện đếm hơi thở để dừng tạp niệm. Phương tiện rất nhiều mà cứu cánh chỉ có một, chúng ta hiểu rồi thì hết nghi ngờ.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Biện Âm nhữ đương tri!
Nhất thiết chư Bồ-tát
Vô ngại thanh tịnh tuệ,
Giai y thiền định sanh.
Sở vị Xa-ma-tha,
Tam-ma-đề, Thiền-na,
Tam pháp đốn tiệm tu,
Hữu nhị thập ngũ chủng.
Thập phương chư Như Lai,
Tam thế tu hành giả,
Vô bất nhân thử pháp

Nhi đắc thành Bồ-đề;
Duy trừ đốn giác nhân
Tinh pháp bất tùy thuận.
Nhất thiết chư Bồ-tát
Cập mạt thế chúng sanh
Thường đương trì thử luân
Tùy thuận cần tu tập,
Y Phật đại bi lực,
Bất cửu chứng Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Biện Âm ông nên biết:
Tất cả các Bồ-tát
Tuệ thanh tịnh vô ngại,
Đều y thiền định sanh
Gọi là Xa-ma-tha,
Tam-ma-đề, Thiền-na,
Ba pháp đốn tiệm tu,
Chia hai mươi lăm loại.
Mười phương các Như Lai,
Ba đời người tu hành,
Ai chẳng nhân pháp này

Mà được thành Bồ-đề;
Chỉ trừ người đốn giác
Cùng pháp chẳng tùy thuận.
Tất cả các Bồ-tát
Và chúng sanh đời sau
Thường gìn giữ luân này
Tùy thuận siêng tu hành,
Nương đại bi của Phật,
Không lâu chứng Niết-bàn.

Giảng:

Chỉ, quán và thiền là ba pháp cội nguồn của chư Phật thành Phật. Chúng ta hiện nay muốn y theo Phật mà tu, muốn được giác ngộ như Phật cũng theo ba pháp đó mà tu. Chỉ có khác là căn cơ có đốn có tiệm. Người đốn dùng một pháp có thể đi tới nơi, người tiệm thì dùng hai, ba pháp. Người đốn là căn cơ lanh lợi, nghe một pháp liền ứng dụng cùng tột được. Còn tiệm là căn cơ không lanh lợi, ý chí yếu đuối dùng một pháp chỉ không thành công phải nhờ pháp quán phụ.

Bài trùng tụng này tôi chỉ thêm vài điểm quan trọng cho quý vị hiểu. Nói trí tuệ thanh tịnh vô ngại của Bồ-tát đều y nơi thiền định mà sanh. Vậy thiền định gồm chung cả chỉ, quán và thiền. Không người nào tu được trí tuệ mà không từ thiền định sanh, vì nếu vọng tưởng không lặng thì không bao giờ có trí tuệ. Không khi nào không gian sáng khi mây còn đen dày dù

mặt trăng vẫn có trên hư không, bầu trời chỉ sáng khi nào mây tan hết. Cũng vậy trí tuệ thanh tịnh vô ngại phát sáng khi vọng tưởng lặng hết. Vọng tưởng còn lăng xăng mà muốn giác ngộ, đó là cái muốn rỗng. Thế nên Phật dạy chúng ta muốn được trí tuệ thanh tịnh thì phải y theo ba pháp chỉ, quán và thiền mà ứng dụng tu. Sở dĩ ngài nói mười phương chư Phật ba đời và những người tu hành không ai chẳng nhân pháp này mà thành đạo Bồ-đề, là để biết rằng ngoài ba pháp này không có pháp nào khác tu cho viên mãn giác ngộ.

CHƯƠNG IX

BỒ-TÁT TỊNH CHƯ NGHIỆP CHƯỚNG THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghì sự nhất thiết Như Lai nhân địa hành tướng, linh chư đại chúng đắc vị tằng hữu, đổ kiến Điều Ngự lịch hằng sa kiếp cần khổ cảnh giới, nhất thiết công dụng do như nhất niệm, ngã đẳng Bồ-tát thâm tự khánh ủy. Thế Tôn, nhược thử giác tâm bản tánh thanh tịnh, nhân hà nhiễm ô, sử chư chúng sanh mê muộn bất nhập? Duy nguyện Như Lai quảng vị ngã đẳng khai ngộ pháp tánh, linh thử đại chúng cập mạt thế chúng sanh tác tương lai nhãn.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc bấy giờ Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đấng Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói việc bất tư nghì như thế, tất cả hành tướng nhân địa của Như Lai, khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, xem thấy đấng Điều Ngự trải qua cảnh giới siêng năng cần khổ trong hằng sa kiếp, tất cả công dụng giống như trong một niệm, Bồ-tát chúng con thâm tâm tự thích thú. Thưa Thế Tôn, nếu tâm viên giác này tánh vốn thanh tịnh, tại sao bị nhiễm ô, khiến cho chúng sanh mê muộn không vào được? Cúi mong đức Thế Tôn rộng vì bọn chúng con khai ngộ pháp tánh, khiến cho đại chúng này và chúng sanh đời sau (lấy đó) làm mắt trí tuệ.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như vậy lặp lại ba lần.

Giảng:

Tịnh chư nghiệp chướng là làm sạch hết các nghiệp chướng, cho nên câu hỏi của Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng là: *Tánh giác vốn tự thanh tịnh, vậy do nguyên nhân nào bị nhiễm ô? Và vì sao làm cho chúng sanh mê muội không thể nhập được tánh giác?*

Phẩm đầu Bồ-tát Văn-thù thưa hỏi về nhân địa tu hành của Phật và chư Bồ-tát, đã được Phật giải đáp một cách rõ ràng. Từ phẩm thứ hai tới phẩm thứ tám, chư Bồ-tát hỏi về phương tiện tu hành cũng đã được Phật chỉ dạy một cách tường tận. Đến phẩm này là giải quyết những điều nghi ngờ: Tại sao có tánh giác mà không nhập được. Chúng ta tu mà không biết được bệnh chướng của mình thì không thể điều phục để tiến. Vì vậy mà Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng nêu lên vấn đề này xin Phật giải đáp cho chúng ta biết để điều phục. Đây là câu hỏi rất thiết yếu.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh, tư vấn Như Lai như thị phương tiện. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh tùng vô thủy lai, vọng tưởng chấp hữu ngã nhân chúng sanh cập dữ thọ mạng, nhận tứ điên đảo vi thật ngã thể, do thử tiện sanh tắng ái nhị cảnh. Ư hư vọng thể trùng chấp hư vọng, nhị vọng tương y sanh vọng nghiệp đạo, hữu vọng nghiệp cố vọng kiến lưu chuyển, yểm lưu chuyển giả, vọng kiến Niết-bàn.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông hay vì đại chúng và chúng sanh đời sau thưa hỏi Như Lai phương tiện như thế. Vậy các ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay do vọng tưởng chấp có ngã, nhân, chúng sanh và thọ mạng, nhận bốn thứ điên đảo làm ngã thể thật, do đây liền sanh hai cảnh yêu ghét. Đối với thể hư vọng lại thêm một lớp chấp hư vọng, hai cái vọng này nương nhau sanh ra nghiệp đạo hư vọng, vì có nghiệp đạo hư vọng nên vọng thấy lưu chuyển, do nhàm chán lưu chuyển nên vọng thấy Niết-bàn.

Giảng:

Đây Phật chỉ cái nhân mê lầm sâu xa của chúng sanh là chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng. Mọi người ai cũng có tánh giác thanh tịnh tròn sáng mà không sống được với tánh giác của mình, cứ khởi vọng niệm chấp ta, chấp người, chấp cảnh v.v... nên trôi lăn trong luân hồi sanh tử chịu khổ đau không có ngày an ổn. Chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh này khác với ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng ở kinh Kim Cương. Kinh Kim Cương nói chấp ngã là chấp tướng

do tứ đại ngũ uẩn hợp lại cho là ta thật, đó là chấp ngã. Chấp nhân là chấp tướng do tứ đại ngũ uẩn hợp lại thành chúng sanh ngoài mình gọi là chấp nhân. Thấy chúng sanh chẳng phải một người mà vô số người gọi là chấp chúng sanh. Thấy tất cả chúng sanh có mạng sống kéo dài năm, sáu mươi năm hay bảy, tám mươi năm v.v... đó là chấp thọ mạng. Kinh Kim Cương chỉ bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng nơi con người, bốn tướng này là vọng chấp cạn cợt của phàm phu; còn bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng của kinh Viên Giác là bốn tướng mà hàng tu hành chấp. Người tu hành đã bước lên hàng thánh giả cũng vẫn còn chấp tướng đó cho nên mắc kẹt không hoàn toàn nhập tánh viên giác. Bốn tướng này do tu tiến mà chấp chứ không phải bốn tướng thông thường của phàm phu chấp. Quý vị nên lưu ý để hiểu chỗ này mới không thấy lạ ở đoạn sau.

Song dù bốn tướng của phàm phu chấp hay bốn tướng của người tu bước lên hàng thánh chấp cũng đều gốc ở chấp ngã mà ra. Thế nên Phật nói do điên đảo lầm chấp bốn món đất nước gió lửa cho là ta. Bốn món này không thuận hợp nhau, nước thì không ưa lửa, lửa nhiều nước khô cạn, lửa thì không chịu nước, nước nhiều lửa tắt, đất với gió cũng vậy. Bốn món này luôn luôn trái nghịch, ở chung một chỗ thì chống đối nhau khiến cho chúng ta đau khổ. Giống như bốn tên giặc ở chung một nhà, mỗi tên có một hướng khác, lúc nào cũng sẵn sàng chống cự nhau, nếu trong bốn đứa mà có một đứa thua thì chúng ta khổ. Do nhận lầm nó là ta cho nên chúng ta khổ dài dài không lúc nào an ổn, mãi sống trong hồi hộp

lo âu. Trời chuyển mưa cũng sợ, vì mưa thêm nước lạnh, lửa trong thân không đủ ấm thì phát run. Nắng gắt quá cũng sợ, vì thêm lửa nóng quá nên đau đầu... Chúng ta đang mang một cái tổng hợp mâu thuẫn tột độ nơi cơ thể mà lại nhận là ta, lúc nào cũng bảo vệ chiều chuộng nó đủ cách, rồi cũng vì nó tạo không biết bao nhiêu nghiệp tội. Vì vậy mà đức Phật nói chúng ta nhận giặc làm con nên gia sản bị nó phá sạch. Kiểm lại xem có người nào không lầm nhận như vậy không?

Trước hết Phật chỉ cho thấy những cái lầm. Cái lầm thứ nhất là bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng không thật mà cho là thật. Cái lầm thứ hai là thuận theo ngã thì ta yêu, nghịch với ngã là ta ghét. Cái lầm thứ ba là do yêu ghét nên tạo nghiệp: yêu thì tạo nghiệp ái, ghét thì tạo nghiệp tắng. Thứ tư là tạo nghiệp rồi theo nghiệp đi trong luân hồi chịu khổ đau.

Đức Phật chỉ cho chúng ta biết gốc của mê lầm là chấp ngã. Đối với bốn tướng hư vọng không thật lại chấp là thật là cái hư vọng thứ nhất. Khi chấp bốn tướng, ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng rồi sanh yêu ghét là cái hư vọng thứ hai. Hai cái vọng này làm nhân duyên cho nhau mà sanh ra vọng nghiệp đạo. Bởi có vọng nghiệp nên mới vọng thấy sanh tử lưu chuyển. Tất cả những lớp đó đều là những lớp vọng; thân mạng vọng, nghiệp vọng, luân hồi cũng vọng. Đó là chiều thuận của phàm phu. Bây giờ có người chán những cái vọng đó, nhất là chán luân hồi nên vọng thấy có Niết-bàn thì Niết-bàn cũng vọng.

Hàng Nhị thừa tu hành thấy mình chứng được Niết-bàn thì Niết-bàn là cái bị chứng, mình là cái hay chứng. Như vậy ngã chấp vẫn còn, nó còn tiềm ẩn chưa hết. Thế nên nói vọng thấy Niết-bàn chứ chưa phải là Niết-bàn thật. Tánh viên giác không có bốn tướng, nếu còn thấy bốn tướng thì chưa nhập được tánh viên giác. Đức Phật chỉ thật là thấu đáo, chúng ta không còn ngờ vực nữa. Nếu xét thấy bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng là hư vọng, thì trước khi mình ra đời là cái gì? Biết mình là cái gì không? Mờ mờ mịt mịt không biết mình là cái gì! Bây giờ do các duyên hợp lại thành thân này, rồi mai kia ta ngừng thở sẽ đi đâu? Cũng mờ mờ mịt mịt không biết đi đâu. Trước khi sanh không biết mình là gì, sau khi chết không biết mình ra sao. Không biết mình ở giai đoạn trước, không biết mình ở giai đoạn sau, giai đoạn giữa chợt có thân liền chấp là mình, thật vô lý làm sao! Nếu mình thật thì trước phải có sau phải còn. Nhưng trước không biết ra sao hết, chợt có một lúc rồi mất. Như vậy đâu phải thật. Giả sử chúng ta nhìn mặt hồ thấy mặt hồ đang phẳng lặng, chợt có một con cá trồi lên đớp bọt nổi trên mặt hồ. Mặt hồ vốn phẳng lặng, bỗng có hòn bọt nổi lên một lát mất. Vậy hòn bọt đó sánh với mặt hồ có nghĩa lý gì không? Trước chỉ là mặt hồ phẳng lặng, không bọt không sóng, chợt có hòn bọt nhỏ nổi lên lăn tăn một lát rồi mất. Thân này cũng vậy, trước khi chưa sanh chúng ta không biết là gì, rồi sau khi mất cũng không biết ra sao. Chỉ biết trong giai đoạn mấy chục năm khi cha mẹ sanh ra, lớn lên, ăn nói, vui buồn, lăng xăng một lúc rồi mất,

vậy mà chấp khoảng thời gian lăng xăng lộn xộn đó là ta thật. Thật sao được mà thật, nếu thật phải có mãi về trước và mãi về sau mới được!

Tuổi thọ cũng vậy, nhiều người sống tới sáu bảy chục tuổi, hãnh diện cho rằng mình có tuổi thọ dài lâu. Nhưng đến sáu bảy mươi tuổi là lúc thân già bệnh hoạn sắp chết, thân rã tan thì có gì mà hãnh diện? Nếu nhìn lui ôn lại quãng đời đã qua thì trống rỗng, nếu có còn thì còn những cái vụn vặt li ti chẳng có nghĩa gì hết. Rồi tới ngày mai thân này sẽ ra sao? Điều này không thể biết. Vậy thọ mạng có dài lâu thật không? Nếu dài lâu thật thì phải sống hoài không chết, vì chết nên thọ mạng không thật.

Đức Phật nói chúng sanh điên đảo nhận bốn tướng đó là thật, rồi tùy theo thương ghét mà tạo nghiệp thiện hay ác, đã tạo nghiệp rồi thì nghiệp nó không tha, cứ lôi đi chẳng khác nào người tự tử, tự cột dây trên cây để sẵn vòng, rồi thò đầu vô, buông thõng tay chân, vòng dây siết cổ, giãy giụa rồi tắt thở. Đó là tự mình tạo rồi tự mình chịu lấy, không ai tạo cho mình mà cũng không ai chịu thế cho mình. Chính vì cái bệnh trầm kha ấy thúc đẩy, khiến chúng ta tạo nghiệp lưu chuyển trong vòng luân hồi không bao giờ dừng, nên Phật gọi là vọng kiến lưu chuyển. Vọng kiến là cái thấy sai lầm chấp thân này thật. Vì chấp thân là mình thật nên nó vừa mất là vội tìm thân khác, hoặc vì chấp ta chấp người nên có thương có oán rồi tìm nhau gặp nhau... Nếu trên đường lưu chuyển mà tu, tuy có chán sự lưu chuyển, nhưng còn

quý cái thân nên vọng thấy có Niết-bàn để cho ta an trú. Đa số người thấy cõi Ta-bà khổ, chán quá muốn tìm cõi khác sướng hơn, đó cũng là vọng kiến. Vì đã mang cái bệnh chấp ngã nên lúc nào cũng nghĩ đến cái ngã, tu cũng vì cái ngã mà tu. Chúng ta muốn tu hành cho đạt đạo thì phải phá vỡ bản ngã. Nếu bệnh chấp ngã không giảm thì tu ngàn đời cũng không giải thoát, nếu gắng tu có phước thì đời sau cái ngã tốt hơn đời này một chút, đó là chuyện thực của sự tu hành. Cho nên ở đây Phật nói, từ cái vọng kiến lưu chuyển rồi chán cái lưu chuyển thì được cái vọng kiến Niết-bàn. Nói cảnh Niết-bàn thì họ nghĩ tu để được Niết-bàn và có chỗ để mình ở. Từ bệnh đó mà hiểu lệch lạc ý nghĩa lời Phật dạy.

Âm:

Do thử bất năng nhập thanh tịnh giác, phi giác vi cự chư năng nhập giả, hữu chư năng nhập, phi giác nhập cố. Thị cố động niệm cập dữ tức niệm giai quy mê muộn.

Dịch:

Do bệnh này nên không nhập tánh viên giác thanh tịnh, chẳng phải tánh viên giác chống cự không cho người thể nhập, và người thể nhập được, không phải tánh viên giác cho nhập. Thế nên khởi niệm và dừng niệm đều là mê muội.

Giảng:

Do chấp ngã nên không thể nhập tánh viên giác thanh tịnh được, chứ không phải tánh viên giác ngăn cản

chống cự không cho vào. Thí dụ trưa nắng chúng ta đang ở trong nhà, nhưng có người ở ngoài đường khiêu khích, chúng ta tức quá chạy ra cự với họ. Vì cái tức nên chạy ra nắng. Đó là về mặt tắng. Còn ái cũng vậy. Có người mình ưa đứng ngoài nắng, muốn nói chuyện với họ mình cũng phải ra nắng đứng. Cái nhà đâu cấm chúng ta vô, nó mở sẵn cửa nhưng vì ưa và ghét mà chúng ta không chịu vô.

Và người nhập được tánh viên giác cũng không phải do tánh viên giác chấp thuận cho vào, mà do không chấp ngã nhân v.v... mới thể nhập được. Thế nên nói khởi vọng niệm và dứt vọng niệm đều là mê muội. Động niệm là niệm chạy theo cảnh, dứt niệm là đè cho hết niệm để được Niết-bàn, đó là mê rồi. Tánh giác không có động không có dừng.

Nếu còn thấy có cái hay nhập thì không phải là nhập tánh viên giác, vì tánh viên giác chính là mình thì ai hay nhập nữa? Nếu có cái hay nhập thì tánh viên giác là cái bị nhập sao ? Mà bị nhập là có người có cảnh. Hễ còn người tức là còn ngã, còn ngã thì làm sao nhập được tánh viên giác? Động niệm là mê, vì ngã mà dứt niệm thì cũng còn mê chứ chưa phải thật là giác.

Âm:

Hà dĩ cố? Do hữu vô thủy bản khởi vô minh vị kỷ chủ tể, nhất thiết chúng sanh sanh vô tuệ mục, thân tâm đẳng tánh giai thị vô minh, thí như hữu nhân bất tự đoạn mạng. Thị cố đương tri, hữu ái ngã giả ngã dữ tùy thuận, phi tùy thuận giả

tiện sanh tắng oán, vị tắng ái tâm dưỡng vô minh cố, tương tục cầu đạo giai bất thành tựu.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì gốc vô minh khởi từ vô thủy làm chủ tể mình, tất cả chúng sanh sanh ra không có mắt tuệ, thân tâm bản tánh nó đều là vô minh v.v... thí như có người không thể tự giết mình. Thế nên phải biết có cái ái ngã, ngã cùng tùy thuận; nếu chẳng tùy thuận liền sanh oán ghét. Vì tâm yêu ghét nuôi lớn vô minh, nên tiếp tục cầu đạo đều không thành tựu.

Giảng:

Ở đây Phật dùng thí dụ như mình không thể tự chặt đầu mình được, vì vô minh sẵn từ vô thủy, nó làm chủ mình nên thân tâm này mang nặng chất vô minh. Đã coi vô minh là mình thì mình đâu dám giết mình. Không dám dứt vô minh chỉ vì vô minh làm chủ mình. Đức Phật lặp lại để cho thấy rõ thêm, vì không trí tuệ và vô minh chấp ngã yêu ngã nên cái gì hợp với ngã thì yêu, cái gì không thích hợp với ngã thì oán ghét, đó là bệnh chung của chúng sanh. Nếu còn mang bệnh đó mà cầu đạo thì không bao giờ thành tựu, nghĩa là cầu đạo bằng bản ngã thì không bao giờ thành đạo.

Một số người có thiện chí tu, họ có thể nhịn đói, ăn rau ăn quả, sống hết sức kham khổ. Khi họ lóe thấy được một cái gì là họ tự xưng ta chứng đạo, ta có thần thông... thấy có sở chứng như vậy là bệnh rồi! Cũng chịu khổ nhọc để tu hành, nhưng tu vì cái ngã nên càng tu

càng xa đạo. Xa đạo là vì bản ngã thấy ta đây có sở chứng sở đắc, ta là Bồ-tát là Phật... Tu như vậy là rơi vào đường tà, thế nên người tu hành chân chánh là phải phá cho được cái ngã. Ai tu mà cái ngã cao thì dầu cho người đó một ngày ngồi thiền mười hai tiếng đồng hồ cũng chưa phải là cao. Còn người trọn ngày đi làm việc mà ai khen cũng được, chê cũng cười, ăn ngon cũng được, ăn dở cũng chẳng chê, người đó mới là người gần với đạo vì cái ngã của họ thấp. Người cố gắng tu cho thật nhiều, tu cho hơn người, hễ có niệm hơn người là đã xa đạo rồi.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà ngã tướng? Vị chư chúng sanh tâm sở chứng giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân bá hài điều thích hốt vong ngã thân, tứ chi huyền hoãn, nhiếp dưỡng quai phương, vi gia châm ngải, tắc tri hữu ngã. Thị cố chứng thủ phương hiện ngã thể.

Dịch:

Này thiện nam tử, thế nào gọi là ngã tướng? Nghĩa là các chúng sanh tâm còn có sở chứng. Này thiện nam, như có người toàn thân điều hòa an ổn chợt như quên mình, tay chân thư thả, nhưng khi điều dưỡng trái nghịch, có sự châm đốt nhỏ liền thấy có ngã. Vì thế mà chứng biết có cái Ta.

Giảng:

Thí dụ khi làm mệt chúng ta nằm dài ra nhắm mắt lại, thân thể điều hòa, lúc đó coi như quên bản ngã,

nhưng bất thần có sự châm chích rất nhỏ nhiệm thì bản ngã trồi dậy liền. Nghĩa là khi an ổn thì dường như quên bản ngã, nhưng động tới thì bản ngã trồi dậy ngay. Như bây giờ quý vị ngồi nghe tôi giảng thân thể điều hòa, lúc ấy bản ngã dường như không có, nhưng nếu ra đường gặp sự không vừa ý, hoặc vô cớ bị người ta mắng chửi mạ nhục thì bản ngã trỗi dậy y nguyên. Đó là cái ngã thô. Còn cái ngã tế là người dụng công tu, khi tâm hơi yên, thấy có những tướng lành hiện ra, bèn cho là mình đã chứng đắc, thế là bệnh. Tu khó ở chỗ đó. Người không hiểu tưởng tu ăn chay là khó, tưởng tụng kinh ngồi thiền là khó. Thật sự những cái đó không khó mà phá ngã mới là khó. Vì đó là cái chấp muôn đời của chúng sanh chứ không phải một đời, phá được bản ngã thật là cay đắng. Nếu không phá được bản ngã thì dầu có tu cũng lẩn quẩn trong vòng luân hồi, lên cao một chút hưởng hết phước rồi cũng tuột xuống. Lên xuống lẩn quẩn chứ không bao giờ giải thoát sanh tử. Vì vậy nên nói còn cái tâm sở chứng là còn ngã tướng.

Âm:

Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí chứng ư Như Lai, tất cảnh liễu tri thanh tịnh Niết-bàn giai thị ngã tướng.

Dịch:

Này thiện nam, cho đến tâm kia chứng quả Như Lai hoặc biết rõ Niết-bàn thanh tịnh rốt ráo đều là tướng ngã.

Giảng:

Tâm kia là tâm còn thấy có ngã, hoặc nói tôi đắc quả Phật, hoặc nói tôi thấy có tướng Niết-bàn thanh tịnh... cũng là tâm thấy có ngã. Do đây chúng ta mới thấy rõ ý nghĩa thâm sâu của lời Phật nói: *Không thấy có pháp A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề để đắc nên Phật Nhiên Đăng mới thọ ký ta thành Phật.* Vậy ai tu hành mà cứ khoe tôi chứng cái này đắc cái kia...! Sự chứng đắc đó là hiện thân của bản ngã, mà hiện thân của bản ngã là vô minh chứ không phải chứng đắc. Người thế gian thì hay nghe hễ ai khoe chứng khoe đắc thì lễ bái, cho rằng vị đó là Bồ-tát là Phật. Người biết đạo nghe nói chứng đắc là bỏ đi liền, vì đó là cái tướng của ma quái chứ không phải của người tu chân chánh. Nhưng rất tiếc một số Phật tử thuần thành cũng bị lầm, hễ nghe ai nói chứng đắc hay nói chuyện quá khứ vị lai là bái phục, và cũng thích tìm thầy để hỏi chuyện quá khứ vị lai nữa. Như vậy mới biết không phải người thế gian lầm mà người trong đạo cũng lầm. Nếu người học đạo, nghiên cứu kinh Phật kỹ và có tập tu chút chút, nghe người nào nói quá khứ vị lai, nói chứng đắc là bái lui, không ở đó mà nghe cho hết chuyện. Khi nghe một vị thầy dạy tu, chúng ta phải dùng trí tuệ nhận xét xem vị đó dạy có đúng với tinh thần của Phật dạy trong kinh hay không, đem áp dụng vào đời sống có được lợi ích hay không, chứ chúng ta nghe đâu tin đó là càng học càng mê. Phật dạy, tu mà còn thấy chứng là còn chấp ngã, dù cho chứng được quả Như Lai hay thấy được Niết-bàn thanh tịnh, đó là hiện tướng của bản ngã chứ không phải tu cao. Như vậy để thấy bệnh chấp ngã là một

căn bệnh nặng khó trị nhất. Thế nên người ngồi tu mà cứ mong chứng cái này đắc cái kia là bệnh; tu chỉ mong hết vô minh vọng tưởng, đừng mong cái gì khác hơn. Như lau gương không phải mong gương phát sáng mà chỉ mong hết bụi, vì biết gương tự nó đã sáng, lau hết bụi thì gương sáng. Cũng vậy mỗi người đều có tánh giác, hễ tu hết vô minh vọng tưởng thì tánh giác hiện bày, chứ còn cầu chứng đắc là còn tướng ngã.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà nhân tướng? Vị chư chúng sanh tâm ngộ chứng giả. Thiện nam tử, ngộ hữu ngã giả, bất phục nhận ngã, sở ngộ phi ngã, ngộ diệc như thị. Ngộ dĩ siêu quá nhất thiết chứng giả, tất vi nhân tướng. Thiện nam tử, kỳ tâm nãi chí viên ngộ Niết-bàn câu thị ngã giả, tâm tồn thiểu ngộ bị đàn chứng lý, giai danh nhân tướng.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng nhân? Nghĩa là trong tâm chúng sanh ngộ cái chứng đó. Này thiện nam, ngộ có ngã lại chẳng nhận là ngã, chỗ ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như thế. Ngộ này vượt hơn tất cả cái chứng, đều là nhân tướng. Này thiện nam, cho đến tâm kia viên ngộ Niết-bàn cũng đều là ngã, tâm còn một chút ngộ cho rằng chứng lý đầy đủ đều gọi là nhân tướng.

Giảng:

Ở đây tế nhị hơn trước một chút, trước thấy mình có sở chứng là ngã tướng, giờ đến nhân tướng thì thấy

mình có ngộ. Tại sao vậy? Bởi vì nếu thấy có ngộ thì cũng còn có ngã. Thông thường nói ngộ rồi mới chứng, tại sao ở đây nói ngộ vượt hơn chứng? Vì chứng ở đây không phải thật chứng mà khởi niệm cho rằng mình chứng quả này quả kia. Tu mà mong được kết quả, vì bản ngã mà mong, đó là ngã tướng. Ngộ là mong thấy lý, siêu hơn chứng một chút, vì lý cho nên vượt hơn cái chứng ở trên. Khi thấy lý thì tâm còn nghĩ viên ngộ Niết-bàn. Nghĩ như vậy là vẫn còn có ngã vì phải ngộ được Niết-bàn tròn đầy, cho nên nói trong tâm còn một chút biết mình ngộ gọi là đầy đủ cái chứng lý thì người đó còn nhân tướng. Tại sao vậy? Bởi vì ngộ là khai ngộ, khai ngộ là đạt lý, chứng là kết quả, mà có kết quả là được cái này được cái kia cho nên thuộc về ngã, ngộ thuộc về lý thuộc về tâm, nên nói còn một tí xíu biết mình ngộ thì cũng là đầy đủ cái chứng lý đó là người còn nhân tướng. Tại sao vậy? Hỏi ai ngộ? *Ta* ngộ. Ngộ khác hơn chứng một chút, chứng thì thực tế ở nơi người, còn ngộ thì nó hơi thiên về lý nên thuộc về trí. Bởi thuộc về trí cho nên nói là nhân, cũng như mình thì thiết thực nơi bản thân, còn người thì nó rời ra ngoài, cái ngã thì nó thuộc về bản chất thực tế, còn lý tức là trí thì nó có cái vẻ trừu tượng nên vượt hơn cái chứng ở trước. Tu hành mà còn thấy có một chút ngộ cũng là bệnh. Đối với người tu theo Phật hay người tu theo thiền thì thường nói *ngộ rồi cũng đồng chưa ngộ*, không thêm không bớt gì. Bởi vì ngộ là thấy được cái thật có sẵn nơi mình mà trước kia chưa thấy. Ngộ chỉ là danh từ tạm thôi, nếu chấp ngộ là thật đó là nhân tướng.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà chúng sanh tướng? Vị chư chúng sanh tâm tự chứng ngộ sở bất cập giả. Thiện nam tử, thí như hữu nhân tác như thị ngôn "ngã thị chúng sanh", tắc tri bỉ nhân thuyết chúng sanh giả phi ngã phi bỉ. Vân hà phi ngã? Ngã thị chúng sanh, tắc phi thị ngã. Vân hà phi bỉ? Ngã thị chúng sanh, phi bỉ ngã cố. Thiện nam tử, đản chư chúng sanh liễu chứng liễu ngộ giai vi ngã nhân, nhi ngã nhân tướng sở bất cập giả, tồn hữu sở liễu, danh chúng sanh tướng.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng chúng sanh? Nghĩa là các chúng sanh chỗ tâm tự chứng ngộ không đến kịp. Này thiện nam, ví như có người nói như thế này: "Ta là chúng sanh", ắt biết người nói chúng sanh đó chẳng phải ngã chẳng phải bỉ (nhân). Thế nào chẳng phải ngã? Vì ta là chúng sanh ắt không phải ngã. Thế nào chẳng phải bỉ? Vì ta là chúng sanh nên chẳng phải ngã của người khác (bỉ). Này thiện nam, nhưng các chúng sanh liễu chứng liễu ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân người khác không đến kịp, còn có sở liễu gọi là chúng sanh tướng.

Giảng:

Chứng là tướng ngã, ngộ là tướng nhân và liễu là tướng chúng sanh, đối với tướng chúng sanh vi tế hơn tướng ngã tướng nhân. Liễu là dùng trí liễu tri

không chứng không ngộ. Nếu còn liễu tri chứng và ngộ không thật là còn ngã. Vì mình còn dụng công tu mới liễu tri chứng và ngộ không thật, vậy thì liễu tri cũng là dụng của ngã. Song liễu tri vi tế hơn chứng và ngộ, nên nói chứng và ngộ không đến kịp. Đây gọi liễu tri là tướng chúng sanh. Để cho dễ hiểu Phật mới thí dụ: Tôi không phải là ngã, vì tôi là chúng sanh nên không phải ngã. Tôi không phải là nhân, vì tôi là chúng sanh nên không phải nhân. Ngã là chỉ cho mình, nhân là chỉ cho người khác, chúng sanh thì trùm hết. Gọi chúng sanh thì thoát ra khỏi tên *ngã* tên *nhân*, nhưng chúng sanh cũng là trá hình của ngã, ngã vi tế hơn. Vì quá vi tế nên người tu thiền dễ bị lầm lẫn. Chẳng hạn như người tu thể nhập tánh viên giác thì tâm hoàn toàn lặng lẽ sáng suốt, không một niệm dấy khởi dù là niệm vi tế rằng mình đang lặng lẽ, mình chẳng phải chứng, mình chẳng phải ngộ. Còn khởi niệm là bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, vân hà thọ mạng tướng? Vị chư chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh giác sở liễu giả, nhất thiết nghiệp trí sở bất tự kiến do như mạng căn.

Dịch:

Này thiện nam, thế nào là tướng thọ mạng? Nghĩa là các chúng sanh tâm chiếu thanh tịnh đã giác được cái sở liễu, tất cả nghiệp trí không thể tự thấy ví như là mạng căn.

Giảng:

Thọ mạng là giác chiếu, giác chiếu là còn có một cái sáng soi. Tức là dùng trí tuệ giác chiếu cái liễu tri là không thật, vì ngã chấp vẫn còn. Song còn giác chiếu cũng thuộc về tướng thọ mạng. Tướng thọ mạng vi tế hơn tướng chúng sanh, tướng này khó biết, như thọ mạng trong con người chúng ta, chúng ta thấy được không? Tướng ngã, tướng nhân ai cũng thấy, tướng chúng sanh cũng thấy được, nhưng thọ mạng là khi người đó còn đi, còn đứng, còn nói thì biết người đó sống, còn mạng sống ngầm ngầm trong đó chúng ta đâu thấy. Vì vậy mạng sống là cái tế nhị không có tướng trạng.

Ở đây nói chỉ là một cái chiếu soi, cái tâm chiếu này là cái mà tất cả trí nghiệp không thể thấy được. Những trí nghiệp thường không thể thấy được bệnh đó nên gọi là mạng căn. Còn có cái chiếu tánh giác thanh tịnh thì mạng căn chưa dứt, nên nói rằng có tướng thọ mạng. Tôi thí dụ như ngồi thiền, lúc đầu vọng tưởng dấy khởi nhiều và mạnh, lúc đó chúng ta phá vọng tưởng bằng cách nhìn và thầm nhắc *vọng tưởng không thật*, nhìn và nhắc một hai lần như vậy vọng tưởng mới lặng. Sau đó vọng tưởng dấy lên chúng ta không nhìn và nhắc vọng tưởng không thật nữa, mà chỉ dùng trí quán vọng tưởng không thật thì vọng tưởng lặng. Sau đó nữa, vọng tưởng dấy khởi, chúng ta không còn quán vọng tưởng không thật, chỉ nhìn nó một cách nhẹ nhàng thì vọng tưởng lặng. Như vậy đối trị vọng tưởng từ thô đến tế qua những giai đoạn khác nhau. Lúc đầu phải nhìn và nói

vọng tưởng không thật để phá vọng tưởng, giai đoạn này có năng có sở rõ ràng. Sau đó dùng trí quán vọng tưởng không thật, giai đoạn này cũng còn năng còn sở. Lần lần không còn nhìn, không còn nói, không còn quán, chỉ giác biết là nó tan. Chúng ta thấy dường như không còn năng sở nữa, nhưng kỳ thật vẫn còn, chỉ khi nào không còn quán, không còn chiếu, chỉ một tâm lặng lẽ sáng suốt như như mới thuần là bản giác thanh tịnh không sanh không diệt, đây là chỗ cứu cánh thành Phật.

Những bệnh chấp ngã nhân chúng sanh thọ mạng ở đây không phải là bệnh của phàm phu mà là bệnh của người tu chứng. Vì Phật muốn cho chúng ta thể nhập được tánh viên giác nên mới chỉ tế nhị như thế. Chúng ta tu là phải biết thấu đáo để khi tu, giả sử chúng ta thấy có tướng lạ gì, không lấy đó làm sở chứng sở đắc khoe khoang thành bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, nhược tâm chiếu kiến nhất thiết giác giả giai vi trần cấu, giác sở giác giả bất ly trần cố, như thang tiêu băng, vô biệt hữu băng tri băng tiêu giả, tồn ngã giác ngã diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, nếu tâm soi thấy tất cả cái giác đều là trần cấu thì cái giác sở giác chẳng lìa trần, như nước nóng làm tan băng, không riêng có băng biết băng tan, còn ngã để giác cái ngã cũng lại như thế.

Giảng:

Chính mình tu để mình giác cũng chưa phải, vì còn có cái sở giác để mình năng giác, năng sở là đối đãi, mà còn đối đãi là còn hai bên cho nên không nhập tánh viên giác được. Tới chỗ cuối cùng thì năng sở đều bặt, năng sở không còn mới đi tới chỗ cứu cánh. Mục thứ tám của mười bức tranh chăn trâu chỉ là một vòng tròn không còn người chăn không còn trâu, người chăn và trâu phải tiêu vong mới đi tới chỗ chim bay về tổ, nước chảy về nguồn. Sau cùng mới buông thõng tay vào chợ, chứ còn người chăn còn trâu là chưa xong. Vừa thấy mình có cái để chứng để ngộ để liễu để giác là có lỗi. Phật mới ví như nước nóng mà chế trên băng. Nếu chúng ta cứ chế nước nóng trên khối nước đá thì nước đá sẽ tan. Khi tan ra nó có biết nó đang tan ra không? Không. Khi tan ra thì nước nóng và nước đá có thành hai thứ hay không? Không. Như vậy là năng sở không có, chính khi năng sở bặt dứt ấy mới nhập được tánh viên giác. Quý vị thấy thiền sư không bao giờ chấp nhận hai bên, vì còn hai bên là còn năng sở, mà còn năng sở thì không bao giờ vào được biển viên giác thanh tịnh.

Như vậy là các thiền sư đi vào chỗ không năng chứng sở chứng, năng ngộ sở ngộ, năng liễu sở liễu, năng giác sở giác, nên mới nhập vào được thể viên giác thanh tịnh. Các thiền sư nói *thấy được chỗ này rồi như người câm nằm mộng*. Nằm mộng thấy đủ thứ, sáng ra muốn kể cho người khác nghe, không biết làm sao mà kể. Chỗ này cũng vậy, nói ra là nằm trong năng sở.

Nên Tô Đông Pha nói rằng: *Ban đêm thấy được tám muôn bốn ngàn bài kệ, sáng ra không biết trình cái gì với người đây.* Thiền sư Việt Nam thì nói: *Bất tương hà ngữ dĩ truyền tâm (Không biết đem lời gì để truyền tâm cho được)* .

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất liễu tứ tướng, tuy kinh đa kiếp cần khổ tu đạo, đản danh hữu vi, chung bất năng thành nhất thiết thánh quả, thị cố danh vi chánh pháp mạt thế.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau không rõ bốn tướng, tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu hành chỉ gọi là hữu vi, trọn không thể thành tựu được tất cả thánh quả, cho nên gọi là chánh pháp mạt thế.

Giảng:

Đức Phật nói, những chúng sanh sau này tu hành không rõ bốn tướng, dù siêng năng tu hành mà rốt cuộc chỉ thuộc về pháp hữu vi chứ không được thành thánh quả. Tu như vậy là mạt pháp ở trong thời chánh pháp. Nếu chúng ta ở trong thời mạt pháp mà tu hành phá được bốn tướng thì nói ngược lại là chánh pháp ở trong thời mạt pháp. Như vậy chánh pháp hay mạt pháp là do chúng ta tu theo pháp hữu vi hay vô vi. Nếu tu theo pháp hữu vi để thụ hưởng, đó là chánh pháp trở thành mạt pháp. Nay nếu tu theo pháp vô vi để giải thoát sanh tử

thì mạt pháp trở thành chánh pháp. Như vậy chỗ chí yếu là phải đạt đạo chứ không phải đời này hay đời kia.

Âm:

Hà dĩ cố? Nhận nhất thiết ngã vi Niết-bàn cố, hữu chứng hữu ngộ danh thành tựu cố. Thí như hữu nhân dĩ tặc vi tử, kỳ gia tài bảo chung bất thành tựu.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì nhận tất cả ngã làm Niết-bàn, có chứng có ngộ gọi là thành tựu. Giống như người nhận giặc làm con thì gia bảo của họ trọn chẳng thành tựu.

Giảng:

Vừa nhận ngã tướng là nhận giặc làm con rồi vì ngã tướng là vô minh, mà nhận ngã tướng để tu thì cũng như ôm vô minh mà tu làm sao thành thánh quả? Khác nào chứa giặc trong nhà, làm sao bảo trì được của báu? Cho nên muốn tu thành thánh quả phải phá tan bản ngã, phải sống với chánh pháp. Nên trong nhà thiền thường nói *Phải tới chỗ đoạn mạng căn đó thì mới thể nhập được*. Chứ còn thấy mình cần có cái để sống để chứng để đắc thì chưa qua nổi, nhà thiền gọi là lao quan, cái cửa chắc nhất, cứng nhất. Thoát qua cửa đó rồi mới nhập được tánh viên giác.

Đức Phật đã hết lời chỉ dạy chỗ cốt yếu, vậy chúng ta ráng nhận cho ra và nắm lấy yếu chỉ đó mà tu hành, để khỏi phụ lòng ngài và phụ chí xuất gia của mình.

Âm:

Hà dĩ cố? Hữu ngã ái giả diệc ái Niết-bàn, phục ngã ái căn vi Niết-bàn tướng.

Dịch:

Vì cớ sao? Vì ái ngã thì cũng ái Niết-bàn, dẹp được gốc ái ngã là tướng Niết-bàn.

Giảng:

Vì còn ái ngã nên khi tu chúng ta mong có được cảnh an vui như Niết-bàn. Vì thế Niết-bàn do lòng yêu thích của mình muốn được, rốt cuộc rồi cũng là gốc sanh tử, chưa phải Niết-bàn cứu cánh. Thường người Việt Nam khi đề cập đến cái sướng thì hay nói sướng như tiên, cảnh nào đẹp đẽ thì nói đẹp như cảnh tiên. Có nhiều người tu được hỏi: Muốn thành cái gì? Họ trả lời: Thành tiên. Tu mà muốn sướng như tiên, đó cũng là vì bản ngã mà tu. Còn chấp ngã là còn vô minh chứ chưa thật tỉnh, chưa thật giải thoát sanh tử. Chính vì vậy tôi thường nói, nếu ai tu theo đạo Phật mà quan niệm mình tu thiền nhưng Phật không dạy cách tu để cho thân khoẻ mạnh sống lâu như đạo Tiên, thôi bây giờ mình lợi dụng pháp tu tiên để sống lâu khoẻ mạnh để có nhiều thời gian tu cho đạt đạo!... Nghĩ như thế có lỗi không? Có niệm muốn kéo dài mạng sống là còn ái ngã, còn ái ngã là còn vô minh, ôm vô minh để tu thì không bao giờ đạt được thánh quả. Đó là bệnh chứ không phải là Đạo cũng không phải là Thiền. Chủ yếu của đạo Phật tu là phá ngã, vừa khởi niệm lập ngã là bệnh rồi. Sở dĩ chúng ta

thích Niết-bàn vì biết Niết-bàn là cảnh an vui, và muốn chứng nhập để hưởng thụ, đó là lối tu hữu lậu chứ không phải vô lậu giải thoát.

Âm:

Hữu tắng ngã giả diệc tắng sanh tử, bất tri ái giả chân sanh tử cố, biệt tắng sanh tử, danh bất giải thoát.

Dịch:

Có ghét ngã cũng ghét sanh tử, vì không biết ái chính là sanh tử, riêng ghét sanh tử gọi là không giải thoát.

Giảng:

Có người nói, chúng ta khổ vì sanh tử, nên chán ghét sanh tử, phải làm sao tu để ra khỏi sanh tử. Tôi xin hỏi: Ai ra khỏi sanh tử? Có phải ngã không? Thế nên ghét sanh tử không phải là giải thoát, vì còn ngã tướng. Người tu chân chánh thì không yêu không ghét không cầu không mong, cứ nhậm vận mà tiêu mòn nghiệp cũ, và không tạo nghiệp đi trong sanh tử nữa mới là giải thoát. Ở thế gian có nhiều người thoạt nhìn thấy như họ hay lắm, nhưng đi sâu mới biết họ bệnh. Chẳng hạn như người nam thấy nữ sắc thích lắm, đó là người bệnh đành rồi; nhưng có người nam đối với nữ sắc, họ chê bai mạt sát, tránh né không dám nhìn, người ấy có bệnh không? Cũng bệnh luôn. Người tham đắm danh lợi không rời, đó là bệnh; còn người luôn luôn chửi bới danh lợi, người ấy cũng bệnh luôn. Ngày xưa mấy ông đồ Nho thi rớt

làm thơ, chúng ta đọc bài nào cũng thấy họ chửi bới danh lợi. Tại sao? Vì đi thi muốn đậu mà không đậu, nên tức mới chửi bới công danh. Những người chửi nhiều là ham danh lợi nhiều, bệnh cũng nhiều. Chính những người không yêu không ghét mới là người không bệnh. Khi hiểu kỹ rồi chúng ta thấy cõi đời này không có gì đáng yêu hay đáng chán, thế gian là như vậy, biết đúng lẽ thật của nó thì có gì ưa chán nữa đâu. Phật Bồ-tát đâu có chán ghét thế gian, các ngài còn tìm phương tiện đi vào thế gian này độ chúng sanh cho hết khổ kia mà!

Âm:

Vân hà đương tri pháp bất giải thoát? Thiện nam tử, bỉ mạt thế chúng sanh tập Bồ-đề giả, dĩ dĩ vi chứng vi tự thanh tịnh, do vị năng tận ngã tướng căn bản. Nhược phục hữu nhân tán thán bỉ pháp, tức sanh hoan hỷ tiện dục tế độ. Nhược phục phỉ báng bỉ sở đắc giả tiện sanh sân hận. Tắc tri ngã tướng kiên cố chấp trì, tiềm phục tạng thức, du hý chư căn tằng bất gián đoạn. Thiện nam tử, bỉ tu đạo giả bất trừ ngã tướng, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Làm sao biết được pháp không giải thoát? Này thiện nam, những chúng sanh đời sau tu đạo Bồ-đề, do đã chứng chút ít mà tự cho thanh tịnh nhưng vẫn chưa đoạn tận gốc ngã tướng. Nếu lại có người khen ngợi pháp của họ, họ liền sanh hoan hỷ muốn độ người đó. Nếu lại chê bai chỗ sở đắc của họ,

họ liền sanh sân hận, tức biết ngã tướng kiên cố chấp trì vẫn còn ẩn nấp nơi tạng thức và luôn lai vãng ở các căn không gián đoạn. Này thiện nam, người tu kia không đoạn trừ được ngã tướng nên không nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Đức Phật chỉ tướng ngã còn thầm thầm tế nhị vô cùng, chúng ta tu tập hạnh Bồ-đề giải thoát và được niềm vui vi diệu nho nhỏ cho là tâm được thanh tịnh, nhưng sự thật chưa dứt được cội gốc bản ngã. Vì nếu có người tới khen pháp mình tu thì vui vẻ hài lòng, tới chê pháp mình tu tà vạy thì nổi giận hầm hầm. Vậy rõ ràng bản ngã còn kiên cố, còn chấp trì bền vững chưa mất, còn đang ẩn trong tàng thức, đang dạo chơi nơi các căn nên vừa gặp cảnh liền phát ra. Biết vậy rồi chúng ta nên nỗ lực tu, nỗ lực dè dặt đề phòng mình. Được yên ổn chút ít đừng cho là rồi, chờ gặp cảnh mới biết.

Ở đây đức Phật chỉ thêm cho chúng ta thấy một bệnh nữa là bệnh ái pháp. Thí dụ như ở đây tôi dạy quý vị tu thiền, quý vị tu một thời gian tâm được yên yên, có người tới khen pháp tu thiền là đốn giáo thích hợp với người lý trí mạnh, quý vị sanh tâm vui mừng, muốn làm thầy tế độ người đó. Ngược lại có người tu Tịnh độ đến chê tu thiền là bậy, tu riết rồi điên, quý vị liền nổi giận cự với họ. Vì chúng ta còn chấp ngã nên khen pháp của ta thì ta vui mừng, chê pháp của ta thì ta liền nổi giận. Pháp Phật dạy là để chúng ta tu cho tâm được an ổn, được lợi ích, nhưng chúng ta vì pháp mà tranh hơn thua

thì mất lợi ích rồi. Đối với người, ai cần tu thì chúng ta sẵn sàng chỉ cho, ai không cần thì thôi. Người cho pháp tu của chúng ta sai là cái thấy của họ, họ có quyền phê phán, chúng ta cự lại làm gì cho mất mình? Họ nói pháp tu thiền điên mà chúng ta tu không điên thì có hại gì đâu? Chúng ta nổi sân cự lại họ thì hóa ra tu thiền điên thật rồi! Mình tu mình biết, ai khen ai chê cũng được. Học pháp để tu chứ không phải học pháp để tranh hơn thua. Còn tranh hơn thua thì không phải là người chân chánh tu hành, vì sự tranh hơn thua gốc từ bản ngã. Người còn chấp ngã, dù là vi tế, vẫn còn vô minh thì làm sao nhập được tánh viên giác thanh tịnh?

Âm:

Thiện nam tử, nhược tri ngã không, vô hủy ngã giả, hữu ngã thuyết pháp, ngã vị đoạn cố, chúng sanh thọ mạng diệc phục như thị.

Dịch:

Này thiện nam, nếu biết ngã không, không phá hoại ngã. Còn thấy có ta nói pháp, là chưa đoạn sạch ngã tướng, chúng sanh, thọ mạng cũng như thế.

Giảng:

Đức Phật nói: Tuy biết ngã tướng là không, nhưng cũng không nên tìm mọi cách để miệt thị hủy hoại ngã tướng. Nếu còn thấy ta là người thuyết pháp thì ngã tướng cũng chưa đoạn hết. Quý vị còn nhớ kinh Kim Cang định nghĩa: *Thuyết pháp là không có người hay thuyết, ấy gọi là thuyết pháp*.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh thuyết bệnh vi pháp, thị cố danh vi khả lân mẫn giả. Tuy cần tinh tiến tăng ích chư bệnh, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Này thiện nam, những chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp, thế nên gọi là người đáng thương xót. Tuy cần mẫn siêng năng, nhưng tăng thêm các bệnh, thế nên không nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Chúng ta bây giờ nói pháp là *nói bệnh làm pháp*. Quý vị ráng nhớ cho kỹ chỗ này: Người nói pháp, nói một hồi thì đề cập đến nhóm của ta, đoàn thể của ta... ta và của ta là hơn hết, rồi đả kích người này nhóm kia... Người học đạo chân chánh phải hiểu cho thấu đáo, đừng nghe những vị hướng dẫn sai lầm rồi mắc kẹt trong đó. Chúng ta không khéo tu thì cái ngã này chưa phá vỡ lại chồng thêm cái ngã khác, tu mãi ngàn đời cũng không giải thoát. Nói pháp của Phật mà nói không đúng nên thành bệnh. Lẽ ra đức Phật quở, nhưng ngài đầy lòng từ bi nên chỉ nói những người này đáng thương xót vậy, và nói chúng sanh đời sau nói bệnh làm pháp. Tuy có siêng năng tinh tấn nhưng chỉ làm thêm lớn bệnh của họ thôi, chứ không thể vào được tánh viên giác thanh tịnh.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất liễu tứ tướng, dĩ Như Lai giải cập sở hành xứ vi tự tu hành chung bất thành tựu.

Dịch:

Này thiện nam, những chúng sanh đời sau chẳng rõ bốn tướng, lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ tu hành của mình, trọn không thể thành tựu.

Giảng:

Khuyết điểm lớn của chúng ta là chưa phá được bốn tướng ngã nhân chúng sanh thọ giả mà lấy chỗ hiểu và hành của Như Lai làm chỗ tu hành của mình nên không thể thành thánh đạo. Vì chưa phá chấp bốn tướng nên tu theo bản ngã, bởi chấp lời dạy và sở hành của Phật, không hiểu nghĩa lý Phật dạy, tu hành theo cái chấp riêng tư của mình nên không có kết quả.

Âm:

Hoặc hữu chúng sanh vị đắc vị đắc, vị chứng vị chứng, kiến thắng tiến giả tâm sanh tật đố. Do bỉ chúng sanh vị đoạn ngã ái, thị cố bất năng nhập thanh tịnh giác.

Dịch:

Hoặc có chúng sanh chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, thấy người hơn mình tâm sanh tật đố. Bởi chúng sanh ấy chưa đoạn được ngã ái, cho nên chẳng nhập được tánh viên giác thanh tịnh.

Giảng:

Người chưa được nói được, chưa chứng nói chứng, Phật gọi là Tăng thượng mạn trong kinh Pháp Hoa. Thấy ai tu hơn mình, ai thuyết pháp hướng dẫn bổn đạo tu hành chân chánh, Phật tử theo đông, sanh lòng đố kỵ, nên biết người này chưa đoạn dứt ngã ái, bởi chưa dứt được ngã ái, nên họ không vào được tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh hy vọng thành đạo vô linh cầu ngộ, duy ích đa văn tăng trưởng ngã kiến. Đản đương tinh cần hàng phục phiền não khởi đại dõng mãnh, vị đắc linh đắc, vị đoạn linh đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố đối cảnh bất sanh, bỉ ngã ân ái nhất thiết tịch diệt, Phật thuyết thị nhân tiệm thứ thành tựu. Cầu thiện tri thức bất đọa tà kiến, nhược ư sở cầu biệt sanh tắng ái, tắc bất năng nhập thanh tịnh giác hải.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau mong được thành đạo, chẳng cầu giác ngộ chỉ cốt học nhiều, khiến cho tăng trưởng ngã kiến. Phải tinh tấn hàng phục phiền não, khởi đại dõng mãnh, những pháp chưa được khiến cho được, những cái chưa đoạn khiến phải đoạn, tham, sân, ái, mạn, siểm khúc, tật đố đối cảnh không sanh, ta người ân ái, tất cả đều vắng lặng. Phật nói người này thứ lớp thành tựu,

cầu thiện tri thức chẳng rơi vào tà kiến. Còn nếu đối với sở cầu, riêng sanh yêu ghét, chắc chắn không thể vào biển viên giác thanh tịnh được.

Giảng:

Tới đây đức Phật chỉ cho chúng ta thêm một bệnh nữa là người tu chân chánh tuy thành tâm cầu đạo, tham học nhiều mà không tu, chỉ tăng trưởng thêm đa văn, tức là thêm ngã kiến.

Muốn tiến đạo phải cố gắng hàng phục phiền não, khởi tâm đại dõng mãnh, những pháp lành chưa được phải thực hiện cho được, pháp ác chưa đoạn phải đoạn dứt, đưa tất cả những phiền não tham, sân, tắng, ái v.v... vào chỗ tịch diệt. Khi gặp cảnh đáng sân không sân, gặp cảnh đáng tham không tham... Làm sao khi gặp cảnh những thứ đó không khởi, được vậy thì Phật ấn chứng người đó thứ lớp được thành tựu đạo quả.

Phật còn dạy người tu phải cầu thầy sáng bạn tốt chỉ giáo để khỏi rơi vào tà kiến. Thêm nữa Phật bảo phải dè dặt, đối với thiện tri thức chớ sanh lòng yêu hay ghét riêng, nếu sanh lòng yêu ghét không thể vào biển viên giác được. Nghĩa là dù với bậc thầy dạy mình mà có niệm yêu ghét cũng khó vào biển viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Tịnh Nghiệp nhữ đương tri!

Nhất thiết chư chúng sanh

Giai do chấp ngã ái
Vô thủy vọng lưu chuyển,
Vị trừ tứ chủng tướng
Bất đắc thành Bồ-đề.
Ái tắng sanh ư tâm,
Siểm khúc tồn chư niệm,
Thị cố đa mê muộn
Bất năng nhập giác thành.
Nhược năng quy ngộ sát,
Tiên khử tham sân si,
Pháp ái bất tồn tâm,
Tiệm thứ khả thành tựu.
Ngã thân bản bất hữu,
Tắng ái hà do sanh?
Thử nhân cầu thiện hữu,
Chung bất đọa tà kiến.
Sở cầu biệt sanh tâm,
Cứu cánh phi thành tựu.

Dịch:

Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này mà nói kệ rằng:

Tịnh Nghiệp ông nên biết:
Tất cả các chúng sanh
Đều do chấp ngã ái

Luân hồi từ vô thủy,
Chưa trừ được bốn tướng
Chẳng được thành Bồ-đề.
Yêu ghét sanh nơi tâm,
Siểm khúc còn các niệm,
Cho nên nhiều mê muội
Không vào được thành giác.
Nếu hay về cõi ngộ,
Trước dẹp tham sân si,
Ái chẳng còn nơi tâm,
Dần dần sẽ thành tựu.
Thân ta vốn chẳng có,
Yêu ghét từ đâu sanh?
Người này cầu thiện hữu
Trọn chẳng rơi tà kiến.
Chỗ cầu riêng sanh tâm,
Cứu cánh chẳng thành tựu.

Giảng:

Quý vị thấy, đức Phật trị hết tất cả bệnh cho chúng ta, thật là một bậc đại Y vương. Nào là bệnh chấp ngã, ái ngã, ái pháp, ái sư v.v... chúng ta phải dẹp hết những bệnh đó thì mới mong vào được biển viên giác thanh tịnh, nếu không thì chúng ta trôi lăn mãi trong vòng luân hồi. Ngài chỉ rất rõ người tu mà còn kẹt trong bốn tướng, dù vi tế cũng không thành tựu đạo

Bồ-đề, tâm còn niệm yêu ghét là còn mê muội không vào được tánh viên giác. Muốn vào cảnh giới giác ngộ thì phải bỏ những bệnh tham, sân, si, ái ngã, ái pháp v.v... mới thành tựu đạo Bồ-đề. Phật lại dạy: Sở dĩ chúng ta có yêu ghét là do chấp thân này thật, nếu chúng ta thấy rõ thân này không thật có thì yêu ghét không từ đâu mà sanh. Người hiểu được lý vô ngã và áp dụng tu hành thì tiến vào biển viên giác không khó. Thêm nữa, chúng ta tìm thầy học đạo đừng để rơi vào tà kiến và khi gặp thầy học đạo cũng đừng sanh tâm yêu ghét, nếu có yêu ghét thì chướng ngại trên đường tu. Bỏ yêu ghét ở thế gian mà sanh yêu ghét ở trong đạo cũng là bệnh. Hiểu cho thật kỹ tu hành mới tiến được, hiểu không thật kỹ thì vừa mới hết bệnh này lại sanh bệnh khác. Người tu dùng pháp của Phật dạy cũng như người bệnh dùng thuốc vậy, biết bệnh biết thuốc thì hết bệnh, nếu không thì lầm lẫn có hại.

CHƯƠNG X

BỒ-TÁT PHỔ GIÁC THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Phổ Giác Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, khoái thuyết thiền bệnh, linh chư đại chúng đắc vị tằng hữu, tâm ý đãng nhiên hoạch đại an ẩn! Thế Tôn, mạt thế chúng sanh khứ Phật tiệm viễn, hiền thánh ẩn phục tà pháp tăng xí, sử chư chúng sanh cầu hà đẳng nhân? Y hà đẳng pháp? Hành hà đẳng hạnh? Trừ khử hà bệnh? Vân hà phát tâm linh bỉ quần manh bất đọa tà kiến?

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Khi ấy Bồ-tát Phổ Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, khéo nói thiền bệnh khiến cho đại chúng được điều chưa từng có, tâm ý rỗng rang được an ổn lớn! Bạch Thế Tôn, những chúng sanh đời mạt pháp cách Phật dần xa, thánh hiền ẩn khuất tà pháp tăng mạnh, vậy chúng sanh cầu những người nào, y những pháp gì, hành những hạnh gì, trừ những bệnh gì, làm thế nào phát tâm, khiến những kẻ mù tối chẳng rơi vào tà kiến?

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Phổ giác là biết cùng khắp. Bồ-tát Phổ Giác muốn cho tất cả mọi người đều thấy rõ, biết rõ mọi phương tiện, mọi đường lối tu hành để không còn bị chướng ngại. Đa số người lúc dụng công tu thường hay gặp chướng ngại, sở dĩ bị chướng ngại là do bệnh chấp ngã, chấp pháp. Cho nên Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thưa hỏi cầu Phật chỉ cho cách điều phục. Tuy điều phục được nghiệp chướng song vô minh vi tế vẫn còn che tánh viên giác, vì vậy tánh viên giác không chiếu soi cùng khắp, nên Bồ-tát Phổ Giác đứng ra thưa hỏi Phật năm điều:

1. Chúng sanh phải cầu ai làm minh sư để chỉ dạy tu hành?

2. Y theo pháp nào để tu?

3. Phải tu hạnh gì?

4. Phải trừ những bệnh gì?

5. Làm sao phát tâm, để tu hành khiến cho tánh viên giác chiếu soi cùng khắp?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Giác Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng tư vấn Như Lai như thị tu hành, năng thí mạt thế nhất thiết chúng sanh vô úy đạo nhãn, linh bỉ chúng sanh đắc thành thánh đạo. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Phổ Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh tương phát đại tâm cầu thiện tri thức dục tu hành giả, đương cầu nhất thiết chánh tri kiến nhân. Tâm bất trụ tướng, bất trước Thanh văn Duyên giác cảnh giới, tuy hiện trần lao tâm hằng thanh tịnh, thị hữu chư quá tán thán Phạm hạnh, bất linh chúng sanh nhập bất luật nghi. Cầu như thị nhân tức đắc thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Phổ Giác rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay thưa hỏi Như Lai đường lối tu hành như thế,

hay bố thí cho tất cả chúng sanh đời sau vô úy đạo nhãn khiến cho chúng sanh kia được thành thánh đạo. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Bấy giờ Bồ-tát Phổ Giác vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

- Này thiện nam, những chúng sanh đời sau sắp phát đại tâm cầu thiện tri thức để tu hành, phải cầu tất cả người có chánh tri kiến. Tâm không trụ tướng, chẳng chấp cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy hiện trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, dù có thị hiện những lỗi lầm mà vẫn tán thán hạnh thanh tịnh, không khiến chúng sanh vào chỗ trái với luật nghi. Cầu được người như thế tức được thành tựu pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Giảng:

Đức Phật dạy, chúng sanh tu trước là phải phát tâm Đại thừa sau là cầu thiện tri thức. Thiện tri thức là người có chánh tri kiến, không rơi vào các tà ngụy như mê tín cúng vái quỷ thần, không trụ phước báo phàm phu cõi người và cõi trời. Hai là không kẹt vào các quả vị Thanh văn Duyên giác. Ba là vị thiện hữu tri thức này tuy hiện thân ở trong cảnh trần lao ô nhiễm mà tâm hằng thanh tịnh, người đó mới xứng đáng là thiện tri thức. Bốn là họ hay bày ra có lỗi mà lúc đó vẫn tán dương hạnh thanh bạch. Trong giới tu hành, có những vị cũng còn một hai lỗi lầm, nhưng lúc nào họ cũng khuyên người chung quanh giữ hạnh thanh tịnh, không cho làm các nghiệp chẳng lành. Chúng ta gần người như vậy thì được lợi ích và sẽ thành tựu đạo Vô thượng Bồ-đề.

Người không mắc kẹt trong tà kiến, không ở trong cảnh giới Thanh văn Duyên giác, tuy ở trong trần lao mà tâm hằng thanh tịnh, đó là Bồ-tát rồi. Giả sử chúng ta tìm không được người như vậy, mà có những vị ở trong trần lao còn một hai lỗi lầm, chúng ta có nên gần gũi hay không? Nên gần, nhưng chúng ta phải nhận xét cho kỹ về vị đó. Thí dụ thỉnh thoảng vị thiện tri thức đó gặp việc trái ý, bực bội rồi cũng la cũng sân. Khi lỡ sân rồi họ nói: "Người tu không được quyền sân, sân là tánh xấu, đây là tôi dở mà tôi bỏ chưa được, quý vị đừng bắt chước cái dở của tôi, không tốt cho sự tu hành", thì khả dĩ được. Còn nếu vị đó nói: "Sân để làm lợi ích cho người ta, đâu có tội gì!" Người nói như thế chúng ta không nên gần. Tách bạch như vậy để quý vị nhận xét kỹ kẻo lầm. Những người biết tỉnh giác, tuy có lỗi là vì thói quen lâu đời bỏ chưa được, nhưng họ vẫn thú nhận đó là điều dở của họ và bảo người khác đừng bắt chước theo, vì những điểm dở ấy họ muốn bỏ nhưng sức tu còn yếu làm chưa được. Người như vậy tuy chưa thật hoàn toàn tốt, nhưng đó là mẫu người tốt. Còn nếu người làm dở mà cứ bao che cái dở của họ, cứ bào chữa tôi làm như vậy không có lỗi, làm như vậy là hạnh Bồ-tát, đó là hạng người chúng ta nên tránh xa.

Trong kinh có kể một đoạn về tiền thân của Phật khi còn là Bồ-tát. Có một tên cướp giả làm người chèo thuyền đưa một số người qua sông, trên thuyền lúc đó cũng có mặt ngài. Tên cướp muốn hành hung số người trên thuyền. Bồ-tát liền khởi nghĩ: "Nếu không giết chú chèo đò thì chú sẽ giết hết những người trên thuyền này!" Ngài bèn ra tay giết chú chèo đò để cứu

những chúng sanh kia. Khi hành sự, Bồ-tát nghĩ rằng: "Việc làm này tuy có trái với luật nhưng vì muốn cứu người nên một mình cam chịu tội, dù có bị đọa địa ngục ta vẫn vui." Như vậy mới đúng là người tu chân chánh, còn nói: "Tôi làm đây là để cứu chúng sanh, không tội lỗi gì hết", là phá luật nghi. Quý vị phải nhận xét cho kỹ, đời này có nhiều người hay vỗ ngực nói càn lắm. Sát sanh là giới đầu tiên của người tu Phật, mà nói giết người không tội là vô lý. Sở dĩ dám giết người là vì lòng từ muốn cứu nhiều người mà phải chịu tội lấy một mình. Hiểu như vậy quý vị mới biết người hành đạo chỗ nào đúng chỗ nào sai. Chứ đừng nghe trong kinh nói như vậy rồi nghĩ: "À, khi các ngài hiện những việc trái luật nghi như vậy mình cũng đừng cố chấp." Như vậy người tu muốn uống rượu ăn thịt cũng được sao? Nếu uống rượu ăn thịt mà vị đó tự nói lên: "Đây là việc làm trái luật nghi, đó là thói hư tôi chưa bỏ được, xin quý vị đừng bắt chước!" Người như vậy còn khả dĩ gần được, chứ đã phạm luật nghi mà còn nói càn: "Ôi chỗ nào cũng là đạo tràng, quán rượu thanh lâu cũng là đạo tràng." Người đó không nên gần. Hiểu rõ rồi, quý vị mới đoán định được ai là thiện tri thức, ai không phải thiện tri thức, để khỏi rơi vào trường hợp khi phát tâm chân chánh mà lại gặp những người tà ngụy, không tiến tu được.

Cầu thầy phải cầu người có chánh tri kiến. Bởi vì sanh trong thời mạt pháp, *Pháp nhược ma cường* tức là chánh pháp thì yếu mà tà pháp lại mạnh, tà pháp mạnh cho nên đi đâu cũng nghe nói pháp tà mãi thành nhiễm. Muốn cầu thầy học đạo phải khéo lựa chọn

vị thầy hướng dẫn tốt để đường tu chúng ta khỏi bị lạc, tu đúng chánh pháp để đạt đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Âm:

Mạt thế chúng sanh kiến như thị nhân ưng đương cúng dường bất tích thân mạng. Bỉ thiện tri thức tứ oai nghi trung thường hiện thanh tịnh, nãi chí thị hiện chủng chủng quá hoạn, tâm vô kiêu mạn, huống phục đoàn tài thê tử quyến thuộc. Nhược thiện nam tử ư bỉ thiện hữu bất khởi ác niệm, tức năng cứu cánh thành tựu chánh giác, tâm hoa phát minh chiếu thập phương sát.

Dịch:

Những chúng sanh đời sau gặp người như thế phải nên cúng dường chẳng tiếc thân mạng. Thiện tri thức ấy trong bốn oai nghi thường hiện thanh tịnh, cho đến thị hiện các thứ tội lỗi, tâm không kiêu mạn, huống nữa tài sản vợ con quyến thuộc. Nếu thiện nam tử đối với vị thiện hữu kia không khởi niệm ác, tức hay cứu cánh thành tựu chánh giác, tâm hoa phát sáng chiếu soi cả mười phương cõi nước.

Giảng:

Chỗ này Phật nói để cho chúng ta hiểu thêm một chút nữa. Người học đạo nếu không sáng dễ lầm. Hai trường hợp lầm, một là người chánh mà chúng ta tưởng là tà, hai là người tà mà tưởng là chánh.

Trường hợp thứ nhất, có những thiện tri thức hiện nghịch hạnh làm những chuyện thế gian, để đồng sự với chúng sanh mà giáo hóa họ hoặc để thử thách đồ đệ, nếu chúng ta không hiểu thì mất niềm tin. Như trường hợp ngài Thiện Chiêu, ngài là một vị thiền sư nổi tiếng trong tông Lâm Tế, người xưa nể phục gọi ngài là Sư tử Phần Dương. Trong pháp hội của ngài có cả thảy năm trăm người. Một hôm đến ngày kỵ mẫu thân, ngài bảo vị Tri sự:

- Bữa nay ông mua cá thịt với một chai rượu về tôi cúng bà thân tôi.

Vị Tri sự không dám cãi, đi mua rượu thịt về. Ngài cúng xong xuôi, dọn ra bàn và mời chúng:

- Quý vị cùng tôi ăn một bữa lấy thảo.

Chúng đều giật mình, không ai dám dự. Ngài ngồi ăn tự nhiên và nói:

- Thôi, chúng không dự thì tôi dự.

Chúng nghe danh ngài tìm tới học, bây giờ thấy ngài ăn thịt uống rượu một cách tự nhiên, ai nấy đều mất hết niềm tin. Qua hôm sau họ xin xuất chúng đi hết, chỉ còn lại có mấy người, trong số đó có ngài Từ Minh. Sau khi họ đi, ngài cười và nói:

- Ta chỉ tốn mâm cơm và chai rượu mà tống hết bốn trăm mấy chục người để khỏi tốn hao của thập phương bá tánh.

Vì những người đó họ chỉ chấp danh tướng mà không thấy tánh thật nên ngài thử xem họ có đủ

lòng tin đối với ngài không. Họ chỉ nghe danh chứ chưa thật hiểu và tin ngài, nên thấy những tướng bên ngoài như vậy liền bỏ đi. Ngài Từ Minh và mấy vị ở lại hiểu ngài nên không bỏ đi. Sau này ngài Từ Minh trở thành một vị cự phách trong tông Lâm Tế, dưới ngài, Dương Kỳ và Hoàng Long là khai tổ của hai phái thiền ở đời Tống rất hưng thịnh.

Như vậy đối với thiện tri thức chúng ta nhìn một cách cạn cợt nông nổi thì dễ bị lầm. Tại chúng tăng không xét kỹ, chứ người thấy đạo như ngài Phần Dương chẳng lẽ lại làm chuyện như vậy? Chẳng qua ngài thử chúng, xem chúng có vững niềm tin ngài là người thấy đạo và đã đủ sức hướng dẫn họ tu hành đến nơi đến chốn chưa. Thế mà họ không hiểu, cho ngài phá giới nên bỏ đi. Đó là lỗi không hiểu ông thầy nên mất lợi ích cho mình.

Trường hợp thứ hai, có những vị cứ dẫn câu "dù cho có quyến thuộc, thê tử..." để tự do có quyến thuộc, thê tử. Như vậy chúng ta cũng phải tin những vị đó sao? Chỗ này thật tế nhị vô cùng.

Đối với vị thiện tri thức chúng ta nên nhận cho đúng, luôn luôn quý kính và ở bên cạnh học hỏi tiến tu thì lần lần sẽ hết bệnh và thành tựu quả Phật. Lúc ấy *tâm hoa phát sáng chiếu soi cả mười phương cõi nước.*

Âm:

Thiện nam tử, bỉ thiện tri thức sở chứng diệu pháp ưng ly tứ bệnh. Vân hà tứ bệnh?

Nhất giả tác bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã ư bản tâm tác chủng chủng hạnh

dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi tác đắc cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Này thiện nam, vị thiện tri thức kia đã chứng diệu pháp nên lìa bốn bệnh. Thế nào là bốn bệnh?

Một là bệnh Tác. Nếu có người nói như thế này: "Bản tâm của tôi làm các thứ hạnh để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải do làm mà được, ấy gọi là bệnh.

Giảng:

Có nhiều người tu quan niệm rằng muốn được giác ngộ phải luyện cái này tập cái kia, như luyện chuyển luân xa, họ ngồi tưởng có một luồng điện chạy vòng vòng trong thân, thực tập mãi như thế thì sẽ thành đạo! Đó là một điều lầm lẫn lớn trong sự tu hành nên gọi là bệnh. Thành đạo là hằng sống với tánh viên giác; tánh viên giác thì tròn sáng sẵn có không do tạo tác, nếu còn tạo tác là còn sanh diệt không sống được với tánh viên giác. Có những người tu theo đạo Phật cho rằng, phải luôn luôn quán chiếu mới được viên giác, hoặc phải cất chùa mới có công đức, cất được một trăm ngôi chùa là thành Phật! Đó cũng là lầm. Nếu quán mà được viên giác sao ngài Pháp Dung ở Ngưu Đầu còn phải cầu Tứ tổ Đạo Tín dạy cho chỗ tâm yếu? Nếu cất nhiều chùa được thành Phật thì các ông vua ngày xưa thành Phật hết rồi. Như vua Lương Võ Đế ngày xưa cất chùa độ tăng biết bao nhiêu, sao không hội được chỗ cứu cánh nơi tổ Bồ-đề-đạt-ma? Tạo tác là tướng sanh diệt chứ không

phải cứu cánh của sự giác ngộ. Nếu chấp nhận do dụng công bằng hình thức mà được viên giác thì đó là hiểu lầm, nên gọi là bệnh.

Âm:

Nhị giả nhậm bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã đẳng kim giả bất đoạn sanh tử bất cầu Niết-bàn, Niết-bàn sanh tử vô khởi diệt niệm, nhậm bỉ nhất thiết tùy chư pháp tánh dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi nhậm hữu cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Hai là bệnh Nhậm. Nếu có người nói thế này: "Nay chúng ta không đoạn sanh tử chẳng cầu Niết-bàn, Niết-bàn sanh tử không niệm khởi diệt, mặc cho tất cả kia tùy các pháp tánh để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải mặc tình mà có, nên nói là bệnh.

Giảng:

Ở trên nói bệnh Tác tức là làm để được viên giác, bây giờ tới bệnh Nhậm là mặc kệ không làm gì hết, cứ tự nhiên mặc tình đói ăn mệt ngủ cũng được tánh viên giác. Gần đây có một số tu sĩ mắc phải bệnh này. Họ nói càn:

- Ối! Đói ăn mệt ngủ, cố gắng tu hành làm chi cho nhọc xác, kìm chế làm chi mặc ra sao thì ra!

Đó là nói theo bệnh lười biếng. Đành rằng chúng ta có sẵn tánh viên giác, nhưng đang bị vô minh che phủ

thì phải nỗ lực tu hành để xé toạc màn vô minh, mới sống được với tánh viên giác. Chúng ta còn mê mà để mặc tình thì ngàn đời vẫn đi trong mê muội, không thể nào tỉnh sáng!

Thí dụ như có một tấm gương sáng để bụi phủ quá lâu. Bây giờ có người cầm tấm gương ra họ thấy tối mò, họ không biết là gương. Có người trí nói với họ: "Đây là tấm gương sáng." Nghe nói tấm gương sáng, tự nó sáng không phải làm mà được, rồi họ để mặc không lau chùi. Nếu không lau chùi thì nó tối suốt đời. Tuy tấm gương không ai làm cho nó sáng được, nhưng phải lau hết bụi thì ánh sáng mới tỏ rõ. Như vậy mình lau bụi chứ không phải làm cho gương sáng. Cho nên nói làm cho gương sáng là bệnh, mà để mặc tình nó cũng là bệnh nữa. Chúng ta phải hiểu rõ chỗ này thì sự tu hành mới khỏi lầm lẫn.

Hai bệnh tác và nhậm đối nhau. Bệnh tác thì thúc liễm quá, dùng hình thức để tu nên lầm vì tướng mà không thấy được tánh. Còn bệnh nhậm thì chấp tánh, nghe nói bản tánh không phải làm mà ra, không phải tu mà được, nên mặc tình phóng túng. Hai cái này đều không phù hợp với viên giác.

Âm:

Tam giả chỉ bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã kim tự tâm vĩnh tức chư niệm đắc nhất thiết tánh, tịch nhiên bình đẳng dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi chỉ hợp cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Ba là bệnh Chỉ. Nếu có người nói thế này: "Nay ta tự tâm hằng dứt các niệm được tất cả tánh, lặng lẽ bình đẳng để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải do dừng chỉ mà có, nên nói là bệnh.

Giảng:

Chỗ này mới thật là khó, chúng ta tu được dạy phải dừng lặng vọng tưởng, sao kinh này nói lặng là bệnh? Dừng hết vọng tưởng chỉ còn có lặng lẽ bình đẳng thì hợp đạo quá, tại sao ở đây nói là bệnh? Vì viên giác là tánh giác hằng sáng chứ không phải do đè, dừng lại tức là đè nó xuống thì rơi vào bệnh vô ký. Ở đây đức Phật dạy chúng ta, khi lặng hết những tạp niệm lăng xăng, vẫn biết mình có tánh giác tròn sáng. Ngồi thiền lúc vọng tưởng lặng hết, tai chúng ta vẫn nghe tiếng đồng hồ tích tắc, tiếng xe chạy ngoài đường, tiếng gà gáy... Chúng ta vẫn nghe biết chứ không phải không ngơ không biết gì. Bệnh này rất tế nhị, chúng ta phải dè dặt.

Âm:

Tứ giả diệt bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn: "Ngã kim vĩnh đoạn nhất thiết phiền não, thân tâm tất cánh không vô sở hữu, hà huống căn trần hư vọng cảnh giới, nhất thiết vĩnh tịch dục cầu viên giác." Bỉ viên giác tánh phi tịch tướng cố, thuyết danh vi bệnh.

Dịch:

Bốn là bệnh Diệt. Nếu có người nói như thế này: "Nay ta nên đoạn hẳn tất cả phiền não, thân tâm

hoàn toàn không, không sở hữu, huống là cảnh giới hư vọng của căn trần, tất cả đều vắng lặng để cầu viên giác." Song tánh viên giác kia chẳng phải tướng tịch diệt, nên nói là bệnh.

Giảng:

Chỗ này càng khó hơn. Bởi vì đến giai đoạn này thì người tu đã đoạn sạch phiền não, họ cho là tất cả phiền não đoạn hết, nên thân tâm rốt ráo là không, huống nữa là căn trần, những cái đó đều là không có. Thấy tất cả đều lặng lẽ là đúng một phần, vì tánh viên giác không phải cái hoàn toàn lặng lẽ ấy. Giác thì phải biết, mà biết thì đâu phải chỉ lặng hoàn toàn mà không biết. Như chuyện *Bà già đốt am*, khi ông thầy đã tu đến chỗ gặp duyên xúc cảnh đọc câu thơ: *Khô mộc ỷ hàn nham, Tam xuân vô noãn khí* (cây khô tựa trên núi lạnh, ba mùa xuân qua rồi mà không có chút hơi ấm), nghĩa là ông bây giờ như cây khô lạnh trên núi, không có dấy khởi một niệm nào nữa. Như vậy theo chúng ta là quá hay rồi, khi tất cả động tác của người xúc chạm đến mình mà mình vẫn lặng lẽ không dấy niệm là hay tột bậc, nhưng đó là bệnh thứ tư ở đây nói. Nên bà già đó đã đốt am đuổi Thầy đi và nói: Uổng công nuôi Thầy. Như vậy để thấy khô lặng chưa phải là rồi, mà còn phải thấy được tánh viên giác tròn đầy của chính mình nữa. Chúng ta thấy trình độ của bà già đó không phải là ít. Chỗ này thật khó, chúng ta tu phải khéo nếu không thì rơi vào đoạn diệt. Người tu mà lệch một tí là sai.

Hai bệnh Chỉ và Diệt lỗi tại chưa nhận ra tánh viên giác cho nên thành bệnh.

Âm:

Ly tứ bệnh giả tắc tri thanh tịnh, tác thị quán giả danh vi chánh quán, nhược tha quán giả danh vi tà quán.

Dịch:

Lìa bốn bệnh đó thì biết đã thanh tịnh, khởi quán như thế là chánh quán, nếu quán khác đi gọi là tà quán.

Giảng:

Đoạn này Phật kết luận, người lìa bốn bệnh Tác Nhậm Chỉ Diệt mới hợp với tánh viên giác; vì tánh viên giác là thể thanh tịnh tròn sáng, không sanh không diệt, không nhơ không sạch, vô vi vô lậu... Nếu chấp tướng Tác Nhậm Chỉ Diệt để cầu thì không hợp với tánh viên giác.

Tôi xin nhắc lại tất cả bốn bệnh cho quý vị thấy rõ hơn từng bệnh.

Bệnh Tác là dùng công năng huân tập hay tạo tác để mong được đạo. Như thế không phải, vì công năng huân tập tạo tác là sanh diệt, cho nên dùng nó để mong được tánh viên giác là không được. Bệnh này dễ hiểu.

Hai là Nhậm, để mặc tình ra sao cũng được. Chúng ta đang bị vô minh che mà tha hồ để nó ra sao cũng được thì suốt kiếp cứ mê hoài. Bệnh này cũng dễ hiểu.

Ba là Chỉ, tức là đè cho nó yên xuống, nghĩa là dừng vọng tưởng. Tánh giác thì hằng tri hằng giác, mà đè nó lặng đâu phải là giác, vì giác thì luôn luôn linh động sáng suốt nên gọi là *liễu liễu thường tri*.

Bốn là Diệt, tất cả phiền não đều dứt, thân tâm thấy rỗng không, cảnh giới cũng thấy rỗng không, rồi cho cái rỗng không là đạo, đó cũng là lệch. Vì đạo là giác mà cho thân tâm rỗng không, không có gì đâu phải là giác. Trong nhà thiền thường nói *vô tâm*, vô tâm là không tâm sanh diệt phiền não, chứ không phải là không có cái tâm chân thật thanh tịnh sáng suốt. Khi chúng ta hết phiền não, hết những niệm chạy theo cảnh theo duyên, thì tánh hằng giác hằng linh động hiển hiện, chứ cho rằng hết những cái đó là rỗng không không có gì thì không đúng.

Chúng ta tu mà lệch một tí là xa đạo. Thật ra bốn cái này không phải là bệnh, mà do chấp nên thành bệnh, ban đầu tu phải nhờ nó, nhưng đến giai đoạn nào đó thì phải buông. Khi chúng ta tu mượn Chỉ, Tác hay Diệt để trừ các phiền não, phiền não hết thì nhận ra tánh giác. Nếu hết phiền não mà nhận chỗ không phiền não lặng lẽ là cứu cánh thì là lầm.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh dục tu hành giả, ưng đương tận mạng cúng dường thiện hữu, sự thiện tri thức, bỉ thiện tri thức dục lai thân cận ưng đoạn kiêu mạn, nhược phục viễn ly ưng đoạn sân hận.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau muốn tu hành phải trọn đời cúng dường thờ phụng thiện hữu tri thức, thiện tri thức kia muốn đến thân cận phải đoạn tâm kiêu mạn, nếu lại xa lìa phải đoạn sân hận.

Giảng:

Đây là những bệnh của học trò, tuy thành tâm thờ thầy đúng pháp, song gần thầy được thầy dạy dỗ thì sanh tâm ngã mạn, cho rằng: Thầy thương tôi, thầy luôn luôn lo lắng cho tôi. Trái lại thầy có những Phật sự phải đi chỗ khác, thì họ buồn trách: Thầy bỏ không lo cho tôi nữa, từ đây tôi biết nương tựa ai? Rồi phiền não. Đó là bệnh. Quý vị xét xem có những bệnh như vậy không? Nếu có thì phải bỏ mới đúng tinh thần của người học đạo.

Âm:

Hiện nghịch thuận cảnh do như hư không, liễu tri thân tâm tất cánh bình đẳng, dữ chư chúng sanh đồng thể vô dị như thị tu hành phương nhập viên giác.

Dịch:

(Nếu thiện tri thức) có hiện ra cảnh nghịch thuận vẫn như hư không, rõ biết thân tâm rốt ráo đều bình đẳng, cùng với chúng sanh đồng thể không khác. Tu hành như thế mới vào được tánh viên giác.

Giảng:

Cảnh thuận nghịch là như thế này. Cảnh thuận: Có Phật tử muốn thỉnh Thầy về nhà cúng dường bữa trưa, Thầy ưng thuận tới thọ trai, thì đừng vì cảnh thuận đó mà quá mến Thầy. Cảnh nghịch: Giả sử chúng ta có duyên sự cần thỉnh Thầy tới để trợ giúp, Thầy từ chối,

không vì lý do Thầy từ chối mà giận Thầy. Đó mới là Phật tử chân chánh. Tuy nói vậy nhưng cũng hơi khó làm. Hoặc là khi vị thiện tri thức khởi thuận hạnh khuyên lơn vỗ về bảo ráng tu thì chúng ta bằng lòng, cho rằng thầy tôi hiền lành từ bi. Nhưng bất thần hôm nào vị thiện tri thức la rầy thì chúng ta cho là ông thầy sân quá, không gần nữa. Đâu biết rằng vị thầy muốn hiện nghịch hạnh coi chúng ta có chịu nổi hay không. Như trường hợp ngài Từ Minh đến học đạo với ngài Phần Dương Thiện Chiêu, ngài Từ Minh trước là một nho sĩ, đến nhập chúng đã hai năm mà chưa được dạy bảo. Mỗi khi Sư vào thưa hỏi, chỉ bị Phần Dương mắng chửi thậm tệ, hoặc nghe chê bai những vị khác, nếu có dạy bảo toàn dùng những lời thế tục thô bỉ. Một hôm Sư trách:

- Từ ngày đến pháp tịch này đã qua mất hai năm mà chẳng được dạy bảo, chỉ làm tăng trưởng niệm thế tục trần lao, năm tháng qua nhanh việc mình chẳng sáng, mất cái lợi của kẻ xuất gia.

Sư nói chưa dứt, Phần Dương nhìn thẳng vào Sư mắng:

- Đây là ác tri thức dám chê trách ta.

Phần Dương nổi nóng cầm gậy đuổi đánh. Sư toan la cầu cứu, Phần Dương liền bụm miệng Sư. Sư chợt đại ngộ, nói:

- Mới biết đạo của Lâm Tế vượt ngoài thường tình.

Thật là lạ lùng! Chúng ta phải hiểu có những trường hợp thầy hiện nghịch hạnh như vậy. Bởi vì người học trò khi khuyên lơn an ủi thì vui vẻ lo tu, họ chỉ tu

trong cảnh êm ái nhẹ nhàng mới tiến, nhưng khi gặp những nghịch cảnh họ không chịu nổi. Thầy muốn cho đồ đệ tiến hơn nên phải hiện ra nghịch hạnh. Ở trong nghịch cảnh mà trò tiến được mới là thứ thiệt. Vì vậy ở đây đức Phật dạy rõ, giả sử người tu có gặp nghịch hạnh thuận hạnh gì cũng xem như không, không dính gì với mình, khen cũng vậy mà mắng chửi cũng vậy, đều biết rõ thân tâm mình rốt ráo bình đẳng, cùng với các chúng sanh đồng thể không khác. Người được như vậy mới vào tánh viên giác. Phật sợ chúng sanh sau này gặp cảnh thuận thì tu được còn gặp cảnh nghịch thì không tu, cho nên ngài dạy trước để gặp trường hợp nào cũng phải biết rõ ràng khỏi thối thất Bồ-đề tâm.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh bất đắc thành đạo, do hữu vô thủy tự tha tắng ái nhất thiết chủng tử cố vị giải thoát.

Dịch:

Này thiện nam, chúng sanh đời sau không được thành đạo, do có tất cả chủng tử yêu ghét mình người từ vô thủy nên chưa giải thoát.

Giảng:

Đức Phật nói cái gốc không thành đạo là chủng tử đối đãi yêu ghét, ta người từ vô thủy đến giờ. Quý vị kiểm lại xem còn có chủng tử đó hay không, nếu còn là chưa thành đạo, khi nào chủng tử đó hết, không muốn thành đạo cũng thành. Chúng ta quen thói cực đoan,

nếu không yêu thì ghét, không ghét thì yêu, chúng ta ít khi xử sự bình đẳng với mọi người. Đó là do tất cả chủng tử yêu ghét quá nhiều trong tàng thức cột trói chúng ta, cho nên không được giải thoát.

Âm:

Nhược phục hữu nhân, quán bỉ oan gia như kỷ phụ mẫu tâm vô hữu nhị, tức trừ chư bệnh. Ư chư pháp trung tự tha tắng ái diệc phục như thị.

Dịch:

Nếu lại có người xem kẻ oan gia kia như cha mẹ mình, tâm không có hai, tức trừ các bệnh. Đối với các pháp tự tha tắng ái cũng lại như thế.

Giảng:

Ai xem người chửi mình hại mình như cha mẹ mình thì người đó trừ được các bệnh. Bây giờ quý vị ráng tập cho được như vậy. Chúng ta cung kính cha mẹ bao nhiêu thì cung kính người chửi mắng mình cũng bấy nhiêu, chắc chắn là hết bệnh. Vì có yêu mới có ghét, mà người mình ghét thấy như cha mẹ tức là hết ghét, hết ghét đâu còn yêu nữa. Như vậy mới trừ hết các bệnh. Trừ bệnh này là phương pháp tối quan trọng, nếu chúng ta không dùng trí quán mạnh thì không bao giờ tập được tâm này. Điều đó dễ làm hay khó làm? Nếu khó thì khó giải thoát, khó làm mà làm được thì chắc chắn giải thoát. Như vậy những công thức để giải thoát Phật đưa ra quá rõ ràng, cứ thực hành đúng công thức thì sẽ ra đúng đáp số. Sự tu hành cũng vậy, muốn giải thoát

thì phải thực hành theo lời Phật dạy, chứ muốn cầu giải thoát mà từ chối không thực hành điều Phật dạy thì không bao giờ giải thoát nổi. Bây giờ chưa được thì ráng mai mốt phải thực hành cho được chứ không thể từ chối, nói rằng: "Tôi căn cơ thấp lắm, Phật dạy cao quá tôi làm không nổi!" Nếu từ chối như vậy là từ chối sự giải thoát. Quý vị xét kỹ xem có người nào đáng thương đáng ghét không? Nếu còn thấy có người đáng thương đáng ghét thì biết rõ chúng ta là kẻ phàm phu. Nếu chúng ta xem mọi người bình đẳng thì chắc chắn giải thoát.

Như trong kinh Pháp Hoa phẩm Đề-bà-đạt-đa, Phật nói: "Đề-bà-đạt-đa là thiện hữu tri thức bậc nhất của ta, nhờ Đề-bà-đạt-đa mà ta mau thành Phật." Trong khi Đề-bà-đạt-đa bao nhiêu đời đã hành hạ ngài. Như vậy ngài không thấy đó là chướng ngại là đày đọa khổ sở, mà lại thấy đó là phương tiện để ngài tiến đạo. Nếu chúng ta thấy người hành hạ đày đọa mình là người bạn lành bậc nhất làm cho mình tiến đạo thì người cúng dường ủng hộ mình cũng là thiện tri thức bậc nhất giúp mình đủ phương tiện tiến đạo. Thấy cả hai là thiện hữu tri thức thì tâm bình đẳng. Tu Đại thừa Phật giáo là cốt phát tâm đại bi, tâm đại bi là thương tất cả chúng sanh. Phát tâm bình đẳng là khi nào thấy kẻ oán người thân đều bình đẳng. Phải ráng tập hai cái đều bình đẳng thì tu hành hết bị chướng, gặp gì cũng là duyên tốt để tiến. Chưa được vậy thì như chiếc thuyền không có người chèo, gặp gió thuận thì trôi lên, gặp gió nghịch thì đùa xuống. Chúng ta phải làm sao thuận nghịch đều tiến thì mới là người tu không bệnh.

Âm:

Thiện nam tử, mạt thế chúng sanh dục cầu viên giác, ưng đương phát tâm tác như thị ngôn: "Tận ư hư không nhất thiết chúng sanh, ngã giai linh nhập cứu cánh viên giác, ư viên giác trung vô thủ giác giả, trừ bỉ ngã nhân nhất thiết chư tướng." Như thị phát tâm bất đọa tà kiến.

Dịch:

Này thiện nam, các chúng sanh đời sau muốn cầu viên giác nên phải phát tâm nói như thế này: "Tất cả chúng sanh tận hư không, con đều khiến vào hết trong viên giác rốt ráo, ở trong viên giác không chấp thủ cái giác, trừ tất cả tướng ngã nhân." Phát tâm như vậy không rơi vào tà kiến.

Giảng:

Phật dạy khi phát tâm thì nguyện: tất cả chúng sanh tột cả hư không, nay con đều đem họ vào tánh viên giác rốt ráo, ở trong tánh viên giác không chấp thủ cái giác, trừ sạch tất cả những tướng nhân ngã... Phát tâm như thế là không rơi vào tà kiến. Ở đây có ai phát tâm được như vậy chưa? Hay phát tâm tu hành để độ cha mẹ dòng họ? Chúng ta tu là nguyện cho tất cả chúng sanh đều thể nhập viên giác chứ không phải chỉ nguyện riêng cho mình hay cho gia quyến mình. Nếu chỉ nguyện riêng cho chúng ta hay gia quyến là nhân ngã còn, mà nhân ngã còn thì không bao giờ vào được tánh viên giác.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Phổ Giác nhữ đương tri!
Mạt thế chư chúng sanh
Dục cầu thiện tri thức
Ưng đương cầu chánh kiến
Tâm viễn Nhị thừa giả.
Pháp trung trừ tứ bệnh
Vị Tác Chỉ Nhậm Diệt,
Thân cận vô kiêu mạn,
Viễn ly vô sân hận.
Kiến chủng chủng cảnh giới
Tâm đương sanh hy hữu
Hoàn như Phật xuất thế.
Bất phạm phi luật nghi,
Giới căn vĩnh thanh tịnh,
Độ nhất thiết chúng sanh
Cứu cánh nhập viên giác.
Vô bỉ ngã nhân tướng
Đương y chánh trí tuệ
Tiện đắc siêu tà kiến
Chứng giác Bát-niết-bàn.

Dịch:

Bấy giờ đức Phật muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Phổ Giác ông nên biết:
Những chúng sanh đời sau

Muốn cầu thiện tri thức
Nên cầu người chánh kiến
Tâm xa lìa Nhị thừa.
Trong pháp trừ bốn bệnh
Là Tác Chỉ Nhậm Diệt,
Thân cận không kiêu mạn,
Xa lìa không sân hận.
Thấy các thứ cảnh giới
Tâm phải sanh hy hữu
Xem như Phật ra đời.
Không phạm điều trái luật,
Giới căn hằng thanh tịnh,
Độ tất cả chúng sanh
Rốt ráo vào viên giác.
Không có tướng ngã nhân
Nên y chánh trí tuệ
Liền được khỏi tà kiến
Chứng giác Bát-niết-bàn.

Giảng:

Trong bài trùng tụng này, đức Phật lặp lại để giải rõ sự tu hành của chúng ta như ngài Phổ Giác hỏi ở trước.

Làm sao cầu thiện tri thức? Chọn thầy chọn bạn, phải lựa người không tà kiến.

Phải trừ những pháp gì? Đừng gần gũi pháp Nhị thừa và trong khi tu phải trừ bốn bệnh Tác Chỉ Nhậm Diệt.

Khi gần gũi thiện tri thức phải làm sao? Khi thân cận thiện tri thức thì chớ khinh lờn kiêu mạn, khi thiện tri thức đi xa thì chớ sân hận. Thiện tri thức có hiện bất cứ thuận hạnh hay nghịch hạnh thì nên khởi tâm hy hữu xem như Phật ra đời, không nên xem thường.

Phát tâm tu thế nào? Phải luôn luôn giữ đúng luật nghi. Dứt tâm nhân ngã, độ tất cả chúng sanh vào viên giác, luôn luôn y theo trí tuệ chân chánh. Người được như vậy mới vượt ra khỏi tà kiến.

Chúng ta là những kẻ học đạo, muốn hết bệnh và sự tu hành không lầm lẫn, không rơi vào tà kiến thì những điều đức Phật dạy chúng ta phải nhớ. Trong bốn bệnh đó phải là người chuyên môn mới thấy rõ. Những lối cư xử với thiện tri thức như: gần mà không kiêu mạn, xa mà không sân hận, đó là chuyện dễ biết dễ thấy còn khó làm thay! Huống là coi kẻ thù như cha mẹ, thật không phải đơn giản dễ dàng! Song nếu ai làm được mới thật là người giải thoát. Vì đạo giải thoát là không còn thấy hai bên yêu ghét, nếu còn kẻ thù là còn ghét, còn ghét tức là còn yêu. Chúng ta bặt hết yêu ghét thì vào đạo không khó vậy.

CHƯƠNG XI

BỒ-TÁT VIÊN GIÁC THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Viên Giác Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, vị ngã đẳng bối quảng thuyết tịnh giác chủng chủng phương tiện, linh mạt thế chúng sanh hữu đại tăng ích. Thế Tôn, ngã đẳng kim giả dĩ đắc khai ngộ, nhược Phật diệt hậu mạt thế chúng sanh vị đắc ngộ giả, vân hà an cư tu thử viên giác thanh tịnh cảnh giới? Thử viên giác trung tam chủng tịnh quán dĩ hà vi thủ? Duy nguyện đại bi vị chư đại chúng cập mạt thế chúng sanh thí đại nhiêu ích.

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Viên Giác ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì bọn chúng con rộng nói các thứ phương tiện tịnh giác, khiến cho chúng sanh đời sau được lợi ích lớn. Bạch Thế Tôn, chúng con ngày nay đã được khai ngộ, nếu sau khi Phật diệt độ, chúng sanh đời sau chưa được ngộ làm thế nào mà an cư để tu cảnh giới thanh tịnh viên giác này? Trong viên giác này ba thứ quán thanh tịnh tu pháp nào trước? Cúi mong Thế Tôn đại bi vì các đại chúng và chúng sanh đời sau bố thí lợi ích lớn.

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa thỉnh như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Viên giác là giác viên mãn hoàn toàn. Vì viên giác là tròn khắp nên không những bậc thượng căn được giác, trung căn được giác mà hạ căn cũng được giác. Ở trước Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng thưa hỏi để dạy cho người tu dẹp sạch các nghiệp chướng. Tuy sạch các nghiệp chướng nhưng tánh viên giác chưa được phổ biến, nên Bồ-tát Phổ Giác cầu Phật chỉ dạy phương pháp tu hành để cho tánh giác được phổ biến. Tuy tánh giác được phổ biến mà vẫn chưa viên mãn, vì vậy ở đây Bồ-tát Viên Giác đứng lên hỏi Phật hai câu:

1. Chúng sanh đời sau chưa ngộ làm sao an cư được trong cảnh giới viên giác thanh tịnh?

2. Ba thứ phương tiện (Chỉ, Quán, Thiền) nên tu pháp nào trước?

Đoạn này chú trọng về phần sự tướng tu hành.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Viên Giác Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi vấn ư Như Lai như thị phương tiện, dĩ đại nhiêu ích thí chư chúng sanh. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Viên Giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

- Thiện nam tử, nhất thiết chúng sanh nhược Phật trụ thế, nhược Phật diệt hậu nhược pháp mạt thời, hữu chư chúng sanh cụ Đại thừa tánh, tín Phật bí mật đại viên giác tâm, dục tu hành giả, nhược tại già-lam an xử đồ chúng, hữu duyên sự cố tùy phần tư sát, như ngã dĩ thuyết.

Dịch:

Khi ấy đức Thế Tôn bảo Bồ-tát Viên Giác rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay hỏi Như Lai phương tiện như thế, đem lợi ích lớn bố thí cho các chúng sanh. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Lúc ấy Bồ-tát Viên Giác vâng lời dạy, hoan hỷ cùng đại chúng lặng lẽ lắng nghe.

- Này thiện nam, tất cả chúng sanh trong thời Phật tại thế, hoặc sau khi Phật diệt độ hoặc thời mạt pháp, nếu có chúng sanh đầy đủ căn tánh Đại thừa, tin được tâm đại viên giác bí mật của Phật, muốn tu hành, nếu tại già-lam thì nên sắp xếp trong đồ chúng, hoặc có duyên sự thì nên tùy phần mà quán sát như ta đã nói.

Giảng:

Đầu tiên đức Phật dạy lập hình tướng đạo tràng. Khi Phật còn ở đời hoặc sau khi Phật diệt độ hay trong thời mạt pháp, nếu người có căn tánh Đại thừa muốn tu, điều căn bản là phải ở trong già-lam và ở trong đại chúng mà tu, còn nếu có duyên sự bận rộn thì tùy phần quán sát như Phật đã dạy.

Âm:

Nhược phục vô hữu tha sự nhân duyên, tức kiến đạo tràng đương lập kỳ hạn, nhược lập trường kỳ bá nhị thập nhật, trung kỳ bá nhật, hạ kỳ bát thập nhật, an trí tịnh cư. Nhược Phật hiện tại, đương chánh tư duy; nhược Phật diệt hậu, thi thiết hình tượng, tâm tồn mục tưởng sanh chánh ức niệm, hoàn đồng Như Lai thường trụ chi nhật. Huyền chư phan hoa kinh tam thất nhật, khể thủ thập phương chư Phật danh tự, cầu ai sám hối; ngộ thiện cảnh giới đắc tâm khinh an. Quá tam thất nhật, nhất hướng nhiếp niệm.

Dịch:

Nếu người không có các duyên sự khác thì dựng lập đạo tràng nên lập kỳ hạn, hoặc lập trường kỳ một trăm hai mươi ngày, hoặc trung kỳ thì một trăm ngày, còn hạ kỳ thì tám mươi ngày để an cư cho thanh tịnh. Nếu Phật còn tại thế thì nên chánh tư duy. Nếu sau khi Phật diệt độ, nên thiết lập hình tượng, mắt nhìn tâm tưởng sanh nghĩ nhớ chân chánh, như lúc Phật còn ở đời vậy. Treo các tràng phan hương hoa trải qua hai mươi mốt ngày, đầu thành đảnh lễ danh hiệu chư Phật mười phương chí thành sám hối, thấy những cảnh giới lành thì tâm được nhẹ nhàng. Qua hai mươi mốt ngày một bề nhiếp niệm.

Giảng:

Phật dạy: Nếu Phật còn tại thế thì chúng ta chỉ chánh tâm nhớ nghĩ đến đức Phật từ hình dáng ngôn ngữ và những điều thấy nghe nơi Phật không cần có hình tượng. Nếu sau khi Phật diệt độ thì nên lập ra hình tượng để mắt nhìn tâm tưởng khởi niệm chân chánh, xem như đức Phật còn ở đời vậy. Cách an cư này Phật dạy cũng giống như cách nhập thất, trong mỗi kỳ hạn hoặc dài hoặc ngắn, thì trong hai mươi mốt ngày đầu thành đảnh lễ các đức Phật trong mười phương, chí thành sám hối chừng nào thấy điềm lành thì tâm mới nhẹ nhàng, từ đó bắt đầu dụng tâm nhiếp niệm.

Âm:

Nhược kinh hạ thủ, tam nguyệt an cư, đương vi thanh tịnh Bồ-tát chỉ trụ, tâm ly Thanh văn

bất giả đồ chúng. Chí an cư nhật tức ư Phật tiền tác như thị ngôn: "Ngã Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di mỗ giáp, cứ Bồ-tát thừa tu tịch diệt hạnh, đồng nhập thanh tịnh thật tướng trụ trì, dĩ đại viên giác vi ngã già-lam, thân tâm an cư, bình đẳng tánh trí, Niết-bàn tự tánh, vô hệ thuộc cố. Kim ngã kính thỉnh bất y Thanh văn, đương y thập phương Như Lai cập đại Bồ-tát tam nguyệt an cư, vị tu Bồ-tát Vô thượng diệu giác đại nhân duyên cố bất hệ đồ chúng." Thiện nam tử, thử danh Bồ-tát thị hiện an cư, quá tam kỳ nhật tùy vãng vô ngại.

Dịch:

Nếu nhằm đầu mùa Hạ, an cư ba tháng phải an trụ theo hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, tâm lìa Thanh văn, chẳng nương đồ chúng. Đến ngày an cư phải đối trước Phật, bạch như thế này: "Con là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni hoặc Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tên là... y cứ theo Bồ-tát thừa tu hạnh tịch diệt, đồng vào trụ trì thật tướng thanh tịnh, lấy đại viên giác làm ngôi già-lam của con, thân tâm an cư trong tánh trí bình đẳng, vì tự tánh Niết-bàn không có hệ thuộc. Nay con kính xin không y nơi Thanh văn, chỉ y mười phương Như Lai và đại Bồ-tát an cư ba tháng. Con vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát Vô thượng diệu giác nên không hệ thuộc đồ chúng." Này thiện nam, đây gọi là Bồ-tát thị hiện an cư, qua ba hạn kỳ thì qua lại không ngại.

Giảng:

Phật dạy cách an cư này khác hơn cách an cư của chúng ta. Chúng ta an cư thì ở trong đồ chúng

Thanh văn, Tỳ-kheo hoặc Tỳ-kheo-ni, rồi lấy giới luật Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni làm căn bản. Ở đây Phật dạy các vị nên y cứ theo Bồ-tát thừa tu về hạnh tịch diệt và trụ nơi thật tướng thanh tịnh, lấy đại viên giác làm già-lam, thân tâm an cư trong tánh trí bình đẳng, chứ không phải an cư trong một khu vực như chúng ta. Các vị này chẳng nương nơi Thanh văn mà y nơi mười phương chư Phật và Bồ-tát an cư ba tháng. Các vị này vì nhân duyên lớn tu hạnh Bồ-tát cầu quả Vô thượng diệu giác nên không lệ thuộc vào đồ chúng. Tu như vậy là tu theo hạnh Bồ-tát nên chỉ nương Bồ-tát và chư Phật, đó là Phật dạy an cư theo tánh viên giác.

Âm:

Thiện nam tử, nhược bỉ mạt thế tu hành chúng sanh cầu Bồ-tát đạo nhập tam kỳ giả, phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu những chúng sanh đời sau kia tu hành cầu Bồ-tát đạo vào ba kỳ đó, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia thì trọn không được giữ.

Giảng:

Phật dạy tu trong ba kỳ hạn, nếu có cảnh giới gì hiện mà không đúng những lời Phật dạy như đã nghe thì không chấp nhận. Ngoài những cái đã được nghe được học mà có những tướng gì khác hiện thì chúng ta không chấp nhận, nếu chấp nhận thì thành bệnh. Nên ở đây Phật dặn kỹ.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Xa-ma-tha, tiên thủ chí tĩnh bất khởi tư niệm, tĩnh cực tiện giác. Như thị sơ tĩnh, tùng ư nhất thân chí nhất thế giới, giác diệc như thị. Thiện nam tử, nhược giác biến mãn nhất thế giới giả, nhất thế giới trung hữu nhất chúng sanh khởi nhất niệm giả giai tất năng tri, bá thiên thế giới diệc phục như thị; phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Chỉ, trước giữ cho thật lặng lẽ chẳng khởi suy nghĩ, lặng lẽ tột cùng liền giác. Cái lặng lẽ ban đầu như thế, từ nơi một thân đến một thế giới, tánh giác cũng lại như vậy. Này thiện nam, nếu tánh giác đầy khắp một thế giới, trong thế giới ấy có một chúng sanh khởi một niệm thảy đều hay biết, trăm ngàn thế giới cũng lại như thế, chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia trọn chẳng nên thủ.

Giảng:

Người tu hạnh Chỉ trước hết là phải giữ tâm cho thật lặng lẽ. Lặng lẽ tới chỗ cùng tột thì tánh viên giác hiện tiền. Bởi từ một thân thanh tịnh cho đến một thế giới thanh tịnh, nên trí giác phát ra cũng từ một thân cho đến khắp cả thế giới. Vì cả thế giới đều là tri giác của người ấy, nên trong thế giới có một chúng sanh dấy niệm người ấy liền biết. Thấy biết được như vậy là phải,

còn khác đi là không phải. Chính trong chỗ lặng lẽ đó mà hằng giác, như ngài Vĩnh Gia nói: *Lặng lặng tỉnh tỉnh phải.* Từ cái lặng lẽ nơi tâm mình lần lần khắp cả pháp giới, đây là tâm trùm cả pháp giới, chừng ấy mỗi động niệm của chúng sanh mình đều biết. Thí dụ như món đồ vuông hoặc tròn, nhìn trong món đồ ấy có một khoảng hư không tròn hoặc vuông. Đập nát món đồ, hư không trong món đồ hòa đồng với hư không mười phương thế giới. Không còn ranh vực thì làm sao nói một thế giới, hai thế giới. Cũng thế, khi tâm đang còn hạn cuộc trong thân ngũ uẩn này thì còn có hạn lượng, khi tâm lặng lẽ thanh tịnh không còn vọng tưởng thì trùm khắp mười phương.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu Tam-ma-bát-đề, tiên đương ức tưởng thập phương Như Lai, thập phương thế giới nhất thiết Bồ-tát, y chủng chủng môn tiệm thứ tu hành cần khổ tam-muội, quảng phát đại nguyện tự huân thành chủng. Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Quán, trước phải nhớ tưởng mười phương Như Lai và tất cả Bồ-tát trong mười phương thế giới, y theo các pháp môn thứ lớp tu hành cần khổ được chánh định, rộng phát đại nguyện, tự huân thành chủng tử. Chẳng phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.

Giảng:

Nếu tu Quán thì trước phải nhớ tưởng mười phương chư Phật và Bồ-tát, rồi y theo các pháp môn của Phật dạy, siêng năng khổ hạnh tuần tự tu hành để được tam-muội và phải phát đại nguyện, huân tập những cái đó thành chủng tử. Trong khi tu nếu có hiện những cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy trong kinh, thì không nên chấp nhận vì đó là ma hiện.

Âm:

Thiện nam tử, nhược chư chúng sanh tu ư Thiền-na, tiên thủ sổ môn, tâm trung liễu tri sanh trụ diệt niệm, phần tề đầu số, như thị chu biến tứ oai nghi trung, phân biệt niệm số vô bất liễu tri, tiệm thứ tăng tiến nãi chí đắc tri bá thiên thế giới nhất trích chi vũ, do như mục đổ sở thọ dụng vật; phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Dịch:

Này thiện nam, nếu các chúng sanh tu Thiền, trước phải tu sổ tức, tâm rõ biết các niệm sanh trụ diệt, chừng ngần số lượng, như thế khắp trong bốn oai nghi đều phân biệt biết rõ ràng số niệm, dần dần tăng tiến cho đến biết được một hạt mưa trong trăm ngàn thế giới, như mắt xem thấy những vật mình thọ dụng vậy. Nếu không phải tất cả cảnh giới đã nghe kia, trọn không được giữ.

Giảng:

Nếu tu Thiền thì trước phải tu sổ tức, sổ tức là đếm hơi thở. Do hơi thở điều hòa nên tâm được thanh tịnh,

do tâm thanh tịnh nên thấy biết rõ ràng mỗi vọng niệm dấy khởi, dừng trụ, lặng dứt. Dụng tâm như thế lâu ngày thuần thục thì trong tất cả thời hoặc đi đứng nằm ngồi v.v... thấy rõ từng vọng niệm sanh khởi, dừng trụ và diệt mất. Và khi công hạnh thành tựu thì thấy rõ ràng từng giọt mưa trong trăm ngàn thế giới như xem thấy vật đang dùng vậy. Nếu thấy những cảnh giới đúng như vậy là tốt, còn thấy khác đi là không được. Bây giờ có ai tu sổ tức được như thế không? Chúng ta đừng xem thường pháp môn sổ tức, sổ tức mà đến chỗ cứu cánh không phải dễ.

Âm:

Thị danh tam quán sơ thủ phương tiện. Nhược chư chúng sanh biến tu tam chủng, cần hành tinh tiến, tức danh Như Lai xuất hiện ư thế.

Dịch:

Đó là phương tiện tu ban đầu của ba pháp quán. Nếu chúng sanh siêng năng tu đúng cả ba pháp này tức gọi là Như Lai xuất hiện ở đời.

Giảng:

Ba pháp quán ấy nếu tu hành cho đúng thì gọi là Như Lai xuất hiện ở đời, còn nếu tu hành lơ mơ thì Như Lai diệt độ. Vậy Như Lai ở đời hay diệt độ là do người tu tinh tấn hay không, chứ đừng tủi thân mình sanh nhằm đời mạt pháp.

Âm:

Nhược hậu mạt thế độn căn chúng sanh tâm dục cầu đạo, bất đắc thành tựu do tích nghiệp chướng,

đương cần sám hối thường khởi hy vọng, tiên đoạn tắng ái tật đố siểm khúc, cầu thắng thượng tâm, tam chủng tịnh quán tùy học nhất sự, thử quán bất đắc phục tập bỉ quán, tâm bất phóng xả tiệm thứ cầu chứng.

Dịch:

Nếu những chúng sanh độn căn đời sau tâm muốn cầu đạo mà chẳng được thành tựu, do những nghiệp chướng xưa cần phải siêng năng sám hối, thường khởi hy vọng trước đoạn yêu ghét, tật đố, siểm khúc, cầu tâm thắng thượng, trong ba thứ tịnh quán tùy học một môn, pháp này không được thì tập pháp quán khác, tâm không buông bỏ dần dần cầu chứng.

Giảng:

Người độn căn là do nghiệp chướng đời trước sâu dày, nên Phật dạy phải siêng năng sám hối và khởi tâm mong cầu Phật đạo, thường mong đoạn yêu ghét, tật đố, siểm khúc, để tâm được thiện thù thắng. Trong ba môn chỉ quán thiền, theo một môn mà tu tập. Tập môn này không được thì đổi qua môn khác, tùy theo căn cơ phù hợp với môn nào mà đổi thay, tu cho tiến bộ. Như vậy kinh này Phật dạy người lợi căn độn căn gì tu cũng được. Người độn căn, Phật cũng dạy tu chỉ quán và thiền chứ không dạy pháp nào khác, có khác là thêm sám hối mà trọng tâm là phải dứt tâm yêu ghét, tật đố, siểm khúc. Nếu chúng ta biết mình là độn căn thì phải tập như vậy.

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn:

Viên Giác nhữ đương tri!
Nhất thiết chư chúng sanh
Dục cầu vô thượng đạo,
Tiên đương kết tam kỳ
Sám hối vô thủy nghiệp.
Kinh ư tam thất nhật
Nhiên hậu chánh tư duy,
Phi bỉ sở văn cảnh
Tất cánh bất khả thủ.
Xa-ma-tha chí tĩnh,
Tam-ma chánh ức trì,
Thiền-na minh sổ môn,
Thị danh tam tịnh quán.
Nhược năng cần tu tập
Thị danh Phật xuất thế.
Độn căn vị thành giả,
Thường đương cần tâm sám
Vô thủy nhất thiết tội,
Chư chướng nhược tiêu diệt
Phật cảnh tiện hiện tiền.

Dịch:

Bấy giờ Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng:

Viên Giác ông nên biết:
Tất cả các chúng sanh
Muốn cầu Vô thượng đạo,
Trước nên kết ba kỳ
Sám hối nghiệp vô thủy.
Qua hai mươi mốt ngày
Sau đó chánh tư duy,
Nếu không phải chỗ nghe
Rốt ráo chẳng nên chấp.
Xa-ma-tha rất tịnh,
Tam-ma chánh nhớ nghĩ,
Thiền-na rõ sổ tức,
Ấy gọi ba tịnh quán.
Nếu siêng năng tu tập
Ấy gọi Phật xuất thế.
Độn căn chưa thành tựu,
Tâm thường siêng sám hối
Tất cả tội vô thủy,
Các chướng nếu tiêu diệt
Cảnh Phật liền hiện tiền.

Giảng:

Phật dạy chúng sanh muốn cầu đạo Vô thượng Bồ-đề thì phải lập ba thời kỳ tu tập. Hai mươi mốt ngày đầu phải thành tâm sám hối nghiệp chướng từ vô thủy, sau đó chánh tâm tư duy. Trong thời gian tu nếu có hiện ra cảnh giới không đúng như chỗ đã nghe dạy thì chớ có chấp thủ. Nếu siêng năng tu ba pháp chỉ quán thiền được thành tựu thì gọi là Phật hiện thế. Nếu người độn căn, nghiệp chướng sâu dày tu ba pháp này không kết quả thì phải siêng năng sám hối tội lỗi từ vô thủy, khi nghiệp chướng tiêu rồi thì cảnh Phật hiện tiền.

CHƯƠNG XII

BỒ-TÁT HIỀN THIỆN THỦ THƯA HỎI

Âm:

Ư thị Hiền Thiện Thủ Bồ-tát tại đại chúng trung tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp, trường quỳ xoa thủ nhi bạch Phật ngôn:

- Đại bi Thế Tôn, quảng vị ngã đẳng cập mạt thế chúng sanh, khai ngộ như thị bất tư nghì sự. Thế Tôn, thử Đại thừa giáo danh tự hà đẳng? Vân hà phụng trì? Chúng sanh tu tập đắc hà công đức? Vân hà sử ngã hộ trì kinh nhân? Lưu bố thử giáo chí ư hà địa?

Tác thị ngữ dĩ ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Dịch:

Lúc đó Bồ-tát Hiền Thiện Thủ ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật,

đi nhiễu bên phải ba vòng, quỳ gối chắp tay bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn đại bi, vì chúng con và chúng sanh đời sau, khai ngộ rộng rãi những việc không thể nghĩ bàn như thế. Bạch Thế Tôn, kinh Đại thừa này tên là gì? Làm sao phụng trì? Chúng sanh tu tập được những công đức gì? Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh? Nên lưu bố kinh giáo này đến nơi nào?

Thưa lời đây rồi năm vóc gieo xuống đất, thưa hỏi như thế lặp lại ba lần.

Giảng:

Đây là chương rốt sau, trong chương này ngài Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Thủ là trước, là người đứng đầu trong hàng hiền thiện. Tại sao ngài lại hỏi ở đoạn chót này? Thường phần chót các kinh là phần lưu thông, lưu thông có nghĩa là truyền bá. Người đem chánh pháp truyền bá sau này gọi là người lành bậc nhất, người hiền bậc nhất, nên gọi là Hiền Thiện Thủ. Ngài đặt năm câu hỏi:

- Kinh này tên gì?
- Làm sao phụng trì?
- Người tu tập kinh này có công đức gì?
- Chúng con làm sao bảo hộ người trì kinh?
- Kinh này nên lưu bố đến chỗ nào?

Âm:

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Hiền Thiện Thủ Bồ-tát ngôn:

- Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử, nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh, vấn ư Như Lai như thị kinh giáo công đức danh tự. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết.

Thời Hiền Thiện Thủ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư đại chúng mặc nhiên nhi thính.

Dịch:

Khi ấy Thế Tôn bảo Bồ-tát Hiền Thiện Thủ rằng:

- Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các ông mới hay vì Bồ-tát và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai những danh tự công đức của kinh như thế. Nay ông hãy lắng nghe, ta sẽ vì các ông nói.

Khi ấy Bồ-tát Hiền Thiện Thủ vâng lời dạy, vui vẻ cùng đại chúng yên lặng lắng nghe.

Giảng:

Phật tán thán Bồ-tát Hiền Thiện Thủ và bảo phải chăm chú nghe lời Phật dạy.

Âm:

- Thiện nam tử, thị kinh bá thiên vạn ức hằng hà sa chư Phật sở thuyết, tam thế Như Lai chi sở thủ hộ, thập phương Bồ-tát chi sở quy y, thập nhị bộ kinh thanh tịnh nhãn mục. Thị kinh danh Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, diệc danh Tu-đa-la

Liễu Nghĩa, diệc danh Bí Mật Vương Tam-muội, diệc danh Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, diệc danh Như Lai Tạng Tự Tánh Sai Biệt, nhữ đương phụng trì.

Dịch:

Này thiện nam, kinh này do trăm ngàn muôn ức hằng hà sa chư Phật nói ra, là chỗ bảo hộ của ba đời chư Phật, là chỗ quy y của mười phương Bồ-tát, là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh. Kinh này tên là Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni, cũng tên Tu-đa-la Liễu Nghĩa, cũng tên Bí Mật Vương Tam-muội, cũng tên Như Lai Quyết Định Cảnh Giới, cũng tên Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt, ông nên phụng trì.

Giảng:

Kinh Viên Giác không phải một mình Phật Thích-ca nói mà các đức Phật trong mười phương nhiều như cát sông Hằng cũng đều nói kinh này. Vì kinh này có tầm quan trọng như thế nên các đức Như Lai trong ba đời thường gìn giữ bảo hộ, và chư Bồ-tát trong mười phương cũng đều quy y. Kinh này là con mắt thanh tịnh của mười hai bộ kinh.

Kinh này có nhiều tên:

- *Đại Phương Quảng Viên Giác Đà-la-ni:* Đại phương quảng là chỉ cho tầm rộng lớn vượt qua thời gian và không gian của tánh viên giác. Đà-la-ni là tổng trì hay là bao trùm, tức là tánh viên giác bao trùm cả thời gian và không gian.

- *Tu-đa-la Liễu Nghĩa:* Tu-đa-la (Sūtra) là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là kinh. Kinh này thuộc về kinh liễu nghĩa. Kinh Phật có chia ra kinh liễu nghĩa và kinh bất liễu nghĩa. Kinh liễu nghĩa là kinh nói cùng tột rốt ráo; kinh bất liễu nghĩa là kinh nói tùy theo căn cơ của người, vì Phật dùng phương tiện thích hợp để cho họ hiểu mà tu tập từ từ, nên Phật không nói đến lý tột cùng.

- *Bí Mật Vương Tam-muội:* Bí mật là sâu kín, khó thấu tột, vương là vua, tam-muội là chánh định. Bí Mật Vương Tam-muội là vua trong các chánh định, đây là cái chánh định hằng có nơi mọi chúng sanh mà chúng sanh không thấy không biết nên nói là bí mật.

- *Như Lai Quyết Định Cảnh Giới:* là cảnh giới quyết định của Như Lai, cảnh giới viên giác chỉ có đức Như Lai mới quyết định chứng nhập được. Từ Bồ-tát Đẳng giác trở xuống còn ở trong vòng cầu chứng nhập nên chưa quyết định được.

- *Như Lai Tàng Tự Tánh Sai Biệt:* Như Lai tàng là Như Lai còn tiềm ẩn trong tâm của chúng sanh, tức là tánh viên giác còn bị triền phược vậy. Tự tánh sai biệt là tự tánh viên giác tùy duyên ứng hiện các pháp sai khác.

Ở đây đề tên *Kinh Viên Giác* là rút gọn, nếu nói đủ là nói nhiều tên như trên.

Âm:

Thiện nam tử, thị kinh duy hiển Như Lai cảnh giới, duy Phật Như Lai năng tận tuyên thuyết.

Nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sanh y thử tu hành, tiệm thứ tăng tiến chí ư Phật địa. Thiện nam tử, thị kinh danh vi đốn giáo Đại thừa, đốn cơ chúng sanh tùng thử khai ngộ, diệc nhiếp tiệm tu nhất thiết quần phẩm. Thí như đại hải bất nhượng tiểu lưu, nãi chí văn manh cập a-tu-la ẩm kỳ thủy giả, giai đắc sung mãn.

Dịch:

Này thiện nam, kinh này chỉ hiển bày cảnh giới Như Lai nên chỉ có Như Lai mới hay tuyên nói. Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau y đây tu hành thì dần dần tăng tiến đến địa vị Phật. Này thiện nam! Kinh này tên là Đại thừa đốn giáo, chúng sanh căn cơ đốn từ đây được khai ngộ, kinh này cũng nhiếp tất cả chúng sanh tiệm tu. Thí như biển lớn không bỏ sót các dòng nước nhỏ, cho đến ruồi muỗi và a-tu-la uống nước biển đều được no đủ.

Giảng:

Kinh này nói về cảnh giới viên giác nên chỉ có Phật mới thấu triệt, còn từ Bồ-tát trở xuống chỉ y theo đây tu mà thôi.

Trong kinh nói thần a-tu-la đưa tay che được mặt trời ắt hẳn thân phải to lắm. Thế mà a-tu-la uống nước biển đến no mà biển vẫn không cạn, còn loài có thân nhỏ xíu như ruồi nhặng uống nước biển cũng no. Điều này nói lên biển cả thênh thang không phân biệt lớn nhỏ, loài nào uống nước biển cũng được lợi ích no đủ.

Cũng vậy, người căn cơ bậc thượng đối với kinh này mà thâm nhập được thì thể nhập tánh viên giác, người tiểu trí độn căn mà hiểu được tu được cũng thể nhập tánh viên giác. Như vậy kinh không dành cho riêng ai.

Âm:

Thiện nam tử, giả sử hữu nhân thuần dĩ thất bảo tích mãn tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí, bất như hữu nhân văn thử kinh danh cập nhất cú nghĩa. Thiện nam tử, giả sử hữu nhân giáo bá thiên hằng hà sa chúng sanh đắc A-la-hán quả, bất như hữu nhân tuyên thuyết thử kinh phân biệt bán kệ.

Dịch:

Này thiện nam, giả sử có người thuần dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Này thiện nam, giả sử có người giáo hóa trăm ngàn hằng hà sa số chúng sanh đắc quả A-la-hán, không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này.

Giảng:

Phật nói người dùng bảy báu đầy cả tam thiên đại thiên thế giới đem bố thí, phước đức không bằng người nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu. Tại sao thế? Vì bố thí bảy báu tuy có phước nhiều, nhưng là phước hữu lậu, hưởng một thời gian giới hạn rồi sẽ hết.

Còn nghe tên kinh này và hiểu nghĩa lý một câu, tuy ít nhưng đã gieo được hạt giống vô lậu, sớm muộn gì cũng tu và cũng đạt được quả vô lậu, vì vậy mà quý hơn phước hữu lậu.

Người giáo hóa vô số chúng sanh tu đắc quả A-la-hán, công đức không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Tại sao vậy? Vì khi một người nghe nửa bài kệ của kinh này, đủ lòng tin tu tới chỗ cứu cánh là thể nhập tánh viên giác tức là thành Phật, có vô số diệu dụng làm lợi ích cho chúng sanh không thể tính kể. Còn trăm ngàn người tu chứng quả Thanh văn, các ngài dứt thọ tưởng ngang đó nhập Diệt tận định, không ra giáo hóa làm lợi ích cho chúng sanh. Nên nói người giáo hóa vô số chúng sanh đắc quả A-la-hán không bằng người tuyên nói rành rẽ nửa bài kệ của kinh này. Ngày nay chúng ta không hiểu nghĩa lý, chấp trên văn tự, đem kinh ra giảng giải rồi tự cho là mình có phước đức nhiều, đó là một lầm lẫn lớn. Học là phải hiểu cho tới nơi tới chốn thì khi thực hành mới được lợi ích.

Âm:

Thiện nam tử, nhược phục hữu nhân văn thử kinh danh tín tâm bất hoặc, đương tri thị nhân phi ư nhất Phật nhị Phật chủng chư phước tuệ, như thị nãi chí tận hằng hà sa nhất thiết Phật sở chủng chư thiện căn văn thử kinh giáo. Nhữ thiện nam tử, đương hộ mạt thế thị tu hành giả, vô linh ác ma cập chư ngoại đạo não kỳ thân tâm linh sanh thối khuất.

Dịch:

Này thiện nam, nếu có người nghe tên kinh này lòng tin không nghi, nên biết người ấy chẳng phải ở nơi một đức Phật hai đức Phật gieo trồng phước tuệ, như thế cho đến ở nơi hằng hà sa tất cả đức Phật trồng các căn lành nghe kinh giáo này. Này thiện nam, nên hộ trì những người ở đời sau tu hành, chớ để những loài ác ma và ngoại đạo làm não hại thân tâm họ khiến cho họ sanh tâm lui sụt.

Giảng:

Phật nói người nghe kinh này tâm không sanh nghi hoặc, người đó không phải mới gieo trồng căn lành ở một đời đức Phật, hai đời đức Phật, mà gieo trồng căn lành ở vô số đức Phật rồi. Những người đó đã từng nghe kinh này nên bây giờ nghe không nghi. Và Phật bảo các vị Bồ-tát hộ trì cho người đời sau thọ trì tu hành theo kinh này để họ tiến tu, không cho tà ma làm não loạn người ấy khiến họ thối lui.

Âm:

Nhĩ thời hội trung hữu Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni-lam-bà Kim Cương đẳng bát vạn Kim Cương tịnh kỳ quyến thuộc tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, nhược hậu mạt thế nhất thiết chúng sanh hữu năng trì thử quyết định Đại thừa,

ngã đương thủ hộ như hộ nhãn mục; nãi chí đạo tràng sở tu hành xứ, ngã đẳng Kim Cương tự lĩnh đồ chúng thần tịch thủ hộ, linh bất thối chuyển. Kỳ gia nãi chí vĩnh vô tai chướng, dịch bệnh tiêu diệt, tài bảo phong túc thường bất phạp thiểu.

Dịch:

Khi ấy trong hội có Hỏa Thủ Kim Cương, Tồi Toái Kim Cương, Ni-lam-bà Kim Cương... Tám vạn Kim Cương cùng với quyến thuộc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, nếu tất cả chúng sanh đời sau có thể thọ trì Đại thừa quyết định này, chúng con sẽ bảo hộ người đó như giữ tròng con mắt của mình vậy; cho đến nơi đạo tràng của người này tu hành, hàng Kim Cương chúng con tự lãnh đồ chúng ngày đêm bảo vệ, khiến cho chẳng thối chuyển. Cho đến nhà của họ hằng không có tai chướng, bệnh dịch đều tiêu trừ, những tài bảo đều đầy đủ thường không thiếu thốn.

Giảng:

Nếu chúng ta tu đúng theo tinh thần kinh Viên Giác thì các thần Kim Cương bảo hộ cho chúng ta không bệnh tật, không tai ách, không để cho chúng ta thiếu thốn. Nhưng vì Phật dạy một đàng chúng ta làm một nẻo, hoặc dạy mười chỉ làm có một hay không tới một.

Người tu hay có cái bệnh là tu thì không chịu tu mà cứ cầu thần ủng hộ. Các ngài nguyện là nguyện ủng hộ người tu chứ không ủng hộ người chỉ cầu suông. Không chịu tu mà cứ cầu hoài làm sao các ngài ủng hộ được. Hiểu như vậy mới thấy mình tu không cần cầu các ngài cũng ủng hộ, còn không chịu tu mà cứ cầu, các ngài có ủng hộ không? Nếu chúng ta tu đến chỗ không còn thấy người nào đáng ghét và người nào đáng thương, thương ghét bình đẳng thì chắc chắn các ngài luôn luôn ủng hộ như ủng hộ tròng con mắt. Chúng ta thương thì đưa cao trên núi, ghét thì hạ thấp dưới vực thẳm, làm sao các ngài ủng hộ được? Ủng hộ để chúng ta làm chuyện bất công sao? Lòng chúng ta còn thương còn ghét thì ủng hộ cho chúng ta khoẻ có tiền của để chúng ta làm theo chuyện thương ghét của mình hay sao? Vì không đúng lời Phật dạy nên không được ủng hộ, chúng ta mới bị cảnh này cảnh kia nhiễu loạn; nếu chúng ta tu đúng như lời Phật dạy thì không đến nỗi nào.

Chỉ một việc Phật bảo xem kẻ thù như cha mẹ mà chúng ta làm cũng không xong, có khi quên rồi cũng nổi giận đùng đùng. Chúng ta không biết lỗi mình, cứ trách sao các ngài nguyện hộ vệ người tu mà không hộ vệ để cho phải bị những chướng nạn. Cũng như chúng ta muốn giúp người học để thành tài, nhưng họ lười biếng quá cứ bỏ học đi chơi, chúng ta không ủng hộ họ nữa. Người ấy trách tại sao chúng ta hứa ủng hộ cho họ học đến nơi đến chốn bây giờ bỏ nửa chừng. Trường hợp ấy nên trách ai? Tại sao không tự trách mà lại trách người?

Âm:

Nhĩ thời Đại Phạm thiên vương nhị thập bát thiên vương tịnh Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương đẳng tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh giả, thường linh an ẩn tâm bất thối chuyển.

Dịch:

Khi ấy Đại Phạm vương và hai mươi tám vị thiên vương, cùng với Tu-di sơn vương, Hộ Quốc thiên vương... liền từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, con cũng hộ trì người trì kinh khiến họ được an ổn tâm không thối chuyển.

Giảng:

Chẳng những các thần Kim Cương phát tâm bảo hộ người trì kinh mà chư thiên cũng nguyện ủng hộ nữa.

Âm:

Nhĩ thời hữu đại lực quỷ vương danh Kiết-bàn-trà dữ thập vạn quỷ vương tức tùng tòa khởi, đảnh lễ Phật túc hữu nhiễu tam táp nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn, ngã diệc thủ hộ thị trì kinh nhân, triêu tịch thị vệ linh bất thối khuất, kỳ nhân sở cư

nhất do-tuần nội, nhược hữu quỷ thần xâm kỳ cảnh giới, ngã đương sử kỳ toái như vi trần.

Dịch:

Khi ấy có đại lực quỷ vương tên là Kiết-bàn-trà cùng với mười muôn quỷ vương từ chỗ ngồi đứng dậy đảnh lễ dưới chân Phật, đi nhiễu bên phải ba vòng, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, chúng con cũng nguyện sớm chiều bảo hộ hầu hạ người trì kinh này, khiến cho chẳng thối chuyển. Người trì kinh ở chỗ nào trong khoảng một do-tuần, nếu có quỷ thần xâm phạm vào cảnh giới ấy con sẽ đập nát bọn đó như hạt bụi.

Giảng:

Nếu có quỷ thần nào bén mảng đến chỗ người trì kinh thì đại lực quỷ vương sẽ đập nát như hạt bụi. Như vậy là quá bảo đảm, người tu mà có thần Kim Cương, chư thiên cho tới các quỷ vương cũng bảo hộ thì không ai phá phách được, nhưng với điều kiện vị đó tu đúng, nếu tu sai hoặc lười biếng thì gặp nạn phải chịu lấy chứ đừng trách các ngài không bảo hộ.

Âm:

Phật thuyết thử kinh dĩ, nhất thiết Bồ-tát, thiên long quỷ thần bát bộ quyến thuộc cập chư thiên vương, Phạm vương đẳng nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

Dịch:

Phật nói kinh này xong, tất cả Bồ-tát, thiên long quỷ thần, bát bộ quyến thuộc và các thiên vương, Phạm vương v.v... tất cả đại chúng nghe Phật dạy rồi đều rất vui vẻ, tin nhận vâng làm.

Giảng:

Nghe rồi phải tin nhận vâng làm, đó mới là thiết yếu.

Chúng ta đã học xong bộ kinh Viên Giác, học thì xong mà người tu thì từng phần giác cũng chưa được. Chúng ta thiếu phước duyên nên ra đời không gặp Phật trực tiếp để ngài chỉ dạy tu hành tiến cho mau. Nhưng xét lại, chúng ta cũng còn chút phước duyên, tuy cách Phật đã hơn hai ngàn năm mà còn được pháp Phật để học, và nhận ra những điều Phật nói đúng với lẽ thật để ứng dụng tu. Phước duyên đó không phải mới có đây mà đã có từ lâu xa rồi. Ngày nay, nhất là những người được đầu tròn áo vuông ngồi ở trong đạo tràng nghe kinh học đạo, sống trong luật lệ nhà chùa là do chủng duyên chủng phước từ nhiều đời nhiều kiếp. Nhiều đời nhiều kiếp đã có chủng duyên chủng phước, chẳng lẽ ngang đây lơ là để cho chủng duyên chủng phước thối mục sao? Chúng ta phải ráng săn sóc phơi phong cho kỹ, đừng để hư hao bởi lý do này hoặc lý do khác. Như vậy mới xứng đáng. Vì trong kinh Phật có nói: Những người ngày nay nghe kinh Viên Giác mà hiểu được không nghi, là do chẳng những một kiếp mà đã vô lượng kiếp gặp Phật

gieo trồng căn lành phước huệ rồi, chứ đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Chúng ta tự nhận rằng mình đã có căn lành, mà căn là cái gốc, gốc cây chắc chắn thì cây sẽ lên tược đơm hoa kết quả. Chỉ có những người có gốc sẵn mà không chịu săn sóc, để cho sâu bọ hoặc để cho người khác chặt phá đó là cái lỗi không biết gìn giữ. Đã có gốc lành thì cố gắng phát triển. Căn cứ theo lời Phật dạy mỗi người phải nỗ lực tiến tu.

TOÁT YẾU TOÀN BỘ KINH

Ở đây tôi tóm lại cho dễ nhớ. Toàn bộ kinh Viên Giác gồm có mười hai chương. Mỗi chương có một vị Bồ-tát đại diện đứng ra thưa hỏi.

Chương đầu, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng ra hỏi Phật về công hạnh tu hành ban đầu của Phật, tu thế nào được viên mãn thành Phật? Đó là chủ yếu của toàn bộ kinh. Đức Phật trả lời: Tu là sống lại với tánh giác tròn đầy chứ không có gì khác. Nhưng muốn trở lại với tánh giác tròn đầy thì trước phải biết rõ vô minh. Vì vô minh nên chấp tứ đại là thân mình thật, chấp vọng tưởng là tâm mình thật. Kế đó Phật dạy chúng ta quán từng phần thân để thấy rõ thân không thật. Nhìn kỹ tâm thức, thấy tâm thức chỉ là bóng dáng sáu trần chợt hiện chợt mất, nó không thật. Buông được hai cái lầm chấp về thân tâm thì sẽ sống được với tánh giác.

Sau đó các Bồ-tát tuần tự hỏi về phương pháp tu. Phật dạy tu Chỉ, Quán, Thiền, hoặc tu đơn hoặc tu ghép... Chúng ta thấy toàn bộ kinh Phật dạy không ngoài ba pháp tu, ba pháp tu đó là căn bản giúp cho chúng ta sống với tánh giác.

1. Chỉ: Dừng tâm lóng lặng.

2. Quán: Có hai cách, quán hạnh của chư Phật Bồ-tát hoặc quán các pháp như huyễn hóa, thấy rõ các pháp như vậy.

3. Thiền: Chúng ta thấy rõ muốn làm Phật thì không gì khác hơn là tu Chỉ, Quán và Thiền. Tuy nói ba chứ thật là thiền trùm hết, thiền gồm cả định và tuệ. Định là chỉ, tuệ là quán. Vậy tu thiền là cội gốc mà

đức Phật chỉ cho chúng ta trở về với tánh giác, muốn sống trọn vẹn với tánh giác, không có cách nào khác hơn.

Đến chương Phổ Giác, Phật chỉ rõ trong khi tu có những bệnh:

- Bệnh tác: Cho rằng dụng công nhiều, làm các công hạnh nhiều là được thành Phật. Đó là bệnh.

- Bệnh nhậm: Nghe Phật nói chúng ta đều có Phật tánh nên họ mặc tình không tu hành gì hết. Đó là bệnh.

- Bệnh chỉ: Là đè cho vọng tưởng lặng xuống cho đó là đạo.

- Bệnh diệt: Là diệt hết phiền não cho tâm rỗng không, cho cái rỗng không khô lạnh đó là cứu cánh của đạo.

Những bệnh đó làm chúng ta mắc kẹt, tu không đến viên giác được. Nếu bỏ bốn bệnh đó mới tu đến cứu cánh viên mãn.

Cuối cùng Bồ-tát Hiền Thiện Thủ đứng ra thưa hỏi. Đó là khi chúng ta tu viên mãn công đức không thể nghĩ lường. Cho nên đây hỏi công đức của kinh, công đức của người trì kinh, các vị ủng hộ kinh v.v...

Người học đạo muốn được giác ngộ phải y đó mà tu thì sớm muộn gì cũng tới, ngoại trừ chúng ta không chịu tu hoặc chúng ta tu cách khác. Người học đạo phải hiểu rõ, thành đạo không phải ở chỗ học suông, kiến giải rộng, mà ở chỗ học hiểu để tu. Học mà không hành thì không tới đâu hết.